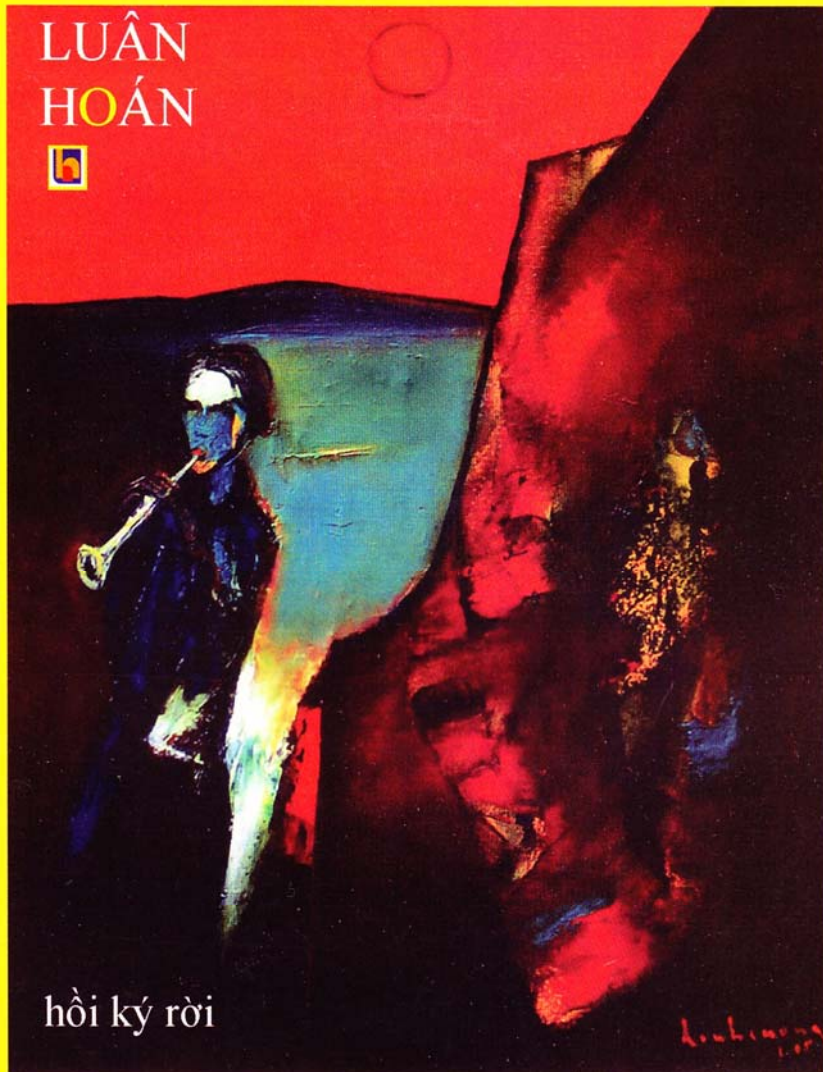


LUÂN  
HOÁN



hồi ký rời

QUA KHU  
TRƯỚC MẶT

nhân



ảnh 2006

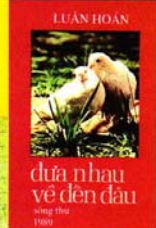
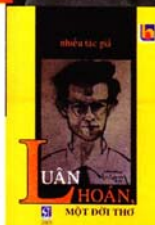


# LUÂN HOÁN LÊ NGỌC CHÂU

sinh nhật 65  
10-01-2006



nhân ảnh  
2006



về trời người,  
trôi sông. chết trong lòng  
bàn chân trái, lục bát ca, viên đạn cho người yêu dấu  
thơ tình, nén hương cho  
hơi thở việt nam, nuôi thơm chùm kỷ niệm xanh...

LUÂN HOÁN

# Quá khứ trước mặt



2006



## QUÁ KHỨ TRƯỚC MẶT

hồi ký rời

**Luân Hoán**

tranh bìa Đinh Cường

sửa chính tả Song Thao

trình bày Thạch Hòa

chăm sóc ấn loát Lê Hân

Nhân Ảnh xuất bản 2006



## Trình Làng Cái Tôi

Tôi không là một nhà văn hóa lỗi lạc. Không là một chính trị gia, hay một nhà quân sự có cấp bậc cùng chức vụ cao. Tôi cũng không là một ai khác. Tôi chỉ là một người ham chơi thơ, làm thơ trong suốt cuộc chơi tự nguyện. Theo tôi, bất cứ ai đã ra đời, đã làm người, đều có thể ghi lại những năm tháng sống của mình, nếu cảm thấy thích thú. Ông vua Bảo Đại, Ông thượng gia Nguyễn Tấn Đồi, các ông tướng Trần Văn Đôn, Nguyễn Cao Kỳ, Võ Nguyên Giáp, Đỗ Mậu...ông nhạc sĩ Phạm Duy, ông họa sĩ Bùi Xuân Phái...vân vân và vân vân, đã viết hồi ký. Đó là chuyện bình thường, chẳng phải là một phong trào. Tất cả các hồi ký đã được viết, được ấn hành đều nghiêm túc và chuyên chở nhiều mục đích của người viết.

QUÁ KHỨ TRƯỚC MẶT, cũng không thiếu nghiêm chỉnh, dù mục đích, đương nhiên nhỏ nhoi hơn, chỉ bao gồm trong các điểm:

Một là, để nhắc nhở trí nhớ của mình, khi số tuổi đời đã đủ xếp vào loại già. Đây cũng là một phương pháp tập thể dục trí não tốt, chắc chắn mang lại nhiều kết quả khả quan.

Hai là, làm một món quà, kỷ niệm ngày chính phủ quốc gia Canada, gọi lần đầu tiên khoản tiền, nuôi suốt những năm tháng sống còn lại, cho một người đã sống trên đất nước họ 20 năm và đã mang quốc tịch, làm công dân của quốc gia họ 17 năm +.

Ba là, một cách tiêu thì giờ được nhận thêm của cuộc sống một cách không lãng xẹt.

Bốn là, đánh dấu cụ thể sự hiện diện của mình trong cuộc đời, để kiếp sau trở lại, tìm đến, sống tiếp, làm tiếp những gì mình chưa thực hiện được.

Ngoài bốn mục đích chính trên, có thể còn có một số lẻ tẻ nữa, ví dụ để làm giàu thêm danh sách những gì mình đã viết, để khoe khoang một chút gì đó vv...

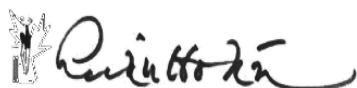
Điểm đặc biệt trong QUÁ KHỨ TRƯỚC MẶT là thiếu mạch lạc, diễn tiến không mấy ăn khớp với đường đi thường tình của tháng năm cùng những nguyên tắc nên có của một cuốn hồi ký. Vì thế, tôi gọi đây là **hồi ký rời**, với từng đoạn tùy hứng.

QUÁ KHỨ TRƯỚC MẶT cũng không có văn phong văn học. Câu văn có giản dị và cũng có màu mè, làm dáng, lấy niềm từ cái bệnh làm thơ đã lâu năm. Nói gọn: đây như là một cuộc kể chuyện với rất nhiều vụng về. Đang thuật lại chuyện “đời xưa” có thể chen ngay vào đó những cảm nghĩ, cảnh sắc đang có trong khi viết. Hoặc lợi dụng trích dẫn những bài thơ, một số hình ảnh (quá nhiều như một album) nhằm mục đích nhấn mạnh những chuyện, những nơi mình rất tâm đắc và vẫn còn nhiều quan tâm, mà chính những dòng hồi ký vẫn chưa thấy là đủ.

Cuối cùng, nói dông dài như trên, thật ra chẳng để làm gì, ngoài việc thực hiện cái thường thường hay có của một cuốn sách là lời vào tập, lời nói đầu vv...như một cách làm duyên

Xin cảm ơn các nhân vật, các cảnh vật, các động vật...có mặt trong những những hồn chữ tôi, bởi qua tất cả những nguồn hình ảnh, tôi thấy lại chính mình. Đây chính là một xảo thuật để sống lại thời đã qua, bằng cặp mắt, bàn tay của một người già, nhìn lại cảnh cũ, người xưa với tâm hồn, và nghĩ suy trẻ thơ.

thân tình,



**Luân Hoán**

## Hội An, Nơi Chôn Cuống Rún Thơ

*Lâu năm trở lại Faifo  
nghe hồn Phố Hội dạt dào cỏ cây  
Chiêm, Hà, Bò, Pháp, Tàu, Tây...  
còn vương trong hạt bụi bay hững hờ  
chỉ giùm ta vạt đất nào  
đã chôn cuống rún trở thơ thành chùm*

...

Hội An, Hội An, với tôi là một tên gọi đầm thắm, thân quen như tên một người yêu chung tình.

Trong hơn sáu mươi năm tiêu xài cuộc sống, tôi đã trôi dạt đến nhiều nơi trên mặt đất, dòng máu trong tim tôi bây giờ không biết đã hao hụt bao nhiêu, đậm nhạt thế nào. Nhưng có một điều chắc chắn, chúng vẫn đó, và vẫn nồng nàn khi nghĩ về những địa danh ở quê nhà, nhất là nơi đã chôn giữ cuống rún bé nhỏ của mình.

Nhớ về Hội An, viết về Hội An, nơi chôn cuống rún tôi, không thể không lấy lòng ra để sờ mó, nhìn ngắm lại một vóc dáng, một nhan sắc của một con đất kỳ diệu thuộc xứ Quảng Nam. Thịt da của đất đá, của cỏ cây, của con người ở chốn trầm hương này đã dần dần trưởng thành từ thế kỷ 16. Khuôn mặt kinh tế, khuôn mặt văn hóa đã có thời phương phi, rạng rỡ, có thể là một vùng sống hợp chủng đầu tiên, được gọi bởi nhiều mỹ danh. Nhưng cho dù là Hải Phố, Hoài Phố, Hoa Phố, Faifoo, hay gọn nhẹ, thân mật chỉ một từ Phố, Hội An vẫn là Hội An, với cốt cách, phong thái vừa đủ để mời gọi, vừa đủ để nhớ tưởng.

Cuối năm 1999, tổ chức UNESCO đã chính thức công bố tại thành phố Marakech nước Maroc, tuyên chọn Hội An vào danh sách Những Di Sản Văn Hóa Của Nhân Loại, có là một khẳng định giá trị đích thực của Hội An ?

Tôi có cái may mắn được chào cuộc sống trong lòng phố cổ nhỏ bé này. Lại càng được may mắn, chỉ có duyên hít thở liên tiếp cái không khí của cõi Hội An trong vòng năm năm đầu đời. Năm năm, một chiều dài quá ngắn nhưng đã vừa đủ để một não óc non nớt, một trái tim trong suốt, chụp bắt, lưu giữ đến trọn đời những hình ảnh ngọc ngà nhất. Tôi ngây ngô tin rằng: thời gian càng dài, kỷ niệm càng đầy thì lòng tưởng nhớ, mến thương càng hao hụt. Và tôi đã bằng lòng, rất bằng lòng với cái gia tài kỷ niệm nghèo nàn, gầy vón trên vuông đất đã chôn cuống rún của mình. Bởi lẽ, trong cái nghèo đó, tôi thấy giàu mãi ra những nhớ nhung, thương mến.

Đã biết bao nhiêu lần tôi ngồi một mình, nằm một mình, đi một mình và miên man nhớ về Hội An. Một cây vông đồng già đầu ngõ phố, một mái hiên đầy gió, một vuông sân cát vàng, lúc thúc hai chòm tóc. Ngày theo tháng, tháng theo năm lặng lẽ qua. Một chòm tóc học đòi đùa chơi với ngôn từ. Còn chòm kia không biết về đâu. Còn tồn tại hay đã bị hủy diệt? Kẻ đùa chơi với vần điệu là thằng tôi hư hỏng này. Kẻ biệt tăm biệt tích kia là người bạn đầu tiên trong pho danh sách bằng hữu dày cộm của anh chàng mê thơ, tên Châu.

Không hình dung nổi khuôn mặt, không gọi nhớ nổi tên gọi. Nhưng rõ ràng bên tôi thỉnh thoảng vẫn phảng phất hình dáng người bạn xưa với cái vỏ nghêu đầy cát cùng cái lông gà mượt hương tay. Người bạn đó, không chỉ sống trong tôi bằng gương tượng. Anh còn sống trong tôi bằng một vết hằn da thịt thân thương. Ôi làm sao có thể tin vết răng sữa ngày xưa vẫn hiện diện trên lớp da bụng dày bụi đời của mình. Tôi sờ lên vết cắn, cho tay và lòng cùng thấy lại chiếc răng. Ngâm ngùi thay kỷ niệm. Cái xót xa dịu dàng tình cờ làm tôi ngây ngất vu vơ. Chối kỷ niệm về bằng hữu đầu đời của tôi chỉ đơn giản như thế.

Trong vòng hơn 4 năm, kể từ ngày được ra đời, tôi đã sống với Hội An trong những tháng năm ấm đẹp. Kinh tế gia đình song thân tôi tương đối khá giả, giúp tôi có một ấu thơ thật trong sáng. Vào những đêm trăng mùa hạ, tôi thích thú nằm trên chõng tre được đặt trước sân nhà. Ngoài những cơn gió thỉnh thoảng bay ngang, tôi còn được một chị nuôi luôn tay đẩy đưa chiếc



quat giấy, và vui miệng kể những chuyện cổ tích thật xa lạ, hoặc khe khẽ giọng ru những câu hát, mà tôi chưa hề biết đó là ca dao.

Nằm trên cái bao la êm dịu ấy, tôi chưa bao giờ thiu thiu ngủ. Mắt tôi đậu lên mặt trăng. Quả thật có một cây đa to ở đó, như lời chị nuôi đã kể. Tôi tìm chưa gặp được chú cuội. Có thể chú đang nằm khoanh bên một nhánh rễ lớn nào dưới gốc đa. Tôi nghiêng đầu, mặt trăng nghiêng theo. Tôi quay ngược cả hướng nằm, mặt trăng vẫn dán ngay trước mặt tôi cái đĩa bàn vàng óng của nó. Một nỗi lâng lâng khó tả xâm nhập cơ thể tôi. Làm sao mà ngủ cho được. Trong miên man chiêm ngưỡng, mắt tôi chợt bám theo một ngôi sao vụt bay. Ánh sáng im lặng kéo dài ra như một sợi chỉ mềm và tức thì đứt đoạn. Ngôi sao bèn rẽ trên bầu trời, tự dung bị bung ra rồi rơi về đâu? Tôi chưa bao giờ thấy được điểm đến của ngôi sao băng. Đường bay thật rõ ràng dù chớp nhoáng, nhưng sau đó chìm khuất hẳn giữa muôn triệu ngôi sao khác đang lấp lánh. Nó trốn cuộc chơi? Nó đi ngủ? Hay vì một lý do nào khác, hình như tôi đã biết bản khoán.

Bầu trời đêm mùa hạ, mỗi lúc như rộng dần ra. Sao và trăng đua nhau tỏa sáng. Trong ánh sáng này, tôi nghiệm ra bao giờ cũng óng ánh nước và chưa hề hay không muốn lấp hết nền trời phoi phới xanh. Những chòm mây cũng hiện diện lặng lẽ, tưởng chừng như chúng đã chết sống từ lâu.

Đêm tinh khiết làm lòng tôi càng thanh thoát. Đâu đã biết gì để ước mơ, nhưng rõ ràng có một chờ đợi. Và không hẹn, nhưng gần như đêm nào tôi cũng gặp một giọng rao, một ánh đèn bị giam trong bốn tấm gương nhỏ, biết di động như một con đom đóm lớn. Con đom đóm đó đã mang lại cho tôi những chén chè đậu váng thơm ngọt, gỏi gấm cho tôi cái thú háo ngọt suốt một đời.

Hội An chỉ mới cho tôi được ngần ấy. Chưa kịp cho tôi già ngày tháng với một cánh cửa lớp, một đoạn đường thơm sách vở trên lưng. Đã vội vã cho tôi những nghi ngại, ngỡ ngàng khi được lặng lẽ công xuống một chiếc ghe bầu. Đêm không tối lắm. Và không hiểu sao lâu nay ba tôi đi vắng. Trong lòng ghe chồng chềnh, má, chị và em trai tôi đều có mặt, đều im lặng. Chúng tôi bỏ Hội An mà đi bằng chính dòng sông thân yêu của nó.

*ra đi vào nửa đêm  
trăng vừa lặn một bên  
trời trải sao lấp lánh  
đêm từ từ mông mênh  
nằm giữa giữa khoang ghe  
lặng nghe mái dầm tre  
chao nghiêng vào sóng nước  
trôi lững chững e dè  
mẹ ngồi ẵm em trai  
bỏ lọt tiếng thở dài  
rơi qua dòng tóc dính  
hương thơm chiếc trâm cài*

...

Sau năm 1955, tôi có dịp ghé thăm Hội An thường hơn. Mặc dù mái gia đình của ba má chúng tôi không còn ở phố cổ này. Ông bà tái lập nghiệp tại Đà Nẵng. Mỗi lần vào Hội An, tôi mang cái cảm tưởng, mình là người khách lạ. Càng về thăm, càng lạ dần. Càng lạ dần, tôi càng lo thu giữ cho mình được nhiều kỷ niệm. Cái mâu thuẫn này có vẻ ngớ ngẩn nhưng riêng tôi, nghiệm rất đúng. Gia tài kỷ niệm về Hội An của tôi giàu hẳn ra theo cái chiều dày của danh sách bằng hữu cư ngụ tại Faifo. Những Thành Tôn, Thái Tú Hạp, Hoàng Quy, Tống Nhạn, Tống Văn Diệu, Hoàng Lộc, Duy Mãnh, Nguyễn Quới... mang đến cho tôi thật nhiều hình ảnh.

Tuy vậy, những đêm ôm Hội An mà ngủ của tôi cũng chưa vượt nổi số lượng ngón trên hai bàn tay. Trong khoảng thời gian hai mươi năm kể từ 1955 đến 1975 tôi chỉ có được hai đêm để chuẩn bị vào làm học sinh trường trung học Trần Quý Cáp. Một đêm thức trắng tán dóc với Thái Tú Hạp ở một góc sân chùa Ông. Một đêm uống nước mía với Nga-Đại Lộc. Một đêm ăn cao lầu với Quyên-Thanh Bình. Một đêm lau nước mắt cho Lý-Phước Ninh. Một đêm hộ tống Dương Phù Sao (Phan Duy Nhân) đến chiêu dụ Ngân Hà. Vộn vẹn chỉ có thế. Những lần khác chỉ sáng đi chiều về, nhưng đều đều ba bốn tuần một bận.

Tổ ấm của người chị cả tôi ở đường Phan Châu Trinh vẫn xếp tôi vào loại thượng khách, bởi lòng thương em vô biên của chị, bởi sự quý kính ông cậu của các cô cháu gái mặn mà nhan

sắc: Quế, Xuân, Quyên, Hòa. Nhưng tất cả những tình thương tuyệt vời ấy đã không giữ được tôi qua đêm với Hội An.

Cái gì làm cho tôi ngại với bóng tối của cổ phố giàu nghệ thuật này? Không có lý do nào chính đáng. Tôi thèm đi, thèm nhìn, thèm rong chơi. Nhưng rất lười ăn, lười ngủ. Chiều dài của một đêm nằm trong mùng, nghe muỗi than thở xin máu trên một cái giường lạ hơi, quả không hấp dẫn nổi tôi. Tôi cũng rất chán lặp lại những cuộc viếng thăm bất đắc dĩ đàn rệp ở rạp Phi Anh. Đồng thời ngán ngấm trước những mai phục của bóng tối trong lòng các con đường thanh vắng.

Nhan sắc Hội An chỉ quyến rũ được tôi dưới ánh nắng ấm mặt trời. Ánh sáng mời gọi tôi nhìn ngắm những ngôi nhà cũ kỹ với mái ngói âm dương liền sát nhau, như những cánh tay quàng vai thân mật. Màu nâu thẫm của ngói, màu xám sậm của tường, màu xanh mướt của những tầng rêu, rù rù nhau vươn lên, níu lấy những bụi cỏ hoang mọc ngất ngưỡng trên nóc nhà đã cho tôi cái cảm giác nhẹ tênh, bay bổng. Nhà cửa xúm xít, quây quần bên nhau giữa một không gian thênh thang. Và trong cái bát ngát ấy chứa đựng rất nhiều âm thanh, rất nhiều tiếng nói, tiếng gọi, thoảng vọng từ một thời xa xưa, ngút ngàn. Hội An chợt trở thành một tác phẩm hội họa có sẵn cho những Hồ Thành Đức, Đinh Cường, Cù Nguyễn...Bước đi giữa vẻ đẹp sinh động, một đôi lúc tôi cảm thấy bước chân mình như đang vấp phải những dấu giày, dấu guốc của ai đó, một thời xa xưa. Họ có thể là những người Chăm, người Bồ Đào Nha, người Tây Ban Nha, người Nhật Bản...Hay là người Hòa Lan, người Trung Hoa, người Phi Luật Tân...Cũng có thể là người Xiêm La, người Anh, người Pháp, người Ấn...Tất cả họ đã có một thời hít thở trên con đất này. Một con đất mà vua Gia Long, năm 1815, đã cho đo đạc cụ thể được 17 mẫu, 7 sào, 10 thước.

“Đất lành chim đậu”. Chim càng tìm đến, đất càng cần phải vươn vai lớn rộng. Dòng sông Hoài thân yêu đã không quên mang về thêm cho Hội An 1 mẫu 3 sào 9 thước vào thời vua Thiệu Trị, 1841, đúng một trăm năm trước khi tôi có mặt trên cõi đời này. Dĩ nhiên con đất Hội An không dừng sự bành trướng. Thêm 1 mẫu, 1 sào, 1 thước đủ để cho vua Tự Đức cho mở thêm con đường mang tên Bạch Đằng ngày nay, vào năm 1872.

Hội An không là một đô thị lớn, nhưng là một thành phố đẹp. Nắng nằm từng miếng vàng nhỏ trên mặt đường. Những con đường nằm nghiêng nghiêng, không mấy nơi bằng phẳng, như vẫn đang nghe ngóng, trông đợi và không ngớt thăm thẳm. Chẳng phải mình tôi từng nắm tay thi ca để được bước đi trên những con đường này. Chẳng phải mình tôi từng dẫn thơ dạo chơi qua những ô cửa, lấp ló những ánh mắt thăm hỏi lặng lẽ, chân tình. Thời nào không có những anh chị lãng mạn dễ thương. Để gì kể hết những tài hoa từng vịn vào Hội An mà đứng lên. Hội An luôn luôn có những đôi mắt của lòng người khuyến khích, cổ vũ.

Bên cạnh đó, Hội An không thiếu những đôi mắt cửa. Những đôi mắt được hình thành bằng tập tục tín ngưỡng, lẫn nghệ thuật trang trí. Dù để phơi trần ngoài nắng mưa hoặc được phủ đậy dưới một mặt vải điều, những đôi mắt vô tri ấy vẫn không ngớt nhìn ngắm con người. Trông chừng, che chở, mời gọi... Hội An giàu thêm sự màu nhiệm, huyền hoặc...

Thượng tuần tháng một năm một ngàn chín trăm tám mươi tư, trước khi rời Việt Nam, tôi và Lý vào giả từ Hội An. Bà con của chúng tôi cư trú tại thành phố này chỉ còn độc một gia đình người em gái của Lý. Hội An vốn đã buồn, lúc bấy giờ càng buồn hơn. Sau ngày 29 tháng 3 năm 1975, cùng với con người, cảnh vật như mắc phải bệnh phiền muộn, tê liệt. Con bệnh không thuốc chữa nên sự tàn phai mỗi lúc một rõ nét. Đây là tình trạng chung của hầu hết các đô thị miền Nam sau ngày đất nước qui về một chính thể. Nên chắc chắn cần phải vẽ vờ tí mĩ.

Từ Đà Nẵng vào Hội An, chúng tôi không chạy xe bằng con đường gập, ngang qua Ngũ Hành Sơn, “năm cụm núi quê hương” của Tường Linh, mặc dù lúc này không còn nạn bắn tỉa, hoặc chặn bắt bất ngờ của quân “giải phóng”. Chúng tôi vẫn quen đường lên ngã ba Huế, rẽ trái về hướng Hòa Cầm, qua cầu Đỏ, qua chợ Miếu Bông, qua cầu Quá Giáng, qua cầu Vĩnh Điện, qua trường trung học Nguyễn Duy Hiệu, đã vắng ông hiệu trưởng Hoàng Thị Bích Ni, qua chợ Vĩnh Điện, áp sát nhà Hồ Luân và rẽ trái. Chúng tôi không ghé thăm nền đất ngôi nhà thân mẫu tôi ra đời, không ghé thăm nhà cổ thi sĩ Nguyễn Nho Sa



Mạc. Chúng tôi bỏ lại sau lưng cỗ thành Vĩnh Điện, bia mộ cụ Trần Cao Vân, lò gạch Cẩm Hà và những ổ gà trên mặt đường nhựa bạc màu.

Đã đến bến xe đò Hội An. Từ đây vào thành phố bằng hai hướng. Hướng bên trái dẫn xuống Khổng Miếu, Tòa Tỉnh... Hướng bên phải sẽ gặp một cây đa lớn, một quán mọc tồn, nhà ở, hàng quán... trước khi đến Chùa Cầu...

Tôi thường có khuynh hướng đi về phía bên phải. Chẳng phải vì trên đoạn đường này có ngôi nhà cửa xanh của Ý Vân, một cô bạn học năm đệ nhị, với mái tóc ngắn ôm sát hai tai, đôi mắt to chứa đầy thơ và đôi cổ tay tròn, đậm đà lông măng phơi phới.



Chùa Cầu cách nhà Ý Vân không xa.

Với chừng 18 thước chiều dài, chùa được người Nhật xây dựng vào đầu thế kỷ XVII. Tổng thể là một công trình nghệ thuật. Móng và trụ là những phiến đá rắn chắc, nâng đỡ một sườn gỗ gồm kèo, cột, rượng, trính...với mái ngói âm dương sậm màu, đỉnh cao từ giữa cong xuôi về hai bên. Kiến trúc này được chia làm hai phần có chung mái, phần bên ngoài là cầu, sàn

được lót ván. Sàn cũng là mặt đường nối hai đầu giao thông. Trên sàn cầu còn có hai hành lang hẹp dùng cho người đi bộ, nhưng có lẽ chẳng mấy ai thực hiện qui định này. Nét duyên dáng nổi bật nhất của sàn cầu là bộ ngòai của hai hình tượng chó hoặc hổ ở hai đầu với hai bát hương nghiêm trang, nhưng thường lạnh lẽo.

Phần chùa thường được đóng kín bởi những cánh cửa gỗ, chạm trổ đơn sơ. Trên đầu cửa treo một bức hoành phi gồm ba chữ đại tự, tôi chẳng biết là chữ gì. Liên phía dưới bức hoành phi là hai mắt cửa bằng gỗ hình tròn có chạm trổ. Hai bên cửa vào treo hai câu liên chữ nhỏ. Bên trong là nơi cư ngụ của vị thần Bắc Đê Trấn Võ. Tôi không rõ vị thần này mặt mũi nhân hậu, uy dũng ra sao, bởi chưa hề được diện kiến, vẫn an ngai. Có lẽ ngài mang quốc tịch Nhật Bản ? và đã mang theo một thanh kiếm mầu nhiệm, đang được ghim dưới móng chùa để ếm một con thủy quái. Nghe nói con vật có cái đầu ở nước Nhật, cái đuôi ở Hội An, ngay chỗ này, có tên gọi là con Cù. Mỗi năm nó vùng vẫy, giỡn chơi một lần sinh ra động đất bão lụt. Sự tưởng tượng phong phú của con người quả thật đã giúp cho cuộc sống thêm giàu những truyền thuyết, thần tượng.

Chùa và cầu ngoài cái tên thân mật, dân dã Chùa Cầu, còn mang tên Cầu Nhật Bản hay văn hoa hơn là Lai Viễn Kiều, do chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Chu đặt vào năm Kỷ Hợi, 1719. Mặc dù đã được trùng tu vào các năm 1653, 1763, 1817, 1865, 1915, 1917...Chùa Cầu lúc nào cũng có vẻ mới mẻ. Vào năm 1984 không khí âm đạm bên chùa có phần giàu thêm. Lạch nước nằm ngay dưới sân chùa vui cạ dân và rỉ rả tìm đường ra dòng sông, trong nhịp chảy như tiếng thở cầm chừng, chen lán với những cỏ dại, sỏi đá, rác rưởi ngày một vuron cao.

Với riêng tôi, Chùa Cầu là một vị trí tối quan trọng. Bởi nơi đây, cầm giữ bốn mạng tôi, sau khi hai bậc sinh thành ủy thác vì khó nuôi. Chẳng biết thời gian bán khoán là bao lâu, nhưng cho tới nay hình như tôi chưa được chuộc ra. Chưa được tháo khoán. Có thể ba hoa: Chùa Cầu còn thì tôi còn, Chùa Cầu mất thì tôi mất, và biết chừng đâu ngược lại. Xin tha thứ, đùa một chút, để niềm nhớ về cái biểu tượng của Hội An trong tôi đậm đà hơn.

Là một thành phố cổ, được tổ chức Giáo Dục, Khoa Học, Văn Hóa của Liên Hiệp Quốc công nhận là di sản văn hóa nhân loại, Hội An không chỉ có một Chùa Cầu. Nhà nghiên cứu, du khách đã tìm đến Hội An bởi những lễ hội, tập tục văn hóa cùng những Giếng Cổ, Chùa Miếu và hàng trăm ngôi nhà có tuổi thọ cao nhất thế giới, với các kiểu kiến trúc truyền thống Đông Nam Á, rực rỡ, lộng lẫy từ những chạm trổ tinh vi, giàu nghệ thuật lẫn văn hóa. Ở đây, bên Chùa Cầu, tôi muốn giới thiệu thêm một vóc dáng đã góp phần làm đẹp Hội An, và đã từng cho tôi vài chỗ ngồi tĩnh tự một thời: đó là Không Miếu.



Không Miếu được xây dựng trong thập niên 60. Đây là một kiến trúc không mấy hùng vĩ, nhưng rất trang nghiêm. Chùa, tháp, hồ sen, tượng đá được dựng trên một mặt bằng rộng rãi, thông thoáng, nằm bên một con đường hình như rộng nhất Hội An. Cá nhân tôi, gần như lúc nào về Hội An cũng ghé đến Không Miếu, dù một đôi khi chỉ để đi quanh một vòng. Tôi tìm thấy sự yên tĩnh ngay dưới từng phiến gạch đỡ bàn chân tôi. Chẳng có đóa sen nào nở đúng dịp nhưng tôi bắt gặp mùi hương.

Cũng chẳng cần nghiêng mình đốt nén nhang, nhưng tôi vẫn thấy được làn khói mỏng, cứ bay lên, bay lên và tan loãng.

Đức Khổng Tử không chỉ có mặt ở đây. Đã từ lâu, Ngài hiện diện rất nhiều nơi trên đất nước Việt Nam. Nhưng năm 1984, không biết Ngài có được cấp hộ khẩu không mà trông giang sơn của Ngài vô cùng tiêu điều. Không kể những hoen ô của màu nước vôi trên tường chùa, mặt tháp. Toàn thể diện tích bao trùm vẽ hoang tàn, bừa bãi. Nền gạch nhiều nơi được tháo gỡ để “giải phóng” mặt đất dùng vào việc tăng gia sản xuất. Rau muống nằm cạnh bên rau lang, bí bầu thương nhau chung một giàn. Háo hức tiếng heo trần mỡ. Tiếng gà thách thức, thị uy.

Tôi, sau ngày 29 tháng 3 năm 1975, kể ra cũng khá hơn Đức Khổng Phu Tử phần nào. Tuy có hồi hộp tập trung, có chăm chỉ sáng tác lý lịch, rồi bản khoản học tập. Nhưng một cuộc đổi tiền đã cứu tôi. Thành phần cận bã của xã hội, nhưng có một chút nghiệp vụ, vẫn nên khai thác. Tôi tạm là công nhân viên, trước khi tự nguyện, không cần viết đơn, để tập làm một gian thương còn rất nhiều lương tâm. Tôi đánh giá tôi như vậy, bởi chỉ một đôi lần, vừa run, vừa ách náy làm cò mồi cho bộ đội, cán bộ, mua quần áo, phụ tùng xe đạp từ sạp hàng của bà xã tôi. Không thể vì một cuộc đời bất ngờ như một tai nạn mà tôi tự làm hại mình. Tôi buôn bán lương thiện, rồi tôi nuôi chim cảnh, chim hót. Những con chim kỳ diệu ấy đã lập được đầu cầu cho tôi đến một thương lượng, mà đã từ vài năm nắm giấy bảo lãnh xuất ngoại trong tay chưa dám xoay sở.

Tôi ứa nước mắt ra đi vào cuối tháng giêng năm 1985.

Tháng 8 năm 2002, tôi có dịp vội vã về Việt Nam.

Một sợi dây gân máu nào đó trong não bộ ông cha vợ tôi bị đứt, giúp tôi và Lý có hai ngày dành cho Sài Gòn. Mười ba ngày dành cho Đà Nẵng. Tôi trích ra gần 10 giờ của khoảng thời gian 13 ngày, cho Hội An. Tôi và Lý cùng 4 đứa em với một đám cháu, dùng xe gắn máy thực hiện chuyến viếng thăm.

Lần này chúng tôi đến Hội An qua ngã Non Nước Ngũ Hành Sơn. Điểm đến đầu tiên là một nghĩa địa, ngoại vi thành phố Hội An. Chúng tôi thắp hương cho Thái Tùng, em rể của Lý, người đã qua đời vì một tai nạn giao thông cách đây vài năm. Vợ



chồng Tùng chính là những người chúng tôi đã từ giã tại Hội An năm 1984.

Sau nghỉ địa, chúng tôi ghé một ngôi chùa. Giờ đến, đúng vào giờ hành lễ của một ngày rằm nên tín hữu của chùa rất đông. Lý qui, cúng dường tam bảo, rồi rút gọn theo lệnh điều hành của tôi. Mục tiêu khoan trong bản đồ tưởng tượng vẫn là Chùa Cầu.

Tôi phơi phới đứng bên bệ chó ngòi cho Lý bấm máy. Chợt nhìn thấy cửa của gian thờ Bắc đế Trần Võ rộng mở từ bao giờ, tôi hí hửng nhưng thận trọng nhẹ bước đến bên cửa. Vừa mới nghiêng chưa được nửa cái đầu, tôi giật mình.

*- Anh kia, dòm cái gì đó, đi ra.*

Tôi chững hững. Không có một giây nào để kịp xấu hổ hay tức giận. Tôi dòm lại tôi. Quần tây dài màu sậm, áo chemise màu kem, cụt tay, bỏ ngoài, nhưng sạch sẽ. Tôi chợt giận mình sao không đóng bộ nghiêm chỉnh hơn, có nét Việt kiều hơn một chút, biết đâu tôi đã có cơ hội thưởng ngoạn mặt mũi các vị thần đã chết hơn là thấy khuôn mặt hách dịch của vị thần còn sống, vừa mới ra oai.

Còn đang hựt hẫng, tôi thấy một đám du khách da trắng, tung tăng bước vào gian thờ trong nụ cười rất tươi của vị thần quen lườn cúi, nịnh bợ. Ngán ngẫm nhưng không buồn, tôi rủ hết đám em, cháu ra đứng trước cửa một phòng vệ sinh để chụp ảnh. Một góc kỷ niệm mới của tôi về Chùa Cầu, tuy vậy không bị dính mùi gì.

Chúng tôi xuống bờ sông. Trời nắng. Gió nóng. Du khách trồn trong những hàng quán. Hậm hực những tiếng nhạc chen lẫn những tiếng hát không phát âm rõ giọng, dội xuống cả mặt nước, đang đỡ hàng chục chiếc ghe thon dài. Hình như đã qua đi thời Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây, đã qua đi thời Tiếng Đàn Ta Lư, để nhường không gian lại cho những ca khúc nằm dưới loại nhạc từng bị dè bủ là sến vài ba bậc. Chẳng hiểu sao, trong không gian đó, tôi lại tìm gặp một ý thơ không liên quan gì đến ngoại cảnh. *Lượm Thơ Trên Phố Hội An*, được viết thắm trong đầu ngay trên bờ sông Thu:

rất tình cò được ghé thăm Hội An  
na ná như xưa, vui vẻ một đàn  
thế chỗ bạn bè, năm mười đứa cháu  
xế nổ thay cho xe đạp tàng tàng

ghé vội thăm qua vài nhà quen cũ  
ngồi mái âm dương ngái ngủ cả đời  
nắng vẫn đỏ au năm ôm cửa nhớ  
gió hát bao năm rả rích một lời

bước khẽ qua đường bụi vẩy đầu gối  
mơ hồ tay lụa võ nhẹ bên vai  
chẳng hẹn chờ sao mắt tìm quanh quán  
bằng hữu bà con còn, thiếu những ai

ghé những ổ tình thân thương thuở nọ  
xớ rớ mắt sờ, tay đọc bảng quơ  
con khỉ Chùa Cầu nhờ đâu trẻ mãi  
người đến người đi hương khói ơ thờ

Khổng Miếu thay tên hồ đồ dị hợm  
đá không yên tròn phận với người  
thế góc sen vàng xanh dòng rau muống  
thảo mộc đường như cùng biết ngậm ngùi

nắng tháng tám trong như dòng sông ngọt  
ngồi bệt giữa đường ăn chén xu xoa  
nhớ câu hát xưa, che tay tùm tùm  
cũng mê cái tình như thuở ông, cha

chẳng gặp được ai dân Trần Quý Cáp  
để bắt tay xưng đây bậc đàn anh  
tán dóc một hồi loanh quanh đỡ nhớ  
truy niệm cái thời có chút tình ranh

chờ mãi không nghe chuông chùa Phước Kiến  
không buồn, cũng thả bước bờ sông  
ghe gối đầu nhau lơ lơ canh mộng  
lượm được câu thơ ai rớt giữa dòng

*biết cất vào đâu câu thơ nóng hổi  
chẳng thấy ai tìm của lạc, đành thôi  
sông Thu mấy nhánh tôi không biết  
xin giữ trong lòng chỗ nằm nôi*

Thợ chưa viết ra giấy mà bụng đã đói, chúng tôi vào một quán ăn nằm trên đường Trần Phú. Thực khách khá đông, đa số là du khách, phần đông mang màu da trắng. Họ cười nói vui vẻ. Trong khi chờ những món ăn, họ nghịch với từng đôi dũa, hoặc sẫm soi lại những vật kỷ niệm vừa mua được. Phụ nữ đa số đều sắm cho mình một chiếc nón lá, chẳng biết có bài thơ nào bên trong không. Cảnh đàn ông ít thấy ai hút thuốc. Họ trang bị đầy đủ máy ảnh, máy quay phim. Có người mang cả ống nhòm. Du khách thuộc loại Tây Ba Lô không có nhiều. Nhưng không ít những người thông dong không có hành trang gì cả, Chùng như họ đã cư ngụ ở đây một thời gian lâu.

Quán chúng tôi chọn thuộc loại bình dân nhưng rộng rãi khang trang, Những chiếc bàn ăn bằng gỗ, phần nhiều có hình chữ nhật, được bày làm nhiều dãy trong ba khu, phân biệt bởi những cột nhà bóng nhẵn màu gỗ nâu. Có nhiều tên món ăn được in chính tề trên thực đơn sạch sẽ. Tôi định chọn món Cao Lầu, nhưng trực nhớ người bạn chưa bao giờ gặp mặt, Tường Năng Tiến, tôi gọi Mì Quảng.

Cùng với hai nhà thơ Hoàng Lộc, Phan Ni Tấn, Tường Năng Tiến từng viết về món ăn độc đáo này của Quảng Nam. Duyên chữ nghĩa của anh hình như đã làm cho những sợi mì bột gạo vàng óng, những cọng giá trắng tươi, những con tôm mập hồng kết hợp một cách hài hòa với những cọng rau xanh, sợi búp chuối...Bài viết của Tiến đã trở thành một gia vị mới, giúp tô Mì Quảng càng thêm ngon. Tôi xin nhắc, chúng ta không nên dùng chữ “ngon” trống trơn để khẳng định, tán thưởng giá trị tuyệt vời của Mì Quảng, bởi như vậy anh bạn Tiến của tôi sẽ không mấy vừa lòng. Mời đọc vài dòng anh Tiến viết:

*- Dạ...ngon*

*Trả lời như vậy là không được. “Ngon” là một hình dung từ mơ hồ, nếu không muốn nói là hàm hồ, không thể diễn tả được*

*cái đặc sắc tuyệt vời của tô Mi Quảng. Có vụng về lắm thì người ta cũng phải đưa ra vài ba nhận xét “bâng quơ” như sau:*

*Dạ thưa bác mì ngon lắm. Tôm giã vừa nhỏ và nấu vừa nhừ. Rau chuối tươi mà không chín. Nước đậm đà vừa miệng (Trường Năng Tiến).*

Để có được sự thưởng thức trên, Trường Năng Tiến đã không quên làm một cuộc so sánh giữa Mi Quảng cùng một vài món ăn khác như Bún Bò Huế, Bún Riêu, Hủ Tiếu, Mì Sợi, Hoàn Thánh, Sủi Cào...Tiến nhận xét, phân tích tỉ mỉ vô cùng thú vị, dù hình như, anh chẳng phải là người Quảng Nam.

Dù vừa nhai, vừa nghĩ ngợi bâng quơ, tôi cũng liếc mắt thăm hỏi chung quanh. Tôi bắt gặp mấy lồng nuôi chim. Một con khướu bạc má không được thon gọn, đang nhảy liên tục từ cầu đứng xuống sàn lồng và ngược lại. Một lồng cà cưỡng, không treo mà để gần sát vách, ngay cửa xuống gian nhà sau. Khác với con khướu, con cà cưỡng đứng im lặng, thỉnh thoảng đầu nó nghiêng nhìn đám thực khách phía trên, cùng những người đang bận rộn làm thức ăn bên dưới. Tôi nghĩ thâm con cà cưỡng này đã có thể nói được một vài tiếng người. Tôi có lòng chờ nghe một câu nói của nó, đại khái như: *Hội An ần tượng quá. Bạn cứ vô tư thăm viếng nhé...*

Sau khi rời quán ăn, chúng tôi ghé vào thăm chùa Phước Kiến. Muốn vào nghe kinh ngắm Phật, chúng tôi phải mua vé vào chùa. Không sao, tôi đã có cơ hội tiến sát đến bên bệ thờ Phật mà không phải cởi giày. Tin bạn biết tôi gặp nhiều bất tiện khi phải cởi giày ở bất cứ nơi đâu, trừ khi phải lên giường ngủ. Nguyên do: chiếc giày không ôm giữ bàn chân, mà dính liền với một đoạn gỗ có hình dáng ống chân, may mà chỉ có một bên trái.

Chùa Phước Kiến do người Trung Hoa, cư ngụ tại Hội An lâu đời xây dựng. Vào thời điểm này (2002), ngôi chùa không có nhiều thay đổi về hình thức, ngoài màu sơn có vẻ tươi sáng, lóe chói hơn. Trước đây, tôi rất thích thú với cảnh sắc trong sân chùa. Chậu kiếng, hồ cá, mặt gạch...luôn luôn là những điểm cù rũ dòng nhìn của tôi. Những hình khắc nổi trên mặt tường được gắn những mảnh sành với nhiều màu sắc cũng là một nguồn chất liệu lãng mạn tôi tìm thấy. Sân chùa Phước Kiến còn có một bức vách trên đó lưu giữ hình ảnh mặt trăng, cá chép, nhánh lá,



lợn sóng... tất cả đều giản dị, đơn thuần như những tranh vẽ trong các sách giáo khoa, nhưng đã mang lại cho tôi cả thời thơ ấu cũ, thời từng biết mê thích những tranh vẽ màu mè trên nền giấy thô. Con cá chép, mặt trăng vẫn còn ở nguyên vị trí cũ, tôi không thấy chúng già đi chút nào, ngay những chiếc lá đã bao năm muốn rơi vẫn chưa lia cành. Còn tôi đã như thế nào ? Gót bước của thời gian, khó nghe ra, khó nhận ra sự thay đổi. Nhưng nhịp chuyển hóa trong từng giây là có thật. Tóc tôi chưa bạc, nhưng hàng râu mép-có-vẻ-như-chưa-bao-giờ-trưởng-thành của tôi đã có vài sợi trắng ra. Râu mau già hơn tóc, lạ thật.



Tôi lại nhìn quanh và không khó lắm để nhận ra, chùa Phước Kiến đang thu hút khách du lịch nhiều hơn là tín hữu đến cúng lễ. Cũng phải thôi. Thời kỳ kinh tế thị trường, thời mở cửa mà. Giá như những cánh cửa nhân quyền, báo chí, tín ngưỡng thông thoáng hơn chút nữa, ngành du lịch chắc chắn sẽ càng nở rộ thêm.

Tôi chợt nhớ quán cà phê Đạo ngày xưa ở đâu đây, không ghiền cà phê nhưng chợt thấy thèm. Bóng nắng không còn cho phép tôi cái thông dong, ngồi nhìn từng giọt nước thơm đen rơi vào một cõi mơ mộng.

Chúng tôi chạy chậm chậm qua một số đường phố của Hội An. Thành phố có nhiều cửa hàng buôn bán hơn thời sát phía sau 1975. Phần lớn là những cửa tiệm nhỏ bán vật lưu niệm cho du khách. Mặt hàng thủ công nghiệp được giới thiệu khá nhiều, sặc sỡ nhất là những chiếc lồng đèn với nhiều kích thước. Những *gallery* trưng bán tranh sơn dầu, tranh lụa, tranh sơn mài... cũng nhộn nhịp du khách vào ra. Hội An đang có thêm một số họa sĩ tài hoa, rất tiếc tôi không có dịp được bắt tay họ một cái để những dòng này thêm thơm tình nghĩa văn học nghệ thuật.

Điểm cuối cùng chúng tôi ghé thăm là Khổng Miếu. Vừa rời yên xe, tôi đã hết hồn. Khổng Miếu đã đổi tên ? Tôi dụi mắt liên tiếp vài lần: Đài Từ Sĩ. Hóa ra nơi đây đã trở thành một mộ bia. Dù sao cũng còn đó cái hàng rào chạy quanh, được xây bằng xi măng, thấp, rất nghệ thuật. Bên trong lòng hàng rào vẫn cái hồ vuông, nửa chìm nửa nổi. Ngay trong lòng mặt nước hồ được xây những trụ cột để đỡ một mặt phẳng bê tông khá lớn, đủ để dựng lên đó một tượng đài hình tháp, thẳng đứng, bốn mặt có khắc chữ Hán. Ngay dưới chân tháp có tượng 4 con rồng lớn, nằm đưa đầu ra ngoài, như sẵn sàng bảo vệ ngọn tháp, nhưng trông rất hiền lành nhờ sự tài hoa của bàn nghệ nhân, không biết đã về đâu. Một lối đi lên tháp bằng những bậc tam cấp thấp, vững chắc, an toàn. Tôi đã từng có nhiều lần đặt bàn chân mình lên đó, không hiểu trong lòng xi măng của từng bậc bước, có giữ được chút hơi hám gì của tôi không ?

Những đám rau muống nở rộ theo thời ao cá bác Hồ hình như đã được di chuyển đi nơi khác một ít. Tôi bấm máy thu một đoạn phim, dù gì cũng đang có mặt ở nơi này sau 28 năm xa cách. Một gánh xu xoa lưng thưng đi ngang. Lý gọi. Chúng tôi ngồi quanh cô hàng, và tôi, không thể không nhớ đại khái câu ca : *xu xoa mụ bán mấy đồng, mụ ngồi mụ để cái mông mụ ra...xu xoa tau bán đồng ba, tau ngồi tau để cái... đầu cha mì ra ngoài.*

Tiếng hót của một con khướu, từ vườn cây của ngôi nhà bên kia đường, vang rộng trong buổi xế chiều kéo tôi lùi về một quá khứ không mấy vui. Đã quá trễ, để có thể ghé thăm cửa Đại, vốc lên tay một nắm cát trắng và nhìn những ngọn sóng yên

chuyên, mềm mại. Chẳng có hy vọng gì những con còng nhỏ còn lúu quíu trên bãi cát một cách dễ thương...

Nhớ về Hội An, viết về Hội An, thừa thật, tôi vừa thích vừa sợ. Kỷ niệm về một con đất đã chôn cuống rún của mình, chẳng phải quá nghèo nàn mà đúng ra tôi chưa đủ tài sức. Một vài bài thơ linh tinh không gói hết những tình cảm chân thành. Chẳng qua như vài tấm ảnh, để nằm chết trong cái nghĩa địa *album*. Chính mình chẳng mấy khi ghé thăm

...  
*cây nghiêng bóng cho lá cùng đi dạo  
cùng ta qua, qua mấy nẻo u buồn  
lòng nhẹ nhàng vương trong sợi nắng vươn  
Phố trầm lặng, Phố của ta thuở trước*

....  
*Nhớ một thuở mê cháu Trần Quý Cáp  
May chưa yêu nên chưa được thất tình  
Thơ chưa sâu, đời chưa biết lênh đênh  
giờ người đẹp chắc đã đầy bốn phận  
Còn riêng ta vẫn cuối trời lặn đặng  
cõng câu thơ theo nhịp bước so le  
tưởng thành danh, ngó lại, có ai dè  
trống hóc cả khoảng đời không dưng lại...*

Biết rõ cái vụng về của mình, nhưng nhiều lúc thật tình không cưỡng lại nổi, bàn tay do đó càng sinh tật, vô tội vạ như trong một lần trải tình trong 84 câu lục bát:

*Lâu năm trở lại Hội An  
chân hôn lòng phố ngón ngang ổ gà  
mắt theo lòng tột nóc nhà  
ngói âm dương nở cỏ hoa ngóng trời  
hình như ai mới gọi tôi  
cả thành phố biết có người về thăm*

.....  
*Lâu năm trở lại thăm mình  
cái hôn sắp vừa cái hình chực cong  
bao nhiêu bèo bọt trong lòng  
thở vào chữ nghĩa mặn nồng chua ngoa*

*gởi hoang vu lại quê nhà  
xin cho thương nhớ lột da sống đời*

Hội An ơi, con đất chôn cuống rún của tôi ơi, gần đây, tôi thỉnh thoảng được gặp lại người trên nhiều chương trình phát hình từ VTV4. Thật chưa biết vui cũng chẳng có chi buồn. Những đêm rằm hàng tháng, Phố mở hội dưới ánh đèn lồng...Tôi nghe cả tiếng ngâm nga của một hội thơ. Tôi nhìn được những bức thư họa đang vượt lên từ những nhọc nhằn. Mọi nơi, mọi góc cạnh, tôi vẫn là một khán thính giả không thiếu tấm lòng. Nhưng như một định mệnh, tôi được ra đời ở đây để làm một người khách, *lim dim mắt, chóng lòng nhìn phố cũ*...Cuống rún của tôi chẳng lẽ chưa thành đất ? Bồn mọng của tôi vẫn ở Chùa Cầu. Tôi chưa có giờ chuộc lại. Cũng không định chuộc lại đâu.



## **Tiên Phước, Một Nhánh Ấu Thơ Tôi**

Ngày nay, Tiên Phước là một trong mười hai huyện, và là huyện đầu tiên trong năm huyện miền núi của tỉnh Quảng Nam. Năm mươi lăm năm về trước, sự phân bố địa lý cho cơ chế hành chánh, có thể có ít nhiều khác biệt. Nhưng con đất giàu cây xanh, đá tảng này vẫn nằm ngoan một chỗ.

Và một nhánh ấu thơ tôi vẫn thơm cùng Tiên Phước.

*Bạn hãy kể cho tôi một chút gì về Tiên Hội !  
Bạn hãy nhắc cho tôi một vài hình ảnh Tiên Châu !  
Những xã, những thôn của Tiên Phước một thời.  
Đã bốn mươi chín năm xuống núi,  
chưa một lần thăm lại  
tôi nhớ, tôi thèm biết bao nhiêu.*

*Những đợt khói, những rẻo gió...ngào ngạt xanh một  
góc đời.*

*Bạn ở đâu ? đang làm gì ? Sao ngần ngại ?  
Sự xa lạ chẳng phải là khoảng cách  
nếu bạn đã hoặc đang thở hít cùng hơi đá núi  
đi loanh quanh qua những gốc chà là  
và gói trong lòng những mùi hương đủ dẽ.*

*Xin hãy nói về quê hương mình cho nhiều người biết  
cho nhiều người cùng được thưởng ngoạn  
để xứ sở thân yêu ấy càng khởi sắc  
càng giàu thêm tình người.*

Trong khi chờ bạn dẫn tôi về lại một miền đất cũ, tôi xin gắng nhớ, gắng vẽ lại một đôi điều thân thương vẫn nằm hoài trong trái tim

Năm 1946, năm tôi lên năm. Chẳng thể là một tình cờ, ba tôi cũng tôi đến đây. Cuộc chiến Việt Pháp là gốc rễ cho một nhánh ầu thơ tôi bén lên vuông đất rừng Tiên Phước.

Sau một đêm ngủ vùi, hai cha con cùng thức dậy. Giữa cái se lạnh của hương trời, ánh nắng đã vàng ửng, đầy tràn cả mặt sân rộng. Mặt sân với những viên gạch màu nâu già, chen vai sát vào nhau, trải ra như một thảm vải với nhiều nếp nhăn xanh. Đó là những đường cỏ cú mọc chen giữa những kẻ gạch thiếu khít.

Ba tôi ngồi xếp bằng giữa chiếc chiếu Yên Nê, trải ngay ngắn trên nền nhà. Một tay ông để trên đùi, một tay sờ cằm, trầm ngâm. Tôi ngồi nhích phía sau lưng ba tôi một chút. Hình như có tiếng gì đó rụng ở ngoài vườn. Gió chày sát gốc một đám cây, đứng tiếp sát mặt sân làm chao nhiều mặt lá. Lúc này, tôi mới kịp nhận ra, chúng tôi đang ngồi giữa lòng một mái đình.

Đình rộng và cao. Có nhiều cây cột gỗ lớn nghiêm nghị, đứng thẳng tắp đội sườn nhà. Dưới mỗi góc cột được kê một tảng đá xám, hình tròn, lăn quăn những đường chạm trổ. Mặt tiền của đình hoàn toàn phơi trống, các cánh cửa cao rộng liền nhau, đã được thoát gỡ tự bao giờ. Hai cánh cửa bên hông, sát mặt tiền, cũng cùng được bỏ ngõ.

Ba tôi bỗng hỏi :

- Má con và em không biết bây giờ đi đến đâu rồi ?

Tôi hơi nhướng mắt, ngơ ngác. Có lẽ ba tôi không có ý hỏi tôi. Ông nói cho có nói, hoặc tự hỏi chính mình. Bởi vì cho đến lúc đó tôi cũng chưa biết má tôi đã cùng người cháu gái, mang chị và em trai tôi đi về một hướng khác. Về sau tôi mới hay, vì không thể theo chân cơ quan Kho Bạc, nơi ba tôi làm việc, thay đổi hoài chỗ ở, nên má tôi đưa cả gia đình vào Quảng Ngãi. Nơi má tôi đã từng quen biết và có cơ sở buôn bán trước đây.

Sự có mặt của tôi bên ba tôi vốn là một bất đắc dĩ của ông. Ông vốn sợ cô đơn. Không biết tôi đã lấp được mấy phần khoảng trống này của ba tôi ? Nỗi buồn nhớ những người thân yêu chợt chia xa, làm người tôi như co cụm lại. Càng co cụm trong da thịt như lỏng lẻo, rộng rãi ra, Tôi nghe thấy những hạt bụi rơi ấm vào hai mắt, xốn xang...

Cơ quan làm việc của ba tôi cũng đóng tạm ở một cái đình khác gần đầu đây, và vì diện tích khiêm nhường, nên chúng tôi phải tá túc tại ngôi đình hoang phế này. Hôm đầu tiên ở một mình trong đình tôi rất sợ. Nắm tay ánh nắng, tôi cúi thủ ra sân, nhìn quanh bốn bề dày đặc cây và lá. Cũng may có rất nhiều tiếng chim rộn rã ca hát.

Tôi lắng nghe nhưng không nhận ra được một tiếng chim quen. Thật sự trước đây tôi chỉ biết mặt và nghe tiếng chíp chíp của đám se sẻ nâu trên mái ngói. Nay được thấy những con chim vàng óng, những con chim nhiều màu sắc sỡ hoặc đen mượt ca hát luôn miệng tôi vô cùng thích thú và chợt bạo dạn rất nhiều.

Bước theo những tiếng chim, tôi được gặp thêm nhiều loại bông thật lạ mắt, tuyệt đẹp. Vài loại bông này, về sau tôi biết chỉ là những loại tầm thường, chúng là những cây ráy, cây huệ, cây đùng đình...

Ba tôi chạy đi chạy về, ngày vài ba lần, nên tôi cũng yên bụng. Và ngày hôm sau, tôi dạn dĩ hơn, đã bắt đầu mon men đi dòm xem từng bệ thờ. Tôi phát giác, bệ thờ nào cũng có bát hương, với lung lừng nửa bát cát vàng ó lẩn lộn với tro hương. Một vài ba que hương còn sót lại, đứng xiêu vẹo, mỗi mệ, ngán ngảm. Trong ba bệ thờ lớn, chỉ có một bệ có ba tượng người. Cả ba người đều là đàn ông. Nhờ mặt mày lem luốc che bớt phần nào nét dữ tợn của họ. So về hình dáng, cả ba ông thần thấp hơn tôi một chút. Vậy mà họ đều có râu. Những thoi râu thật dài, thật cứng. Những ông thần, có phải thường thường giống nhau? Không chừng, tất cả đều là ba anh em. Ba ông tôi gặp: một ông mặt đỏ, một ông mặt hơi đen, và một ông mặt khá trắng. Ông mặt trắng, có vẻ hiền và mạp mạp hơn hai ông kia.

Dựa người vào ánh nắng rực rỡ chung quanh, Tôi đặt tay sờ vào từng người. Đôi ủng của ông Mặt Đen có mũi ngang, coi bộ rất nặng. Vòng râu của ông Mặt Đỏ, cong vẹo về một bên, cứng ngắc bụi bặm, rõ ràng đã lâu không được tia, chải. Cái bụng của ông Mặt Trắng hình như ăn không tiêu đã lâu ngày vẫn chằng bạng, làm cho cái đai nịt xệ hẳn xuống. Tôi chợt thấy một con gì nhỏ nhỏ, bằng ngón tay út bay vòng vòng sát đầu ông Mặt Đen. Dòm kỹ, thì ra bên sau vành tai ông ấy sung vù. Cục sung

là một ụ đất nhỏ. Giữa ụ đất có một cái lỗ bằng đầu ngón tay út: một cái ổ. Không chậm trễ, tôi chạy ra sân lượm một cục đá rồi chạy vào, nhảy phóc lên bệ thờ. Nhìn kỹ lại, không thấy con tò vò (sau này tôi mới biết tên) tôi lập tức đập vỡ ụ đất. Chẳng có gì bên trong. Dù sao, tháo gỡ cái ổ đất đi, ông Mặt Đen chắc sẽ dễ chịu hơn. Tôi lại xoay qua kiểm tra hai ông kia. Tôi phải giúp họ những đám bụi đóng lâu ngày. Những đường tơ giăng của nhiều ổ nhện nhỏ xíu. Mặt mũi, áo quần của ba ông rõ ràng sáng sủa ra. Tôi nghe sâu thẳm trong đầu tôi những tiếng cười, những lời khen ngoan của cả ba ông. Tôi vui lắm, nhất là tối hôm đó, qua ba tôi, tôi biết được danh tính của ba người.

Nỗi lo nhớ trong lòng ba tôi có lẽ có lắng đi một chút, khi ông kể cho tôi biết một đoạn Tam Quốc Chí và sự kết nghĩa vườn đào, thời xưa thời xưa, ở tuốt bên Tàu. Ông mặt đỏ là Quan Công, ông mặt không sáng lắm là Trương Phi, và ông Lưu Bị, mặt mũi trắng trắng.

Cả ba ông đã trở thành ba người bạn chơi đầu tiên của tôi, trong những ngày tôi khởi sự, hấp thụ sương khí đá núi, để giữ mãi trong cổ họng, một giọng nói đậm đặc cao nguyên cho đến bây giờ. Cái giọng Quảng Nam của tôi, vốn đã nặng ngàn cân, nay mang thêm mấy trăm tạ nữa, trách gì không khó nghe, khó hiểu. Ba mươi một năm sống với Đà Nẵng, không lọt bớt một phần nào. Thế nhưng, khi tôi cao hứng ca hát cho một mình tôi nghe thì lại khác...Âm giọng ấm áp, ngon lành lắm.

Tình bạn của bốn chúng tôi đang thân mật, bất ngờ một buổi xế trưa, ba tôi từ cơ quan về hối dọn đi. Đi đâu ? Có gì để dọn ? Tôi có năm bộ đồ, ba tôi hình như cũng chừng ấy. Tất cả luôn luôn nằm gọn trong cái ba lô của ông. À còn hai cái chén kiểu men xanh, nổi vân hoa . Không có đĩa nhưng có hai cái muống bằng sứ trắng, vẽ hình con cá đỏ giữa lòng muống. Và một cái mèn, hai màu ở hai mặt. Mèn được viền sa tanh xanh rộng bản chung quanh.

Sau khi xếp cái mèn cho thật gọn gàng, ba tôi cột dính phía bên ngoài ba lô, mang sau lưng. Ông không mang một bên vai như những lần trước. Thấy vậy, tôi biết cái lưng của ông không còn là chỗ của tôi. Như thế, chỗ sắp đến không mấy xa.



Trong chuyến ‘dời nhà’ này, tôi được phân công ôm theo chiếc chiếu. Mặc dù chiếc chiếu đã được cuộn gọn, gấp vào nhau ba lần, có cột giây chuôi cẩn thận, tôi cũng tha nó một cách khó khăn. Bước đi càng lết bết khi qua vài con đường lổm chổm đá. Vẫn đôi giày *sandale* trong chân, nhưng thỉnh thoảng tôi nghe nhói vì một hột sạn. Tôi có thói quen mang giày từ khi mới biết đi lụng chụng.

Cơ quan làm việc của ba tôi có lẽ đã chọn được một chỗ trụ lại an toàn. Cùng với một người bạn đồng nghiệp, chú Kinh, chúng tôi đến cư ngụ trong một ngôi nhà bỏ hoang. Làm sao tôi nhớ nổi ngôi nhà này nằm ở thôn xã nào. Nhưng cái bề thế, rộng lớn của nó thì không quên được. Cái vĩ đại của ngôi nhà có thể bị nhân lên, do sự đánh giá của một đứa bé chưa biết quá năm chữ cái. Nhưng không thể phủ nhận, đó là một ngôi nhà của một nghiệp chủ giàu có. Theo sự kể lại của dân địa phương, tất cả con cháu thuộc dòng họ cùng gia đình đó đều đã qua đời bởi nhiều lý do kỳ bí. Ngôi nhà lớn trở thành vô chủ.

Sự sát hại vô hình và ghê gớm vẫn tiếp tục tái diễn cho nhiều người, đã lập tâm vào chiếm ngôi nhà này. Cuối cùng, không còn ai đủ can đảm, liều lĩnh và cả công trình kiến thiết qui mô, lộng lẫy của thời ấy bị hoang phế dần theo năm tháng. Trong khi cây lá thuận mưa thuận nắng càng ngày càng xanh tốt um tùm, trở thành một tụ điểm của ma quỷ. Đó là lời khẳng định chắc nịch của dân địa phương.

Chú Kinh trẻ hơn ba tôi rất nhiều. Chú mới lập gia đình và sắp sửa có con. Là một thanh niên, hăng say theo cách mạng, chú Kinh luôn luôn chứng tỏ mình là người đi đầu trong nhiệm vụ phá bỏ những tục lệ bị phong trào kháng chiến cho là lạc hậu.

Mê tín, dị đoan là một ‘mặt’ nổi cộm trong cao trào bài bác đương thời để chứng tỏ, trên đời làm gì có ma. Và dẫu có, ta đây cũng không sợ. Chú Kinh chọn ngay một căn kang trang nhất trong gian sơn nhà ma. Căn này nằm sát với một căn đầy ắp những bàn thờ, tẩm tói, kỳ bí, dễ chùng đôi ba năm nay chưa ai mở cửa.

Tôi và ba tôi đặt một giường tre vừa mua vào căn nhà ngang, hoàn toàn trống rỗng. Căn chúng tôi chọn nằm xa với

căn của gia đình chú Kinh bởi một hành lang có mái lợp, và một căn nhà khác, có một bức vách đã ngã.

Toàn bộ những căn nhà đều có cửa chính, châu đầu vào một cái sân gạch rộng. Giữa sân, có xây một cái hồ nuôi cá cảnh hình thuẫn rất lớn. Chiều dài dễ chừng có đến ba mét. Hòn non bộ ở giữa, không được sần sóc, càng tạo được một khuôn mặt tự nhiên. Những con chim sâu, không ngại lú lo chuyên trong các nhánh cành, vượn ra từ hòn giả sơn.

Cả cơ ngơi giàu sang của một dòng họ bất hạnh ngày xưa, tọa lạc sát một dòng sông. Sông không quá rộng. Mặt nước bằng phẳng xanh mát, không có tiếng sóng, nhưng mặt nước thỉnh thoảng gợn lên những đường lăn tăn tùy theo cường độ của những cơn gió. Những đường nước trắng lăn tăn này có thể từ bên kia tìm sang bên này, hoặc ngược lại. Cũng có thể, từ hướng dưới kia bò dọc, ngược lên. Tất cả đều dịu dàng, nhơn nhơn, vô tư lự.

Tôi cố gắng nhớ lại, nhưng không tìm ra được tên gọi của dòng sông này. Hình như nó không có danh xưng. Ngâm nghĩ mãi, trong lòng, trong đầu, vẫn chỉ hiện ra cái con đường dẫn xuống mặt sông. Một con đường, tạo nên bởi những viên đá núi, đã được những bàn tay nào đó, dùng dao cắt bằng phẳng, và sắp xếp chúng lại cạnh kề nhau thành những bậc thang bước. Những bậc thang dẫn đến một nguồn sống tối cần cho mọi sinh vật: nước. Một số lớn dân trong xứ đã đến với những bậc thang vững chãi này, đã đến với dòng lụa xanh ngọt ngào, mềm mại. Họ đến, bốn mùa, tấp nập tắm giặt, gánh nước. Lộng lẫy thật. Có cả một cái cầu ao đầy nghệ thuật dưới đó. Và những con cá trong lòng nước. Những con chim ca hót, làm tình trên những nhánh cành của trăm loại cây, chen nhau đứng sát bờ nước.

Cuộc sống có hơi thở người đồng loại trở nên ấm áp, vui vẻ hẳn ra. Nhiều lần tôi la cà ra hướng sông, nhưng không xuống sát mặt nước. Tôi rất thèm được lặn hụp như mấy đứa bé đang nô giỡn, nghịch nước cười vang với nhau. Nhưng ba tôi đã dặn đi dặn lại, không được xuống dưới đó một mình. Phần những đứa trẻ, tuy say tắm, nhưng cũng nhận ra sự hiện diện của tôi trên bờ cao. Cả bọn ba bốn đứa, nhất loạt nhìn lên, vừa ngạc nhiên vừa tò mò. Ánh mắt cùng những cái thúc cùi chỏ vào nhau

của chúng đã làm tôi nhận ra điều đó. Hẳn nhiên giữa tôi và đám trẻ địa phương có ít nhiều khác biệt. Tôi cũng có thể nhận ra ngay từ đầu tóc, màu da đến cách ăn mặc. Một cậu bé tương đối khá giả ở thành phố, bất ngờ bị búng lên đồi núi, chưa đủ thời gian để hoà mình, đồng phục.

Một tuần sau khi đến chỗ ở mới, vợ anh Kinh sinh được một đứa con trai bụ bẫm. Trong khu vườn rộng lớn vang lừng nhiều giọng chim, đã được chen lẫn vào đó những tiếng khóc trẻ thơ vãi ra. Rồi những giọng ru em mượt mà, một thời tôi đã được nghe quanh nôi em Hân tôi, diu dặt bay trong màu nắng xôn xao vàng. Tôi lắng nghe những tiếng à ơi... kéo dài. Mịn màng quá, uyển chuyển quá ... ôi những âm tha thiết, dễ dàng, vuốt ve. Tình yêu thương bát ngát không bờ bến, từ những giọng ru của người được làm mẹ, biết làm mẹ, thật linh hiển.

Tôi luôn luôn theo bết gót những tiếng ru con của thím Kinh. Có lẽ đấy là những ca khúc tuyệt vời nhất tôi được nghe và giữ mãi trong suốt cuộc đời mình. Những bài ru em chân chất, ngắn gọn như những giọt mật cô đọng, không những đã mở cho tôi những khoái cảm thường ngoạn, mà chúng đã đỡ, đã dắt tôi đi những bước đầu vững vàng trong cuộc rong chơi chữ nghĩa của tôi mai sau.

Ba tôi chợt ngã bệnh. Ông bị cảm cúm thông thường, chứ không phải vướng vào sốt rét. Tuy vậy mỗi buổi tối, ông không cho tôi ôm cứng lưng ông như thường lệ. Đã vậy, ông còn bắt tôi phải nằm cách một khoảng. Tôi vô cùng sợ hãi. Căn nhà này có nhiều ma. Điều đó ai cũng biết. Những người đến tắm giặt dưới bến sông vẫn nhỏ to nhắc nhở hoài. Họ kinh ngạc lẫn lo lắng cho chúng tôi. Để lời khuyên được thuyết phục hơn, họ cố tình kể nhảm lại những mẩu chuyện ly kỳ vẫn bao trùm cả khu nhà. Đại khái như:

Trước đây căn nhà này có một đơn vị công an đến đồn trú. Đối với công an, nhất là công an của Việt Minh, chuyện ma quỷ là một điều không thể có, không thể chấp nhận. Nhưng qua một thời gian liên tục xảy ra nhiều hiện tượng lạ. Như mâm đĩa dọn lên bàn xong, vào bếp mang nôi cơm lên thì nôi cơm không chân mà chạy ra ngoài ảng nước. Khi nôi cơm được tìm thấy, mang

vào, thì mâm chén, bát đĩa đã được đẩy sâu dưới gầm phản nằm...

Bực mình, một lần ba bốn anh công an hi hục khiêng vào một tảng đá to, rồi viết lên tảng đá một vài chữ để làm dấu, xong cả đám khiêng ra chôn sâu sau vườn. Sau đó đám công an vào nhà lớn tiếng thách thức:

- Nếu quả có ma quỷ thật thì đêm nay hãy ném tảng đá đó vào nhà.

Kết quả, từ miệng của những người kể, làm tôi nổi da gà ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Tảng đá có chữ ghi dấu của công an, quả thật đã được ném một cái đui vào giữa nhà. Đám công an nhìn nhau, rồi lặng lẽ dọn đi. Những người truyền chuyện còn kháo nhau, chờ xem những gì sẽ xảy ra cho chúng tôi. Và đến bao giờ cái bọn ‘cán bộ vô thần’ mới sáng mắt ra.

Hình như ba tôi đã và đang tìm hiểu cội nguồn của ngôi nhà, nên một hôm được nghỉ việc, đặt tôi ngồi lên đùi, ông kể...chuyện đời xưa:

....Giang sơn này là sở hữu của một đại phú. Ông đã cậy sự giàu có và quyền thế, xây dựng cơ sở ngay trên một nghĩa địa vô chủ là khoảng đất này. Do đó đã bị báo thù cực kỳ dã man. Những con cháu trong gia đình mấy đời của ông, dồn dập bị vạ cổ chết bất đắc kỳ tử. Rồi những người chết sau, tiếp tục trở thành cô hồn. Và đội ngũ những con ma được tăng cường quân số, và chia làm hai lực lượng, không ngừng tranh chấp, chống đối nhau. Nhóm ma kỳ cựu, thường tập trung và lang thang quanh vườn. Nhóm ma mới thường sắp hàng ngồi dọc trên bờ thành hồ có hòn non bộ giữa sân. Khuya khuya, nếu ai dạn dĩ có thể rình xem họ ngồi bắt chíp cho nhau, hoặc đọc cả những cuốn sách, mà có người quả quyết đó là truyện Chàng Nhái Kiển Tiên, truyện Lão Trọng Tiên Bửu hoặc truyện Phạm Công Cúc Hoa...

Ba tôi vừa kể, vừa cười. Nhưng trong nụ cười của ông có phần nhỏ nhẹ, giữ lễ lẫn thủ thế. Ông cũng không quên nói vớt: kẻ khuất mặt, khuất mày thì ở đâu cũng có, miễn mình đừng chọc giận, đừng đụng chạm đến họ, tránh voi chẳng xấu mặt nào...

Trong mỗi lần ngã bệnh, ba tôi đêm đêm thường nằm nói nhảm. Có lúc ông đọc thơ Thúy Kiều trộn lẫn với Lục Vân Tiên...Tôi đâu đã biết gì về nàng Kiều, nàng Nguyệt Nga, chỉ nghe ba tôi đọc thơ như rên rỉ, và không quên nói với tôi:

- Thơ Kiều đó con, thơ Vân Tiên đó con...hay lắm, lớn lên con sẽ học.

Cũng nhiều lúc ba tôi xỏ hàng tràng tiếng Tây, có lẽ ông nhớ đến thời ông ngồi trên ghế trường Pellerin ở Huế....Rồi một đêm, giữa khuya, chẳng đau ốm gì, ba tôi ngồi dậy, hé cửa nhìn ra sân. Tôi toát mồ hôi thấy ông giặt mình quay lại giường, ôm lấy tôi. Ba tôi vốn cũng nhát gan. Nằm trong lòng ông, tôi nghe ông cụ cựa cả đêm với những tiếng thở dài lo lắng.

Về phía chú Kinh, không hiểu vì lý do gì, một hôm sau khi đi làm về, chú Kinh chạy thẳng vào căn nhà có đặt nhiều bàn thờ. Nghe nói chú đã nhảy lên đài vào hầu hết các bài vị trên ấy. Miệng không ngớt thách đố, chửi tục vung vít. Biết chuyện, thím Kinh tái mặt, run cầm cập. Thím đã trốn chú Kinh, mua nhang đèn, len lén về vái van dâng sau mấy gốc cây trong vườn. Thím không dám bước chân vào gian nhà đầy đầy những oan hồn.

Năm ba hôm sau, không rõ vì bị một chứng bệnh kỳ lạ, trùng hợp, hay vì một nguyên nhân thần bí nào, hạ bộ của chú Kinh sưng vù. Bước đi cang náng, khó khăn. Chú nằm nhà nhưng không ngớt miệng chửi vợ vẫn và nói nhảm như một người trúng tà. Chưa hết, vào một buổi trưa, có lẽ là ngày Chủ nhật, sau một trận sấm chớp và mưa núi, trời bỗng sáng ra chảnh quánh. Cái nắng quá ngọ như đã được lọc, vàng ánh, trong veo. Thím Kinh thấy dưới cầu ao, đã có nhiều bóng người đèn giặt giũ. Thím cũng thu dọn tã lót của con để đem đi giặt. Thím ngửi thấy mùi nước tiểu âm chiếu chiếu nổi, bỗng con ra để tạm trên giường của hai vợ chồng. Thằng nhỏ kháu khỉnh, rất ít khóc. Thím Kinh đến gỡ tã chiếu nổi, và khựng lại...Thím thấy ngay dưới gò nằm của thằng con có một chiếc vòng ba màu, lớn hơn miệng chén. Thím Kinh thò tay lấy, bắt thần thím hét lên, ngã ra bất tỉnh. Nghe tiếng thất thanh của thím Kinh, ba tôi và nhiều người lớn dưới sân lần lượt chạy lên, xoa dầu, giựt tóc cứu Thím Kinh tỉnh dậy. Cái vòng thím Kinh định cầm xem chỉ là một con rắn mái gằm mới sinh. Rắn mái gằm còn có tên rắn cạp nong,

đây là một loại rắn có nọc độc kinh khủng nhất ở Tiên Phước. Sau khi bị rắn này cắn mọi con mồi, kể cả người, đều ngã ra, chết tại chỗ. Một câu tục ngữ của dân bản xứ phản ánh cái tàn độc đó: *mái gằm tại chỗ, rắn hổ về nhà*. Thím Kinh chưa bị rắn cắn, con chị cũng an toàn. Nhưng đám dân đã xì xào: một cảnh cáo, một dẫn mặt...của ai đó, họ không dám gọi tên.

Gia đình chú Kinh đã dọn đi ngay buổi chiều hôm đó. Tôi ứa nước mắt đứng nhìn chú thím ấm con lặng lẽ ra đi như trốn chạy một cái gì. Bước đi của chú Kinh vẫn còn thấy khó khăn. Chú không nhìn ai. Mặt chú bọt bạc và cả người như mệt mội, chỉ chực đổ nhào xuống. Tôi vừa buồn cho sự chia tay, vừa lo sợ quẩn quít trong lòng. Nhưng tôi không phải hồi hộp, lo sợ lâu, như đã nói ba tôi là người nhất gan, chỉ sau một đêm, ba tôi dẫn tôi đến ở đậu nhà ông Viện.



Tiên Phước thời bấy giờ, hay đúng hơn khu vực chúng tôi ở vào thời ấy, dưới mắt tôi, không quá hai mươi nóc gia. Trong chừng hai mươi gia đình này, giàu nhất, không ai khác hơn là ông Viện và ông Cứ.

Nhà ông Viện là một cơ ngơi rộng lớn, gồm ít ra ba bốn ngôi nhà ngói, được xây cất trên một khoảnh đất cao ráo, vây

quần chung quanh một sân gạch rộng như một sân bóng tròn ở chợ Huyện. Tôi không biết chính xác gia đình ông Viện mưu sinh bằng nghề nghiệp căn bản nào. Có lẽ gia đình ông có nhiều nương chè, nhiều rẫy quế, nhiều hồ tiêu...Tóm lại là khai thác, kinh doanh nhiều loại lâm sản.

Ở Tiên Phước cũng có một ít cánh đồng lúa, nhưng diện tích những cánh đồng này thường là những rẻo đất nhỏ, nằm vắt vẻo trên những ngọn đồi thoải thoải. Và tôi đoán rằng những vạt lúa xanh thưa thớt này đều thuộc quyền sở hữu của ông Viện hoặc ông Cứ. Nghề đồn củi, xẻ gỗ gần như tôi chưa gặp qua. Hào hứng, hấp dẫn tôi nhất là đại gia đình ông Viện theo đuổi nghề săn bắn.

Những cảnh phơi lưới, vá lưới, mà tôi thấy ở các làng sống về đánh cá sau này, tôi đã sớm thấy từ nhà ông Viện. Dĩ nhiên những cuộn lưới của nhà ông Viện thuộc loại sợi to và gồ ghề, kèn càng hơn nhiều. Cùng với lưới tôi cũng được nhìn tận mắt những loại bẫy bằng sắt lớn nhỏ nhiều cỡ, dành riêng cho từng loại thú. Chủ yếu các giống thú thường được săn đuổi, gài bẫy ở Tiên Phước là chồn và heo rừng, mang, nai...

Nhưng bẫy và lưới không đem cho tôi nhiều chú ý và thích thú bằng bầy chó săn nhà ông Viện nuôi. Dễ chừng có đến ba mươi con, đủ màu lông, trắng, đen, vàng, vện, mốc, đốm....Những con chó thật khỏe mạnh. Gần như không có con nào quá mập hoặc quá ốm. Chân của chúng đều cao, bụng thon. Đuôi một số con hình như được cắt bỏ bớt. Chúng sống với nhau một cách hòa bình. Không mấy khi gây gổ và cắn lộn nhau. Chúng có những máng ăn là những gốc cây dài, được đẽo rộng thành máng. Khi cám, chuối và một thứ gì đó được nấu chín, đổ đầy các máng, người nhà ông Viện dùng một cái *boulon* (bù loong) dài đánh vào một đoạn rầy đường sắt đã treo sẵn trong một chái hè. Tức thì bầy chó săn tề tựu lại dùng bữa với nhau, thật hòa nhã, lịch sự, không tranh dành, không háo hức. Một hình ảnh bất nhẫn làm tôi không ưng ý và khó chịu nhất là chọn giống. Tôi đã từng thấy, người nhà ông Viện tuyển lựa những con chó con chưa mở mắt, một số để lại nuôi, một số đem quăng sông cho nước cuốn. Sự tàn bạo đối với một sinh vật cận kề có đủ cả nghĩa trung thật khó tha thứ cho những người xử sự, mà

đứng đầu là ông Viện, một người tầm thước, khoẻ mạnh và không thiếu lịch lãm, hoạt bát.

Khi đến nhà ông Viện, chúng tôi ở trong một căn nhà ngang tương đối rộng rãi. Ngoài cái giường tre có sẵn, ông Viện còn cho chúng tôi mượn một cái bàn và mấy cái ghế đầu. Ba tôi sắm thêm một bình đựng nước và mấy cái chén nhỏ dùng để uống nước chè. Cơ quan của ba tôi lại thêm một lần thay đổi vị trí. Ba tôi vắng nhà liên tục nhiều ngày nên ông phải gọi tôi cho người nhà ông Viện trông nom. Ba tôi cũng cho tôi biết, má tôi sắp dẫn chị và em tôi về sum họp và định cư tại Tiên Phước. Tôi mừng trong bụng, nỗi sợ khi vắng người thân tự nhiên thấy giảm đi nhiều. Trong thời gian chờ đợi má tôi đến, ba tôi còn cho tôi đi học.

Những ngày sau cùng bỏ Hội An, tôi đã được sắm cho cặp táp, vở, bút chì, và cũng đã có một vài buổi đến một trường mẫu giáo, nhưng chưa học được quá mấy chữ a, b, c...

Trường học chính thức đầu đời của tôi là một đình làng trên vùng đất núi rừng Tiên Hội này. Khác với cái đình tôi đã ở, ngôi đình này rộng hơn, khang trang hơn và có đầy đủ những cánh cửa. Bệ thờ trong đình không nhiều, nhưng trên các bệ thờ hầu hết còn đủ các vị thần ngồi, đứng yên lặng theo đúng sự thiết kế, bố cục từ trước. Trong đám tượng thờ này, tôi cũng gặp lại ba ông bạn cũ Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi của tôi dưới một lớp áo màu mè khác.

Lớp học không có bàn cũng không có ghế. Với sĩ số chín, mười đứa cao, thấp không đều. Chúng tôi đều nằm sấp, hoặc ngồi sấp bằng để học, tùy theo từng lúc tập đọc hoặc tập viết, đúng hơn là tập đồ lại những chữ đã được thầy viết sẵn. Chúng tôi không học i, tờ như các lớp bình dân học vụ sau này, mà vẫn bắt đầu bằng a, ă, ó, e, ê, i...

Người thầy đầu đời chính thức của tôi là thầy Y. Danh xưng này chính xác trăm phần trăm, không phải vì sợ trùng lặp sự thật ở ngoài đời mà tôi viết tắt hoặc thay đổi. Tên gọi thân thương này đúng là tên tôi đã từng được gọi một thời. Tôi chỉ không rõ phải viết bằng y dài hay i ngắn, vì ngày đó hình như tôi không có dịp viết tên thầy một lần nào.



Thầy Y của tôi không biết bây giờ ra sao ? Còn sống hay đã ra người thiên cổ ? Khả năng tồn tại cùng thời gian của thầy, kéo đến lúc này quả là khó. Dễ gì vượt qua những khắc nghiệt của cuộc sống vốn vô cùng kham khổ trong chiến tranh. Dù sống hay chết, con cũng tin thầy hiểu được sự kính yêu lòng biết ơn bày tỏ thật muộn màng của con.

Đứng cạnh ‘trường học’ của tôi có một mái tranh thấp. Đó là mái ấm của một cặp vợ chồng già, không con. Ông bà vẫn khỏe mạnh và dễ tính. Người đàn ông cũng búi tóc như vợ, nhưng cái búi tóc của ông chỉ to bằng một quả thầu dầu khô, tương đương như một trái mù u. Suốt ngày ông lão cỡi trần, ngồi vót những sợi mây rừng thành những sợi giây để cột. Ông ngâm thường trực trên môi một miếng thuốc lá lớn, nhưng rất ít khi thấy lửa và khói trên đầu ngọn thuốc. Ông cười nhiều hơn nói khi chúng tôi xúm xít bên ông. Tôi thường quan sát tỉ mỉ cái rựa ông cầm để vót mây. Cán rựa bằng một ống tre bóng ngời, vì đã được bàn tay thô nhám của ông cọ xát đến độ lên nước. Lưỡi rựa sáng loáng và hơi nhàn nhạt xám ở gần cái mũi cong của nó.

Những sợi mây đã vót xong được thả nằm chài bãi trên mặt sân đất. Một con gà mái dẫn một đàn con sáu, bảy đứa lúc thúc, quanh quẩn, mổ lia lịa. Con gà mẹ luôn miệng gọi con và thỉnh thoảng nghiêng má nhìn trời nghe ngóng. Ó, quạ ở cánh rừng này khá nhiều, nhưng không sao, chúng đã có vợ chồng ông bà che chở.

Từ lu nước, bà vợ quơ cái chổi là nguyên một cái tàu cau, quét ra. Những vụn mây từ lòng rựa ông chồng vãi bừa bãi, được bà vợ kịp thời gom lại thành từng nhúm nhỏ. Hai vợ chồng gần như ít khi nói chuyện với nhau. Tình yêu thương đậm đà, khăng khít không còn cần đến ngôn ngữ. Cái rừng, cái núi, cái lá, cái cây hiểu lòng họ lâu rồi, và họ cũng hiểu nhau như hiểu cái cây, cái lá, cái rừng, cái núi. Họ sống đơn giản không cần nhớ đến tên, tuổi. Chẳng thể nào đoán đúng cái chiều dài thời gian cặp vợ chồng này đã có mặt trong cuộc sống này. Nhưng qua thầy Y, đám nhóc chúng tôi cũng biết ông ‘già rừng’ tên Hộ. Biết chi để biết thế thôi. Chúng tôi chẳng thẳng nào dám gọi tên ông bà.

Điểm đặc biệt về nhân dạng của ông bà Hộ là những ngón chân cái của họ. Những ngón chân cái thô sần, bè ra, với cái đầu

ngón nghiêng ra ngoài. Nếu để cặp chân song song, hai ngón chân cái sẽ cụng đầu vào nhau. Họ hẳn là hiện thân của một giai đoạn chúng ta, giai đoạn Giao Chi.

Tôi đã được ăn rất nhiều củ khoai vang nóng hổi, bươi ra từ bếp tro của ông bà Hộ . Những trái chuối chát to lớn, chín ngọt có rất nhiều hột đen, như những hột tiêu, tôi cũng được ăn lần đầu ở đây, trong sự yêu mến của ông bà. Dù gì tôi cũng là một thằng bé trắng trẻo, dễ thương nhất của đám học trò thầy Y.



Một hôm đi học về, tôi vô cùng mừng rỡ, má tôi, chị Kim Anh và em Hân...đã có mặt tại nhà ông Viện. Hơn thế nữa, ngoài người cháu gái tên Bông của má, mà tôi đã biết, má còn dẫn về cho tôi một người chị, con đời chồng trước, đã mất của bà. Đó là chị Hòa. Chị Hòa lúc này đã là một thiếu nữ.

Ba tôi cũng về đến nhà ông Viện ngày hôm sau. Dự định của ba má tôi là phải tìm mua một căn nhà, hoặc tìm đất dựng nhà. Tôi không rõ kế hoạch này được thực hiện ra sao, chỉ thấy vài ngày sau, má tôi dẫn chị Kim Anh vào lại Quảng Ngãi, hình như để tính toán thu hết các món nợ trong đó. Cùng lúc, ba tôi phải sớm lo tìm cho được một mái nhà riêng.

Nhờ vào tài tháo vát hoặc nhờ vào những may mắn, chẳng mấy ngày sau, ba tôi xin phép ông Viện, dẫn chúng tôi đến một chỗ cư ngụ mới, trước mấy ngày má tôi cùng chị Kim Anh về tới Tiên Phước. Gia đình ba má chúng tôi chính thức tái lập nghiệp giữa núi rừng, nơi dung dưỡng nhiều loại thú quý lẫn dữ tợn như rắn rít, cạp beo...

Khởi nghiệp của ba má chúng tôi là một ngôi nhà tranh khang trang trên một ngọn đồi. Ngôi nhà này ba má tôi đã mua lại của một người đàn bà, ở tuổi ba mươi, chưa chồng mang tên chị Bé. Chị Bé hình như cũng là con của một địa chủ không may, lâm vào cảnh toàn gia tuần tự qua đời. Chị Bé đã thoát bàn tay tử thần nhờ sự quyết tâm bứt ra, trông đời riêng của mình trên một mảnh đất khác. Chị Bé cũng đã tìm được tình yêu. Sau khi bán nhà cho ba má chúng tôi, chị Bé theo chồng lên tuốt Trà My.

Để có một nơi cư ngụ thoải mái, ba má tôi đã cho làm thêm một ngôi nhà mới, đứng cạnh ngôi nhà đã mua. Cả hai ngôi nhà gần như liền nhau, được lợp bằng tranh sắn dày, một loại tranh tốt nhất, có khả năng chịu đựng mưa nắng trên mười năm. Tôi biết được điều này nhờ nghe lời bàn bạc giữa ba tôi và những người đến góp tay dựng nhà.

Tôi vẫn nhớ thật rõ nét cả khu nhà đã cư mang tôi rờn rã gần sáu năm. Dưới mái tranh là những kèo cột bằng những cây tre ngâm vũng chắc, kết lại với nhau hầu hết bằng những nút mây bền bỉ, dẻo dai. (Mây là một loại cây, mình giây, thân có nhiều gai rất nhọn, mọc nhiều trong rừng, ngay bên những con đường đi núi đã mòn nhẵn. Mây tươi được đốn về, rút vỏ và phơi để thành sợi dùng vào việc cột buộc. Những thân mây lớn còn được dùng để làm bàn, ghế hoặc rương, thùng vv...) Nền nhà bằng đất núi, nện cứng như một loại xi măng. Vách nhà không bằng phen nan, mà được dựng bởi những cột tre to bản, đan kín lại với nhau, sau đó trét cả hai mặt, trong, ngoài, một loại đất sét, để tạo cho vách nhà có độ cứng chắc như một bức tường gạch. Ba má chúng tôi không làm cửa chống lên, sập xuống để ra, vào như hầu hết những người khác. Cửa chính của nhà chúng tôi được mở đóng tương tự như những nhà xây dựng ở phố thị.

Như đã kể, nhà của ba má chúng tôi tọa lạc trên một vùng đồi, nên chúng gần như đứng trên nóc xương chè lớn nhất, đã

ngung hoạt động của Tiên Phước thời bấy giờ . Theo hướng cửa chính của khu nhà, xưởng chè Tiên Phước nằm rụt đầu ở phía trái vườn nhà chúng tôi. Để xuống vọc cát chơi quanh xưởng chè, tôi và Hân thường phải tuột một đường dốc đất. Cuối đường dốc này tiếp nối với một con đường mòn, hai bên mọc đầy hoa đủ dẽ, chen lẫn với các loại cây khác như ráy, duối, đùng đìnhh...Con đường mòn này cũng dẫn tuột xuống thị xã Tam kỳ, đi bộ hoặc bằng hai bánh xe đạp. Trước khi tuột dốc, xuống mặt đường mòn, cần phải qua một vạt đất, mà tùy theo mùa má tôi cho trồng sắn, khoai lang, hoặc sam. Sam là một loại cây ăn củ, còn có tên gọi là Trút, khi mài củ thành bột gọi là bột bình tinh. Những danh xưng này là tiếng miền núi, có thể khác đi với những nơi khác, tôi không được rõ lắm.

Nếu cánh trái, chúng tôi phải tuột một dốc đất để đi đây đi đó, thì bên cánh phải chúng tôi phải xuống bằng một con dốc có bề rộng trên năm mét, toàn mặt dốc bằng đá tảng, chất chông thoi thoải lên nhau. Sự gổi đầu của những tảng đá có nhiều loại diện tích, nhưng có chung một màu trắng xám, không tạo những bậc cấp để bước mà chỉ lải lải xuôi xuống con đường lớn phía dưới. Dốc đá này đủ tiêu chuẩn để gọi là một phong cảnh đẹp. Bởi ở đây cây lá xanh tốt, luôn luôn phảng phất một mùi hương hoa, không nếm mà vẫn nghe được vị ngọt. Tuy vậy, chúng tôi rất ít khi xử dụng con dốc đá này, vì đến với nó mỏi chân lắm. Và vào ban đêm gần như tuyệt đối không dám qua. Bởi dân địa phương cho biết, tại dốc đá này có nhiều loại rắn lớn và độc, đồng thời cũng là chỗ ngồi rình mồi của nhiều anh chị beo rừng.

*đầu dốc đá có con beo lớn  
tối tối ngồi chờ dọa người qua  
mòn cả đất không ai qua lại  
con beo buồn giỡn bóng trắng sa*  
(Ngày ở Núi - Trôi Sông)

Cũng ở bên cánh phải, tiếp giáp với mặt sân đất là những hàng cây chè tàu, chụm đầu với nhau thành một bụi cây dài. Đây là giang sơn của tôi và Hân. Chúng tôi đã khéo léo phát rỗng lòng bụi cây thành một cái động khá rộng rãi. Ngày ngày chúng tôi quét dọn sạch sẽ lòng động này, rồi trải trong đó một chiếc chiếu cũ. Những món đồ chơi linh tinh được đem vào đó cất giữ.

Hiện diện trong động chèo tàu của chúng tôi, còn có một vài con rắn mối mà chúng tôi thường cho ăn nên chúng lui tới thường xuyên. Về sau còn tăng cường một vài con gà giò, đó là thời kỳ chúng tôi nuôi ‘gà tự túc’.

Bụi chèo tàu mát mẻ đó còn là một cái hầm lộ thiên trốn máy bay của tôi và em Hân. Không hiểu sao, khi ngồi dưới mái lá xanh mông mảnh kia chúng tôi vô cùng yên tâm khi máy bay khu trục của Pháp lượn gần sát bên trên. Và kỳ cục hơn nữa là chính má tôi cũng có lần chui vào đó với cả cái hòm đồ quý giá của gia đình. Ngày tôi rời Tiên Phước, dù không biết trước sẽ không trở lại, tôi cũng đã đứng thật lâu trước cái vòm cửa rúc vào lòng bụi. Tôi chưa biết ngậm ngùi nhưng rõ ràng đã có một cái gì đó rất lạ trong lòng.

Bạn vàng,

Xin đừng trách tôi lắm cảm nghe. Viết, kể về một nơi đã sống, tưởng giản dị, dễ dàng, nhưng không đâu, nhất là đối với tôi. Cùng một lúc bao nhiêu hình ảnh sống dậy trong lòng. Hình ảnh nào cũng thân thương, cũng ruột thịt cả. Bỏ làm sao, loại làm sao, những chi tiết vốn biết thờ, biết cả nhớ nhưng lẫn hờn giận. Rõ ràng tôi đang nghe tiếng khóc của một nhánh quế. Rõ ràng tôi nghe giọng hồn lầy của cái sân đất một chiều mưa phún chớm xuân, còn lộ lộ những vết chân gà lúc thúc bên những nhánh hoa cải. Bạn cho phép tôi nói tiếp nhé....

Hướng trước mặt nhà của chúng tôi, mở mắt ra đã gặp một dải lụa sáng loáng. Sự lấp lánh hình như thay đổi mỗi ngày. Từ cái vàng ói, đến cái phơn phớt mỡ gà, ánh nắng ban mai tuyệt nhiên không bao giờ giống nhau. Tôi cảm biết như thế. Tôi đã từng theo chân cái tầng sáng này nhiều lần. Và bao giờ cũng cảm thấy hụt hơi, để rồi sau đó đi luồn trong vạt quế, tiến sát đến bìa khu vườn, nhìn xuống quán hàng xén của bà Ngữ, một người cũng là dân tản cư như chúng tôi đến lập nghiệp.

Quán hàng xén của bà Ngữ không lớn, nhưng có bán nhiều thứ tôi ưa thích, chẳng hạn như những miếng bánh trắng hình tam giác, lớn cỡ bàn tay, có tấm đường. Trên mặt chất ngọt nâu nâu là những hạt đậu phụng rang, được đặt nằm dính cứng, không sát nhau lắm. Những miếng bánh trắng đó được gọi tên là kẹo đậu phụng, một món ăn tôi ghiền một thời. Cùng với kẹo

đậu phụng là những bánh khoai, bánh da dẽo, kẹo ú... Mỗi thứ một ngôn ngữ riêng, luôn luôn lên tiếng rừ rừ tôi hàng ngày. Những bữa cạn nhãn tiền quà, tôi đứng dựa vào thân quế, nhìn xuống. Và một đôi khi, xòe bàn tay phủi sơ thân cây quế, kê răng cắn một miếng. Vị cay chưa chín tới, phần nào đã đánh lui chốc lát cái thèm ngọt đeo dính tôi đến sau này..

Trước mặt nhà như thế, còn phía sau ? Hai căn nhà của ba má tôi, đứng dựa lưng vào những tảng đá cực kỳ lớn. Có tảng đầu nó xấp xỉ ngang mái nhà. Chúng đã sống ở đây tự bao giờ ? Mãi mãi sẽ là một khối cảm lạnh ? Chúng không biết làm tình nhưng hình như thỉnh thoảng sinh con? Tôi đã nghe qua, nhiều vùng đá ở Tiên Phước có nhảy thêm những tảng đá con.

Sau những lần ăn những trận roi của má, tôi thường tìm ra với những tảng đá này. Dựa lưng chúng mà thút thít. Hoặc ngồi bệt dưới chân chúng, bứt những ngọn cỏ đá (tên gọi của lá thuộc bài của chúng tôi thời ở Tiên Phước), một cách thô bạo, để rồi lơ tay dần dần, lòng cũng nhẹ theo. Cái ám ức như tan biến. Sự vỗ về của đá quả nhiên kỳ diệu.

*Tôi đứng cùng với đá  
trên ngọn đồi thông dong  
chúng tôi không ai nói  
nhưng nghe nhau thì thầm*

*đá rằng đá không phải  
hồn nhiên đứng ngàn năm  
tôi rằng tôi không phải  
sống suốt đời động tâm*

*đá rằng không phải đá  
hạnh phúc một đời cảm  
tôi rằng tôi không phải  
lăn miết đời long đong  
(cùng đá Tiên Châu - Trôi Sông)*

Giữa tôi và đá tảng luôn luôn có sự thông cảm mơ hồ, mặc dù sau này tôi nghiệm ra:

*đá sống đời của đá  
cây sống đời của cây  
riêng tôi thích sống ké  
vào cả vũ trụ này*  
(Ngắm Đá - Mời Em Lên Ngựa)

Cái vũ trụ ở sau vườn nhà tôi đang quá tải nhiều loại cây, đề huề sống bình đẳng với nhau. Bây giờ chúng vẫn tiếp tục xum xuê trong lòng tôi.

Mất vào đâu được, những hàng cau cao vút, thân thẳng, đầu lá xòe ra như một cái dù, xanh. Hương hoa cau là một mùi hương khó tính. Không dễ gì nó mang cái quý phái của nó trao gửi qua đường cho một người vô tình. Đã mấy lần tôi nhận ra hương hoa cau ? Hiếm lắm. Tôi bình dị, tầm thường, nên chỉ hay nghe được những tiếng gió cù lét trong tàu lá. Hoặc thân mật hơn, buộc một cuống lá chuối quanh thân cau, rồi ngồi ngắm những dòng nước mưa đông xuôi từ những tàu lá đến cuống chuối, đổ vào những bẹ chuối khác đã được kết nối như một máng xối đơn giản, dẫn nước mưa vào lòng ảng, lênh bênh cái gáo dừa dài cán.

Mất vào đâu được, những cây mít sai trái, khô, ướn ngon ngọt. Lưỡi tôi đã bao nhiêu lần thâm đen vì dái mít chấm muối ớt . Cái vị bùi, chát, mặn, cay hòa hợp thật linh hiển. Tôi đã chăm, đã đội biết bao nhiêu mũ cánh chuồn bằng lá mít xanh. Dù chẳng bao giờ có một sân khấu giúp tôi diễn cảnh Lữ Bố hý Điêu Thuyền. Tôi mãi mãi không là một vị quan văn, võ, nhưng hoài hoài là một ông vua của tưởng tượng, hoài niệm.

Cùng với cau và mít, thấp bé hơn, ở sát mặt đất hơn, nhưng nhúc nhính bụi thơm, bụi ráy lẫn lộn cùng những lùm rau sung, cải tàu bay, bắp cá....Tôi thành thật xin lỗi tất cả những loài cỏ hoa mà tôi quên, hoặc chưa kịp biết tên một thời ở vườn sau nhà. Xin các bạn khước bạc má, bù chao lùm, bìm bịp, khách đen, vàng anh..tiếp tục hót, giúp tôi chia những lời xin lỗi, thăm hỏi thật đồng đều...Nhớ nhé, những con rắn lửa, những con rắn học trò cũng có phần....nhớ quá.

Bạn ạ, nói lung tung như vậy, bạn có biết được điểm đứng của căn nhà, nơi một nhánh ấu thơ tôi phát triển ? Thêm một vài chi tiết để tọa độ bạn chấm khỏi sai lệch nhé. Nhưng nhớ chỉ rót vào đó những trái đạn cối bằng mơ mộng và tình thương yêu.

Từ nơi cư ngụ của ấu thơ tôi, có thể nhìn thấy một cánh đồng nhỏ. Ở đó, ngoài những con cá lia thia lực lưỡng và nhiều màu sắc sắc sỡ, nép mình dưới chân một gốc mạ, hoặc giữa một nhúm nước bọt tròn tròn như bãi nước miếng, còn có những con rạm đồng với đôi mắt thao láo, thách thức, những con đĩa dài ngoằng đen nhánh, lượn lờ uyển chuyển. Tôi có cái hân hạnh được nhiều lần bị đĩa hút máu, nhưng không bỏ được cái run sợ, rùng mình bởi cái nhom nhóp của thân thể loài đĩa.

Quanh đi, quẩn lại thì ra bạn đã biết cái vạc đất Tiên Châu của Tiên Phước ngày ấy. Một Tiên Phước mà tôi viết đi viết lại nhiều lần, vẫn thừa ra những cái vụng về và thiếu sót hàng trăm điều thân thiết. Mặc dù tôi vốn là một anh học trò đảng hoàng, ngay từ những ngày đầu đời. Bạn xem coi:

Theo với sự chuyển dịch của thời gian. Tôi đã theo học tại một trường tiểu học ở Tiên Hội. Tiên Hội chẳng cách Tiên Châu bao xa. Nhưng cùng với vài quyển vở đóng bằng giấy ‘tự túc’ vàng xỉn, tôi còn mang theo một nắm cơm gói trong lá chuối. Rất kén ăn. Tùy tạng, khẩu vị không thích ứng được nhiều loại cá, mắm, nên tôi thường dùng cơm lạt nếu không có một cục đường đen, hoặc một trái chuối ăn kèm.

Ở lớp học, tôi bắt đầu có bạn. Và tính đi tính lại, nhớ tới nhớ lui, tôi vẫn chỉ nhớ được một thằng bạn độc nhất với tên Em A. Thật ra tên thằng bạn của tôi là Em, nhưng vì trong lớp có đến hai thằng Em, nên nó được tặng viện thêm một chữ A, để khỏi nhầm lẫn.

Thằng Em A láu cá hơn tôi nhiều. Nó tối dạ với chữ nghĩa, nhưng mọi cuộc chơi nó đều xuất sắc. Nhờ bỗ tức ưu điểm cho nhau, tôi thân nó, chắc vậy. Em A dạy tôi những trò chơi rất người lớn, như kéo quốc, săn chồn, đốt ổ ong...Hai đứa như cặp bài trùng, cùng bắt đầu đen thui vì da ăn nắng và óm nhom, óm nhách vì lười ăn, lười cả ngủ.

Phong trào sinh hoạt công cộng được phát động. Đám học



trò chúng tôi đều có mặt trong đội ngũ nhi đồng với phù hiệu là hình vẽ một búp măng non. Những buổi du ngoạn và những cuộc cắm trại được liên tục thực hiện. Nhờ những cuộc đi chơi xa này, tôi biết được nhiều nơi khác thuộc lãnh thổ Tiên Phước. Hình ảnh còn đọng lại bền vững trong trí nhớ của tôi là dòng sông Tứ Hòa.



Đây lòng một dòng sông tương đối rộng, lưu lượng nước bất thường. Ban ngày mực nước thấp, người lớn có thể đi bằng ngang sông. Nhưng ban đêm, nhất là vào giữa khuya, nước nguồn ào ạt đổ xuống sẽ cuốn đi bất cứ cái gì trên mặt sông, kể cả một con trâu to lớn. Nét đẹp của sông Tứ Hoà nằm dưới lòng sông. Một lòng sông được thiên nhiên lót toàn những đá tảng. Nước trong xanh, nhìn thấy được tận đáy cả nhưng con cá nhỏ bằng một lòng tay trở. Giống cá này màu đen, dẹp lép với cái bụng có chất nhựa, nên khi bắt chúng lên có thể ép dính ngay lên mũ đội như một huy hiệu rất ngộ nghĩnh. Cho đến bây giờ tôi cũng không rõ, có phải dòng sông Tứ Hoà ngày nọ của tôi thuộc một phần của sông Tiên, mà tôi đọc thấy trên sách vở ?

Ngoài sông Tứ Hoà, tôi còn đến được một vài vùng của huyện Trà My. Nơi có nhiều núi non hiểm trở và cũng giàu có

thú dữ hơn Tiên Phước. Phải nhìn nhận rằng ở Trà My có những tảng đá thật dị hình dị tướng, nằm bên cạnh những tảng đá thật lộhng lầy, bằng phẳng, rộng như một mặt sân quần vợt.

Nhờ đến Trà My, tôi mới nhận ra Tiên Phước ảm áp hơn. Cái ảm không đo bằng khí hậu, mà đơng bằng hơi thở của con người. Cỏ cây muông thú của Tiên Phước dường như nhờ tiếp xúc cận kề với một sinh vật thông minh, giàu tình cảm nên cũng dần dà trở nên hiền hậu, rạng rờ ra. Những ông ba mươi (cọp) nghe nói một phần lớn đã khăn gói di tản qua Trà My hoặc lên phần đất cao hơn nữa, những Hiên, những Giăng...mù mù khí độc. Tuy vậy vào đúng một đêm ba mươi cuối năm, tôi được mục kích tận mắt một cuộc săn bắt một con cọp rònng rã suốt ba ngày Tết Nguyên Đán.

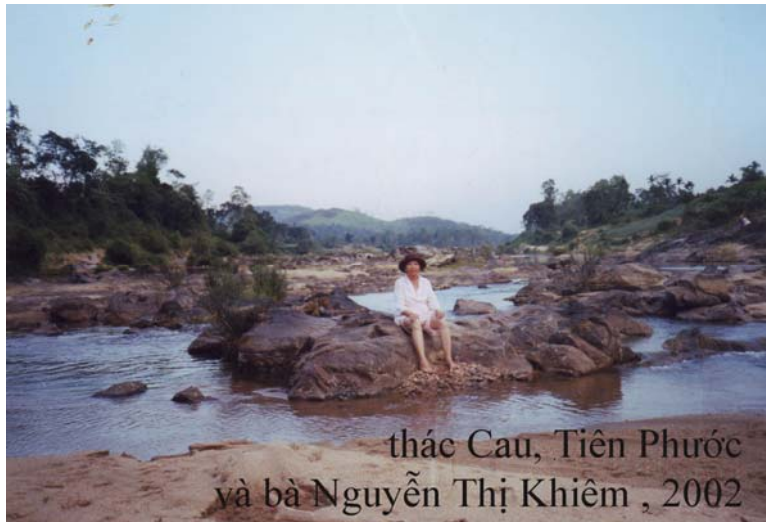
Chuyện khởi sự vào tối hai mươi chín. Một chúa tể sơn lâm, không hiểu tình cờ hay cố ý, đã ghé thăm nhà một người dân bản xứ. Nhân thấy con heo mập mạp của chủ nhà định ngả thịt đón năm mới. Ông chúa tể cảm bụng không đậu, bèn xơi ngon lành mất nửa con heo. Số thịt còn lại, ông giấu dưới một hốc cây cách đó không xa. Cả gia đình người chủ heo, đều biết ngay sự có mặt đầy đe dọa của người khách rừng xanh, nhưng chỉ lạng lẽ cố thủ bằng những mũi mác, những mũi vạ bén ngọt, chờ cho đến rạng đơng hôm sau.

Dẫu biết rằng ông trùm sẽ trở lại thu hoạch tiếp số thịt đã cất giấu, nhưng quá cận ngày Tết, không thể đi mượn của người. Gia đình người mất heo đành phải xử dụng mấy cái bẫy heo rònng ngay tại khu vực có số thịt còn để lại.

Đêm xuống, Tiên Phước im lạng chìm trong hơi sương và khói đá. Hai cái lạng từ trời từ đất gặp nhau giữa một thời điểm sắp sửa giao mùa, càng làm tăng sự ảm cúng, đậm đà của lửa bếp nôi bánh tết. Không mấy ai biết một ông bạn ba mươi đang đập lần lượt hai cái bẫy heo rònng vào một chân trước, một chân sau. Với sức mạnh và tức giận có lẽ lên đến cực độ, con cọp thiếu may mắn đó, đã nhỏ tung hai cái bẫy sắt, được đóng sâu trong đất núi bằng hai cái cọp sắt dài và băng chạy vào rònng, vốn nằm tiếp giáp ngay sau hè nhà.

Chiêng trống tức thì được gióng lên vang dậy một góc rừng. Tôi bung chạy đi xem, mặc dù ngay phút ấy, ba tôi từ nhiệm sở phôi phối bước lên thềm nhà, sau cả tháng xa gia đình.

Cũng như mọi cuộc săn trước. Nhân lực thiện nghệ của hai gia đình ông Viện và Cứ được tự nhiên huy động. Hai đàn chó săn hùng hậu của hai ông tức khắc được phối hợp, cùng nhiều lực lượng lẻ tẻ khác. Còi sừng trâu vo vo bay trong gió sớm mù sương và hơi đá núi tan dần. Cuộc săn đuổi được thực hiện nhịp nhàng. Những con chó hăng hái lắm lũ lao vào rừng xanh. Những tràng ‘đánh’ *anh ách* của chúng thỉnh thoảng nổi lên, báo hiệu chúng vừa phát hiện một con mồi nào đó. Nhưng tuyệt nhiên chưa tìm ra được dấu vết của con cọp.



Những người đi săn lành nghề, nghe hiểu ngay từng tín hiệu qua ngôn ngữ của đàn chó săn gọi vói ra. Sự khác biệt giữa những tiếng sủa bình thường và những tiếng sủa được gọi là ‘đánh’ rất dễ nhận. Những tiếng ‘đánh’ này cũng được phân định khá chính xác giữa một con thú ít nguy hiểm và một con cọp dữ. Với một loài thú rừng bình thường như chồn, heo rừng, mang, nai, nhím... tiếng ‘đánh’ của chó săn thường dồn giã, quyết liệt. Với cọp, beo, tiếng ‘đánh’ ngoài cái tích cực còn pha trộn những gầm gừ, thủ thế. Nhưng dù phát đi những tín hiệu nào, giọng

‘đánh’ của chó săn cũng tạo nên những hào hứng tuyệt vời cho người tham dự.

Tôi cũng đã từng quyết tâm đổi một vài trận roi đòn của má tôi để được làm một cái đuôi của đoàn người đi săn. Nhờ đó một vài lần, sau khi cúnng lưới, tôi còn được chia cho một ít thịt rừng. Dĩ nhiên sự chia phần này có được chỉ vì những người chủ chốt cuộc săn muốn tỏ ra hào sảng, hoặc tán thưởng một thằng nhóc rần mắt, lì lợm.

Trở lại với cuộc săn ông Ba Mươi. Vào xế trưa, đàn chó săn đã phát hiện tung tích của con cọp mắc bẫy. Người ta bắt đầu giăng những cuộn lưới lớn chận đầu. Nhưng rừng quá rậm bước tiến đến con mồi khá khó khăn, có lẽ vậy. Những đòn bánh tét, những cái bánh ú, những ổ bánh tở, cùng những bánh hộc, bánh nổ... được bày ăn chung ngay giữa lòng rừng. Rồi đêm xuống, lửa được đốt lên. Tôi theo sát lưng một người anh đã quen mặt từ hồi còn ở nhà ông Viện. Ngày hôm sau, con cọp chuyển qua một chỗ ẩn khác. Đàn chó săn không ngừng bám ‘đánh’. Một vài cây súng hai nòng, được công an mang đến. Nhưng vị trí chính xác của con cọp vẫn chưa được định rõ. Thêm một ngày nữa. Con cọp có lẽ đã đuối sức. Hẳn đi dần xuống một sườn đồi. Lập tức người ta cho đốt rẫy tranh tiếp cận để vùng quan sát thuận tiện hơn. Nhờ sức gió, rẫy tranh chẳng mấy chốc trở ra những gòc đen sít mặt đất. Con cọp đã được nhìn thấy. Hẳn đang ở một khe suối. Thì ra hẳn đang cần nước. Hai người công an lãnh phần hạ thủ. Nhưng vì khá nhát gan. Họ thậm thò, thậm thụt tiến tới, đội lui mãi. Đám thợ săn phải mở đường. Họ cầm những mũi vạ sắt bén hăm hờ. Thú và người đã gằm gừ dãn mặt nhau. Hai tiếng nổ lớn chợt xé rừng vang đi. Con cọp to lớn ngã bật ngựa. Năm ba người trong đám thợ săn nhào tới. Bất ngờ con cọp vùng dậy, vươn tay chụp. Rất may động tác của hẳn không còn nhanh nhẹn và thiếu sức. Một phát súng nữa kịp thời đưa những người thợ săn đến ghì mũi giáo lên thân cọp. Họ mau lẹ bịt bốn chân con cọp bằng bẹ chuối tươi đem theo sẵn, và đốt trụ ngay những hàng râu ria của ông ba mươi.

Để đổi những lần roi ngang dọc... ‘nhớ chưa, chừa chừa’ của má, lần đó tôi phải tình nguyện tham gia vào việc đập chẻ lá. Thật ra, những lần roi mây của má tôi lần đó rất nhẹ tay, hơn nữa

hương vị mùa xuân cũng chưa kịp đi qua hết nên tôi thật bằng lòng với những gì mình đã làm.

Chắc bạn chẳng thể quên công việc đập chè lá, nhưng hẳn bạn chưa hiểu vì sao gia đình chúng tôi thường làm những công việc này?

Sau khi ba tôi bắt buộc phải có mặt thường xuyên ở nhiệm sở, đã nằm cách xa nhà. Má tôi phải trực tiếp quán xuyên gia đình. Bà trở về nghề buôn bán cổ hữu, dưới một dạng thực hành mới. Má tôi bắt tay vào việc thu mua và đổi chác các đặc sản của rừng như chè, tiêu, quế, cau khô... bằng cách đưa lại cho người tiêu dùng những vải kaki, thuốc ký ninh, đá lửa... và những hàng linh kinh khác. Nguồn hàng này, chính phủ Việt Minh xếp vào loại 'xa xỉ phẩm'. Má tôi giao dịch, trao đổi với một bạn hàng đã lâu. Bà này người Việt nam có chồng Tàu ở Tam Kỳ. Công việc làm ăn của má tôi có khá nhiều vất vả. Bà phải dùng nhiều đến đôi chân. Phụ tá đắc lực của má tôi là Bông, con thứ của em gái má tôi. Ngày ngày hai dì cháu ra đi khắp các thôn xóm. Bông gánh một đôi bầu. Má tôi xách một cái cân tay bằng sắt không nặng lắm.

Hàng bán ra hầu hết gọn, nhẹ, Nhưng hàng thu vào đa số kèn càng, nặng nề. Mặt hàng thu vào nhiều nhất là tiêu, cau khô và chè lá. Ngoài chè khô, má tôi không ngại lấy cả chè tươi, sau khi thỏa thuận để cho người đổi hàng, gánh cả gánh đến tận nhà. Chính vì thế mới có việc cả nhà phải xúm vào đập chè cho sẵn lại, trước khi đổ ra nong phơi nắng.

Những lần đầu, vò dưới bàn chân mình những ngọn lá xanh mát rượi, tôi cảm thấy dễ chịu. Mùi thơm của lá chè cũng rất đặc biệt, nó vừa nhẹ nhàng lại vừa nồng nồng, hăng hắc. Nhưng đã là một việc làm, khó có thể hấp dẫn một cậu bé như tôi được lâu. Một cặp chân thiếu chạy nhảy làm sao thích thú được.

Đập chè đã vậy, nhưng uống nước chè có thú hơn không? Trong vườn nhà tôi cũng không thiếu những cây chè xanh tốt. Chúng chẳng có chiều cao hơn tôi lúc này là bao. Một cái vói tay, tôi có thể ngắt được những đợt chè non nhất. Độ xanh của lá chưa đạt tới mức, hãy còn trong veo. Những đợt lá non này sau khi phơi, co rúm lại, còn rất ít so với số lượng của chính nó khi

chưa khô. Nhưng pha nước sôi vào, chúng trở thành một loại trà uống thấm thía nhất. Chất chất đắng của đầu lưỡi tức khắc sẽ thom trong miệng và cái vị ngọt dịu dàng thấm dần vào vị giác. Trời nắng, uống một bát nước nấu bằng những lá chè tươi xanh, càng đã khát.

Tiêu, quế và cả cau khô cũng được má tôi mua vào, rồi mang xuống Tam Kỳ đổi hàng đem về. Những chuyến đi Tam Kỳ luôn luôn có mặt má tôi. Nhưng những người được chọn đi theo cũng thường hay thay đổi. Ngoài việc thuê một phu gánh, cô cháu Bông cũng thường xuyên có mặt. Cái đuôi tháp tùng có lúc là chị Kim Anh, có lúc là chị Hòa và thỉnh thoảng cũng có tôi. Những địa danh như Cây Sanh, Cây Cốc, Chợ Được, Quán Rường...vv, tôi đã lượm bỏ vào trí nhớ mình qua vài chuyến đi khá mỏi chân như thế.

Với Tam Kỳ, tôi còn đến được một lần do anh Anh, một công an làm việc tại nhà lao Tiên Hội, chở đi bằng cái xe đạp ngang, không *porte-bagages* của anh.

Anh Anh là một thanh niên trẻ, vui tính. Anh đã có tình ý với chị Hòa tôi, nên thường hay lui tới nhà. Một hôm anh có việc phải xuống Tam Kỳ. Anh lên rủ chị tôi đi. Nhưng dĩ nhiên chị tôi từ chối, mau mắn tôi lên tiếng đòi đi theo. Để lấy điêm của chị tôi, anh Anh vui vẻ chấp nhận. Với tôi, đây là dịp đầu tiên được ngồi lên một chiếc xe đạp, dù chỉ ngồi trên một thanh ngang của sườn xe.

Đường từ Tiên Phước đến Tam Kỳ là một con đường đất, có chỗ thật hẹp, có chỗ rất rộng, xe hơi đi chuyên được. Nhưng mặt đường lồi lõm, cộng với những đá sỏi, nên hai bánh xe đạp luôn luôn bị dẫn, xóc. Với thể ngồi nghiêng, sức nặng của thân thể không là bao, nhưng giữ mãi một vị thế, trong một thời gian khá dài, cái mông bé bỏng của tôi, chỗ thì bị sườn ngang xe đạp đẩy lún vào, chỗ thì phình ra, ứ máu, mỏi hết biết. Trong lúc đó, anh Anh vừa đạp xe vừa huýt sáo. Cao hứng anh còn hát vang giữa con đường vắng hoe. Hai ca khúc mà sau này tôi mới biết tên là Nụ Cười Sơn Cước của Tô Hải và Xuân Và Tuổi Trẻ của La Hối và Thế Lữ, tôi đã được nghe từ cái yêu đời của anh Anh trong lần đi Tam Kỳ đó. Và không chừng đó là khởi điêm bắt đầu mê nhạc của tôi.

Tại Tam Kỳ, lúc bấy giờ, tôi có một người chị cùng cha khác mẹ đang cư ngụ. Chồng chị tôi, một ông cai lục lộ, chạy giặc, đang làm nghề đóng dép râu độ nhật. Cửa hàng sập xệ của vợ chồng chị tôi được mở gần sân vận động Tam Kỳ. Tuy đã đến Tam Kỳ, nhưng tôi chỉ đứng trên con đường nhựa, chạy ngang qua cửa sân vận động, ngó mông về hai hướng đường rồi thôi. Quang cảnh vắng vẻ, buồn so còn hơn Tiên Phước của tôi.

Trở lại việc buôn bán của má tôi. Hình như thỉnh thoảng bà vấp phải những trục trặc. Có một lần người lên giao hàng cho má tôi bị tịch thu. Không rõ người giao hàng này có phần ánh câu ca đương thời: 'đầu phòng đá lửa, ruột chứa ka ki' hay không, mà bị bắt. Khoảng một tuần sau, má tôi bị mời lên cơ quan huyện để nhận lại. Sự can thiệp của ba tôi, có kết quả tốt.

Cơ quan huyện lúc này đặt ở Chợ Mới. Tôi được má tôi cho đi theo bà và con Bông. Một rủi ro khá thú vị đối với tôi xảy ra trên đường đi. Khu trục cơ của Pháp bất ngờ tấn công Chợ Mới. Thường thường những cuộc oanh tạc của Pháp đều được thực hiện sau mấy vòng bay thám thính của máy bay 'bà già' nhưng lần này Pháp bứt giai đoạn. Khi chúng tôi sắp bước vào địa phận Chợ Mới, đã phải hoảng hốt chui vào một lùm cây bên đường trốn đạn. Những trái rốc kết nổ khá gần. Tôi nghe được những mùi cháy khét. Và qua vòm lá thưa, tôi thấy rõ cảnh máy bay đảo lượn. Chiếc khu trục chúi đầu xuống, rồi nhấc mình lên, sau đuôi nó lóe lên những lần lửa, xé trời. Cũng có lúc chiếc khu trục nghiêng cánh bên này hoặc bên kia nhả ra những luồng khói trắng, thật ngoạn mục. Mọi sự tàn phá hung hãn hình như thường tạo ra những cảnh hùng vĩ, những cái đẹp gian ác.

Thiệt hại trong cuộc khủng bố của Pháp không đáng kể. Đó là báo cáo tôi nghe lóm khi đã đứng xó rớ ở trụ sở huyện. Ông cán bộ Việt Minh, coi bộ rất nông dân, ngồi chồm hồm trên mặt bàn nói chuyện oang oang qua điện thoại. Đây cũng là cơ hội đầu tiên, tôi nhìn cái điện thoại một cách thích thú. Nó đen thùi lùì và rườm rà giây nhợ. Hình như có đến hai cái vòi cách khoảng nhau. Một cái để bên tai, và một cái kê ngay trên môi...tôi không nhớ rõ.

Hàng của má tôi nhận lại không đủ số nhưng còn hơn không, má tôi trên đường về nói vậy. Và khi đến nhà, bà cho tôi một quyển vở một trăm trang, giấy trắng bóc, có kẻ nhiều hàng nhỏ trong những hàng kẻ chính. Bìa quyển vở có hình một thằng Tây đen. Thằng tây cao to, mặc quần đùi, tay cầm cái vợt cá, trong tư thế chờ đỡ một trái mù u. Dưới hông thằng tây có một tấm lưới giăng ngang. Sau này tôi biết đây là hình ảnh một người đang chơi quần vợt.

Cuộc làm ăn của má tôi có vẻ thu nhập khá. Bạc tín phiếu từng bó được má tôi bỏ trong lòng một cái rương lớn, có bốn bánh xe, đẩy đi được. Cái rương này cũng là cái phần của tôi, em Hân, chị Kim Anh ngủ hàng đêm. Cái mền hai màu vẫn đi theo ba tôi, nên lúc này chúng tôi phải đắp chiếu để ngủ. Tôi ngần đòn nên không có vấn đề gì. Mấy chị tôi thì luôn luôn bị lạnh chân hoặc lạnh đầu, nếu không muốn phải nằm co cả đêm. Một câu đố tả thật đúng cảnh đắp chiếu, tôi còn nhớ : *thụt thò, thò thụt, chẳng thà, nằm co, không thêm, thò thụt*

Cuộc sống hằng ngày thiếu hầu hết các tiện nghi. Nhưng khí hậu Tiên Phước không độc địa như những tin đồn, thêu dệt từ trước. Có lẽ vì thế, nên tôi có thêm một bà chị cùng cha khác mẹ vào lập nghiệp. Đó là chị Bảy, vợ anh Võ Quảng, người chiến sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng đã bị Pháp xử tử năm 1945 tại chân núi Phước Tường Đà Nẵng, cùng nhiều đồng chí của anh..

Anh Quảng mất để lại một cháu gái tên Võ thị Diệu Phương, nhỏ hơn tôi chừng vài tuổi. Cháu Phương cũng theo mẹ đến với gia đình chúng tôi. Một trùng hợp không hẹn, anh ruột má tôi, cậu Phòng, người có đứa con trai duy nhất đi bộ đội, ghé vào thăm, và cũng mang vào gởi cho má tôi một người con của một bà di khác là chị Dần. Gia đình chúng tôi trở nên đông đúc, nhưng nhờ công việc làm ăn của má tôi còn trôi chảy, nên những sự hiện diện bất ngờ này được xem như là tăng cường nhân công.

Chị Dần là người lớn tuổi nhất trong bọn. Chị đến nhà mang theo những vui nhộn, vì bản tính ưa sinh hoạt văn nghệ của chị. Chị tham gia diễn kịch cùng mấy anh công an trong vùng. Chị cũng rủ luôn chị Kim Anh xuất hiện trên các sân khấu



lộ thiên giữa sân vận động Chợ Mới, với những bài tình ca yêu nước.

Ngoài những sinh hoạt và việc làm thường ngày, các chị tôi còn tổ chức đi mót củi, hái chà là, hái sim. Tôi có mặt thường xuyên trong các cuộc vô núi này. Những nhánh củi tôi lượm nói lên rất đúng nghĩa chữ mót. Bởi vì đó chỉ là những nhánh cây khô thật nhỏ, bị chê bỏ, vứt rải rác dọc đường núi. Cái chính của tôi trong các chuyến đi cũng không phải là những trái sim không lấy gì làm ngọt, cũng không phải là những trái chà là chất ngăm, mà là những anh khướu bạc má thật dạn dĩ, hót quá hay. Tôi luôn luôn ao ước được nuôi một con, như nhà ông Ruộng, một người dân cùng thôn, đang nuôi. Con khướu của ông Ruộng, khôn đến độ thả bay quanh quần trong vườn, nó còn biết cả việc giữ nhà, ngoan ngoãn nhưng hung hăng không thua gì một con chó.

Sự có mặt của chị Dần, chị Bảy, đã giúp tôi và chị Kim Anh mất dịp đi khiêng nước. 'Một cái thùng con con, một đoạn tre nhỏ...' đã sớm già từ chúng tôi. Và cái hình ảnh thân thương:

*'giếng trong xanh nước mát  
uống lưng một vành gàu  
chị múc em đừng hát  
nắng chiều vàng tà cau...'*

(Khiêng Nước - Ngơ Ngác Cõi Người)

đã sớm trở thành những chồi kỷ niệm, có da có thịt, ngủ kỹ trong tôi, cho đến sau này...

Song song với việc đem không khí nhộn đến với gia đình chúng tôi, chị Dần cũng thường hay tặng má tôi những bọc mình vì bản tính khá ngang bướng, và gần như chẳng sợ ai của chị. Một hôm đi tham gia văn nghệ về, chị mang theo một vạt áo đầy trứng vịt. Một bữa ăn trứng luộc thật hả hê dưới con mắt soi mót, nghi ngờ của má tôi. Mọi việc không đổ vỡ ra bên ngoài. Nhưng chị Dần bị má tôi chửi cho một trận nên thân, bà còn hăm sẽ đuổi về Vĩnh Điện. Thì ra chỉ một ngày sau, má tôi biết xuất xứ số trứng mà chị Dần có. Đó là số trứng chị tình cờ ăn cắp khi đi ngang qua vườn ông Cứ. Vốn là vịt thường có thói quen đẻ vào ban đêm. Vườn nuôi vịt của ông Cứ nằm sát đường đi. Chị Dần chỉ việc thò tay qua một hàng rào sừa là lượm được vô số

trứng rớt dọc theo hàng rào. Một lần khác, chị Dần còn xúi tôi bắt trộm gà nữa. Thật ra nói bắt trộm thì không đúng hẳn. Bởi vì hôm đó trời bắt chợt đổ mưa giông lớn. Những con gà đều tụ tập vào hè nhà để núp mưa. Tôi không rõ tại sao các vách nhà của chúng tôi, chung quanh đều để hở khỏi mặt đất chừng nửa gang tay người lớn. Những con gà đứng núp mưa phơi cả những cặp chân rất rõ ràng. Và việc nhìn một cặp chân gà lạ với chân gà nhà không khó lắm. Tôi đã thò tay qua vách nắm gọn một cặp chân gà theo xúi bậy của chị Dần. Cũng may con gà đó lớn xác quá, không lồi lọt vào được, nên tôi kịp thời thả ra. Chị Dần hôm đó đã mắng tôi:

*- Đồ ngu, gà rừng mà sợ chi ai, sao lại thả...*

Tôi ngớ cả mặt, không cãi lại chị, dù tôi biết chắc, không khi nào gà rừng xuống đứng nấp mưa chung với gà nhà bao giờ. Con gà đó của ai cũng khó biết. Vì hai căn nhà của ba má tôi nằm cách với các nhà hàng xóm ít ra nửa cây số. Xa ngót một tiếng kêu, không tới, nói theo lối dân địa phương.

Chị Dần cũng còn là cái gai trong mắt chị Hòa tôi. Bởi hai bản tính đối nghịch hẳn nhau. Chị Hòa đã trầm lặng càng âm thầm hơn khi ngã bệnh đau màng óc. Chị phải bỏ dở việc học ở trường huyện. Chị khóc lặng lẽ mỗi ngày, tôi biết thế, nhưng vô phương chia sẻ được với người chị tôi yêu mến nhất này. Giúp chị, tôi cùng chị Kim Anh thường lên chợ Mới mua óc heo về cho má chung cách thủy để chị ăn cầm hơi.

Căn bệnh ngặt nghèo của chị Hòa xô gia đình chúng tôi vào một ngã rẽ. Riêng tôi, lúc này đã có thêm một vài người bạn học. Cụ thể như anh Phương khùng, chơi bóng chuyền rất hay. Thăng Thăng, đá kiện lông gà một cây. Thăng Đố nắm bắt trái rơi bay rất giỏi...Ngoài bạn trai, tôi còn quen được một vài đứa con gái cùng trường. Đã thế còn thấy thích các con tóc dài, da trắng đó nữa. Có đêm tôi ngủ chiêm bao thấy em Cúc mắt to, tóc bum bê, đã đóng vai em Ríp trong một vở kịch truyền truyền chống Pháp. Có đêm tôi mơ thấy Nguyễn Thị Thanh Thận, với má núng nính, cái miệng chúm chím cười thật là ngọt. Thanh Thận là em gái bà con của Anh Phương khùng, Thận còn có người em gái, mang tên thật đẹp Nguyễn Thị Lạc Giao. Bây giờ

những người tản cư lên Tiên Phước đó đang ở đâu ? Hoa Kỳ ? Canada ? Pháp ? Úc ?....

Chị Hòa thân yêu của tôi đã ra đi vào một chạng vạng, ngay lúc một con cú ghé đến đầu tảng đá sau nhà, kêu lên vồn vện đúng ba tiếng 'cú, cú, cú'. Cú kêu ma ả. Một tương truyền đầy mê tín ở Tiên Phước thời đó. Đây là một chi tiết gây cho tôi nhiều hoang mang. Bởi vì không ngờ đây là một sự linh ứng có thật, nhắc lại tôi còn thấy ngõ ngàng, rùng mình. Sự huyền bí trong cuộc sống ít ra đã có mặt trong lòng tôi.

Cái chết của chị Hòa tuy đã được mọi người biết trước. Nhưng rồi những huyệt hẫng, đau xót vẫn ập tới sâu hút. Ngay em Hân tôi, một cậu bé hoàn toàn chưa biết gì cũng không cầm nổi cái que, đào khoai mọt, một thú chơi đặc ý và thường xuyên của nó, trong suốt mấy ngày.

Tang lễ ma chay cho chị Hòa đơn giản. Mộ chị nằm một góc bên con dốc đá có nhiều nguy hiểm về ban đêm như tôi đã kể trên.

Chiến cuộc chợt sôi động hơn. Tiếng máy bay bà già, L19, không còn giúp tôi nằm buồn, thả lòng đi theo những tiếng u..u..nữa. Những con rắn rồng vào nhà bắt chuột cũng tự do hơn, không bị tôi xua đuổi. Cả những con ve cũng không còn bị cây sào gậy mù mít của tôi thăm hỏi. Tôi thường nằm dài trong bụi chè tàu ngó quanh, và một đôi khi lượm ngay ở đuôi mắt mình một giọt nước, chẳng biết tròn hay vuông.

Cũng sau cái chết của chị Hòa, chị Bảy tôi gọi bé Diệu Phương cho chị Kim Anh. Chị lội bộ về vùng bị chiếm để thăm mẹ lớn tôi, vẫn đang ở tại Liêm Lạc Hòa Đa, Hòa Vang. Chuyến đi của chị không cho ba tôi biết. Nhưng non một tháng sau, ông từ cơ quan hồi hả về, và đau xót cho má tôi hay chị Bảy đã bỏ mình trên biển Hà Quảng.

Chỉ trong một tháng tôi mất liền hai người chị. Dù có khờ dại đến đâu, dù có vô tư đến cỡ nào, tôi cũng thấy ra quanh mình sự trống vắng lạnh lẽo.

Hình như đã có kế hoạch, sau một đêm bàn luận thì thăm với má, ba tôi ẵm em Hân hôn thật lâu, rồi dẫn tôi, chị Kim Anh cùng bé Phương ra đi. Má nói với theo trong tiếng khóc:

- *Tìm xác con được rồi, ông nhớ dẫn máy đưa nhỏ về sớm !*

Đúng, chúng tôi tìm đến biển Hà Quảng, nhận nắm mộ của chị Bảy qua những chi tiết được dân biển ở đó kể lại. Những ngọn hương mua vội, cắm vội lên mặt cát. Ba tôi không khóc một tiếng nào. Tôi cũng lặng yên. Chỉ trên mắt chị Kim Anh nheem nhuốc. Ngoài gió và nắng hình như còn một cái gì cay trên mắt chị Anh. Tôi không muốn nhận ra. Chị thả lỏng hai bàn tay trên vai mỏng mảnh của bé Phương. Ánh mắt nó sao mà trong quá. Con bé đã mất cha lại vừa mới mất thêm một nguồn sinh lực. Hình như nó biết cả, nhưng nó chỉ dúm cặp chân trần nhỏ xíu xuống cát biển một cách lặng lẽ, cam chịu. Phải chi nó khóc lên một tiếng. Ông ngoại nó đang thừa hai tay, người cậu tí hon của nó đang thừa hai tay..Biển lặng trời vắng cả những đám mây trắng nhất.

Chúng tôi đã không quay trở lại Tiên Phước, như lời năn nỉ vói theo của má. Ba tôi đã hiểu ra: *“Chú phính tôi rồi chính phủ ơi, Chú kiêng tôi đến chiến khu rồi, Thi đua chi đó thua đi mãi. Kháng chiến để rồi khiến chán thôi”*, Ông lập tức cho chúng tôi có cơ hội biết mùi say sóng biển, cho chúng tôi có cơ hội chạy không bèn gót trên nền cát lún, nóng sôi dưới ánh mặt trời. Chúng tôi tìm về quê nội.

Tôi đã bỏ Tiên Phước mà đi như vậy đó. Và đi , đi mỗi ngày một xa, đi miết không một lần trở lại.

Căn nhà của má tôi sau đó là nhà lao Tiên Hội. Tội danh của bà được thành lập bởi mặt trận Việt Minh: buôn lậu, có chồng Việt gian, đào tẩu về vùng địch.

Căn nhà của em Hân tôi sau đó là những tấm lòng rộng mở của những người con dân chân chất Tiên Phước.

Cho đến một ngày của năm 1954, Ba má tôi đã trở về được với nhau. Bài đường thi của một ông phán ngày nào, ném vào lòng một chiếc nón của một cô bán cơm tháng, chừng như vẫn còn ngọt ngào âm vận.

Nhưng không lâu, má tôi lại vội vã trở về với đất Đà Nẵng, vào năm bà lên 54 tuổi. Khuất mặt nhưng má tôi chưa hề chết, bởi vì tôi may mắn, biết gìn giữ thân xác của bà đã mang nặng đẻ đau. Tôi còn đang được hít thở, còn đang sẫm soi lại tất cả

những vui buồn vẫn mới tinh khôi. Và má tôi vẫn lộng lẫy ngồi trong tôi. Để chùng trên bàn tay xinh đẹp của bà còn nhịp nhịp ngọn roi mây.

Ba tôi cũng đã về với đất Đà Nẵng, năm lên 84 tuổi. Nhưng cũng như má, ông đã chết đau. Mỗi chữ trên tay tôi thơm xuống, đều có ông tham dự, đều có ông hân hoan khuyến khích. Cuộc đời tôi đã dài gần chằm mút sáu mươi năm, trí nhớ kỳ diệu không phai nhạt một góc cạnh nào, nhưng tôi không nhớ nổi, ba tôi đã có lần nào làm đau thịt da tôi chưa, dù một cái búng tai ? Rõ ràng là chưa. Chưa bao giờ ông biết đánh phạt con.

Chị Kim Anh của tôi giờ vẫn còn ở quê nhà. Một người chị tài hoa nhiều mặt trong sinh hoạt trình diễn, đã không đi được đến đâu. Chị đã mất dịp *lâu lâu hơi cau có* và cũng chẳng còn *mỗi lần chị nói bị em la* nữa. Chị vẫn trông thư mỗi ngày, nhưng tôi chưa cai được cái lười biếng viết thư, nhất là viết cho những người thân yêu.

Em Lê Hân của tôi thì may mắn ở rất gần tôi. Chỉ sáu tiếng trên đường trường để thấy mặt. Nhân mười một con số là đã nghe ra tiếng nhau. Em bỏ quên quá lâu cái thời lăm le đến với những trang Tuổi Xanh, giờ chùng như muốn bắt đầu lại. Em cười nhiều hơn nói. Anh em tôi gặp nhau cái điếm này...

Còn cô cháu, Võ Thị Diệu Phương, nàng dâu của ông chủ tiệm thuốc bắc Mặt Trăng Đà Nẵng, rong chơi những đầu kê từ 30 tháng tư năm 1975? Cháu đã nghe một tiếng gọi từ biển? Giòng họ mình vốn ky nước, nhất là biển, cháu không nhớ sao? Cậu vẫn nuôi hy vọng và chờ đợi, trong một đêm mơ mơ màng màng nào đó, có tiếng điện thoại reo, cậu vói lấy ống nghe, và lặng đi:

*- Cậu Châu đó hả, cháu Diệu Phương đây.*

Hãy gắng gọi cho cậu, dù cháu đã gặp được mẹ cháu từ một cõi xanh thăm, bát ngát của biển cả Phương ơi !

Và Tiên Phước, một nhánh ấu thơ tôi, vẫn thom xanh một góc đời:

*bốn hướng mù mù mây giáp đất  
thọc tay xuyên thủng, xé không ra*

*ngùn ngụt khí hàn trời mặt đất  
máu tưởng chừng như đọng dưới da*

*rừng dạy cây vươn cành tự tại  
chen vai dựa bóng thở vào nhau  
nghìn năm chuyển bước không dọn nét  
âm thuận, dương chuẩn tận ngàn sau*

*hương núi lừng lừng nuôi hổ sói  
đá chông đá dưỡng để giun sinh  
mạch suối man man dòng nhạc tấu  
chim gọi tình nhau âm tái sinh*

*Tiên Phước đội trời nghênh ngang đứng  
tôi chào ra mắt thuở lên năm  
lòng như vạt đất mời cây mọc  
xin gọi lại một lần, thay viếng thăm:*

*cây quế, cây tiêu, cây đùng đình  
cây ưi, cây ráy, cây dầu lai  
cây mây, cây sơn, cây lật mắt  
rau sung, rau má, cải tàu bay....*

*còn bao tên gọi không kịp nhớ  
vẫn trở hoa trên gót chân ngày  
lòng như nhánh đậu cho chim hót  
thả giọng lại xem những cánh bay*

*bìm bịp, cú mèo, vàng anh, khướu  
họa mi, chát quạch, sáo, bù chao...  
những tiếng hót vàng chưa tên gọi  
đang thổi âm thanh đến cõi nào ?*

*lòng như ổ ảm trùm muôn thú  
mái gấm, bò cạp, vắt, đĩa, mang...  
hiền lành, hung dữ đê huê sóng  
ngôn ngữ riêng : chung một diễn đàn*

*lòng như thảm bạch mời ông lão  
búi tóc tròn vo một củ hành  
hai ngón cái chân còn quay lại  
tìm nhau trong bước ngại đi nhanh*

*Tiên Phước ôm tôi năm bốn sáu  
xường chè rộng bỏ gió tan hoang  
úp lưng trong mái đình Tiên Hội  
tôi vẽ i tờ xuống mấy trang*

*cúi lượm mấy que dòn cho chị  
chà là mấy nhánh bẻ cầm tay  
trái sim mập ú như bụng nhộng  
vui miệng lai rai cắn cả ngày*

*đi xuống đi lên đôi tiếp núi  
con đường đủ để gọi băng quơ  
sông Tứ Hoà xanh lòng đá lát  
ba năm nằm chưa nổi bao giờ*

*Tiên Phước buồn ơi, tôi đã bỏ  
con cá lia thia, con rạm đồng  
con gà tụt lông chưa đủ  
sấm chớp ào ào chiều mưa đông*

*tôi đã đi rồi, tôi xuống núi  
một lần ghé lại cũng đành không  
bom có đội nhằm vào bụi dưới  
lời con rắn mới thuở tôi chôn ?*

**Ghi thêm :**

Đoạn viết về Tiên Phước trên đây, được viết vào năm 2001, đã được một ít người đọc. Trong ít người này, có vài người liên lạc với tôi. Trong vài người này, có người chính hiệu Tiên Phước, gởi thư ‘nhắc’ lại một số chi tiết nhớ sai của tôi, thật là một niềm vui không nhỏ. Tôi thành thật cảm ơn anh Nguyễn Hùng Phi, một người viết báo, hiện ở xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước Quảng Nam, đã sốt sắng nhắc lại cho.

Tôi cũng không quên ơn bà Nguyễn Thị Khâm, anh Võ Tuấn tại Toronto và Hoa Kỳ, đầu mối trong việc liên lạc hiệu đính này. Và để bạn đọc cùng rõ những điều tôi nhầm lẫn, xin anh Hùng Phi cho tôi được trích một vài đoạn trong thư của anh.

Thành thật cảm ơn,

Tiên Phước, ngày 12-4-2002-05-01

Kính gửi bác Châu

.....

Thưa bác, nơi mà ngày trước ông thân sinh của bác đã công một cậu bé 5 tuổi đến đó và để rồi sau một giấc ngủ vùi, bác đã nhận ra 'chúng tôi đang ngồi giữa lòng một mái đình'. Nhưng thực tế đó không phải là mái đình, đó là nhà thờ vị tiên hiền (tức là người đầu tiên khai sinh ra khu đất nơi đó) của thôn Hội Lâm. Bởi lẽ theo tìm hiểu của cháu thì ở Tiên Châu này chỉ có nhà thờ tiên hiền Hội Lâm mới có cái tượng thờ như bác đã nhớ rõ. Rất may khu nhà thờ này nay còn sót lại một gian chính. Nhưng đã xuống cấp trầm trọng.

Ngôi nhà thứ hai mà bác gọi là ngôi nhà ma thì đến nay hoàn toàn mất. Nó chỉ còn lại một khu đất mà nay người ta đã chiếm dụng làm vườn cây trồng quế, sắn, khoai ..vv.. Chủ nhân ngôi nhà ma đó tục danh là ông Cửu Bảy. 'Vườn ông Cửu Bảy lắm quý nhiều ma' ngày nay người ta vẫn đồn như vậy.

Còn ngôi nhà thứ ba mà bác còn nhớ, đó là nhà ông Viện, bây giờ cũng còn một căn chính, và nó cũng không còn nguyên vẹn như xưa. Bởi các đợt dội bom năm 1972 làm sụp đổ phần gác gỗ và xuống cấp nhiều. Còn hai gian nhà ngang, mà trong đó có một gian là chỗ ở của bác ngày xưa, thì sau 1975 con cháu cụ Viện đã bán đi để mua gạo nhằm đối kháng với sự nghèo đói.. ....Nhân đây cháu cũng xin tự giới thiệu đôi nét về mình để bác rõ. Cháu là cháu của cụ Viện. Gọi cụ Viện bằng ông Cố. Ba của cháu tên Chiêu - tuổi Mẹo (Kỷ mảo), nếu còn sống thì nay cũng ngang cỡ tuổi bác. Theo cháu nghĩ: nếu bác đã ở căn nhà ngang của ông cố cháu thì ít ra bác và ba cháu cũng đã đôi lần chơi chung với nhau thưở ấy, nhưng có lẽ vì '49 năm xuống núi' nên bây giờ bác đã quên.

Về ngôi trường đầu đời mà bác đã đến thì đó chính là một ngôi nhà ngang của khu nhà vị tiên hiền đất Hội Lâm chứ không phải là cái đình làng như bác hồi tưởng. Vì ở đây nơi đây ngày



ấy mới có cặp vợ chồng già, mà ông cụ có một búi tóc nhỏ xít...có hai ngón chân cái bè ra như người Giao Chỉ. Tục danh của cụ ông là ông Trườ. Còn ông bà Hộ có nghĩa là người giữ nhà thờ- thủ hộ tức giữ nhà nên người ta gọi là ông Hộ vậy. Ông này hiện nay đang còn có cháu nội vẫn sống ở xứ sở này.

Còn thầy Y thì bây giờ đang ở Hoa Kỳ. Thầy sang Hoa Kỳ cách đây 4 - 5 năm theo chương trình H.O.

Lần tìm theo cái dốc đá, rồi tảng đá lớn, thì ngôi nhà thứ tư mà bác ở cùng với gia đình thì hiện nay cái dốc đá đó không còn nữa nó đã trở thành một con đường bê tông rộng 1,5 mét. Duy cục đá vô tri ấy thì nay vẫn còn.

Còn cái quán của bà Ngừ ngày nào thì bây giờ là một phần của khu vườn mà chủ nhân chính thức của nó bây giờ cũng đi theo diện H.O sang Hoa Kỳ rồi....

...Vâng, dòng sông Tiên ngày nay là dòng sông Tứ Hòa ngày xưa đó bác. Theo lịch sử thì ngày xưa ở tổng Tiên Hội gồm có 5 thôn là : Hội An, Hội Lâm, Thanh Bôi, Thanh Sơn và Thanh Trung. Sau này Hội An và Hội Lâm nhập lại gọi là Tiên Quý. Còn bên kia sông gọi là Thanh Bôi.Sau đó sát nhập lại- Thanh Bôi và Tiên Quý- gọi là Tứ Hòa; rồi Tiên Châu, Phước Hòa và bây giờ là Tiên Châu

.....

Nguyễn Hùng Phi

thưa Báu! Kể từ khi cháu được "Tiên Phước" -  
một nhánh cầu thủ tôi" rồi theo dòng hồi ký đi  
cháu đi tìm hiểu, để hụt hẫng ít ra cháu cũng  
đạt ứng được một phần nào ý nguyện của Báu.  
Nhưng theo cháu thì nỗi tai nạn của "một cậu bé  
mới 5 tuổi ngày nào" có lẽ bây giờ lúc lâu thì  
nó không hoàn toàn chính xác. Nhân đây cháu  
xin hiểu đính đờn chút về nỗi mà Báu "đã 49  
năm xuống núi, chưa một lần thăm lại..."

Chưa Báu! Nỗi mà ngày trước ông thân mình  
của Báu đã cõng một cậu bé 5 tuổi đến đó và để  
rồi sau một giấc ngủ sâu Báu đã nhận ra chúng  
tôi đang ngự quả lòng một mái đình". Những

thủ bút của Nguyễn Hùng Phi gửi từ Tiên Phước



## Liên Lạc, Làng Quê Nội

Nằm cách trung tâm thành phố Đà Nẵng, về hướng Nam, khoảng mười một cây số, tính theo đường trải nhựa, cộng với đường đất, quê nội tôi là một làng quê xinh xắn, bốn mùa âm áp tiếng chim.

Làng được mang tên Liên Lạc, ý chừng muốn khoe khoang cái bản tính liêm khiết lẫn lạc quan của người dân trong làng. Những đường gió mạnh, những nguồn nước lớn, hằng năm vẫn không quên ghé thăm, nhưng con đất hiền hòa, hình như đã bao đời vẫn chưa hao hụt, sứt mẻ. Ngọn mạ xanh vẫn theo chân tháng ngày thành nhánh lúa, thành hạt gạo, thành cọng rom, thành gốc rạ, khoan thai, thắm lặng, thật là thương.

Này em yêu có nhớ, cái thời em ghé thăm quê nội một anh chàng đại gái, mà em lượm được giữa đường, vì vô ý va phải *guidon* xe *solex* của hắn, tạo dịp cho hắn ba hoa:

*nhớ thời lá lướt đông solex,  
đụng phải một người, yêu mấy năm !*

Thời đó, có một ngày, từ một điểm đứng trên quốc lộ một, cũng như nhiều người khác, em phải luồn ngang lòng chợ Miếu Bông, để đến một con sông nhỏ, cách chợ chẳng bao xa. Hình như đôi guốc quai xanh của em đã có người xách hộ. Và đôi tay lưỡng lự níu đôi tay, run run bước lên đò.

Dòng sông trong vắt. Nước rỉ rả hát theo làn gió nhẹ. Mùa hạ đang vào tháng thứ hai. Những chùm rong xanh mảnh khảnh, bơi quanh đùa ghẹo vài cụm hoa súng tím. Trời xanh bát ngát. Những tấm mây trắng không bay, rủ rủ bầu trời lặn sâu vào lòng sông. Cô lái đò nghiêng nghiêng nón, gật đầu cười mim. Cái ghe se se tròng trành, thông thả rướn mình. Tôi thông hai tay xuống nước. Lỡ đại làm trôi mùi hương của em mà chẳng thể vớt được một lọn mây nào. Tay chèo dù gượng nhẹ đến đâu, mái dầm cũng cắt nước thành sợi dài. Trời mây chợt không thấy bóng mình trong khoảnh khắc. Rồi chúng ta lên bờ. Rồi chúng ta lội bộ.

Quê nội tôi như em đã thấy. Những lũy tre xanh, những hàng cây găng rậm lá. Tất cả chúng, đứng chỉnh tề một hàng dọc, nắm chặt tay nhau, chạy theo bờ một con đường mòn. Sát chúng là dòng thủy lợi, lưng lửng nước rúc rích chảy. Mặt đường, đất sét chai cứng, lỗ chỗ những dấu chân trâu, nhưng cũng đủ rộng lòng nuôi một ít cỏ gà lẫn lộn cùng cỏ may, cong đầu theo chiều gió. Và sát mép đường bên kia là ruộng lúa đang độ thanh xuân.



Em bước đi không khó, nhưng cũng chẳng dễ dàng. Ngay từ lúc cho bàn chân hôn hương đất đầu làng, chắc em đã thấy sừng sững khời đầu những hàng tre, màu ngói nâu đen cao ngất. Rồi từ ngã rẽ trước nhà ông Hội Du, tầm nhìn của em bắt gặp hai cái cổng gạch lem luốc vàng. Và chẳng mấy chốc, em bước lên những viên gạch lót đường dẫn vào cổng sân. Hồ cau nằm giữa hai lối đi này, không mệnh mông, nhưng chẳng hẹp hơn một hồ bơi tân tiến. Đàn chột dột, dễ chừng có tới trăm con, vừa gọi nhau, vừa chuyền qua những tàu cau lấp lánh nắng vàng. Chúng nhắc nhở nhau chào khách đến, mừng người đẹp thị thành, chẳng phải mê trai mà theo về, chỉ vì tò mò muốn biết cái ổ của người mình lỡ thương, đã từng ở ngót ba năm.

Phải, tôi đã có ba năm ở đây, ở trong ngôi nhà ngói lớn nhất làng này, kể từ năm 1951. Năm tôi theo phụ thân lên lút hời cư. Cùng về với chúng tôi còn có chị tôi, Lê Thị Kim Anh và bé Võ Thị Diệu Phương, con chị Cưu, gọi tôi bằng cậu.

Vào thời điểm này, trên lãnh thổ hình chữ S nằm bên cạnh Thái Bình Dương, đã có hai nước Việt Nam. Một là Quốc Gia Việt Nam do Quốc trưởng Bảo Đại lãnh đạo, được thừa nhận bởi thỏa ước Elysée, ký tại điện Elysée, Paris ngày 08 tháng 3 năm 1949. Hai là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do ông Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, được Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và Liên Xô thừa nhận năm 1950. Cũng năm 1950, vào tháng 2, Hoa Kỳ và Anh Quốc lần lượt công nhận chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Và qua trung gian của Pháp, Hoa Kỳ bắt đầu viện trợ kinh tế lẫn quân sự cho Đông Dương và Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của người Việt trở thành cuộc đối đầu giữa Thế giới Tự do và Cộng sản. Danh xưng Việt Minh lạng lẽ cáo chung vào ngày 19 tháng 2 năm 1951 sau khi tên Đảng Lao Động Việt Nam ra đời. Cuộc chiến mỗi ngày một thêm sôi động với những trận đánh chính qui và dòn dập hơn. Quê nội tôi lúc bấy giờ là một gạch nối giữa hai vùng có hai lực lượng thù địch nhau này. Đã 10 tuổi đầu nhưng tôi gần như chưa biết gì về những diễn tiến quân sự trên đất nước mình. Có nghe súng nổ, nhưng chưa bao giờ mục kích được những tàn phá của chiến tranh. Và tôi đã bước vào cuộc sống mới của mình trên quê cha đất tổ một cách vô tư..

Trước nhất tôi có thêm một người mẹ. Đó là người vợ cả của ba tôi. Tôi gọi bà bằng mẹ vì đã gọi người sinh ra mình là má. Mẹ tôi, người dong dỏng cao, khỏe mạnh, nhan sắc trung bình. Bà có quý danh là Ông Thị Thấp, sinh năm 1896, người làng Phong Lệ. Phong Lệ là quê hương của một danh tướng dưới triều Tự Đức. Phong Lệ nằm bên trong con đường sắt quốc gia, cạnh quốc lộ 1, nơi tôi có một đôi lần ghé qua, và buồn tay viết mấy đoạn:

*mon men thả bước theo đường sắt  
về thăm Phong Lệ giữa mùa xuân  
gặp con chiến chiến trên đồng vắng  
vừa hót vừa bay khéo quá chừng*

*chân bước mặc chân, lòng ngoài trông  
cánh cò tha đất lướt qua sông  
bên kia Giáng Động đều hiu quá  
biết có ai còn ngó viễn vông ?*

*Phong Lệ bây chừ buồn quá thôi  
ngoại ngôi rờ rẫm lá trầu hôi  
dưới chân con mực thiu thiu ngủ  
chừng cả hai đang quên lừng đời*

*tréo ngược tay treo cột gỗ lim  
nhìn kẻo nhìn rượng mộng lim dim  
giữa không gian lặng như tờ ấy  
có tiếu gáy trầm Ông Ích Khiêm*

*rờn rợn góc đầu đảo mắt quanh  
nổi da gà nhón gót đi nhanh  
nghiến răng tre nhái lời ma gọi  
làng vắng buồn phơi vàng mái tranh*

*Phong Lệ ầu ơi, Phong Lệ ơi  
ngủ ngon đừng lấy, đập lòng tôi  
ví dầu kỷ niệm thành hơi thở  
cũng thôi không tan nổi ngâm ngùi.*

(Cảm Ôn Đất Đá Trỏ Thơ, Lòng Ta Hạt Bụi Vu Vợ Bám Hoài)

Chắc chắn mẹ tôi có bà con gần xa gì đó với cụ Ông Ích Khiêm, ông tướng uy dũng nhưng không kém tài văn học, như lịch sử đã ghi chép. Tuy là dân quê nhưng mẹ tôi không trực tiếp làm nông. Bà thay chồng cai quản một số ruộng đất, cho tá điền làm ăn chia hoa màu. Trong thời gian chúng tôi đi tản cư, bà sống cùng với hai cháu nội. Cháu gái tên Thương, cháu trai tên Thiệu. Thương trạc tuổi tôi nhưng phải gọi tôi bằng chú. Cha của chị em Thương, anh ba Huân, đã qua đời, mẹ đã bước thêm bước nữa.

Này em yêu có biết, đêm đầu tiên tôi ngủ trong ngôi nhà của quê nội với bao nhiêu cảm xúc buồn vui. Từ một mái tranh vách đất, không giữ nổi cái lạnh của khí đá, núi đồi. Đến cái ẩm áp của một ngôi nhà ngói đồ sộ, nhiều phòng. Tôi như gỏi phải

những giấc chiêm bao khi chợp mắt. Cái mỗi của đôi bàn chân trong chuyến đi đã biến mất. Cái thoải mái của thân thể chợt để ra cái nhớ nhung người mẹ và đứa em, đang ở xa tít trên núi rừng. Và mặc dù nằm cùng hai đứa cháu và chị Kim Anh, tôi cũng cảm thấy sờ sờ một cái gì đó.

Đêm ở quê nội thật ra không mấy yên tĩnh. Bóng tối đầy kín ngôi nhà. Đóng cửa cái chốt cẩn thận, nhưng không thể không nghe những tiếng dế, tiếng ếch nhái, tiếng tre trở mình trong gió và cách khoảng vài giờ, lại vang lên tiếng rít rờn rợn của đường đạn đại bác. Rồi một tiếng ‘bịch’ bất ngờ như đang va phải nóc nhà. Nhưng không, qua các song hở của loại cửa gỗ lá sách, tôi thấy bên ngoài trời sáng như đêm có trăng. Đó là những quả hỏa châu từ đồn Quá Giáng, bắn cầm chừng, để quan sát. .

Qua đêm đầu tiên với làng quê Liêm Lạc, tôi được ba tôi dẫn ra mắt ông nội và một số chú cô ruột thịt. Những người đang hiện diện trên con đất chôn nhau cắt rún của mình. Trên con đất mà bia mộ tiền hiền còn đang được xây thành, đắp cao giữa mặt ruộng trước nhà. Và những người khuất mặt được tập trung, nằm lộn xộn ngó trời trong đất vườn Thơ Sĩ, một tên gọi có thật không thi vị hóa.

Ông nội tôi là một nhà nho, đã già. Ông ở một mình trong ngôi nhà ngói cổ kính. Kiến trúc khá giống một ngôi chùa. Nhà ông tôi nhỏ hơn ngôi nhà của ba tôi, nhưng hai cái sân gạch thì lớn gần bằng nhau. Quanh sân gạch nhà ông không có thành rào. Ở bên phải hướng mặt nhà ngó ra, sân nhà ông tiếp giáp sát vách thành rào nhà ba tôi. Thành rào cao quá đầu tôi. Phía dưới xây kín, nửa trên được để hở từng ô vuông đều nhau. Bề mặt tường khá rộng. Chiều chiều bọn trẻ lảng giềng thường hay leo lên, ngồi thông chân hai bên, làm những động tác như đang lái xe, hay cỡi ngựa.

Ông tôi chẳng mấy khi đi dạo ra sân. Thỉnh thoảng lắm tôi mới bắt gặp ông mở cánh cửa, nghiêng đầu nhìn bên ngoài giây lát, rồi lặng lẽ khép cửa. Tôi có cảm tưởng ông đang tự giam mình. Ngôi nhà của ông là một cõi huyền bí, luôn tạo cho tôi những cảm giác bất an. Ánh sáng ngọn đèn dầu quả trứng, cộng với vài tia mặt trời, rớt xuống từ mái nhà, bởi một miếng ngói được thể bằng một tấm gương trong, không đủ soi rõ mặt những

vật dụng trong nhà. Và ông tôi, có lẽ vẫn lơ mơ ngủ suốt ngày trên tấm chiếu hoa không còn rõ màu sắc. Một cái quan tài đầy nắp được kê song song với giường nằm của ông. Đây là người bạn đang sẵn sàng để đồng hành với ông vào một cõi khác. Rõ ràng ông tôi đã chuẩn bị chu đáo cho chuyến đi cuối cùng của mình.

Tôi hơi run khi phải đứng bên ông tôi. Cái không khí lạnh lẽo, cái mùi mốc mốc khó chịu, làm tôi rờn rợn. Tay tôi khẽ nâng cao vừa tầm cho ông nắm. Một cái gì đó rất lạ chọt xuyên suốt thịt da tôi, vừa lạnh lại vừa ấm. Lạnh vì sợ, ấm vì tình ruột thịt thiêng liêng nguồn cội. Tôi cũng nhận ra rất rõ những đường nhăn khô nhám chạy trên da mình một cách yếu ớt, triu mến. Không biết ông tôi có quan sát tôi không. Tôi thì không dám nhìn thẳng. Dù vậy, trong vài phút tò mò, tôi cũng nhận ra khuôn mặt ông rất giống khuôn mặt người cha thân yêu của mình. Trán cao, mắt sâu, mũi thẳng, miệng rộng quả là những nét thanh tú, rần rỏi. Thời gian và những nhọc nhằn trong cuộc sống đã không cho phép tôi gặp lại khuôn mặt yêu đời, linh hoạt cách đây mấy chục năm. Tôi lặng lẽ nhìn những móng tay thật dài và cong của ông. Có lẽ ông không nắm được chắc chắn khi cầm một vật gì. Chòm râu dài của ông làm tôi nhớ đến các hình vẽ những ông tiên thánh thiện, nhiều phép thuật. Là một nhà nho, quan tâm đến việc học, nên ông tôi dò hỏi ba tôi về vấn đề học hành của tôi. Ông cũng tỏ ra không mấy bằng lòng về việc đèn sách của thằng Tiên, con chú Diên, một đứa cháu, ngày ngày vẫn hai lần mang bữa ăn vào cho ông.

Ông nội tôi, tục danh Lê Hữu Huy, có hai vợ. Bà nội tôi tên Trần Thị Dưỡng, xuất thân từ làng Mân Quang. Ngôi làng nằm bên kia sông Cái. Con sông mà ngày hồi cư tôi đã có dịp sang đò. Bà nội tôi sau khi sinh hạ ba tôi được hai ngày thì không may, qua đời. Người em gái của bà, Trần Thị Thừa, đã thay chị nuôi ba tôi và tiếp tục cùng ông tôi sinh thêm mười ba người con nữa. Đó là các chú Lê Hữu Hoanh (thường gọi Hương Hoanh), Chú Hữu Côn (thường gọi chú Lạc), chú Lê Hữu Huyền (thường gọi Hương Nam), chú Lê Hữu Thao (thường gọi Cửu Tiên), Lê Hữu Tập (thường gọi chú Sô), Lê Hữu Dực (thường gọi chú Tham), Lê Hữu Cấp (thường gọi chú Diên), Lê Hữu Huyền



(thường gọi chú Mười Thước), Lê Thị Sửu, Lê Thị Lý, Lê Thị Bạc, Lê Thị Mẹo (4 người con gái đều qua đời sớm).

Năm 1951, ngoài chú Cửu Tiên còn ở vùng kháng chiến, chú Sô lập nghiệp ngoài Cẩm Lệ, chú Mười Thước bị Pháp bắn chết trên dòng sông Cái. Các chú còn lại đều sống quanh quần bên ông nội tôi, mỗi người một nóc gia. Chú Diên lúc bấy giờ mới chỉ là một ông cai thợ hồ. Có nhà cho thuê tại thành phố Đà Nẵng, nhưng gia đình chú vẫn bám trụ tại nhà quê để nuôi dưỡng ông nội. Có lẽ chú Diên là người thương ông nội tôi nhiều nhất.

Tình cảm anh em giữa ba tôi và các người chú hình như không được ngọt ngào lắm. Có lẽ không phải vì chuyện cùng cha khác mẹ mà do những so bì từ đối xử, có phần không đồng đều của ông nội. Ba tôi và chú Cửu Tiên được ông nội tôi cho ăn học đầy đủ. Trong lúc các chú khác phải lo việc đồng áng. Ngoài việc học chữ Nho, chữ Hán ba tôi còn học chữ Pháp khi ông được gọi vào nội trú trường dòng Pellerin tại Huế, cùng thời với cụ Lê Ám, con rể nhà chí sĩ Phan Châu Trinh. Ngoài điểm này, ba tôi còn khác các em của ông về mặt đào hoa. Nếu các chú tôi, mỗi người một vợ một chồng, thì ba tôi có chính thức đến bốn người đàn bà trong cuộc sống của ông, và bà nào cũng sinh cho gia đình họ Lê những đứa con. Tôi đã là người con thứ 13, nên vẫn thường được các người em bà con gọi là Anh Mười Ba.

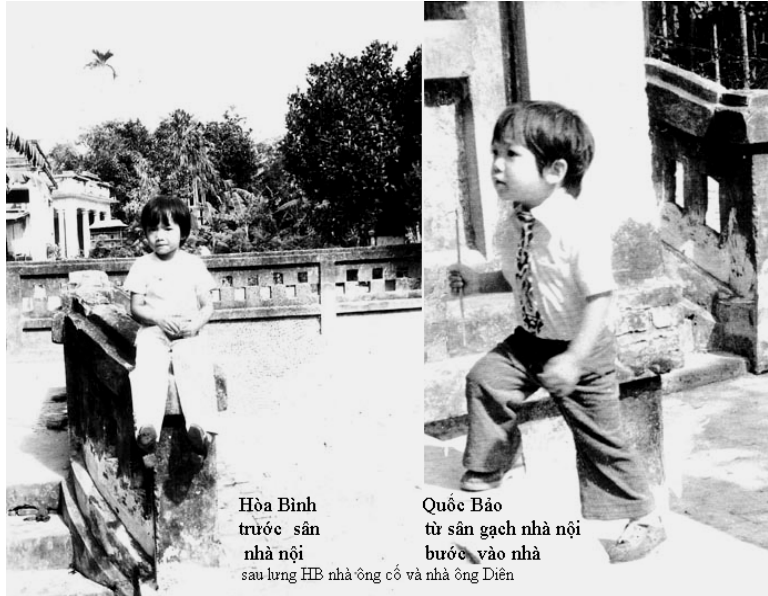
Nhắc về ông nội, tôi còn có một kỷ niệm rất đẹp. Một hôm ông sai thằng Diên tìm dẫn tôi đến. Tôi hỏi hộp không biết chuyện gì, lòng vẫn phân lo sợ. Nhưng dĩ nhiên cũng phải trình diện. Khi tôi đến, trong ánh sáng mờ mờ, ông giao cho tôi một cuốn sách mỏng, hình chữ nhật, và dặn:

- *Con đem về đưa ba, bảo ba dạy cho*

Ông ngừng một giây rồi nói tiếp:

- *Gắng mà học lấy vài chữ thánh hiền nghe con*

Tôi đã thực hiện theo ý ông tôi, tuy vậy việc học thuộc một vài mặt chữ trong Tam Tự Kinh không phải là dễ dàng. Cho đến nay vốn liếng chữ Hán của tôi vẫn chỉ gồm *Nhứt một, Nhị hai, Tam ba, Tứ bốn...* và bảng cửu chương tôi vẫn để trong đầu, rất tiện lợi: *cửu cửu bát nhứt, bát cửu thất nhị, thất cửu lục tam, lục cửu ngũ tứ...ngũ ngũ nhĩ ngũ, tứ ngũ nhĩ chi, tam ngũ nhất ngũ...vv...*



Hòa Bình  
trước sân  
nhà nội  
sau lưng HB nhà ông cố và nhà ông Diên

Quốc Bảo  
từ sân gạch nhà nội  
bước vào nhà

Em yêu dấu, mong em đừng phiền về những khai báo quá thành thật đến vụng về của tôi. Chẳng phải tôi bị ám ảnh bởi một thời học sáng tác lý lịch, sau 1975. Mà vì khi viết, tôi nhớ trực đến chú Diên, người đã nhắc nhở tôi, gắng bỏ thì giờ tu chỉnh lại bản gia phả của tộc họ. Tôi làm sao có đủ khả năng này, trước cái ham chơi và không mấy khi tha thiết về dòng họ của mình.

Nhớ về quê nội, chẳng thể không nhớ những người thân yêu ruột thịt. Tôi gõ tên mọi người lên bàn chữ cùng những hạt lệ hiếm hoi ứa ra từ hai khóe mắt, không ngăn được. Mỗi tên gọi hiện ra trước mặt tôi một quang đời, với bao nhiêu hình ảnh. Tôi không thể không sống lại cùng những năm tháng đã qua. Mùi hương dĩ vãng chợt phảng phất bên mình. Trong tưởng nhớ im lặng, tôi đã dùng trái tim mình để lắng nghe, để nhìn thấy, để bắt gặp, và để vẽ vờ từng vóc dáng, từng cử chỉ thân mến xưa lên từng dòng chữ.

Em yêu dấu, với nhiều người thân, tôi đã có khá nhiều ngộ nghich, lỗi lầm. Nhớ lại, viết lại như một lời tạ tội, dù tôi biết chẳng còn ai nữa quở trách tôi. Tôi viết cho chính tôi, viết vội vàng, viết bừa bãi, thiếu mạch lạc, nhưng thời gian có còn bao nhiêu đâu. Những đồng tiền cấp dưỡng già của chính phủ Canada sẽ gửi đến vào đầu năm tới. Người công dân bắt buộc dĩ của họ không biết sống bao đời đến bao lâu. Ông nội tôi qua đời năm 84, thân phụ tôi cũng nghỉ ngơi vào đúng cái tuổi này. Còn tôi, để gì...Nên cho tôi viết tiếp thôi em nhé.



Trong ba năm giữa đất trời quê nội, mẹ tôi đã thương yêu và lo lắng cho tôi như người con chính bà sinh ra. Tôi thường trái gió trở trời vào mùa đông. Mẹ thường tìm những lá tre, lá sả, lá tía tô, lá chanh, lá long nhãn, rễ cây cú lộn, tỏi, địa linh tươi... để đun sôi một nồi nước xông. Rồi cạo gió với giác bạc thiết. Rồi thoa dầu Nhị Thiên Đường. Rồi bắt uống Tiêu Ban Lộ.. tùy theo nặng nhẹ mẹ chăm sóc, lo lắng. Biết tôi thích ngọt, không buổi chợ nào mẹ quên mang về phong bánh in, gói kẹo ú, hoặc một nắm bấp ngàu đường. Mười tuổi đầu, tôi còn tòng ngồng đứng bên góc sân gạch nhà ngang, cho mẹ dội từng gáo nước. Mẹ không cho tôi chặn vịt sợ đập phải miếng chai, gai nhọn. Đàn vịt trên mươi con vẫn để cho chúng tự do chạy ra đồng, rồi chạy về,

có hôm đàn vịt ham vui, chiều về chuồng nhà khác, mẹ phải đi tìm. Mẹ không để tôi một mình đi coi thợ gặt, giữ lúa. Chẳng phải vì tôi ham chơi, ham đuổi bắt những con châu chấu mỡ. Ruộng nhà tôi hầu hết gần sông, mẹ không an tâm, khi anh chị trong nhà đã có người chết đuối. Và mẹ cũng không quên dành cho tôi một số công việc, mà chắc là mẹ cho là quan trọng, thích hợp. Đó là chạng vạng nào cũng phải lo thắp đèn và thắp hương trên các bàn thờ. Ngưng ngày Tết, giỗ, tôi phải lo thay nước cúng, cắm hoa, chùi độc bình, lư hương, và có bốn phen chạy đi mời bà con đến ăn giỗ. Một công việc không kém phần quan trọng của tôi là thỉnh thoảng đọc cho mẹ nghe những chuyện tích cổ bằng văn vần, mà mẹ đã cất giữ từ lâu. Đó có thể là chuyện Nàng Nhái Kiêng Tiên, Chuyện Lão Tượng Tiên Bửu. Chuyện Thạch Sanh Lý Thông. Chuyện Thoại Khanh Châu Tuấn. Chuyện Phạm Công Cúc Hoa. Chuyện Trê Cóc, chuyện Kiều Nguyệt Nga, chuyện Trịnh Hâm Bùi Kiệm...vân vân. Mẹ biết chữ Quốc ngữ, nhưng mẹ không muốn xem. Mẹ thích nghe đọc hơn. Chẳng biết cái giọng ngỗng đực và đặc sệt Quảng Nam của tôi có gì xuất sắc? Không chừng nó rất đặc biệt, không thua kém giọng cô Dạ Lan sau này, trên đài phát thanh quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đêm đêm đã làm say mê biết bao nhiêu anh hùng tiền tuyến lẫn hậu phương. Cô Dạ Lan là dân xứ Quảng chính hiệu, đã một thời ngồi học trong trường Phan Châu Trinh, Đà Nẵng.

Giọng nói Quảng Nam, là một nguồn âm thanh được cả ba miền nước Việt công nhận là giàu trọng lượng. Nhưng trong cuốn Quảng Nam Trong Lịch Sử, tập hai, của nhà sử học Trần Gia Phụng có cho biết:

*“ Khoảng sau năm 1995, trong nước Việt Nam có cuộc bầu chọn 10 ca sĩ hay nhất nước, thì trong đó, những ca sĩ gốc Quảng Nam chiếm 7 người, và đặc biệt, ca sĩ Ánh Tuyết (gốc Hội An) đã được nhạc sĩ Văn Cao (1923-1995) nhận làm con nuôi, vì theo Văn Cao, trong suốt cuộc đời hoạt động văn nghệ của ông, ông nhận thấy Ánh Tuyết là người trình diễn rõ ràng và tuyệt vời nhất những bài ca của ông, nhất là bài Thiên Thai” (trang 27).*

Đã lỡ đông dài, tôi xin lạc đề luôn: Một giọng hát khác của Quảng Nam tại Việt Nam trong những năm gần đây cũng tạo

được nhiều tiếng vang là ca sĩ Mỹ Tâm. Tên thật Phan Thị Mỹ Tâm, sinh ngày 16-01-1981 tại Xuân Hà, Thanh Khê, Đà Nẵng. Khán thính giả gọi cô thủ khoa thanh nhạc của nhạc viện thành phố HCM (1997-2001) này là “ca sĩ tóc nâu môi trầm”. Cô được rất nhiều giải thưởng ca nhạc, trong đó có cả giải Lá Phong của tòa đại sứ Canada tại Sài Gòn năm 2004 và là người đầu tiên đại diện chính thức cho lãnh sự quán Canada như một vị sứ thần thiện chí. Nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tính theo lợi tức thu được từ tiếng hát, để đánh thuế. Mỹ Tâm là ca sĩ đứng đầu chịu số thuế cao nhất cả nước, vượt gần gấp đôi người thứ hai.

Qua những dẫn chứng trên, giọng Quảng Nam như vậy không có gì đáng ngại. Mặc dù không thiếu những người trình diễn hài hước mang ra làm trò cười cho nhiều người vô tư. Riêng giọng của tôi, từ nhỏ đã được mẹ tôi tín nhiệm, ấy thế mà sau này, tôi vẫn ngại ngùng khi phải nói trước nhiều người, chưa đủ gọi là đám đông. Sự e ngại đã trở thành cái tật. Đây là một khuyết điểm lớn của tôi.

Ngày tháng qua mau. Mới về làng đã ăn được ba cái Tết. Và cái Tết nào cũng giàu ấn tượng đẹp. Ngay năm đầu tiên, mẹ đã sắm cho tôi nguyên bộ quần áo tây, màu xanh lá cây theo sở thích của tôi. Màu xanh của rừng núi chưa bỏ cậu bé. Việc may một bộ đồ mới ở nhà quê cũng không đơn giản. Trước tiên, mẹ tôi chọn ông thợ, nhà ở giáp làng Cổ Mân. Theo mẹ, tôi lội qua nhiều bờ ruộng mới đến được mái hiên đặt máy may của một ông thợ trung niên. Ông thợ từ chối vì đã có nhiều hàng đặt trước, ông liệu không thanh toán kịp. Mẹ tôi phải dẫn tôi qua chợ Miếu Bông. Ở đây có nhiều gian hàng may, nhưng mẹ tôi đánh giá họ thường may dối. Ghé qua nhiều nơi dạm hỏi, cuối cùng tôi cũng được đứng yên cho một bác thợ đo ly tấc. Năm đó với áo bỏ trong quần, nịt nhựa trong suốt vòng ngang bụng, giày *sandale* quai rọ và mũ *béret*, tôi lớn hăn lên khi đứng chống nạnh ngó mông đầu ngõ. Mẹ tôi vốn rất trầm lặng nhưng lần đó đã biết mỉm cười, gọi giật thẳng con vào, không phải vì sợ nó đang nắng mà sợ...người ta xấu miệng trầm trở.

Ngoài cái thú nghe đọc truyện thơ cổ, mẹ tôi còn một cái vui nhỏ nữa. Bà biết uống rượu, khác hẳn với ba tôi. Gần như

không có buổi chàng vạng nào, bà không ra cái quán nhỏ của bác Hội Du gái. Một cái ly thủy tinh con con, lượng rượu lưng lưng miệng, là món quà cuối ngày giúp mẹ tôi xóa hết những mệt mỏi. Bà tuyệt đối giữ đúng tiêu chuẩn này. Có lẽ nhờ vậy, tôi chưa hề thấy mẹ tôi ngã bệnh bao giờ.

Trong những ngày Tết, mẹ tôi cũng thường thích thú với những ván bài Trùng cùng đám con cháu. Những con bài bằng giấy, bề ngang chừng hai ngón tay, có những tên gọi rất ngộ nghĩnh như Học Trò, Nhi Nghèo, Nọc Thọc, Tam Quãn, Tứ Gióng, Liễu, Âm Âm...mà hình tượng được vẽ một cách đơn giản, nhưng không thiếu nghệ thuật, vẫn in đậm nét trong trí nhớ của tôi. Trong suốt thời gian ở bên mẹ, tôi cũng chưa hề bị bà la rầy lần nào. Sự im lặng của mẹ là những lần roi, một đôi lần mẹ dành cho tôi. Mẹ tôi lạnh như thế, nhưng về sau, khi tôi đã rời làng, có một lần tôi đã to tiếng, rất to tiếng với mẹ, chỉ vì xung đột cùng đứa cháu nội đích tôn của bà. Để chừng có vài tháng sau tôi mới ghé về thăm bà và không hề xin lỗi tiếng nào. Đây không phải là bướng bỉnh, cố chấp mà chỉ là không tập được, chưa tập được thói quen xin lỗi. Mẹ ơi, lời xin lỗi của con chẳng bao giờ có nữa, nhưng hy vọng mẹ đã nhận ra từ lâu lòng con. Ngày con ra đi, con đã cùng Lý về thăm mẹ. Mẹ còn khoẻ lắm, còn cả nước mắt. Nhưng sao chỉ một tuần sau, mẹ không ráng thêm ít tháng nữa, để trôi qua cái tuổi 90 ? .

Sau Một Lần Về Liêm Lạc nào đó, tôi đã viết:

*Mẹ ngồi im như ngủ quên  
gió lùa cửa mở, ngó lên: con về  
nụ cười phá vỡ cơn mê  
mặt con chợt sáng bốn bề phòng không*

*đưa tay mẹ ngỡ như bông  
thằng con hư của chờ mong đã về  
lặng nghe tay mẹ vãn vê  
ấm dần thớ thịt rong rêu bụi đường*

*đi ngang đi dọc trong vườn  
đi quanh sân gạch, rờ tường, đánh hơi  
nơi nào tôi cũng gặp tôi  
nơi nào cũng gặp đủ người thân yêu  
nơi đây cha đọc truyện Kiều*

*nơi đây em dán con diều lá sen  
nơi tôi nằm đợi đò lần  
roi tre để bỏ tật quen vắng nhà  
ơ kia, phân vịt, phân gà  
ơ kia, vựa trầu, cây cà, cây chanh...  
lượm lên được miếng mảnh sành  
nhìn ra thấy chú vàng anh năm nào*

*mẹ sờ thử phải chiêm bao  
thằng con giang bạt kỳ hồ đầy thối  
xếp bằng trên phản tôi ngồi  
nhìn mẹ móm mém nhai trầu mà thương*  
(Trôi Sông)

Em yêu dấu, những ngày tháng tiếp theo tại quê nội của tôi rất vui vẻ. Tôi đã chóng làm bạn với đám trẻ con hàng xóm. Những thằng Tín Anh, Tín Em. Những thằng Triền, thằng Lo...thằng nào cũng to con lớn tuổi hơn tôi, nhưng đều gọi tôi bằng anh. Chẳng phải chúng nể sợ gì tôi mà vì vai vế ông già tôi thuộc chi nhứt nhì trong làng.

Một hôm tôi đang chơi đá kiền với anh em thằng Tín, thì có tin Tây đi rập. Dù chỉ là thằng bé mười tuổi, tôi cũng hết hồn, lật đật trèo tường rào trở về nhà. Chẳng bao lâu sau, lính Tây ập vào nhà tôi với súng đạn, ba lô ... Đây là lần đầu tiên tôi thấy Tây, cả đen lẫn trắng. Tôi im thin thít ngồi một góc phòng trong khi ba tôi nói chuyện rất lâu với một thằng mang súng lục. Sau này tôi mới biết, nhà ba tôi là địa điểm đóng quân của ban chỉ huy, trong những lần quân Pháp đi lùng tại làng Liêm Lạc. Nhà của chúng tôi chẳng bao giờ bị lục soát. Do đó số lúa dự trữ của gia đình, cất giấu ngay trong ruột bàn thờ, được xây rất to giữa gian nhà trên không bao giờ bị phát hiện, Tôi nghĩ, chẳng qua những thằng quan Tây có ý giả lơ cho.

Lần đầu tiên chạm mặt với lính Pháp, ba tôi rất bình tĩnh. Mẹ tôi đã lo cho ông đầy đủ giấy tờ cần thiết. Ông không còn là người từ chiến khu về. Ông là người vừa ở Tourane hồi hương vì sức khoẻ. Chú Mười Thiệu, một người bà con thúc bá, làm mật thám cho Pháp, đã lo cho ba tôi cái giấy tùy thân. Một tá điền cũ của gia đình, hiện giữ chức lý trưởng, đã xác nhận sự nhập cư đúng phép của ba tôi. Thêm vào đó với vốn liếng Pháp

ngữ, ba tôi sớm gây được cảm tình của người Pháp. Chẳng mấy tuần sau, ông xin được giấy phép mở trường dạy học tư ngay tại gia.



Ở với quê nội chừng mười ngày, chị Kim Anh một hai đời trở lên Tiên Phước. Ba tôi phải nhờ bác Hội Du, một người anh em thúc bá khác của ông, là một cán bộ Việt Minh, dẫn chị Kim Anh về với má và em Hân.

Hai ngày sau, khi chị tôi về trở lại với má tôi, ba tôi bắt đầu dạy học. Và trong vòng nửa tháng, tổng số học sinh có mặt suốt ngày tại nhà chúng tôi hơn một trăm em, chia làm hai buổi học. Học sinh không cùng tuổi, không cùng trình độ. Từ lớp mới bắt đầu vỡ lòng a, b, c đến lớp đã biết làm toán pháp, toán đố. Chúng được cha mẹ từ các làng Miêu Bông, Quá Giàng, Cổ Mân dẫn đến. Trong số này có đưa lai Pháp như thằng Robert, chị em Con Đỏ, Con Đen. Dĩ nhiên con em trong thôn quê nội tôi là chủ yếu. Học phí có đưa trả bằng tiền, có đưa trả bằng thóc gạo, hoặc cả cá tôm và mọi thứ dùng được cho cuộc sống con người.

Tôi trở thành học sinh lớp cao nhất trong cái trường của ba tôi. Môn học chính của tôi lúc bấy giờ là Pháp văn mà chủ yếu là



*vocabulaire*. Tôi thường học ngữ vựng Pháp với giọng ê a như học một bài học thuộc lòng. Lông (*long*) dài, Cua (*court*) ngắn, Lạt (*large*) rộng...cứ thế vang lên một góc phòng. Điều thú vị nhất là ngoài chuyện học, tôi còn phụ ba tôi làm một ông thầy con con. Viết chữ cho bọn nhỏ tập đồ, hay ra những bài toán cộng trừ nhân chia đơn giản là nghề của tôi. Với môn toán pháp, để khi chấm đờ phải tính toán lại, trong toán cộng tôi thường ra bài làm với 5 hàng số ở hàng dọc. Hàng ngang không nhất thiết. Ba hàng dọc đầu, muốn dùng con số nào cũng được. Nhưng hai hàng dọc còn lại, các con số phải chọn cho phù hợp với một nguyên tắc. Cụ thể con số hàng thứ tư khi cộng với con số ở hàng thứ hai phải thành con số 9. Con số hàng thứ 5 khi cộng với con số hàng thứ ba cũng phải là số 9. Ví dụ hàng ngang số ở hàng số hai gồm: 4,3,2,8 thì ở hàng tư phải là 5,6,7,1. Tương tự, hàng thứ ba nếu là: 6,4,0,5 thì hàng số năm phải là 3,5,9,4. Với cách này, số thành biết được dễ dàng, như sau: trừ 2 ở con số cuối cùng tại hàng đầu; đem con số 2 mới trừ đặt trước những con số hàng ngang đầu; tất cả những con số còn lại được giữ nguyên. Ví dụ hàng đầu bài toán, phù hợp với những con số đã dẫn trên là: 3564. Số thành sẽ có chính xác: 23562. Mẹo vặt này, tôi học từ ba tôi.

Mặc dù làm ông thầy không danh xưng, uy tín tôi cũng trở nên ngon lành. Ngoài mấy đàn em ruột như thằng Tiên, thằng Chương (con chú Tham), con Thương, thằng Thiệu, thằng Tín...tôi còn có một đội ngũ đàn em thật hùng hậu đến mấy mươi đứa. Bọn nhỏ thường mang đến cho tôi nhiều quà. Đa số là các loại chim chúng bắt được, như sáo, nhông, cà cưỡng, chào mào... Cá thì nhiều lắm, như cá rô, cá trầu, cá diếp, cá trê, cá ngạnh...tôi bỏ cả vào một cái hồ xi măng lớn, có đến sáu chân. Hồ này đã có từ lâu, được đặt trước một bình phong cũng bằng xi măng, gần hai lối tam cấp để bước lên *vérande*. Cá lia thia ở quê tôi cũng có nhưng rất ít, tôi chỉ được bọn nhỏ cho vài con. Và vì nuôi trong một cái chai chật hẹp, nên cá rất mau chết. Nhắc về cá tôi xin nói thêm: do ảnh hưởng của ba tôi không ăn được cá loại cá nước ngọt, nên mẹ tôi không bao giờ mua. Những thứ cá hay ăn chỉ quanh quẩn: cá Chuồn chiên, cá Nục hấp, cá Cơm kho, cá Thu sốt cà chua. Cá Ngừ chỉ thỉnh thoảng ăn với bún, vì mẹ cho rằng loại cá này độc, không nên ăn nhiều. Lâu lâu bọn nhỏ cũng mang

cho tôi bánh Thuận, bánh Khô, bánh Nổ hay một nắm Xôi Gấc đỏ... nhưng phải ăn lén lút, mẹ tôi cấm. Bà sợ đám nhỏ lấy các món ăn này từ các gói bẹ chuối, mà người ta cúng xong, treo ở bờ bụi cho cô hồn, ăn vào tâm trí sẽ u ám, và có thể mất mạng.

Cũng từ đám bạn mới, tôi có thêm nhiều môn chơi thú vị. Đá bóng là môn tôi thích nhất. Nếu những trái bóng bằng cao su bị bể, chưa có đủ tiền mua lại, chúng tôi dùng trái bóng để đá, hoặc khéo léo vo tròn một nhúm rơm, rồi lấy giấy bẹ chuối khô bện lại thay quả bóng. Banh *tennis* cũng thường được chúng tôi xử dụng. Sân chơi thường là sân gạch nhà tôi. Chính trên mặt sân này, tôi nhiều lần bị rách da, sứt móng. Sau đá bóng là đá kiện. Kiện thường được làm bởi hai đồng xu cùng một rẻo nhỏ vải, hoặc với chiếc lông gà. Môn này tôi thường vô địch, có thể đá vài ba trăm cái liên tiếp. Tôi không có địch thủ, nên mỗi lần chơi, tôi thường phải chấp hai ba đũa ở cùng một phe. U mọi cũng là môn tôi hay chơi, nhất là những đêm sáng trăng. Nhưng tôi kém về môn này, rất thường bị bắt làm tù binh. Chơi trốn tìm, đánh cờ gánh, đánh đáo xu, nhảy giây, đi tàu bay...tôi đều chơi tuốt. Một hôm, thằng Vinh bên chợ Miêu Bông mang cho tôi một cái ná bắn chim. Đây là món đồ chơi tôi thích đã từ lâu. Cái ná đã rủ tôi bước qua một giai đoạn có vẻ khôn lớn hơn.

Cùng với cái ná, tôi đã mở rộng phạm vi đi lại và quan sát làng quê nội. Khởi đầu là những mục tiêu gần mà tôi chưa đặt chân tới: vườn chuối sau lưng nhà ông nội, vườn mít nhà Bồi, những bờ tre vây quanh nhà bác Cửu Bốn... Tôi lần theo tiếng hót của Chào Mào, Chích Chòe...cũng chẳng bỏ qua những tiếng kêu không có gì hấp dẫn của Chát Quạch, Chèo Béo...Tôi biết thêm nhiều xóm trong làng với những tên gọi mộc mạc: Xóm Lưới, Xóm Đùng, Xóm Trong...Tôi tạt qua miếu, tôi ghé vào đình thần nhiên, lặng lẽ. Miếu nhỏ, tôi thường vui tay sờ cặp mắt sư tử bằng mảnh sành. Một đôi lần tôi cũng tinh nghịch lấy than, vẽ thêm vài sợi râu trên cái miệng rộng hoác, phoi cả răng của con sư tử. Đình làng tôi nằm bên một con đường không mấy rộng. Sân đình cũng khá hẹp. Tấm bình phong xây bằng gạch, đứng hàng ngang với hàng cây keo thay hàng rào. Tôi đã bước vào hiên đình một đôi lần. Trên những bức tường, có một số chữ viết cùng hình vẽ tục bằng than của đám nhỏ trong làng. Cây đa làng không đứng trong sân đình. Nó đứng cách xa vài ba trăm

thước, trên một vạt đất trống rất rộng. Với nhiều rễ phụ, quay quanh bên gốc chính, tạo cho cây đa vừa có thể đứng vững chắc vừa rất nghệ thuật. Nhánh cành tỏa rộng như một cái vòng tròn. Lá không to và sưa. Những con chim về đây hình như không dễ tìm môi. Chúng cần một chỗ đứng hót cho thật thoải mái. Chúng cần một chỗ đứng rìa lông. Có lần tôi bắt gặp một cặp Sáo Sậu đang đập mái. Trời trong, nắng tốt, cành nhánh nào cũng có hương mặt trời, tỏa tận xuống những ông Bình Vôi sứt miệng, những ông Táo mẽ đầu nằm ngái ngủ dưới gốc với nhiều thứ linh kính khác.

Cùng với cái ná, tôi lặng lẽ xuống đến giáp ranh làng Cổ Mân. Tôi đi khắp xóm, khắp làng và sớm trở thành một tay sát điều có hạng trong làng. Qua mặt đước tôi may ra chỉ có thằng Triền, lớn hơn tôi vài ba tuổi.

Nhưng chẳng phải lúc nào tôi cũng vui vẻ, ham chơi. Vào ba, bảy buổi chiều, tôi một mình ra ngồi bên gốc chuối, nằm gần công tre, nhìn về hướng làng Mân Quang. Tôi thấy đường chân trời, tôi thấy mây, tôi thấy cả những con chim bay buồn bã. Những lúc đó, tôi nhớ má, em Hân, chị Anh và cả đến những con gà tự túc, con ve, con đĩa, con vắt...ngày nào thân thiết trên núi đồi. Chân trời xanh và sâu, tôi đã biết thềm được bay như những con chim. Tôi lâng lâng cảm thấy mình đang bay xa như những đám mây trôi nhàn nhã. Trong không gian bát ngát lặng im của đồng quê, tôi chợt nghe những tiếng gọi, không rõ ràng, kỳ bí. Tôi dụi mắt.

Lính tây vẫn qua bố ráp làng tôi mỗi tháng vài lần. Một bữa, thằng Tín em đang giữ vịt ở gần vườn nhà anh bảy Quán. Hấn cầm ngang cây sào dài quơ qua, quơ lại, tức thì bị Tây bắt vì nghi hấn ra giầu cho du kích. Tín Em bị dẫn qua đồn Quá Giáng một buổi. Thật ra hôm đó có mặt cán bộ Việt Minh thật. Đó là anh sáu Cấn. Anh đang ngồi nói chuyện với ba tôi thì có tin Tây qua. Không còn kịp chạy xuống Đùng, qua sông Cái, anh Cấn đã theo máng xối đúc bằng xi măng, trèo lên mái nhà tôi và nằm im trên đó cho đến khi Tây rút. Anh Cấn không phải chỉ về làng hoạt động một lần. Anh về luôn và cũng thường ghé nhà tôi vào ban đêm. Nhiều lần tôi còn thức, tò mò ngồi bên ba tôi, nghe anh nói chuyện. Một hôm anh cao hứng đọc cho tôi chép mấy bài

thơ, tôi học thuộc. Giờ vẫn còn nhớ đại khái, nhưng không rõ tác giả là ai:

*Mấy mươi bầu gạo  
kõu kịt bên vai  
mồ hôi từng giọt  
lác đác đường dài  
gánh đi đi mãi đi hoài  
đù đưa đá nháy  
miệt mài khe hoa  
truông dài núi rậm đường xa  
sườn nghiêng lá kết mái nhà chênh vênh...*

Bài thơ còn dài, ba tôi có xem và khen các câu *đù đưa đá nháy*, *miệt mài khe hoa* cùng câu *sườn nghiêng lá kết mái nhà chênh vênh*. Theo ông, hai câu đầu nói lên cái động tác của một người gánh nặng đi trên đường rừng, đang từ tầng đá này, nháy qua tầng đá khác làm hai bầu gạo đong đưa. Thơ như vậy là có hình ảnh sống động. Câu *sườn nghiêng lá kết...* tả cái cảnh hùng vĩ của núi rừng rất chính xác. Sau cái đêm tình cờ giảng thơ đó, ba tôi nảy ra cái ý dạy tôi làm thơ. Và tôi bắt đầu những bài tập làm văn vắn của mình từ đề tài đầu tiên: viết thư thăm bạn, với các câu ngô nghê, đọc lại không thể không mỉm cười:

*trước hiên gió mát ngồi chơi  
sực nhớ đến bạn ruột thòi quặn đau  
liền giấy bút lấy ra mau  
nhớ thương một bức trước sau tỏ tường...*

Với những câu vụng về như vậy, không ngờ lại cũng được tôi đi miết cùng thơ đến bây giờ.

Em yêu dấu, tôi thấy cũng cần chia với em một ít kỷ niệm vui vui. Những kỷ niệm này như một dấu hiệu báo trước những vớ vẩn của tôi sau này. Em đừng cười đấy nhé.

Làng tôi nằm giữa hai con sông. Con sông lớn có tên sông Cái, là biên giới giữa làng tôi và làng Mân Quang. Con sông chảy ra Tourane (Đà Nẵng) để tìm về biển. Với con sông này tôi không có nhiều kỷ niệm, ngoài những nỗi lo lắng khi phải qua đò.

Dòng sông thứ hai, là biên giới giữa làng tôi và làng Miêu Bông. Đây là một con sông nhỏ với kích thước bề ngang không đồng đều. Có chỗ hẹp như con đường nhựa, có chỗ phình ra gấp hai, gấp ba. Hai bên bờ sông dày đặc hoa cỏ dại. Dọc theo chiều dài, không xa nhau bao nhiêu, có đến ba cửa bến. Bến đò, bến lội và bến tắm. Bến đò và bến lội chỉ cách nhau chừng một trăm thước, nhưng độ sâu cạn chênh lệch nhau rất xa. Ngay ở bến lội cũng phải tùy thuộc lúc nước ròng mới có thể qua sông. Tuy chỉ một lần về, nhưng coi như em đã nhìn qua mặt mũi hai cái bến này.

Bến tắm nằm gần bến đò hơn, nhưng khoảng cách giữa hai bến cũng khá xa. Hình như tên bến tắm chỉ thành danh trong đám trẻ nhỏ. Dòng sông có vẻ như đi lạc sâu vào ruộng lúa trước khi queo trở ra. Điểm lạc này tạo thành một mặt hồ, với lưu lượng êm đềm. Lòng cạn. Đám trẻ nhỏ đã tìm ra nơi này rồi thường xuyên lên xuống để bơi lội. Có mòn theo bước chân thành một cửa bến, không mấy khi có dấu chân người lớn, chẳng hiểu vì sao.

Tôi đã nhiều lần lên mẹ theo đám đàn em học trò đến đây vọc nước. Chuyện cấm kỵ đụng chạm đến sông hồ luôn luôn gây cho tôi cảm giác lo sợ và tôi đã vĩnh viễn trở thành một kẻ không biết bơi. Những lần gọi là tắm sông, tôi chỉ dám đi ra chỗ mặt nước vừa chầm lổ rún. Rồi cứ đứng như vậy dùng tay khoát nước đùa giỡn. Cũng một đôi lúc bạo dạn, tôi bịt mũi và hụp mạnh đầu xuống nước trong một tích tắc. Những thằng bạn nhỏ của tôi thì bơi ra xa. Nhưng tôi không cô đơn. Bơi lần nào tôi tắm sông cũng có con Đỏ và con Đen tắm cùng. Đỏ, Đen là hai chị ruột con một mẹ tây, trú ngụ gần bên đồn Quá Giáng. Đỏ, Đen có trong người dòng máu da trắng. Mẹ chúng quen với gia đình nhà thằng Vinh, nên gọi chúng theo Vinh qua học bên nhà ba tôi. Tôi và hai con bé chơi với nhau rất tự nhiên. Đã nhiều lần tồng ngồng bên nhau lên xuống bãi tắm, hoặc cùng ngâm mình dưới nước. Một hôm không hiểu vì lý do gì, khi từ mặt nước sâu ngang rún, lần đi vào bờ, cả hai chị em, đều xếp úp hai bàn tay, khum khum che cái gì dưới lổ rún. Tôi tình cờ nhìn qua, rồi lại nhìn không tình cờ, cứ lặp đi lặp lại như vậy, nhưng mắt ra về nghiêng nghiêng về đâu đâu. Từ đó chúng tôi đều không bỏ cái tật riêng của mình. Ngoài tắm sông, những buổi học chiều có

mưa đông, chúng tôi đều được ba tôi cho phép tắm mưa. Đỏ và Đen lại vẫn theo bên tôi. Bốn bàn tay của hai chị em vẫn hờ hững khum khum. Lại một điều, nhiều đêm ngủ thoáng giật mình cứ tưởng như mình đang tắm. Những giọt nước mưa và những vốc nước sông từ cái bến xa xưa mãi đến năm 1997 mới rả rích lại trong Cỏ Hoa Gối Đầu:

*Nhớ xưa, hồi mới lên mười  
chiều chiều mưa tạt hiên mời tắm mưa  
chạy ra ngõ rập tàu dừa  
vuốt đầu, vuốt mặt, thì vừa gặp em  
tóc tơ đã ướt chềnh nhề  
hai bàn tay bụm cái thêm tinh hoa  
em lên sáu, bảy, thôi mà  
sao hai con mắt tôi đà xốn xang  
mười năm sau trở về làng  
mưa, chiều, tôi núp dưới hàng keo xanh  
em không tắm nữa, đã dành  
cối xưa, nhìn trộm, để dành cho ai ?*

Em yêu đầu, vợ vẫn một chút cho vui, giờ trở lại kỷ niệm cùng em. Hẳn em còn nhớ ngày em ghé thăm quê nội tôi, em đã đứng rất lâu bên ba bụi bông trang, trông sát nhau, thay cho tấm bình phong dựng trước sân nhà. Cây bông trang lá nhiều và rậm. Hoa gồm nhiều cánh mỏng, nhưng không đẹp như nhiều loại hoa khác. Không rõ vì sao ba tôi đã chọn chúng để làm dàn chào đón khách. Ba cây bông trang này có tuổi thọ ngang với tuổi tôi, ngang với ngôi nhà. Em nhìn lên đi, hàng chữ số 1941, kỷ niệm năm xây cất vẫn còn đứng chính tề trên nóc nhà đó. Thời gian đi qua, chỉ để lại những dấu chân kỷ niệm. Giây phút tôi cùng em đứng bên bụi hoa cũng đã tức thì trở thành kỷ niệm, khi em thả bước trên sân gạch, im nghe tôi tiếp tục vô duyên .

Ngôi nhà của ba tôi có ma. Những con ma thường trú trên *plafond*. Đêm nào cũng chơi trò cút bắt, đuổi nhau chạy rần rần, làm tôi ớn lạnh nổi da gà. Những con ma ngồi bó gối nhớ đời, xếp dài hàng dọc trên đầu tường rào . Tôi và đám trẻ con trong làng đã tháo mồ hôi mà rình xem vào những đêm trăng. Đám trẻ con đêm nào cũng đến ngủ nhờ, để tránh pháo đạn từ đồn Quá Giáng, nhiều khi đi lạc tọa độ. Một tọa độ vô cùng vu vơ. Đã

một vài lần ruộng làng tôi trở thành một toạ độ như thế. Trong đám trẻ con ấy, tôi nhớ nhất là Lữ, chuyên viên đáí dầm, và Thoại móm, anh của Lữ. Cả hai nhỏ tuổi hơn tôi, nhưng tôi phải gọi là anh, vì con ông bác thúc bá. Bác Hội Du.



Rõ ràng chuyện kể chẳng ăn nhập gì đến cái tình đã lấp ló trong tôi. Em hồn nhiên hay chỉ vờ hồn nhiên để chúng ta càng ngày càng xa lạ. Có cả chục bài thơ tôi đã chạy nhật trình, để khôn khéo tỏ tình mà chắc gì em biết. Nhưng cũng xin cảm ơn em đã về đây một lần, đã cùng tôi bước những bước vu vơ. Tôi bước trước, em bước sau, có khi cách nhau đến vài bước. Em mắc cỡ với giòng thủy lợi ? Em mắc cỡ với dẫu chân trâu ? Con chiến chiến vừa bay vừa hót vừa ngó em. Trời xanh. man mác. Con chào mào vụt bay ra, khi chúng ta đi ngang một góc mít. Cuộc sống thanh bình trải theo những ngọn khói rơm, bịn rịn không dám bay xa. Chúng ta vừa bước qua một vạt đất ướt. Tôi chỉ tay. Những đám ruộng lúa ba trắng trước mặt, một phần rất nhỏ, thuộc sở hữu của riêng tôi. Những tờ trích lục dày như những tấm bia, đựng đầy chữ nhỏ, chữ Pháp lẫn quốc ngữ. Tên tôi nằm trong đó, im lặng miết cho đến ngày bị cưỡng đoạt. Tôi búng tôi ra khỏi những tờ trích lục dễ dàng. Nhưng để gì búng khỏi một mùi thơm, mà một người làm thơ đàn anh đã gọi là

huong đồng phần nội. Riêng tôi quá nghèo chất liệu về một nơi mà ông bà nội tôi dựng đời, dựng nghiệp. Tìm kiếm mãi trong lòng vẫn không có gì khác hơn những hình ảnh chung chung. Những con cóc từ một hốc tường nhảy ra sân gạch vào những khi trời chớm mưa. Những con bù rầy ướt mềm sương sớm. Những bè chuối thả chơi trong mùa mưa lụt. Những cái lờ, cái nơm đầu hè nhà hàng xóm... Và đâu đó có tiếng heo trần mở, có tiếng gà cục tác, có tiếng ru em dài ngoẵng những than thở, có tiếng chửi nhau độc địa, nhưng âm áp thân thiết vô cùng. Tất cả, giờ đã xa. Kể cả em, người con gái đã dạy cho tôi những bài học vỡ lòng về một thứ tình tuyệt vời. Em đã đọc thấy chưa những câu phách lối, ngâm ngùi này:

*em đã về đây thăm một bận  
tưởng rằng tiếp tục đến ngàn sau  
dè đâu sân gạch và cây mít  
không giữ được giùm ta với nhau*

*đứng dựa gốc cau nhìn mây nổi  
nhìn đàn chột dột gió đu đưa  
cau đang mùa trở từng cụm nhỏ  
huong mỏng mênh mông trắng gió đùa*

*tôi chạnh nhớ em ? không chắc lắm  
như tuồng lòng có chút nao nao  
chiếc răng khênh ấy sao mà bén  
cắn nát lòng tôi tự thuở nào*

*muốn khóc đấy ư sao chẳng khóc  
tuyệt vời thay nước mắt con trai !  
vô hình dung giọt theo tim đập  
trầm nhẹ, sâu hơn tiếng thở dài*

*em gả về mô rồi Đại Lộc ?  
không thềm khăn gói đến Hòa Vang  
tôi công tử bột làng Liêm Lạc,  
chẳng nhớ mô nghe, chỉ bàng hoàng  
(CỎĐĐT).*

Em yêu dấu, em có biết, năm 2002, tôi có về thăm quê nội tôi. Vùng đất cội nguồn tôi bây giờ về mặt hành chính, đã sát



nhập vào thành phố Đà Nẵng. Thịt da vẫn ngần đó, nhưng có vẻ tươi mát hơn chút đỉnh. Hai dòng sông ở hai bên đầu làng vẫn còn chảy đều. Nhưng con đò qua Miêu Bông không còn nữa. Cô Dung lái đò, tên đẹp thay người, một đời lận đận đã khép lại bình an. Cây cầu trên bến lỵ ngày xưa vẫn vóc dáng cũ, nhưng cùng với con đường được mở rộng, có vẻ như mới ra. Những cây trụ khẳng khiu, đỡ không mấy thẳng những đường dây điện.

Tôi về làng nội với hai bàn tay rỗng. Quần áo lồi thối vì trời quá nóng. Chân mang giày mòn gót, đầu đội mũ bạc màu, chẳng phải cố tình bị thâm hoá. Tôi bước lên mặt sân. Tôi bước lên thêm nhà. Tôi bước qua ngưỡng cửa. Ném cái mũ lên bàn. Muốn tháo ngay đôi giày nhưng khựng lại. Trời tháng tám, tung bùng nắng, mà tôi cứ ngỡ như đang mưa đông. Tôi nhìn ra chỗ mình thường tắm. Giờ này tôi mới thấy, bốn bức tường rào đã ngã đi đâu. Một vài hàng hoa thay chỗ đang nở đẹp, nhưng lỏng lẻo làm sao. Tôi thắp hương lên bàn thờ cha mẹ. Nhìn những nét mặt thân thuộc, cảm thấy như gặp những hơi thở.

Hình ảnh chân dung trên giấy đâu có gì khác nhau. Những tấm hình này đâu có xa tôi trong những tháng năm lưu lạc. Nhưng rõ ràng có một chút gì đó, thân mật hơn, ấm áp hơn. Mùi thân tình từ nền nhà xông lên, từ mái ngói, từ *plafond* toả xuống, từ cửa sổ, từ vách tường bung ra, đậm đặc mến yêu. Dù không áo thụng khăn đóng, cà vạt *veston*, tôi cũng được bà con, thân thuộc tôi tiếp đón chân tình. Những anh chị em ruột thịt, đang ở bên tôi. Anh Lê Ngọc Hiền, chị Lê Thị Kim Anh, các em Lê Hoàng, Lê Quốc Hùng, Lê Phước Hưng cùng đông đảo các cháu. Tất cả đều nhắc chừng tôi nhiều điều mà tôi vẫn nhớ rất rõ.

Nhà ông nội tôi đã sáng sủa hơn xưa do có tu bổ để trở thành nhà thờ Lê Học. Tôi thắp trên mỗi bàn thờ một cây hương. Chợt thẹn với điều kỳ vọng của chú Diên về chuyện gia phả. Trời nóng như lửa đốt. Tôi mở nút áo, phơi trần cái bụng thiếu thắm mỹ, hối hả cùng mọi người thân ra thăm mộ.



Sống cái nhà, chết cái mồ. Vấn đề mồ mã này từng làm tôi một thời đau đầu, mất bình tĩnh. Ngày đó, sau 29 tháng 3 năm 1975. Bác Hội Du, cán bộ Cộng sản, còn sống trở về làng. Con bác, anh Thoại móm, từng sang học bên “Liên Xô Vĩ Đại” cũng cùng về. Chẳng biết vì muốn lập công đầu hay không, mà bác Du đề ngay ra chuyện quy hoạch mồ mã và cho thực hiện sớm hơn những địa phương khác. Ba mẹ tôi bấy giờ hãy còn sống. Người trực tiếp sinh ra tôi thì đã nằm dưới mồ yên. Không thể làm gì hơn, tôi thuê người bốc mộ má, hoá táng một ít xương còn sót và mang tro về thành phố Đà Nẵng, không xin ý kiến của ba tôi. Một thời gian sau, nhờ người quen, tôi xin đất cải táng người mẹ đẻ mình trên đồi Phú Thượng Hòa Sơn đến bây giờ. Năm 1979, ba tôi qua đời tại Đà Nẵng. Anh chín Hiển tôi về làng lập thủ tục an táng. Làng từ chối với lý do, ba tôi đã mất gốc, ông đã bỏ làng mà đi quá lâu. Trước tin này, tôi bức xúc, khó chịu và chạy đi lo đất để chôn ba tôi bên mộ má. Nhưng anh Hiển không bằng lòng. Anh không năn nỉ, nhưng cứng rắn đưa lý lẽ với chính quyền địa phương để thể xác ba chúng tôi phải được về

nằm trong lòng đất làng Liêm Lạc. Ruộng vườn ba tôi tạo ra vẫn còn đó, dù bây giờ tự dung có nghiệp chủ mới. Trong cái bực mình về chuyện này, tôi cũng đã nóng giận muốn từ chối hẳn cái quê nội thân yêu của mình. Anh chín Hiền khuyên ngăn, tôi mới nguôi ngoai. Năm 1985, chỉ một tuần sau tôi ra đi, mẹ tôi qua đời, bà được an nghỉ bên cạnh ba tôi. Không rõ chính quyền có gây khó dễ ?

Mười tám năm xa cách, bây giờ đứng trước mồ mả của những thân yêu, thật tình tôi chẳng có một xúc cảm nào đặc biệt. Lòng cứ như trống rỗng. Buồn, không buồn. Nhớ, chẳng nhớ. Chỉ thoáng một chút băn khoăn, cỏ dại ở đây sao mọc nhiều quá. Lý bấm máy ghi lại một số hình, rồi chúng tôi trở vào nhà. Trên đường đi, tôi thoáng nghĩ, không biết khi mình chết, xác có chôn nơi này ?

Tôi ghé qua thăm nhà chú Diên. Chú đã qua đời vào năm 1976. Chú là người giàu nhất trong các người con của ông nội tôi. Từ cai thợ hồ, chú trở thành nhà thầu xây cất, và bán vật liệu xây dựng như sắt thép, gạch đá... Bất động sản của chú rải rác nhiều nơi trong hai thành phố Đà Nẵng, Sài Gòn. Không rõ có phải vì mất nhiều thùng đạn đựng vàng, chôn dưới một nền nhà bị trưng dụng, làm chú sinh bệnh qua đời hay không ? Số gia tài chú để lại vẫn rất đáng kể, Mỗi đứa con một ngôi nhà khang trang, đầy đủ tiện nghi. Tiên là con đầu của chú, một đàn em thân cận bên tôi một thời, tốt nghiệp và hành nghề dược sĩ trước 1975. Hiện nay, chú ấy cùng vợ, cũng là dược sĩ, đang giữ được nghề cũ tại Đà Nẵng và Sài Gòn. Sau chú Diên, đến lượt các chú Tham, chú Cửu Tiên, chú Sơ đều đã theo ông nội tôi. Một thế hệ của dòng họ Lê Học tại Liêm Lạc đã kết thúc hoàn toàn.

Sau khi viếng thăm hai bà con gái con chú Hương Doanh. Chúng tôi vội vã trở về Đà Nẵng. Chuyến về thăm quê nội sau 18 năm xa cách của tôi không quá hai giờ đồng hồ. Sự nghèo túng của gia đình cháu Thiệu làm tôi áy náy bởi những bất lực của mình. Những dự định sẽ lang thang thăm lại nhiều nơi, chợt tắt ngúm trong lòng. Ngồi sau yên xe gắn máy do em Hoàng chở, tôi không dám nhìn loanh quanh. Tôi cảm thấy mình thiếu nợ với tất cả. Khi Hoàng cho xe thẳng về hướng Cô Mân theo một con đường mới mở rộng, tôi úp mặt vào lưng đứa em trai cùng cha

khác mẹ, cũng có nhiều không may, mà ứa nước mắt. Tôi tự hẹn với lòng sẽ phải về quê nội một lần nữa, nhưng biết đến bao giờ đây ? Những ngày ở Montréal, mỗi khi nhớ về quê nội, tôi nhắm mắt, đặt tay lên bàn, đã như chạm phải thịt da của con đất giàu liêm khiết, lạc quan ấy. Sao bây giờ, ngay trên đất cội nguồn mình lại cảm thấy lạc lõng, lạnh lùng.

Em yêu dấu, bây giờ Montréal bắt đầu vào mùa lạnh. Tôi kéo rộng cánh màn cửa, từ bàn viết tôi nhìn ra đường Charleroi, con đường cắt ngang đường Armand Lavergne dẫn vào nhà tôi, đang trôi nổi những dòng xe xuôi ngược. Cuộc sống vẫn náo nức nít ỉu đuổi nhau sinh động, nhộn nhịp. Còn tôi, ngày qua ngày vẫn cúi đầu trên bàn viết này với những công việc không đâu. Nhớ và vẽ lại những miền đất cũ, những khuôn mặt xưa, bằng những con chữ có là một cuộc chơi cuối đời cần thiết cho riêng tôi ?

Năm sau nhé, hoặc năm sau nữa nhé. Tôi sẽ về thăm Việt Nam. Tôi sẽ về thăm quê nội. Quê nội tôi đang được đổi tên là Hòa Xuân. Thịt da của đất đá chắc phải tươi mát hơn. Xin đất nhớ dành cho tôi một chỗ, vừa đủ để một quan tài . Tôi sẽ cố làm một “chiếc lá rụng về cội”.



## Một Thời Qua Chợ Miêu Bông

Chợ Miêu Bông nằm cách quê nội tôi một dòng sông nhỏ. Đây là một ngôi chợ ở vùng quê, nhưng có chút hơi thở thị thành, nhờ không cách xa thành phố Đà Nẵng bao nhiêu, và nhờ những chuyến xe đò ngược, xuôi vẫn thường dừng ngay trước chợ. Vào đầu thập niên năm mươi, tôi có hai người bà con, thím Diên và bác Hội Du, buôn bán ở ngôi chợ này.

Chợ đông mỗi ngày một buổi, từ tinh mơ kéo dài đến khoảng hai giờ chiều. Trong thời gian tôi sống ở quê nội, nhiều lúc tôi đã theo những người con của thím và bác tôi lang thang vào ngôi chợ. Thăng Tiên, anh Thoại, anh Lữ chiều nào cũng qua giúp hai bà mẹ thu cát hàng vào khi chợ sắp tan. Trong những lần làm cái đuôi như thế, tôi có dịp ngắm và nghe những sinh hoạt náo nhiệt của chợ búa. Dĩ nhiên sự hiện diện của tôi không phải lúc nào cũng rơi vào buổi chợ tan.

Hình ảnh, âm thanh có thể khác nhau chút ít, tùy thời điểm. Nhưng đặc điểm chung chung của một ngôi chợ làng quê, tôi nghĩ ở đâu cũng bao gồm cảnh hỗn tạp, ồn ào, luộm thuộm, bần thiêu, mùi hôi chen với mùi thơm... Riêng với ngôi chợ Miêu Bông, tuy không phải là ngôi chợ thú nhất tôi được biết, được gặp, nhưng đây chính là ngôi chợ tôi lui tới nhiều nhất, quan sát nghe nhìn được nhiều nhất, và có thể dễ dàng lượm ra một vài kỷ niệm xinh xinh. Với chợ Miêu Bông, tôi không có cái ngơ ngáo như ở chợ Quán Rường, chợ Đước... Tôi không có cái cảm giác đi tìm một bóng hồng như ở chợ Đông Ba, chợ Sông Vệ, chợ Tam Kỳ... Tôi không có những giây phút trống rỗng, đi tìm một cốc cà phê như ở chợ Quảng Ngãi, chợ Quán Lác, chợ Tăng Nhơn Phú... Tôi không có cái nhân du, đi ngắm mọi người mua sắm như ở chợ Bến Thành, chợ Tăng Bạt Hồ... Tôi không có cái phút đi chọn mua hàng hóa, thức ăn như ở chợ Cồn, Chợ Vườn Hoa, chợ Hàn, chợ Tân Định... Tôi không có cái nao nao đứng chụp ảnh như ở chợ Hội An, chợ Vĩnh Điện, chợ Búng... Biết bao nhiêu là chợ tôi đã được ghé qua, nhưng đậu kín nhất trong lòng tôi vẫn là chợ Miêu Bông.

Để sẫm soi lại những kỷ niệm với ngôi chợ miền quê thân mến, tôi dặn mình hãy chậm rãi, vịn từng đầu mối nhớ tưởng để lần về, được chút nào hay chút ấy, đừng nghĩ quá mau, sống lại quá vội mà tay gõ không kịp, rồi cả một đoạn đời.



Chợ Miêu Bông được dựng sát bên quốc lộ số một, trên đoạn đường từ cầu Đỏ, cầu Cẩm Lệ chạy vào Thanh Quýt, Vĩnh Điện, Hội An... Một nền đất sét nện, rộng già-hon- nửa-diện-tích một cái sân vận động đúng tiêu chuẩn, đỡ một cái nhà lồng đứng vững chãi, trên nhiều trụ gỗ, mập, ốm không đều nhau. Đó là nóc chợ chính, trống hốc cả bốn mặt. Gió từ sông Liêm Lạc thổi lên. Bụi từ Quá Giáng tạt vào, tất cả tự nhiên, phơi phới. Một dòng nắng nghiêng, một dải mưa tạt, như phấn như son, càng làm cho nền đất bóng chắt. Trên cái nền đất mỗi ngày một âm chân người ấy, được khéo léo sắp đặt những dãy sạp, hàng ngang, hàng dọc, có thứ tự tùy theo từng ô, mà điem chuẩn thường là những góc cột. Những khoảng trống làm lối đi lòng vòng, như một sợi dây dài buộc thân thiết các sạp lại với nhau. Không biết có phải đã có cuộc bốc thăm để chọn chỗ ngồi. Hay sự phân chia tùy thuộc vào mặt hàng bày bán. Nhưng dù dưới hình thức nào, trong lòng chợ đã có được một sự sắp đặt thứ tự và hình như ai cũng bằng lòng với vị trí của mình.

Cuộc mua bán như một trận đấu thể thao tích cực. Hàng hóa là vật chơi, như trái banh, con cờ...Hai đội chơi là những đôi tượng trực tiếp ra giá, trả giá, và không thiếu những khán giả, góp ý, cổ vũ, động viên. Có lẽ sự so sánh việc buôn bán ở chợ với một cuộc chơi của tôi có phần khập khiễng, thiếu thuyết phục. Nhưng ngày ấy, quả thật tôi đã rất thú vị, khi được chứng kiến những cảnh mua bán tại ngôi chợ quê này.

- *Cái áo này giá bao nhiêu đây chị ?*
- *Năm đồng đó.*
- *Hả ? Cái áo này có chi mô mà mắc rứa?*
- *Hàng hộp đó bà ơi, coi kỹ đi!*

Cô bán hàng áo quần, nhìn thoáng người khách, đánh giá và mau miệng:

- *Bà nhìn nè, không mắc đâu, hàng từ ngoài Hàn vô đó, còn nguyên trong hộp đây nè, hàng làm tận bên tây nhập về, không phải đồ lô đâu. Bà ngó kỹ cái nhãn coi.*

Chị bán hàng vừa nói vừa chỉ vào chỗ hột nút cổ đã gài kín. Ngón tay chị ấn nhẹ trên mặt giấy gương trong suốt. Cái ngón tay không thon nhỏ, không sạm nắng của chị cử động nhẹ nhàng, như gãi lên tờ giấy gương. Chị đang suy tính chớp nhoáng để làm cách nào đưa cái áo hộp của chị vào lọt trong cái giỏ xách của người đang trực diện. Trong giây phút nghiêm trọng ấy, chắc chị quên hết mọi việc ở nhà, ở ngay sau lưng. Chị cảnh giác, tập trung để dứt điểm. Nhưng bà mua hàng có lẽ chỉ hỏi giá cho vui buổi đi chợ, nên mau mắn phủi tay bằng một câu hện cho có :

- *Được, để tôi về dẫn con tôi lại, coi nó có ưng không cái đã.*

Bà bỏ đi. Ở ngay bên cạnh đó. Giọng kêu vói của một người bán vải:

- *Thôi lại đây tôi bán mở hàng cho...hàng bombay của Chà và mà bán giá ni, thiệt là... để vốn làm quen với chị đó.*

Rồi không kịp nghĩ hơi, bà hỏi luôn:

- *Xé mấy thuốc ?*

Tầm nhìn của tôi không đậu lâu được ở bất cứ một hoạt cảnh nào. Tai nghe, mắt nhìn, mũi ngửi....tôi bỏ lác cả thằng Tiên. Nhưng không sao, chỗ bán hàng của thím Diên tôi đã biết. Hàng của thím là hàng tạp hóa với cả trăm thứ linh kinh. Từ khâu kim găm, hộp kim may, các cuộn chỉ, đến cả vở, viết học sinh. Rồi các thầu kẹo ú, kẹo mè xừng, kẹo đậu phụng. Bánh in bọc giấy xanh, đỏ, vàng, trắng. Mây thầu rượu trắng, rượu dầm thuốc bắc. Mấy chai bia lùn. Mấy chai nước chanh. Những cái đèn treo bốn mặt gương. Lược sưa, lược dày, lược cài tóc. Kính tròn bỏ túi. Kẹp giặt, kẹp bản dành cho con gái. Dầu cù là. Dầu Nhị Thiên Đường. Dầu Khuynh Diệp Bác Sĩ Tín. Thuốc Dán Con Rắn. Thuốc Tiêu Ban Lộ. Thuốc Ách bi rin. Thuốc Ga ni đăng, Anh Côn Đờ mạn. Giấy vàng bạc. Hương thẻ, hương khoan. Đèn cày trắng đỏ số 1, số 2. Quạt giấy, quạt mo. Chổi chà, chổi lông gà...vân vân và đủ thứ, phong phú vô cùng. Cái thế giới ấy, cái sạp hàng ấy của thím Diên thật vui mắt, thật thu hút, tôi tưởng như đang sờ thấy và nắm chắc trong tay giọng nói trầm trầm của thím:

- *Con ăn bánh gì không ? Lấy kẹo đậu phụng cho anh ăn đi Tiên.*

Tôi không qua chợ để ăn vặt. Nhưng nhiều lần tôi được ăn như thế, từ hàng thím Diên, từ hàng bác Hội Du. Bởi bác cũng có một gian sạp giống hệt như thím Diên. Thằng Tiên, anh Thoại, anh Lữ thường dựa vào tôi để ăn ké, dù quà bánh vốn là của gia đình họ.

Tôi đang đi lần ra hướng quốc lộ. Người mua kẻ bán vẫn chen chúc sát bên tôi. Chung quanh nóc chợ chính, rất nhiều chòi nhỏ với đủ loại mái, tranh, tôn, chen nhau ngó vào lòng chợ. Những người buôn gánh, bán bưng, ngồi, đứng, đi trong những khoảng trống họ thấy thích hợp. Trong đám này, tôi bắt gặp vài ba người có bộ tịch rất lạ. Khác hẳn với những người chung quanh. Họ vừa ngọng nghịu mời khách, vừa ngờ nghệch dòm quanh quẩn. Họ nói ít, quan sát nhiều. Thỉnh thoảng nắm giữ vành nón mình như sợ gió bay. Rồi có người vụt đứng dậy,



nhanh nhen bung cái rô hàng nho nhỏ của mình, lách thật nhanh đi chỗ khác. Tôi thấy có một người như vậy bị một ông nắm tay kéo lại. Tuy đứng không xa, nhưng cái ồn ào của một ngôi chợ đang đông, tôi không nghe được người đàn ông nói gì. Ông lên tay xuống ngón rồi xé một mẩu giấy màu xanh, cầm sẵn trên tay, dán lên nón người đàn bà vừa lách đi không kịp. Thì ra ông ta là người đi thu thuế chợ và người đàn bà kia chỉ là một người đi bán bắt đắc dĩ. Ở nông thôn, nhiều gia đình tản tiện, gà đẻ được vài chục trứng, không để ấp, không dám ăn mà mang ra chợ bán, để kiếm ít đồng mua thêm chút mắm, chút dầu. Hoặc vườn nhà ổi, chanh... thuận nắng vừa mưa sai quả, lại mang ra chợ. Cũng có trường hợp trong nhà có người đau ốm cần chút tiền mua thuốc thang, đành kiếm một cái gì để mang ra bán. Lợi tức từ những món hàng như thế thường chẳng đáng là bao, nếu phải bị đánh thuế, không còn gì xót lòng hơn. Tôi chưa hiểu biết gì về cuộc sống. Chưa biết ái ngại giúp ai. Nhưng rõ ràng tôi thấy mình không ưa người đàn ông thu thuế. Tò mò tôi lách theo ông xem thử ông còn chộp được ai nữa, trong khi trên nón những người quanh tôi đều đã có một miếng giấy nhỏ xanh hoặc đỏ.

Mùi cá tanh xông vào mũi, tôi định tháo lui khỏi khu vực bán cá. Nhưng tức thì, ngay sát chân tôi, bà già bán cá gỡ cái trệt ra khỏi miệng một cái rô có trét dầu rải. Tiếng cá quậy nước kéo đôi mắt tôi xuống. Một rô lúc nhúc cá đồng. Tôi bắt gặp những con cá rô nghiêng nghiêng trên mặt nước. Vài cái mình cá diếc bạc trắng ngất ngư lật ngửa. Chắc chắn phải có cá tràu, cá ngạnh... nằm phía dưới, Không chừng có cả cá lia thia. Tôi nhón gót dòm cá quậy liên tục. Sợ cá nhảy ra ngoài, bà bán cá đập lại rồi giờ ra liên tục gây chú ý đến người mua. Tôi thất vọng không nhìn thấy con lia thia nào. Mùi “Giấy Một Đồng Vàng” chọt thơm lừng. Tôi sờ tay lên túi áo, còn nguyên. Trong khoảnh khắc, tôi nhớ rõ hình vẽ một người đàn ông, ở trần, đội nón, gánh một gánh dưa đầy trên tờ giấy bạc. Với tờ giấy nhỏ này, tôi mua được những con lia thia, nếu có.

Thằng Tiên, từ phía sau vỗ mạnh vào ngang hông tôi một cái cùng một tiếng “hù!” đi theo liền tiếng cười như nắc cụt của hắn. Tôi giật mình quay lại, tiện chân đá nhẹ vào ống quyển hắn. Thằng Tiên giả vờ quỵ xuống rồi đứng vụt dậy nheo mắt làm trò.

Tôi nhìn thẳng em họ bé loắt choắt cười theo. Với cái đầu bự, tóc rể tre, cắt ngắn, tia tia như một đám cỏ, thằng Tiên rất nghịch ngợm, ma lạnh. Hai vành tai trên hơi xùng ra, rất ngộ nghĩnh. Mặt mày sáng sủa với cái miệng cười suốt ngày. Từ hôm tôi hồi cư, không ngày nào hắn không tìm tôi. Chỉ cho tôi nhiều trò chơi mới như bắn bi, búng dây thun...và thường kéo tôi qua chợ. Có lần, cũng ở chợ này, hắn mua cà-rem-cây rồi phỉnh tôi:

- *Anh cắn mạnh vào, nhai thật mau kéo kem chảy hết.*

Mới ở núi về, đầu đã ăn cà rem bao giờ, tôi tê buốt cả răng, cả miệng lưỡi, ngấu nghiến cho mau hết cái cục nước đá ngọt dài thông ấy, không thấy ngon lành gì cả, chỉ chực nhả ra, nhưng lại thấy tiếc của lạ, nuốt vội. Trong lúc mặt mày thằng Tiên tỉnh bơ. Hắn ngó chăm chăm vào miệng tôi, và không ngớt hỏi:

- *Ngon không, ngon không anh?*

Khi tôi nuốt trôi miếng cắn cuối cùng, hắn mới vùng lên cười, bỏ chạy. Mãi đến vài ngày sau, tôi mới biết cách thưởng thức ăn cà-rem-cây, rõ là dân ở núi.

Chúng tôi đã rủ nhau ra ngoài bìa chợ, lân la đến gần một ông già xem bói. Thằng Tiên coi bộ rất khoái ông lão này. Đã nhiều lần, hắn ngồi chồm hổm dưới đất, ngó sững cái miệng ông ta nói khi có khách. Hôm ấy, ông thầy bói ngồi một mình trên một cái đôn gỗ thấp như thường lệ. Trước mặt ông là một cái chõng tre nhỏ. Bè dài chừng một thước. Bè ngang cỡ năm tấc. Bè cao độ ba tấc, thấp hơn cả hai cái đầu gối của chính ông ta. Năm sáu lá bài gồm đầm, già, bồi, ách với đủ mặt rô, cơ, bích, chuồn, được sắp một vòng cung trên mặt vạt giường. Số bài còn lại được úp mặt trong một cái chén nhỏ, có hình vẽ con gà trống trên vành chén. Một cây quạt giấy màu tím bầm, được xếp cẩn thận, đặt gần bên cái chén đựng bộ bài. Ông thầy bói đeo kính trắng trông rất đạo mạo. Ông mặc cái áo bà ba màu trắng, đã ố vàng, nhưng không rách. Những hột nút trên áo ông cũng đặc biệt. Chúng như những hột cườm ngà ngà, to bằng cục gôm cây bút chì. Cái quần ông thầy bói mặc không đen hẵn mà cũng không nâu hẵn. Với tuổi chừng năm mươi, tôi thấy ông như một dân quân ở chiến khu hơn là một ông lão. Ông thầy bói cầm một cuốn sách gì đó trên tay. Thình thoảng ông lật vài trang trong khi

ánh mắt vẫn quét ra đường. Ông đang rình khách. Cặp môi ông chực cười nhiều lần nhưng hé không ra. Hình như ông chỉ quan tâm đến nét mặt những người đàn bà qua lại, chột nhìn vào ông, vào cái chõng tre, thỉnh thoảng có vài con ruồi mồi cánh đậu vài giây.

Tôi có cái tật nhìn cái gì cũng nhìn rất kỹ, dù ánh mắt tôi không để yên lâu trên bất cứ vật nào. Ông thầy bói chưa có khách. Cái nắng chín, mười giờ của tháng bảy đã bắt đầu hôi hổi. Chúng tôi xê dịch vào trong một chút, chạm một chồi bán đồ vàng mã. Tôi rất thú vị khi ngắm các hình tượng con ngựa, mũ, hia, quần, áo... làm bằng giấy ngũ sắc sặc sỡ. Hồi đó tôi chưa có trí khôn bao nhiêu và cũng chẳng có nguyên nhân nào để nghĩ đến chuyện sinh tử. Những nhu cầu vật chất của đời người sinh thời không có khả năng, chết rồi có được bù đắp? Không chỉ những gia đình khá giả mới sắm cho thân nhân khuất bóng những vật dụng tươm tất. Nhiều nhà chật vật vẫn một vài lần gồng mình, để tạo cơ hội cho những người mình thương yêu, tiếp tục nuôi ảo tưởng sẽ có một giai đoạn sung mãn, giai đoạn đó có thể ở trong cõi chết. Thật là quý.

Thằng Tiên không thích sạp hàng thợ mã. Hấn kéo tôi đi. Hai đứa rúc dọc, luồn ngang trong chợ. Có lúc lẩn đụng người này kẻ kia nhưng chẳng ai phàn nàn. Lại ló ra bìa một phía khác. Đụng vào khu vực ăn uống. Những gánh thức ăn với đầy đủ thúng gióng đặt gần nhau. Gánh cháo lòng. Gánh bánh tráng hên. Gánh mì Quảng. Gánh đậu hũ. Gánh xu xoa... Rổ bánh nậm. Rổ bánh bột lọc bọc con tôm. Rổ bánh ít... phong phú thức ăn và đôi dào thực khách, phần đông là mấy bà. Chúng tôi sớm đội ngược xa khu này. Láng vẳng không khéo có người cho mình đi ngó miệng. Vòng tới, vòng lui, chúng tôi lại trở ra gần mặt lộ.

Từ vòng đai chợ, tôi nhìn qua bên kia đường. Một dãy nhà vách xây, có cái lợp ngói, có cái lợp tôn nằm liền vai nhau, dọc theo con đường nhựa xám xám. Tất cả các căn nhà này đều là những cửa hàng. Trong vóc dáng khang trang cao ráo, những mặt hàng hình như được chọn lọc, và chung bày có phần sáng sủa hơn bên chợ chính. Tôi cũng nhìn thấy một tiệm hớt tóc đang có khách. Hình như ông thợ đang đẽ cụng đầu một thằng bé, trạc tuổi tôi, để cạo sau ót. Tiệm thuốc bắc đứng sát bên. Một người

đàn ông đứng trước dãy tủ gương, nhưng bị lấp từ bụng trở xuống vì một cái tủ dài đen thui. Ông ta cầm một cái cân thật nhỏ, mở một nắp tủ. Một người đàn bà đứng nghiêng hông ra đường, đang theo dõi từng cử động của người đàn ông. Cạnh tiệm thuốc bắc là một quán ăn. Một chồng bánh tráng nướng, vài xâu bánh ú, treo ngay phía trên cái bàn nhỏ, đặt gần cửa ra vào. Không biết quán bán chính món gì. Tôi chưa thấy có khách vào.

Một chiếc xe đồ, từ hướng cầu Đò, lịch xịch, ép sát lề, dừng ngay trước mặt quán ăn. Chú lơ xe bu phía sau đã nhẩy xuống mặt đường. Chú không lo giúp những bạn hàng vội vã bung thúng gióng xuống xe, mà không ngớt chào mời những con buôn, những hành khách đang từ trong chợ chạy vội ra. Một cái xe đồ khác, ngược chiều, từ Thanh Quýt ra, dừng cách chỗ chúng tôi đứng một thước. Cảnh xuống xe, lên xe diễn ra gióng hết như cảnh vừa rồi. Nhanh chóng, ồn ào, như một đám ruồi đang đậu yên bị động bay vụt lên.



Chợ có phần đông hơn. Nhưng chợ lặng đi trong vài giây. Tôi không ngạc nhiên lâu, khi thấy một nhóm lính Tây từ đồn Quá Giáng kéo vào chợ. Lính Tây hay lính Quốc gia vào chợ Miêu Bông đã là chuyện thường, bởi vì đồn Quá Giáng cách chợ Miêu Bông chỉ chừng hơn năm trăm thước. Lính vào chợ có thể

là đội hỏa vụ, đi mua thức ăn tươi. Hoặc cũng có thể là những người đi dạo chơi trong lúc chưa có công vụ. Đây là chuyện thường, nhưng chợ Miêu Bông luôn luôn dành một vài phút giạt mình như vừa rồi. Nguyên nhân này có lẽ bắt nguồn từ ngày tôi chưa hồi cư.

Chuyện qua cũng chưa lâu lắm. Tôi nghe lóm nhiều người kể. Hồi đó ở đồn Quá Giáng, có một viên chức người Việt trong đội ngũ *commando*, ông được thăng đến chức quản. Và vì có tục danh là Chiếu, nên được mọi người gọi là Quản Chiếu. Theo lời đồn, ông Quản Chiếu là một thanh niên mặt mũi khôi ngô nhưng tính khí thất thường. Ông được người Pháp tin dùng vì sự tàn bạo độc đáo của ông. Ông thành danh mau chóng là một hung thần của nhiều làng thôn kế cận đồn Quá Giáng, trong đó có cả làng quê nội Liêm Lạc của tôi.

Đồn Quá Giáng nằm sát quốc lộ số một. Đây là một trong những chốt được người Pháp bố trí dọc theo quốc lộ. Ngoài nhiệm vụ giữ đường, đơn vị đồn trú ở đây còn có nhiệm vụ tảo thanh, lục soát, phát hiện và tiêu diệt những mầm mống phản động trong tâm địa bàn hoạt động. Doanh trại đồn Quá Giáng không rộng lắm, không kiên cố bao nhiêu, nhưng trong suốt mấy năm kháng chiến chống Pháp, hình như đồn này chưa lần nào bị tổn thất nặng.

Đồn gồm có doanh trại và lô cốt. Lô cốt (*blackhaus*), là một công sự được xây đúc bằng bê tông cốt sắt kiên cố. Bề dày và độ cứng phòng chống được nhiều loại đạn. Chung quanh có chừa nhiều lỗ châu mai để tác xạ. Doanh trại gồm một nhà ngói nhỏ và một dãy nhà tôn thấp, xây cất trên một vạt đất vốn là đất ruộng được đắp cao. Chung quanh khu vực được khai quang, để rộng tầm quan sát. Tất cả bản doanh này đều được nhiều lớp hàng rào kẽm gai bao bọc. Dĩ nhiên cùng với kẽm gai còn có những trái mìn, trái lựu đạn được gài đặt khéo léo. Cách đồn Quá Giáng không xa có một cây cầu sắt vững chắc nhưng chỉ dài chừng năm chục thước. Cây cầu này và dòng nước khiêm nhường bên dưới chính là mồ chôn của rất nhiều người dân vô tội, mà đao phủ, phần nhiều là ông Quản Chiếu trẻ tuổi. Cũng theo lời kể, ông Quản Chiếu không chỉ có ngón tay trở sở trường bóp cò. Mà thú vui của ông là dùng dao cắt cổ, và phải cắt thể

nào để nạn nhân giữ được mạng cho ông mua vui lần sau. Làng tôi có một thanh niên bị ông cắt cổ đến ba lần, vào ba thời điểm khác nhau, nhưng vẫn không chết. Máu huyết con người có biết ca hát, reo vui, hay tỏa thơm một mùi hương đặc biệt, để cho một người nào đó có tính khí đặc biệt phải thèm khát, nghiện ngập? Nghĩ về máu có mùi hương, tôi không thể không nhớ đến những ông Hường, ông Phan, các anh Thiệu, anh Hiếu... của nhà văn Nguyễn Văn Xuân. Máu quả thật có mùi hương, và nhiều trường hợp tác dụng khác nhau.

Ông Quán Chiếu không sống lâu. Dân làng tôi kể, ông có một người cha có đạo đức, một người anh hiền lành. Nhân một ngày giỗ của gia đình. Người anh đã bàn với người cha nên để anh ta ra mặt khuyên nhủ Quán Chiếu theo về con đường thiện. Người cha vẫn ngại, nên giấu người anh trong buồng, chờ ông thuyết phục trước. Nghe nói ông Quán Chiếu hôm ấy có ít nhiều vui vẻ và cởi mở với cha, nhưng ngay sau khi biết có sự hiện diện của người anh, ông đã đổi thái độ, và tức khắc, rút dao phóng vào buồng. Chẳng rõ vì sao, hôm đó là lần rút dao cuối cùng của Quán Chiếu.

Sự thực của câu chuyện, đáng tin được bao nhiêu phần trăm tôi không rõ. Ngắm nghía vài mảnh kỷ niệm với ngôi chợ Miêu Bông, tôi lại nhắc đến một ông Quán Chiếu nào đó, cũng giết người mà không được đặt tên đường, tên phố, có lẽ hơi phí giấy, nhưng biết làm sao. Quán Chiếu đã từng vô chợ Miêu Bông, đã từng cắt cổ người, để thưởng ngoạn màu máu ở ngay ngôi chợ này không phải là ít lần. Có thể có người đã bỏ mạng trên một sạp hàng xén, trên một quây thịt nhỏ...đâu đó trong ngôi chợ này. Hồn họ vẫn ở đây, bên những trụ cột, trên những rui, mè, kèo, rọ, tím bầm màu thời gian.

Chẳng phải điều gì cũng trở thành kỷ niệm. Cũng chẳng phải kỷ niệm phải vì một điều gì to lớn. Dù đã xa quê nội, đã không còn nhiều dịp ghé qua chợ. Miêu Bông vẫn không tiện cho tôi những cơ hội nhớ tưởng. Đó là những dịp tôi về thăm làng bằng xe đò, trong những buổi chiều.

Một vài buổi chiều như vậy, sau khi xuống xe, tôi thường rúc vào lòng chợ. Thay vì đi băng qua để xuống bến đò, tôi thong thả ngồi lại bên một chiếc chõng tre, hay một mặt bàn gỗ,

ngó loanh quanh. Chợ đã tan từ bao giờ. Trong cái trống hốc bầy ra thật rõ những cái thân thương nhất, gắn bó nhất với ngôi chợ. Sự èo uột, ốm yếu của từng vật thể, níu giữ, bám víu lấy nhau để tạo thành một tổng thể thật thân thiết đáng thương, Cái tổng thể này lại ám mùi đất, đậm mùi cây lá, thoang thoang mùi sông nước, dễ gì phai tan. Những con ruồi tôi chợt thấy. Những mảnh rác tôi chợt nhìn ra, đỡ tôi đứng dậy, diu tôi đi quanh. Tôi tìm lại trên nền đất âm thanh nhịp bước trước đây của mình. Không mất đâu. Chẳng mất đâu, tiếng nói của một thời chìm lẫn đâu đó. Tôi sẽ tìm ra ngay thôi. Những tiếng mặc cả, những tiếng cười, lẫn những tiếng chửi bới. Có ngôi chợ nào mà không như vậy. Nhưng có chợ nào giống chợ nào ở cái hồn cái vía của nó. Một lần tôi đã dựa vào một cây cột chợ, bình thần quẹt diêm châm một điếu thuốc. Khói mỏng chòn vờn, tôi trông ra như chòm mây, cứ theo đó mà ngó ra. Con đường quốc lộ từ Cầu Đỏ như đang dẫn về một đám gió. Một chút ít bụi vu vơ mà tôi chợt thấy được cái ngày tôi cùng thằng Tiên trèo lên xe lục lộ chở đá, để ra dòm mặt mũi cái cầu Đỏ, vốn đã được sơn đen từ thời nào. Ngày đó, đoạn đường này nằm trong giai đoạn xây dựng chưa hoàn tất. Anh rể tôi, Anh Kiều Văn Kiểm, chồng chị Sáu Hường là ông cai trông coi, điều động công việc chở đá, đổ đá, nghiền đá dầy mà. Anh Kiểm vui tính, thỉnh thoảng lại cho tôi và Tiên ngồi trên các cục đá rong chơi. Và chỉ cần nhích mắt lên một tí, tôi đã thấy ngôi nhà của hai con bạn Đỏ, Đen. Hai con bạn đã từng cho tôi thấy tất cả những gì quý giá của chúng, dù chúng lẫn tôi, ngày ấy chưa hiểu hết những hữu dụng của vưu vật.

Miêu Bông. Chợ Miêu Bông, lạ nhỉ, sao tôi chưa làm cho địa danh thân thương một bài thơ ? Gọi tên Miêu Bông, nhắc tên Miêu Bông trong thơ thì không sót. Nhưng trải tình làm thảm cho ngôi chợ sống đời cùng thơ, thì tôi lỡ quên. Đã cuối đời rồi. Xin cho tôi tạ lỗi. Hãy mặc cả, hãy cười nói, hãy văng tục, hãy chửi gào, hãy thom cùng hoa trái, hương, trầm, hãy tanh tươi cùng thịt cá, rác rến... Và cứ mặc kệ tôi.

Thấy chưa, ít câu lục bát bất ngờ đã hoàn tất lúc 9 giờ 4 phút sáng, ngày 15 tháng 11. Montréal Nord đang có những giọt tuyết bông đầu tiên của mùa tuyết năm 2005. Xin gửi về Chợ Miêu Bông vời vọi xa.

*bay vù về chợ Miêu Bông  
ai mua tôi bán chút lòng vắn vi  
chẳng biết mua lại những gì  
vội tay vẫn đọt xuân thì hôm xưa...  
hái, thành chùm nắng, chùm mưa  
rối thành chùm nhớ đông đưa chùm buồn  
cất vào lòng ủ mùi hương  
cho ấm lỗ rún, cái xương cuối đời  
trẻ, già tôi vẫn là tôi  
năm, bò, chạy, nhảy, đứng, ngồi... nhớ thương*





## Chạm Chân Vào Đất Tourane

Suốt mấy đêm liền, hai ông Việt minh Sáu Cấn và Hội Du, thay phiên nhau ghé đến nói chuyện cùng ba tôi. Không hiểu nội dung câu chuyện nghiêm trọng như thế nào. Nhưng trông ba tôi có vẻ lo lắng. Rồi một buổi sáng, ông cho tất cả học sinh tạm nghỉ một thời gian, với lý do trời đã vào mùa đông. Và ngay hôm sau, ông từ giã mẹ tôi, khăn gói ra đi. Tôi bất ngờ được ông dẫn theo.

Chúng tôi qua chợ Miêu Bông. Đây là lần đầu tiên, kể từ ngày hồi cư, ba tôi rời ngôi nhà ở làng Liêm Lạc. Chợ Miêu Bông do đó vẫn còn rất xa lạ với ông. Phần tôi, những chòi sạp, thúng gánh, cùng cái ồn ào của khu chợ quê này đã khá quen thuộc. Nhưng không hiểu sao, hôm ấy tôi cứ ngỡ ngỡ như có cái gì khang khác đang chập chờn trước mặt. Rất may, cảm giác bất khoan của tôi sớm chấm dứt sau khi chúng tôi băng ngang qua khỏi lòng chợ. Một cái xe hơi thô kệch, kín bung đậu sát lề đường. Ba tôi vội vã dẫn tôi đến và cả hai lên xe.

Chúng tôi bắt đầu đi ra thành phố Hàn, bằng một chiếc xe của mật thám Pháp, có sự hiện diện của chú Mười Thiều, một nhân viên mật thám. Có thể giấy tờ tùy thân của ba tôi chưa bảo đảm an toàn di chuyển cho một công chức, từng tản cư theo cơ quan kháng chiến, hay vì một lẽ gì khác tôi không được rõ.

Hàn là tên gọi theo thói quen ở nhà quê, để nói đến một thành phố mà tôi thường được nghe nhiều người trong làng nhắc đến. Dĩ nhiên lúc bấy giờ tôi chưa thể biết, thành phố này có bề rộng 1.247 cây số vuông, nằm cách Sài Gòn 964 cây số về hướng bắc; cách Hà Nội 764 cây số về hướng nam. Ở hướng đông bắc là vùng biển, bán đảo, và ngọn núi Sơn Chà cao 693 thước...

Tôi cũng chưa được biết thành phố này, từng là da thịt của vương quốc Champa, đã theo về cùng tổ quốc tôi bằng cuộc tình duyên giữa công chúa Huyền Trân và vua Chế Mân, hay bằng sự mặc cả tìm hòa bình giữa hai vua Ba Đích Lại (Indravarman XII) và Hồ Hán Thương.

Tôi cũng không biết tên gọi thành phố là Hàn là do cách phát âm của người buôn Trung Hoa qua các từ “Hiên Cảng”, “Hành Càn” hay “Hàn Càn”. Và dĩ nhiên không biết trước đó thành phố này còn có tên là Hansan, do Hàn Sơn tức Núi Hàn mà ra (theo nhà văn Nguyễn Văn Xuân) hay là Đà Nẵng, danh xưng được Việt hóa gốc tiếng Chăm Danak hay Darak (theo ông Võ Văn Dật).

Thời tôi đến, thành phố đang mang tên chính thức là Tourane. Sau này, tôi biết thêm: qua một đạo dụ của vua Đồng Khánh nhượng đất cho người Pháp vào ngày 01 tháng 10 năm 1888. Toàn quyền Đông dương, ông Richaud, đã ký nghị định thành lập thành phố với tên Tourane ngày 24 tháng 5 năm 1889. Danh xưng Tourane bắt nguồn bởi chữ Touron do người Bồ Đào Nha gọi từ thế kỷ XVI.

Thành phố Tourane, nơi sắp chào đón tôi, hồi tháng 8 năm 1945, chắc không cúng kiến khi đổi tên thành Thái Phiên, nên con đất này đã may mắn không trở thành một thành phố mang tên người.

Quá khứ là những gì đã qua, có hao hụt nhưng không bao giờ mất. Đối với mỗi cá nhân, chắc chắn ai cũng có ít nhiều giây phút để ngoái lại đoạn đời sau lưng. Những hình ảnh, những sự việc từng gắn bó một thời, từng là thực phẩm, từng là dưỡng khí, vẫn âm thầm đeo dính cho đến hồi kết thúc một kiếp người. Sự hồi tưởng, có lẽ rất ít khi có mục đích đúc kết để kiểm điểm, rút kinh nghiệm. Điều này, ít nhất là đúng với tôi. Tôi chưa áp dụng lời dạy “Ôn Cố Tri Tân” bao giờ. Đã qua cái ải “Ngũ Thập Tri Thiên Mạng” đến những mười mấy năm, tôi chợt đi lượm lại những vụn hành trang một thời, chẳng cần đãi lọc, khuếch đại, cứ để nguyên dạng mà bày ra cho chính mình, ngồi ngó chơi trước đã, khi “Lực Bất Tòng Tâm”, không thể làm cái gì khác hơn. Nếu có ai, tò mò ghé xem cho biết lại càng quý. Cảm ơn và xin mời.

Chỗ ở tạm của chúng tôi hình như đã được chú Mười Thiều sắp đặt trước. Thật ra đây chỉ là một chỗ ngủ nhờ. Một cái giường tre rộng chừng một thước hai. Bốn chân không được thẳng bằng, do nền nhà đất. Một tấm chiếu lác có in hình chữ Thọ màu đỏ. Cái giường được kê sát vách ván ép, nhưng không

nằm trong nhà, mà nằm trong chái bên hông nhà. Mặc dù mái thấp, nhưng mưa vẫn tạt vào, nên ba tôi tìm về hai tấm nilon treo cuối chân giường và mé bên ngoài. Đây là giang sơn mới của hai cha con. Chúng tôi ở đây được hơn một tuần lễ. Ngày nào ba tôi cũng ra đi đến tối mịt mới về. Ông bảo đi tìm việc làm.

Còn lại một mình, tôi ngồi xếp bằng trên giường, buồn mắt ngó loanh quanh. Nơi đây là một xóm lao động. Nhà trong xóm thấp nhỏ, đa số lợp tôn, vách bằng những tấm phên tre hay bằng gỗ tạp. Nhà này cách nhà kia một một hàng rào kẽm gai cao chừng một thước. Căn nhà có mái hiên chúng tôi đang tạm trú, có phần bề thế hơn các nhà khác. Mặt tiền ngó thẳng ra một gò mả. Cỏ cây dại mọc xanh bên những nấm mồ vôi mốc meo xám xịt. Cách giường ngủ của chúng tôi, bên kia hàng rào, là nhà của vợ chồng ông đập xích lô. Tôi để ý, hình như mỗi ngày ông chồng đập xích lô đi đi về về ba bốn lần. Chiếc xích lô đối với tôi cũng là một vật lạ mắt. Đây là phương tiện di chuyển và chuyên chở thay thế cho xe kéo mấy năm về trước.

Trời đã gần trưa. Tôi lấy ổ bánh mì ba tôi để sẵn trên đầu giường, cùng hộp sữa đặc. Bữa ăn qua nhanh. Tôi mở cuốn vở chép *vocabulaire*, định ôn lại vài từ ngữ. Chợt nhớ khi hôm nọ có cái gì cần cần dưới lưng. Tôi lật chiếu lên, nhìn từng nan vạt giường, ấn cả bàn tay lên từng mắt tre. Vạt giường còn tốt lắm. Những dây mây kết các nẹp tre lại với nhau được vót nhẵn nhụi. Không tìm thấy cục u nắn nào cả, tôi bần khoăn trải chiếu trở lại, lắng nghe tiếng xe chạy đâu đây, thật gần.

Trong cái râm mát của buổi chiều, tôi nhảy phắt xuống đất. Vài sợi gió khều nhẹ hai ống chân tôi, dẫn tôi ra cổng. Quẹo phải, chỉ độ ba chục thước, tôi đã chạm mặt đường nhựa. Nhìn quanh. Bên kia đường có một lò sản xuất cà rem cây. Tiếng máy chạy rần rật. Khói và hơi nước đọng trên những đường ống sắt nhô ra phía bên ngoài. Vài thằng bé mang trên vai cái thùng dài dài, đi vào rồi đi ra. Tôi định bụng sẽ qua bên đó xem cho biết, nhưng chưa dám.

Từ lò cà rem nhìn xuống, hai bên đường, những ngôi nhà ngói đứng sát nhau thành hai hàng dọc. Nhìn ngược trở lên, sát vị trí tôi đứng là hàng rào một nghĩa địa. Theo tài liệu của ông Hồ Trung Tú, đây là nghĩa trang đầu tiên của Việt Nam, qui tập

đến 3000 hài cốt, đã được triều đình Huế cho thành lập để an táng các quân sĩ đã bỏ mình trong trận chiến với người Pháp và Tây Ban Nha kể từ đêm 30, rạng ngày 1 tháng 9 năm 1858 kéo dài đến 19 tháng sau. Nghĩa địa lúc bấy giờ được gọi là Nghĩa Trũng (nơi chôn cất những người làm việc nghĩa). Vào thập niên 80 nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam công nhận đây là Di Tích Lịch Sử cấp quốc gia, nhưng sau đó bị san bằng làm nhà thi đấu thể thao mang tên Nguyễn Tri Phương như hiện nay.

Nghĩa địa này chạy dọc bên đường, dài trên một trăm thước, chấm dứt bởi một nóc nhà ngói. Tôi rất ngạc nhiên, nhìn thấy một người lính Pháp, mang súng đi qua đi lại. Nhìn kỹ, tôi phát hiện có vòng rào kẽm gai giăng ngang mặt đường. Tôi đoán đó là một đồn lính Pháp (tiền thân của đồn cảnh sát Hoàng Diệu). Phần đất đối diện với nghĩa địa, bên kia đường, bỏ trống, có dạng một con đường đang xây dựng.

Hai bàn chân tôi không cưỡng nổi lời mời gọi của con đường. Để khỏi đi lạc, tôi định bụng chỉ đi thẳng một đường rồi quay trở lại. Trước khi đi, tôi cẩn thận nhìn cho thuộc mặt lò cà rem để làm dấu.

Đường vắng. Một vài chiếc xe nhà binh vù vù xuôi ngược. Tôi gặp một vài gốc cây, một vài trụ điện đúc bằng xi măng vững chắc. Thịnh thoảng tôi gặp năm ba người đi bộ. Gió mát, bành bồng những tiếng rao *cà rem cây đây*...Thành phố bước vào chạng vạng. Tôi chột dưng lại dưới một trụ xi măng, nhỏ và thấp hơn cây trụ điện. Nhìn lên, trên đầu trụ, có hai miếng bảng hình chữ nhật. Trên mỗi miếng, ở mặt quay ra đường, sơn màu xanh dương, nổi rõ nét chữ in màu trắng. Mặt miếng bảng song song với con đường tôi đang đi, có ghi chữ: Rue Đỗ Hữu Vị. Trên miếng bảng chạy dọc theo đường bên kia có chữ Rue De Castelneau. Để khỏi quên chữ này, tôi lấy bút chì và mẫu trong túi quần, vừa ngó mặt chữ vừa viết lại cẩn thận.

Tối hôm đó, trong khi nằm ôm lưng ba tôi như thói quen, tôi hỏi ông về những miếng bảng. Ba tôi cho biết đó là những tấm bảng để ghi tên những con đường. Ông cũng không quên giải thích vì sao phải đặt tên đường, và những tên đường từ đâu mà có. Thì ra con đường tôi vừa đi qua, và cận kề với chỗ tôi

đang ở, mang tên là Đỗ Hữu Vị. Cũng theo lời ba tôi, Ông Vị là người Việt Nam, quốc tịch Pháp, đi làm sĩ quan trong binh chủng Không quân Pháp, đã chết trong Thế chiến thứ nhất. Con đường này đến năm 1954 được đổi thành đường Hoàng Diệu cho đến ngày nay. Và con đường Castelneau, được thay tên Thái Phiên trong năm 1955, vẫn tồn tại.

Vào một buổi chiều, cuộc cãi lộn của hai vợ chồng ông xích lô gây náo động cả xóm. Tôi nằm nghiêng trên giường, chống tay vào má, nhìn qua hàng rào. Bà vợ ông xích lô ném theo hướng chạy của chồng một vỏ chai. Hụt. Bà bắt đầu chửi. Từ trước đến nay, tôi đã mục kích nhiều cuộc cãi lộn. Nhưng phải nói khả năng lẫn ngôn ngữ văng tục của bà vợ ông xích lô, thật siêu đẳng. Bà đi từ quan niệm đến mục đích sống của bà, chủ yếu là tứ khoái. Và xác nhận thật minh bạch: với bà, cái khoái thứ ba mới là quan trọng, đứng hàng đầu. Bà nguyên rủa ông chồng làm không nên hình trong công việc... dẫn thủy nhập điền. Bà nghi ngờ đức tính chung thủy của ông chồng, đã làm mòn hao khả năng giải nhiệt cho bà. Bà cũng không quên tích cực cổ vũ nói lại cuộc chiến tức khắc và tạm thời tự mãn bằng độc thoại. Lối chửi ‘tân hình thức’ của bà quả thật độc đáo. Tôi có thể ghi chép lại nguyên bản với những từ ngày nay đã đi vào thơ văn hân hoi, nhưng chợt có phần ngại ngùng, chớ không phải đạo đức giả.

Dĩ nhiên, cùng với ngôn ngữ, bà vợ ông xích lô biểu diễn phần minh họa cũng rất ‘ấn tượng’, hơn hẳn những kiều nữ trong các hộp vũ tươi mát về việc bút giai đoạn. Một cái vung tay mau lẹ đã thâm tóm mấy mươi con mắt hàng xóm, trong đó có cả đôi mắt tinh khiết của tôi. Màn trình diễn chửi ‘tân hình thức’ của bà vợ ông xích lô chợt kết thúc bất ngờ, khi ông chồng lượm cái vỏ chai, dùng đỉnh bước vào sân. Không ngó đến cái quần đen nằm tro trên giữa sân cát, ông bước qua ngưỡng cửa vợ ông mới vừa bị nuốt trứng, bỏ lại chung quanh những nghi vấn, tưởng tượng.

*nhập cư vào xã Phước Ninh  
sát rìa nghĩa địa u minh hiên người  
hồn, thân chung đặng giọng cười  
tiếng la câu chửi ngược xuôi bênh bồng  
lần đầu đời, thấy chòm bóng*

*thơm trên thánh địa đàn ông tôn thờ  
cũng lần đầu được nằm mơ  
thấy con cu-đất phát phơ đứng gù*  
(Sông Núi Cùng Người Thơm Ngát Thơ)

Thời tiết bắt đầu lạnh hơn. Độ ẩm của chiếu mền, không ngăn được những luồng gió tinh quái, những hạt mưa nghịch ngợm. Ba tôi phải mang tôi đến một địa điểm khác. Nơi chúng tôi ở trọ lần này có vẻ tươm tất hơn. Vẫn giường tre, nhưng được đặt trong nhà, lại nhà trên tầng hoang. Trước nhà, một mái hiên khá rộng, có cả một cái võng được móc sẵn. Nhưng tôi thú nhất là khu vườn đầy kín cây ăn quả. Ôi, măng cầu, đu đủ cùng nhiều loại tôi chưa biết tên, xanh ngát chung quanh..

Nằm võng là cái thú tôi thích từ thời còn ở Tiên Phước, nên không ngày nào tôi quên đu đưa trước hiên. Vườn có nhiều chim. Tiếng hót không lạnh lốt, sang sảng như chim rừng, không líu lo, uyển chuyển như chim đồng quê, nhưng vô cùng dịu dàng, nhỏ nhẹ như thì thầm thủ thỉ. Những con se sẻ ở đây cũng bạo dạn hơn, thân mật hơn. Chúng tìm ăn ngay bên cạnh võng tôi nằm, đùa giỡn âu yếm nhau một cách tự nhiên. Nhưng ấn tượng đẹp tôi gìn giữ mãi ở nơi cư trú lần thứ hai là những tiếng chuông mõ những mùi trầm hương.

Không ngày nào tôi không nghe tiếng chuông mõ, vọng từ ngôi chùa lớn phía trong bay ra. Âm thanh của chuông mõ thật kỳ diệu. Đó là những điệu nhạc trầm bổng tha thiết mà ray rứt buồn. Có nhiều hôm tôi nằm gối tay nghe tiếng chuông đến, lão đảo, xoắn xuýt rồi lưỡng lự bay cao. Tôi lim dim thả hồn theo tiếng chuông, thông thả nhẹ nhàng cho đến khi vấp phải một dòng mây. Trời thật bao la, thân thể tôi cảm thấy nhẹ tênh, bênh bồng rơi mãi, rơi mãi chẳng biết về đâu. Tiếng chuông lại đến, lại mang tôi theo vào một cuộc hành trình mới huyền hoặc, trong suốt. Cứ như vậy, tiếng chuông đến, tiếng chuông đi êm ả diệu kỳ.

Nhờ mê tiếng chuông, tôi lần vào mái hiên chùa. Tôi lấp ló nhìn những tượng Phật bằng đồng sáng bóng trên các bệ thờ. Hoa sen, trầm hương, ánh đèn hoàn toàn chinh phục tôi. Nhờ đứng ngay dưới hiên chùa. Tôi nghe tiếng mõ rõ hơn. Cốc...cốc...cốc...những tiếng mõ như những giọt nước rơi gầy

gọn trên một mặt phẳng cứng. Nhịp rơi đều đều, tạo thành những ngắt câu đầy nghệ thuật. Tiếng mõ cũng chen chân bên tiếng chuông một cách hòa hợp. Tôi cảm tưởng như tiếng mõ đưa tiếng chuông đi một đoạn. Ngân nga giữa âm thanh chuông mõ, giọng tụng kinh vang theo buồn bã lạ lùng. Kinh Phật hình như chẳng có tiết tấu nào vui. Tôi chưa biết gì về những Sinh Ly Tử Biệt nhưng dễ dàng chìm giữa nguồn âm thanh bí ẩn. Nhưng lạ một điều, càng cảm thấy buồn bã, lòng tôi càng lâng lâng nhẹ nhàng. Giống như nguồn âm thanh kỳ diệu ấy chở được cả thân thể lẫn hồn vía tôi bay cao. Một vài ngày tôi lân la trước hiên chùa một lần. Thuộc mặt cả những lá sứ xanh, những rễ cây gân guốc, không chịu ở yên trong lòng đất. Thời bấy giờ tôi chưa biết tên ngôi chùa do kiến trúc sư Đặng Cao Đệ vẽ kiểu này. Cũng chưa biết tên ngôi chùa đã ra đời sớm hơn tôi 7 năm. Và năm 1934 đó, những bàn tay nào đã chung sức dựng nên nơi tôn nghiêm này. Tượng Đức Phật Thích Ca ngôi kiết già, cao đến 1.10 mét đã có từ bao giờ ? Có cùng thời với hai tượng đồng Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí ? Ngoài những danh xưng Tĩnh Hội, Pháp Lâm, ngôi chùa còn những phương danh nào ? Thời đó tôi cũng không hề biết, sau này tôi có nhiều dịp được đứng cúi đầu trước Phật nhiều lần vào các hoàn cảnh khác nhau.

Chùa Tĩnh Hội nằm trên đường Sabiella (năm 1954 đổi đường Ông Ích Khiêm). Nhưng đi thẳng vào cổng chùa lại là một con đường khác. Con đường rộng, chưa trải nhựa, chưa thấy tên. Nhưng con đường này rú tôi đi dạo nhiều nhất. Và cũng với một sự cẩn thận, tránh lạc đường, tôi chỉ giữ một hướng đi thẳng. Trong cuộc dạo chơi, tôi gặp được con đường Labbé (được trải nhựa hoàn chỉnh vào năm 1958, mang tên Triệu Nữ Vương). Đây là một con đường cát rất rộng. Đi trên đất cát rất thú vị, nhất là đi chân không. Hai bàn chân mình luôn luôn như có người giữ lại. Một đôi khi có cảm giác như được cù lét. Nhưng vào những buổi trưa nắng nóng hẳn phải có những cảm giác khác.

Gần giao điểm con đường vào Tĩnh Hội và đường Labbé có một ngôi nhà ngói không lớn lắm, nhưng có lẽ có đông người ở. Trước thềm nhà và ngay trên mặt đường tôi thấy nhiều thiếu nữ với lối trang phục màu mè, lạ mắt. Họ xinh xắn, lớn hơn tôi độ chín, mười tuổi hoặc hơn nữa. Tôi thấy họ lúc nào cũng cười nói, nhàn nhã nhìn ra đường. Chắc chắn trong tầm nhìn của họ

có thoáng thấy một thằng con nít, mặc quần sọt xanh, chiều chiều đi ngang, lấm lét liếc vào. Không rõ vì sao tôi lại hay nhìn vào ngôi nhà ấy thật. Và không tìm hiểu, nhưng chẳng mấy ngày sau tôi biết nơi đó là cái *bordel*, một nơi chứa gái. Lính viễn chinh Pháp được lo đầy đủ cả vấn đề sinh lý. Tuy vậy những cường bức tình dục không phải là hiếm trong giai đoạn này. Mỗi lần muốn dòm vào *bordel*, tôi đều đi ngang qua và gắng đi thêm một đoạn nữa mới quay lui, tự thấy kỳ kỳ làm sao, nhưng lâu lâu lại tò mò. Đoạn đường tôi đi thêm để giữ tự nhiên dẫn đến con đường tôi đã quen là đường Đỗ Hữu Vị.

Những cuộc chạm súng giữa Việt Minh và Pháp vào cuối năm 1952 hình như được gia tăng. Ngày ngày tôi vẫn nhìn thấy những đoàn *convoi* với những chiếc xe GMC nối đuôi nhau chở quân trang quân dụng chạy trên đường Labbé. Những xe tải thương bị búng, với hai hình thập tự đỏ to tướng được vẽ hai bên hông cũng lưu hành rất tấp nập.

Một buổi tối ba tôi bảo:

*- Má sắp dẫn chị và em con về. Sáng ngày mai chú Diên sẽ đến đưa con về quê để chờ đón má. Sau đó cả nhà mình sẽ ra hết đây. Ba bận không về được, con nhớ hỏi má về đến quê là lo ra liền đây.*

Tôi hết sức vui mừng. Tôi còn được biết những đêm ba tôi bàn chuyện với bác Hội Du và anh Sáu Cán trước đây chỉ nhằm mục đích nhờ hai người ấy lo tìm cách đưa má tôi sớm hồi cư an toàn. Bác Hội Du, anh Sáu Cán không rõ thời đó đã trở thành đảng viên cộng sản chưa, nhưng tôi ngầm thấy họ còn rất nhiều tình người. Họ là những người tham gia chống Pháp với lòng yêu nước chân tình như đại đa số những người đi kháng chiến.

Tôi đã theo chú Diên về lại Liêm Lạc. Đã gặp lại má, chị Kim Anh và em Lê Hân. Chỉ mấy năm xa cách, má tôi gầy yếu và già đi rất nhiều. Chứng bệnh sốt rét bà nhiễm phải trên chuyến đi tản cư hình như vẫn chưa dứt hẳn. Bệnh và buồn vì trắng tay đã dồn má tôi vào những ngày cuối đời thiếu những nụ cười lạc quan. Chị Kim Anh vẫn vô tư vui vẻ, mới mười ba tuổi nhưng trông chị rất lớn. Em Hân ngày về tới Liêm Lạc là một thằng bé ốm tong teo. Có lẽ đang nắng quá nhiều nên da nó cháy đen. Đầu tóc gần như cạo trọc. Nhưng đôi mắt em linh hoạt và



cái miệng luôn luôn cười, chìa ra cái cằm thật dài, một đặc điểm ba tôi rất thích.

Má tôi về đến Liêm Lạc khoảng 10 giờ sáng. Chừng hai giờ sau, chú Diên đưa cả nhà chúng tôi ra Tourane. Lần này cùng đi còn có thằng Tiên, con chú Diên và thằng Chương, con chú Tham. Chuyến đi bằng xe đò qua ngã cầu Cẩm Lệ.

Cẩm Lệ nằm cách quê nội tôi chừng năm, sáu cây số. Đường nhựa được đắp cao giữa những đám ruộng lúa. Cây cầu đúc bằng bê tông cốt thép bắc qua sông Cẩm Lệ còn vững chắc, nhưng bề rộng rất hẹp. Để xe hai chiều có thể tránh nhau, trong lòng cầu có xe hai chỗ rộng ra vừa đủ một chiếc xe lớn. Trong lòng cầu cũng có chỗ dành cho người đi bộ. Khách bộ hành có lẽ cũng khá đông. Ở mỗi đầu cầu đều có trạm gác. Trạm gác từ hướng Miêu Bông ra là một lô cốt kiên cố. Lính giữ cầu thường thấy là người Ma Rốc. Rất nhiều thù hận về sự tàn bạo của đơn vị đánh thuê này, nên tôi đã có một lần toát mồ hôi, khi đi bộ cùng thằng Tiên ra chơi nhà chú Sô, mặc dù tôi là một thằng bé trai.

Cẩm Lệ là một địa danh quen thuộc của tỉnh Quảng Nam nhờ đặc sản thuốc lá nổi tiếng cả nước. So với Miêu Bông, Thanh Quýt, Cẩm Lệ lúc bấy giờ phồn thịnh hơn, nhờ ngôi chợ khá rộng và không cách xa với Đà Nẵng bao nhiêu. Chuyến xe đò chở chúng tôi, sau khi qua khỏi chợ Cẩm Lệ phải quẹo trái để tránh đến gần phạm vi phi trường Đà Nẵng. Đây là một qui định bắt buộc. Sau khi quẹo trái, chạy phải chạy chừng hai cây số để gặp quốc lộ 1 rồi quẹo phải để đến ngã ba Huế, quẹo phải tiếp để ra Đà Nẵng.

Ba tôi đã thuê một căn nhà nằm trên đường Thống Nhất. Con đường này trước năm 1950 mang tên một vị giáo sĩ người pháp, Linh mục Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc). Theo lịch sử, ông là người từng thay chúa Nguyễn Ánh ký hiệp ước Versailles năm 1779 với triều đình Louis XVI. Con đường rất rộng, có thể lên đến chín, mười thước. Mặt đường nhựa bóng đen và bằng phẳng. Nhà chúng tôi thuê ở gần một cái dốc cao, được gọi là dốc Cầu Vòng.

Một bên chân dốc, đường Thống Nhất đổ xuống gặp con đường Edouard de L'Horlet, tạo thành một ngã tư. Tại ngã tư này có một cái giếng gạch bị bể miệng, nên được gọi là Giếng

Bể. Giếng Bể nằm bên trái đường Edouard de L'Horlet, hướng ra bãi biển. Nếu kể từ ngã tư này lên đỉnh dốc, nhà chúng tôi ở vào vị trí một phần ba đoạn dốc, về phía bên phải. (Đường Edouard de L'Horlet được đổi thành đường Khải Định vào năm 1954. Và sau 1975, tên Khải Định bị xóa, con đường mang cùng tên với đoạn nối dài: Ông Ích Khiêm).

Ở chân dốc bên kia, đường Thống Nhất chạy song song với thành rào sân vận động Chi Lăng nằm bên phải, rồi gặp đường Yersin, tạo thêm một ngã tư. Bắt đầu từ ngã tư này, chạy xuống bờ sông, hai bên đường Thống Nhất có những cây kiềng kiềng rất cao lớn, được trồng cách khoảng đều nhau, đem lại cho con đường nhiều bóng mát. Một địa điểm cũng nên biết, cách ngã tư này không xa, nằm phía bên phải con đường, là một căn nhà rộng mái tôn. Đây có lẽ là cái *bordel* lớn nhất của thành phố Tourane. Người-đẹp-thanh-lâu ở đây có thể lên đến cả trăm không chừng. Bởi nhiều lúc, tôi thấy có hàng năm, bảy chiếc GMC đồ lính Pháp xuống đây. Minh hoạt lại cảnh xưa của dốc Cầu Vòng sẽ thiếu sót, nếu quên nhắc đến con đường sắt chạy xuyên qua đỉnh dốc. Con đường sắt này thời tôi ở gần, có xảy ra một vụ tàu hỏa cán người thật bi thảm. Đó là một người đàn ông đi tìm cái chết vì tình yêu. Tôi không dám chạy đến xem, nhưng nghe nói trái tim người si tình ấy, khi chết, rớt nằm trên tà vẹt vẫn không ngớt co bóp.

Trở lại ngôi nhà thuê của chúng tôi. Đây là một căn nhà ngang, gần như dính liền với ngôi nhà chính. Có một vuông sân cát chung. Nghiệp chủ là một người đàn ông tuổi trạc ba tôi, ở không, chuyên mặc bà ba trắng và ăn trầu thường xuyên. Ông có tên là Bính Bơn, nhưng mọi gọi thường gọi là ông Cai.

Thành viên gia đình chúng tôi lúc này gồm: ba má, chị Kim Anh, tôi, em Hân, thằng Tiên và thằng Chương. Hai đứa em họ này theo học thêm cùng ba tôi. Má tôi đang ở trong thời kỳ dưỡng bệnh. Ba tôi đã trở lại công việc kế toán tại ty Ngân Khố. Chúng tôi đều đã đến trường.

Xóm Cầu Vòng cũng là một xóm nhà lá, qui tụ một số láng giềng đặc biệt tôi chưa quên. Chênh chênh sau lưng nhà ông Cai là chỗ ở của một cô gái rất đẹp. Đương nhiên cô ở cùng gia đình. Cô khoảng hai mươi tuổi, lớn hơn cả chị Kim Anh. Tôi

chưa bao giờ được biết tên, chưa bao giờ được nghe tiếng nói, giọng cười, ngoài những lúc nhìn khuôn mặt rất thánh thiện của cô đi trong con hẻm bên hông nhà tôi ở. Cái nơ đen giữ gọn chùm tóc cô bỏ thông ngay sau gáy là một hình ảnh khiến tôi nhớ hoài. Cô đi làm có xe hơi đưa đón, điều này nhiều lần tôi để ý, và một đôi lúc băn khoăn, không biết cô làm nghề gì ở đâu. Chỉ vậy thôi.

Người tôi còn nhớ thứ hai cũng là một cô gái. Cô gái này khác hẳn với cô kẹp nơ đen. Cô nói năng, đi đứng linh hoạt hơn nhiều. Và lối ăn mặc của cô cũng tạo được sự chú ý của nhiều người. Cô cũng đẹp và trẻ, cô không ở tại *bordel*, ở nhà riêng, hình như một mình, và cô sinh sống với cái vốn quý giá nhất của cô. Có lẽ tôi sẽ không nhớ đến người thiếu nữ này, nếu không có một trận đánh ghen vào khoảng mười giờ sáng trong một ngày rất đẹp trời. Tôi đã nhìn thật rõ khuôn mặt người thanh niên tóc uốn quăn, từ nhà cô, bị bà vợ, nắm ngực áo dẫn ra. Anh chàng là một tài xế, xe còn đậu lưng chừng dốc. Cuộc đánh ghen đã dứt, không hiểu sao tôi cứ nhìn qua nhà của người vừa bị bắt tại trận, với vô cùng ái ngại, băn khoăn.

Người tôi chợt nhớ tiếp theo, không phải bà tráng bánh ướn gần nhà tôi thường qua mua, mà là ông thợ giặt ủi cho người Pháp. Ông làm việc tại một nhiệm sở nào đó, không nhận đồ giặt ở nhà, nhưng lại đặc biệt nhận giặt ủi những chiếc áo dài trắng của ba tôi. Chạy qua chạy về, giao rồi lấy, tôi thành thân thiện với ông thợ giặt. Ông cũng quý tôi lắm. Những lát bánh *biscuit* to, dày và mẫn mẫn của Pháp do ông lấy về, cứ tuần tự đi vào bao tử tôi, có ngày không chạy qua nhà ông được đã thấy nhớ.

Người đàn ông thứ hai đang chờ vờn trước mặt tôi, không ai khác hơn là ông “Cai...dù”, phương danh này thằng Tiên thường dành cho ông. Ông Cai không biết có dù thật hay không, nhưng ông rất khó tính. Ông từng nắm chổi lông gà rượt chúng tôi chạy có cờ. Nguyên nhân khá giản dị, vào nhiều buổi trưa, trong khi mọi người nằm nghỉ, chúng tôi ngứa chân, mang bóng ra sân cát nhà ông Bính dợt. Phải công nhận rằng đá chân trần trên cát thật là thú vị. Tha hồ sút không phải lo cho cái má bàn chân. Chúng tôi có bốn đứa: Hân, Tiên, Chương và tôi, đủ cho hai đội. Lúc mới nhập trận, chơi rất giữ gìn, hạn chế tiếng

động. Nhưng sau những lần mở tỷ số, hăng say quên cả trời đất. Cát bay mù mịt vào tận nền nhà, thế là...ông Cai Bính vào cuộc. Trận đá bóng của chúng tôi đương nhiên phải tạm dừng. Tôi xoay ngay một trò chơi gì đó, còn thằng Tiên nhất định tìm cách chơi lại ông Cai. Cái cách của nó, tôi không đồng tình, nhưng nhiều lần không cản kịp. Ông Bính có nuôi một hồ cá mắt lồi, ba đuôi rất đẹp. Hồ cá được chưng trên bàn giữa nhà trên. Thằng Tiên đã hơn vài lần lên thò tay vớt ra một con cá xấu số để ngay trên mặt bàn, rồi tinh bơ chạy đi chỗ khác. Ông Bính không hề biết nguyên nhân, đi ra đi vào hồ nghi, không hiểu làm sao giống cá hiền lành yếu điệu như vậy lại có thể phóng ra ngoài. Thằng Tiên rất nghịch, trái lại thằng Chương rất hiền, có lẽ nó là đứa được ông Cai dành cho những cái nhìn dễ chịu nhất.

Giai đoạn ở nhà thuê bên dốc Cầu Vòng của chúng tôi bắt ngờ chấm dứt. Ba tôi đã tìm được một chỗ ở rộng rãi hơn và riêng biệt hơn chút ít và cũng không xa nhà ông Cai bao nhiêu. Chiều dài ba tôi phải đi bộ đến sở cũng có nhiều thay đổi. Tôi xin nhắc Ty Ngân Khố Đà Nẵng nằm ở ngã ba Thống Nhất và Gallieni (sau 1956 đổi thành đường Yên Bái, đến nay). Ty Ngân Khố, ngôi nhà mang số 1 này, về nhiều năm sau, tôi có một thời lui tới để giúp ba tôi đánh máy những *bilan* về ngân sách thành phố.

Chỗ ở mới của chúng tôi nằm trong một con hẻm, cách mặt đường Edouard de L'Horlet chừng bốn chục thước. Đây là một chỗ nằm, sáu nóc gia cùng hướng về một cái sân chung. Tôi lại có một bác xích lô khác làm láng giềng. Chú Mới. Tôi quen gọi như vậy. Chú Mới vui tánh và cần mẫn làm việc. Vợ chú cũng chẳng ở không. Bà đi buôn bán một cái gì đó, cả ngày. Một gia đình khác trong túm nhà lá của chúng tôi làm nghề...bán đậu hũ. Chúng tôi rất thường là những khách hàng cuối ngày của bà. Vừa bán vừa đãi, bà luôn luôn vui vẻ. Tính hiền hậu của bà làm cho những chén đậu hũ ngọt thêm lên. Một gia đình khác tôi khó quên xuất thân từ xứ Huế. Những cái giọng trọ trẹ lúc đầu khó nghe cũng dần dần quen tai. Sát trước mặt nhà của gia đình này, nghĩa là cũng ở trong vuông sân chung, chủ nhà dựng một cái trang thờ vắt vẻo trên đầu một trụ gỗ, cao quá tầm đầu người lớn một chút. Trên trang thờ luôn luôn có chuối, hương và hình như một con ngựa gỗ nhỏ. Mỗi tuần ít lắm cũng một lần, tôi được

chứng kiến cảnh nhảy múa, lên đồng rộn rịp diễn ra. Những người cúng lễ, cùng những kẻ tò mò như tôi vây quanh thành một vòng tròn. Tiếng đờn cò và những tiếng gõ nhịp thu phục tôi dễ dàng. Nhiều lúc tôi lẩn vào xem ngay từ những phút đầu. Hoạt cảnh lặp lại thường là: một người ngồi bệt xuống đất, đầu đội một tấm vải đỏ, trùm kín cả mặt trong tư thế bất động. Tiếng nhạc được thổi lên trong mùi hương trầm, chẳng bao lâu người trùm khăn bắt đầu chuyển động. Tấm vải đỏ rớt ra, và những nhịp múa bắt đầu ăn theo điệu nhạc vô cùng hấp dẫn. Sự kết hợp giữa điệu bộ và âm thanh rất nhịp nhàng. Những điệu nhảy tối tân của Âu Mỹ sau này, theo tôi cũng na ná như những điệu châu văn một thời tôi thường thức. Âm nhạc nào cũng cái hồn riêng của nó. Sự lắng lòng cảm nhận mới là một vấn đề quan trọng.

Ngày tháng của Tourane có đủ mưa, đủ nắng. Tôi lớn theo từng ngày. Không cố tình chất chiu, nhưng mỗi ngày tôi giàu thêm kỷ niệm. Làm sao có thể quên những buổi trưa, cả đám ba, bốn thằng nhỏ, thả bộ ra tuốt bãi biển. Chẳng phải chỉ để tắm mà còn để giải quyết những chất thừa cặn trong bao tử. Bãi biển Thanh Bình lúc bấy giờ có một vạt dương liễu rất đẹp. Cây cao, bóng mát, gió biển nồng nàn. Giữa cái thiên nhiên như vậy mà tĩnh toạ hưởng cái khoái thú tư của tứ khoái thì còn gì bằng. Thằng Chương, thằng Tiên sau khi nhẹ bụng, thường rủ tôi lên vào xem những con dê của một người Chà Và nuôi cung cấp sữa cho thị dân. Ông Chà Và ở đây chắc không phải là hậu thân của quan Tô Vũ dưới triều Hán Võ Đế bên Tàu. Hồi xưa hồi xưa ấy, ông Tô Vũ lãnh trách nhiệm đi sứ sang xứ Hung Nô. Nhờ tài diễn thuyết ông được chúa Hung Nô chiêu hàng, nhưng không thuận. Ông bị giữ lại và bị bắt buộc phải chăn dê gần hai mươi năm. Ông Chà Và ở Đà Nẵng lúc bấy giờ là một người gốc Ấn Độ lưu lạc sang Việt Nam từ bao giờ, tôi không rõ. Bầy dê của ông Chà Và không đông lắm, chỉ chừng 20 con. Trong đám số này có một con chúng tôi rất thích. Đó là con có một chùm lông bên dưới mồm. Chùm lông dài hơn một gang tay, hơi quặp ngược vào phía cổ. Con dê này có vẻ rất ham chơi, hẳn thường lẫn xăn chạy chỗ này, chỗ khác, lâu lâu lại hát mấy tiếng “be he be he”. Đã vậy, hẳn thường cứ chồm hai chân trước lên lưng các con khác mà chọc phá. Chúng tôi xem dê thường là xem cái chỗ này.

Xem dê chán, chúng tôi xuống giỡn sóng. Bãi cát biển Thanh Bình rất rộng. Có một loại cây ít lá, cao không quá đầu gối thường nở hoa bằng hàng chục cọng xanh tua tủa. Những cọng màu xoè ra tròn như một trái bóng. Chúng tôi thường thả trên cát để gió thổi chạy rồi chạy theo. Những con còng nhỏ với những cái chân rôi rít quơ quào những trên mặt cát ướt, cũng là bạn chơi của chúng tôi.

Ngoài những buổi trưa, chúng tôi còn ra biển vào những buổi sáng sớm hoặc những lúc xế chiều, tùy theo hứng thú. Thời điểm này, người Pháp có mặt tại Tourane rất đông. Biển Thanh Bình cũng là một bãi tắm của họ. Chúng tôi chưa tới tuổi thường ngoạn những vưu vật kỳ quý nhưng không dại gì bỏ qua. Những tinh ranh vặt mỗi ngày một phát triển. Biển Thanh Bình còn cho riêng tôi rất nhiều kỷ niệm trong năm tháng tiếp theo.

...  
*Chân trời trong giấc chiêm bao  
phủi tay tạm gửi mộng vào hư không  
quay lưng ra biển đuổi còng  
vấp đàn nghêu-trắng im hong nắng trời  
cột-buồm đội vải ra khơi  
giở mũ cối đội hương đời chênh vênh*  
(Sông Núi Cùng Người Thơm Ngát Thơ)

Ngày tháng cư ngụ bên đường Edouard de L'Horlet, không chỉ đơn giản như tôi vừa lược kể vội vàng. Thời kỳ này tôi đã lớn khôn nhiều, đã theo học tại trường tiểu học Hoàng Diệu. Một số khuôn mặt mới đã xuất hiện trong gia tài bằng hữu của tôi. Những Phạm Bá Vui, Hồ Văn Ân, Nguyễn Văn Chua, Trần Văn May, Trần Công Viên, Nguyễn Chí Thiệp, Thung Coco, Qui Noir, Denis Francois, Võ Văn Mãi, Sang Da Rắn, Nguyễn Văn Phụng...Đông lắm. Nhiều lắm. Có cả đám con gái như con Lai, con Sương, con Tuyết...Đều là những bà chị của tôi cả, nhưng thỉnh thoảng cũng có những liếc mắt, những thoáng suy nghĩ vớ vẩn.

Trường tiểu học Hoàng Diệu nằm trong sân chùa Hải Châu. Trường gồm hai dãy nhà lợp tôn, vách phen, nghèo nàn. Thầy Trịnh Thế, một nhân sĩ, đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng làm hiệu trưởng. Lúc bấy giờ tôi mới ngồi ở lớp Nhì, nên chưa được sự giảng dạy của thầy. Trong hai năm lớp nhì và lớp nhất tôi học cùng thầy Kép, thầy Âm Kiện con quan Hường Đạm và thầy Dương Quang Tiên. Họ là những người tôi kính quý cả đời. Ngay lúc này, mười hai giờ, ba mươi một phút, ngày thứ Sáu, hai mươi lăm, tháng mười một, năm hai ngàn lẻ năm, tôi như còn nghe rõ giọng giảng bài của thầy Kiện qua một đoạn văn của nhà văn Hoàng Đạo.

Thầy đi lên đi xuống giữa hai dãy bàn gỗ, để làm rõ nét hình ảnh Duy, một nhân vật trong Con Đường Sáng, vào một buổi mai, sau khi “*đẩy mạnh hai cánh cửa sổ*” để thưởng thức một buổi bình minh với hương hoa cau...lắng nghe “*vài con chim sâu gọi nhau trong cánh từ vi*” và nhìn những con chim đùa vui mà những đường bay cũng phơi phới như tâm hồn một người vừa cảm nhận được sự vui vẻ. Đoạn văn tả cảnh tả tình rất



đẹp, và qua giọng thầy, tôi như thấy được cái ánh nắng trong câu văn vàng ửng đến bây giờ. (ghi chú: những chữ nghiêng là nguyên văn của nhà văn Hoàng Đạo).

Thầy Tiến giúp đám học trò chúng tôi tiến bộ trong môn toán. Chắc chẳng đũa nào trong chúng tôi quên những giờ ‘toán chạy’ thật sinh động. Tôi nghĩ chưa chắc những học sinh trường khác, nơi khác, biết đến từ ‘toán chạy’ của thầy. Còn thầy Kép? Với hai vạt áo dài đen đạo mạo, cùng sự tử tôn khoan dung mà thầy thường che chở những nghịch ngợm dễ thương một thời, không phải là không cần thiết. Bè bạn ta ơi, giờ đang ở những đâu. Giữa cuộc sống lặng lẽ trừ dần lượng tuổi chúng ta, có bao giờ tưởng nhớ? Ta đang chờ điện thoại của Trần Công Viên, từ San Jose. Ta đang đợi email của Nguyễn Văn Phụng, từ North Carolina. Ta đang đợi thư của Phạm Bá Vui, từ Sài Gòn... để tin cùng quý bạn: Qui Noir, thằng bán bi bách phát bách trúng ngày nào, vẫn kể cùng ta chuyện cái hồ, cái hòn non bộ cùng đứng trong sân chùa Hải Châu. Ta cũng không quên cho các bạn biết thằng Trần Công Viên vẫn nhớ đầy đủ ba ngã đường dẫn vào trường cũ. Một ngã ra đường Francis Garnier, có rạp ciné Lydo... (Lê Lợi ngày nay). Một ngã ra đường Rue de la République có nhà Lê Văn Tập... (Hùng Vương ngày nay). Một ngã ra đường Rue du Cimetière dẫn đến... mà tây (Trần Bình Trọng ngày nay). Cả ba ngã đều là những con hẻm, chằng chịt nhà hai bên thân thương, ấm áp lạ lùng. Ta sẽ giới thiệu ngay dưới đây tấm ảnh



cùng Châu V Tùng, bên trong cổng  
là sân trường cũ



chụp năm 2002. Khuôn viên ngôi trường chúng mình giờ chỉ là đất trống, để đổ Phạm Bá Vui, từ chỗ nào bạn rủ ta đi coi tây đầm “xích xích” (*danser*) ? Chỗ nào chúng ta giấu banh để chiều về mang ra bãi than trước Bảo Trợ Nhi Đồng ? Ta đã từng bị mất áo *chemise* vì nghe lời xúi của thằng Hồ Văn Ân, cời ra làm trụ gôn, phải ở trần đi về, các bạn ta có nhớ ? Tội cho Tôn-Si-Nghị-Nguyễn-Văn-Chua đã hết nhìn đời, dù chỉ nhìn bằng một mắt. Ta vẫn nhớ cái Bến Mía dưới Quai Courbet (Bạch Đằng ngày nay) nơi nhà Chua đón chúng ta vào ngồi hít gió sông. Còn những ai, những ai đã ra đi ? Một Tuyết ung thư, một Denis Francois mất hút...Thế hệ Hoàng Diệu 52-54 đâu phải những tay vừa...

Tôi từ từ lớn lên trong lòng Tourane sau những giờ ngồi thi trong Trường Nữ Tiểu Học. Cái trường bẽ thế, to lớn quá chừng chừng. Ba má chúng tôi lại dọn nhà. Ghê chưa, mãi đến bây giờ mới có một vuông sân riêng, nhưng vẫn là nhà thuê của chú Diên. Tôi đã phải xa cái sân chật chội trước rạp hát bộ Vĩnh Lạc (sau này là rạp chiếu phim, lần lượt thay tên Olympic, Tân Thanh, Cinéma Chợ Cồn...). Một cái sân quanh năm có Bầu, Cua, Cá, Cọp để tôi ngồi chồm hồm xem thiên hạ, thua tiền, chung tiền chờ giờ vào “xem thả cửa”. Tôi đã phải xa cái cùn đất cao, nơi ngày ngày tôi theo chân mọi người lên bón phân cho đất. Cùn đất nằm trước Kho Đạn. Diện tích rộng hơn cái sân bóng đá. Không có đường lên Cồn nhưng có hàng trăm lối mòn bởi những bước chân cư dân ở gần. Trên cùn không có cây cao, nhưng nhiều bụi rậm. Cái nhà vệ sinh lộ thiên, công cộng này hiện nay là Chợ Cồn. Tôi cũng chẳng còn giờ công em Hân, đứng lóng ngóng trước Sân Chi Lăng, cùng đám con anh Kiều Kiêm, chờ bất kỳ ai, vui vẻ chìa tay cho nắm, hoặc dễ tính không gạt ra, khi nắm đại tay họ để vào cửa.

Một cấp học vẫn cũng đi qua. Con đất Thuận Thành đóng góp không ít những thay đổi trong tôi. Tôi đã bớt ham chơi. Thằng Tiên, thằng Chương lúc này không còn ở với chúng tôi, nên những buổi đi lùng tìm nắp ken (một loại nắp đậy chai bia) để đánh tán, gần như bỏ hẳn. Trò chơi bắn dây thung cũng cáo chung. Để lấp vào những khoảng trống này, tôi học chơi đàn *guitar* qua hướng dẫn của anh Nguyễn Văn Đài, một người anh và cũng là một người bạn mới. Cũng xin ghi chú, tôi đã chơi

*mandoline* rất khá. Tôi là con thứ 13 của ba tôi, nhưng là con trai đầu của má tôi, nên rất được bà cưng chiều. Sớm được hai cây đàn, tôi tiêu pha thời giờ vào khoản âm nhạc rất nhiều. Nhưng chuyện đàn địch của tôi cứ mãi ở trình độ cà rịch cà tang với những nhạc phẩm Dur Âm, Dứt Đường Tơ, Chàng Đi Theo Nước, Khúc Nhạc Tương Tư, Đường Chiều, Bến Cũ, Thoi Tơ... Ấy thế mà tôi còn dám ‘viết’ cả nhạc nữa đây dù chưa biết một chút gì về nhạc lý. Dĩ nhiên những bài nhạc tôi viết có tuổi thọ được ba mươi phút, hay một giờ, tùy theo thời gian tôi ‘ôm đàn’. Tôi vẫn tiếc, giá như ngày ấy có một ông nhạc sĩ nào đó hướng dẫn, hoặc học hàm thụ ở đâu đó, có thể tôi đã làm nên cơm cháo với bộ môn này.

Ngoài việc học đàn linh tinh, tôi còn theo học một khóa đánh máy chữ ‘*dix doigts*’ đang hoàng ngay khóa đầu tiên của ông Nguyễn Trúc, mới khai trương trên đường hẹp Rue de Huế (năm 1958 con đường này được mở rộng lấy tên Lý Thái Tổ, không rõ ngày nay còn mang tên này không). Hồi nhỏ học ‘10 ngón’ nhưng bây giờ lại chuyên nghiệp ‘nhất dương chỉ’. Và cái “chỉ” độc nhất này là cây bút chì có cục tẩy. Đi học đánh máy gây cho tôi tạo cho tôi nhiều dịp mất hồn. Giờ học không nhất định, và không hiểu làm sao trong ba tháng cứ hay rơi vào ban đêm. Con đường từ nhà tôi ở đến trường rất xa nhưng vẫn phải lội bộ. Đoạn rùng rợn nhất từ cuối (hay đầu ?) đại lộ Boulevard Clémenceau (được đổi thành đường Quang Trung từ năm 1955 đến nay) nối dài về nhà tôi. Đây là một đoạn đường chưa được trải nhựa mang tên Trần Cao Vân từ năm 1952 đến ngày nay. Lúc bấy giờ đoạn đường chưa có nhà cư dân. Một bên là vách thành rào của một khu cư xá, hình như dành cho ngành hòa xa, một bên là đất trống. Trên phần trống này, trước đây có một đoạn, lính Pháp thường đóng những nhà dù để dưỡng quân. Những ngọn đèn đường vàng ủa không đủ sức toả sáng, đêm nào khi về đến đoạn này, tôi cũng phải cầm đầu chạy hơn một cây số mới đến nhà, hụt hơi. Tuy vậy, đoạn đường này sớm thân thiết với tôi.

Để đến hiệu sách Ngày Mai trên đường Trần Hưng Đạo (Nguyễn Thái Học ngày nay), tôi thường sử dụng một lộ trình khá dài. Từ Trần Cao Vân, tôi quẹo phải qua Rue Edouard de L’Horlet (Ông Ích Khiêm) rồi đi thẳng và quẹo trái qua Rue De

la République (Hùng Vương), tiếp tục đi thẳng, lại quẹo phải qua Rue Galliéni (Yên Bái ngày nay) một đoạn ngắn và quẹo trái để gặp Trần Hưng Đạo. Đường Trần Hưng Đạo dài chưa quá 300 thước. Hiệu sách Ngày Mai nằm gần đầu đường, cạnh nhà thằng Thung Coco, bạn tôi. Tôi đã bắt đầu dành tiền ăn sáng để khuôn về nhà các pho sách trinh thám, kiếm hiệp như Vết Tay Trên Trần, Đàng Đầu Lâu Máu, Đàng Ó Biển, Đàng Sọ Người, Đàng Huỳnh Long, Hiệp Sĩ Mù, Độc Cước Đại Hiệp... Tôi đọc say mê và say mê trở thành... họa sĩ vì rất thích thú với những mẫu bìa sách. Tôi mua giấy *croquis* về cặm cụi vẽ lớn những con tàu, những hiệp sĩ mang súng, mang gươm... treo đầy vách tường nơi bàn học của mình. Chị Kim Anh thỉnh thoảng khen vài câu khiến tôi càng tự phụ. Tôi nghe nói, vân trên đầu mỗi ngón tay nếu xếp bên nhau thành một vòng thật tròn, đó là hoa tay. Những người có hoa tay, viết chữ và vẽ đều rất đẹp. Tôi ngắm soi bàn tay tôi, thấy trên mười ngón tay mình có đến 9 cái hoa vân như vậy, ngoại trừ ngón út ở bàn tay trái. Rất tiếc, mãi đến cuối đời tôi cũng chỉ là một người có nét chữ đẹp mà thôi.

Một trong những lần đi mua sách, khi vừa rẽ qua đường Edouard de L'Horlet không lâu, tôi phải dừng lại trước một rào chắn ngang đường để đợi một mấy toa tàu lửa đi qua. Nhìn vào trạm gác tàu tôi nhìn thấy một thằng bé, trạc tuổi tôi, đang mài mê viết gì đó trên cánh cửa. Nét phấn trắng tuy nổi giữa màu cửa xanh, nhưng đứng khá xa tôi không nhận được mặt chữ. Thằng bé bắt ngờ ngó ra, bắt gặp tôi. Nó mỉm cười ngoác tay gọi. Trên cánh cửa, cả hai mặt, dày đặc những câu thơ. Lục bát, ngũ ngôn, bảy chữ... đều là thơ hay. Thằng bé hỏi tôi có thích thơ không, tôi gật đầu. Tôi quen biết Phan Chánh Dinh từ đó. Những câu thơ trên cánh cửa không hoàn toàn của Dinh, nhưng đã đánh thức cái trò chơi thơ đang ngủ quên trong tôi.

Thành phố Tourane càng ngày như càng nhỏ lại hay vì tôi mỗi ngày một biết thêm ra một chút. Tôi đã tập đi được xe đạp, bàn chân như có cánh. Tôi cũng đã một mình leo lên xe Vàng (một loại xe buýt được sơn một màu vàng) để đi đây đi đó. Tôi lang thang nhiều nơi, đến Quảng trường Con Gà (Đài chiến sĩ trận vong 1914-1918, sau bị phá, làm chợ Vườn Hoa), đến cả cầu De Lattre de Tassigny... để rồi đêm đêm về nằm bên cửa sổ nhìn ra cây thầu đầu (có người gọi sầu đông) bên góc sân, dần dần lùn

xuống vì bóng tối. Sóng và gió biển len lỏi vào giấc ngủ tôi. Một chạng đời thật đẹp.

Những tháng năm tiếp theo, chúng tôi lại đổi chỗ ở. Ba má chúng tôi đã mua được nhà, được đất trong cái eo hẹp tài chánh của họ. Vách ván mái tôn che chở chúng tôi cho đến khi trưởng thành. Thời gian nối tiếp này, có thể tôi cũng sẽ kể lại ở những trang sau, dù nội dung vẫn nhợt nhạt tính chất nghệ thuật. Viết về một chạng đời, viết về cái tôi của mình tưởng như dễ, hóa ra cũng có khá nhiều khó khăn. Không hư cấu, không cường điệu, khuếch đại, nhưng làm sao nhớ hết, lược đủ những kỷ niệm để cuộc triển lãm không đến nỗi quá nghèo nàn, đơn điệu. Tôi dặn mình hãy cố gắng và đừng bỏ ngang cuộc chơi không mang lợi ích gì cho ai này. Cảm ơn tôi một tiếng cho lên tinh thần.



## Chợt Nhớ Về La Qua, Quê Ngoại

*Mẹ còn, quê ngoại trên vai,/ mẹ mất quê ngoại rớt ngoài mái hiên.* Hai câu 6, 8 tôi vừa viết, ăn cắp trăm phần trăm nội dung của một câu ca dao, hay tục ngữ, mà tôi nhớ mãi không ra. Nhận định trên của người xưa rất chính xác trong trường hợp của tôi. Ra đời rồi trưởng thành ở những nơi không xa quê ngoại là bao. Nhưng ký ức về miền quê thân thương này trong tôi càng ngày càng mờ nhạt. Mái tranh, sân đất, đồng rom, cây cau, cây mít, ngô tre, bờ ruộng, dòng sông...là những hình ảnh chung chung, không làng quê nào không có. Sự khác biệt ở mỗi địa phương tùy theo cái hồn đất, cái tình người. Cái hồn đất có thể mơ hồ. Nhưng cái tình người quả nhiên có thật. Chẳng thể khi không nhớ về một bờ ao. Chẳng thể tự dung hình dung ra một gốc đa làng. Sự gắn bó bắt nguồn từ tình cảm. Những chiếc rễ kỷ niệm mong manh nhưng bền vững, vẫn nuôi thơm trong lòng những cảnh xưa, chuyện cũ. Nhờ đó, đầu tuổi thơ tôi không được may mắn mặn nồng nhiều với quê ngoại, tôi vẫn có thể bày ra trước lòng mình một ít hình ảnh thân thương, và bám víu lên đó để trôi ngược về một thời êm đềm xa xưa.

Mẹ đẻ tôi, người tôi gọi bằng má, sinh trưởng tại xã La Qua huyện Diên Phước phủ Điện Bàn. Một địa điểm, năm 1802, được chọn làm nền cho thành trì Quảng Nam. Cuối thế kỷ thứ XIX, sách Đại Nam Nhất Thống Chí có ghi rõ về thành trì này: “*chu vi 489 trượng, cao 1 trượng 1 thước, có 4 cửa; hào rộng 4 trượng 5 thước, sâu hơn 7 thước...*” Dù không biết chính xác đơn vị ‘trượng’ đo chiều dài là bao nhiêu. Tôi cũng hãnh diện hình dung ra cái bề thế, vững chắc của ngôi thành, mà chính mình đã từng ngậm ngùi:

*cổ cao quá đầu gối  
nghênh ngang xanh góc trời  
chống hôn làm gậy trúc  
quần chân tìm dấu người*

*thành xưa rêu bụi loạn  
chằng chịt vết thương đời  
sờ nghe từng viên gạch  
ngun ngút nỗi ngậm ngùi  
  
người xưa hồn xưa khuất  
thanh thân mây ngang trời  
tì thân gò đất, mộng  
tưởng nắm được tay người...*

....  
(CỐ ĐĐT)

Cũng như nhiều gia đình người Việt khác, mỗi năm nhà ngoại tôi có nhiều ngày giỗ cùng những ngày Chạp mả, Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ... Ngày giỗ là ngày kỷ niệm những thành viên trong đại gia đình đã không còn sống trên thế gian. Để tưởng nhớ những người đã khuất mặt ấy, thường được tổ chức một cuộc cúng bái nghiêm trang, với lòng thành kính, thương yêu của con cháu. Lễ vật của một ngày giỗ thịnh soạn hay đơn sơ, tùy thuộc vào hoàn cảnh của gia chủ. Nhưng dù nghèo đến đâu, ngày giỗ cũng được thực hiện, ít ra với vài ngọn hương, hoặc với chỉ một tấm lòng kính trọng. Ngày giỗ cũng là ngày qui tụ những con cháu, thân thuộc, vì cuộc sống đi đó đây, có cơ hội về gặp gỡ, thăm nhau. Trong bốn, năm năm liền, tôi có mặt đều đều trong các ngày giỗ chạp tại quê ngoại.

Má tôi là con thứ năm trong một gia đình dòng họ Nguyễn ở Điện Bàn. Họ Nguyễn này không dính dáng gì với họ Nguyễn của vua Gia Long. Cũng chẳng dây mơ rễ má gì với hàng trăm nhánh Nguyễn khác của đại đa số người Việt Nam. Bà cùng người chị, và người em gái không theo nghiệp làm nông với các ông anh. Bà chọn vào tầng lớp cuối cùng trong xã hội theo quan niệm người xưa: Sĩ, nông, công, thương. Và đi từ gợn nhẹ thúng giống lên dần từng bước. Cuối cùng của rừng cũng trả lại rừng. Bà từ già những tiêu, chè, quế cau... để trở về với tuổi già khi bước vào ngưỡng cửa ngũ tuần. Đất chôn nhau cắt rún, đã có dịp đỡ lại gót chân của đứa con, sau nhiều năm ngược xuôi tìm sống. Chị em chúng tôi nhờ đó biết được mặt mũi quê ngoại, khởi từ sau 1954.

Vào một mùa Chạp Mả, chúng tôi từ Đà Nẵng đi xe đò vào Vĩnh Điện, tên mới của đất La Qua. Xe chạy cà rịch cà tang, dừng lại nhiều nơi trên lộ trình chừng 20 cây số. Chúng tôi đến bến xe Vĩnh Điện gần 11 giờ trưa. Bến xe nằm bên trái theo hướng đi vào, tiếp sát quốc lộ số 1. Nhiều hành khách mới lên xe để đi vào Hội An. Cũng không ít người xuống xe để giao hàng, mua hàng ở chợ Vĩnh Điện, gần đó. Đám trẻ em bán quà vặt khá đông. Bánh mì, bánh ú, trái cây...đủ cả, nhưng rất khiêm nhường. Quà ở bến xe Vĩnh Điện tôi thích nhất là chả. Mùi thơm của lá chuối, mùi thơm của thịt bò thấm gia vị, đậu thật lâu trong rặng, trong lười. Đến bây giờ tôi vẫn hình dung được những lợn chả đáng yêu ấy. Mũm mĩm, thắm xanh bởi nhiều lớp lá, gói cột rất nghệ thuật.

Thường thường, nếu xe đò dừng sát bên đường trước bến xe, chúng tôi sẽ không xuống, mà chờ đi tiếp chừng ba trăm thước nữa để đến ngã ba Hội An. Buổi sáng về chạp mả hôm ấy, xe vào bến, đồng nghĩa với sự dừng bánh lâu hơn, nên chúng tôi xuống lộ bộ. Vĩnh Điện lúc bấy giờ được xem như là một thị trấn. Tuy vậy ngoài những hàng quán chung quanh bến xe, sự buôn bán hai bên đường vẫn chưa đủ để gọi là một đoạn phố. Một nhà mở cửa hàng, ba bốn nhà kế tiếp đóng cửa im ỉm. Nhà chị Dần, con dì Bốn tôi nằm ngay ngã ba đường xuống Hội An, cũng là một quán hàng xén có bán kèm một ít món ăn và ít loại nước uống, không sót rượu trắng, rượu ba con mèo. Trước khi vào nhà ngoại, chúng tôi ghé nhà chị Dần. Chị vẫn vui vẻ, tươi trẻ như hồi ở với chúng tôi trên Tiên Phước. Chị là người thích chải chuốt, làm dáng. Răng có cái bịt vàng, lông mày như sợi chỉ, tóc chải phồng (không biết có ảnh hưởng phong trào *đầu phồng đá lửa, ruột chứa kaki* hay không ). Chị theo đúng *mode* người phụ nữ thập niên 50. Dì Bốn tôi đã qua đời, để lại cho hai anh em chị một ngôi nhà tương đối rộng rãi. Chị Dần trở thành chủ nhà thật sự thay vì người anh quá hiền lành.

Từ nhà chị Dần vào nhà ngoại tôi phải đi chừng hai trăm thước đường nhựa về hướng Hội An. Và ngay ngoài mặt lộ, chúng tôi đã nhìn thấy rõ ngôi nhà tranh, sân đất và những cây mít của ngoại. Tuy vậy, để đến nơi chúng tôi phải đi quanh qua, quẹo lại trên ba bốn bờ ruộng một hồi lâu. Đường đất thiếu dấu chân trâu nên không quá lầy lội, nhưng rất trơn trượt vì đang mùa

mưa. Tôi xách đôi *sandale* trên tay, thực hiện đúng những kinh nghiệm có được từ hồi ở quê nội: ngón chân cái bám mạnh xuống mặt đất, lòng bàn chân hơi cong lên một chút và bước đi dễ dàng. Chị Dần cùng theo vào. Chị đỡ chùng má tôi. Chị Kim Anh bước rất cẩn thận nhưng một vài lần suýt đo đất. Trong lúc em Hân, đi như là chạy, tinh rụi.

Nhìn từ ngoài xa, nhà ngoại nhỏ, nhưng đến nơi tôi thấy rất cao ráo rộng rãi. Nền nhà bằng đất nện cứng, cao cách mặt sân chừng nửa thước. Có khá nhiều cây cột bằng gỗ tròn màu nâu đen. Những cây cột này chia ngôi nhà thành ba gian. Gian giữa rộng nhất. Nằm sát vách gian giữa là nơi đặt bàn thờ. Tấm màn đỏ cũ mèm đã được vén lên hai bên, để lộ cái bàn thờ được xây bằng gạch khá lớn. Tôi nhìn thấy bộ tam sự bằng đồng thật to, đã được đánh bóng vàng rực. Không rõ con sư tử đã đứng trên nắp cái đỉnh từ bao giờ. Vẻ uy dũng của nó dừng mãi lại ở đây đến muôn đời. Hai chân đèn đứng hai bên cái đỉnh khá cao, làm cho hai cây đèn sáp đỏ số 1 càng cao hơn. Tôi có khá nhiều kỷ niệm với những bộ tam sự thời ở Liêm Lạc. Đây là một tác phẩm đúc đồng có tính chất nghệ thuật rất gần với điêu khắc. Nhiều bộ tam sự được chạm trổ tinh vi. Mức đánh giá sự sung túc của gia đình thời xưa một phần có thể dựa vào những bộ tam sự họ thờ phụng.

Việc đầu tiên khi vừa đặt chân lên nền đất nhà ngoại đối với tôi đã quá quen thuộc. Vòng tay cung kính chào cậu Nuôi (tên tục của người anh má tôi) xong, tôi phải đến bàn thờ để ra mắt ông bà bằng một ngọn hương. Tôi phải đứng trên một cái ghế đầu thấp, nghiêm chỉnh làm công việc này. Trên bàn thờ ngoại, tôi thấy có năm sáu bát hương. Bát hương to nhất đặt phía sau cái đỉnh đồng. Đó là một cái bát bằng sành trắng, có vẽ hình con chim phụng màu xanh. Sổ cát trắng đựng trong các bát hương cũng đã được thay mới. Trong một ống tre đựng những đôi đĩa mun, tôi thấy có một đôi đĩa tre. Một đầu của hai chiếc đĩa này được vót thành một cái hoa. Những bó hương bọc giấy gương được đặt nằm ngay thẳng. Trong một thoáng, tôi nhìn vào khung ảnh ông bà ngoại.

Theo ảnh chụp, ông tôi ở vào khoảng 60. Râu tóc lơ thơ bạc. Gò má cao. Hốc mắt thăm thẳm nổi một mồi. Cái ghế ngồi,



cái bàn bên cạnh tuy đi liền bên ông, nhưng tôi thấy có một chút gì đó cách biệt, ngụy tạo, không đồng nhất. Bà ngoại tôi có phần trẻ hơn ông tôi. Khuôn mặt đầy đặn với mắt, môi, mũi, cằm tỏa ra nét dịu dàng, khoan dung. Màu trắng đen của bức ảnh rất hài hòa làm cho chân dung bà tôi thật có thần. Tôi nhìn chăm vào khuôn mặt ông bà ngoại như muốn tìm ra sợi dây huyết thống. Những nét hao hao giữa ông bà và người mẹ thân yêu của mình tuy không rõ rệt nhưng quả thật có một sự liên hệ rất thiêng liêng. Tôi quệt diêm, củi đầu cắm vào bát hương một cây nhang.

Tôi chưa tập được thuần thục những động tác nghi lễ. Chắp hai bàn tay vào với nhau là chuyện dễ. Nhưng niệm làm sao, vái thế nào, cúi đầu mấy cái, tôi chưa được rõ ràng lắm. Cung cách quì lạy càng phức tạp hơn. Cho đến hôm nay tôi vẫn chưa quì lạy lần nào. Những năm sau này, khi má tôi qua đời, ra ở riêng, tôi có lập bàn thờ. Hiện nay, tại Montréal, Canada trên bàn thờ nhà tôi có đủ chân dung bốn người sinh thành vợ chồng chúng tôi. Phải công nhận cái bàn thờ làm ấm ngôi nhà hẳn ra. Tuy vậy việc cúng vái, chủ yếu là do vợ tôi đảm nhiệm. Sắm lễ vật, nấu nướng, thắp hương đèn, rồi vái lạy, khẩn xin...tất cả đều được vợ tôi chu toàn. Một đôi khi tôi đóng góp tấm lòng bằng cách quét dọn bàn thờ, thay nước trước khi cúng hoặc bày lên lễ vật rồi lảng đi qua phòng khác hoặc ngồi vào một góc. Cũng có lúc Lý nhắc, tôi đứng im sau lưng vợ, chắp tay, cúi đầu mấy cái. Dĩ nhiên, tôi cũng biết thắp hương, nhưng chỉ thắp suông mà thôi, không lắm bầm khẩn vái cầu xin gì. Tôi cảm thấy ngại phải làm phiền người khuất mặt.

Còn gần nửa giờ là đúng Ngọ, trong khi chờ nhà bếp nấu lễ vật, tôi và Hân được theo đám con cháu của ông bà ngoại đi đến những ngôi mộ nằm rải rác trong các đám ruộng phía sau lưng nhà. Lần này chúng tôi lội bùn nhiều hơn. Trời đã ngớt mưa. Nhưng cái lạnh có phần gia tăng. Hân tím cả môi, vậy mà nó không biết lạnh. Nó vừa đi vừa ngắt những những ngọn cỏ bên đường. Đoàn người đi hàng một qua các bờ ruộng. Hai người con trai cậu Nuôi cao lớn như tây và đẹp trai không thua dân thành phố. Họ vừa làm ruộng giúp cha, vừa dành thời gian làm thêm một công việc gì đó tại Hội An. Cậu Cửu Phòng có độc nhất một người con, mang tên Phòng giống cậu. Anh đi bộ đội. Không rõ trận chiến nào đã lấy mất của anh một cánh tay phải.

Nhưng anh vẫn đi tập kết ra đất Bắc bỏ lại người cha đơn độc. Tôi đã có gặp anh Phòng một lần từ thời còn ở Tiên Phước.

Ngày chạp mà là ngày đi thăm mộ, rầy cỏ hoang trên các nấm mồ, đồng thời vun đắp lại những nơi đất trên mộ bị lún lờ. Mỗi năm vào những ngày gần cuối tháng chạp, tập tục này đều được đa số gia đình thực hiện. Tôi và Hân trong buổi chạp mà năm ấy chỉ biết đứng xem. Cánh tay của chúng tôi còn ngắn lắm. Bàn tay chúng tôi da còn non xanh. Về quê ngoại để vui chơi, để cho thân mẫu mình được dịp tự hào có những đứa con trai, dù chưa làm nên danh phận gì. Về quê ngoại cũng là về với bất cứ làng quê nào của Việt Nam. Ở đó những câu hát ru em tràn lan trên từng ngọn lúa. Ở đó những chùm câu chuyện “*ngày xưa...*” còn treo trong mái hiên, chái bếp. Ở đó những khúc khích của các câu hò khoan âm cả bờ ruộng:

*Thiếp tới chàng chàng dọn một đĩa rau  
hai bên hai củ hành tàu  
ở giữa có con cá tràu nằm ngang  
ăn vô cho thấu bụng nàng  
thực bất tri kỳ vị, mới biết của chàng là ngon*  
(câu hát dân gian Quảng Nam)

Dĩ nhiên với cái tuổi 14, tôi chưa hiểu một cách văn hoa đến như vậy. Đâu đó một đĩa xôi, ít miếng bánh khô nỏ, khô mè..lập ló đã gọi tôi về cùng quê ngoại.

Trời lại đổ mưa, rất may chúng tôi đã hoàn tất việc tu chỉnh mồ mả, về đến nhà. Lễ vật đã được đưa dần lên bàn thờ. Cái phan lớn giữa nhà đã được trải chiếu chiếu Yên Nê thơm tất. Một mâm thau cổ bàn đặt trên chiếu để cúng đất đai, một hình thức hồi lộ ông bà thổ địa cho đón thân nhân về. Cậu cửu Phòng thay cậu Nuôi cúng vái. Má tôi đứng một bên, thỉnh thoảng rót thêm một chút nước vào các ly bên cạnh những lễ vật. Tôi biết chắc sẽ được gọi đến chấp tay cúi đầu nhưng cũng lên ra chái hiên. Trời vẫn mưa. Tôi ngửa cả hai bàn tay hứng những giọt mưa, từ mái tranh thông xuống thành những dây nước trong suốt. Chẳng biết lúc đó tôi có nhớ về thời kỳ ở nhà tranh trên Tiên Phước không ? Những cơn mưa thời ấy thật âm ỉ, ngoạn mục. Nhìn lên mái tranh nhà ngoại, tôi như gặp lại một người bạn thân

quen. Xin phép được giới thiệu một chút về người bạn thực vật ấy. Tranh là một loại cỏ, tương cận với lúa. Lá to bản và dài hơn lá lúa chút ít. Tranh thường sống trong những rẫy hoang, hình như không ai trồng. Để có một tấm tranh lợn nhà, người ta cắt sát gốc tranh đem về phơi khô. Khi chín nắng, tranh từ màu xanh biếc trở nên màu vàng đậm. Người ta dùng những gốc tre già, chẻ thành nan. Loại bỏ bớt phần ruột của những nan này, chỉ giữ lại phần cất tre, là phần ngoài cùng của cây tre, để bảo đảm sự bền dẻo. Tôi không biết phải dùng bao nhiêu nan tre để “đánh” một tấm tranh. Và tại sao dùng động từ “đánh” để chỉ việc thực hiện sản phẩm dùng lợn nhà này. Ngôn ngữ Việt Nam thật phong phú. Giọng má tôi gọi cắt ngang những nhớ tưởng không đâu, tôi tiến đến bàn thờ ông bà ngoại.

Giờ cúng lễ đi qua. Bữa ăn chạp mả trong gia đình cậu Nuôi tôi thật vui vẻ thân mật. Những câu chuyện đời thường, những lời thăm hỏi cùng những cốc rượu trắng, khói thuốc rê một phần nào đã làm hương vị thức ăn thêm ngon miệng. Trong lúc ông bà ngoại tôi, cậu dì đã mất của tôi chỉ hưởng được chút khói phù du? Không đâu, họ đã nhìn thật rõ sự đầm ấm của đám con cháu. Đó là bữa ăn đích thực của họ. Tôi biết rất chắc một điều, con người sau khi chết chẳng về với suối vàng cũng chẳng lên cõi cao xa nào cả. Họ ở lại trong lòng những người còn sống, cõi vĩnh viễn nhất, chân tình nhất. Ngoại tôi, dì cậu đã khuất của tôi, những người tôi chưa bao giờ gặp mặt, nhưng thoáng thấy qua những tấm lòng của những người đang cười nói quanh tôi. Là một cậu bé, nhưng tôi cảm nhận được thật rõ niềm vui của mình qua sự ân cần, triu mến của bà con quê ngoại.

Cùng về trong dịp chạp mả ở quê ngoại năm ấy, thế hệ tôi còn có chị Kim Anh, hai em Ba và Bông. Chị Kim Anh lúc nào về nhà quê cũng muốn tìm món khóm mít chấm muối ớt. Chị ghiền món ăn chơi này từ hồi ở Tiên Phước. Nhưng hôm ấy trời mưa, chị đành đứng bên ảng nước, ngó vu vơ lên những nhánh cây xanh ướt sũng. Chẳng biết chị có nghĩ gì về loại cây ăn quả thân có nhựa và mủ này không. Riêng tôi, cũng chơi rất thân với cây mít. Xin thêm một lần miên man. Người bạn này của tôi với vóc dáng không đồ sộ lắm, nhưng lá cành đủ che mát một góc vườn. Dù biết nhánh mít dòn, dễ gãy, nhưng tôi đã nhiều lần leo lên, hái lá chằm cho mình cái mũ cánh chuồn, chênh chênh làm

quan giữa đất trời trong chốc lát. Một điều rất đáng ngạc nhiên, cành lá mít khá rậm, nhưng ít có loại chim làm tổ. Hẳn không phải vì những quả mít xù xì đầy gai nhọn. Một hình thể thô kệch che chở những múi vàng thơm ngọt bên trong. Ở nhà quê một thời cây mít là niềm tự hào của những nhà giàu. Trên phần đất thi ca Việt Nam, cây mít cũng không ngần ngại bén rễ. Rất tiếc chị Kim Anh đứng nhìn cây mít không để làm thơ. Có chăng là một nỗi nhớ tưởng nào đó vừa đến với chị.

Ba và Bông là hai cô gái con dì Quyên, em ruột má tôi. Dì Quyên chính là người chăm nuôi chị Hạc, người chị cùng một bào thai với tôi, trong nhiều năm. *Chị tôi suy tính trước sau, sợ đời hành hạ chuẩn mau về trời.* Dì Quyên chậm bước hơn, nhưng cũng đã ra người thiên cổ từ lâu. Ba, cô con gái lớn của dì nhan sắc mặn mà hơn cô em. Cả Ba và Bông đều lớn tuổi hơn chị Kim Anh một chút. Trong thời kỳ kháng chiến, Ba ở lại Vĩnh Điện, trong lúc Bông theo gia đình chúng tôi lên sống ở Tiên Phước. Bông là cánh tay mặt của má tôi trong việc tảo tần cho đến ngày bà bị tịch thu gia sản. Với Bông, đương nhiên tôi có nhiều kỷ niệm. Mặc dù lớn xác lớn tuổi hơn, nhưng ở vai em nên luôn luôn nhỏ nhẹ với ông anh nhí.

Vào năm 1968, Ba và Bông đều về nhà chồng. Bông đi buôn theo xe đò. Ba dựng nhà gần cầu Thanh Quýt. Chồng Ba là một nghĩa quân hiền lành, cầm súng bám rễ ở vườn nhà. Nhưng rồi một sáng tinh mơ Ba vướng phải một quả lựu đạn gần cửa bếp. Anh nghĩa quân mất vợ sau một đêm nằm kích bên đầu cầu, nghe rất rõ tiếng lựu đạn ở hướng nhà mình, không xa trên năm chục thước. Bây giờ nền nhà gần cầu Thanh Quýt đó hẵn còn. Người gài trái lựu đạn hy vọng vẫn còn sống. Có lẽ người ấy cũng đã nhiều lần qua lại nơi mình lập công. Bằng khen từ cái chết của Ba, từ những cái chết dễ dàng tương tự hẵn vẫn còn được treo ầm nhiều nhà. Cái Bông không biết bây giờ đã ra sao ?

La Qua Vĩnh Điện quê ngoại tôi, sau cái ngày chạp mả ầm áp ấy, tôi còn về thăm rất nhiều lần. Nơi đây không chỉ là đất của một phần cội rễ tôi. Mà còn là quê hương của rất nhiều người tôi thương mến. Những bút danh mượt mà đã cho tôi những người bạn. Với Nguyễn Thị Liên Phượng tôi có Nguyễn-Nho-Sa-Mạc-Nguyễn-Nho-Bửu. Với Hoàng Thị Bích Ni tôi có Nguyễn Phú

Long. Và Hồ Luân, Nguyễn Nho Nhuận, Mạc Phụ Đình Trầm Ca...những người từng đem lại cho thị trấn Vĩnh Điện một thời óng ánh trên sách báo. Hơn thế nữa, tôi còn có ở đây một người thầy từng dạy Pháp ngữ cho tôi, thầy Trần Tấn. Lòng mắt kính thầy dày lắm. Giọng nói thầy trầm lắm. Tôi nhớ rõ, nhớ đủ. Nhưng tất cả đều đã trôi qua.

Tháng 8 năm 2002, ngày 23, tôi có về ngang La Qua Vĩnh Điện. Sao lại chỉ về ngang ? Vâng, chỉ chạy ngang mấy phút trong cái nhá nhem chạng vạng. Hôm ấy, theo chương trình, vợ chồng chúng tôi cùng các em vào thăm Hội An. Chuyến đi qua ngã Ngũ Hành Sơn. Chuyến về qua ngã lò gạch Thanh Hà để ghé về quê ngoại. Nhưng một sự cố trên đường về đã phá hỏng dự tính. Vài chiếc xe gắn máy quá phân khối của đám em chưa có bằng lái đã cản trở chúng tôi. Những anh công an đã dễ thương hơn thời thập niên 80 rất nhiều. Chỉ buồn thời gian chờ xử lý quá lâu, không còn đủ cho chúng tôi một chuyến tạt ngang. Lý do để bào chữa này hoàn toàn khó chấp nhận, nhưng cũng là một lý do cụ thể. Ngôi nhà ngoại, tôi không thấy. Ngôi nhà chị Dàn bên đường cũng rất mờ mờ trôi tuột sau lưng. Một ít ngày còn lại, tôi đã không biết linh động, cứ theo chương trình đã định sẵn. Quê ngoại không nằm trong ân cần tha thiết của tôi. Một người không có tấm lòng như vậy còn màu mè viết những gì bây giờ ?

*Dù xa cửa ngõ cũng xa, dù gần Vĩnh Điện La Qua cũng gần.* Câu ca dao tôi từng được nghe nhà hàng xóm ở Liêm Lạc hát ru con ngày nào chợt phảng phất trong trí nhớ. Vĩnh Điện, La Qua là hai tên gọi của một con đất. Sự xa, gần được so sánh ngay trong một đơn vị địa lý. Xa đó mà gần đó. Gần đó mà xa đó. Khoảng cách tùy thuộc ở mức độ thân tình. Tôi hiện cách xa quê ngoại hay vẫn cận kề ? Xa thì đã quá xa nhưng đâu dễ quên con đất đựng những câu hát chơi chữ tuyệt vời, ý nhị:

*Con gái La Qua, qua đường qua chợ  
biểu em đừng, đừng có la qua  
(ca dao Quảng Nam)*

Bây giờ là 8 giờ 12 phút sáng thứ sáu ngày 02 tháng 12 năm 2005. Đám học sinh tiểu học trên sân trường bên kia đường Charleroi vừa mang cặp vừa chạy vào vị trí xếp hàng. Trời bắt đầu rơi tuyết. Những nụ tuyết trắng lấm tấm như những con thiêu

thân bay rồi rít tán loạn, dần dần trở thành những dòng nước lí lắc dọc ngang. *Neige fondante*. Đám học sinh đang nối đuôi nhau vào lớp. Đèn giao thông ngã tư Armand Lavergne-Charleroi đổi màu đỏ. Dòng xe ngừng lại. Một chiếc xe cảnh sát đồn 40 dừng cạnh trạm chờ xe buýt. Mấy chiếc ghế dài trong công viên trống không. Buồng điện thoại công cộng đứng gần lặng lẽ. Tôi rời ghế, bước hai bước tới cửa sổ, thuận tay sửa lại dây đèn trang trí Noel. Bốn con nai nhựa còn lấp lánh ánh điện vàng trên kính cửa. Tôi nhìn xuống. Chiếc Acura của Bách nằm ngoài *tempo*, tuyết chạm ướt nhưng không đậu lại. Thật là vô duyên, tôi đang nghĩ, đang viết về quê ngoại sao bị chi phối thế này ? Trở lại bàn, mó tay vào con chuột, chợt nhớ mình bỏ sót chuyện đã cùng Đynh Hoàng Sa, lần mò hỏi đường đến thăm nhà một nữ sinh trường Nguyễn Duy Hiệu. Thoan, tên cô học trò, một nàng thơ của Sa ngày ấy. Từ chân cầu Vĩnh Điện phía Đà Nẵng, đi dọc theo dòng sông, nhà của Thoan ở trong một vườn cây đẹp. Tôi cho ông thầy lãng mạn, chỉ dám đi ngang mà không dám vào. Tôi đề nghị dán một bài thơ ngoài ngã ba gần nhà. Sa ngại gió bay vào nhà khác. Anh chàng vừa đi vừa nuốt thơ vào trong bụng. Buổi chiều Vĩnh Điện đẹp biết bao. Nguyễn Nho Sa Mạc từng đem vào thơ. Có cả người mang vào nhạc. Hình như là ông nhạc sĩ Từ Huy đang ở Sài Gòn. Ông này trông thật giống Hồ Luân con bác Hồ Dầu ở ngã ba Hội An Vĩnh Điện ngày nào. Bạn Luân đừng trách tôi gọi tên bác nhé. Gọi để nhớ ấy mà. Nhớ bất kỳ một thứ gì của La Qua Vĩnh Điện một thời đã ghé vào lòng tôi. Thêm đọc lại bài thơ của Nguyễn Nho Sa Mạc để nhìn rõ nơi *Anh đứng tựa lữ cật đèn châm thuốc, rất vô tư nhìn năm tháng thay màu* (thơ NNSM). Nơi ấy hẳn nhìn được ngã xuống Hội An, ngã ra Đà Nẵng, ngã vào Cầu Lâu và cả ngã vào giấc mơ của một người yêu đời. Nơi ấy, nhìn kỹ đi La Qua Vĩnh Điện, có thấy gì không, thấp thoáng một bóng tôi.



## Những Ngày Đầu Quân Và Thời Ở KBC 4100

### 1.



Tuổi mười tám đã lặng lẽ đến với tôi. Tôi thật tình không nhớ những xúc cảm của mình khi được đón cái tuổi này. Cái tuổi mà đa số những người từng bước qua, cho rằng đẹp nhất của đời người. Tôi đã tìm đọc nhiều thơ văn viết về tuổi mười tám, nhưng rất tiếc, chưa tìm được những gì mình mong đợi.

Tuổi mười tám của tôi rơi vào năm 1959, sau hai năm má tôi qua đời. Năm 1959 cũng là năm tình hình quân sự của miền Nam có những dấu hiệu bất ổn. Chính phủ miền Bắc bắt đầu phát động chiến dịch đánh du kích nhiều nơi, để chuẩn bị khai sinh Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam vào tháng 12 năm 1960.

Trong túi áo lúc bấy giờ, ngoài thẻ học sinh, tôi vừa có thêm thẻ căn cước. Gót chân (căn) tôi đã cứng, ống chân (cước) tôi đã vững. Tôi đã thành một người có thể tự đứng, tự đi, tự bước vào thế giới người lớn. Cuộc chiến trên quê hương giúp tôi sớm trưởng thành qua việc tham dự trung bình quân dịch. Đây là một nghĩa vụ của một người con trai, sau 17 năm vui chơi với đời, phải thực hiện trong vòng hai năm.

Vào mười giờ sáng một ngày đẹp trời, từ nhà trên đường Đông Kinh Nghĩa Thục Đà Nẵng (nay là Ngô Gia Tự), tôi lặng lẽ ra đi. Chỉ trong khoảng cách 250 thước, bước chân ngăn ngại của tôi đã dừng trước cửa trụ sở Nghiệp Đoàn Lao Động Việt Nam trên đường Thống Nhất (Lê Duẩn bây giờ). Nơi văn phòng trung bình quân dịch tạm thời làm việc. Địa điểm này cách đây sáu năm, tôi từng có đôi lần tò mò liếc mắt vào. Đó là cái *bordel* lớn nhất của thành phố Tourane. Dù lưỡng lự, cuối cùng tôi cũng thành “người khách hàng” đầu tiên của văn phòng trung bình quân dịch hôm ấy.

Tôi được niềm nở cân đo và khám tổng quát. Tuy không cố tình nhịn đói, nhưng không hiểu sao đêm hôm trước tôi không muốn ăn, sáng hôm sau cũng không lót dạ. Với sức nặng 39 ký rưỡi trên một mét sáu chiều cao, tôi được xếp vào thành phần phụ dịch, dù tình trạng sức khoẻ bình thường. Kết quả tốt này đã giúp tôi chậm bước trong việc thi hành nghĩa vụ quân dịch. Tôi phơi phới ra về vì cái cái tên Lê Ngọc Châu, sinh năm 1941, đã có một số quân, đề đời: 61/203.905.

Năm 1964, khi đang tập làm công chức tại Tòa Thị Chính Đà Nẵng, tôi nhận được lệnh động viên.

*Bỏ lệnh gọi trong túi quần  
tôi đi qua từng con phố  
không biết phải làm gì  
tôi trở về rửa mặt  
quyết định ngủ một ngày  
thản nhiên không mơ mộng*

....

*bỏ lệnh gọi trong túi quần  
cứ làm thơ cái đã  
không biết để làm gì  
tôi dán trên vách cửa*

...

(Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu)

Dù ngủ, dù làm thơ, dù thắp hương cho mẹ, dù lục soạn gì đó trong các ngăn tủ... tôi cũng không thể không trình diện tại Quân Vụ Thị Trấn. Rồi cánh cửa trại Nhập Ngũ Số 1 đã giữ tôi từ sáng sớm đến chiều tối trong hơn hai tuần lễ.

Trại Nhập Ngũ Số 1 thuộc vùng I Chiến Thuật, tọa lạc trên một vùng đất rộng gần đường Đống Đa, Đà Nẵng. Đây là nơi tập trung những thanh niên, nằm trong hạn tuổi phải thi hành nghĩa vụ quân sự, trước khi được gọi tới các trung tâm huấn luyện tùy theo điều kiện. Tôi được chuẩn bị để gọi theo học khóa 21 trường Bộ Binh Thủ Đức, cùng với người bạn học, Phan-C-Dinh.

Trong hơn hai tuần, ngoài những giờ nằm chơi trong các dãy nhà tôn mang tên A1, A2...chúng tôi được đưa lên Tổng Y



Viện Duy Tân để khám sức khoẻ theo lịch trình. Có khá nhiều bạn tự ý nhịn ăn trong giai đoạn này. Cũng lắm kẻ giả vờ mắt kém, chịu tiếp nhận một dung dịch gì đó vào mắt, để rồi than thở con người xôn nhức, nhưng không đạt được kết quả gì. Vào ngày khám sức khoẻ cuối cùng, Dinh không vào trại. Và cũng từ đó, bạn ấy không chấp nhận ăn cơm nhà binh của Việt Nam Cộng Hòa, dù vẫn “ăn cơm Quốc Gia” để “thờ ma Cộng sản” trong nhiều năm nữa.

Giữa lúc tôi đang được trung sĩ Lê Hữu Yển, một người chú thúc bá làm việc tại trại nhập ngũ, “bồi dưỡng” tinh thần để chờ lên đường, thì được lệnh hoãn dịch tạm thời cho tất cả những người có năm sinh 1941, vì lý do “thặng dư tài nguyên”. Tôi hớn hờ trở về, bỏ ngang việc đi làm công chức, sống lè phè với vài buổi kèm trẻ tư gia. Học trò của tôi lúc này có Lê Thị Ngọc Bảo, mận mà lắm, con một thiếu tá ở cư xá Thống Nhất Đà Nẵng.

Tháng 6 năm 1966, quân Bắc Việt vượt vĩ tuyến 17 xâm nhập vào vùng phi quân sự (*Demilitarized zone*). Hai trung đoàn cộng quân đã có mặt trên phần đất chủ quyền của miền Nam trong tháng 7 năm 1966. Trước sự bành trướng này, đại diện của bộ Tham mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cùng đại tướng William Westmoreland ra Đà Nẵng, bàn kế hoạch với Thiếu tướng Hoàng Xuân Lãm, tư lệnh Quân đoàn I, vùng 1 chiến thuật VNCH và Trung tướng Lewis Walt, tư lệnh Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam. Cuộc chiến đã vô cùng sôi động. Chiến dịch Lam Sơn 289, hay Hastings, theo người Mỹ, là mặt trận lớn nhất trên địa bàn Quảng Trị với sự tham chiến của liên quân Việt Mỹ đã gây tổn thất nặng nề cho sư đoàn 324B và Lữ Đoàn Giới Tuyến Việt Cộng, trong suốt 19 ngày liên tục. Nhiều phi vụ B 52 từ đảo Guam đã dội bom theo chiều dài 13 km, dọc bờ sông Bến Hải trong ngày 30-6-1966. Lệnh động viên tất cả các thành phần hội đủ điều kiện làm sĩ quan, đang được hoãn dịch phải nhập ngũ khóa 24. Tôi ra trình diện cùng các bạn thân như Châu Văn Tùng, Nguyễn Văn Pháp, Trần Mỹ Lộc...

Trại nhập ngũ số 1 lúc bấy giờ rất đông. Sau giai đoạn khám sức khoẻ tại Tổng y viện Duy Tân. Tất cả bị “cắm trại”, không còn được mỗi tối về nhà như trước. Khu thăm viếng của

trại do đó ban ngày đông hẳn lên. Nằm chờ lên đường, tôi viết chơi đôi bài lục bát:

*Nửa tờ nhật báo ôm lưng  
đầu gối dèp-nhật trông chình dáng em  
mắt buồn kiếm hiệp lười xem  
nắng vẩy gió phủ chênh vênh nổi chờ*

...

*không thẳng nào tán chuyện chơi  
nằm thẳng kỳ đất khơi khơi góc phòng  
nghe chân chú rệp thông dong  
bơi trên thân thể sắp bong nắng đời*

...

(Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu)

Thi hành nghĩa vụ quân sự, góp tay bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ, bảo vệ tự do, nhân quyền là bổn phận của mọi người công dân. Với thanh niên bổn phận này càng phải được nghiêm chỉnh chấp hành, nhất là khi đã biết ít nhiều về đời sống, xã hội miền Bắc qua các phong trào Cải Cách Ruộng Đất trong thời gian 1953 đến 1958, phong trào Nhân Văn Giai Phẩm năm 1956. Những cuộc pháo kích bừa bãi vào những thành phố đông dân cư, những cuộc đặt mìn phá hoại các tuyến đường, gây chết chóc, hoang mang, hoảng sợ cho dân lành, càng làm tăng ý chí phục vụ chính thể Quốc gia. Tuy vậy cá nhân tôi không thiếu những âu lo, bộn rộn khi nhập ngũ. Nguyên nhân thật riêng tư: tôi đang có người yêu.

Cuộc tình của chúng tôi có ít nhiều không bình thường, lẽ ra tôi phải ra trước vành móng ngựa và đi tù sau đó. Nhưng may mắn, tôi có một người cha vừa thương con, vừa đủ kinh nghiệm để giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại. Tôi xin được phép chêm vào đây một đoạn về biến cố trọng đại riêng này:

Mọi chuyện bắt đầu từ một tình cờ. Vào một hôm tôi ghé thăm anh Lê Lữ, người bà con chú bác thúc bá, có thời ở cùng tôi tại quê nội, Liêm Lạc. Lữ hiện là học sinh Phan Châu Trinh Đà Nẵng, anh muốn thường gặp tôi để đôi khi hỏi về bài vở. Cuối cùng, qua rủ rê của Lữ, tôi đến thuê phòng tại nhà ba mẹ Trần Thị Lý. Rồi từ người ở trọ, qua người dạy kèm, người

cổ vấn ăn mặc...đến người tình... 16 năm sau, một chiều mưa tôi ghi lại diễn biến của tình yêu chúng tôi bằng một bài thơ trích dưới đây:

### **Chiều mưa**

*mừng sinh nhật thứ 32 của Lý*

*ta đến trọ nhà em từ thuở  
em chưa qua hết tuổi mười ba  
bút mực thơm từng ngọn tóc đuôi gà  
miệng liếng thoảng vụng về như con sáo  
hoa cỏ dại mọc đầy trong túi áo  
gót chân hồng không mệt mỗi nháy giây  
trái mù u chuyển thể chạy quanh tay  
cười với hát, ăn quà, vùi vịnh mẹ  
chùng nấy việc dặt dìu em nhè nhẹ  
dạo vòng vòng trong thế giới ngây thơ  
mắt vô tư nhìn ta đến...không ngờ  
chàng lãng tử của gió mây đã lại*

*phòng ta trọ âm thầm và trống trải  
chiếc bàn vuông, cái ghế vải nhà binh  
cán bút khô cắm giữa ruột lục bình  
tàn thuốc lá chất buồn cao thành núi  
những buổi sáng cúi đầu đi thui thui  
những chiều về nằm chờ đợi vu vơ  
đời hát hieu đậu xuống mấy giòng thơ  
nặng trang báo gọi tình đi trăm ngã*

*một buổi sáng trời mưa buồn chi lạ  
bâng khuâng nhìn em vọc nước ngoài hiên  
gió mùa thu đùa trong tóc nghiêng nghiêng  
bay lên má...nhận ra em đã lớn  
trong khoảnh khắc lòng dịu dàng mơn trớn  
buồn vu vơ theo thương nhớ miên man  
mắt em xanh cũng bối rối hoang mang  
le lói thấp nổi tình ta ngơ ngác*

*từ bữa đó hồn ta đầy âm nhạc  
nhận lời kèm em học Pháp văn  
bài vỡ lòng bát ngát ánh trăng*

em khờ dại hay chính ta vụng dại  
thơ trời nắng trời mưa dài ra mãi  
tóc em xanh cũng vừa xõa ngang vai  
ta đưa em chọn hàng mẫu áo dài  
ôi chiếc áo đầu tiên em tập làm thiếu nữ  
ta ngỡ ngẩn nhưng em cũng một thứ  
bởi vì ta vừa mới biết yêu nhau  
áo hẹn hò ta chọn có sai màu  
thơ ta đã sum xuê lời bào chữa

ở chung nhà nhưng tương tư từng bữa  
càng giận hờn càng tha thiết yêu thương  
càng yêu thương càng cao nỗi u buồn  
tình vụng dại nuôi xanh mầm sợ hãi  
mẹ em bảo: biết được ruồi đục cái  
vừa bay ngang, hưởng chi chuyện tình yêu  
càng giấu quanh, càng bại lộ thêm nhiều  
mẹ em đã răn dạy em to nhỏ

cửa phòng ta mon men lời bóng gió  
đấy ta buồn nỗi dài bước lang thang  
ánh mắt em thao thức nỗi bàng hoàng  
mở trang sách em úp đầu ngời khóc  
tình yêu tình yêu mệt nhoài, khổ nhọc  
em bằng lòng chịu đựng để yêu thương  
những là thư tha thiết nỗi vui buồn  
em kín đáo giấu trong lòng máng xối  
ta len lén lấy nhanh và đọc vội  
mua cau trầu mai mối chuyện trăm năm  
tình keo sơn cha mẹ phải bằng lòng  
thơ ta đã vắng bóng em từ đó...

mười sáu năm qua đời dưng trong ga nhỏ  
chiều hôm nay ngồi vợ vẫn trông mưa  
em ngoài hiên, lại vọc nước như xưa  
ta bỗng thấy em vẫn còn con gái  
em có biết em vẫn còn trẻ mãi  
bởi vì ta còn mãi mãi yêu em  
nối tay nhau đan từng sợi võng mềm  
ta kính cẩn mời em yêu ngã xuống

*chiều bát ngát mưa ngoài hiên phiêu lãng...*  
(Đưa Nhau Về Đến Đây)

Lý sinh ngày 03 tháng 01 năm 1951. Năm tôi đầu quân, Lý được 15 tuổi, nữ sinh trường trung học Tây Hồ. Để tôi an tâm đi nghĩa vụ, ba tôi khuyên cuộc tình phải chuyển qua giai đoạn hôn nhân. Ông đã vô cùng khó khăn mới thuyết phục gia đình nhà gái. Sau khi được sự chấp nhận, ông lo làm khai sinh lại cho Lý. Con số 1951 được thay bằng 1949. Và ông cũng không quên lập tờ hôn thú, với lý do, nếu để sau ngày tôi đã trở thành sĩ quan, an ninh quân đội sẽ điều tra lý lịch bên vợ làm chậm trễ nhiều việc, cụ thể là việc trợ cấp gia đình. Hôn thú của chúng tôi được ký ngày 30 tháng 11 năm 1966 trước hơn một năm dài, Lý chính thức được mặc áo cô dâu.

2.



Chúng tôi rời trại Nhập ngũ số 1 rất bất ngờ. Quá ba giờ chiều, hơn hai trăm thanh niên được đưa lên phi trường Đà Nẵng, không ai gặp được thân nhân. Khi xe GMC chạy qua đường Trưng Nữ Vương nổi nhớ nhưng đã bắt đầu nhoi nhoi. Bạn thân đồng hành với tôi có Pháp, có Lộc nhưng Châu Văn Tùng xin ra phép đột xuất đã lỡ chuyển đi.

Phi trường Đà Nẵng là một căn cứ quân sự quan trọng lúc bấy giờ. Chiếc C 130 ruột rỗng, không có ghế, chúng tôi ngồi bệt trên mặt sàn thép cứng, lúc nhúc như một đàn súc vật. Phần đông cố giữ im lặng. Nhưng cũng có một số nói cười với những mẩu chuyện tiếu lâm không phải lúc. Buổi lên đường của chúng tôi không có những bàn tay đưa tiễn, không có biểu ngữ, vòng hoa, không có những ca khúc cổ động, ngợi ca đời lính “Anh Đi Chiến Dịch”(Phạm Đình Chương), “Huỳnh Đệ Chi Bình” (Anh Bằng)...Một cuộc ra đi lặng lẽ trong ánh nắng chiều đang loãng màu. Thời gian bay cũng không lâu lắm. Điểm dừng đầu tiên của chúng tôi là một phần thịt da thân thiết của thủ đô Sài Gòn: phi trường Tân Sơn Nhất.

*C.130 đổ xuống Tân Sơn Nhất  
Sài Gòn dần chào một cơn mưa  
may mắn cho những thằng đang khóc  
vừa đi vừa tự nhiên vuốt mặt  
một áo, một quần, một tờ lá cải  
lội bộ theo tôi ra Lăng Cha Cả  
nhá nhem đèn đêm đợi xe GMC  
đốt điều thuốc  
môi nhạt thềm một nụ hôn  
đảo mắt vòng vòng trên những đỉnh núi  
tự nhiên thấy tiếc vu vơ  
  
xe chạy, gió, dần xóc  
thùng xe, lưng chống lưng  
tay, tay xòe chống mưa  
cổ dừa cười  
cổ dừa tiếp tục khóc*

...  
(Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu)

Mưa suốt con đường từ Lăng Cha Cả đến trường Bộ Binh Thủ Đức. Tôi không nhận được mặt mũi công số 1 dù vừa biết xe mới lọt vào. Sân Liên đoàn là bãi đậu của đoàn GMC đêm hôm ấy. Ngay giây phút chúng tôi xuống xe đã được tiếp đón một cách rất nhà binh. Tập hợp. Điều này đương nhiên và không quá khó, chúng tôi đã thực tập ở trại nhập ngũ. Nghe huấn lệnh, cũng không lấy gì làm lạ. Nhưng mỗi người trong chúng tôi đều mang một tâm trạng lo sợ và thủ thế hay đúng hơn là gắng giữ mình. Viên sĩ quan trực tại liên đoàn hôm đó là Thiếu Úy Thám, một người đang độ 40, giọng Bắc, không quá nghiêm khắc, nhưng cũng đã lạnh lùng tặng cho vài bạn láu táu mấy chục cái hít đất làm duyên ra mắt.

Thành phần đón tiếp không chính thức còn có năm, bảy vị hạ sĩ quan, binh sĩ. Họ lặng vàng bám sát chúng tôi, ân cần thăm hỏi, gọi chuyện. Một trong những người này, về sau nhận sửa quân phục và giặt ủi áo quần cho tôi suốt khóa học. Ánh sáng của sân liên đoàn hôm ấy không đủ để nhận ra cảnh sắc chung quanh mà thật ra tôi cũng không dám nhìn quanh, mắt tập trung.

Chẳng bao lâu, thiếu úy Thám đưa chúng tôi về sân một doanh trại khác. Khi đã nghiêm chỉnh đứng trong hàng 5, tôi mới nhìn lên bảng hiệu treo trên đầu cửa một căn phòng. Hàng chữ in sắc nét, đậm đà cho biết đây là “Văn Phòng Đại Đội 10”. Mấy chữ “Khóa 24” cũng bằng chữ in được viết nhỏ hơn, nằm bên dưới.

Ngay đêm hôm đó, thiếu úy Thám đã cẩn thận điểm danh nhiều lần, xong đi duyệt qua từng hàng. Ông gọi những sinh viên có mang kính cận, đứng riêng ra một góc. Nguyễn Văn Pháp, bạn tôi, anh thầy giáo của trường Sao Mai, Đà Nẵng, có cặp mắt kính khá bảnh được mời ra. Số bạn phải ra riêng không nhiều. Tôi nghĩ thầm những bạn này chắc sẽ được ưu tiên gì đấy. Nhưng không, họ được tức thì chuyển qua một đại đội khác. Hóa ra thiếu úy Thám có chút ít tính toán, lợi dụng trực liên đoàn, đón nhận tân binh, ông chọn cho đại đội ông những thành viên ít khuyết điểm, nhằm bảo đảm những kết quả thi đua giữa các đại đội sau này. Trong hơn hai trăm người, đa số được ở lại đại đội 10, được chia thành 4 trung đội: 37, 38, 39, 40. Tôi và Trần Mỹ Lộc lọt vào trung đội 40.

Bây giờ có lẽ chưa đến giờ đi ngủ. Thiếu úy Thám cho thực hiện ngay cuộc bình bầu những sinh viên đại diện. Tôi không nhớ rõ có bao nhiêu chức vụ. Đại khái là sinh viên đại diện đại đội, sinh viên báo chí, sinh viên thể thao, sinh viên âm thực...Tuy có sinh hoạt văn học chút ít, nhưng tôi không dám ra ứng cử cái vai báo chí. Tính tôi vốn lười và ngại khó nên bỏ lơ những cái thức cùi chò, nhắc nhớ kín đáo của Trần Mỹ Lộc. Cuộc bình bầu cũng qua mau chóng. Không phung phí chút thời gian, thiếu úy Thám hướng dẫn chúng tôi đến kho quân trang. Phải công nhận tôi rất vất vả trong chuyện này. Quần áo mũ giày...cái gì cũng có kha khá trọng lượng. Ruột một các *sac marine* dài ngoằn không thể nào chứa hết mấy bộ *treillis*, quần đùi, áo ba lỗ, *botte de saut*, *soulier*, cà mềng, nón nhựa, nón sắt, nón vải Tam Tạng, mũng, mền...Tôi vừa mang vừa kéo về chỗ ngủ. Khóa 22 xuất trại, để lại khá nhiều giấy lộn, rác rưởi. Mặc kệ, tôi nằm úp lên giường sắt... viết thư.

Sáng hôm sau, chúng tôi được đưa đến phòng hớt tóc. Những kiểu tóc thời thượng bây giờ của Elvis Presley, Rock Hudson, Johnny Hallyday...không thiếu trên đầu những thanh

niên đang hiện diện tại phòng hớt tóc nhà binh của quân trường Bộ Binh Thủ Đức. Mái tóc của tôi không uốn ép nhưng không phải ai cũng có thể sở hữu. Một chút khoe khoang trong hoạt cảnh hôm đó:

*mái tóc bông bành đẹp nhất Đà Nẵng  
đẹp nhất miền Trung  
đẹp nhất Việt Nam  
rụng xuống  
rụng xuống  
từng tảng từng tảng  
trong tích tắc  
tôi giống con gà chọi  
trống hóc  
ngượng ngập, khó chịu  
thiếu thiếu một cái gì  
nhẹ nhõm, lẻ loi, kỳ quặc  
soi mình vào đám bạn bè  
cười lấp nổi buồn bất chợt*

...

(Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu)

Dĩ nhiên nổi buồn vụn này không thể kéo dài. Chúng tôi phải bắt tay vào việc làm tạp dịch, trong thời gian chờ đợi khóa sinh các nơi tập trung đến đầy đủ. Khóa học sẽ bắt đầu vào cuối tháng 12 năm 1966.

Tạp dịch thường được hiểu là làm vệ sinh doanh trại. Công việc này kéo dài suốt 9 tháng. Tuy nhiên ở giai đoạn một và nhất là những ngày mới nhập trại, mới được thực hiện tích cực và thường xuyên nhất. Nhổ cỏ là một công việc đi đầu của tạp dịch. Với tôi, nhổ cỏ là một việc làm khá lý thú, vì vừa nhẹ nhàng vừa thành thoi. Đầu đội mũ vải có thông hai miếng che tai. Tay cầm que nhọn. Ngồi chồm hóm, di chuyển tùy nghi theo những ngọn cỏ tìm thấy trước mặt. Nắng càng gắt, mồ hôi càng chảy thành dòng trong lớp vải áo, trước ngực, sau lưng, càng cảm thấy dễ chịu. Ngọn cỏ xanh bé nhỏ, mềm mại nhưng có một sức sống thật phi thường, nhổ đi một vài ngày sau lại thấy mọc, vẫn thành thoi, vẫn xanh mướt. Đã rất nhiều lần, tôi nâng niu từng ngọn cỏ,



vừa được bung lên cả góc lẫn ngọn. Những giây phút đó thật tuyệt vời. Từ ngọn cỏ trong lòng bàn tay, tôi nghĩ, tôi nhớ về nhiều người, nhiều việc đã từng gặp, đã xảy ra. Rễ cỏ thường có màu trắng trắng hoặc hơi ngả vàng; và đại đa số thường quăn cong. Phải chăng vì tăng trưởng trong bóng tối dưới mặt đất, nên không được thẳng ngay ?

Cũng như những khóa đàn anh, chúng tôi được thụ huấn trọn vẹn trong 9 tháng, đúng với thời gian đã qui định. Chương trình huấn luyện được chia làm 3 giai đoạn. Giai đoạn 1, giai đoạn 2 và giai đoạn 3. Thật ra còn có một giai đoạn mở đầu, thường được cho là giai đoạn huấn nhục. Giai đoạn này tập cho người sĩ quan tương lai biết nhịn nhục trước những uất ức, sỉ vả nặng tính cách miệt thị. Trong quá khứ có lẽ cũng có một số đàn anh không được tốt tính, lợi dụng qui định này để hành hạ đàn em như một thú tiêu khiển, hoặc trả thù giây chuyền. Khóa 24 của chúng tôi những màn huấn nhục như thế rất ít xảy ra.

Bước vào giai đoạn 1, tôi và đồng đội được tôi luyện sức chịu đựng. Một loại thuốc trợ lực tiêm vào cơ thể, giúp chúng tôi có thể liên tục dang nắng, dầm mưa, không nhức đầu sổ mũi, không mệt mỏi tứ chi. Đêm đi hành giả trại, chính thức mở đầu chương trình huấn luyện. Đây là một cuộc đi bộ vòng quanh ngôi trường với đầy đủ quân trang, súng đạn. Tuy tầm vóc thua kém nhiều đồng đội, nhưng tôi đã xuất sắc về đến đích trong trạng thái bình thường, hơn hẳn nhà thơ Phan Ni Tấn, một đàn em ở khóa 27 sau này:

*Mới vòng đầu Vũ đình trường  
mà bao nhiêu đũa chán chường hẳn ra  
thằng thì mày váng, mắt hoa  
thằng thì như bóng ma gà, hết linh*  
(thơ Phan Ni Tấn ND)

Theo bước chân ngày, tháng chúng tôi biết cách “thao diễn nghi”, biết bồng súng, vác súng, biết bước đi theo tiếng đếm một hai, theo tiếng hát của chính mình qua các khúc quân hành. Dụng lều, đóng trại, thu dọn quân trang quân dụng, chúng tôi đều thông suốt. Rồi tháo ráp vũ khí, những khẩu Garant M1, Colt 45, Carbine M2, Thompson...chúng tôi đều xê thệt bày trên bàn, chiêm ngưỡng vài phút, trước khi cho chúng hoàn thân lại như

cũ. Thời gian có hạn cho từng loại trong cuộc chơi này. “Lên phải xuống vào phải ra” nguyên tắc ví von này được nhớ mãi trong các giờ học vũ khí. Đồi, bãi gần xa quanh trường, tập cho chúng tôi những bò lét, nguy trang, ẩn nấp. Lá giắt quanh thắt lưng. Lá vòng quanh nón sắt. Lá xanh còn mùi nắng, chọt mướt mồ hôi tôi. Cái cò súng *garant* chùng như nặng. Viên đạn đầu tiên tôi bắn đi, hình như không làm trầy một phân da nào của tấm bia. Rõ ràng tôi để đầu ruồi vào mục tiêu, nín thở cẩn thận. “Bia lên, bia xuống”. “Thế bắn năm...thủ thế”. Những khẩu lệnh vang vang. Viên đạn *carbine* đã trúng đích. Tôi hân hoan như lần đầu dùng ná cao su bắn rớt một con chào mào vô tội. Đường đạn về đâu khi bắn mục tiêu di chuyển. Hôm qua chúng tôi bỏ hỏa lực. Những mắt dây kềm gai nhọn hoặc dí gần sát mặt, chạm gần sát lưng. Đã biết tiếng nổ của đạn mã tử vẫn còn toát mồ hôi. Hôm kia chúng tôi vượt Đoạn Đường Chiến Binh. Bãi Vườn Thom, bãi Nhà Sập, đồi 18, đồi Mẹ Bồng Con, đồi Tăng Nhơn Phú... thấp thoáng bóng cô bé bán sương sâm hồng hào, áo đỏ. Ba tháng căn bản quân sự cứ lặng lẽ cắm đầu đi qua. Một buổi lễ gắn *alpha* trang trọng được tổ chức. Cái chuyện mình ngoạn mục này đây chúng tôi qua giai đoạn mới.



Tranh Chính Trị.

Lễ gắn alpha khóa 24 của chúng tôi có thể đặc biệt hơn những khóa đàn anh. Trước đó một tuần, tôi và một số đồng đội được đi phép. Ưu tiên này dành cho chúng tôi có lẽ như một đặc ân. Cái lý do cho một số sinh viên có dính dáng với phòng chiến tranh chính trị về Sài Gòn mời ca sĩ giúp vui chỉ là một cái cớ, từ lòng ưu ái của các vị sĩ quan của khối Chiến

Đêm lễ hội đã đến. Trong ánh đèn sáng ảm của Vũ Đình Trường, chúng tôi gói mình trong bộ đại lễ, với đầy đủ dây biểu chương màu anh dũng bội tinh, với *casquette* đính phù hiệu ngọn lửa, thanh kiếm cùng 4 chữ Cư An Tư Nguy. Trong giờ khắc thiêng liêng và uy nghi, chúng tôi quỳ xuống, chúng tôi đứng lên, theo lệnh. Trên hai vai bây giờ đã nặng nặng một chút gì. Chẳng thuần túy là cái *alpha*. Con cá vàng này còn chờ trên lưng nó những cái gì cao quý hơn, tuy còn ở khá xa.

Giờ văn nghệ giúp vui, tôi lang quạng sau hậu trường, đã toan bày trò phỏng vấn một nữ ca sĩ để đăng lên Bộ Binh, nhưng rồi lại thôi. Tôi về nằm sớm, hoạch định trong đầu những việc phải làm trong chuyến đi phép sắp tới.



Sau khi chia tay một số đồng đội đi ngành chuyên môn hoặc binh chủng khác, chúng tôi bắt đầu học làm một người chỉ huy cấp tiểu đội. Địa hình, Chiến thuật là những môn học được chú trọng đặc biệt. Sử dụng những vũ khí nặng như trung liên *bar*, đại liên M30, súng cối 60 cũng được thực tập trong giai đoạn này.

Tôi vẫn chưa quên những ngập ngừng trước khi đặt bàn chân trên nấc thang dẫn lên đỉnh ngọn giả sơn. May mắn tôi không run, không oà khóc như một vài đồng đội. Sợi dây thừng lớn đã vòng qua thắt lưng, buông thông giữa hai ống chân. Một bàn tay nắm đoạn trên, một bàn tay nắm đoạn dưới. Nhớ kỹ trong đầu những động tác sẽ thực hiện: nắm, nói, co, đạp. Tôi bắt đầu thả ngửa thân mình, từ từ buông lỏng dây cho thân thể ở vừa thể có thể đạp chân vào lưng giả sơn rồi búng mình và nói tay. Trời xanh lắm, mây trắng lắm. Một đạp rồi hai đạp, dễ chừng

đến cái đập thứ ba tôi mới trở lại mặt đất, tự bằng lòng với chính mình, nghĩ bụng chiều tối về sẽ viết thư khoe cùng cô vợ miền Trung.

Tôi cũng có một chút lo lo về môn dây tử thần, bởi chỉ có thể lặn đến ba ngày mà không biết sai tay cho nổi. Nhưng chả sao, đã có áo phao. Một hai ba, co chân, rướm mình ra, cái ròng rọc vọt chạy ro...Ngon cỡ đó bên kia bờ đã phát. Buông tay. Ừm. Nước đẩy ngược thân thể lên. Ngon chưa, chẳng uống ngụm nước nào. Lại viết thư cho vợ, lại tưởng trình, màu mè pha chế thêm chút đỉnh...Cái hôn của vợ còn mù mịt xa.

Con cá vàng trên vai đã đến ngày tháng thêm vây, nhưng được gọi là con nòng nọc có đuôi. Con gì cũng mặc, chúng tôi chuyển sang giai đoạn ba, một giai đoạn hiểu ngầm. Đọc bản đồ, tìm điểm đứng, chấm tọa độ, chúng tôi liên tục thực tập. Với những chuyến đi xa trường, tôi bắt gặp cây trái miền Nam, bắt gặp cả những con đĩa mập tròn bởi chính máu của mình. Làm sao nhớ được những địa danh đã đi qua, gọi lên một tiếng cho thêm ấm câu vẫn vẫn còn nhiều lũng củng, hời hợt, mơ hồ. Những trận đánh giả vẫn như là cuộc chơi nằm ngoài mọi binh pháp đã có trên đời. Chiến thuật loanh quanh trong lý thuyết. “*Địch tiến ta lùi, địch lùi ta tiến, địch lừng khờng ta bổi rổi*” Chợt thấy ngay trước mặt ông đại úy Đức già đầy uy dũng, khí khái nên chậm vinh thăng. Những đôi bãi trực thuộc quyền sử dụng của nhà trường đã trở nên thân quen với khóa sinh. Tôi đã có những giây phút tịnh tâm để viết một vài bài thơ tại bãi Vườn Thom. Tôi đã dâng hoàng cầm súng đóng vai người lính gác tại bãi Nhà Sập đề...chụp ảnh gửi về cho cô em đệ tứ Tây Hồ. Tôi đã có đủ thời gian trên đồi 18, gần xa lộ Biên Hòa, để nằm nhìn trời, ngó mây trôi, suy ngẫm về những lời Đức Khổng Tử dạy trong Hề Tù Hạ:

*Nguy giả an kỳ vĩ giả dã  
Vọng giả bảo kỳ tôn giả dã  
Loạn giả hữu kỳ trị giả dã  
Tri cố quân tử an nhi bất vọng nguy  
Tôn nhi bất vong vong  
Tri nhi bất vong loạn  
Thị dĩ nhân an nhi quốc gia khả bảo giả dã*

*Nguy từ điểm tựa bình tâm  
mất từ cái có trong tầm tay ta  
loạn vì lối cũ trị gia  
yên vui hãy nghĩ bóng ma chồn vờn  
xuôi tay nhắm mắt mắt còn  
vui thời thịnh trị lo xong suy tàn  
yên tâm giữ nước, ngại vàng  
(LH dịch mò)*

Lời dạy quý báu này được cô đọng trong bốn chữ “Cư An Tư Ngụy” mà Đại tá Lam Sơn Phan Đình Thứ, một cựu chỉ huy trưởng, năm 1962 đã đề nghị ghi lên phù hiệu của quân trường Bộ Binh Thủ Đức. Ngọn lửa nhiệt huyết, thanh kiếm cương trường trên nền xanh thanh khiết, càng lấp lánh khi bên cạnh có thêm một triết lý sống “muốn hoà bình hãy lo chiến tranh” của Đức Khổng Phu Tử.

Học ở đời, ở bãi còn có cái thú rất đáng được phạt dã chiến. Tôi nghiệm thấy rằng những giờ học tại phòng thường gây ngủ gục nhiều hơn học ngoài bãi. Nhưng ngủ gục ở ngoài bãi thú vị và chậm bị phát hiện hơn. Là một người ít ngủ, nhưng tôi cũng có một đôi lần gật gù, tán đầu vào lưng người ngồi hàng trước.

Giờ cơm ở ngoài đời, bãi cũng thoải mái hơn giây phút ăn “cơm nhà bàn”. Với những ưu đãi trên, chúng tôi dễ dàng tiêu hóa những phương cách chỉ huy một trung đội, sẵn sàng chờ đợi ngày ra trường. Tuy vậy trong thời chuẩn bị trưởng thành này chúng tôi cũng không quên, không thể quên bổn phận và trách nhiệm lau giày, chùi súng.

Tôi mang giày số 5. Thay đôi giày da, có đóng hai con đĩa sắt sau gót, đôi *botte de saut* quả đã làm nặng bước chân rất nhiều. Nhưng nó đã trở nên một người bạn rất thân thiết của tôi. Chăm sóc nó đã trở nên một công việc hằng ngày. Lơ đễnh một chút, nó tặng ngay cho những buồn bực. Tôi không nhớ, và hình như cũng chưa chú ý, những đôi *botte de saut* của quân lực Việt Nam Cộng Hoà được sản xuất từ đâu. Nhưng biết chắc một điều, loại da giày này rất tốt. Để tránh những cái hít đất, nhảy xỏm bắt ngờ, tôi luôn luôn cho đôi giày của mình hưởng một chế độ săn sóc ưu tiên. Sạch sẽ chưa đủ, phải bóng láng ngon lành mới chắc

ăn. Giày đứng trong tủ, lâu lâu tôi ngó chừng, lỡ hạt bụi nào rấn mắt bay qua thì mệt. Giày đang ở dưới chân, đi qua vài chặng, tôi dòm chừng. Có chút gì phải lòng theo gót, tức thì tôi dừng lại, cúi xuống xử lý kịp thời, liếc qua liếc lại, ok mới tiếp tục lên đường. Và dĩ nhiên tôi không quên câu lời dạy vàng ngọc “Súng Là Vợ, Đạn Là Con”, nên rất tận tình với khẩu *garant M1* nặng chình chịch của mình. Săn sóc, bảo vệ lâu ngày trở thành một cái ghiền rất nghệ thuật. Chùi súng, không phải chỉ làm sạch nhan sắc bên ngoài mà phải bảo trì cả hệ thống điều hành bên trong từ



ơ bám đến những đường khương tuyến. Làm sạch nòng súng thường được gọi là “thông nòng”. Trong mọi động tác của việc chùi súng, tôi thích nhất là thông nòng. Xin các bạn đừng hiểu lầm việc thông nòng khi về Sài Gòn, dĩ nhiên cũng thích thú không kém. Là sinh viên sĩ quan, dù trừ bị Thủ Đức hay hiện dịch Đà Lạt, tôi nghĩ việc chùi súng, đánh giày, nhỏ cỏ là chuyện đương nhiên, không nên quá chua chát như người bạn thơ Thái Luân của tôi:

*Học máy bay đổ bộ  
học bắn phá núi rừng  
học đánh giày, nhổ cỏ  
làm tên lính Việt Nam...*  
(thơ Thái Luân)

Tự biết mình khó hoàn thành tốt những hình phạt, nên tôi luôn luôn cố gắng giữ đúng nội qui, kỷ luật của nhà trường. “Nhìn Quân Phục Biết Tư Cách”, “Thao Trường Đổ Mồ Hôi Chiến Trường Bớt Đổ Máu”...không học mà vẫn thuộc lòng. Tôi nghiêm túc, gương mẫu đến như thế này: ra mền trên giường ngủ luôn luôn thẳng ngay vì chẳng mấy khi tôi đắp, ngại mai dậy sẽ phải làm lại. Không đắp, thì chỉ cần vuốt quanh mấy cái là ngon lành như cũ Mũ áo trong tủ luôn luôn chỉnh tề. Đầu dây biểu chương, bút nịt bóng lấp lánh. Nhỏ nhẹ, tế nhị với đồng đội, tôi an phận làm một anh lính cù lằn thứ thiệt. Cái ghiền làm thơ, viết lãng nhãng của tôi cũng được giữ kín đáo, nếu không có ông đàn anh khóa 23, Mê Kung (nhà thơ Phan Nhự Thức sau này), liên tục đến ve vãn. Xin thành thật cảm ơn người này. Nhờ bạn, bây giờ tôi mới có vốn, viết thêm một đoạn nữa về quân trường của chúng ta. Tôi xin được nói đến tờ Bộ Binh và những bằng hữu “Huỳnh Đệ Chi Binh” của tôi.

Nguyệt san Bộ Binh, trong mục đích khiêm nhường, có lẽ chỉ nhằm phổ biến những thông tin quân sự, truyền đạt những nội qui, thông cáo có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến cơ sở giáo dục quân sự này. Nhưng nhờ vào nhiệt tâm, sự sáng suốt của những người có trách nhiệm, chăm sóc đi trước, đã biến tờ Bộ Binh thành một tạp chí không thiếu bóng dáng văn học nghệ thuật.

Giai đoạn tôi được đến với Bộ Binh, những người nặng lòng, nặng trách nhiệm với tờ báo có thể kể: (xin lỗi tôi không thể nhớ đầy đủ họ tên) đại úy Mục, đại úy Phán, trung úy Ý Yên, Thiếu úy Liễu (họa sĩ Trịnh Cung) và một số sinh viên khóa đàn anh như Mê Kung, Hồ Minh Dũng...Đồng khóa tôi, hết lòng với nguyệt san, xin điếm danh, không theo thứ tự ưu tiên nào:



Sinh viên sĩ quan (SVSQ) Cao Đình Vưu, tốt nghiệp Đại học Sư Phạm, giáo chức, đã và đang thành danh nhà thơ qua các tạp chí văn học tại Sài Gòn, dưới bút hiệu Cao Thoại Châu. Cao Đình Vưu không đến quân trường Thủ Đức để “Mời Em Uống Rượu”, anh đến đây để trở thành một chuẩn úy Địa Phương Quân sau này. Vưu hiện sống tại Sài Gòn.

SVSQ Trần Bích Lan, nhìn bề ngoài, anh là một người lính lè phè, có đến vài tuần mặc đồ thường dân trong quân trường vì quân phục chưa sửa kịp cho thích nghi với cái bụng tầm cỡ của anh. Nhà thơ “Áo Lụa Hà Đông” Nguyên Sa này đến Thủ Đức để khám phá sức nặng của một khẩu *Garant M1*, Sức nặng đó chính là xương máu, tâm lòng cùng sự hy sinh cao quý của những người lính bảo vệ quê hương mà lâu nay anh chưa được biết đến. Những “Tuổi 13”. “Paris Có Gì Đẹp Không Em”...tuyệt hảo, nhưng “Xin Lỗi Về Những Lỗi Lầm Dĩ Vãng”. “Bây Giờ”...đâu có thua sút, nếu không muốn nói thắm đượm tình người một cách chân thật.

SVSQ Trần Quý Sách, với một cơ thể khiêm nhường da thịt nhưng sức làm việc của anh thật đáng nể. Tên đã đẹp, bút hiệu không kém: Trần Hoài Thư. Anh đã thành danh qua các tác phẩm “Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang”. “Những Vì Sao Vĩnh



Biệt"...tiếp tục đến với Bộ Binh bằng những trang “Nhật Ký Quân Trường”, tiếp nối Mê Kung Nguyễn Văn Minh. Trần Quý Sách là người thủy chung với quân đội Việt Nam Cộng Hòa, nói chung, với Bộ Binh Thủ Đức, nói riêng. Anh đã có một tác phẩm viết về ngôi trường mẹ của anh: “Thủ Đức Gọi Ta Về”.

SVSQ Phạm Văn Bình, người tầm thước, có màu da ăn nắng, anh là một người làm thơ kín đáo, nhưng đã có một bài thơ đề đời qua tài phổ nhạc của nhạc sĩ Phạm Duy, ca khúc “Chuyện Tình Buồn”. Ra trường Phạm Văn Bình phục vụ trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến. Hiện nay anh ở Hoa Kỳ.

SVSQ Phạm Hoàng, họa sĩ chuyên về tranh lụa, anh đã đóng góp phần trang điểm cho khuôn mặt Bộ Binh thêm đậm đà hương sắc. Hiện nay Phạm Hoàng định cư tại Hoa Kỳ, vẫn tiếp tục sinh hoạt hội họa.

SVSQ Lưu Trung Khảo, một nhà mô phạm, bạn thân với nhà thơ Nguyễn Sa, nhưng vóc dáng đối chọi hoàn toàn. Vào quân trường anh không quên mang theo cái tác phong “ông thầy”. Cùng với SVSQ Trịnh Kim Đồng, anh giúp tờ Bộ Binh nặng thêm tính chất văn học qua những bài biên khảo. Hiện nay, Lưu Trung Khảo ở Hoa Kỳ, thỉnh thoảng qua hộp thư *hotmail*, tôi thấy anh góp bài tranh luận nhiều vấn đề cộng đồng, trong một số diễn đàn (tôi không tham gia vào những diễn đàn này).

SVSQ Trần Sơn Hà, trắng trẻo, mập mạp, cũng là bạn chơi với nhà thơ Nguyễn Sa. Nghe nói anh là một luật sư, rất tiếc tôi chưa có dịp trò chuyện với anh. Nghe nhà văn Song Thao nói, hiện nay anh ở Hoa Kỳ.

SVSQ Trần Văn Dưỡng, người miềm Trung, cao ráo vui vẻ, bút hiệu hiện nay của anh là Vương Trùng Dương, trong năm 2004 anh cho phát hành tác phẩm: “Ngẫm Chuyện Nhân Sinh” tại Hoa Kỳ.

SVQQ Nguyễn Thanh Ngân, dân trường tây ở Tourane, bạn thân của nhà phê bình Đặng Tiến, anh mang “Con Rùa Chậm Tiến” (danh từ này có từ huy hiệu của binh chủng Địa Phương Quân, không có tính cách châm biếm, tôi nhắc lại như một kỷ niệm trong quân ngũ, vì đây cũng là một cụm từ rất quen

thuộc trong đám huynh đệ chi binh chúng ta) trên tay áo sau khi rời trường.

SVSQ Lâm Chương, nhà văn lỗi lạc hiện nay tại hải ngoại, có lẽ chưa được dịp “Đi Giữa Bầy Thú Dữ”, nên lúc bấy giờ anh chuyên về làm thơ và...uống rượu. Không rõ nhuận bút của Bộ Binh trả cho anh bằng những ngày đi phép cuối tuần có giúp anh tìm được một bóng hồng nào không? (SVSQ Thủ Đức 2 tuần mới được ra phép một lần vào cuối tuần).

Sẽ không được thành thật nếu không nói một chút cái tôi, nhưng để trung thực, xin được trích dẫn một đoạn viết của anh Lâm Chương:

“...Năm 1966, lần đầu tiên tôi gặp Luân Hoán trong quân trường Thủ Đức. Cao Thoại Châu giới thiệu một anh chàng rụt rè như con gái, bảo đấy là nhà thơ Luân Hoán. Tôi hơi ngỡ ngàng trước một Luân Hoán hoàn toàn khác với tưởng tượng của tôi. Thời gian đã xa lắm rồi, tôi không nhớ chúng tôi đã nói những gì trong lần gặp đó. Vài lần sau, tôi đến chơi với một người bạn cùng đại đội với Luân Hoán. Thấy tôi, anh mỉm cười thay thế một lời chào. Chỉ vậy thôi. Không quán quít ba hoa chích choè. Cuối tuần, anh em văn nghệ hay lên phòng chiến tranh chính trị họp bàn về tờ Nguyệt san Bộ Binh Thủ Đức. Luân Hoán ít khi xuất hiện ở đây. Tôi ham vui, cũng lém phếng tới chơi nhưng không biết nói gì, nên ra đứng ngoài hiên hút thuốc. Có lẽ thấy cái mặt tếu của tôi phù hợp với giọng thơ Luân Hoán nên có người làm tướng. Nhà thơ Nguyễn Sa theo ra ngoài vỗ vai tôi (một cử chỉ thân mật của bậc đàn anh ưu ái dành cho bọn đàn em) và hỏi, cậu là Luân Hoán đấy à? Thơ cậu có sắc thái đặc biệt lắm đấy. Người ta chỉ biết danh Luân Hoán, không ai biết đến tên tôi. Trong một lúc bốc đồng, tôi cũng muốn mạo nhận mình là Luân Hoán cho thiên hạ nể. Nhưng ở quân trường tôi lui qua lại hoài, có ngày cũng bị lật tẩy thì còn có nước độn thổ. Tôi đành nói thật, tôi không phải Luân Hoán. Tôi là Lâm Chương. Nghe tên tôi, Nguyễn Sa tỏ vẻ thất vọng nói, à...thế à? Rồi mỉm cười bỏ đi. À...thế à là thế nào? Rõ ràng là nói cho có nói vậy thôi, chứ không muốn bắt chuyện. Tôi đứng hệt hững và...buồn 5 phút. Cái danh lợi hại thật. Người ta có cảm tình hay

*không cũng vì cái danh. Vô danh mà muốn chơi trội, khó lắm.  
Mạo nhận lại càng nguy hiểm..”.*  
(Lâm Chương, trong “Luân Hoán Một Đời Thơ”).

Bên cạnh những người bạn sinh văn chương trên, tôi còn có rất nhiều bằng hữu. Tiện đây, xin phép cho tôi lược nhắc đến một số đồng đội một thời:

Nguyễn Văn Bé, giáo chức, người miền Nam, hiền lành, là người có tuổi lớn nhất trong chúng tôi. Võ Ngọc Bé, người miền Nam, anh thuộc nhóm *volontaire*, cao lớn như người Mỹ, nghe nói sau này anh vinh thăng đến Trung tá. Nguyễn Tấn Đỡm, người miền Nam, hơi lâm li. Nguyễn Anh, người miền Nam, trắng trẻo như công tử bột. Nguyễn Văn Được, người miền Trung, rất *malin*, có nhiều lần uống café cùng tôi ở câu lạc bộ Thanh Hoa trong trường. Nguyễn Văn Diên, “dân” Phan Châu Trinh Đà Nẵng, thuộc nhóm *volontaire*, vui vẻ, nhanh nhẹn đã cùng tôi và Mai Xuân Châu bắt phở Sài Gòn trong nhiều lần ra phép. Trần Mỹ Lộc, người miền Trung, cao lớn, đẹp trai, từ chối không chuyển qua Không Quân ở đầu giai đoạn 2, là một trong những người tử trận sớm nhất của khóa 24. Trương Hưng Hiểu, người miền Nam, loắt choắt, có khuôn mặt ngộ nghĩnh như danh hề Tùng Lâm và biệt tài gây cười chưa chắc thua danh hề này. Mai Xuân Châu, người Huế, nằm ngay phía dưới tôi, tốt bụng, vui tính, từng theo tôi về Sài Gòn trong các dịp đi phép. Nguyễn Văn An, người miền Nam, giáo chức, rất hòa nhã. Nguyễn Minh Châu, người miền Nam, rất yêu đời, chuyên viên nghe *radio* loại bỏ túi. Lê Văn Chi, người miền Trung, chăm chỉ, sợ kỷ luật, thuộc loại cù lằn như tôi. Nguyễn Đường, người miền Trung, cao và gầy, hơi vụng về, lóng cồng trong những lần thực tập. Nguyễn Văn Pháp, người Đà Nẵng, giáo sư trung học và là người dạy kèm cho các đứa con của “khúc ruột dư” trung tướng Hoàng Xuân Lãm. Ra trường anh làm sĩ quan liên lạc Việt Mỹ. Ông thầy Pháp này hiện vẫn ở Việt Nam. Châu Văn Tùng, người bạn chí thân của tôi. Anh đã trở chuyên bay C130 ngày nào, đành phải vào trung tâm huấn luyện Quang Trung 3 tháng, trước khi chuyển đến trường Bộ Binh, học tiếp giai đoạn hai. Tùng phục vụ tại sư đoàn 2 BB rồi sư đoàn 3 BB trước khi giải ngũ có lãnh chiến thương bội tinh. Hiện anh vẫn ở Đà Nẵng. Huỳnh Châu, hồn danh Tê Tê Quách, người gốc Bình Định, ty nạn tại Portland

OR, Hoa Kỳ năm 1992 có gọi thăm tôi, và không quên nhắc tiếng kêu của con chim “bắt cô trói cột” rất nhiều ở vùng quê anh. Nguyễn Minh Huân, định cư tại Philadelphia Hoa Kỳ, năm 1998 bất ngờ gửi tặng tôi tấm ảnh của chính tôi mặc quân phục đại lễ, mà anh cất giữ sau 32 năm...

Bằng hữu trong thời ở Khu Buu Chính bốn ngàn, một trăm (KBC 4100) của tôi không chỉ giới hạn những nhân vật vừa nêu trên. Tôi còn hàng trăm chiến hữu khác. Tất cả những người cùng trung đội, cùng đại đội, cùng tiểu đoàn, cùng liên đoàn, tóm lại cùng khóa đều là anh em của tôi. Lời nói này có vẻ khoác lác, làm dáng, nhưng giải thích thế nào về nỗi nhói lòng của tôi, khi được tin một bạn đồng khóa tử trận. Đã từ lâu tôi ao ước có trong tay một bản danh sách Sinh viên Thủ Đức khóa 24 với đầy đủ những thông tin, ai còn ai mất, ai tàn phế ra sao, dù chẳng biết để làm gì. Xin thân ái gửi lời chúc sức khỏe đến tất cả các đồng đội của tôi, những ông chuẩn úy trong năm 1967. Tôi tin vẫn còn hiện diện rất nhiều trên trái đất này. Không quên thăm gia đình các bạn.

Khóa 23 của Mê Kung Nguyễn Văn Minh ra trường. Trước khi từ giã trường mẹ, Mê Kung và các bạn trong ban biên tập tờ Bộ Binh, tổ chức một đêm uống chia tay dưới khu gia binh Thiết Giáp. Tôi có mặt trong đêm hôm đó, và là người đại diện khóa 24 tiếp chiêu rất ra trò với khóa đàn anh. Từ lượng tôi không cao, không phải là tay nhậu thứ thiệt như Lâm Chương, nhưng khi nóng máy cũng rất hết mình. Đêm đó đối thủ của tôi gục ngay tại bàn, một điều “khó tin nhưng có thật”. Tôi cũng không hiểu tại sao mình còn đủ bình tĩnh và hơi sức mò về tới phòng, leo lên được giường ngủ. Nhưng chỉ vài phút sau, tôi nghiêng đầu xuống chỗ nằm của Mai Xuân Châu và không cưỡng được nôn mửa. Gần nửa trung đội bị đánh thức. Nhiều bạn nhiệt tình chăm sóc cho tôi, tôi nhất là Mai Xuân Châu. Mặc dù say, tôi vẫn tỉnh táo, nhắc nhở Châu làm vệ sinh cẩn thận. Tôi hoàn toàn vô sự sáng hôm sau dù trong miệng còn nặng mùi rệp chết, hương vị của rượu *Rhin* sau khi đã uống quá sức mình.

Khóa 23 đi, chúng tôi trở thành khóa đàn anh. Chương trình học có vẻ nhiều hơn nhưng xem chừng thông dong ra. Ngoài giờ học chúng tôi hưởng được những “giờ tùy quyền”

đúng nghĩa. Tôi bắt đầu viết thư tình giúp cho một số bạn vừa bắt được “bò lạc”. Nội dung những lá thư ong bướm như vậy thường được tôi thi vị hóa cảnh quân trường, bãi tập, lồng vào những chút dáng dấp “suy tư thời đại” cùng những sở thích “hợp thời trang” bấy giờ:

*Mê nhạc của họ Trịnh  
thích tiểu thuyết hiện sinh  
thương cuộc đời lính chiến  
thích giọng Mai Lệ Huyền  
có khuynh hướng phản chiến  
thích thơ Thanh Tâm Huyền...*  
(Trôi Sông)

Không hiểu những bức thư chẳng giống ai đó có kết quả thế nào, mà “khách hàng” của tôi tăng thêm, khiến tôi phải đặt điều kiện: chùi súng giùm tôi đó nghe ! Đi lấy bánh mì sáng cho trung đội nhằm phiên tôi được không ? Thậm chí có bạn còn hứa bao luôn hai giờ gác đêm cho nữa. Viết thư tình giúp bạn nhưng riêng tôi không lượm được con “bò lạc” nào. Vài ba lần trên đường Lê Lợi, trên đường Lê Văn Duyệt, Phan Thanh Giản, Hai Bà Trưng...tôi giật mình nghe gọi đích danh mình. Ngó lại vài ba bóng hồng cụm đầu vào nhau khúc khích. Hóa ra bảng tên trên túi áo, làm mình bâng khuâng. Thật ra những lần về phép như vậy tôi cũng thường được chuyện trò với vài bông hoa mượt mà trong quan hệ bà con bên vợ xa xa. Và cũng đôi phen nhúng mình vào ít giờ bay bướm ở đâu đó, nhất là những lúc ngao du cùng Châu Văn Tùng

*Cuối tuần được về phép  
trước nhà thờ Đức Bà  
gởi bao lời xưng tội  
qua bước em thiết tha*  
*đi quanh trường Trưng Vương  
quyết chọn một người thương  
ngang dọc lòng chấm điểm  
thôi đành, chọn cả trường*  
(Cảm ơn đất đá trở thơ...)

Đễ tính và lãng mạn đến như vậy, nhưng tôi vẫn chỉ viết thư tình cho thiên hạ. Nhiều lúc bực mình, tự phụ:

*Lần nào ta soi gương  
cũng thấy mình dễ thương  
tại sao em không thấy  
chẳng lẽ em bất thường*  
(CỐ ĐĐT)

Mà gái Sài Gòn trong thập niên 60 hình như bất thường thật !

Một kỷ niệm vui khác đáng nhắc ở quân trường rơi vào giờ tắm rửa. Những hồ chứa nước ở quân trường được đúc bằng *ciment* theo hình chữ nhật khá lớn. Tuy vậy nguồn nước không nhiều. Vào những giờ đi bãi về, tất cả sinh viên tùy khu vực, ủa



ra làm vệ sinh thân thể. Tắm là việc không thể thiếu. Và chuyện tổng ngồng cũng là điều bình thường của nhiều sinh viên. Tôi vốn hay mắc cỡ, luôn luôn phải có trên mình cái quần đùi-không-cửa-sỏ, màu trắng rất dễ hóa thành giấy gương khi gặp nước. Những buổi tắm như vậy thật là vui. Bạn bè tôi nô đùa tự

nhiên như trẻ thơ. Họ so sánh, họ biểu diễn cái món “*ăn vô cho thẩu bụng nàng, thực bất tri kỳ vị mới biết của chàng là ngon*” (ca dao Quảng Nam). Có lần tôi phải giật mình về anh chàng Trương Hưng Hiếu. Với chiều cao hơn thước năm chút đỉnh, nhưng sao cái “chiếc gậy thần” của anh lẫm liệt quá chừng chừng, vượt hẳn toàn trung đội. Thật đúng như tục ngữ “nhỏ người to con mắt”. Cũng do tắm rửa, có lần tôi suýt choáng lộn với bạn cùng trung đội La Lưu Ý. Anh này vui nhộn cả ngày, gặp ai cũng nghịch được. Lần đó anh bắt ngờ tuột cả cái quần-không-cửa-sỏ của tôi. Phản xạ tự nhiên của tôi được Trần Mỹ Lộc can thiệp kịp thời. Không biết bây giờ La Lưu Ý ở đâu, có bớt mập đi chút nào chưa ?

Ngày tháng quân trường lặng lẽ đi qua. Học phòng rồi học bãi, nhưng thời gian nghỉ ngơi thư giãn vẫn không thiếu. Nhờ đó tôi thường ra vào các câu lạc bộ sinh viên. Trong một lần uống cà phê với Châu Văn Tùng, tôi đọc được hai câu thơ rất cảm động, kẻ bằng chữ in lớn trên tường câu lạc bộ:

*Một con ngựa trắng về trời  
Hai hàng quân đứng ngậm ngùi tiễn đưa*  
(không rõ tác giả)

Tác giả hai câu này có lẽ là một khóa sinh thuộc một trong những khóa đàn anh của tôi. Tôi đọc bằng mắt, tôi đọc bằng cả tấm lòng. Cảm thấy thật gần gũi với người viết. Và không quên vợ vẫn nghĩ lung tung. Trong khuôn viên một quân trường sĩ quan có tâm cỡ của Đông Nam Á, lại có một câu nào lòng đến như vậy nhơn nhơn trước những suy ngẫm của mọi người. Lại. Nhưng không lạ. Bởi Tự do được thể hiện ngay trong cách suy nghĩ, cách bày tỏ xúc cảm. Không có chuyện kiểm duyệt, cấm đoán vì sợ làm nhục chí khí binh sĩ. Tự do vẫn là không khí đang nuôi dưỡng chúng tôi.

Sau những giờ học, tôi dành thời gian đi dạo nhiều hơn. Những hàng cây trên các ngã đường trong quân trường dường như cũng thân mật, đậm đà với tôi. Tôi nghe được gió thầm thì, cả tiếng chim hót. Sự chuyển mình nhẹ nhàng của dòng mây trên trời cao thoáng chạm vào lòng tôi. Tôi chợt phát hiện nơi đây thật là đẹp, thật đáng lưu luyến. Chính những lúc này tôi mới nhìn rõ mặt công số 1, mặc dù tôi có lần đã cùng cây *garant*

đứng gác cổng. Khu tiếp tân mà giai đoạn một tôi thường đi tìm một con bò lạc cuối tuần hơn là chờ đón một thân nhân, giờ đây như nhỏ lại, ấm hơn. Chợ Nhỏ Tăng Nhơn Phú ngoài kia không thiếu những đôi mắt biết cười, biết nhớ nhưng, đang đợi chờ đâu đó.

Khóa 25 nhập học, chúng tôi, hay ít nhất riêng tôi, không thực thi quyền hạn làm anh bao giờ. Tôi có người bạn thơ đi khóa này. Anh Thành Tôn, một kẻ từng Thấp Tinh, từng Thuyết Giáo cho tình người, tình quê hương. Tôi nghe nói còn nhiều khuôn mặt sinh hoạt văn học nghệ thuật khác nữa, nhưng tôi không đi tìm, không làm quen. Bản tính tôi kém xã giao. Sự kín đáo, nhỏ nhẹ của tôi có thể là cái duyên để tôi tránh được những hình phạt xảy đến cho mình bất cứ lúc nào, từ thiếu úy Mến, thiếu úy Hoàng, thiếu úy Tốt...những vị sĩ quan hướng dẫn đại đội 5 của tôi. Suốt 9 tháng tại quân trường ngoài những lần bị phạt tập thể cả trung đội, cá nhân tôi chưa hề hít đất, nhảy xôm hay một hình phạt nào khác. Tôi không có cơ hội vào 301, nơi an dưỡng của các anh chàng có chút máu ba gai. Nhận xét thật thà, ở giai đoạn 2, tôi khá lè phè. Không ít lần tôi nại cơ công việc báo chí để tránh những công tác của đại đội “lặn” đi lang thang.

Năm ba lần, trung tá Soạn, anh của Lý, chở tôi đi phép trở về trại, vài lần chú em họ tôi, đại úy Tham tạt qua thăm, có lẽ cũng giúp tôi tạo được ít nhiều ấn tượng tốt trong những đánh giá. Sự thương quý của các đại úy Mục, đại úy Phán ở Khôi Chiến Tranh Chính Trị, có lẽ đã giúp tôi có thứ vị, phải nói là rất cao trong danh sách ra trường, mà đúng khả năng tôi không đạt tới.



Tôi chọn về sư đoàn 2 Bộ Binh vì giữ đúng lời hẹn cùng một số bằng hữu. Lẽ ra tôi có chỗ tốt hơn, nếu xem tên những đơn vị ghi sẵn còn bỏ trống trên bảng. Thiếu úy Mến, người đưa đại đội đi chọn đơn vị hôm ấy, đã ngạc nhiên sau bàn tay ghi tên của tôi. Nói cho ngay, biết chỗ nào là tốt, chỗ nào là xấu. “*Ra khỏi nơi này sẽ gặp nghĩa trang*”. Đã bị quan một cách quá đáng như vậy còn ngại gì một địa danh gần với quê nhà ?



Chờ đợi từng ngày cuối cùng cái giờ phút từ già quân trường cũng đã đến. Tôi rời vị trí chọn đơn vị với tâm trạng ngổn ngang. Tiếc hối không nhiều, nhưng buồn quá đỗi. Tôi lang thang qua nhiều ngã đường. Tưởng đã khóc được trước Trung Nghĩa Đài. Phân vân sờ tay lên mặt bia, tôi thêm gặp một ai đó xa cách với vợ. Vũ Đình Trường rộng quá, đầu gối của tôi từng quì nơi đây. Gót chân của tôi từng trải lên mặt nhựa này. Trong khoảnh khắc một vài đường phố Sài Gòn chờn vờn trước mắt tôi. Hoá ra tôi từng được đi trong hàng quân điều hành đến đình Độc Lập để mừng ngày tướng Thiệu, Tướng Kỳ gánh trách nhiệm với non sông. Tôi tìm tới đại giảng đường. Căn nhà to lớn sườn sắt mái tôn, lòng trống rỗng. Tôi sờ lên vai mình tìm chiếc ghế ngày nào đã cõng đến đây để ngồi nghe huấn lệnh. Lại đi. Buồn bã quá tôi ngồi xuống bên chân một bức tượng của họa sĩ Lê Thanh, cùng khóa tôi, để lại cho trường. Ngoài Lê Thanh còn tượng của Đỗ Toàn nữa. Những sinh viên khóa 24 thật tài hoa. Tôi tự cảm ơn mình đã được có mặt trong quân trường này một thời gian. Lại nghĩ đến công số 9, nghĩ đến cầu Bến Nọc ngoài kia, nơi một vài đồng đội của Thành Tôn, Vũ Thành An...đã đổ máu. Cũng như mọi người khác, tôi đã bắt lực dù có mặt trong thời khắc đó với khoảng cách chẳng bao xa. Nếu nhanh chân hơn một chút, đại đội của chúng có lẽ đã nhận cái trò chơi không mấy sạch sẽ đó của những người anh em bên kia chiến tuyến.

Tôi vẫn dạo bước, thật sự bịn rịn sẽ phải rời xa nơi này, nơi chín tháng qua tôi từng ngày mong ra khỏi. Nỗi ám ảnh về bài thơ viết cùng Cao Thoại Châu cứ theo bám bên tôi. Tôi quên hẳn Châu Văn Tùng, Nguyễn Văn Pháp, Trần Mỹ Lộc đang chờ. Và cũng không biết trong giờ phút đó Lâm Chương cùng những bạn khác chạy tìm tôi để uống rượu lần sau cùng với quân trường.

Tôi đã ra đi thật rồi. Công số 1 như có đôi mắt, biết nhìn theo, tôi không bước đều theo hành khúc *Đường trường xa muôn vó câu bay đập dồn*...Nhưng nóng cả cơ thể với lời nhắn gửi chân tình...*Cư An Tư Ngụy luôn nhớ đời*...

Trường Bộ Binh Thủ Đức thân yêu của tôi, hậu thân của trường Sĩ Quan Trừ Bị Nam Định, ra đời năm 1951. Qua bao

thăng trầm, biến động của lịch sử, đã thật sự khép lại một trang đời anh dũng với gần 70 khóa, đào tạo hơn 55 ngàn sĩ quan trừ bị cho quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Là cựu sinh viên sĩ quan, đã biết đổ máu cho chính nghĩa, cho tự do, chúng tôi không giấu những tự hào của mình. Chúng tôi vẫn là những người chiến thắng trong cuộc chiến bảo vệ tinh người, bảo vệ nhân phẩm. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn nhà cầm quyền Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đương thời, đã dần dần học được những bài học từ chúng tôi, trước nhất là sự khoan dung và tha thứ. Chúng tôi cũng tin tưởng, chủ nghĩa độc đảng học từ ngoại bang lỗi thời, có ngày biết sinh hoạt bình đẳng với các tổ chức đảng phái khác, với mục đích đem tự do no ấm cho nhân dân.

Bây giờ, đúng 11 giờ 31 phút, thứ năm, 08 tháng 12 năm 2005, Montréal, nắng đẹp. Nhiệt độ bên ngoài phòng tôi 13 độ âm (-13C). Tôi đang có trước mặt một số hình ảnh chụp từ thời ở KBC 4100. Nhìn anh chàng Lê Ngọc Châu mặc đồ đi phép, đầy đủ cà vạt đen, dây biểu chương vàng, *alpha, casquette*...đây thơ ngây thật là thương .



## **Thị Xã Quảng Ngãi Và Tôi 67-69**

Bản doanh sư đoàn 2 Bộ Binh được đặt tại thị xã Quảng Ngãi. Chọn về sư đoàn 2 là chọn về với Quảng Ngãi, xứ của kẹo gương, đường phôi, mạch nha ... Chúng tôi, gồm bốn tân sĩ quan trừ bị khóa 24, Lê Ngọc Châu, Châu Văn Tùng, Nguyễn Văn Pháp, Trần Mỹ Lộc, đến Quảng Ngãi bằng đường hàng không vào đầu tháng 11 năm 1967.

Rời phi cơ, chúng tôi chạm ngay nỗi chán nản. Phi trường Quảng Ngãi quá tiêu điều. Sân bay chỉ có độc nhất một phi đạo, không hơn một đoạn đường nhựa bình thường. Căn nhà dùng làm văn phòng cho chi nhánh Hàng Không Việt Nam bé nhỏ, với một quầy tiếp khách và một buồng vệ sinh. Tổng thể phi trường là một không gian vắng lặng, đìu hiu, hòa mình ăn khớp với cái buồn bã của cả vùng Rừng Lãng lúc bấy giờ.

Hơn một giờ chiều, bốn chúng tôi lên xe car của hãng Hàng Không về thị xã. Chừng hai mươi phút sau chúng tôi tới nơi. Những căn nhà gọn gàng, thơm mát, những sinh hoạt nhộn nhàng, một phần nào đã giúp chúng tôi lấy lại sự an tâm. Chúng tôi lên bốn chiếc xích lô, sau khi đưa địa chỉ nơi chúng tôi sắp cư ngụ cho một người trong đám phu xe. Ngồi trên xích lô, ngắm phố phường, tôi tự hỏi, nơi này mình sẽ ở đến bao giờ ?

Bốn anh phu xe nối đuôi nhau, kéo càn thẳng bên lề một cửa hàng tạp hóa. Nhìn lên bảng hiệu, tôi hơi ngỡ ngàng: Trùng Khánh. Đúng. Nhưng Trùng Khánh nơi chúng tôi nhờ bạn Hà Nguyên Thạch thuê trước, đâu phải là một hiệu buôn. Nhìn kỹ, số nhà 43 Phan Bội Châu, không sai. Thắc mắc ngớ ngẩn của tôi được giải đáp ngay, khi nhìn thấy hai cánh cửa sắt, khép kín lại với nhau, đứng sát bên cửa tạp hóa. Cửa khép, không khóa, chúng tôi tự động kéo cửa vào.

Trùng Khánh, tên một cửa hàng tạp hóa, nhưng cũng là tên của một dãy nhà gồm 6 phòng, dùng để cho thuê. Chẳng biết ai đã phong cho nhà trọ này một chữ “Khu”, để dựng nên Khu

Trùng Khánh, nghe rất bề thế, sang trọng. Thật ra đây chỉ là một dãy phòng nằm liền nhau một hàng dọc. Mặt ngó vào một bức tường, là ranh giới phân biệt với một cao ốc, mang tên Khách sạn Việt Nam. Mỗi phòng của khu Trùng Khánh có diện tích chừng 20 mét vuông (4x5). Mặt tiền có một cửa ra vào và một cửa sổ, đều được đóng bằng gỗ, sơn màu lá cây, liền kín, không thể nhìn vào bên trong. Khoảnh sân cũng là con đường tráng xi măng trước mặt phòng, rộng khoảng 2 mét rưỡi. Con đường này được rẽ trái khi qua hết phòng thứ sáu, để vào buồng tắm và buồng vệ sinh chung. Đặc điểm của khu Trùng Khánh là nằm trong khu vực rất an toàn và trên con đường huyết mạch thứ hai của thị xã Quảng Ngãi, sau đường Quang Trung (cũng là một đoạn của quốc lộ số 1).

Chủ nhân của khu Trùng Khánh là một ông ba Tàu, đã sống với đời chừng 45 năm, hơi khó tính. Ngoài quyền sở hữu cơ ngơi này, ông còn làm chủ một cái bụng khá lớn, luôn được phơi trần và bốn chữ “đéo con bà nó” để mở đầu mọi câu chuyện vui, buồn với bất cứ với ai.

Khi chúng tôi dọn vào phòng thứ hai. Cả dãy nhà đều có người ở. Phòng thứ nhất là một nhà giáo dạy trung học Trần Quốc Tuấn. Phòng thứ ba là chỗ soạn bài giảng, chấm bài tập và thường được đóng kín cửa để tiếp nhân tình của nhà thơ Hà Nguyên Thạch, dạy tại trường Nữ Trung Học. Phòng thứ tư là phòng của thầy giáo Trí của trường Trần Quốc Tuấn, người Đà Nẵng như Hà Nguyên Thạch. Phòng thứ năm là tổ ấm của một anh dạy triết và một chị dạy sử địa cũng tại trường Trần Quốc Tuấn, cặp vợ chồng này người Huế. Phòng thứ sáu cũng điếm đạm một ông nhà giáo độc thân. Như vậy, nơi này tập trung cả đám mô phạm, ngoại trừ phòng hai, chúng tôi mới dọn vào. Hai mươi mét vuông cho 4 tên lính. Ông chủ ba Tàu có lẽ không mấy bằng lòng về sự có mặt của chúng tôi, nhưng không dám than thở.

Không có điện thoại, nhưng không hiểu sao tin chúng tôi đã vào, được báo cho đám bạn bè rất nhanh. Chúng tôi gặp lại Phan Nhự Thức, Lê Văn Nghĩa, Huỳnh Bá Dũng, Đynh Hoàng Sa... Những người bạn mới đến mừng chúng tôi, có Khắc Minh, Trần Thuật Ngữ...



43 PHAN BỘI CHÂU  
QUẢNG NGÃI

Trần Thanh Nghị Khắc Minh Nghiêu Đề  
Hà Nguyễn Thạch Luân Hoán Trì

Một ngạc nhiên đến với chúng tôi vào buổi chiều, khi kéo cánh cửa sắt đi tìm một quán ăn. Rất tinh cò, Trần Mỹ Lộc nhìn xéo qua bên kia đường và bắt gặp bảng hiệu của văn phòng Hàng Không Việt Nam. Hóa ra bốn anh chàng lính mới bị bốn vị xích lô lừa. Món quà đầu tiên của Quảng Ngãi tặng chúng tôi thật nhẹ nhàng. Dù sao chúng tôi cũng đã được một vòng loanh quanh thành phố.

Những quán ăn thơm tất và đông khách nằm không xa khu Trùng Khánh. Đó là Bắc Sơn, Bắc Hải và một số quán khác, tôi quên tên. Cùng dãy phố này còn có hiệu chụp ảnh Lệ Ảnh, tổ ấm của hai cô Sáo và Sê...một trong những điểm ngắm của họa sĩ Nghiêu Đề sau này.

Qua hết những quán ăn, sẽ đến một cửa tiệm bán những đặc sản của tỉnh Quảng Ngãi, nằm trên hai mặt đường Phan Bội Châu và Quang Trung. Hình như đây là một ngã ba. Cây trụ mang tên đường từ thời Pháp thuộc, vẫn phơi mặt nhìn người qua lại. Bề dày của thời gian không đến nỗi vô hình, trong nét

phôi pha sắc màu của cây trụ. Với một ít rác rưởi quần quít dưới chân, năm bảy tiếng vo ve của ruồi nhặng, cây trụ mang tên đường không đến nỗi cô đơn.

Tôi tạm thời tách khỏi Tùng, Lộc và Pháp để theo chân Phan Nhự Thức rẽ trái qua đường Quang Trung, đi về hướng cầu Trà Khúc với mục đích ghé chào thân mẫu Minh (tên thật của Phan Nhự Thức). Cái ổ tình thương của Thức xinh xắn, gọn gàng. Một tầng trệt, một tầng lầu. Người mẹ già hiền từ, bao dung. Vài đứa em gái thùy mị, tươi mơn. Tôi đã từ chối khéo léo trước lời mời làm khách trọ, không phải trả tiền phòng. Quyết phụ lòng của mẹ của em, vì tôi hiểu tôi hơn ai hết. Ngọn rơm tôi dễ bị bắt lửa vô cùng. Cái lãng mạn không có số đơn vị vô cùng ghé lăm. Ngồi ăn bữa cơm bên Hồng, em Thức, tôi xôn xao nhớ Lý. Trời đang vào mùa đông. Gió mang hơi nước từ sông Trà Khúc chạy lạc vào cửa sổ đã là thơ rồi, không cần gì viết nữa. Nhưng em đâu dễ nhận ra. Ánh mắt em chắc sẽ vui hơn, nếu đâu đó trong dòng chữ tôi thoang thoảng hương em thờ.

Thị xã Quảng Ngãi bắt đầu đáng yêu khi tôi từ nhà Phan Nhự Thức trở về khu Trùng Khánh. Những người lính với nón sắt, *botte de saut* cùng vũ khí đầy đủ bên mình, trông linh hoạt đậm đà ra. Những chiếc xe nhà binh nhem nhuốc, nhưng bụi bặm, dưới mắt tôi chợt trở thành nét duyên dáng. Tiếng cười, giọng nói, câu gọi nhau của thị dân thân mật tự bao giờ.

Ngày hôm sau, rồi ngày hôm sau nữa. Thức đưa tôi “đi chào hàng” nhiều nơi. Cái hàng của tôi đây là bệnh làm thơ vô tội vạ. Một thứ “điếc không sợ súng” được thăng hoa bởi tình bạn của Thức, lắm lúc tôi mắc cỡ, hổ ngươi.

Đêm đến thăm anh Phạm Trung Việt, ngồi trong vườn cây, tôi thêm cái nhiệt tình của anh và của Thức. Hai người nói chuyện văn chương, địa lý... hào hứng quên cả đề phòng đàn muỗi tấn công, đột kích. Tôi nghe sa đà chuyện Thiên Ân Niên Hà. Hòn núi như cái ấn trời đóng trên một dòng sông, chỉ cách cầu Trà Khúc một cây số. Tôi thấy rõ mình đang cuốn theo giọng anh Việt để bước lên con đường xoắn tròn như khu ốc, đi đến một nóc đỉnh núi bằng phẳng, có dương liễu xanh, có cây cỏ thụ che chở sáu ngọn tháp thờ vị Tổ Đình. Và tôi đã lượm một hòn đá, chăm chú mài thành mực đỏ, rồi nắn nét viết một bài thơ, câu

nào cũng có chữ yêu...Tôi nghe say sưa chuyện Thiên Bút Phê Vân, mà tưởng như mình đang nắm trong bàn tay cây bút trời và vẽ lên mây những lời tình tự. Tôi cũng chẳng bỏ sót chuyện Cổ Lũy Cô Thôn, chuyện Thạch Bích Tà Dương, chuyện Liên Trì Dục Nguyệt...Anh Phạm Trung Việt càng nói càng say...Cái Xứ Quảng được gọi gọn nhẹ thân thương lâu nay, theo anh là dành để gọi Quảng Ngãi chứ không phải dành cho Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình...Anh quên lững tôi là “dân hay cãi”. Rất may tôi kịp thời tể nhị làm người mất gốc. Anh Phạm Trung Việt, viên công chức ngành truyền thông của Việt Nam Cộng Hòa còn quá tha thiết quá với An Hải Sa Bàn, Văn Phong Túc Võ, Thạch Cơ Điều Tầu...Miệt mài sưu tầm, chất chiu tài liệu để hoàn thành một tác phẩm, dứt khoát đặt tên “Non Nước Xứ Quảng”, ý chừng để khẳng định cho mình bạch danh xưng. Dù Anh Việt có quá bước trong chuyện ngợi ca nơi chôn nhau cắt rún của mình, tôi cũng dễ dàng thông cảm, và quý mến cái chí tình với quê hương của anh. Nên tôi không bày tỏ với anh ý kiến có sẵn trong đầu: theo tôi, khi phải nhắc đến một địa danh nào, chúng ta nên gọi tên của các vùng đất ấy một cách đầy đủ để tránh mọi hiểu lầm, ngộ nhận. “Non Nước Xứ Quảng” của Anh Phạm Trung Việt nhằm mục đích giới thiệu tổng quát, từ lịch sử hình thành, tính chất địa lý, khí hậu đến phong cảnh, đặc sản, con người lẫn văn hóa nghệ thuật của riêng một con đất, bắc giáp Quảng Nam, tây giáp Kontum, nam giáp Bình Định, đông giáp Biển Đông. Thì tại sao phải tiết kiệm một chữ “Ngãi” ? “Non Nước Đất Quảng Ngãi” hay đại khái: “Cây Trái Đất Quảng Nam”, “Rau Cỏ Đất Quảng Trị”...chắc chắn sẽ lịch sự hơn trong việc tỏ ra tôn trọng những vùng đất khác, tôn trọng cả độc giả. Có lẽ tôi lắm cảm chăng ?

Sau anh Phạm Trung Việt, Phan Nhự Thức dẫn tôi khoe với nhà thơ Vũ Hồ ở gần chợ Sông Vệ. Anh Hồ trầm tĩnh, kín đáo. Anh là một nhà thơ chuyên khai thác tình yêu quê hương như anh Vũ Quỳnh Bang, người miền duyên hải bắc Quảng Ngãi. Nhà anh Hồ thoáng mát, có cả giàn bầu hay giàn bí trước sân. Anh thích uống trà thật đậm, thật nóng. Vốn hay vội vã, nôn nóng, nên tôi ưa dùng trà ở độ nhạt và hâm hãm, để ực ngay một hơi. Uống không kịp nhận ra mùi vị, nhưng vẫn nhận ra được chất ngon của trà, nếu người pha, người mang đến cho mình

*bonus* thêm một nụ cười, một ánh mắt. Tôi quen cái lối uống trà như vậy nên không nghiên cứu kỹ nghệ thuật uống trà. Trong bữa ngồi tiếp chuyện với anh Hồ, có lẽ tôi đã phá hỏng cái hứng thú của anh. Lời nhận lỗi muộn màng hôm nay, xin được gửi về anh.

Qua Phan Nhự Thức, tôi còn được gặp nhiều nhân vật tên tuổi khác như Trần Anh Lân (hiện ở Hoa Kỳ, từng làm chủ nhiệm tạp chí Nguồn), Phạm Cung (họa sĩ, hiện ở Sài Gòn), Đào Đức Nhuận (không biết nay ở đâu), Minh Đường (đã qua đời)...người nào cũng hào sảng, hoạt bát không có vẻ gì “hay co” như câu nhận định của người xưa.

Tuy bận rộn giới thiệu tôi cùng quần hùng văn giới Quảng Ngãi, Phan Nhự Thức không quên trình diện tôi với một nhân vật khác giống ngoài giới văn chương, chữ nghĩa. Cô bé hăm mươi mấy ấy, không phải là dân địa phương. Cô nói giọng miền Bắc ngọt ngào. Và vì tôi là người kém ăn, ít nói nên cô tiếp chân các ông anh tôi đã gặp, áp đảo tôi trong những vụn chuyện tâm phào.

Lững thững theo ngày tháng, chúng tôi đã trình diện đơn vị, đã lặn súng hành quân đều đều. Giờ nào tiểu đoàn tạm nghỉ chân ở hậu cứ, tôi lại vù về thành phố. Trần Mỹ Lộc đã tử trận trong lần hành quân đầu tiên. Nguyễn Văn Pháp đã đi làm thông dịch viên cho một đơn vị Hoa Kỳ. Châu Văn Tùng đã về sư đoàn 3 Bộ Binh. Căn phòng tại khu Trùng Khánh của tôi được thay vào nhà văn Vương Thanh, tác giả tập truyện ngắn Khu Rừng Mùa Xuân. Vương Thanh tên thật Trần Hữu Huy, chơi thân với tôi từ thời còn ở Đà Nẵng. Hai đứa thường gửi bài cho Văn Học của Phan Kim Thịnh ở Sài Gòn. Cùng với Vương Thanh, tôi còn có họa sĩ Nghiêu Đề, tác giả tập truyện Ngọn Tóc Trăm Năm, từ Sài Gòn về. Nghiêu Đề ngoài tên khai sinh: Nguyễn Tiếp, anh còn có tên Trai. Sinh quán tại Thu Xà, cách Quảng Ngãi đúng 9 cây số đường trải nhựa. Ngày tôi hành quân đến Thu Xà, nơi này hoang vu, chỉ có cỏ sống với cây trong tình trạng nom nớp chờ pháo kích.

Căn phòng thứ 2 của khu Trùng Khánh như vậy vẫn có đến 3 nhân khẩu. Thật ra tôi và Vương Thanh đi đi về về không nhất định giờ giấc. Dầu vậy, tôi cũng không quên một thói quen



dễ thương được lặp lại mỗi ngày. Vào khoảng 4 giờ chiều hoặc sâu hơn chút đỉnh, không có tiếng còi, nhưng đội ngũ của những người mê văn thơ, trình diện gần đầy đủ trong một phòng nào đó, hoặc ngay trên hành lang hẹp của chung cư. Ngoài những khách trọ của Trùng Khánh, nếu quan sát từ cửa sổ khách sạn Việt Nam, gần như chiều nào cũng gặp được những nhân dạng: Lê Văn Nghĩa, đại úy Thiết giáp, bạn học từ thời đệ ngũ với tôi ở Phan Châu Trinh Đà Nẵng, anh làm thơ dưới bút hiệu Tô Yên. Khắc Minh, anh chàng binh nhì địa phương quân, con của một đại phú gia của thị xã Quảng Ngãi, làm thơ khi đứng cai quản quán sách Quang Trung trước trường Trần Quốc Tuấn. Phan Nhự Thức, thiếu úy Địa phương quân, luôn luôn mang bên mình một cái cặp da nhẹ hều. Trần Thuật Ngữ, thư sinh nhưng không đến trường vì ngại bị bắt quân dịch, làm thơ vững vàng. Anh nhút nhát như con gái. Trần Anh Lan, trung úy Pháo binh, cười và uống nhiều hơn nói. Phạm Cung, làm li, lừng kình như những mâu vẽ lập thể của anh. Logo “con nai” tôi dùng cho nhà xuất bản Thơ, từ tay anh mà ra. Đynh Hoàng Sa, viết truyện, dịch truyện, làm thơ, dạy học đề huề chùng mực. Những buổi tụ họp đông vui như thế, thường thường đề tường trình, thông tin đủ thứ chuyện trên đời. Dĩ nhiên không thiếu rượu, bia. Chúng tôi học đòi cách uống rượu đổ ra thau, mạnh ai nấy múc. Rượu tương đối xịn, thường do quan ba Nghĩa mang tới. Chuyện say sưa cũng có nhưng rất hạn chế và đảm thắm. Duy có một lần tưởng đã nổ súng. Lần đó một anh chàng ở khách sạn Việt Nam cao hứng thế nào, góp chuyện với chúng tôi bằng một tàn thuốc từ trên lầu ném xuống. Cuộc vui bị xúc phạm, dù có thể vô ý, tình cờ. Chúng tôi không bỏ qua. Đồng loạt ủa qua khách sạn Việt Nam, lên lầu. Oái ăm thay, người hung hăng nhất là tôi. Với khẩu *colt 45* có đạn sẵn trong nòng, tôi làm li tiến như đang thanh toán mục tiêu. Rất may, hai anh bạn có mặt trong phòng khách sạn hôm ấy kịp thời khôn khéo vờ ngủ say, nằm im. Con giận của tôi như một quả bong bóng gặp gai đâm, xì xuống mau lẹ. Sự nhũn nhận biết người biết ta đúng lúc, nhiều khi là một vũ khí hữu hiệu để chế ngự đối phương. Nếu chạm phải một đôi thủ sừng sỏ, chắc ngón tay trên cò súng của tôi khó giữ được bình tĩnh, hú hồn. Nghĩa đá một cái vào đít anh chàng nằm trên sàn nhà và chúng tôi...rút quân. Về đến phòng tôi bắt gặp Nghiêu Đề mặt xanh như tàu lá, anh ngồi sát vách phòng. Ú ớ một hồi anh

mới khuyên tôi đừng nên quá võ biên. Triết lý sống của anh rất đơn giản: chén kiêu đừng nên chọi với chén đất, “tránh voi chẳng xấu mặt nào”. Ai là chén kiêu, ai là chén đất ? Anh bạn họa sĩ của tôi đúng là một người lành. Ngoài tài hoa về hội họa và văn thơ, anh còn là tay bông đùa duyên dáng vào bậc nhất trong hàng ngũ văn nghệ sĩ miền Nam. Chuyện đùa chuyện thật với Nghiêu Đề luôn luôn lẫn lộn. Anh dí dỏm lạc quan ngay cả khi tôi ngã ngựa sau này:

*“Mày giỏi lắm, mày chỉ dùng có bàn chân trái mà đá nát được kỷ luật giấy phép, để muôn năm về với vợ con, võ công đó tao muốn học vô cùng...”*  
(trong 1 lá thư của Nghiêu Đề)

Có thể anh nợ gì đó của tôi từ kiếp trước nên chuyển về quê nhà tạm thời tránh việc mặc áo lính, anh gặp phải tôi, hành anh rất vất vả. Những phụ bản, những mẫu bìa, tôi luôn luôn thúc giục, chực chờ, làm phiền. “*Tao sợ mày luôn*” là câu Nghiêu Đề từng lặp lại với tôi nhiều lần.

Một trong những công việc đám bạn ở Trùng Khánh chúng tôi cùng chung tay thực hiện là làm báo. Tờ Trước Mặt, mười sáu trang khổ lớn, giấy báo vàng xin, được khởi xướng và thành hình từ một đêm rượu, có ánh trăng làm chứng. Với sự phân công đàng hoàng: Phan Nhự Thức lo tìm nguồn tài chánh và trở lại nghề ghi “nhật ký” đã bỏ quên từ ngày rời trường bộ binh. Hà Nguyên Thạch giữ phần đọc, chọn và làm thơ. Vương Thanh, Đynh Hoàng Sa có trách nhiệm viết và tìm truyện kiếm luôn dịch thuật. Nghiêu Đề lo tổng quát về hình thức, trình bày, tùy hứng đóng góp thêm thơ và truyện. Luân Hoán, ba phải, nhiều ý kiến, cho giữ mục góp ý chung chung về mọi chuyện mà các bạn đã hình thành. Nghĩa là giữ một công việc không thực hiện cũng không sao. Đại khái như: “báo kỳ này được đấy”, “Nghiêu Đề trình bày trang này tới quá đi chứ” vân vân và vân vân... vô thường, vô phạt. Khắc Minh chủ trì kỹ thuật in ấn...

Những ngày bắt đầu hình thành tờ Trước Mặt, tôi không bận hành quân, nên trốn đột kích, nằm đường để về thị xã tiếp tay cùng các bạn. Từ Trùng Khánh, chúng tôi cùng nhau chạy đến nhà in Đồi Non, rồi chuyển qua nhà in Hoa Sen. Cẩn nhắc mẫu chữ, co chữ, giá cả, số lượng... Những đêm thức trắng để

theo dõi, cố động việc xếp chữ chỉ thật là vui. Các mẫu chữ cái a, b, c...nhỏ xíu nằm trong các ngăn tủ có từng ô nhỏ riêng biệt. Bàn tay người thợ quen nghề thật nhanh nhẹn, chính xác. Mắt liếc đọc bản thảo, tay bốc xếp đều đều. Các anh thỉnh thoảng kêu trời vì nét chữ lí nhí của Hà Nguyên Thạch. Bài lục bát Ga Nhỏ của Khắc Minh, sắp cuối trang, không trang trọng, tôi đề nghị đưa lên đầu trang:

*Còn em với bóng ga buồn  
đèn le lói thấp khói cuộn cuộn bay  
tóc mây phủ xuống vai gầy  
với tay đưa tiễn hồn ray rứt sầu  
còn tôi chừ tiếp niềm đau  
nhớ thương chật cả chuyến tàu vào đêm  
đường rầy hút bóng dài lên  
nổi dài khoảng trống ga em đợi chờ  
tôi còn buồn thấp trong thơ  
đèn pha không đủ cắt bờ hoang vu  
gió thì thâm chuyện riêng tư  
cát ôm bãi vắng sương mù tiếp qua  
con tàu dừng ngủ trong ga  
lộ trình tôi đợi về ga nhỏ chờ  
(thơ Khắc Minh)*

Cái máy in cũ mềm, mệt mỗi dập từng trang xình xịch. Mực nặn trên *rouleau* cán đều, nhưng đôi khi có chỗ đậm chỗ lọt. Đôi khi tôi làm đột xuất một bài thơ con cóc, tả cái chợ trời bán đồ Mỹ, gần nhà in, hoặc cái nhìn tình cờ của một em vợ vẫn nào đó ngó mình, đã tưởng bở, để trám một chỗ trống. Thơ thần của tôi lúc này coi bộ lây nhiễm hơi nhiều mùi thuốc súng, thuốc lá và hương phấn son đứng đường, chẳng ra ngô ra khoai gì cả. Vừa mới Bữa Ăn Trên Sơn Kim, đến Đêm Ba Mươi Trên Đồi Lâm Lộc, tôi lăm le viết Thơ Trên Vách Núi Phú Sơn...chẳng biết để làm gì.

Tôi không nhớ rõ tuổi thọ của Trước Mặt, nhưng chắc chắn không già quá nửa năm. Tờ Trước Mặt phải yên nghỉ bởi vóc dáng khó có chỗ trong tủ sách. Để đáp ứng hình thức hợp thời trang, tờ Tập Hợp được cho ra đời với khổ giấy 17 x 25 cm, rất lịch sự, trí thức. Vẫn với những thành phần cũ, công việc cũ.

Tiếc rằng, tình hình chiến trận leo thang, Tập Hợp không tập hợp được lâu những người ham chơi chữ nghĩa, nghệ thuật.

Những ngày ở khu Trùng Khánh nồng nàn tình bằng hữu như vậy, nhưng không phải lúc nào cũng có dịp nhậu và tán dóc. Có hôm tôi ghé về vào chín, mười giờ sáng, các bạn đã đi dạy, Nghiêu Đề cũng lặn đầu mất tiêu. Tôi chung thêm vào hàng lựu đạn nội hóa tôi sưu tập một trái nữa rồi đi tắm. Lười biếng ra quán, nhân nghe tiếng rao hàng don ngoài đường. Tôi chạy vội ra gọi vào ăn một tô cùng bánh tráng. Don là một món ăn đặc sản của Quảng Ngãi. Đây là một sinh vật sống dưới nước, tương cận với hến nhưng nhỏ xác hơn. Về thẩm mỹ tô don không có gì nghệ thuật nếu không muốn nói thô sơ, quá quê mùa. Về phẩm chất, cái ngọt cái béo khá hài hòa, có lẽ vì đặc điểm này nên món don được người bản xứ ví von:

*con gái còn son  
không bằng tô don Vạn Tượng  
(câu ca Quảng Ngãi)*

Bữa điếm tâm như vậy kể như ôn, tôi ra phố. Quán cà phê Tám Hú là chỗ ngồi tôi ưa thích. Tôi có thể gặp nhiều bạn bè ở đây. Cho dù không gặp ai, ngồi nhìn cái sinh hoạt của thành phố bắt đầu bừng lên sau một đêm co cụm, hồi hộp chờ đợi những rủi ro bất ngờ. Đây có thể lường được những trái đạn pháo kích của các anh giải phóng miền Nam vui chân ghé vào nơi nào. Thị xã Quảng Ngãi vào những năm 1967, 1969 và về sau luôn luôn có đủ hai mặt Quốc Gia và Cộng quân lẫn lộn. Thời khắc an toàn có thể kể từ sáu giờ sáng đến 6 giờ chiều. Một đêm sống với Quảng Ngãi không phải dễ dàng. Sáng bảnh mắt ra mới tin được mình sẽ có thêm một ngày, mà cũng chưa chắc lắm, nếu lạng quạng đi qua đoạn đường Mỏ Cà...

Ngồi trong quán Tám Hú, tôi còn có thể nhìn các em nữ sinh. Xa gia đình đã khá lâu, những lá thư của Lý tí tê nhớ thương, tiếp nối thời kỳ ở quân trường chỉ đủ để ấm lòng. Tôi không thiếu lãng mạn và có chút ít bay bướm, nên nhiều lần cũng toan chồn vờn theo vài tà áo. Cái nguyệt tình cờ của S, tình nhân của Hà Nguyên Thạch, suýt làm tôi nao núng. Nhưng không thể dấn lên chân bạn thân của mình. Tôi bỏ qua. S. không

chỉ có nguyệt, người em gái Sông Vệ còn mang vào hầm cát tôi đóng tạm, khi giữ cầu Sông Vệ, một vài món ăn chơi. Rất may hôm đó tôi đã theo binh sĩ dập diu vào chợ Sông Vệ. S có hai người em gái. T sắc sảo nhưng không hợp nhãn tôi. D là một *lolita* rất dễ thành nàng thơ. Nhưng tôi đã quá ớn lữa tuổi vị thành niên nên bắt chước nhà thơ Hoài Khanh lẩn trốn:

*Ta lẩn trốn vì thấy mình không thể  
mây của trời rồi gió sẽ mang đi*  
(thơ Hoài Khanh)

Nhiều lần ngồi ở cà phê Tám Hú, tôi bắt gặp một thoáng áo trắng thật lả lướt. Bóng hồng ngồi trên *honda dame* từ tốn lướt qua phố, tôi chỉ hưởng được một khoảnh lung lấp lánh nắng. Toàn thị xã Quảng Ngãi, tôi chỉ bắt gặp độc nhất cô bé này, với phương tiện di chuyển còn rất hiện đại. Khoảnh lung rồi cũng trôi qua cho đến một ngày tôi cùng đơn vị về nằm ứng chiến bên bộ chỉ huy sư đoàn 2 Bộ Binh, nơi ngã tư Ba La. Buổi chiều tôi bố trí quân xong, về phố. Từ Ngã tư Ba La về Trung Khánh, không xa mấy. Tôi đi bộ. Đôi chân bộ binh lội đầu không tới. Buổi chiều âm nắng, gió quán quít theo chân tôi. Khi đi ngang bên xe ngựa, tôi gặp một nữ sinh đạp xe đạp ngược chiều. Bên này đường, bên kia đường, tôi liếc qua theo thói quen. Một đôi mắt tuyệt vời, nói theo kiểu Việt Nam ngày nay, còn trên cả tuyệt vời. Đôi mắt cô bé nói với đôi mắt tôi điều gì đó tôi không biết, nhưng hốt hoảng ngó lơ. Khi đã vượt qua được vài mét, đôi mắt tôi bắt tôi quay đầu trở lại, và thật bất ngờ, bốn con mắt lại chạm nhau. Giây phút ngàn vàng đó theo tôi về đến phố rồi chìm quên bên những câu chuyện của bạn bè. Tôi trở lại đơn vị sau hơn một giờ rong chơi.

Ba La nằm ở cửa đông sư đoàn 2 BB, đây là một vị trí an toàn. Dân cư đông đúc. Vườn nhà nào cũng còn cây ăn trái xanh tốt. Mái nhà tôi chọn cho tôi qua đêm nằm rất sát bờ sông Trà Khúc. Tôi tìm gặp hai bánh xe nước còn hoạt động ở đoạn sông này. An, đệ tử của tôi đã xin phép chủ nhà để mắc võng cho tôi ngoài mái hiên. Buổi tối thời lính chiến thường đến sớm và nặng nề. Toan đặt lưng vào võng, thấy trong nhà còn ánh đèn, và giọng học bài, tôi gõ cửa. Cánh cửa không chỉ mở ra, mời tôi một ly nước, mà còn mở lời mời tôi tham dự một cuộc phiêu lưu

tình cảm óng ánh hương thơ. Đôi mắt buổi chiều trên đường gần bên xe ngựa ngõ ngang lấp lánh. Tôi cũng đã ngồi xuống ghế trong thảng thốt vô cùng. Ngọn đèn vàng yếu ngọn không phát hiện hết nổi lóng lánh của tôi. Khoảnh-lung-nắng-trên-xe-honda-dame-lượn-qua-phố cũng đứng chung cùng đôi-mắt-qua-bên-xe- ngựa, trên một cơ thể của cô hoa khôi trường nữ trung học Quảng Ngãi. Thật kỳ diệu. Thanh cửa đông sư đoàn 2, nơi tôi chọn phục vụ thật không lãng phí một bàn chân.

Thị xã Quảng Ngãi, trở nên đẹp hơn, thân mật với tôi hơn, khi cô vợ bé bỗng, dễ thương của tôi thực hiện đúng câu ca dao:

*lấy chồng thì phải theo chồng  
chồng đi hang rắn hang rồng cũng theo*  
(ca dao Việt Nam)

Sau một đêm tạm trú ngoài tiền đồn, tôi đưa Lý về thị xã. Qua giới thiệu của Hà Nguyên Thạch, tôi và Lý đến ở tạm với vợ chồng anh trung úy Phụng, anh ruột của Thạch, một thời gian. Chị Ni, vợ anh Phụng, cô hàng sách quán Ứng Hạ ở Huế ngày nào, rất vui. Nhà anh chị Ni Phụng khá rộng, còn một phòng trống, chỉ có một điều khá bất tiện là con đường Võ Tánh, nơi có tổ ấm của ông Trường ban 4 Trung đoàn 4 không được an ninh lắm. Thịnh thoảng anh Phụng phải ngủ lại đơn vị. Đêm chúng tôi đến ở đầu tiên, anh Phụng không có nhà. Không ngờ nửa đêm hôm ấy có chuyện thật. Các ông anh dân quân du kích về thị xã treo cờ, rải truyền đơn cùng lòng bắt những sĩ quan. Chắc chắn anh Phụng có tên trong danh sách mời trình diện phe giải phóng miền Nam. Thiếu binh tñnh hay nhầm lẫn địa chỉ, những người con lâu ngày về thành phố đã gõ cửa, đập phá căn nhà không có ông lính ngục nào, đối diện ngay bon với nhà anh Phụng. Tôi nằm bẹp xuống nền nhà nhìn qua khe hở của cánh cửa kéo bằng sắt, toát mồ hôi. Bồn mạng tôi quả còn vững, ngay sáng hôm sau, tôi đề nghị vợ chồng Đĩnh Hoàng Sa thuê chung một phòng trọ rộng sau lưng trường Kim Thông. Chị Mỹ vợ Đĩnh Hoàng Sa rất tâm đắc với Lý. Tôi đi đi về về sau những cuộc hành quân. Có Lý tôi dạo phố nhiều hơn. Chợ Quảng Ngãi, bên xe đò chúng tôi đều tham quan.

Còn hai hôm nữa, mọi người sẽ đưng đầu với ngày mừng một. Dynh Hoàng Sa đã theo vợ về nhà bà gia để ăn Tết. Căn phòng chỉ còn Lý và tôi. Nằm trên mặt chiếu hoa còn thom hương cói, sau khi luyện phép điều hòa âm dương mấy bận, Lý đưng tôi dậy viết thư báo tin cho gia đình về quyết định sẽ ở lại Quảng Ngãi, ăn cái tết đầu tiên xa nhà. Thư đưng niềm cẩn thận, chờ sáng mai sẽ ra bến xe, giao cho tài xế xe đò của ba mẹ Lý mang về.

Đêm dịu dàng, bát ngát. Quen với những tiếng đại bác bắn cầm chừng, mệt với những đợt vui, tôi thiếp ngủ. Lạ thay, bên mùi hương da thịt biết nũng nịu của Lý, tôi thấy lẻ loi, một mình bước lững lờ từng bước nhỏ. Mặt đất đầy cỏ hoa. Cỏ hoa lắng yên, chừng như nghe ngóng. Trời trong suốt xanh, bao la vô cùng tận. Tôi đi, chân hững hờ, không một âm vang. Tôi lắng lòng, đặt tay lên ngực trái, không nghe nhịp tim mình. Mắt lướt giữa mênh mông, gặp một dòng sông tịch lặng. Nước run hơn là chảy. Tôi dừng bước, quờ tay sờ quanh tìm kiếm, không mấy may chút gió nào. Trời trong suốt xanh. Dòng nước run chợt ngưng đọng. Tôi sẽ sẽ thả mắt qua bên kia bờ sông. Bát ngát một vùng thanh thoát. Chợt có dáng một bà tiên lộ dân, lộ dân. Tôi ngờ ngợ, rồi vụt nhận ra: mẹ tôi. Làm làm sao đưng, cái dáng thanh thoi, dịu dàng ấy. *Bởi vóc mẹ thom ngát trầm hương,/ nhận ra từ nỗi nhớ thương trong lòng.* Qua vài giây bối rối, tôi gằn như hốt hoảng, đưa cả hai tay về phía trước, vừa chạy vừa gọi: Má, Má...Nhưng cổ họng và miệng lưỡi tôi không tạo đưng âm thanh nào. Tôi chỉ nghe rõ ràng giọng nói dịu dàng, thân thiết:

- Con đi đâu đây ? Đến đây làm chi ?

và không kịp cho tôi trả lời, mẹ tôi âu yếm ra lệnh:

- Con quay về ngay đi, quay về ngay ...

và bà quay lưng. Tôi luống cuống, vội vã, vùng chạy về phía mẹ. Chân vấp phải một cái gì mềm mại. Tôi ngã chúi xuống dòng sông. Giật mình. Thì ra chỉ một giấc mơ. Tôi mở mắt, trán ướt mồ hôi. Lý có tạt ngủ hay trời cao, nên đôi ngực trần mười bảy của em gằn như đang đập lên mặt tôi. Tôi đẩy nhẹ, dịu dàng đánh thức Lý, kể lại giấc mơ.

Trước đây mấy tháng, trong một đêm kích giặc, nằm mê trên cát biển Đức Hải, tôi đã gặp mẹ tôi. Bà cũng kịch liệt xua đuổi tôi như thế. Ngày hành quân hôm sau, tôi lảm cẩm dặn dò binh sĩ thuộc quyền đủ điều. Nhưng rồi chính tôi đập phải một quả mìn “ba râu”. Quả mìn được chôn sát dòng sông. Nước lớn, nước ròng, lâu ngày làm ảm ngòi chuyền nổ. Tôi thoát một lần tan xác và nhớ hoài đôi mắt lạ lùng của mẹ tôi đêm trước đó. Những cái thiếu may mắn của tôi như được hiển linh báo trước.

Cái gì sắp xảy ra nữa đây ? Dự định ở lại Quảng Ngãi ăn Tết được tức khắc hủy bỏ. Không cần phép, không kịp nhắn lại với Tiểu đoàn, tôi đưa Lý về Đà Nẵng bằng chuyến xe đò đầu tiên trong ngày hôm sau, không cần đợi xe của ba mẹ Lý. Tôi trở thành một quân nhân vô kỷ luật.

Ngày tôi một mình trở vào Quảng Ngãi. Tôi ghé khu Trùng Khánh trước, chẳng gặp bạn nào. Tôi qua căn nhà đã thuê cùng vợ chồng Đynh Hoàng Sa. Không chỉ bàng hoàng trước những đồ nát mà còn nhận được một tin buồn không giữ nổi nước mắt. Theo lời người chủ nhà thuật lại, mấy chủ thuê các phòng cạnh chúng tôi đều bị lừa đi và xác họ đã được tìm thấy trong một vạt mía gần ngã năm. Đau đớn hơn Trung úy Huỳnh Bá Dũng, bạn học cũ của tôi, phục vụ tại bộ chỉ huy sư đoàn 2 đã đến đây, đã chạy vào đập cửa phòng tôi lánh nạn, khi anh từ sư đoàn lái xe về đưa gia đình đến nơi an toàn. Anh đã bị bắn chặn trước trường Kim Thông. Anh không ngờ trong phòng tôi đã phục sẵn những khẩu AK. Huỳnh Bá Dũng bị bắn chết ngay trước cửa phòng tôi thuê. Anh bị lột quần phục và cho nằm úp mặt xuống đất. Điều này đã làm cho đồng đội anh không phát hiện sớm thi thể của anh.

Tôi lững thững trèo lên núi Dẹp. Vẫn mũ cầm tay, súng lặn trong quần. Lòng tôi ngổn ngang buồn hơn là lo ngại. Vị tiểu đoàn trưởng, tự dung tử tế lên tiếng chào tôi trước nhưng cái nhìn của ông đầy bất mãn. Ông không lên lớp tôi, nhưng tôi thấy vô cùng khó chịu. Thà lãnh thêm đôi ba ngày phạt có lẽ còn thoải mái hơn. Đại đơn vị của tiểu đoàn không có một tổn thất nào, lại đạt được chiến thắng trong khi thi hành lệnh truy kích thu lượm vũ khí, đây có lẽ cũng là một nguyên nhân giúp tôi được ông tiểu đoàn trưởng của mình thông cảm. Từ việc bắn bỏ



của tướng Toàn khi hành quân, đến việc viết báo linh tinh ở Sài Gòn, tôi nghĩ Đại úy Tiểu đoàn trưởng của tôi đã ớn tôi lắm rồi.

Nằm trong hầm bao cát trên đỉnh đồi núi Dẹp, tôi chợt phát giác trong cái im lặng của mình có ẩm ướt mùi nước mắt. Tôi khóc lặng lẽ trong một hơi thở dài. Tôi thờ cho Dũng, Huỳnh Bá Dũng. Bài thơ Một Người trên Bạc Thềm Tình Tôi, đốt cho hương hồn Dũng, nhưng không quên cầu cứu Lý:

*em hồi em, người yêu anh  
anh có quyền hôn em lúc này  
bởi ngày mai anh trở ra mặt trận  
ở đó, anh không thiếu một thứ gì  
kể cả máu  
chỉ duy có thứ này  
hãy viện trợ cho anh  
đó là giọt lệ em xanh biếc...*  
(Viên đạn cho người yêu đầu)

Sau Mậu Thân, sau cái tết tang thương đọng đời đời trong lịch sử đó, chủ thuê phòng thứ 5 của khu Trùng Khánh được thay đổi. Cặp vợ chồng nhà giáo người Huế về quê ăn Tết đã không trở lại. Xác anh chị nằm đâu đó trong những mồ chôn tập thể tại Huế. Nhà thơ Minh Đường làm việc tại đài phát thanh Quảng Ngãi vào thế chân (Minh Đường cũng đã qua đời). Lý của tôi cũng đã trở vào bên chồng. Lần này, chúng tôi có cơ ngơi ngon lành hơn. Người mẹ bảy mươi mấy mùa xuân của Khắc Minh, thương tình giao cho một căn nhà ngang. Hai vợ chồng chúng tôi tự do lập tổ ấm. Lý thật sự bắt tay vào việc nội trợ, dưới sự chỉ dẫn của chị Tâm, vợ Khắc Minh và chị Mỹ, vợ Đynh Hoàng Sa. Toàn thể khu nhà của gia đình Khắc Minh rộng lớn nằm trong xóm không xa đường lộ bao nhiêu. Tuy vậy tình hình an ninh cũng không được khả quan. Khắc Minh hiếm khi có mặt ở nhà, dù anh chỉ là một binh nhì Địa Phương Quân, một anh lính kiểng thật sự. Tôi vẫn chưa ngán cái vụ xảy ra ở nhà anh chị Phượng. Nhiều lúc không hành quân, tôi nằm đêm với Lý, điều đương nhiên. Và thêm một đêm hú hồn nữa. Không biết lấy tin tình báo từ đâu dám



Nghĩa quân trong xóm nhà Khắc Minh nằm kích với mình định hướng. Trong đêm đó tôi và Lý giật mình vì tiếng nổ quá lớn trước sân nhà. Lo sợ nhưng không biết làm gì hơn là tiếp tục nằm. Dễ ngủ như Lý mà vẫn không dỗ giấc lại được. Còn tôi như con thú cứ lóng ngóng rập rình. Một con thú không chờ bắt mồi mà đợi cách thoát thân. Bình minh đến cái ngõ vào nhà Khắc Minh cây lá xanh tốt vô cùng đẹp, đã trở thành một bãi xác. Có đến ba người quần đen áo đen lặn lựu đạn chày nằm ở đây với những vũng máu khô đặc. Trưa hôm đó Lý xin phép mẹ Khắc Minh từ già Quảng Ngãi về Đà Nẵng vì sợ ma.

Tôi còn ở lại Quảng Ngãi cho đến ngày chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ký cho tôi cái giấy phép về nghỉ có ăn lương do chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cấp dưỡng. Cửa đồng sư đoàn 2 chào tôi trong nước mắt. Tôi thấp thoáng thấy chiếc xe hoa chạy về một ngã tư trong những ngày sắp tới. Vĩnh biệt Quảng Ngãi.



## **Xuân Phổ, Cuộc Hành Quân Đầu Đòi Binh Nghiệp**

*Tưởng nhớ Trần Mỹ Lộc,  
tặng Châu Văn Tùng và Nguyễn Văn Pháp*

Những ngày phép sau khi rời trường Thủ Đức đã nhẹ nhàng đi qua khá lâu. Chúng tôi cũng đã vào đến thị xã Quảng Ngãi từ ba hôm trước. Dẫu dựa hơi một rẻo dù che, hôm nay, chúng tôi cũng nhất quyết xếp lại cái lè phè bỏ túi, để xuất đầu lộ diện tại văn phòng Bộ chỉ huy Trung đoàn 4, thuộc sư đoàn 2 Bộ Binh. Một đơn vị mà mỗi cá nhân chúng tôi đã tự chọn. Một chỗ về đã được sắp đặt trong định mệnh ?

Bộ chỉ huy Trung đoàn 4 nằm cách thị xã Quảng Ngãi khá xa. Phương tiện chủ yếu để đến với cái cửa ngõ vào mặt trận này là xe ngựa. Một loại xe thô sơ, cục mịch, na ná như một cái xe bò, có mái che. Bánh xe thường được trưng dụng bởi những chú ngựa nhỏ con, ăn không chắc đầy bữa. Ngoài xe ngựa, xe lam ba bánh và xe xích lô cũng có lưu hành trên tuyến đường này, nhưng thưa thớt và ít bắt được mỗi hơn.

Sau khi dùng bữa trưa tại quán cơm Bắc Hải, bốn thằng tân Chuẩn úy, với bảng tên to tướng trên túi áo trận: Châu, Tùng, Pháp và Lộc ra đứng nhập nhóm một bên đường Phan Bội Châu, gần Ty Bưu điện. Bốn cậu lính sữa nhưng đã bộn tuổi đời có vẻ lười biếng, đã không chịu dùng phương tiện xe ngựa chậm tiến. Các cậu chưa kịp ghiền nhịp gõ móng lóc cóc, hòa cùng tiếng leng keng của lục lạc, âm áp, reo vui. Các cậu cũng chưa biết dành thời gian ngồi vắt vẻo trên xích lô, để ngắm, bắt những hình ảnh sinh động của nhiều thành phần dân cư xứ kẹo gương, đường phôi. Các cậu cũng chưa biết thềm cái mùi mồ hôi, mùi rau cải, cái tổng hợp hương sắc của thể giới lao động, gói lại trong lòng một chiếc xe lam. Các cậu vẫn là một thứ công tử dòm của thành phố, hí hửng đứng làm những tên hành khát, xin ...quá giang xe nhà binh. Rất may, những anh tài xế quân đội ở

Quảng Ngãi thật dễ thương. Chỉ vài lần đưa ngón tay cái chỉ trời, đã có anh thắng xe ngay giữa mặt lộ. Những nụ cười vô âm thường được thay những tiếng cảm ơn. Đây là những thói quen kỳ diệu, làm sáng lên bốn chữ: Huynh Đệ Chi Binh .

Trên toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam, Quảng Ngãi là một tỉnh có nhiều cơ cấu của cộng sản Bắc Việt gài lại để quấy phá, khủng bố. Có lẽ do ảnh hưởng của sự bất ổn thường trực, thành phố nhỏ của tỉnh này gần như đồng phục trong màu xanh ô liu. Bộ chỉ huy sư đoàn 2 Bộ Binh đồn trú gần ngã tư Ba La, ngay trong thành phố. Tuy không luôn luôn nằm trong tình trạng thiết quân luật, nhưng tất cả quân nhân các cấp đều ở trong tư thế sẵn sàng tác chiến. Ngoài ra, thành phố Quảng Ngãi còn có lực lượng Địa Phương Quân trực thuộc Tòa Hành Chánh tỉnh Quảng Ngãi. Cộng thêm những đội ngũ Nghĩa Quân, Cán bộ Xây Dựng Nông Thôn cũng được trang bị đầy đủ. Mũ sắt, súng đạn kè kè bên mình. Xe nhà binh đủ loại nhộn nhịp lưu thông, giữa đông đảo cư dân từ nông thôn, miền núi tập trung về lánh nạn cộng sản. Thành phố thờ bằng những nhíp tim của cuộc chiến. Khác hẳn với nét mặt phè phỡn của thủ đô Sài Gòn, sự thanh thản của Đà Nẵng, và cái lãng mạn muôn đời của Huế. Thành phố Quảng Ngãi, nằm cách Sài Gòn 838 cây số, cách Hà Nội 883 cây số, lúc bấy giờ là một cái lưng, công trung thực nhất hình ảnh chiến tranh Việt Nam.

Từ chỗ chúng tôi đứng đón xe quá giang, chiếc Dodge nhà binh chờ chúng tôi chạy ngang Tòa Tỉnh, sân vận động, bệnh viện... rồi rẽ phải, vượt qua một trạm gác đường sắt để vào con đường đất, bụi đỏ. Xe chạy giữa ruột hai hàng nhà tôn, qua một khu chợ nhỏ, qua một bãi mía xanh, đến một vạt dừa. Những cây dừa ở đây đa số đều đứng trong tư thế nghiêng nghiêng. Dưới mỗi gốc, gần như đều có một nóc gia binh mái lá, mái tôn tạm bợ. Người tài xế quân xa không nhận thù lao. Và với thói quen, một phản xạ tự nhiên, anh thắng xe ngay trước ngõ vào phi trường Quảng Ngãi. Gọi là phi trường nhưng sân bay này chỉ có một phi đạo độc nhất và một ngôi nhà nhỏ, chỉ có người làm việc trong những giờ có máy bay đến và đi. Hình như mỗi tuần được một lần như vậy.



Công bộ chỉ huy trung đoàn 4 Bộ Binh đã hiện ngay phía trước mặt chúng tôi, bên trái, cách ngõ vào sân bay chừng một trăm năm mươi mét. Một người lính quân phục chỉnh tề không đứng trong vọng gác. Anh thả từng bước chậm rãi như muốn đo bề ngang cái công rộng bao nhiêu. Chiếc nón sắt nặng nề, xoay qua xoay lại theo hướng nhìn của anh. Mũi khẩu *garant M1* anh ôm trên tay hơi chúi đầu ruồi xuống đất. Trời đã lung lũng chiều, ánh nắng còn rực rỡ. Tôi nhìn hàng cây xanh bên kia đường phi đạo, nghe cả tiếng gió thổi nhẹ giữa đất trời, rờn rợn những rình rập. Đâu đó trong hàng cây có những đôi mắt theo dõi, thăm dò. Người lính gác đứng nghiêm chào chúng tôi. Sau khi chúng tôi xuất trình sự vụ lệnh thuyền chuyển, anh nhìn vào doanh trại và chỉ vị trí văn phòng ban Tư Trung đoàn bằng ngón tay trở đen đen.

Chúng tôi đi hàng ngang. Từ ngoài sân tôi đã thấy một viên trung úy, ngồi chống tay trên bàn nhìn ra. Hình như anh hơi nhướng mắt quan sát chúng tôi. Những cái lon chuẩn úy còn quá vàng trên cổ áo chúng tôi chắc đã giúp viên Trung úy nhớ ra điều gì. Ông Trung úy tên là Phụng, Nguyễn Văn Phụng, anh ruột của Nguyễn Văn Đồng, tên thật của nhà thơ Hà Nguyên Thạch, bạn tôi. Có lẽ Đồng và Đĩnh Hoàng Sa cả Lê Văn Nghĩa nữa, đã nói với trung úy Phụng về sự trình diện của chúng tôi hôm nay. Cũng kể như một sự gỡ gắm. Có quen biết chút đỉnh còn hơn không.

Cả bốn chúng tôi thi hành thủ tục trình diện đúng qui cách nhà binh. Gót *botte de saut* đánh cộp một tiếng, thân thẳng, ngực hơi ưỡn về trước, mắt nghiêm nghị nhìn thẳng vào người đối diện, bàn tay phải nắm ngón xếp sát vào nhau, mạnh bạo đưa lên, đầu những ngón tay chạm cuối chân mày mắt phải. Tôi có chút ngượng ngùng khi xưng tên mình. Bài bản trình diện có phần thiếu tiêu chuẩn quân trường. Nhưng điều này đã giúp Trung úy Phụng có cơ hội thực hiện được tính cởi mở của ông.

Trung úy Phượng cho chúng tôi biết, theo nhu cầu bổ sung, cả bốn chúng tôi đều về Tiểu đoàn 1. Trong khi ông làm sự vụ lệnh, điện thoại reo. Sau cuộc điện đàm ngắn, Trung úy Phượng cho biết Nguyễn Văn Pháp tạm thời ở lại trung đoàn. Tôi, Tùng và Lộc sẽ có xe đón ra đơn vị mới ngay. Tôi lúng túng ngồi xuống băng ghế dài. Tùng và Lộc cùng ngồi xuống, hai bên. Pháp áp úng như muốn nói điều gì nhưng rồi quay ngo ra sân. Căn phòng im phăng phắc. Tôi chột nhăm mắt chừng một giây. Một giây vừa đủ giúp tôi qua những chao động, xao xuyên bất ngờ. Đã biết trước, đã tự nguyện vẫn không tránh khỏi những hụt hẫng, chới vơi. Một chút hối hận, một chút nuối tiếc...Đã muộn quá rồi. Đôi mắt thiếu úy Mến xa vắng, chập chòn trước mặt. Tấm bảng đen sừng sững hôm nào hiện ra. Những tên đơn vị nối nhau với những ô trống, phơi phới chờ điền tên...ngậm ngùi, lao đảo. Văn phòng ban 4 sư đoàn 25 BB ở Đức Hòa ngày nào tôi đã ghé cùng đại úy Tham, người em con chú, để chuẩn bị một chỗ về. Tất cả đã vụt qua. Trước khi vượt qua cánh cổng Trung đoàn 4, tôi vẫn còn hy vọng nghe lặp lại như hai lần trước:

- Các anh về nghỉ thêm vài ngày, mai một lên...Tiểu đoàn đang hành quân chưa về.

Những cái phép miệng, không rõ ràng giới hạn thật dễ chịu, nay đã không còn nữa. Tùng nói thoáng bên tai:

- Chắc bọn mình cùng về một đại đội.

Trung úy Phượng bước ra sân. Tôi nhìn Pháp đang bám theo người Trung úy nhã nhặn. Hình như Pháp muốn hỏi một điều gì đó. Lộc cười không e dè. Hấn thọc một ngón tay vào nách tôi, cù lét. Một thói quen dễ thương, mỗi khi hấn thoáng thấy vẻ trầm ngâm trên mặt tôi.

Lộc là một thanh niên đẹp trai, cao khõe. Hấn chưa bị gọi động viên, nhưng tình nguyện nhập ngũ. Hơn thế nữa, lẽ ra giờ này hấn không phải ngồi cùng chúng tôi. Hấn được chọn qua binh chủng không quân, nhưng đã nhất quyết từ chối. Hấn vừa chính thức cưới vợ mới hơn một tuần nay, mặc dù hôn thú đã được lập trước khi nhập ngũ. Vợ của Lộc không xa lạ gì với tôi,

chính là Đào, em gái của Tùng. Trong giao tình giữa tôi và gia đình Tùng, từ lâu tôi đã xem Đào như em gái.

Sự vô tư, hồn nhiên của Lộc đã giúp tôi lần Tùng trở lại bình thân. Và tôi vừa nhận ra trời đang có cơn mưa nhẹ hạt. Mấy ngày trước đây, một trận lũ lụt đã về thăm tỉnh Quảng Ngãi. Tôi mở khóa nịt, nói thêm thất lung ra một chút, hơn nửa tháng nay liên tục nốc bia, bụng tôi rõ ràng đã hơi phồng ra.

Ba chúng tôi được đưa về căn cứ Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 4 Bộ Binh vào ngay lúc chạng vạng. Căn cứ này, thời bấy giờ được đặt ở Rừng Lãng, nằm ngay sau lưng doanh trại bộ chỉ huy Trung đoàn. Cũng như nhiều cứ địa dưỡng quân tạm thời khác, căn cứ của tiểu đoàn 1/4 Bộ Binh chỉ là một khoảnh đất trống với hai dãy nhà tôn không có vách, cùng một hầm nổi lớn, nằm giữa ba hầm nổi nhỏ hơn, được thiết lập bởi những bao cát có sườn bằng gốc cây bên trong. Tất cả những xây dựng trú phòng lẫn chiến đấu đó, được nằm trống trải trong vòng tròn một đường hầm, với chiều sâu, ngói xấp xỉ ngang vai. Bên ngoài đường hầm được thả nổi ba, bốn lượt giây kẽm gai, đã rỉ sét. Nhìn chung, không mấy kiên cố và an toàn.

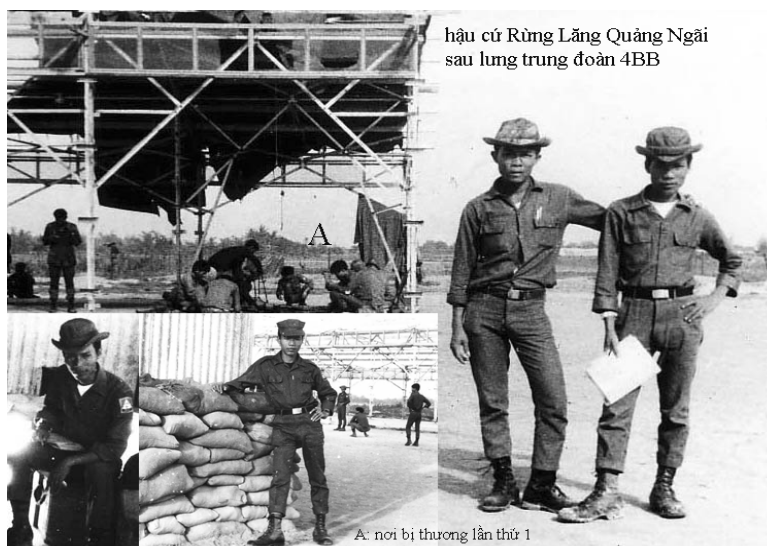
Chỉ chừng mười phút, ngồi trong doanh trại dã chiến, ngó cái ẩm ướt, tấm tối chụp xuống chung quanh, chúng tôi bắt gặp tiếng động cơ, rồi thấy những ánh đèn xe quét từng vệt dài trên sân đất. Đoàn GMC đã đưa những chiến hữu còn lạ mặt của chúng tôi về tới.

Trong hầm cát chỉ huy, Đại úy Tiểu đoàn trưởng, vừa mở một lon bia, vừa văng tục. Ông nhìn phốt chúng tôi. Trong ánh đèn không đủ sáng, trong cả sự hờ hững. Tôi nghĩ ông chưa kịp thấy những chiến hữu, những thuộc hạ mới của ông. Những cuộc hành quân gối đầu nhau, một phần nào đã làm ông mệt mỏi, bực mình. Quả khó tránh được như thế, khi chuyển ghé về doanh trại này, cũng chỉ là một sự đóng quân, nghỉ qua đêm chớp nhoáng như những đêm vừa qua.

Cuộc hành quân kế tiếp sắp được xuất phát sau mấy tiếng đồng hồ nữa. Chúng tôi được ba Đại đội trưởng hiện diện chọn nhanh chóng. Tôi thuộc Đại đội Hai của thiếu úy Hào, người Huế. Tùng và Lộc về với trung úy người miền Nam, tên Thiện Đại đội Ba. Ông Thượng sĩ thường vụ được gọi tới. Mỗi chúng

tôi ký nhận một khẩu *carbin* cũ kỹ, cùng với một cấp số đạn đúng như qui định.

Tôi theo chân Thiếu úy Hào về góc bố trí của Đại đội. Không cần tập họp, không cần giới thiệu. Tôi được Thiếu úy Hào chỉ định làm Trung đội trưởng trung đội Hai, và thi hành lệnh tức khắc. Trung sĩ Nặc, người đang nắm trung đội Hai, giao lại cho tôi bản đồ hành quân và địa bàn ngay trong lúc anh đang mắc võng. Qua ánh sáng nhá nhem của một ngọn đèn, câu từ một bình điện xe treo lòng thông giữa lán trại không vách, tôi nhìn không rõ mặt trung sĩ Nặc, nhưng biết đó là một thanh niên rất trẻ, nhỏ hơn tôi chừng bốn, năm tuổi.



Trong hầm bao cát chặt của thiếu úy Hào, tôi gặp Chuẩn úy Nguyễn văn Bảy, người Bình Dương. Anh cùng khóa 24 với tôi, nhưng đã trình diện đơn vị một cách nghiêm chỉnh, nên đã tham dự vài cuộc hành quân vừa qua. Chuẩn úy Bảy đang giữ chức Trung đội trưởng trung đội 1.

Thiếu úy Hào, mở bản đồ của ông và vắn tắt cho chúng tôi biết cuộc hành quân vào ngày mai. Điểm xuất phát, chính là doanh trại, nơi chúng tôi đang ở. Mục tiêu thứ nhất, tôi vừa nhìn, vừa dùng bút-chì-mỡ khoanh một vòng đỏ trên bản đồ riêng của mình. Cái tên Xuân Phổ nằm trong cái vòng tròn đỏ ấy. Theo kế



hoạch, đại đơn vị phải kiểm soát mục tiêu trước khi mặt trời mọc trong im lặng, kể cả vô tuyến.

Thiếu úy đại đội trưởng lưu ý riêng tôi, nên trở ra tập hợp trung đội, điểm danh nắm quân số, luôn tiện ngắm sơ qua mặt mũi anh em, cũng như xem lại cấp số đạn và lương khô cho hai ngày. Theo thói quen, tôi đưa tay chào. Thiếu úy Hào cười nói “Ồ đây, khỏi”. Tôi chợt vấp một bờ ngõ, chui ra khỏi hầm. Đời quân ngũ tại một đơn vị tác chiến thật thoải mái. Sự tương kính không nằm nhiều trong những thủ tục hình thức. Bản lãnh, sự gan dạ và tinh thần trách nhiệm mới là ngọn nguồn chính.

Những người bạn mới của tôi chưa một ai ngả lưng. Chắc họ đang có những tò mò chờ đợi. Trung sĩ Nặc giúp tôi tập hợp anh em trong yên lặng. Trước ba hàng dọc những khuôn mặt dày dạn nắng mưa, đang bị bóng đèn làm sẫm màu thêm, tôi lịch sự bắt tay ba người tiểu đội trưởng, hẳn đã tạo sự ngạc nhiên và một ấn tượng tốt. Ba hạ sĩ quan nắm tiểu đội đều đã thâm niên công vụ với một số tuổi đời gấp nghé bốn mươi. Họ lễ phép và vui vẻ. Họ luôn miệng gọi tôi là “ông thầy” sau này, nhưng chính họ đều là những người anh của tôi về nhiều khía cạnh của cuộc sống.

Người mang máy truyền tin cho trung đội, tên Tám, còn trẻ hơn cả Trung sĩ Nặc. Anh đến trình diện tôi, và dẫn theo một binh sĩ khác, giới thiệu:

- Anh này, là tà lọt của mấy đời Trung đội trưởng trước, tỳ Chuẩn úy chọn.

Tôi nhìn Tám lần người lính thật hiền lành. Anh không nhìn thẳng tôi. Dĩ nhiên tôi cũng chọn An, tên người binh sĩ, để chăm sóc, giúp đỡ tôi trong những ngày sắp tới. Và ngay từ phút đó, chúng tôi đã trở thành ba người bạn ở sát cạnh nhau, gần như trong mọi hoàn cảnh.

An đã móc vớng cho tôi. Anh lấy luôn một số quân dụng cá nhân khác của tôi cho vào ba lô của anh. Tôi hơi áy náy nhưng rồi mọi sự được quen dần. Một chặng đời mới đã thực sự bắt đầu.

Ngả lưng được ít phút trên lòng vớng vải *nilon*, tôi phát hiện trên tay mình vẫn còn nắm tấm bản đồ, đã được lồng trong một bao *nilon* trong, xếp gọn. Đang loay hoay định nhóm dậy

nhét bản đồ vào túi áo giáp, treo ngay đầu võng, tôi chợt thấy một binh sĩ nhẹ nhàng tiến gần tôi, gọi:

- Chuẩn úy.

Tôi nhòm dậy, chưa kịp lên tiếng, anh binh nhì hỏi tiếp:

- Chuẩn úy nhớ em không ? Em là Bung đây.

Tôi đang phân vân lục trong trí nhớ, Bung đã kịp thời khai ra manh mối:

- Chắc chuẩn úy quên, em là thợ hồ, làm công cho bác Diên, hồi xây rạp ciné Kim Châu Đà Nẵng. Chuẩn úy có lần chấm công và ngủ đêm giữ vật liệu tại đó.

Tôi nhớ ngay vụ này, nhưng không thể nào nhớ Bung. Ngày đó, em ba tôi làm thầu khoán. Ông xây dựng nhiều công trình tại Đà Nẵng. Tôi thỉnh thoảng có theo con trai ông, vừa là em chú bác, vừa là bạn, để làm vài việc không có lương, nên anh lính này chắc đã gặp qua. Rạp ciné Kim Châu, nằm trên đường Độc Lập (nay là đường Trần Phú) trong giai đoạn đang xây cất, tôi đã nằm đêm ở đó nhiều lần, gọi là trông chừng. Nhưng cát, sạn, sắt, *ciment* có hao hụt tôi và Tiên (tên chú em, con chú Diên) cũng chẳng biết, vì chúng tôi, nếu không ngóng cổ ở Thông Tin nghe hát, cũng tà tà ăn mực xay ở bờ sông Hàn...Tuy không nhớ ra Bung, tôi cũng ậm ừ hỏi:

- Anh ở đây lâu chưa, đi lính lúc nào ?

Bung mau mắn cho tôi biết anh về đơn vị này đã gần một năm, hiện là khinh binh, giữ súng trung liên *bar*, một loại vũ khí công kênh, cổ lỗ sĩ, nhưng vẫn còn được xài trong các đơn vị tác chiến bộ binh vào thời điểm sáu mươi bảy. Huyền thuyên một hồi, Bung tỉnh bơ dặn tôi:

- Ngày mai hành quân, Chuẩn úy cứ theo em. Thấy em chạy, là Chuẩn úy chạy theo liền nghe. Em rành địa thế bên đó lắm...Nhưng chắc không có gì đâu, trời mới lụi mà, hầm hố tụi nó bị ngập hết...

Tôi ngạc nhiên trước những sót sáng, bộc trực của Trương Bung, tên họ đầy đủ của người xạ thủ trung-liên-bar, mà tôi chưa kịp thuộc nét mặt. Trong lúc anh khinh binh lom khom trở về chỗ nằm của anh, tôi tự hỏi tại sao anh ấy đã biết nơi sắp đến ? Và không tránh khỏi những suy nghĩ vớ vẩn, về những chuyện sắp xảy ra vào vài giờ nữa. Sẽ phải chạy ? Sao đến nỗi vậy ?

Đêm thật vắng, tôi cảm thấy lo. Hơi nền đất lạnh làm tôi rùng mình. Mùa đông đang bước đến. Tôi mặc thêm cái áo giáp vào người. Chợt xót xa nhớ về người cha già đang ở cách mình chừng 80 cây số. Chính ông đã tìm mua và gởi cái áo giáp vào cho tôi kèm theo lá thư căn dặn đủ điều. Tôi mất mẹ năm lên 18, năm tôi phải đến phòng trung binh quân dịch. Ba tôi, một công chức già, suốt đời lặn lội vì đàn con. Tôi thực sự chưa trưởng thành dưới đôi mắt và tấm lòng của ba tôi. Tôi cũng nghĩ và nhớ đến Lý, người vợ còn đang vui đùa ở trường Trung học. Giả dụ ngày mai tôi gặp điều không may gì, sẽ ra sao. Sự điềm gở, tôi lần trốn ý nghĩ đen tối của mình và nghĩ đến Tùng, Lộc, những người bạn đồng hành với mình vào ngày mai, lòng chợt cảm thấy bình thản.

Cái giờ G đầu tiên trong chặng đời ô liu của tôi tròn tới. Tôi đã rập rình chờ nó cả đêm, nên chớp được ngay khi nghe những rục rịch từ Bộ chỉ huy Đại đội. Tôi rời khỏi võng. Cảm thấy như lưng mình oằn xuống sau mấy giờ cong theo chiều võng. Miệng đắng. An mang đến cho tôi một nón sắt nước lạnh. Búng nước đầu tiên làm ê ẩm chân răng. Tôi nhắm mắt nhờ toẹt ra đất. Không có nhiều thời giờ nhưng tôi không quên bào lười, đây là thói quen của tôi. Mọi động tác vệ sinh cá nhân qua mau lẹ.

Tôi bắt đầu kiểm lại quân số. Theo lý thuyết, mỗi trung đội có 37 binh sĩ, nhưng tham trận hôm nay, chỉ 21 người hiện diện, chia làm 3 tiểu đội, không đồng đều. Giờ này tất cả binh sĩ đều biết mục tiêu đầu tiên sẽ đến. Với thói quen và kinh nghiệm, những người lính chiến hoàn tất mau lẹ những trang bị trên người hơn hẳn đám sinh viên sĩ quan chúng tôi ngày nào. Tất cả đã trong hàng. Tám thử lại máy truyền tin. An mang hết những hàng trang hành quân của tôi. Đại đội 2 của Thiếu úy Hào hôm nay nằm trong thành phần trừ bị, sẽ di chuyển cuối cùng, ngay sau lưng Bộ chỉ huy tiểu đoàn và đại đội vũ khí nặng.

Tôi lại nghĩ đến Tùng và Lộc. Tuy cùng nằm một tiểu đoàn, cùng tham dự cuộc hành quân này, nhưng từ tối hôm qua đến nay, thằng nào cũng bận rộn riêng nên không gặp nhau. Qua vô tuyến, tôi biết đại đội 3, đơn vị có hai anh bạn tôi, là nỗ lực chính và đã bắt đầu vượt tuyến xuất phát.

Gió lạnh vãi rộng ra trong khoảng trời tối. Chúng tôi di chuyển hàng một, sát nhau, không giữ khoảng cách, người đi sau chỉ nhìn thấy lưng người đi trước. Trung sĩ Nặc đang dẫn đầu trung đội. Tôi cùng Tám và An, đi liền nhau, sau lưng hai tiểu đội. Sau chúng tôi còn tiểu đội của hạ sĩ nhất Tý. Tôi chợt có cảm tưởng như đang lặp lại cuộc di hành giả trại của ngày đầu mới vào Thủ Đức. Ngày đó trên vai tôi nặng nề những quân trang



quân dụng. Bước chân có chệch choạc nhưng tâm hồn thật thanh thoi, bình an. Đêm ra quân này khác hẳn, trên người tôi chỉ có trọng lượng một cái áo giáp, được sản xuất từ Hoa Kỳ; khẩu *carbin* nhẹ hơn khẩu *garant* nhiều, nhưng rõ ràng tôi thấy nặng hơn ngàn lần. Chưa ai bỏ lên bàn cân cái trách nhiệm. Không có những con số biết khai báo cái vô hình này. Tôi cũng chợt liên tưởng, những bước tôi đang đi trong đoàn quân, với đầu súng nghiêng ra hai bên, chui chúi xuống mặt đất, như là một cuộc đi săn thú rừng ngày nào ở Tiên Phước. Đây cũng là một cuộc săn. Một cuộc săn người. Người cùng màu da và chung một ngôn ngữ, nhưng không cùng một thể chế chính trị. Phía giàu tự do,

no ám, nhân bản còn vụng về trong nỗ lực thu phục quần chúng. Bên phục vụ độc đảng, nghèo đói lại tỏ ra khôn khéo, quỷ quyệt, biết đưa ra sự hiện diện của ngoại bang để làm mục đích chiến tranh.

Chúng tôi đang lội qua một con lạch rộng. Nước lớn đến thất lưng. Nhiều bụi hoa súng nổi lênh bênh. Một viên đạn ai khai hỏa bỗng bay véo ngang đầu. Trời đã mờ mờ sáng. Đơn vị đầu tiên của tiểu đoàn đã chiếm xong mục tiêu. Đúng kế hoạch. Trung đội của tôi được lệnh lục soát, và bố trí nằm lại ngay sau khi lên bờ. Nước ướt đầm cả quần ngoài quần trong, tôi nghe ngửa nhột dưới ống chân. Đã buộc ống quần cẩn thận nhưng một anh địa đã đột kích vào lúc nào, ngả bữa đã no. Tôi lo ngại cho cậu em út phương phi của mình, lần tay kiểm soát.

Nắng lấp ló trên những ngọn lá động nước. Tin sơ khởi tôi nghe qua báo cáo của Tám: Đại đội 3 bắt được hai tên du kích với hai giấy T.A.P trên thất lưng, nhưng không có súng, đạn hay vũ khí gì khác. Thời gian lững thững đi qua. Vòng bố trí ơ hờ, lỏng ra ít nhiều trong bữa ăn sáng ngắn gọn. Ngay lúc mặt trời đứng bóng, đại đội chúng tôi được lệnh di chuyển, với nhiệm vụ bung rộng vòng đai lục soát, thay cho đại đội 3, nằm lại. Và khi tôi đi ngang qua đám con cái của Trung úy Thiện, tôi gặp cả Tùng lẫn Lộc. Tùng hơi nhún vai, hấn đang lẳng lòngh thả ra những vòng khói thuốc *Wintons*. Lộc vui ra mặt, hấn nói trong tiếng cười:

-Tuồng ghê gớm lắm, hóa ra hành quân chỉ là vậy.

Chúng tôi không có thì giờ nói nhiều với nhau. Tiếng lên đạn đầy thị uy ngay trên đoạn đường mòn, tôi sắp phải đi qua, hồi bước chân tôi bước mau hơn, sau khi gỡ cái vấy tay đồng tình với nhận xét của Lộc.

Trung úy Thiện đang chống nạng đứng cạnh năm ba thuộc hạ của ông. Tôi thấy một binh sĩ đang kê mũi súng vào trán một người đàn ông trung niên. Ông ta ở trần trùn trục, hai tay bị trói ngược ra sau, đang nằm co dưới đất. Đại đội 3 đang cố khai thác nguồn tài liệu từ người du kích địa phương. Tôi nghe thật rõ hai chữ “bắn bỏ” của trung úy Thiện và một tiếng đạn chát chúa nổ liền sau đó. Hoảng hốt tôi quay nhìn. Nhưng qua màn khói chưa kịp bay khỏi mặt đất, tôi thấy người du kích vẫn nhúc nhích.

Viên đạn của anh lính Quốc Gia chỉ cố ý đâm mặt đối phương. Đầu đạn xoáy trên mặt đất một lỗ tròn, làm đau ông địa một chút. Xuống tay lấy mạng sống của một kẻ thù hoàn toàn thất thế, không phải là hành động của đại đa số quân nhân trong quân lực Việt Nam Cộng Hoà, nhất là binh chủng Bộ Binh, tôi tin như vậy. Trong cuộc chiến, nhất là đang khi say máu, nóng mặt vì một đồng đội của mình bị sát hại, người lính, bất cứ phe nào, cũng có thể thực hiện những hành động dã man thiếu ý thức. Cắt tai, xẻo mũi hoặc lấy cả mặt kẻ thù cũng là việc đã từng xảy ra. Nhưng những hành động man rợ nhất, những kiểu hành hạ đối phương biến thái nhất, thường chỉ có trong văn tự của những người được dạy dỗ cầm hờn có bài bản, có hệ thống. Chữ nghĩa của họ trưng bày ra tất cả những gì hung ác nhất đang nằm sâu trong tư tưởng của họ. Những hành động mất tính người do những hư cấu bệnh hoạn này ngoài mục đích bôi bẩn đối phương, còn tự làm thoả mãn những gì chính họ chưa thực hiện được. Tuy vậy, những người hung hãn bằng ngòi bút ấy, vốn chẳng bao giờ thực hiện được những gì mình viết, tính “bổn thiện” nhất định còn đâu đó trong con người nhà văn. Sau này, tôi có đọc nhiều tác phẩm văn chương viết về chiến tranh của các tác giả nằm hai bên chiến tuyến, một đôi khi ngạc nhiên về những cách hành xử đối phương mà họ mô tả. Có thể đời lính chiến của tôi quá ngắn chưa đủ cơ hội để mục kích chăng? Nhưng tôi vẫn tin những suy nghĩ vớ vẩn trên của tôi không xa với thực tế.

Trong ánh nắng xế chiều, một binh sĩ của trung đội tôi, vui mừng báo tin tìm được một khẩu AK giấu sát mé nước sông. Chiến lợi phẩm này không làm vui ông Đại đội trưởng cũng như ông Tiểu đoàn trưởng, nhưng nó chứng tỏ được: cả vùng Xuân Phổ, nằm giáp một đoạn của sông Trà Khúc hoàn toàn bất an. Thần chết đang rập rình bốn phía. Điều này chỉ lạ đối với tôi. Không có gì ghê gớm với mọi binh sĩ khác. Đại úy Tiểu đoàn trưởng, đang thư giãn tinh thần. Ông lai rai vài lon bia cùng cá hộp. Cuộc hành quân “hoá ra chỉ là vậy” đúng như nhận xét của Chuẩn úy Lộc, bạn tôi. Ông Tiểu đoàn trưởng của tôi, Đại úy Cần, quả là người “tri nhân...”

Bữa ăn chiều được bắt đầu sớm ngay trên cái lợp ló của giờ thứ mười sáu trong ngày. Tôi ngồi xĩa răng, nhìn những con chim sáo đen đang tụ về đầu một cây xanh, nghe chùng mình cũng thông dong ra phết. Trong yên lặng, một ý thơ đến với tôi. Tôi tìm những chữ, những vần. Nhưng các câu thơ đã đi chơi chỗ khác. Tiếc rỏ cái mặt nhám của mẫu giấy bạc trong bao thuốc lá vô duyên, tôi xếp lại, cất vào túi áo. Ý thơ hôm đó mãi sau này tôi mới ghi lại:

*Vào giờ G ta ra mặt trận  
nón sắt bản thân theo gót giày sô  
hiu hắt đường mưa tiến về âm phủ  
vừa cảnh giác đời vừa ử chiêm bao  
khẩu súng carbin chúi đầu xuống đất  
như muốn nói gì với cánh Rừng Lãng  
đất nhào có chua tổ tiên để lại  
thích uống máu người hay bị ép chẳng ?  
băng lạch nước đen lạnh tê đầu gối  
bồng khụng giữa dòng tường đĩa bao vây  
Xuân Phổ bên kia chấp chờn bóng địch  
lập cập hôn ai bèo vướng chân mây ?  
nước lạnh môi khô loé lên đóm nhớ  
màu mắt bên màu hoa súng năm xưa  
ta vẫn yêu em, yêu toàn nhân loại  
nên gắng khom lưng tiến chiếm Xóm Dừa  
một loạt đạn bay, một ngày ập tới  
một phút làm người sung sướng biết bao  
nhưng dấu tình cờ thân đây vết đạn  
chẳng oán hận gì, vì vẫn chiêm bao  
(Cảm Ôn Đất Đá Trở Thơ...)*

Không làm thơ được, tôi đến ngồi kể bên Trung sĩ Nặc nói chuyện. Chúng tôi kể qua về chuyện gia đình. Tôi biết đại khái về Nặc. Anh còn đủ cha, mẹ. Người yêu thì thuộc loại “*người yêu tôi, tôi mới quen... hồi hôm...*”. Tôi cũng cho Nặc biết tôi đã có vợ trước khi nhập ngũ. Nặc nói: “Tiếc cho ông quá.”..

Buổi chiều nằm dài ra thật mau, mới đó đã sắp đụng cái mắt cá của nó. Khi chúng tôi đứng lổ nhỏ trên một vạt sắn rộng

đã nhỏ, cái chạng vạng đã lên tiếng chào bằng những ngôn ngữ của nhiều loại côn trùng trong đám cỏ lá chung quanh.

Nhận vùng đóng quân từ tiểu đoàn xong, Thiếu úy Hào, đưa tôi và Chuẩn úy Bầy đến chia tuyến bố phòng. Tất cả các binh sĩ đều đứng chờ lệnh trên khoảnh đất trống.

Chúng tôi chưa kịp tiến tới bia vườn, con đất Xuân Phổ đã mở miệng bằng những tiếng nổ đồng loạt khai hỏa. Tôi ngã úp xuống mặt đất. Không phải vì trúng thương mà vì phản xạ tự nhiên. Một giây qua, tôi nghe bên dưới mắt trái nhói đau. Một góc sắc nhỏ còn sót đã chạm mạnh vào đó. Vừa dụi mắt, tôi vừa bò ra bia vườn. Khẩu *carbin* được tôi nắm đầu mũi lôi theo, không một chút phù hợp với chiến thuật “bò hoả lực” như đã từng học. Còn chừng bảy, tám thước nữa...Tôi bàng hoàng phát hiện, những ánh lửa lóe lên ngay hướng tôi đang cố bò tới. Tầm đạn bay ngược chiều có một âm giọng khác hẳn đường đạn từ nòng súng bắn ra. Đó là những chuỗi âm thanh sắt lạnh, áp đảo, tưởng chừng như những nhát đâm, xé rùng rợn. Hoảng hốt trước nguồn đạn bay ngun ngút qua đầu, tôi xoay mình bò trở lại vị trí cũ. Lúc này tôi mới để ý, bên tôi có một người đồng hành. Nhìn qua, tôi thấy Chuẩn úy Bầy. Anh vừa bò vừa thỉnh thoảng lấy cái kính cận xuống, dùng một ngón tay lau vội, rồi đeo trở lại. Hoạt cảnh này nếu được thu vào ống kính, có thể lượm được nhiều nụ cười. Trời đã tối hẳn, những ánh lửa đạn càng được phơi bày rục rỡ. Trong hướng bò chưa biết dẫn đến đâu, tôi chợt nghe tiếng gọi “Chuẩn úy, Chuẩn úy..” và chẳng bao lâu, tôi gặp được Trương Bung, anh binh nhì giữ cây trung liên *bar*. Bung nói: “Chuẩn úy bò theo em”. Tôi quay theo, trong lúc Bung hỏi trống: “Ốn chưa?”.

Khi đã nằm bên đám “con cái” chưa biết hết tên, chưa nhớ hết mặt. Tôi lấy lại được bình tĩnh, nhưng vô cùng khẩn khoản. Tôi không rõ các đại đội khác ra sao, riêng đơn vị Đại đội 2, không một binh sĩ nào có khoảng trống để tác xạ. Họ nằm dính chùm thành một vạt. Khẩu *carbin* của tôi đã được điều chỉnh đúng tư thế sẵn sàng của một người lính. Tôi cũng đặt ngón tay bóp cò đúng vị trí, nhưng tuyệt nhiên chưa tìm thấy một lối thoát nào. Giữa lúc gần như buông xuôi, chờ đợi ấy, bốn chiếc trực thăng xuất hiện, tham trận.

Những ngọn đèn sáng lóe, quét ngang dọc, chéo chồng lên nhau. Kéo theo những tràng đại liên 60 xoáy, rít, chen trong



những chùm nổ chụp dữ dội của M79. Chiến trận xoay đổi tình thế tức khắc. Chúng tôi lập được chiến tuyến hàng ngang, xoay mũi súng ra bìa vườn, nhưng không ai bóp cò. Những đường đạn của chúng tôi đã trở nên không cần thiết.

Địa điểm đóng quân qua đêm vẫn không thay đổi. Tôi chỉ huy khá gọn gàng và nhanh chóng việc bố trí và bố cáo không tổn thất lên đại đội trưởng. Chưa thật yên tâm với vòng đai và các ô gác, tôi dợm đi xem lại, thì Tám đã giao ống liên hợp cho tôi:

- Có thẩm quyền thằng Ba lớn muốn gặp Chuẩn úy.

Tôi cảm thấy mất thăng bằng qua tin của Trung úy Thiện, Đại đội 3, đại đội vừa hứng ngay mũi phục kích của địch. Túng đi đâu ? Tôi vái thầm cho hấn bị bắt đi hơn là ngã đập đầu đó. Đang bị quan lo lắng băn khoăn, tôi chợt giật mình thấy hai binh sĩ, khiêng một băng ca, từ cánh đại đội 3, qua ngang chỗ nằm của trung đội tôi, để đến bãi đáp trực thăng tải thương. Không hiểu sao hai binh sĩ khiêng băng ca chợt dừng chân. Họ nhìn tôi. Không chần chờ, tôi ào tới, chụp lấy thân thể người đang nằm. Trong khoảnh khắc tất cả những đồng đội của tôi chung quanh chợt biến mất. Cả bóng đêm cũng như không còn có thật. Một giây...hai giây.. tôi, chợt vô cùng tỉnh táo. Một bàn tay tôi luồn dưới lớp vải áo trận, véo rõ mạnh một cái vào thân thể người nằm bất động. Năm đầu ngón tay tôi hừng hực nóng. Không thể như vậy được. Không thể như thế này được, trời ơi !. Tôi hét lên những tiếng kêu tức tối không âm thanh, và ngã gục tức thì lên thì thể còn nóng hổi của Lộc, của Trần Mỹ Lộc. Hấn đã chết, đã chết thật rồi. Tôi sờ soạng tìm vết đạn, nhưng không thấy vết thương nào trên da thịt. Không gặp máu, không gặp hơi lạnh, tôi nâng một bàn tay của Lộc, lắc nhẹ từng ngón tay của người bạn xấu số. Nước mắt tôi lặng lẽ chảy xuống gò má, ẩm ướt hai cánh mũi. Lộc đã chết thật rồi. Anh đã tử trận ngay trong cuộc hành quân đầu đời binh nghiệp của anh. Đêm 10 tháng 11 năm 1967, con đất xa lạ Xuân Phổ tại Quảng Ngãi đã cướp của tôi một người bạn, một người em, một đồng đội.

Tôi bơ phờ ngồi bệt bên ngoài mặt *poncho* An đã trải sẵn. Tôi không nghĩ, không nhớ gì. Đầu óc cứ xoay vòng vòng mấy chữ .... “hóa ra hành quân chỉ là như vậy” Giọng nói lạc quan,

yêu đời của Lộc không chỉ đọng trong tai tôi, mà lộn cộn trôi lòng vòng qua những đường máu chảy. Không yêu đời sao được, sau cuộc hành quân này, về phố, ghé thăm phòng Hàng Không Việt Nam tại Quảng Ngãi, sẽ nhận một xấp hình hôn lễ chụp cùng với Đào. Lộc đã hí hửng khoe trước với tôi như thế. Bác Thuật, ba của Lộc, nhân viên Hàng Không Việt Nam tại Đà Nẵng, không thể hứa cưới với đứa con trai cưng của mình. Nhưng...Lộc đã chết, đã chết, trước khi được ngắm những tấm ảnh của chính anh và người vợ mới cưới chưa quá ba mươi ngày. Anh chưa qua đủ 24 giờ ngoài mặt trận.... “hoá ra hành quân chỉ là như vậy”. Là như vậy là thế nào ?

Gần suốt đêm tôi ngồi bên cạnh cái hố tròn do An đào. Cái nón sắt nặng nề bẻ cong cổ tôi, đưa khuôn mặt tê dại chạm vào hai đầu gối. Khẩu *carbin* nằm trên mặt đất bên cạnh. Không thể tin được. Ngay cuộc hành quân đầu tiên, ba thành về một tiểu đoàn. Một đứa chết. Một đứa mất tích. Tôi làm sao chịu nổi cái đòn chí tử này. Tôi không hoảng sợ, nhưng chán nản, mệt mỏi. Với tôi, tình bạn rất quan trọng. Tôi có mặt nơi này, tôi về binh chủng này cũng vì tình bạn. Cuộc chia tay thảm thiết quá, não nùng quá. Không một lời từ biệt. Tôi làm sao có thể tiếp tục ở lại đây một mình. Chắc chắn tôi sẽ bỏ đi, sẽ đào ngũ ngay sau khi cuộc hành quân kết thúc. Rất may, gần sáng hôm sau, Tám báo cho tôi biết: Đại đội 3 đã tìm gặp Chuẩn úy Tùng cùng hai binh sĩ khác an toàn, ngay bia vườn, không xa chỗ đặt ổ súng đại liên của địch bỏ lại. Sự bình an của Tùng quả đã vực tôi đứng lên, tham dự tiếp nhiều cuộc hành quân về sau.

Qua cái chết của Lộc, một trong những người mất mạng sớm nhất của khóa 24 Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức, tôi ngậm ngùi có thêm một bài thơ, không nên có:

*Bây giờ chỉ còn Tùng, Pháp và tao  
trong buổi chiều mênh mông Quảng Ngãi  
bây giờ chỉ còn nước mắt và tao  
trong con đường bao la kỷ niệm  
Tùng vẫn ngồi cùng khói thuốc cuối phòng  
Pháp vẫn ngồi vuốt lông chân dưới sàn nhà  
còn tao, tao đang làm gì đây ?  
đang làm gì đây, đó Lộc  
buổi chiều như hôm qua*

buổi chiều như hôm kia  
buổi chiều như những ngày mây đã sống  
chừ tao đang làm gì đây ?  
ôi tao đang làm gì đây, hỡi Lộc !  
mây chết thật vội vàng  
mây chết như con chim  
mười năm trước đây mình đã bắn  
thôi hãy lặng yên  
khốn nạn, tao còn phải làm gì  
tao sẽ phải làm gì  
diện tích một bài thơ  
xin đủ một thân người nằm xuống  
xin đủ tình yêu thương  
hơn lá quốc kỳ mây đã đắp  
Lộc, Lộc, hỡi Lộc  
mây chẳng còn biết, chẳng kịp biết  
mây đã chết nơi nào trên quê hương  
và viên đạn trên tay ai đã bắn  
mây cũng không còn biết  
trên tình thương báo chí bạn bè  
chúng tao mua một ô vuông cầu nguyện  
mây chẳng còn biết  
dù đã anh dũng đền nợ nước  
nợ làm một người Việt Nam  
Lộc, Lộc, hỡi Lộc  
tao biết có một người đang khóc  
không phải là tao đâu  
nước mắt tao chỉ là ngôn ngữ  
ngôn ngữ tao chỉ là quan tài  
cho bạn bè  
bây giờ mây nằm trong quan tài đó  
tao bắt đầu xóa đi khuôn mặt rục rờ  
rục rờ từ tình yêu thương  
từ trái tim tao đập  
Lộc, Lộc, hỡi Lộc  
tao chẳng còn gì  
mà Pháp, mà Tùng mà người vợ mây vừa cưới  
gởi trong tao lời cầu nguyện  
mây chết cho quê hương

*mày chết cho Tổ quốc*

*chiếc quan tài tao đã đóng  
vĩnh biệt Lộc, Lộc thân thương  
(Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu)*

Cuộc hành quân ra mặt đời binh nghiệp ngắn ngủi của tôi, diễn tiến trên phần đất mang tên Xuân Phổ chỉ như vậy. Đó chỉ là một cuộc hành quân lục soát cấp tiểu đoàn, được thực hiện sau một trận lộn. Tôi không được biết những báo cáo tổng quát lên Trung đoàn, Sư đoàn ra sao. Kết quả cuộc hành quân được đánh giá như thế nào. Nhưng rõ ràng tổn thất nhân mạng của phe chúng tôi so với cộng quân nhẹ hơn rất nhiều. Tôi cũng có phần nghi ngờ khả năng chỉ huy và trình độ chiến thuật của vị Tiểu đoàn trưởng của mình. Đê binh sĩ đứng lơ nhố trên một mặt bằng trống trải, chờ chia tuyến phòng thủ, không khác chi dâng hiến cho đối phương một mục tiêu tác xạ, nhất là điểm tập trung đó nằm ngay trong vùng địch kiểm soát. Cái chết của Lộc cùng một số binh sĩ khác đã xảy ra vì sự tự tin và xem thường đối thủ. Dù sao cũng là chuyện đã rồi. Sự hy sinh sớm của Trần Mỹ Lộc, bạn tôi, đã giúp những Chuẩn úy mới ra trường chúng tôi thêm ít nhiều kinh nghiệm. Không bị quan nhưng không coi thường bất kỳ một cuộc hành quân lớn nhỏ nào sau này.

Hơn 38 năm trôi qua, tôi vẫn thấy rất rõ trước mắt, diễn tiến cuộc hành quân đầu tiên của mình. Nhớ cả con đường từ doanh trại dã chiến của tiểu đoàn dẫn đến một con lạch, đến một xóm làng hoàn toàn hoang vắng. Cây cỏ cũng không được sống thông dong. Dòng sông Trà Khúc bên làng này khá đẹp. Tôi đã mở giày rửa chân. Cái lạnh đầu mùa đông làm tôi rùng mình hay vì một lẽ nào khác. Giờ phút đó, súng chưa nổ, Lộc chưa ra đi. Chỉ cách mấy giờ sau mà tôi chợt trưởng thành thật sự. Tôi có đúng là tiếp tục trưởng thành đến bây giờ ? Những trận đánh đã kết thúc, nhưng cuộc chiến vẫn còn ẩn hiện trên quê hương tôi đến bao giờ ?



## Những Cuộc Chạm Súng Tiêu Biểu Cùng Những Giọt Máu Tôi

Sau cuộc hành quân thứ nhất trong đời binh nghiệp, với tổn thất riêng, một người đồng đội thân tình “đi phép dài hạn”, tôi tưởng chừng như mất đến chín mươi phần trăm nghị lực và ý chí chiến đấu. Nhưng rồi tôi đã chế ngự sự sợ hãi, nỗi chán nản để trở lại chỗ đứng hiện tại của mình. Là một sĩ quan có cấp bậc thấp nhất, cận kề trước cái chết không khác gì một khinh binh, tôi nhìn thấy, va chạm từng giờ những tai họa của cuộc chiến, nên tôi đã có những nhận xét không tốt đẹp về chiến tranh. Không hẳn là một người phản chiến, nhưng trong suốt chặng đời binh nghiệp ngắn ngủi của mình, tôi đã viết những bài thơ có lẽ không có lợi cho hàng ngũ chúng tôi. Rất may, tài năng của mình còn thấp kém, nỗi bi quan nhờ vậy không lây lan đến ai. Và tôi không ân hận về những cảm nhận rất chân thật của mình. Mỗi lần có dịp đọc lại, tôi không những chỉ gặp lại tôi, mà còn thấy được những đồng đội cũ, những hoạt cảnh sinh động một thời. Trong cái thời thật khổ nhọc, rục rờ đó, tôi được là:

*anh bây giờ là tên lính mù  
chỉ huy một trung đội điếc  
với chiếc còi trên môi  
và hàng trăm câu chửi tục*

...

*dù còn đủ tâm hồn  
anh cũng sẽ đốt nhà  
cũng bắn trâu bò, bắt gà vịt  
không hổ người  
như lính của anh  
phải sống  
phải ăn  
phải tàn bạo nữa  
đó là điều cần trong cuộc hành quân*

...

Kể từ ngày 10 tháng 11 năm 1967, ngày tôi hiện diện trực tiếp ngoài mặt trận, đến ngày 11 tháng 02 năm 1969, ngày tôi vĩnh biệt một bàn chân trái của mình, thời gian không là bao. Những trong cái chiều dài khiêm nhường ấy, tôi đã tham dự rất nhiều cuộc hành quân, từ Quyết Thắng đến Liên Kết, thường trực được tổ chức mỗi tuần. Tùy theo tính chất của từng mục tiêu, tùy theo cấp số đối phương, những cuộc hành quân có mức độ và lực lượng điều động khác nhau. Nhưng mục đích chính vẫn là tìm và tiêu diệt địch. Trong thời điểm 1967 đến 1969 và về sau tình hình chiến sự tại miền Nam Việt Nam mỗi ngày một khốc liệt hơn. Bộ Binh là chủ lực quân của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Từng được mệnh danh là Hoa Hậu Chiến Trường, nhưng mãi đến cuối năm 1967 sự trang bị vũ khí vẫn quá thô sơ, so với địch quân cũng như những lực lượng trừ bị khác của miền Nam. Dù vậy, chúng tôi đã tham chiến dũng cảm, hết tinh thần. Mười trận đánh có thể thắng tám một cách thuyết phục. Trong hàng ngũ của Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 4 thuộc Sư đoàn 2 Bộ Binh, tôi đã có mặt tại Sơn Tịnh, Sơn Mỹ, Nghĩa Hành, Nghĩa Hưng, Đức Phụng, Đức Hải, Núi Tròn, Núi Ngang, Mộ Đức, Đức Phổ, Trà Bồng, Quảng Tín, Văn Bang, Bình Đê, An Mộ, Lâm Lộc, Sơn Kim, Phú Sơn... cùng những địa danh không biết tên, không nhớ hết. Mỗi một nơi có nhiều mục tiêu cần phải thanh toán. Mỗi mục tiêu không phải chỉ viếng thăm một lần, mà phải lặp đi lặp lại, đổ máu nhiều lần khác nhau. Những ngọn cây, chồi cỏ, những chõm đất, mô đá ...các nơi này thấm đượm tình người nhờ ngấm máu của cả hai phe tham chiến.

Tôi cùng đơn vị tiến chiếm Sơn Kim, một bình địa vừa được một đơn vị Đại Hàn bỏ lại. Không còn một nóc gia nào đứng vững trên những nền đất ngổn ngang phen, mái tan nát. Không còn giếng nước nào có thể sử dụng được. Những anh lính Củ Sâm đã ném xuống đó những độc dược trước khi rút đi. Chúng tôi đã trải qua ba ngày lặn lội chưa gặp dấu đối phương. Những con mồi của chúng tôi thừa khôn khéo và nham hiểm, vẫn đang ẩn núp chực chờ đâu đó, ngay cả dưới mặt đất. Nhưng mục tiêu Sơn Kim hôm ấy suốt nửa ngày vẫn yên tĩnh. Cá nhân tôi thu lượm được một bài Sáu Chữ, “Bữa Cơm Trên Sơn Kim”. Bài thơ này, nhà văn Hoàng Khởi Phong khi viết về thơ tôi có đề cập và trích dẫn. Tôi nhắc lại việc này vì tác giả Cây Tùng Trước

Bão, Quán Ven Sông vv...cho rằng câu: “và tìm mượn lưỡi dao” tối nghĩa. Hình ảnh tôi dùng hơi cường điệu, nhưng cần thiết để vẽ đậm nét sự khô đắng của một bữa ăn, cần phải cắt lấy chút máu của mình làm gia vị. Có thể tôi vụng về:

*nắm com nhem nhuộm bùn  
chợt vui trên tay đói  
tôi nghĩ đến máu mình  
vị mặn nồng thân thiết  
và tìm mượn lưỡi dao  
(VĐCNTD)*



Chúng tôi được lệnh rời Sơn Kim tiến chiếm một ngọn đồi sau khi băng qua một cánh đồng hoang. Rồi từ ngọn đồi, Đại đội 2 của chúng tôi, do Thiếu úy Hảo chỉ huy, xuống đồi tiến về một “xóm mồ côi”. “Con cái” của riêng tôi di chuyển đúng chiến thuật. Cấp số đạn chưa hao hụt. Tôi không bị cảnh sắc chi phối mất cảnh giác. Bởi cuộc hành quân liên kết này không đơn giản

như những chuyến lục soát quanh khu vực đồn trú, hoặc những cuộc hành quân thường xuyên vào hai ngày cuối tuần, nhằm mục đích tạo khoảng cách an toàn cho tướng “Tur lệnh” và một số sĩ quan trực thuộc sư đoàn nhảy dầm, uống *whisky*. Ở cuộc hành quân này tôi không thể nhớ như, “*Súng lặn lưng quần cho có chuyện, / mắt đầy cò lá hồn đầy thơ*” (CỎĐĐT...), mà súng cầm tay trong tư thế sẵn sàng chiến đấu đang hoang. Dù khẩu *carbin* lỗi thời, tôi chưa thử bóp cò lần nào.

Sau ba ngày thiếu chất tươi, “xóm mồ côi” trước mặt thật là một mục tiêu hấp dẫn đối với mọi binh sĩ. Không con gà, con vịt, ít ra cũng có trái bầu, ngọn rau...tươi xanh đang chờ đợi. Đại đội nào cũng muốn thanh toán mục tiêu này. Đại đội chúng tôi đang dàn hàng ngang để vượt qua một cánh đồng trống cuối cùng, giáp với bia làng. Nhưng thật không may, lệnh của “đại bàng” bắt nằm lại yểm trợ, cho “thằng 3” của Trung úy Thiện thực thi nhiệm vụ. Có nhiều tiếng chửi thề trong đám “con cái” tôi. Một thoáng ngỡ vực vị Tiểu đoàn trưởng trong công việc chia phân nhiệm vụ đến với tôi. Đại đội 3 của Trung úy Thiện, người Nam, hình như thường được “đại bàng”, người Nam, dành cho những miếng thịt nạc, thoáng mát. Trái lại Đại đội 2 của Thiếu úy Hào, người Trung, thường phải húc đầu vào những cội âm u, kỳ bí. Tôi chẳng có giờ để suy nghĩ lâu, bởi Đại úy Tiểu đoàn trưởng đã cùng vị Đại úy cố vấn người Mỹ, đến ngay chỗ đám “con cái” tôi bố trí. Ông cùng viên sĩ quan Mỹ dùng ống dòm để thị sát cái “xóm mồ côi” trước mặt.

Lúc này Đại đội 3 đã tiến chiếm xong mục tiêu. Ánh nắng khoảng 4 giờ chiều dịu dàng. Lệnh chuẩn bị bữa ăn cuối ngày cũng đã bắt đầu. Giữa lúc hai vị sĩ quan Việt, Mỹ nắm vận mệnh tiểu đoàn, đang cùng nhau trao đổi ý kiến, thì âm thanh của AK nổ rộ từ “xóm mồ côi”. Tôi nằm sát mặt đất, đảo mắt nhìn đám “con cái” trong tư thế sẵn sàng tác chiến, rất vững bụng. Ông “đại bàng” của chúng tôi chột vỗ cánh. Vị sĩ quan người Mỹ vội chụp lấy một cánh tay ông “đại bàng”, rồi rít nói bằng tiếng Việt: “Đừng chạy, đừng chạy...”. Tôi hơi bàng hoàng, nhưng chột đoán ra ý định của vị Tiểu đoàn trưởng. Có lẽ ông muốn trở về ngay bộ chỉ huy và đại đội vũ khí nặng cùng đại đội 1, lực lượng yểm trợ, đang bố trí phía sau chúng tôi.



Đạn không ngót nổ trong “xóm mồ côi”, nhưng không có đường đạn nào qua hướng chúng tôi đang bố trí. Chúng tôi chưa khai hỏa yểm trợ vì đồng đội và địch quân cùng có mặt trong một mục tiêu. Sau chừng bảy phút chạp súng, chúng tôi thấy nhiều binh sĩ xuất hiện ở bìa xóm. Họ chạy về hướng chúng tôi. Đó là những khinh binh của Đại đội 3 và cả một số cán binh Việt Cộng. Để ngăn ngừa sự lợi dụng của địch nhằm mở rộng mặt trận, chúng tôi được lệnh khai hỏa. Tôi linh động cho binh sĩ bắn xuống mặt ruộng thay vì trực diện tác xạ. Đám binh sĩ của Đại đội 3 không dám trở về với tiểu đoàn, Việt cộng do đó cũng không dám theo đuôi. Chừng năm phút sau, Đại đội 2, được lệnh xung phong tiến chiếm mục tiêu và cứu bạn. Nhiệm vụ của chúng tôi được thực hiện hoàn hảo. Quân số của địch không đáng kể, nhưng nhờ lợi thế bất ngờ do lối đánh độn thổ, từ lòng đất chun lên, nên đã gây một số tổn thất đáng kể cho Đại đội 3. Rất may, kế hoạch chờ ban đêm khởi đánh của địch, bất ngờ bị một binh sĩ ta phát hiện nên cuộc chạp súng diễn ra sớm hơn. Một số địch tử trận, một số thoát chạy qua một “xóm mồ côi” kế cận. Chúng tôi không có lệnh truy kích mà phải rút lên một ngọn đồi cách mục tiêu vừa thanh toán không xa.

Con mưa nặng hạt bắt chợt đến cùng với cái chạng vạng, bám sát lưng chúng tôi lên đồi. Súng lại nổ vang dội từ một góc trời. Đơn vị bạn của tiểu đoàn chúng tôi chạp địch. Mặt trận này được nhìn nhận rất rộng. Tình báo đã rất chính xác về sự hiện diện qui mô của địch. Đơn vị chính qui Bắc Việt hình như thuộc Sư đoàn 2 Sao Vàng.

Sau khi ổn định vòng đai bố trí, tôi nghĩ thấy một mùi ngai ngái khó chịu. Hóa ra trong ba lô của An, người tà lợt của tôi, còn cất một con gà, không biết hẳn bắt được lúc nào, trong khi xung phong vào “xóm mồ côi”. Vì thời gian không cho phép, An không kịp làm thịt, sẵn nhà cháy, hẳn nướng con gà luôn cả lông. Gà chưa chín đã phải *zoulou* (di chuyển), gặp mưa lớn, lông chưa cháy hết bốc mùi hôi. Đêm hôm đó ba thầy trò nhin đói, nằm bên đồng đội, chờ tác xạ.



*Vào giờ G ta ra mặt trận  
ngồi trước ca-bin ngủ gật ngủ gà  
một chút nhớ em, một chút nhớ  
cái thang nào đó giống y ta*

*xe bỏ “mắt mèo” qua Châu Ô  
chờn vờn trước mắt bóng ma trôi  
nhìn lâu lại hóa thành đom đóm  
buồn bã bay khan ở cuối trời*

*éch nhái ve nhau, loạn thiên hát  
lạnh lùng hơi đất cuộn hơi sương  
che tay ngồi kéo dài hơi thuốc  
nhớ cái...lưng em thật dễ thương*

*nhét cái bản đồ trong áo giáp  
khẩu colt ngủ mỗi một bên đùi  
câu thơ chọt đến chọt đi mất  
mặt trận từ ta nói tới người  
(CỐĐDTT, LTHBVVBH)*

Hình ảnh nhiều cuộc hành quân tôi tham dự, được lặp lại nhiều lần như mấy đoạn thơ trên. Đó là những cuộc hành quân thường mở ra các mặt trận ở Sơn Tịnh, Sơn Mỹ, Núi Ngang... hoặc xa hơn, ở nhiều nơi trong địa bàn tỉnh Quảng Tín (thuộc Quảng Nam).

Sơn Tịnh là một huyện của tỉnh Quảng Ngãi, gồm một thị trấn và nhiều xã, trên một mặt bằng chừng 321 cây số vuông, với gò, đồi ở phía tây, và cồn cát phía đông. Ngày tôi đến Sơn Tịnh lần đầu tiên trong mùa mưa. Không có cuộc chạm súng nào trong cuộc hành quân hôm đó. Nhưng cái lạnh trên ngọn đồi chúng tôi dừng quân, đã mang lại cho tôi cơn bệnh cảm lạnh đầu tiên tại Quảng Ngãi. Tôi còn trở lại với Sơn Tịnh nhiều lần trong các cuộc hành quân về sau, nhưng cơn đất lạnh này không gây cho tôi một thương tích nào. Tiếc rằng không có duyên gặp một đôi mắt nào để nhớ nhưng

*nửa đêm qua thành phố  
nhà cửa ngủ, rập rình*

*xe chạy về Sơn Tịnh*  
*không lạnh mà rừng mình*  
(CỐĐĐT,LTHBVVBH)

Sơn Mỹ nằm trong huyện Sơn Tịnh, tôi cũng từng đặt chân tới vạt đất cách thị xã Quảng Ngãi chừng 13 cây số về hướng đông bắc này. Dĩ nhiên những lần hiện diện của tôi cũng không để viếng thăm và cũng không hề bắn phá. Bởi làng xóm này còn rất an ninh, ruộng đồng xanh tốt, cây lá tươi mướt, dân cư khá đông so với những nơi khác. Không hiểu vì cái chết của một người bạn hay vì tính cuồng sát, trung úy William Calley thuộc Lữ đoàn 11 Hoa Kỳ, đã tạo ở nơi này một vụ thảm sát rất dã man vào ngày 16 tháng 3 năm 1968.



Núi Ngang, là tên gọi thời chúng tôi thường hành quân, không rõ núi này còn tên gọi nào khác không. Từ quốc lộ 1, nơi đoàn xe GMC đổ quân, nhìn vào, ngọn núi có hình dáng nằm ngang, gần song song với quốc lộ. Ngoài đôi lần đuổi hươu, đuổi vượn trên sườn núi, chúng tôi thường tảo thanh các chòi nhà ở sát chân núi. Khoảng cách giữa điểm xuất phát đến những vùng ghi đỏ trên bản đồ hành quân khá xa và trông trái, nên chúng tôi thường phải khởi hành từ nửa đêm hoặc 3, 4 giờ sáng. Một lần sau khi vào đến mục tiêu, trung đội tôi có nhiệm vụ mở đầu cuộc lục soát. Khi tạm dừng quân, tôi vào một nhà dân, gặp một người đàn bà trạc tuổi 40 và hai đứa nhỏ. Người đàn bà tỏ ra rất bình tĩnh, nhưng tôi vẫn đọc thấy nỗi lo lắng trong đôi mắt bà. Tôi đi một vòng quanh nhà, dừng một phút trước một cái bàn thờ đầy bụi bặm. Bất cứ nhà dân nào ở những vùng chúng tôi hành quân, dù nghèo đến đâu cũng dành một nơi để thờ phụng. Và nếu hỏi thăm về người đàn ông trong gia đình, đều được trả lời họ đã quá vắng. Hôm đó tôi cũng có hỏi và được đáp như vậy. Nhưng khi tôi bước trở ra, rất tình cờ tôi bắt gặp một cuốn vở học trò, gấp làm đôi, dấp trên đầu cửa. Tôi lấy cuốn vở bỏ gọn vào túi quần trên ống chân tôi, trước sự bối rối của người đàn bà. Sau khi đi một vòng chu vi căn nhà, tôi mở vở đọc. Những trang giấy học trò ghi rõ ràng danh sách những người quyên đóng một số tiền cho một công tác, được điều động bởi những người chống đối

chế độ Quốc gia. Căn cứ dòng cuối cùng ghi rõ ngày tháng, tôi biết sự việc thu góp mới vừa cách qua đêm. Dĩ nhiên ở vùng nào phải thờ thổ địa vùng đó, tôi hoàn toàn thông cảm. Mười lăm, hai mươi phút sau, tôi được lệnh tiến thêm, lục soát tiếp xóm nhà khác. Trước khi đi tôi đưa trả cuốn vở cho người đàn bà và không quên căn dặn nên cất giữ cho cẩn thận. Chỉ chừng mười



phút sau, tôi thấy khói, rồi lửa bốc lên từ căn nhà tôi vừa dõng chân. Chẳng cách xa bao nhiêu, nên tôi quay trở lại xem nguyên nhân. Hóa ra Trung đội 1 của Lập tìm thấy cuốn vở tôi vừa giao lại và phóng hỏa. Tôi bất lực đứng nhìn người đàn bà hốt hoảng, lẳng xăng chữa cháy một cách tuyệt vọng. Hai chị em con bé, không giúp mẹ chúng được gì. Con chị đặt hai tay lên hai vai em. Cả hai cùng đứng nhìn lửa cháy thật bình thản. Tôi tiến lại gần chúng, nhỏ nhẹ hỏi.

- Các em có biết gì không ?

Con chị thân nhiên nói hai chữ “nhà cháy”, mắt nó không rời ngọn lửa, không biểu hiện một xúc cảm nào. Chúng còn quá bé. Tôi bản thân trở về trung đội của mình, tự trách phải chi dừng trả lại cuốn vở cho người đàn bà vùng xôi đậu kia. Cuộc hành quân lần đó của chúng tôi không thu được một chiến lợi phẩm nào,

cũng không tổn thất. Riêng tôi thỉnh thoảng vẫn như thấy ngọn lửa ngày hôm ấy, cùng đôi mắt và giọng nói vô tư của con bé xa lạ, ở sát một chân núi.

Một trong những cuộc hành quân trên vùng đất Quảng Tín, tôi còn nhớ là cuộc hành quân Liên Kết. Đây là một cuộc hành quân có qui mô lớn với sự tham chiến của nhiều đơn vị. Trung đoàn 4 Bộ Binh, Chi đoàn ba, Chi đoàn 4 Thiết Giáp và một biệt đội trừ bị Biệt Động Quân. Trong cuộc hành quân này, tôi có hai người bạn học cũ, thời Phan Châu Trinh Đà Nẵng. Lê Văn Nghĩa, Chi đoàn trưởng Chi đoàn 4 Thiết giáp và Phan Quảng Chi đoàn trưởng Chi đoàn 3 Thiết giáp. Chúng tôi gặp nhau ngoài mặt trận, cũng rất tình cờ. Với Phan Quảng, địa thế của vùng hành quân khá quen thuộc, nên bắt ngờ gặp tôi, hẳn đùa:

- Nếu có chạy, mày nhớ chạy ra hướng này, tao sẽ bốt.

Tôi cũng không quên ba lơn:

- Tao sẽ chẳng bao giờ đi Tam Quan đâu, mày yên tâm. Có cần tao tặng một bài thơ thay lá bùa để dán lên xe của mày không ?

Chúng tôi vui vẻ chia tay, trong cuộc gặp mặt chớp nhoáng bên bìa rừng. (Tam Quan là vùng trồng nhiều dừa, thuộc Bình Định. Hai chữ Tam Quan dùng để nói lóng, rất thông dụng trong binh sĩ vùng I chiến thuật, có nghĩa là tháo chạy chỉ mang được một cái “đầu máu” như cái gáo dừa).

Ngay sau đó, một chiếc trực thăng chở đến cho chúng tôi một viên hồi chánh. Cuộc hành quân này được tổ chức để tiếp thu một kho súng đạn lớn Việt Cộng cất giấu trên một đoạn núi thuộc dãy Trường Sơn. Rất xui, trung đội tôi bị chỉ định áp dẫn người hồi chánh cấp cao, mở đường đến mục tiêu. Tôi cẩn thận cho một khinh binh đi trước người hồi chánh, và sau lưng ông ta, chúng tôi di chuyển hàng một trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Viên hồi chánh dẫn chúng tôi qua một số cơ sở của Việt Cộng, khéo léo xây dựng trên sườn núi. Ngoài những địa điểm quan sát, ụ chiến đấu, tôi còn mục kích một căn cứ học tập được đào sâu dưới đất có mái che bằng lá, nguy trang rất tinh vi. Một số bàn ghế thô sơ được đặt trên một sàn cây. Sàn được hình thành bởi nhiều thân cây rắn chắc, suôn thẳng, ghép sát lại với nhau. Sàn cây này được treo thông dưới lòng hầm đất lớn, có bắc thang

đề lên xuống. Khi đi qua vài “kiến trúc” như thế, tôi cảm thấy yên tâm, bớt sợ bị lừa, đồng thời cũng nghĩ ra một câu vè, rửa thẳm trong bụng. Thăng cha này quả thật là thú: “ăn cơm Cộng sản, bỏ đảng thờ Quốc gia”.

Leo núi không phải chuyện dễ dàng với ba lô súng đạn công kèn. Nhưng cuối cùng cũng đến. Viên hồi chánh chỉ một đường luồn nhỏ đề lên đỉnh cao cuối cùng. Kho súng đạn được cất giấu trên đó. Một linh tính chẳng lành đến với tôi, khi nhận thấy đường luồn này chỉ có thể bò lên, không đi khom người được. Thay vì cả trung đội leo hàng một theo ông ta như đã đi. Tôi chỉ cho hai khinh binh, để lại ba lô cho đồng đội, một bò trước ông ta, một bò ngay phía sau. Số binh sĩ còn lại, tôi cho bố trí, chia họng súng ra chung quanh điểm đứng của chúng tôi. Tiên liệu của tôi thật chính xác. Người khinh binh thứ nhất bò vừa khỏi mút đường luồn, chưa kịp đứng thẳng người, đã bị viên hồi chánh phía sau, xô té nhào. Ông ta bỏ chạy, người khinh binh phía sau, chưa thẳng lưng đã nổ súng về hướng chạy của tên Việt Cộng, nhưng không còn kịp. Rừng núi đã dung nạp ông ta. Tôi lập tức cho khai hỏa đề yểm trợ hai binh sĩ của mình trở về. Sau đó tôi ra lệnh tác xạ đều bốn phía dù không thấy bóng địch quân nào. Vừa bắn chúng tôi vừa vội vã xuống núi, không cần xin lệnh của thẩm quyền tôi. Khi bắt gặp lại đại đội, chúng tôi được tiếp tục xuống vị trí an toàn hơn. Cao điểm bao giờ cũng lợi thế, nhưng không hiểu sao buổi chiều hôm ấy và suốt đêm kế tiếp, Việt Cộng im re, không một tiếng AK nào trả lễ.

Rạng sáng ngày hôm sau, một tiểu đoàn khác thay chúng tôi lên núi lục soát. Chúng tôi nằm bố trí chờ tiếp viện sát bìa rừng. Cuộc chạm súng ác liệt đã thực sự bắt đầu vào lúc xế chiều. Cho đến chạng vạng súng không ngớt nổ, đồng đội thay chúng tôi cũng trở thành lực lượng cầm chân địch, chờ đơn vị Biệt Động Quân thanh toán chiến trường. Những anh hùng mang đầu cọp làm tắt tiếng AK nhưng kho súng đạn hoàn toàn vô căn cứ. “Đồng chí hồi chánh viên” thật giả chẳng biết về đâu.



Mặt trận phía tây thị xã Quảng Ngãi, tôi khó quên nằm trên cao điểm Sơn Hà. Đi lũng giặc trong rừng núi trùng trùng điệp điệp cây lá âm u thật nguy hiểm, nhưng cũng rất thú vị. Tiếng suối, tiếng chim, tiếng cây lá và hàng trăm thứ tiếng lạ tai khác tạo thành một thứ âm thanh của núi rừng thật kỳ bí, vừa quyến rũ, vừa nham hiểm. Len lỏi qua từng gốc cây, tảng đá, tôi có cảm tưởng như được trở về với đất trời Tiên Phước thuở nào. Tôi mong nhìn thấy một con mang, một con nai hay một con chồn vớ vẩn nào đi lạc. Nhưng tuyệt nhiên không gặp. Đang vừa đi vừa suy nghĩ, hồi tưởng, tôi chợt nghe tiếng suối thân mật vỗ vào vách đá thật gần, ngay trước hướng tiến quân của chúng tôi. Không chậm chân, tôi vượt qua người khinh binh đi đầu. Chẳng mấy chốc, tôi phát hiện dòng suối phía dưới chân núi. Một thoáng bàng hoàng khi tôi nhìn thấy ba người lính đang bình yên đứng rửa chân. Đơn vị nào đến trước chúng tôi, khi chính chúng tôi có nhiệm vụ mở đường ? Trong hồi hộp, tôi quan sát kỹ, và giật mình khi thấy một trong ba người có choàng trên vai một tấm vải màu hoa dù. Tôi lập tức báo cáo lên Đại đội trưởng. Chúng tôi được lệnh dừng tại chỗ, tiếp tục quan sát. Ba anh lính “cụ Hồ” không hề hay biết sự hiện diện của chúng tôi. Họ rời dòng suối, từ từ từng người một, đi về hướng một mái chòi nằm trên một vạt đất trống, cách sườn núi không xa. Giữa núi rừng, đất trời vắng lặng, tôi nhìn theo dáng đi từng người, tự dung cảm thấy thương xót vớ vẩn. Trời đất buồn bã quá. Rừng núi thể lương quá. Sao họ có thể lạc lõng ở nơi thâm u này. Họ là người miền nào của đất nước, lưu lạc đến đây đã bao lâu. “Sinh bắc tử nam” có đúng là mục đích chính của mỗi cá nhân tự do chọn lựa. Thú thật lúc bấy giờ, tôi còn rất mù mờ về Cộng sản. Sự độc tài, đảng trị có thể có thật như một số sách báo tôi đã đọc. Nhưng chủ trương đánh đuổi ngoại xâm, thật hay giả của họ cũng rất đáng suy ngẫm. Đang miên man suy nghĩ linh tinh, tôi được lệnh, chuẩn bị tiếp tay với một nhóm binh sĩ của Chuẩn úy Bảy, đang kín đáo bò về hướng mái chòi. Không hiểu những cán binh Việt Cộng làm gì trong thời khắc ấy. Họ hoàn toàn mất cảnh giác giữa địa bàn hoạt động của họ. Tự tin hay thiu thiu ngủ để đến nỗi sau một tiếng lựu đạn vang trời, kéo theo những tiếng AR 15, chỉ có một dáng người nhào ra khỏi chòi, một đoạn ngắn. Tôi và binh sĩ của tôi chạy băng xuống sườn núi. Chỉ với khẩu *colt* trên tay, tôi chạy thật nhanh. Khi đã đến chỗ người cán binh ngã nằm,

không hiểu sao, tôi đá anh ta một cái rỗ mạnh. Cú đá làm chính tôi giật mình, ngó lại. Hóa ra anh ta chưa chết. Điều kỳ lạ hơn, anh không bị dính một vết thương nào. Ân hận vì cái đá, có lẽ vậy, tôi hỏi anh ta đau ở đâu. Anh chỉ rên mà không trả lời. Tiếng rên thật xót lòng. Những người lính của tôi xúm lại. Tôi bảo một người lật anh ta qua lại, tìm vết thương, hoàn toàn không có. Nhưng rõ ràng anh kiệt sức. Tôi đề nghị thẩm quyền bắt anh theo. Lời đề nghị được chấp thuận. Nhưng người cán binh chưa đến mười tám tuổi này lì lợm nằm rên. Tôi cho hai người lính khiêng, anh ta tri lại. Dằng cộ kéo dài đến mấy phút. Đại úy tiểu đoàn trưởng quan sát bằng ống dòm, bực mình chửi tôi qua ống liên hợp. Ông ra lệnh bắn bỏ và tức khắc lên núi. Tôi thi hành nửa khẩu lệnh của ông: lập tức trở lên núi. Những binh sĩ của tôi cũng rất nhân đạo. Một tràng AR 15 xoáy trực tiếp xuống mặt đất cho ông tiểu đoàn trưởng yên tâm. Tiếng rên của người cán binh nhỏ dần, đồng đội của anh có tất cả 4 người đều đã bỏ mạng. Anh sẽ về đâu khi chúng tôi tiếp tục cuộc hành quân. Đây không phải lần đầu tiên tôi tha quân địch. Hồi vào An Mô Đức Hải, chúng tôi tóm được đến ba chàng du kích. Tôi không báo cho đại đội trưởng và thả họ đi khi chúng tôi di chuyển. Trong chuyến quay trở về, ngang qua An Mô, chúng tôi nhận được nhiều tràng đạn, rất may không ai “rách áo” hoặc “đi phép”. Ai đã bắn chúng tôi, ngoài ba người du kích tôi đã thả? Vì mạng sống của chính mình, của đồng đội, tôi tự nhủ không nên ba lơn, lơ ngó ngoài mặt trận. Nhưng quả thật tôi chưa hề bắn một ai. Nhiều lần tôi tự hỏi mình đã là kẻ sát nhân chưa? Có thể lắm, những lần gọi pháo binh dọn trước một chỗ sẽ đến, hay làm ám một ổ nằm, đã chắc gì không có ai tổn thương bỏ mạng?



Vùng đất Tư Nghĩa, nơi sản sinh cảnh sắc Thiên Bút Khê Vân, không xa thị xã Quảng Ngãi bao nhiêu, nhưng không thiếu bóng dáng những người tự cho mình cái bổn phận “giải phóng miền Nam”, dù miền tự do này không có gì cần giải phóng. Đã có hơi thở của “mặt trận” là cần có những cuộc hành quân táo thanh, bình định. Tôi có mặt trong vài lần hành quân lục soát ở khu vực này. Thật ra chẳng có gì đáng nhắc nếu không có một bữa kích đêm, suýt phạm tội.



Đêm hôm đó trung đội chúng tôi có nhiệm vụ nằm tại một trong những xóm nhà dân để giăng một mẻ lưới, bắt vài con cá nhỏ theo tin tình báo. Các xóm nhà dân lụp xụp thường qui tụ năm ba cái lại với nhau một cụm. Vì tính chất một cuộc kích đêm, với quân số ít, điểm nằm nên linh động thay đổi. Trước 4 giờ chiều tôi đã chọn điểm nằm chính, nhưng hơn 6 giờ chúng tôi vẫn lớn vồn ở một điểm phụ. Phần lớn dân trong xóm đều có thân nhân hoạt động cho địch. Đêm tối là thời điểm thuận lợi cho họ trở về sum họp với nhau. Khi có chúng tôi, những chủ nhà thường tìm cách kín đáo thắp lên một ngọn đèn nhỏ trong giây lát để báo hiệu cho người thân của mình đừng xuất hiện.

Sau khi bố trí binh sĩ nằm quanh một khu vườn hẹp, tôi theo người lính đàn em vào nơi nghỉ đêm, qua sự sắp xếp trước của cậu ta. Căn nhà quá hẹp, ngoài bộ bàn để sát cửa ra vào, chỗ còn lại chỉ đủ cho hai cái chõng tre, đặt song song và cách nhau vừa một cánh tay với. Hiện diện trong nhà chỉ hai chị em. Cô chị chưa tới 30. Cô em nhỏ hơn ít tuổi. Trong ánh sáng lờ mờ, tôi không nhìn rõ nhan sắc của hai người con gái. Nhưng ánh mắt của cô em chợt giúp tôi nhìn ra một sự chờ đợi rất lãng mạn.

Tôi nằm trần trọc không chớp mắt sớm được như thói quen. Mùi da thịt đàn bà cứ ngấm vào thân thể tôi không những bằng mũi mà còn qua nhiều cơ quan khác. Lâu ngày xa vợ cứ làm tôi thao thức lưỡng lự. Tôi biết rõ cô chị nằm mé ngoài chõng tre. Mặt mày cô này rõ ràng nghiêm nghị, không nên đụng vào. Cô em với đôi mắt và nụ cười mím vừa qua như hẹn hò là cả một cơ hội. Tôi suy tính và phát hiện cả hai cô đều còn thức. Nhất là cô chị có vẻ bồn chồn. Tôi có thể đoán biết nỗi bận tâm của cô, nên thử tạo cơ hội.

- Hình như có tiếng động gì lạ dưới bếp, cô nào có thể xuống thử coi.

Tôi nói trống trong bóng tối. Cô chị chỉ chờ có vậy, lật đật mò xuống bếp. Không bỏ lỡ thời cơ, tôi vói tay qua. Rất bất ngờ, cô em đã lăn sấn ra mé ngoài. Khi chạm tay tôi, cô nắm lấy và cho tay tôi luồn ngay vào áo. Cặp nhũ hoa của cô bé thật săn chắc, tôi xoa nắn nhẹ nhàng vài vòng rồi rút tay về với ý định tìm đến mục tiêu chính. Cũng rất bất ngờ, cô bé quyết liệt đẩy ra. Nhưng cô tiếp tục cho tay tôi lên cặp nhũ hoa. Thật tình, đây là

lần đầu tiên, tôi có những hành động sàm sỡ bất chính, nhưng không đẹp được những lo sợ của mình, nhờ vậy mọi háo hức của tôi lắng dịu mau lẹ. Tôi thử cố gắng vươn đến mục tiêu chính vài lần nữa nhưng cô gái vẫn trì kéo, giữ tay tôi cho tự do trên vú của mình. Cô chị đã thấp vợi ngọn đèn trong giây lát rồi lặng lẽ trở lên. Tôi hoàn hồn nằm trở xuống. Đêm thanh vắng đắp kín tôi bằng một màn đen tối dày đặc. Tôi tự xấu hổ với chính mình, nhưng không bớt bản khoăn. Rõ ràng cô gái có sự kích thích ham muốn. Hai vú cô săn cứng nhưng sao lại từ chối một bàn tay đặt vào vị trí trọng yếu như vậy. Tôi đồ chừng cô trong giai đoạn treo cờ đỏ hoặc là một ngọn đồi trọc, đúng như lời nhiều người nói về một số cô gái. Giả thuyết đầu có lẽ hợp lý hơn. Cứ nằm lý giải vu vơ như vậy, tôi thiếp vào giấc ngủ. Sáng hôm sau tôi dậy thật sớm, không nhìn lại hai cô gái lần nào nữa.



Rừng Lãng nằm gần doanh trại bộ chỉ huy Trung 4 Bộ Binh của trung tá Nguyễn Văn Lâm, người miền Nam. Một trận đánh rất khốc liệt đã diễn ra trong vòng đai thường xuyên tảo thanh, lục soát của các tiểu đoàn 1, 2, 3, 4, khi thay nhau về nằm ứng chiến. Cũng nhờ cuộc chạm súng này, tôi xác định được, việc xích chân xạ thủ bên ổ súng, để chiến đấu đến cùng của Cộng quân là có thật. Không phải chỉ là tin đồn miệng. Nhưng tôi sẽ không nhắc lại diễn tiến trận đánh, bởi riêng tôi, không lượm lại được một kỷ niệm đáng quý nào. Nhớ lại Rừng Lãng, nhắc đến bộ chỉ huy Trung đoàn 4 chỉ để hồi tưởng cái lần tôi phải đổ máu đầu tiên.

Chúng tôi được lệnh cắm trại trăm phần trăm để chuẩn bị một cuộc hành quân. Tiểu đoàn 1 của chúng tôi do Đại úy Cẩn chỉ huy, hiện đang được nằm ứng chiến cho trung đoàn. Doanh trại dã chiến của chúng tôi nằm ngay sau lưng doanh trại trung đoàn. Với vài vòng rào kẽm gai lỏng lẻo, hờ hững, doanh trại này quả thật rất dễ bị xóa bỏ, nếu có cuộc tấn công. Từ buổi trưa đoàn xe GMC mười mấy chiếc đã vào sân doanh trại. Nhưng chúng tôi chưa được lệnh xuất phát. Kế hoạch hành quân hình

như có sự thay đổi. Đoàn xe ra về không mang theo một anh lính bộ binh nào. Nhưng lệnh cấm trại vẫn được duy trì.

Mỗi một lần trước khi hành quân, lệnh bảo mật được dặn kỹ, nhưng thật khó thực hiện. Khi có lệnh cấm trại, binh sĩ đương nhiên biết sắp có hành quân. Họ thường lảng xãng lo nhiều việc linh tinh và không ít người ra khu gia binh tạm bợ ngay bên ngoài vòng đai doanh trại. Tình báo địch do đó sẽ nắm chắc được đơn vị có tham dự hành quân hay không. Thậm chí còn có thể biết được những nơi quân Quốc gia sẽ viếng. Riêng tôi trước mỗi cuộc hành quân thường có ít phút buồn buồn. “Xanh cỏ đỏ ngực”, “Sống lâu lên lão làng” là những câu thường được nghe binh sĩ truyền miệng. Với tôi, những mục tiêu trên không mấy quan trọng. Từ nhỏ tôi đã không có cảm tình với bói toán, nhưng tôi lại rất tin mình sẽ có một số tuổi đời đáng kể, sau nhiều lần thoát chết trong gang tấc. Tôi vẫn thường nhớ lại những tai họa mình đã vượt qua. Một lần ngộ độc vì bánh xèo, may nhà gần bệnh viện, súc ruột kịp thời. Một lần, ngày đoàn ngộ, về quê ăn mừng Năm cùng anh chín Hiền, xe đồ bị lật sát bên đầu cầu Đỏ. Hơn 15 người bỏ mạng. Anh tôi phải nằm viện hơn 3 tháng. Phần tôi, với vết thương ngay trên đầu, vẫn còn được đóng dấu chứng nhận hẳn hoi bằng một cục seo tròn tròn. Gần đây nhất, trái mìn ba râu (loại mìn rất mạnh) bên một con lạch ở Đức Hải, xì khói mờ mịt dưới một bàn chân tôi nhưng không chịu nổ. Ông địa của vùng giàu mìn, lựu đạn này đã không mím cười với tôi. Chân thành đa tạ. ...”*Nhà thơ mà vác súng đi lơ ngơ vào vùng sấm sét, e rằng không khá được*” Đây là nhận xét của nhà văn Lâm Chương. Đồng tình với ý nghĩ này, ông bạn tôi, Lê Vĩnh Thọ, một nhà thơ phản chiến, vẫn đinh ninh chuyện tôi sẽ tử trận là điều chắc như đinh đóng, không thể tránh được. Anh nảy ra cái ý viết đưa đám tôi bằng một bài thơ, để tôi có dịp đọc trước khi thực sự vĩnh biệt sân chơi thế gian. Bài thơ quá dài, đến 222 câu, tôi xin phép trích ghi tiêu biểu:

*mày đã chết  
hỡi Thiếu úy Lê Ngọc Châu  
hỡi Luân Hoán  
mày đã ngã xuống  
mày đã anh dũng đến nợ nước  
người ta nói thế*

*tao cũng tin thể chẳng  
anh đừng đền nợ nước  
tổ quốc ghi ơn  
nhưng vợ mày chắc oán  
vợ mày với đứa con trong bụng  
đứa con sắp ra đời, mùa xuân sắp tới*

...  
*và đứa con sắp ra đời không có cha bên cạnh  
mãi mãi không có cha  
có cần xin lỗi gia đình mày  
có cần xin lỗi vợ mày  
ôi người vợ rất hiền rất trẻ rất ngây thơ bên lễn  
tuổi vợ mày chưa bằng tuổi chiến tranh  
người vợ mày thường gọi tên trong những bài thơ  
đĩ nhiên không phải thơ tình*

...  
*được tin mày chết  
tao chẳng ngạc nhiên  
việc phải đến đã đến  
cần gì phải tiên tri  
trong thâm tao vẫn đợi  
hòa bình ơi hãy đến  
trước khi mày ra đi  
sớm muộn gì cũng chết  
trở về có mấy khi  
không khóc bằng nước mắt  
khóc mày một bài thơ  
có thể tao tàn ác  
khi tin mày sẽ chết  
trong cuộc chiến hôm nay*

...  
*hỡi Luân Hoán  
tao đâu muốn đùa dai  
tao đâu muốn tàn ác  
tao tưởng tượng mày đã chết  
mày còn sống khác chi*

...  
*thương mày tôi còn nổi niềm tin  
trái tim mày bất diệt*

*trái tim sẽ kết tinh  
mà nước mắt vợ hiền  
mà nước mắt bạn thân  
không làm tan thành nước  
chỉ có giọt lệ thơ  
và giọt lệ quê hương  
mới làm mây xúc động  
hỡi Luân Hoán  
tao đã khóc mây khá dài  
mây có khôn thiêng về đọc bài thơ này  
ô hô*

(Lê Vĩnh Thọ, 21-01-1969 trích NHCBC)

Không rõ bài thơ chân tình của Thọ có là một nỗi ám ảnh ? Buồn buồn là chuyện có thật trước mỗi cuộc hành quân tôi tham dự. Hôm đó cũng vậy. Nằm bên cạnh một người lính gác, tôi vẫn vợ nhớ đến vợ, đến cha, đến em trai, đến bè bạn rồi ngủ quên. Khi tôi thức dậy, trời tối như mực. Tôi lên tiếng hỏi:

- Đứa nào gác đó ?
- Dạ em, thâm quyền.

Người lính không xưng tên, nhưng tôi đã biết. Che tay bấm đèn pin, tôi lần mò đi thăm vòng đai một lần. Mặt trung đội tôi bố trí hướng ra một vạt đất trống ngay sau lưng trung đoàn. Trời có sương lạnh lạnh. Tôi vẫn mặc áo giáp thay áo ấm, ngay khi ngủ. Tôi dặn dò người lính gác cẩn thận, đồng thời cũng bày tỏ cái linh tính khác thường của mình. Tôi tin đêm nay sẽ có xảy ra một chuyện gì đó. Tôi nằm trở xuống. Nhưng đầu chưa kịp chạm đất, tôi đã giật mình ngồi dựng dậy, vì một tiếng nổ của trái hỏa châu, từ vọng gác bên trung đoàn bắn lên trời. Tôi lều bều chửi thề, chẳng thềm ngo quanh, khi ánh sáng đủ để quan sát. Đêm thanh vắng tịch mịch trở lại. Biết không còn ngủ được tôi lim dim làm thơ trong đầu. Cả trăm đoạn thơ con cóc như sau đã được tượng hình từ nhiều lần thức, ngủ lơ mơ như thế:

*yêu em yêu biết mấy  
biết cất giữ chỗ nào  
mang theo với súng đạn  
với mấy ngày lương khô*

*giữa trời ngôi ỉa vát  
lên ngọn cỏ Thu Xà  
trên tay cầm khẩu súng  
chĩa mũi gờm bóng ma*

*đêm choàng hơi đá núi  
sương ướt đầm poncho  
chợp mắt mơ chặn gỏi  
ọc sữa tự bao giờ*

*ba năm đeo lưng lẳng  
một khẩu colt 45  
khóa an toàn mở sẵn  
viên đạn vẫn trong lòng....*

Thơ thần là chuyện không cùng với tôi. Đáng tiếc thay đêm hôm đó...Tiếng hỏa châu thứ hai kéo theo tiếng la lớn của người lính gác, ngay dưới chân tôi: Việt Cộng. Trong tí tắc những tràng đạn AR15 thi nhau nổ. Tương chừng như đã hẹn hò trước, những quả đạn súng cối từ đơn vị pháo binh, ào ào chụp xuống ngay sát bên ngoài vòng đai an toàn của chúng tôi. Trời sáng rực rỡ. Tôi đã có mặt hàng ngang với binh sĩ. Bên tôi là Tám, mang máy truyền tin và An, người lính đàn em. Tôi không thấy một bóng giặc nào, ngoài những đường đạn bắn ra. Cũng không có đường đạn nào của địch quân. Cuộc tác xạ một chiều như một cuộc chơi, hình như ai cũng bình tĩnh bóp cò cho thoải thích. Năm bảy phút vãi đạn qua nhanh. Những trái hỏa châu nối đuôi nhau treo lủng lẳng giữa trời những ngọn đèn sáng rực. Tôi cầm ống liên hợp, nhận lệnh từ Đại đội trưởng. Truy kích địch, đương nhiên. Sau tiếng hô xung phong của tôi. Binh sĩ vừa bắn vừa nhào ra. Tôi cầm khẩu *colt* vượt hàng ngang với lính. Một rồi hai rồi ba rồi bốn...tên Việt Cộng vùng dậy chạy. Hóa ra những tên đặc công có nhiệm vụ đi trước cắt bỏ dây rào thép, chướng ngại vật đã nằm trong vòng an toàn của chúng tôi, nên đạn pháo binh không làm họ sút mẻ. Đạn tránh người, người không tránh đạn có thể là như vậy. Một tên nữa vùng đứng lên chỉ cách tôi mười bước. Thằng An dương súng, tôi hô lớn “Đừng bắn!”. Liền đó tôi nghe như ai đâm mạnh vào ngực trái của mình. Tôi ngã vật xuống, lơ mơ bên tai một tiếng nổ lớn. Tôi bình tĩnh lại nhanh chóng trong tiếng đạn không ngớt nổ chung

quanh. Đưa tay lòn vào ngực áo, tôi mò tìm vết thương, không thấy. Đẩy sâu bàn tay ra sau lưng, tôi cảm nhận cái uơn ứót... Tôi bò vào chỗ nằm cũ. Trái lựu đạn Việt Nam từ tay người tôi không cho lính bắn đã trả ơn tôi bằng một hành động thiết thực khi tham chiến. Không giết người, người giết mình. Không nên có sự nương tay, khi hai bên cùng sử dụng vũ khí. Những người đặc công đêm ấy, không có súng, Họ chỉ có lựu đạn, có lẽ để tự sát hơn dùng trong việc cận chiến. Tôi được đưa về bệnh viện Dã Chiến Quảng Ngãi. Cảm ơn Sương Sông Vệ đã ghé thăm.



Cũng đôi lúc tôi tiếc đã không ghi lại nhật ký. Những cuộc hành quân tại Núi Tròn, đèo Bình Đê, Minh Long...do đó chẳng nhớ ra những đặc điểm nào. Hành quân là một công việc tay phải của những người lính, được đặt trong thành phần chủ lực như chúng tôi. Chuyện tham dự hành quân trở thành bình thường như những chuyện ăn, ngủ, làm tình. Và những cuộc hành quân thường na ná giống nhau. Cắm trại. Tập họp. Kiểm tra quân số, đạn dược, lương khô...Rồi im lặng vô tuyến, rồi khai hỏa, tiến chiếm mục tiêu, lục soát, phòng ngự, truy kích, tải thương, báo cáo...cứ đều đều lặp lại như vậy. Riêng tôi may mắn còn có thêm vài phụ mục: ngắm cảnh, nghe ngao ca hát, làm thơ. Đã giống nhau như vậy, nên tôi xin dành những trang sau cho cái thời lẩn quẩn ở Núi Đẹp, Quán Lác, Thi Phổ, Mỏ Cà, Đức Phụng, Đức Phổ...mỗi nơi một vài nét gọi là một chút tri ân.

Núi Đẹp, Quán Lác, Mỏ Cà, Văn Bông liền nhau. Với những địa điểm này tôi nhớ nhất là con rắn lục có bầu, bị chính tay tôi bắn chết khi đột kích lên đồi Văn Bông.

Từ mờ sáng chúng tôi đã lọt vào mục tiêu, không phải bắn một viên đạn nào. Mặt bằng Văn Bông có nhiều đường hầm chạy loanh quanh. Đây là cao điểm kéo dài đến Mỏ Cà, nơi nổi tiếng bắn tia của Việt Cộng. Cuộc đột kích của chúng tôi lên Văn Bông đã không tóm được một anh chị du kích rắn mắt nào. Nằm chờ lệnh rút quân trong ánh nắng gắt, tôi chui vào một bụi lá vừa đủ che từ ngực đến mặt. Con gió hiu hiu kéo hai mí mắt tôi lại gần với nhau. Chập chờn. Chợt trong một ánh nhìn, tôi phát hiện, ngay gần sát mặt, bụng một con rắn lục bất động. Hoảng hốt tôi lẩn ra khỏi bụi. Vài ba người lính chạy tới hỏi dồn: “Gì vậy, gì vậy chuẩn úy?”. Tôi thất sắc đáp gọn: “Rắn...rắn lục!”. Những đôi mắt lập tức xuyên vào các nhánh lá theo tay tôi chỉ. Lạ, chẳng anh lính nào tìm ra. Họ về lại vị trí. Tôi bắn khoăn, chẳng lẽ mình loạn thị và tại sao sợ rắn đến quá như vậy. Có lẽ do phát hiện bất ngờ và sự cận kề quá sát với con thú có nọc độc. Tôi không chịu bỏ qua. Dòm bên này, ngắm bên kia cuối cùng những nguy trang khéo léo của con rắn cũng bị tôi phát hiện. Tôi gọi vài binh sĩ nhưng chẳng ông nào chịu nổ súng. Lưỡng lự vài giây, tôi lấy cây AR15 của An, kê gần sát thân con rắn, bắn một viên một. Tiếng nổ giúp ông Đại đội trưởng gọi máy hỏi thăm. Đây chính là lý do những người lính không dám khi không nổ



súng. Con rắn chết, đám binh sĩ kéo xác ra ngấm và “báo cáo” con rắn có mang. Tôi nghe trống ngực đập thình thịch. Nhớ ra hôm nay là ngày rằm tôi càng ân hận, lo sợ. Tôi nhờ An đào một cái lỗ chôn con rắn. Nằm gác tay lên trán vẫn vợ. Tôi nhớ đến chuyện con rắn trả báo cụ Nguyễn Trãi thời xưa. Tôi hình dung ra cả chuyện thanh xà bạch xà. Lại nghĩ đến chuyện cầm sát sanh, nhất là ngày rằm, mừng một. Tôi lo sợ vẫn vợ, rồi tự bào chữa. Sát sanh mang tội, nhưng giết một con vật ác lại là một việc thiện. Thiện ác thật ra lẫn lộn vô cùng. Dù sao tôi cũng đã vái thầm trong bụng cho mẹ con con rắn sớm siêu thoát. Tôi buồn và lẩn thẩn có đến vài ngày hôm sau.

Núi Đẹp còn để cho tôi vài chuyện không vui khác. Tôi được lệnh chọn một tiểu đội của mình, để đột kích vào một xóm dân. Qua tin tình báo, có một nữ du kích về tổ chức mừng ngày sinh của “cụ Hồ”. Tiểu đội của Hạ sĩ nhất Tý lãnh nhiệm vụ này. Họ được tôi cho Tám mang máy truyền tin theo. Nằm trong hầm cát tại núi Đẹp tôi không yên lòng về những đàn em của mình. Cuối cùng tôi nhận tin tốt đẹp. Cuộc đột kích thành công. Cô nữ du kích chết tại chỗ. Tôi cũng được cho biết cô gái không may ấy tên Tuất, còn rất trẻ. Chẳng hiểu sao tôi cảm thấy nao nao buồn.

Chuyện không vui thứ hai với Núi Đẹp vào tết Mậu Thân. Lần đó tôi bỏ đơn vị về Đà Nẵng. Khi trở vào tôi được biết Chuẩn úy Âu, khóa đàn em của tôi, được đổi về tiểu đoàn chúng tôi. Anh đã không có cơ hội ăn cơm nhà binh lâu dài, khi phải thay tôi tạm nắm Trung đội 2 khi tôi vắng mặt Anh ra đi ngay trong căn hầm tôi thường nằm. Cái chết của anh không trực tiếp do tôi gây ra, nhưng rõ ràng có một liên đới. Buồn cho anh, mừng cho tôi, tôi càng trở nên vật vờ hơn trước. Thân chết kêu ai nấy dạ. Biết đâu tôi có mặt nhưng không nằm trong hầm cát ấy, một nỗi nhớ nhưng nào đó rủ tôi ra ngoài chẳng hạn. Đùa vậy thôi, những trận đánh trong chiến dịch Mậu Thân của Việt Cộng đâu có giờ để vẫn vợ, họa may tôi bị đày nằm đêm ngoài Mỏ Cày.

Địa bàn hoạt động của Bộ chỉ huy tiểu đoàn ở Quán Lát vươn đến Đức Phụng, Đức Hải và nhiều vùng khác. Riêng hai địa danh đẹp này thỉnh thoảng lại gọi một vài binh sĩ đi đầu thai

vì mìn và lựu đạn. Chẳng có cuộc chạm súng ra hồn tại Đức Phụng lẫn Đức Hải, ngoại trừ một lần dành tặng cho Chuẩn úy Nam. Cũng là một người đứng ra gánh bôn mạng tôi, khi anh thay tôi chỉ huy Trung đội 2 vào những ngày tôi nghỉ phép.

Tiền đồn Đức Hải nằm trên một bãi cát, sát biển. Một đại đội thay phiên nhau đồn trú ở đây trong vòng mười lăm ngày. Nếu không phải đây là vùng kiểm soát của địch, thì cuộc đóng quân hết sức lý thú. Biển trời mênh mông, không khí trong lành. Hơi thở của người lẫn thú rất khiêm nhường. Công việc hàng ngày của binh sĩ là bung ra lục soát cái xóm nhà chỉ mươi nóc gia lân cận. Rồi tha hồ đóng quân ngủ tại chỗ suốt cả ngày. Trong cái cảnh thanh thoi thanh bình ấy, tôi tìm được một căn nhà khá khang trang, nhất là có một cô bé hay cười, móm mím rất dễ thương. Ngày nào tôi cũng qua mắc võng nằm chơi bên sự quần quít của cô bé chưa quá 16 này. Chuẩn úy Nam, người Sài Gòn, lon chưa phai bớt màu vàng đã không may thay tạm tôi “bảy ngày về phép”. Nam là một thanh niên đẹp trai vui vẻ, hôm tôi đi phép, chính anh nắm trung đội mở đường. Anh đã vô tình lặp lại những thói quen của tôi. Căn nhà có con bé xinh xắn từng theo tôi về thị xã Quảng Ngãi, đã trở thành cứ điểm cuối cùng của Nam nhìn thấy cuộc đời. Khi tôi trở về đơn vị, xót xa có thêm một bài thơ:

*Từ đồn Đức Hải ta về phép  
bạn thế chân ta kích xóm bên  
chôm xóm tiêu điều năm mái rạ  
cây cụt đầu ngang ngọn cỏ mềm*

*đâu có chỗ nào vừa mắc võng  
nằm hoài cũng mỗi cái lênh đênh  
bạn bắt chước ta vào chái bếp  
nhà “con bò lặc” của anh em*

*hôm đó nghe đâu trời nóng lắm  
nắng tràn bốn phía nắng bao vây  
lâu lâu gió biển vung roi quất  
muối xác thâm đen cả mặt mày*

*bạn mới ngả lưng lim dim mộng  
carbin bảy-chín lần AK*

*trời xanh thăm thẳm hồn nhiên quá  
phận số dành riêng mỗi chúng ta ?*

*ta trở lại đồn qua xóm cũ  
rút colt bắn lấy cái lu sành  
nước tràn lu vỡ, trời, ta khóc  
bóng bạn chập chờn đóm lệ xanh*

*ô hô mới cách mười lăm bữa  
mà nắng tan hoang vĩa cả trời  
quà mang tặng bạn chia cho lính  
côn bình đồng rượu bạn và ta*

*uống đi em út sao buồn vậy  
hóp này đãi bạn, hóp phạt ta  
mực khô dai nhách ? ồ, ngón út  
máu rỉ hay là mắt ta hoa*

*Nam ơi, Đức Hải trưa nay vắng  
biển lặng ngòi không xốt phận mày  
ngày mai nhớ trại lòng Đức Phụng  
đến lượt ta hay đũa nào đây ?  
(CỎĐĐT.LTHBVVBH)*



Trong những ngày đồn trú tại Núi Đẹp, trung đội tôi được thay phiên nằm giữ những yếu điểm trên quốc lộ 1 như cầu Sông Vệ, nằm phía Bắc Núi Đẹp, tiền đồn Thi Phổ, nằm phía Nam Núi Đẹp.

Đóng quân giữ Cầu Sông Vệ là thời gian thư giãn lý thú nhất. Tình hình an ninh khá khả quan. Từ bảy giờ sáng đến 4 giờ chiều tấp nập đông vui. Xe lam, xe đò qua lại thông suốt. Đêm đến có phần nặng nề, nhưng chưa có gì đáng tiếc xảy ra trong suốt gian đoạn tôi có mặt tại Quảng Ngãi. Với nhiều lạc quan, tôi thường xuyên theo lính lợi vào chợ, không mang ý đồ “traai khôn tìm vợ chợ đông” (ca dao). Người và hàng hóa thật sự giúp tôi vui mắt, vui lòng. Được nhìn, được nghe cảnh sinh hoạt hàng

ngày của đồng bào mình trong thanh bình cũng là một hạnh phúc. Ước mong khiêm nhường của tôi đâu ngờ được tặng thưởng một cách xứng đáng. Tôi có một bóng hồng biết thỉnh thoảng ghé thăm cát thăm chơi. Tôi có một nhân vật để vài bài thơ đậm thêm chút duyên sắc.

Đóng quân trấn giữ tiền đồn Thi Phổ là đặt mình vào hoàn cảnh trái ngược hẳn với cầu Sông Vệ. Tiền đồn Thi Phổ cũng nằm sát bên quốc lộ 1. Đây lại là giao điểm liên lạc, tiếp tế của Việt Cộng. Tiền đồn Thi Phổ có đầy đủ công sự chiến đấu, hầm cát chỉ huy, dày đặc vòng rào kẽm gai, cùng mìn bẫy. Có cả trụ cờ. Để cho cái yết hầu của mình thông thương, Việt Cộng bằng mọi cách phải nhổ cái chốt Thi Phổ. Trước tôi đã có nhiều đơn vị bị búng đi. Đồn bỏ trống một thời gian khá lâu thì đến phiên tôi tái trấn giữ. Chỉ qua đêm thứ ba, trung đội của tôi bị tấn công. Hòa lực của địch rất mạnh. Bằng những quả súng cối 60, đặt hàng ngang trên mặt quốc lộ, họ khai hỏa trực chỉ. “Cái chết hạnh phúc”(chữ dùng sau này của nhà văn Nguyễn Sao Mai) đang cận kề, tôi cùng binh sĩ nằm sát đất bắn trả đũa cầm chừng. Thâm quyền trực tiếp của chúng tôi chắc đã chọn phương án hy sinh đồng đội, để giết một ít địch quân. Chúng tôi được pháo binh tiếp viện. Nhưng những quả đạn được điều chỉnh rơi ngay vào tiền đồn. Rất may quyết định liều lĩnh, hơi thiếu tình nghĩa “huynh đệ chi binh” của ông Tiểu đoàn trưởng đã cứu chúng tôi. Việt Cộng chỉ cần nhổ đồn, không cần tịch thu vũ khí, xác người. Chúng bỏ đi để mặc cấp trên tàn sát cấp dưới. Một phép lạ đã giúp chúng tôi. Tàn trận với ba binh sĩ hy sinh. Mười người khác bị thương, có nặng, có nhẹ. Riêng tôi hoàn toàn vô sự. Rất buồn trước những cái chết của binh sĩ, trong đó có Thị, Bình Định giỏi võ, có Thế, mập mạp luôn được cô vợ rất đẹp lên thăm, nhưng lại mắc chứng kinh phong khá nặng. Xin thấp cho các em những nén hương muện màng.

Từ Núi Dẹp chúng tôi còn tham dự trận đánh ở Nghĩa Hưng. Đây là một trận đánh không thua nhưng chúng tôi đã bỏ chạy một khoảng đường có đến mấy cây số. Mục tiêu là một liên xóm còn rất nhiều cây cao bóng cả. Ranh giới giữa chúng tôi và quân địch chỉ là một bờ đất cao quá đầu người. Không sử dụng được súng. Cả hai bên đều dùng lựu đạn. Chúng tôi chiến thắng nhờ chất lượng của những trái na Mỹ quốc. Khi đã biết Việt

cộng rút lui, tôi cho xung phong vượt qua bờ đất. Rất có thể Việt cộng như cho chúng tôi “quá giang” thật sâu để làm thịt. Nhưng tôi vẫn còn đủ bình tĩnh khi đọc thấy cái im lặng bất thường của phe địch. Tôi cho lệnh rút quân ngay sau khi vượt qua bờ cát phía địch không quá mười thước. Về lại vị trí chiến đấu cũ, qua liên lạc vô tuyến, tôi chung hững biết trung đội mình bị cô tình bỏ lại để lập đầu cầu an toàn, tiểu đoàn và cả đại đội trực tiếp của mình đã rút khá xa. Lập tức, tôi cho lệnh rút, đúng vào lúc ấy có tiếng AK tiến chân.. Cuộc chạy việt dã của chúng tôi bắt đầu. Vừa mệt vừa tức, Nếu chặng đường không đủ dài giúp tôi bình tĩnh có thể tôi đã phạm tội khi gặp lại đại đơn vị. Tôi có chút ít ba gai, lè phè trong những ngày phép, nhưng rất hết lòng trong các cuộc hành quân. Tôi không bị ký phạt ngày nào, kể cả thời bỏ ngũ trong dịp Mậu Thân, nhưng tôi luôn được hưởng những tình huống khó giữ mạng, nếu không nhờ may mắn và những đấng vô hình nào đó che chở.



Cuộc hành quân khép lại đời binh nghiệp của tôi rất khốc liệt. Ghi lại diễn tiến những cuộc chạm súng nối nhau trong sáu ngày liền sẽ rất dài dòng và có thể nhàm chán. Trái mìn thứ hai tôi đâm phải trong đời lính, không thể không nổ. Âm thanh của khối vô giác này, tôi còn được nghe rõ nên tôi vẫn còn trong cuộc sống. Bốn hay ba giờ chiều ngày 11 tháng 2 năm 1969, con đất Thi Phổ một lần nữa nâng đỡ tôi phần nào. Tôi được đưa đến bệnh viện dã chiến của người Hoa Kỳ trên một ngọn đồi ở Đức Phổ. Bậc sinh thành đưa tôi vào đời với một thân thể lạnh lặn bình thường. Nay hai chân đã mất một, tôi ghi thế nào về những cảm xúc của mình ? Những ngày nằm điều trị là thời điểm Tết nguyên đán, tôi ứa nước mắt nhận gói mứt bánh cùng những lời chúc mừng từ những người bạn đồng minh da trắng. Buồn bã nghĩ về người cha già. Xót xa, nhói buốt nhớ đến vợ và đứa con đầu lòng sắp ra đời. Tin ngã ngựa của tôi vẫn còn được giữ kín. Nằm cùng những thương binh Mỹ, tôi lo tính những gì cần phải thực hiện khi gặp lại gia đình. Một ca khúc xa xưa của nhạc sĩ

Phạm Duy, không ai hát mà vang vọng trong tôi những nỗi niềm. Chẳng có gì gợi đầu để tịnh tâm hơn câu “Nam mô bổn sư Thích ca mâu ni Phật”, tôi lặp lại câu kinh linh hiển này trong đầu.

Bệnh viện Dã chiến Hoa kỳ tại Đức Phổ chỉ có duy nhất một người Việt Nam, cô Phúc, chuyên lo về vệ sinh phòng trại. Phúc còn trẻ lắm, chắc chừng hai mươi. Phúc đã nhiều lần giúp tôi tập đứng dậy bằng một cặp nạng gỗ. Chỉ đứng im một chỗ cho quen. Cô cũng không ngại giúp tôi làm vệ sinh thân thể nhiều lần. Cô bé có đôi mắt thật buồn và giàu lòng từ tế này không biết bây giờ ra sao ? Em có phải “đi học tập” sau 1975 vì đã làm cho Mỹ. Để gì không được khen tặng mấy chữ CIA. Trong lúc điều trị tại Bệnh viện Dã chiến Đức Phổ, tôi còn có một kỷ niệm hay hay. Dù có học Anh ngữ, tiếng Mỹ của tôi rất là ú ớ, lại không quen sử dụng thủ thuật, tôi gặp khá nhiều khó khăn. Rất may trong đám bác sĩ chăm sóc tôi, có một người chịu chấp nhận hiểu tôi qua chút ít Pháp ngữ cũng rất què quặt. Không ngờ một đêm, đang chập chờn ngủ, tôi được một binh sĩ Hoa Kỳ bỗng xuống một căn phòng với cả dây chuyền cùng chai nước biển. Căn phòng rộng vang dậy tiếng rên la của một người đàn bà. Đó là một nữ cán binh. Bà ta oằn oại với cái bụng thật lớn của mình. Không hiểu cơ duyên nào trực thăng Mỹ lại bốc người nữ địch quân, bụng mang dạ chứa này đến đây trong đêm hôm khuya khoắt. Mấy vị bác sĩ không chuyên về sản khoa cần tôi để biết người đàn bà đã ‘mang nặng’ bao lâu, đã đến ngày khai hoa nở nhụy chưa, và tình trạng đau đớn như thế nào. Sau đó tôi được bỗng trở về phòng, chờ sáng hôm sau được biết, có một bé trai ra đời. Từ đó đến nay, đã ba mươi lăm năm qua. Không rõ mẹ con người đàn bà năm ấy ra sao ? Dù ở chiến tuyến nào, bà cũng là một người mẹ Việt Nam khốn khổ. Hy vọng thời gian qua bà đã vượt được mọi khó khăn trong cuộc sống, và cậu bé, ngày nay đã rất trưởng thành. Biết đâu cậu đã rõ hoàn cảnh ra đời của mình và tình cờ đọc được những nhắc nhở lằng lằng của tôi. Một lá thư như trường hợp một người bạn trẻ, Nguyễn Hùng Phi, ở Tiên Phước lại đến, không chừng.



Tương đã có thể dứt điểm đoạn hồi thuật lằm cằm này, thì chợt nhớ ra chưa giải thích nguyên nhân có hai câu: *suýt phá đời em du kích nhỏ, / giữa gian đại tự Phạm Văn Đồng...* trong một bài thơ nhớ về Thi Phô, tôi xin thông thêm một chút lằm cằm nữa.

Cụ Phạm Văn Đồng ra đời ngày 01 tháng 3 năm 1906 tại Quảng Ngãi. Không rõ quá trình đầu thai của cụ ra sao, mà cuộc đời “làm quan” của cụ rất bằng phẳng. Giữ chức Thủ tướng nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa từ năm 1955, kéo lê đến 1975, rồi qua luôn giai đoạn đất nước về một mối, cho đến năm 1987. Có lẽ cụ là vị Thủ Tướng dài lâu nhất thế giới. Không biết những khả năng khác của cụ có được lâu bền như vậy ? Nhà ở trong thời ấu thơ của cụ Phạm thuộc xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, nằm trong địa bàn hoạt động của tiểu đoàn chúng tôi, khi đến phiên dưỡng quân tại Núi Đẹp. Chuyện mang quân lục soát khu vực làng cụ là chuyện bình thường. Chúng tôi phải thực hiện để giữ vòng đai an toàn cho bộ chỉ huy tiểu đoàn. Những cuộc hành quân bỏ túi này không mấy khi đụng trận. Nhà của cụ Phạm không cách xa đường cái quan bao nhiêu, nên mức độ an toàn càng cao. Có một điều khá lạ, so với những căn nhà khác, cùng làng, nhà của cụ Thủ tướng, giữ được vẻ lạnh lặn rất khả quan. Đó là một căn nhà ngói, không lớn lắm, nhưng khá khang trang và chắc rất bề thế vào những năm nó được dựng lên. Nhà không có ai ở. Ngoài bệ thờ, gần như không có vật dụng, kể cả ghế, giường. Thật ra tôi chỉ được biết đây là nhà của thân sinh cụ Phạm, sau khi vào mục tiêu, và dùng căn nhà này cho nhóm dẫn dắt trung đội dừng chân. Thông tin về sở hữu chủ căn nhà do vài người lính có gốc ở địa phương cho biết. Sai đúng ra sao, đến ngày nay tôi cũng chưa kiểm chứng. Dù có là nhà của cụ Phạm thủ tướng hay không, căn nhà rõ ràng được sự nương tay của cả hai bên đối địch trong vùng xôi đậu.

Sau khi dòm suốt lòng ruột căn nhà, tôi ra vườn. Vườn có lẽ thuộc loại vườn của cụ Nguyễn Khuyến ngày xưa. Chỉ khác, ở đây không có hàng rào và cũng không có con gà nào để đuổi. Cây lá tự do xanh tốt nhưng không bừa bãi, mọc loạn, điều này cho biết có bàn tay ngầm săn sóc. Đang lắng lòng nghe một tiếng chim lạ, tôi bị dồn dập vào lỗ tai âm thanh cố tình quyết liệt của một giọng nữ. Hóa ra một anh lính của tôi đang tán tỉnh một cô

gái và gặp sự phản đối. Rất ngạc nhiên sự có mặt của con bé. Tôi hỏi qua loa người lính, rồi đưa cô ta vào nhà...cụ Phạm.

Qua câu chuyện, kể như trả lời thăm vắn, tôi được biết cô là học sinh của trường Nữ Trung học Quảng Ngãi, về đây thăm bà con. Nhìn vóc dáng, nét mặt, không có gì đáng nghi ngờ. Nhưng chuyện thăm bà con có lẽ không chính xác, bởi xóm làng chẳng còn người nào cư ngụ. Tôi thân mật hỏi cô có biết thầy Đồng không. Cô bảo biết. Tôi thăm dò tiếp, thầy Đồng lúc này ra sao. Cô cũng cho tin rất chính xác. Đồng là tên thật của nhà thơ Hà Nguyên Thạch, dạy trường Nữ trung học Quảng Ngãi. Trong câu chuyện, cô cũng khôn khéo hỏi sự quan hệ giữa tôi cùng thầy Đồng và nhất là không quên nịnh tôi: “*Trông...chú giống như là ông thầy hơn là ông lính*”. Cô quên rằng tôi là “ông thầy” thứ thiệt được đám binh sĩ của tôi gọi “ông thầy” hàng ngày. Cô học sinh Nữ trung học Quảng Ngãi, không thể là một du kích, nhưng cô đảm nhiệm một công việc gì đó cho phe địch của tôi, chắc chắn có thật. Không nịnh đầm, không đại gái, nhưng tôi bảo một anh binh nhì đưa cô nữ sinh ra mặt lộ, đón xe cho cô về Quảng Ngãi. Chuyện “*Suyt phá đời em du kích nhỏ...*” đúng là chuyện phịa của tôi cho đoạn thơ thêm hình ảnh. Dựa vào sự xuất hiện có thật của một cô gái trong lần tôi hành quân, nghi chân tại nhà cụ Phạm thủ tướng.

Vấn đề quấy nhiễu tình dục, nô nê là cưỡng hiếp, ở đâu thì tôi không rõ, nhưng tại đơn vị tôi, hoàn toàn không hề xảy ra, trong giai đoạn tôi có mặt trong tập thể ô liu của mình. Lính của tôi ít ỏi trên dưới ba mươi người, nhưng không thiếu những anh đa tình, kể cả đa dâm nữa, nhưng tôi biết họ rất đàng hoàng, không vượt qua quân kỷ và luân lý đời thường. Một anh hạ sĩ Tỷ, trung niên, béo mập, có nụ cười làm những con mắt của mấy bà sồn sồn ở một vài chòi tranh có giây phút ánh lên một chút tinh nghịch nào đó rồi thôi. Một trung sĩ Đặng Ngọc Châu, trẻ trung, đẹp trai như kịch sĩ Vân Hùng không thể không làm cho mấy em nông thôn, mấy em sơn cước của những vùng chúng tôi đi qua, có vài giây tơ tưởng. Đặng Ngọc Châu, ông Trung đội phó trẻ tuổi sau này của tôi luôn luôn hồn nhiên với câu hát thường trực trên môi “*người yêu tôi...tôi mới quen hỏi hôm*”. Câu hát của người viết nhiều nhạc về lính, Trần Thiện Thanh, cũng được một vài binh sĩ của tôi, dung tục hơn: “*người yêu tôi...tôi mới chơi*”



*hồi hôm”*. Cái quá đà trong ngôn ngữ của họ cốt để mua vui, làm nhẹ đi phần nào cái nặng nề cuộc sống luôn cận kề với tử thần. Sẽ khó quên khi trên đường hành quân trở về, ngang qua một vạt ruộng có nhiều bóng dáng đàn bà, trong đám lính tráng không thiếu anh bạo miệng dạn dỏ, thật lớn, thật công khai và cũng thật vu vơ.

*- Tối nay anh về em nhé. Em không cần nấu cơm, kho cá...anh không ăn đâu, nhưng nhớ phải tắm rửa kỹ đấy, giữ sức nằm chờ anh, anh cho lãnh “ráp bênh”...chết luôn..*

Câu dặn dò của họ sống động, linh hoạt hơn câu tôi nhớ và ghi lại rất nhiều. Chữ dùng đi từ cái hồn nhiên, vui tính bẩm sinh ấy mà. Những người bạn lính của tôi đều như vậy. Đó là những anh lính chủ lực quân của Sư đoàn 2 nói riêng, của binh chủng Bộ Binh nói chung. Họ không được mặc quân phục rằn ri hùng dũng. Không mấy anh dám xâm tay “*xa gia đình nhớ chị dâu*” vv...Họ thường là những người mở trận, thăm dò địch, cầm chân địch, dĩ nhiên cũng không bỏ sót nhiệm vụ thanh toán mục tiêu. Kỹ thuật và căn bản tác chiến giữa người lính bộ binh Việt Nam Cộng Hòa có lẽ hơi khác biệt với binh sĩ đồng minh Hoa Kỳ trong một vài điểm. Đổ vào mục tiêu, người lính bộ binh thường phải lấy thân mình cùng hỏa lực cá nhân để xung phong, đôi khi được chiến xa yểm trợ từ phía sau lưng. Trong lúc đó, chiến xa của Hoa Kỳ thường uy hiếp mục tiêu trước, và bộ binh dựa vào chiến xa để tiến vào. Lúc rút, bộ binh của Việt Nam Cộng Hòa phải nằm lại cho những chiếc xe bọc thép ra trước nhằm bảo vệ quân dụng, trong khi Hoa Kỳ thì ngược lại. Trọng lượng thân thể của một người Việt vốn nhẹ hơn người Mỹ khá nhiều. Nhận xét này của tôi chỉ căn cứ vào những cuộc hành quân liên kết tôi có tham dự. Có thể hoàn toàn nhầm lẫn, mong quý vị đàn anh có thẩm quyền, quý vị giàu có chiến tích bỏ lỗi cho những nhận xét non kém trên. Chữ nghĩa Việt dành cho cuộc chiến Việt Nam có lẽ đã khá nhiều, từ truyện ngắn, truyện dài, thơ của những anh hào Hoàng Khởi Phong, Trần Hoài Thư, Bảo Ninh, Nguyễn Vũ, Nguyễn Bắc Sơn...đến những phóng sự rồi hồi ký...kể khó hết. Nhưng cái dốt của tôi do đọc không được nhiều đề tài này, nên kể chuyện về những cuộc hành quân đã tham dự thiếu hẳn tính chất hấp dẫn lôi cuốn, cần thiết. Máu cũng không thay màu chữ tôi, làm sao hơn, khi bản thân tôi chưa đi đến đâu trong cuộc

chiến buồn thảm của tổ quốc mình. Sao chợt nhớ mặt trận quá  
thể này

*mờ sáng quân vào hết mục tiêu  
tầm tã mưa vây đời hắt hiu  
đứng nhìn đồng đội bung lục soát  
mưa tạt lạnh lòng mắt đăm chiêu*

*gác súng lên đui nghĩ vẫn vơ  
đầu đêm qua ngủ, nhớ còn mơ  
mắt em đưa đây hai đầu võng  
ta ngủ giữa lòng em với thơ*

*trời sáng dần dần trong lưới mưa  
trơ bên nền cháy gốc cây dừa  
ở đây cây cỏ đều sống thật  
chỉ có riêng ta có vẻ thừa*

*dựng cổ áo ngăn gió buốt da  
đi quanh thêm cô ngỡ như là  
có người chống cửa chào thân mật  
úng cả không gian tiếng thở ra*

*bỗng thấy bình an một đóa hoa  
vàng nghiêng trước gió mở lòng ra  
hiển linh thay đóa hoa vạn thọ  
một thoáng ta đang ở tại nhà*

*bát ngát trời thơm hương sắc xuân  
bỗng quên đang lặn lội hành quân  
ta ngời huyết sáo mừng cây cỏ  
hừng giọt mưa trong thế rượu mừng...  
(CỐĐĐT, LTHBVVBH)*



## Bè Bạn, Bà Con, Sài Gòn và Tôi

*bất ngờ rớt giữa Sài Gòn  
giật mình, mừng biết tôi còn chính tôi  
tôi còn đông đủ mọi người  
vui... cười, buồn cũng vẫn... cười thản nhiên*

*luân hoán*

Chủ Nhật, ngày 11 tháng 8 năm 2002, đúng 10 giờ 12 phút, chúng tôi có mặt tại phi trường Tân Sơn Nhất. Chuyến bay VN 532, với phi hành đoàn gồm toàn người Việt, đã hoàn tất tốt một chặng nghiệp vụ của họ. Những cô tiếp viên xinh đẹp, linh hoạt trong dáng áo dài màu đỏ thắm, cùng các nam tiếp viên lịch sự, nhã nhặn, đã đem lại sự thân mật, thoải mái cho hành khách trong suốt chuyến đi liền 17 giờ, khởi từ phi trường Charles de Gaulle, Paris.

Nắng, nóng là chuyện gần như thường trực của thành phố Sài Gòn. Là hai hành khách rời xe buýt vào 'phòng đến' sau cùng, chúng tôi vẫn giữ được nhịp bước tà tà khi tiến đến cửa trình sổ thông hành. Trước chúng tôi, bấy giờ, chẳng còn bao nhiêu người. Một người đang 'làm việc' với một nhân viên, ngồi nhấp nhòm trong một buồng nhỏ. Và một cặp vợ chồng thật trẻ, đứng ngay trước mặt chúng tôi.

Tôi chợt nghe lạnh lạnh sau gáy, không thể không quay lui. Thuận dịp, đảo mắt một vòng. Căn phòng im vắng, thoáng mát. Vật dụng trang bị khá khiêm nhường, càng làm cho không khí trống vắng rộng thêm cái cảm giác đang bị theo dõi, rình rập. Cặp vợ chồng trẻ nhìn chúng tôi cười cười. Nhờ tính tò mò sẵn có của Lý, vợ tôi, chúng tôi biết đôi nam nữ này là Việt kiều gốc Nhật. Anh chồng vừa sẫm se sổ thông hành, vừa ngại ngần nhỏ giọng hỏi...

Với sự đồng cảm tự nhiên, chúng tôi mỉm cười đồng thuận. Thủ tục 'đầu tiên' để bắt đầu nhập vào nguồn hơi thở đích thực của quê nhà, tôi nghĩ không có gì đáng phiền. Nhưng vốn ngại những rắc rối bất ngờ, tôi giao thông hành của tôi cho Lý cầm luôn. Một chút quà khiêm nhường và rất thật tình, biết đâu không là một xúc phạm. Nhưng sự hồi hộp vẫn vợ của tôi đã nhanh chóng được đẩy lui, khi bàn tay anh công nhân viên, vừa khéo léo, vừa tế nhị ra dấu cho chúng tôi vượt qua một cánh cửa nhỏ.

Trên đường tiến đến phòng lấy hành lý, chúng tôi phải dừng lại một quầy với hai bàn làm việc khác. Nơi đây, chúng tôi nạp mẫu giấy quan thuế, đã khai khi còn ngồi trên máy bay. Vật dụng chúng tôi mang về gồm những thứ linh tinh, không có gì đáng lo. Với ánh mắt không được vui vẻ, thân thiện lắm, người nữ viên chức đang độ ba mươi, hơi rề rà một chút, trước khi cho



chúng tôi xuống cầu thang.

Vào những ngày cuối trước khi lên đường, chúng tôi nhận được điện thư của một người cháu từ Sài Gòn dặn : *Cậu mợ nên có sẵn một ít tiền loại một đồng, để thuê xách hành lý xuống khỏi 'đường chạy'*. Vài ba người giúp việc này sẽ xớ rớ gần đó. Vừa

đi vừa thọc trong vào túi quần, thăm lại nhúm bạc giấy, tôi suýt va vào một anh công nhân viên. Chưa kịp xin lỗi, anh đã hỏi chúng tôi :

- Ông bà từ nước ngoài về ?  
-Thưa vâng, Lý mau miệng.

Anh công nhân viên quan sát chúng tôi bằng cái nhìn lướt qua, nhưng chắc rất chuyên nghiệp. Anh bảo nhỏ đủ chúng tôi nghe, 'theo tôi'. Rồi anh vụt đi khá nhanh, bỏ chúng tôi một khoảng chừng ba, bốn thước. Rất hoang mang, chúng tôi im lặng, ngó cái lưng bạc màu áo trắng của anh và bước theo.

Căn phòng thật vắng. Bạn đồng hành của tôi đã mau chân, lệ miệng vượt qua mọi thủ tục. Hẳn họ đang cùng những người đến đón, tay bắt, mặt mừng thân thương. Tôi chợt nhớ trực đến cái bàn chân trái của mình. Một chút ngậm ngùi thoáng qua, tôi liếc nhìn vợ. Lý bước sát bên tôi. Con mèo Phước Ninh rõ ràng đang lo. Tôi nghe nhịp chân giàu bản khoán quen thuộc của con linh miêu này như nhẹ hẳn đi.

Thời gian có những bước đi cố định. Mau, lâu, nhanh, chậm một phần nào dựa lưng vào tâm cảm mỗi người. Những hồi hộp, căng thẳng rồi cũng qua. Chúng tôi đã có cơ hội, kiểm nghiệm trực tiếp về những tin đồn miêng, hoặc qua các phóng sự giàu tính chất châm biếm, đã kích trên báo chí từ nhiều năm qua. Có lẽ nên có khói, đúng vậy. Nhưng mức độ 'ảnh hưởng xấu' chẳng có gì quá để bi quan. Không cứ gì sự nghèo khó mới sinh nở những tệ đoan xã hội. Và thật tình, trong việc 'phải chăng' chút chút này, chúng tôi cũng tích cực làm tòng phạm, để mong tránh được những giây phút căng thẳng, bực mình . Điều đáng tiếc, do mục đích chuyên về thăm quá quan trọng, sợ bị trì chậm, trắc trở, chúng tôi đã không dám mang theo một ít tập thơ về làm quà cho bè bạn.

Khi chúng tôi ra tới bên ngoài, vạt đất đưa đón có lẽ đã voi đi một số lượng người đáng kể. Nhưng vẫn còn khá đông. Chúng tôi đã thực sự, đứng trên đất nước của mình, đứng dưới sự vây quần, nhìn mặt của đồng bào mình. Với một chút ngượng ngập vô cớ, tôi hơi cúi đầu, bước những bước ngắn, sau cái xe đẩy hành lý. Chúng tôi cũng không được dịp, hưởng những níu kéo,

mời mọc của các anh tài *taxi*, xe gắn máy, *cyclo* đạp... Đám cháu chúng tôi, những thị dân của Sài Gòn, đã đủ mặt để đón cậu mợ chúng bằng phương tiện di chuyển của những người ‘ăn nên làm ra’.

Từ sân bay Tân Sơn Nhất về 22 Lê Lợi quận 1, nơi chúng tôi tạm trú, có gần bốn cây số. Một khoảng cách khá dài. Nhưng chưa đủ cho những người nôn nóng thềm nhìn lại thành phố sau 18 năm đi xa. Có lẽ nghĩ vậy, nên Định, người cháu trai, không nhỏ tuổi hơn tôi bao nhiêu, cho phép chiếc Camry đời 2000 có máy lạnh, thông dong qua nhiều ngã đường của cựa Thủ đô.

Sài Gòn, tháng 8 năm 2002, với tôi, không nhìn ra được nhiều thay đổi đáng kể. Là một người hời hợt, vô tâm, nhìn chỉ để nhìn, thấy chỉ để thấy, trình độ thượng ngoại vừa kém, vừa tiêu hóa chậm, ngày trước đã không bắt giữ kỹ, ngày nay càng khó phân định. Ngoại cảnh đối với tôi vốn là một nguồn cảm hứng lớn. Chúng ăn ở với tâm não tôi lâu bền, nhưng luôn luôn chỉ là một tổng thể mong manh gần như ảo.

Dưới mắt tôi, lúc này, người và xe vẫn lúc nhúc như thời trước 1975. Phố phường đã mang lại khuôn mặt tươi vui, linh hoạt. Sự giàu có sắc màu của những bảng hiệu, núp nhau, vực dậy triệu nhịp thở cần thiết của một thành phố biết sống. Sự chênh lệch về hình thức phô trương cũng là một bố cục, một phối trí điều hòa, bắt mắt. Nhìn chung, Sài Gòn là một họa phẩm sinh động, tuyệt hảo. Toàn bộ thịt da, hồn phách của họa phẩm không được mang chính-danh của nó. Nhưng vẫn được tất cả người Việt, trong, ngoài tổ quốc, thân mật gọi bằng phương danh cũ. Và chắc chắn một ngày bất chợt nào đó, những cái gì của Sài Gòn sẽ về lại với Sài Gòn.

Mười tám năm trước, tôi từng tin tưởng, nhưng không thể biết chính xác, hôm nay tôi có dịp đi trên những con đường xưa. Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Hai Bà Trưng... vẫn còn đó. Phố đã gỡ đi những quý danh Lê Văn Duyệt, Phan Thanh Giản, Trương Minh Giảng, ... ‘*Nam Kỳ Khởi Nghĩa*’ tiêu ‘*Công Lý*’, ‘*Đồng Khởi*’ vùng lên mất ‘*Tự Do*’. Câu ca quần chúng man mác buồn này, không rõ tôi nhớ có được chính xác ?

Những hình ảnh đẹp và đáng nhớ nhất của quê hương, đối với riêng tôi, là những con đường, những lối đi. Trong mọi tầm vóc, rộng, hẹp, ngắn dài, mỗi một con đường, mỗi một ngõ ngách đều mở cho tôi những thi vị. Chúng đưa tôi đến nhiều nơi, chúng cho tôi biết nhiều chỗ, chúng tặng cho tôi những cuộc gặp gỡ với nhiều người, nhiều vật. Tôi gần gũi với những con đường như những nhân tình. Dù được giữ nguyên hay thay tên gọi mới, trước mắt tôi, những con đường Sài Gòn vẫn trong vóc dáng cũ. Chúng vẫn là những sợi chỉ tay, nằm chông chéo, dài ngắn so le. Thân thể, hồn phách chúng hâm hấp, nồng nàn những nắng, những mưa, những cỏ rác, những phân vật, nước bọt người...Chúng không tỏ vẻ cam chịu những quá tải linh kinh đó, mà như tuồng luôn luôn phơi phới, thông dong, mở lòng ra cùng mọi người qua lại.

Sống ở bất cứ nơi nào, thời mới đến, tôi cũng nhớ rất kỹ tên gọi một số con đường. Lâu ngày, sự thân mật làm tôi quên dần đi. Đường Sài Gòn, đối với tôi cũng vậy. Đi , nhớ đường . Hỏi tên, nghĩ lâu ra. Trần Tiến Định, không chọn điểm đến, không dự trù lộ trình, hoàn toàn tùy hứng, đã đưa chúng tôi nhìn lại một số công trình kiến thiết vang bóng một thời.

Chúng tôi chạy ngang chùa Vĩnh Nghiêm. Lần này, dĩ nhiên không *'thấy ông Bùi Giáng lim dim ngủ ngòi'*, nhưng vẫn còn thấy những lá cờ ngũ sắc, lấp lánh một thời Quách Thị Trang. Nhìn thoáng ngôi chùa được xây dựng vào năm 1964 theo họa đồ của kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng, tôi không moi ra được chút kỷ niệm nào đáng quý. Một đôi lần ghé tạt vào, đứng ngoài sân, vẫn vợ nhìn đỉnh Long Xà, hoặc tháp Quan Âm, nhưng trong lòng không có một ý niệm tinh tâm , một ý nguyện tìm hiểu Phật pháp. Tôi có thể là một người tò mò, một du khách. Nhưng không thể là một tín đồ, mặc dù âm thanh của chuông mõ, của những tiếng tụng kinh đã mê hoặc tôi từ nhỏ. Đức Phật và những chư vị đắc đạo khác, nhất là Phật Bà Quán Thế Âm, là những chiếc phao, tôi từng bám chặt mỗi khi phải vượt qua những bất hạnh trong đời. Không riêng gì chùa Vĩnh Nghiêm, những ngôi chùa khác, bất cứ ở tại đâu, sự cung kính, ngưỡng mộ của tôi, chỉ được dâng lên từ ngoài sân, hay gần hơn là thềm cửa.

*‘vào chùa thả bước chân trần ,/ vừa cung kính Phật, vừa gần thế gian’ (L.H)*

Nhưng tôi đã không thể cởi bỏ giày, từ sau năm 28 tuổi. Năm tôi lêu lổng ngoài mặt trận, làm rớt một ống chân. Một ống chân tinh khiết, với một đôi mắt-cá từng cọ sát cái kiềng bạc lấp lánh thời ấu thơ. Một ống chân quý giá, với một bàn chân năm ngón thom tho, mà mẹ tôi một thời từng hôn hít. Các chị tôi một thời từng chăm sóc, kỳ rửa. Tôi đã đánh mất nó vĩnh viễn rồi. Sự bất bình thường của cơ thể, đã đem lại cho tôi mặc cảm tự ti. Tôi thường thâm lặng quan sát mọi người chung quanh, để làm rõ nét dị biệt của mình. Và tôi nghiệm ra, mình đã bị tách khỏi một số sinh hoạt của một người bình thường. Lần về này, hoặc còn có lần sau nữa cũng vậy thôi. Tôi vẫn chỉ đi ngang qua chùa Vĩnh Nghiêm với mắt nhìn xa vắng, buồn bã.

Vừa lược kể một số mặt đời mới của Sài Gòn, Định vừa cho xe chạy vào đường Thống Nhất. Đường Thống Nhất đã được đổi tên. Chúng tôi đang ở ngay sau lưng nhà thờ Đức Bà. Xe chạy chậm, gần như đi bách bộ. Tôi chăm chú nhìn những lát gạch trần màu nâu thẫm. Chúng nằm kề cận nhau, để góp phần tạo thành một ngôi giáo đường trang nghiêm, lộng lẫy. Nghe nói những viên gạch cao tuổi này đã bỏ Marseille, tít mù bên Pháp mà đến đây, từ năm 1877. Ngày 07 tháng 10 năm đó, kiến trúc sư Bourard đã rập theo kiểu Roma để dựng ngôi nhà thờ này. Đứng giữa một vùng đất thoáng rộng, ngôi nhà thờ không có vẻ trầm mặc, chỉ toát ra sự gân gũ, cởi mở với đời thường. Hai tháp chuông cao vút, như hai hiền sĩ, vừa theo hầu vừa bảo vệ cho Nữ Vương Hoàn Cầu, thánh thiện, nhân ái. Tổng thể hình ảnh này luôn luôn là điểm nhìn ngưỡng phục, cung kính của thị dân, du khách. Tôi là người không biết làm dấu thánh giá, nhưng đã có mặt và quì gối ngoài mé cửa thánh đường này nhiều lần chỉ vì *“em đi lễ sáng sang chiều”*

Sau khi qua đường Nguyễn Du, chúng tôi trở lại Thống Nhất, tiến đến đường Công Lý. Nỗ bộ của quyền lực, một thời tập trung trong căn nhà phương phi phía trước mặt. Tên gọi đầu đời của kiến trúc này là Dinh Toàn Quyền, theo lối gọi của Việt Nam, và là *Palais Norodom* theo tên gọi của người Pháp. Viên



đá đầu tiên của ngôi nhà thom tay ông De La Grandière, Thủy sư đô đốc Pháp vào ngày 23 tháng 2 năm 1863. Toàn bộ công trình của kiến trúc sư Hermitte được khánh thành vào đầu năm 1875. Bỏ 12 năm xây dựng để ngồi trị vì gần 80 năm, người Pháp hẳn không buồn khi bắt buộc phải kéo xuống lá cờ tam tài vào ngày 7 tháng 9 năm 1954. Ngôi nhà được mang tên mới: Dinh Độc Lập từ ngày đó. Dinh Độc lập còn được gọi là Phủ Tổng Thống khi cặp Trần Lệ Xuân và Ngô Đình Nhu xuất hiện trên chính trường.

Điều hành quốc gia trong thời kỳ đất nước có chiến tranh, hẳn nhiên rất khó khăn. Tổng thống Ngô đình Diệm không thể không có những sai sót. Tiếc rằng những nhắc nhở của quốc dân, qua tay hai viên phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn văn Cử ngày 27 tháng 2 năm 1962, chỉ đủ giúp kiến trúc sư khôi nguyên La Mã Ngô Việt Thu, có dịp làm mới lại Dinh Độc Lập theo kiến trúc Âu Mỹ, lẫn lộn những nét đặc thù Á đông.

Dinh Độc Lập còn được gọi là Phủ Đầu Rồng, thời tổng thống Nguyễn văn Thiệu, và ngày nay, cơ ngơi này tạm đứng lại với tên Hội Trường Thống Nhất. Thời còn làm sinh viên Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, tôi có mặt trong hàng quân, đứng nghe lời hiệu triệu của vị nguyên thủ quốc gia trong khuôn viên này, nhưng đây hẳn nhiên không phải là một kỷ niệm đáng trân quý. Năm 1984, trong khi tôi và Lý ngồi xe xích lô chạy qua ngang đây, vào một buổi sáng sớm. Lý bị giật mất chiếc đồng hồ đeo tay, mới đúng là một kỷ niệm dễ thương. Sự lạnh lẽ, lạnh nghề của anh chàng đi xe gắn máy. Sự hốt hoảng, phản ứng, suýt rớt ra khỏi xe của Lý. Sự lập lờ, chậm rãi, tạo điều kiện của người đạp xích lô, tôi còn hình dung lại được. Phải chăng kỷ niệm rõ nét thường có từ những bất ngờ ?

Những công trình kiến thiết lộng lẫy của đô thị Sài gòn, không thể nào nhìn lại hết trong một vài giờ đầu sau khi rời sân bay. Tôi tự hẹn sẽ đi nhìn lại những....Sở Thú, Lăng Ông, Tòa Đô Chánh, Lăng Cha Cả, Bến Nhà Rồng...những nơi tôi đã từng thăm viếng nhiều lần, và mang mãi những hình ảnh thân quý đó ở trong lòng, vào những ngày kế tiếp.

Trên đường về 22 Lê Lợi, tôi bị hấp dẫn bởi Khách sạn Continental . Một kiến trúc kỳ vĩ, có tuổi thọ gấp đôi tuổi đời tôi. Quả là điễm không cho phép những cặp mắt yêu nghệ thuật, lẫn những cặp mắt quê mùa như tôi bỏ lơ. Một trăm hai mươi năm đi qua, chỗ từng ngồi của thi hào Ấn Độ Ranbindranath Tagore, năm 1929, còn có chút thi ảnh nào ? Và những văn gia André Malraux, Graham Greene có trồng vào văn phẩm của các ông, những mùi hương lượm từ ở đây ? Dĩ nhiên, còn nhiều những hào kiệt, giai nhân khác đã từng dội nước, làm tình sau những cánh cửa kia. Và vẫn sáng khoái, như cựu tổng thống Pháp, J. Chirac, khi còn là Thị trưởng của Paris màu sắc. Khách sạn Continental dĩ nhiên không phải là chỗ tôi có đủ khả năng tạm trú một vài hôm.



Về đến 22 Lê Lợi, một cái ổ, tôi có một thời gian ngắn khoanh đòng ở đây. Chị Cả tôi, chủ nhà, đã không còn đủ can đảm chờ đợi hai đứa em trai cùng mẹ khác cha, ở phương xa về thăm. Chị đã thanh thân đi xa từ năm ngoái. Đứa em 35 năm xa quê hương về chậm mất mấy tháng. Hẳn chỉ còn biết vợ vẫn ba hoa :

*tháng bảy, em hẹn kia mà  
chị không chịu đợi vẫn là lỗi em  
ba mươi lăm năm lênh đênh  
xa quê hương tưởng hiên, thêm trên lưng  
thì ra...đâu để hình dung  
chị ơi nhắm mắt xin đừng ngóng em*

Lê Hân (trích Tình Thơm Mấy Nhánh)

Đứa em 18 năm xa cách, bây giờ về đứng ngơ ngơ bên bàn thờ. Những gì và những gì đang lấp ló trong lòng hấn ? Căn phòng chừng như thiếu ánh sáng. Mùi trầm hương như đang công ai đó đi tìm một cái gì. Đứng sát cạnh một con đường ồn ào sinh động vào bậc nhất Sài Gòn, người lạc quan, vẫn tạo được cho mình những giây phút lắng đọng, tịnh tâm. Tôi có được điều đó chăng ? Chị tôi đã đi xa, nhưng trong không gian này vẫn còn chị. Và mọi sự gần như xưa. Ngoài nét buồn tùy tâm người chiêm nhận.

Chị tôi có nhân dáng và dung mạo giống tạc mẹ chúng tôi. Đó cũng là điểm đầu tiên, để kéo anh em chúng tôi thường về với chị. Ra đời với một ngôi sao tốt, chị là người đàn bà suốt đời thanh nhàn, giàu có từ vật chất đến tình thương. Chị hiền lành hơn mức độ hiền lành cần thiết. Với người chồng vui tính, trí tuệ, cùng đàn con thành công trong cuộc sống, tôi nghĩ, chị chưa hề hình dung được hai chữ bi quan. Chị thương chúng tôi như thương những đứa con. *'Mày, tao'* là lối xưng hô ngọt ngào, quen miệng của chị. Tôi vẫn nhớ, chị từng nói với tôi. *'Tao với mày giống nhau hai điểm : lười biếng và thích sống nơi ôn ào'*. Quả vậy, chị khác hẳn mẹ chúng tôi ở chỗ quán xuyến việc gia đình. Chị gần như không biết gì về việc làm bếp. Ngay trong thời sau 1975, chị cũng giữ được ít nhất hai người giúp việc cho gia đình, và vẫn duy trì đến ngày nay, dĩ nhiên nhân sự có thay đổi.

Chị tôi mất, chiếc nan chính trong cái ổ riêng của tôi tưởng đã bung vỡ. May thay, những đứa cháu đã thừa hưởng được tình thương của mẹ chúng. Nhờ vậy, hai ông cậu tiếp tục được thương kính, chịu chuộng.

Tôi từ phòng trong bước ra phòng ngoài, rồi bước ra hành lang. Sài Gòn đang bình tĩnh chen nhau sống phía dưới cặp mắt thương ngoạn của tôi. Con đường Lê Lợi mệnh mang nắng. Chen giữa tám đường xe xuôi ngược, hai vòng cây cảnh chạy song song. Lá không mướt, nhánh không vươn cao, nhưng đã đủ để rú rê những con gió đến thì ào, ca hát. Giá như có thêm những cánh chim thì tuyệt biết bao nhiêu. Đại lộ Lê Lợi quả hơi nghèo giống lông vũ, thông dong sống cùng. Dù vậy, khó có thể nhìn thấy sự bất ổn, trắc trở, đang rình rập ở đây. Sự nghèo đói của một góc nhỏ xã hội cũng không nhìn rõ mặt. Tôi không mang bất cứ một loại mắt kính nào khi mê mải ngắm một phần tốt đẹp nhất của tổ quốc tôi. Như đã thú thật, tôi vốn hời hợt, nhưng sự an bình tôi thấy, quả đang có thực, đang âu yếm đùm bọc đồng bào thân thương của tôi. Dù đây có thể chỉ là một khoảng hở của chế độ.

Ghi lại mười dòng cho một chuyến về thăm vợ tôi, tôi không có đủ khả năng, và thật ra, cũng không muốn phải viết kiểu cách, cho ra hồn một cái gì. Những dòng chữ này không

biết nói ba hoa. Chúng chỉ là một giọng kể chuyện tâm phào, vô cùng riêng tư. Mục đích chính, tôi kể cho chính tôi nghe. Bởi tôi muốn tức thì được về thăm quê hương một lần nữa. Hình dung, hồi tưởng cũng là một cách đi thực tế. Không chùng còn cần kể, tỉ mỉ hơn. Ngồi một chỗ, thả lòng, thả trí, thông dong qua những nơi yêu dấu đã đi thật là một thú vị. Và vì vậy, bạn đừng phiền, nhất là khi chưa nản , gắng đọc tiếp những dòng sau.



Buổi chiều đang tới. Thời gian còn rộng. Tôi thềm xuống phố. Bisbis, đưa cháu trai gọi tôi bằng “ông cậu” vẫn đang đợi. Ngồi ghé sau xe gắn máy, lượn trong lòng các ngã đường ngàn ngụt hơi người thật nguy hiểm, nhưng vô cùng hứng thú. Thằng cháu vừa chạm đến tuổi 21 của tôi điều khiển chiếc Yamaha của nó thật điệu nghệ. Cùng với những đường vòng, đường lượn nhẹ nhàng, lả lướt, tôi quay bên này, ngoá bên kia, với đôi mắt đầy thân thiện, chào hỏi đến với mọi người. Tôi mỉm cười, gật đầu, nháy mắt. Có cả ...đá lông nheo dù chẳng biết ai là ai. Rõ vô duyên ! Lâu quá rồi mới đi được giữa dòng người cùng một ngôn ngữ, thích thật.

Đường phố nối nhau, gọi nhau bằng những nhịp còi xe, thỉnh thoảng chòi lên một giọng chửi thề không nhiều ác ý. Cái vui, cái tha thiết là ở chỗ này. Và tôi tìm thấy tôi một thời, trong dòng người chảy đi một cách yêu đời ấy.

Phẩm chất của dòng nắng Sài Gòn thật kỳ diệu. Cũng vàng thom như nắng Montréal, cũng óng ả như nắng Boston, cũng đỏ tươi như nắng New York...Nhưng lạ, tại những thành phố cực kỳ hoa lệ, bát ngát kia, tôi lang thang, đầu phải để dưới một cái mũ vải. Với Sài Gòn thì không, tóc râu tôi đầm đìa những nắng. Nhưng những cơn nhức đầu, sổ mũi đã tể nhị lạnh mặt. Phải chăng nhờ những lớp bụi đường, nhờ những cặp mắt thanh xuân luôn luôn biết cười, biết vẫy gọi. Tôi tiếc đã không thấy được nhiều cánh môi trầm. Đường xe có quá nhiều khẩu trang màu mè hoa lá. Những bàn tay mang *gant* sống trong thơ Nguyên Sa vẫn còn thấp thoáng. Vụng đi một chút, khoe khoang hơn một chút..nhưng vẫn hồn phách Sài Gòn...

Ghé cho cái Yamaha ăn thật no xăng, tôi và Bisbis chạy thẳng lên bùng binh Quách Thị Trang, Công chính chợ Bến Thành. Chàng Phù Đổng vẫn thẳng lưng trên mình ngựa. Cái ngã sáu quen thuộc mở ra nhiều nhánh nhớ nhưng. Đầu là Ngô Tùng Châu ? Đầu là Lê Văn Duyệt ? Số nhà 61 nằm ở đâu ? Ở tòa soạn của tạp chí Văn Học, ở cái gác xếp loại bỏ túi, một thời của Thế Uyên và Phan Kim Thịnh. Rõ ràng nơi đây mà lạ mất rồi. Phải chạy thẳng để rẽ trái vào Phan Thanh Giản, thăm cữ Trung tá Soạn, anh Lý, trước bệnh viện Bình Dân, bên cạnh *salon* Xuân Quang. Nhưng cái thằng Bisbis lại đảo xuống Hàm Nghi ra bờ sông. Thôi cũng được. Bên Chương Dương sáng quá, tôi không tìm thấy những bụi cây thấp bé nằm dọc theo dòng sông. Những bụi cây của một thuở cùng bè bạn, thấp thỏm những hư hỏng. Chưa kịp cảm lên kỷ niệm, xe đã chạy tới Nguyễn Huệ. Chúng tôi nhập vào con đường thênh thang của thành phố. Không chạy để tìm một vườn hoa, mà để nhớ những cái *kiosque*. Bạn văn Cung Tích Biền thời 1984, đã mất mỗi bán cho tôi một số tranh sơn mài chỉ vì người vợ sau cùng của nhà thơ Nguyễn Vỹ. Thời đó, Thao đã nói giỡn với tôi : “*Ông ở nhờ ông Lê Lợi, tôi ở nhờ ông Nguyễn Huệ. Cả hai đều lớn cả, nhưng tôi với ông, chẳng làm nên gì*”..Bây giờ tôi đã xa ông Lê Lợi. Cung Tích Biền đã

mắt ông Nguyễn Huệ. Và cả hai chúng tôi vẫn phất phơ như ngày nào. Bạn Cung Tích Biên ơi, bạn đang ở đâu vậy? Tôi có đọc một số truyện mới của bạn trên Hợp Lưu ở Hoa Kỳ, mừng chúng ta chưa bỏ cuộc chơi. Thế là đã quá đủ rồi .

Từ Nguyễn Huệ, chúng tôi rẽ trái theo Lê Thánh Tôn, rồi quẹo phải vào Nam Kỳ Khởi Nghĩa, gặp được thi hào Nguyễn Du. Vừa lạng vừa ngó, rồi qua Nguyễn Trung Trực, quẹo phải lại Lê Thánh Tôn, gặp nhà cách mạng Phan Bội Châu, ra lại chợ Bến Thành. Sáng khoái trong dòng năm, dòng bảy, nhiều lúc vai chạm với vai người chạy bên cạnh. Ngon trốn, chúng tôi đâm lên Trần Hưng Đạo, để thăm khu ba Tàu Chợ Lớn.

Lên Chợ Lớn, không thể không chạy ngang chợ Bình Tây. Sự phồn thịnh của ngôi chợ này vẫn như xưa. Lật lại ngày tháng cũ, Chợ Bình Tây đã có một thời mang tên là chợ Quách Đàm, tên một người Tàu nghèo mua bán ve chai. Nhờ cần cù và ý chí, họ Quách đã trở nên một phú thương giàu nứt tiếng thời bấy giờ. Ông cho đất, bỏ tiền theo yêu cầu của chánh quyền đương thời, để hóa thân và hoán chuyển vị trí ngôi chợ nhỏ sẵn có, chỉ duy một mục đích chủ yếu: được dựng tượng của ông ở sân của chính của chợ. Tâm nguyện của một người giàu nghị lực đã đạt. Tiếc rằng sau tháng 4 năm 1975, tượng hình của thương gia Đàm phải đi vào nhà kho một phòng thông tin văn hóa. Vẫn còn may !

Tôi quét ngang những đường mắt triu mén lên phố phường. Tôi đến nhiều nơi nhưng không dừng một chỗ nào. Quận 3, quận 4, quận Bình Thạnh, quận Tân Bình... Nơi đâu cũng người bên người. Sự sinh hoạt rộ lên như một ngày hội. Mức thu nhập mỗi đầu người ra sao ? Với lạc quan vừa tìm thấy, tôi mong không phải lặp lại câu '*Phồn Vinh Giả Tạo*' mà chế độ đương quyền đã có thời đánh giá sức sống của miền Nam, nói chung, Sài Gòn, nói riêng.

Vừa ngồi xe vừa ngược nhìn, nhưng không còn nhận ra nơi vợ chồng bạn thơ Thành Tôn mở cửa hàng đan len. Đã mất dấu quày sách vỉa hè của bạn thơ Chu Vương Miện. Nơi nào nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ đưa tôi ra mắt người vợ lẽ của anh ? Nơi nào nhà báo Phan Kim Thịnh, thường viết dưới bút hiệu Lý Nhân Phan Thứ Lang, tiễn tôi ra đi bằng một bữa cây tơ. Tất cả đều đã lạc

dấu. Nhưng hình ảnh bè bạn xưa cũ vẫn đầy một bụng tôi đây. Sẽ gọi, sẽ thăm. Nhưng hãy khoan, cho tôi ngắm thêm, 'ăn' thêm một chút Sài Gòn...Chắc gì sẽ lại có một chuyến trở về. Đây chẳng phải là điều bi quan.

Đã đến lúc phải vào một trạm điện thoại, Tôi 'đăng ký' gọi đi Bình Dương.

- A lô cho tôi gặp Anh Thọ  
- Tôi đây...Ai như Luân Hoán phải không ?  
- Ừ moi đây  
- Bạn đang ở đâu ?...Nghe nói gần quá.  
- Thì ở Montréal chỗ đâu...Đùa thôi, tao đang ở Sài Gòn  
- Về hồi nào ?  
- Vừa cách mấy tiếng, Mà ghé lên tao chừ được không ?  
- Vẫn ở 22 Lê Lợi ?...Thôi để ngày mai, tao đang có mấy đứa cháu nội về thăm  
- Ngày mai tao phải ra Đà Nẵng rồi...Vậy để khi tao trở vào sẽ gọi lại.  
- Nhớ vào gọi tao, dù gì, gặp hay không cũng mừng mà đã có dịp về thăm Việt Nam. Chuyến đi này, sẽ mở cho mày một đề tài mới đó. Một dấu mốc như hồi “Hồi Thờ...”

Tôi rời trạm điện thoại, không vui, cảm thấy như vừa bước hụt. Nhìn đồng hồ, sắp si bốn giờ, còn quá đủ để dông xuống Bình Dương. Năm 1984, bạn thơ Trần Dạ Lữ đã từng đèo tôi bằng xe đạp lộc cộc qua Chợ Búng, xuống trường Trịnh Hoài Đức...Đường xanh bóng cây, thơm ngát tình bè bạn, rề rà rồi cũng tới, hưởng chi bây giờ...Nhưng Thọ đang có cuộc vui gia đình. Tôi bỏ ý định vừa mới có. Tân ngân đứng bên lê đường, loáng thoáng nhớ vài đoạn thơ của Thọ viết, gởi cho trước ngày về :

*Anh đến từ cát bụi  
gặp em giữa bụi trần  
thà sống như cát bụi  
bám trên thân giai nhân*

*vì sao em yêu dấu  
phải dùng băng vệ sinh  
tà đạo hay âm đạo  
đạo nào cũng có kinh*

*trên môi và trong háng  
đừng giấu gai bông hường  
em gãy nằm chàng hăng  
để nở hoa hướng dương  
( thơ Lê Vĩnh Thọ)*

Bạn tôi, gần như không lúc nào thỏa hiệp được với cuộc sống. Giàu lý tưởng, yêu cuộc đời, chăm biếm và đả kích không thể không thành văn. Dù hoàn cảnh nào cũng chung thủy với thơ. Tôi quý bạn tôi như quý thơ.

Cháu Bisbis hỏi 'ông cậu' thích đi đâu ? Tôi nhìn những ngã đường. Người, xe ứ nghẽn như dòng nước, bình thân bảo chạy tìm *Art Gallery* Tự Do. Ông bạn họa sĩ Đinh Cường ở Virginia Hoa Kỳ đang cùng anh Bửu Chỉ bày tranh ở đó. Vì không biết địa chỉ chúng tôi tìm không ra. Nhưng trên một ngã đường tôi có ghé vào một xưởng họa. Một họa sĩ trung niên đang trải những tảng màu dầu tiên lên mặt bố. Rất lịch sự, anh dùng tay tiếp tôi. Tiếc thay anh không biết Đinh Cường là ai, và phòng triển lãm ở đâu. Trước khi quay trở ra xe, tôi kịp thấy chữ ký của anh trên một số bức vẽ đã thành hình. Thì ra anh có tên Cường tên Cường gì đó. Trước cái tên viết hơi ngã ngược này, còn có cả một chữ Đ và một dấu chấm hơi khăng khít. Tôi chợt buồn cho bạn tôi, đã là một họa sĩ lầy lừng trong làng sơn cọ Việt Nam, mà anh không được một người chuyên về vẽ vờ biết tên. Tôi cũng thấy buồn cho tay cọ vừa gặp, anh đã ngồi vọc sắc màu chắc đã lâu, mà không tìm hiểu nhiều về sinh hoạt hội họa Việt Nam. Chán, tôi rủ thằng cháu chạy đi tìm một quán ăn.

Quán là một câu lạc bộ, hình như vậy. Có tên hẳn hoi, nhưng tôi đã quên. Quán nằm đầu một com hẻm. Ngoài dãy nhà thoáng mát, cái sân là vị trí chính của quán. Đây là một mặt bằng rộng rãi, được trang trí khá mỹ thuật. Những chiếc bàn, chiếc



ghế dành cho khách cũng không nằm trong tầm vóc, hình dạng bình thường. Chúng có cốt cách rất nghệ sĩ. Bisbis hiện là “thủ đài chủ” của một tụ điểm cờ tướng. Thăng cháu này mê cờ từ nhỏ. Ngồi với nó không thể không nghe nhắc đến tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã. Để vui lòng cặp chân đang cần của mình, tôi đã phải ngồi suốt một tiếng đồng hồ với ly cà phê, nghe nó cùng đám bạn, trạc tuổi của nó, phẩm bình về những trận cờ đã đấu trong thành phố. Tôi chơi cờ tướng kè cũng được, nhưng so với các cao thủ này chắc không qua khỏi mười nước.



Về lại 22 Lê Lợi, gần 6 giờ. Tôi mở sổ tay, bắt đầu gọi một vài bạn học cũ đang sinh sống ở đây. Lần quay thứ nhất, tôi gặp một giọng nữ xứ Bắc. Và biết bạn tôi, Trần Hữu Chí. “*đi vắng. Cần gì gọi lại sau*”.

Lần quay thứ hai, bạn tôi, Lê Văn Phương, với chính giọng của đương sự, trong cái âm nhạt nhẽo. “*Châu hả ? Về hỏi nào ? Mình đang ốm. Nếu còn ở lâu...thư thả mình ghé chơi*”.

Không nản, tôi quay lần thứ ba, gặp được Phan Quảng. Chừng bốn mươi lăm phút sau, Quảng ghé thăm tôi. Người bạn từ thời lớp nhì, lớp nhất Hoàng Diệu qua cả thời trung học của Phan Châu Trinh này, vẫn bệ vệ, phát tướng từ lúc hết làm quan ba Thiết Giáp, về kinh doanh phụ tùng xe đạp. Quảng từng là thầy dạy nghề buôn bán cho vợ chồng tôi một thời. Gặp nhau chỉ cần bắt tay, nắm hơi lâu một chút là đã đủ xóa cả một khoảng thời gian dài chia cách. Không sót một tên gọi thân thiết nào không được nhắc đến. Thì ra, Lê Văn Phương đang trực trực tình cảm, dù đã chia tay với Phước, người thứ nhất, trước đây. Trần Hữu Chí vẫn độc thân bên cạnh ba người phụ nữ và một cao ốc đang cho thuê phòng. Quảng cũng cho tôi biết dân Phan Châu Trinh Đà Nẵng ở trong này khá đông, nhưng lớp cựu trào của chúng tôi gom không đủ một bàn tay. Riêng phần Quảng, con cái hầu hết đã thành lập gia đình. Cá nhân anh, con mắt mới mở hơn tháng trước cũng đã khá. Lúc này tôi mới để ý tầm nhìn của Quảng có vẻ kém đi.

- *Như vậy, mi chạy xe có nguy hiểm không ?*

- Không sao, tau quen rồi. Ở đây, mà không ra đường thì làm ăn được cái gì ?

Bạn tôi giống như tôi, thuộc từng thói quen, từng động tác đặc biệt của nhau. Nói không nhiều, nhưng tranh luận rất say. Chơi không nhiều, nhưng chơi tới chỉ.

Trong ánh nắng chiều mỏng mảnh tạt vào, chúng tôi ngồi sát nhau như một cặp đồng tình luyện ái. Ngón trỏ của Lý bấm nhiều lần lên một nút trên chiếc máy Minolta bỏ túi.

Làm gì có được hình ảnh hai đứa gặp nhau nơi bìa rừng, trong một cuộc hành quân ở Tam Kỳ. Nhưng cũng không sao quên được lời Quảng dặn đi dặn lại : *Bọn chúng đông lắm. Nếu thấy cần tháo chạy thì ra hướng này, xe tau còn nằm ngoài đó, sẽ bốc mi...* Làm gì có được hình ảnh hai đứa chụm đầu cắt bớt từng mắt *chaine* xe đạp Trung quốc, để dồn nối lại một sợi mới, của một thời tập và làm gian thương. Tất cả đều đã qua nhưng chưa hề mất. Phút gặp mặt hôm nay đã có thể là cuối cùng. Không nói ra nhưng chắc Quảng cũng nghĩ như tôi.

Cuộc sống đã ưu đãi chúng tôi nhiều mặt, hơn rất nhiều người khác. Hơn nữa, cả hai cũng vừa vượt qua được mức đến 60 đã là một hạnh phúc lớn. Ngày tháng tặng thêm của cuộc đời tiếp theo, được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Tôi thúc Quảng về sớm. Đứng nhìn người bạn già chìm trong dòng xe vừa lúc Sài Gòn lên đèn, tôi đã giữ lại trong cổ họng một hơi thở không mấy bình thường.

Phải đến gần một giờ sau, tôi mới quay số điện thoại lần thứ tư. Lần này gặp một bạn nữ đồng nghiệp cũ, Ngô Phước Hạnh. Một khuôn mặt trong đám nhan sắc một thời của Đà Nẵng. Vui mừng, ngạc nhiên là điều đương nhiên. Hạnh cho tôi một cái hẹn. Nghĩa chồng Hạnh, tôi có biết nhưng không quen, cũng vui lời rủ tôi đến thăm. Tôi nhận, nhưng biết chắc mình sẽ thất hứa. Cũng qua điện đàm, tôi hỏi Hạnh về những bạn Trương Xếp, Phan Minh Khóa, Nguyễn An Chuyên, Đặng Thị Ái, Võ Thị Hiệp, Lê Thị Như Nguyệt...Hạnh cũng thăm hỏi về những Hoàng Xuân Dung, Hoàng Xuân Ba, Lê Thị Hồng Lê, Scotte Jeanne....Cả một thời ngân hàng Việt Nam Thương Tín, Kỹ

Thương, Tín Nghĩa, Ngân hàng Thành Phố... của Đà Nẵng chợt sống tung bừng trong mấy chục phút. Nụ cười chạy dài qua đường giây vô hình. Khuôn mặt khả ái của Hạnh hiện trong ống liền hợp. Vẫn nụ cười lấp lánh ánh răng, vẫn đuôi mắt kéo dài, làm thom cái ngút tình thuở nọ. Hơi ấm của Hạnh vẫn còn như đang phả vào cánh tay. Những “*inversion de chiffre*” tìm thấy là cả một hạnh phúc...đã qua, đã qua. Cuộc điện đàm chấm dứt, tôi ngồi thao thức trong vài phút im lặng. Truy niệm cho một thời vàng son. Bên ngoài trời bất chợt đổ mưa, tiếc rằng không có những cơn dông, những lần sấm chớp.

Con mưa không đủ rửa sạch khuôn mặt hâm hấp của thành phố. Tôi rủ Lý ra ngoài dạo vòng vòng. Chúng tôi ghé vào một cửa hàng “dịch vụ internet” khá khang trang. Mua một phiếu xử dụng “có chiều dài”, với dự trù gửi vài điện thư, để tin về gia đình ở Montréal. Luôn tiện phao vài tin đồn nhằm kiêu nhà thơ Ngu Yên, nhằm chọc hai bạn văn Song Thao, Hồ Đình Nghiêm. Ngoài ra còn thăm bạn thơ Song Vinh và cháu Vinh con, sáu tuổi, rất sôi tiếng Việt. Nhưng thật ngộ, những bộ vi tính có tuổi, chưa có hứng, hoặc giả kỳ thị chúng tôi, nên không có cái nào chịu chào đón. Phải đợi đến máy thứ tư mới “truy cập” được. Lòng mở cờ, nhịp chân chờ đợi...và chờ đợi...Lâu. Con chuột không có vẻ khác thường. Chỉ cái “bình thông nhau” nho nhỏ trên mặt màn ảnh, không chịu mở thành mũi tên, không chịu chiều theo thói quen của tôi. Thiếu nhẫn nại, tôi tặng cái phiếu cho một em, đang cùng chị nó chơi chung máy bên cạnh.

Đêm lọt tằm vào thành phố. Tay trong tay, Lý nhắc lại thời đưa con gái đầu lòng, Lê Ngọc Hòa Bình, học ở Lê Quý Đôn. Con bé cứng cỏi, không thiếu nhiều lần xung đột với đám con trai, mẹ nó đôi khi phải đưa đường. Lý nhắc đến Bảo, Bích, Bách lạc cả giờ đồng hồ trong đêm Giáng Sinh mà chỉ quanh quẩn trước trụ sở Quốc Hội (Nhà hát lớn bây giờ). Đang hồi tưởng vui vẻ, Lý chợt nhớ trong số quà cáp mang về Đà Nẵng còn thiếu phần cho một người, khá quan trọng. Chúng tôi thông thả hướng về cao ốc siêu thị. Địa điểm thương mại này chỉ cách nhà chị tôi ở từ tám trăm đến chín trăm thước, về hướng chợ Bến Thành.

Quên nhắc, từ lúc sắp ra khỏi nhà, trời có vẻ như muốn mưa trở lại. Lý lo xa, đã mượn người cháu gái cái “áo mưa tiện lợi”. Lại lười biếng cầm, nên mặc luôn vào người. Hẳn bạn chưa hình dung được cái áo mưa này ? Đây là một loại áo đang được ưa dùng tại Việt Nam. Tên gọi ngộ nghĩnh của cái áo, khởi từ những đặc điểm của nó: đó là loại áo làm bằng chất *nilon* thật mỏng, nhẹ, nhiều màu tươi mát. Khi chưa mặc chỉ là một gói nhỏ, mang theo bên mình rất tiện. Nhưng căn bản nhất là giá mua cái áo rất rẻ, mỗi lần dùng xong có thể bỏ đi không thấy tiếc. Riêng với cô ba Lý, nhà-tôi, cái áo đã làm cho 'bà' một phen hết hồn.

Khi chúng tôi hăm hở bước vào cửa siêu thị, thì bị gọi giật lại bằng một giọng sần sùi :

- *Chị kia, bỏ áo mưa ra !*

Lý giật mình, liếc quanh và mau mắn biết mình là người phải thi hành lệnh, nhưng cũng nhỏ giọng vớt lỗi :

- *Áo khô anh à.*

- *Không được, bỏ ra!*

Vợ tôi không nói gì thêm, lặng lẽ cởi áo với rất nhiều ngượng ngập. Mặt mày không son phấn. Tai, cổ không lủng lẳng những phụ tùng. Cổ tay, ngón tay trụi lủi...dù gì cũng đã tạo thêm cho Lý một chút e dè. Sau khi xếp gọn được cái áo mưa, vợ tôi mở lời xin gói áo ở quầy thu ngân. Bị từ chối. Vừa ngạc nhiên, vừa lúng túng chúng tôi đành quay trở ra. May quá, cách cửa mấy bước có một thùng rác, dòm vào thấy đã được thay bao mới, sạch. Lý tạm thời giấu sâu cái áo mưa vào trong đó. Thật ra lúc bấy giờ chúng tôi chưa biết trị giá của cái áo, và lại là của mượn, không dám làm mất đi.

Chúng tôi bước trở vào cửa siêu thị dưới những cái nhìn ‘đánh giá’ của quý anh chị phục vụ cửa hàng. Và rồi có đến hai người trong đám đang rảnh rỗi của họ, lặng lẽ theo gần sát gót chúng tôi. Bước chân tôi bất ngờ khập khiễng hơn. Như thói quen, Lý đi sát bên tôi. Tay nắm tay, vừa bước vừa ngắm những vật dụng được bày bán với giá cả kê sẵn, ngay trên từng món đồ. Nhìn các mặt hàng nội, ngoại sạch sẽ, được trưng bày một cách

mỹ thuật và thứ tự, chúng tôi mừng, việc mua bán trực tiếp với giới tiêu thụ tại Việt Nam, thật sự đã được cải tiến rất xa. Chúng không còn mang dáng dấp các quầy phục vụ quốc doanh mà chúng tôi từng chạm mặt mười tám năm trước đây. Siêu thị này, có lẽ không phải là siêu thị lớn của thành phố. Tầm vóc của nó khá khiêm nhường. Tổng thể diện tích chưa đủ hơn một cửa hàng như Sears, Canadian Tire, Wal Mart, Jean Coutu, La Baie, Zellers vv... Dù sao, tiến đến việc tổ chức phân phối hàng đến tay người tiêu dùng một cách khoa học và tân tiến như hiện nay đã là một quyết tâm ngã theo lối đi của tư bản.

Người sẽ nhận quà là một nhân vật từng có chức sắc, nên món hàng chúng tôi chọn, phải coi cho được một chút. Cân nhắc, trao đổi thì thậm một chặp, chúng tôi đồng ý chọn rượu là thích hợp nhất. Lẽ ra một cặp mới phải phép, nhưng hơi bủn xỉn, chúng tôi không cho loại *XO Rare Reser Brandy* đủ đôi, dù giá bán ở đây ngang với giá của *Duty free*. Chúng tôi không sờ vào chai rượu ngay, chỉ đứng nhận diện nó kỹ càng, rồi tiếp bước sang dãy hàng khác. Cái rề rà của chúng tôi ít ra đã giúp hai anh chị theo dõi từng cử chỉ của chúng tôi bớt buồn ngủ một phần nào. Khi trở ra với món hàng đã mua, vợ tôi theo thói quen cảm ơn cô thu ngân viên. Tôi cũng bắt chước, khẽ gật đầu chào anh bạn, có thể là quầy hàng trưởng đang đứng gần đó. Nhưng lạ, cả hai vẫn giữ được nét mặt nghiêm nghị. Hắn cũng là thói quen tốt của họ. Tôi vốn có mặc cảm về sự đi đứng thiếu nghiêm túc trời phạt của mình, nên quay ngó lui, và nhận ra, những đôi mắt từ cửa siêu thị có vẻ hoang mang khi nhìn theo Lý đang nhặt ra từ thùng rác cái “áo mưa tiện lợi” đã tạm gởi vào đó lúc nãy.

Lý nói nhỏ bên tôi:

- *Chắc họ nghi mình vào ăn cắp.*  
- *Chớ còn gì nữa! Ăn mặc quê mùa, mặt mày ngơ ngáo như bọn mình, không nghi cũng uổng!*

Chúng tôi cùng cười, thoải mái ra về. Khi ngang qua quán kem gần nhà, thấy còn đông khách, chưa ngán, chúng tôi cũng đua đòi vào tìm hai ghế, ngồi phoi mặt, hít thở không khí đang giảm nhiệt của đêm Sài Gòn.

Theo giờ bay ghi trên vé, chúng tôi sẽ về Đà Nẵng lúc 10 giờ sáng ngày 12 tháng 8 năm 2002. Đúng 9 giờ vợ chồng tôi cùng hai cháu gái Thuần và Hòa mang hành lý lên taxi 7 chỗ ngồi. Cháu Bisbis sẽ chạy Yamaha kèm theo sau. Đường đầy nghẹt xe gần máy. Anh tài trạc độ bốn mươi, điều khiển tay lái một cách cẩn thận. Dù vậy nhiều lần tôi cũng hết hồn, tưởng như đang có một vài chiếc *honda* đâm ngay vào bánh trước. Tình trạng giao thông chưa được điều hành có qui củ. Ở những ngã tư, những Ngụy dân với ba con mắt chột xanh, chột vàng, chột đỏ còn được trọng dụng, dù các anh ấy đã quá mòn mỏi, hao gầy. Nhưng dừng rồi đi, những dòng xe lại có dịp rơi vào nhau thêm. Đường như ai cũng vội vã, và chẳng mấy ai trong lưu lượng hỗn tạp ấy chịu nhường nhau. Lòng đường như được chêm kín, hở một chút là có sự luồn lách nguy hiểm. Thật ra càng lán nhau trong vô trật tự, tốc độ càng bị suy giảm. Khoản thời gian chi phí trên mặt đường đương nhiên gia tăng đáng kể. Không ai dám nói tình trạng giao thông rồi mù như vậy là thiếu văn minh. Nhưng rõ ràng thật không mấy đẹp mắt. Không hiểu còn có ai biết rùng mình trước những con số thống kê tai nạn hàng năm trên công lộ? Ngồi bên người tài xế, tôi vừa rải đều mặt kính *camera* ra ba bên, gắng thu lượm những hình ảnh quê nhà làm kỷ niệm, vừa phập phồng lo cho các bạn nam nữ chạy áp sát bốn phía xe.

Bảng chỉ dẫn: 'Lối Vào Sân Bay Nội Địa' đã hiện ra. Anh tài xế cho xe đi về hướng trái và chẳng mấy chốc dừng lại sát bên một trạm gác. Tôi là người phải đóng lệ phí cho *taxi* vào phi trường. Đã gần đến giờ bay, nhưng phòng đổi vé vắng hoe. Thì ra, chuyến bay của chúng tôi bị hoãn lại đến 6 giờ chiều. Phòng vé của Vietnam Airline không hề thông báo sự thay đổi này, mặc dù chúng tôi có ghi rõ số điện thoại liên lạc trong hồ sơ lưu tại phòng vé. Để nhận lỗi một cách thiết thực, họ chỉ trả cho chúng tôi một vòng xe *taxi* từ sân bay trở lại nơi xuất phát. Tính ra, chúng tôi vẫn phải trả hai lần chi phí di chuyển để đến phi trường. Không kể phí đi một khoản thời gian của ba người cháu. Cộng thêm một con số, có thể trên vài mươi bà con chúng tôi đã ng nao nức chờ tại sân bay Đà Nẵng.



Sau khi đổi vé lên tàu, chúng tôi vào phòng đợi trên lầu một. Phòng rộng, kang trang, chia làm ba ô. Mỗi ô kê sát những dãy ghế ngồi có chỗ dựa lưng. Ghế mới nhưng không được sang như ở những sân bay của các quốc gia khác. Một quầy hàng bán đồ lưu niệm sáng choang ánh điện. Nhân viên bán hàng đồng phục hẳn hoi. Quầy hàng khá đông khách. Tôi ngồi giữ hai cái xách tay cho Lý đảo một vòng nhìn những món được bày bán. Chỗ nào có cửa hàng, ít khi con mèo của tôi bỏ qua. Và cái thú mua lặt vặt những món rẻ tiền, gần như là cái bệnh ghiền của Lý. Quả vậy, chỉ một lát sau, cô Việt kiều rất nhà quê, mang ra cho tôi một chiếc Boeing 747-AUO có đầy đủ *logo* hoa sen, tượng trưng cho Vietnam Airline. Dĩ nhiên đây chỉ là món hàng trang trí.

Một điều đáng ngạc nhiên . Số lượng du khách người da trắng chiếm đến gần ba phần tư. Trong số này, những người cỡ tuổi như tôi chẳng bao nhiêu. Thành phần nam nữ trẻ tuổi chiếm đa số. Cùng với những chiếc ba lô công kênh, họ phục sức gọn nhẹ, tự nhiên, một thói quen trong những cuộc du lịch, phiêu lưu của dân Âu Mỹ. Một phần tư hành khách còn lại, nhìn qua, đã thấy rõ có ba thành phần. Nổi nhất là đám công nhân viên, cán bộ. Vị nào cũng ăn mặc tươm tất, không com lê cũng cà vạt nghiêm chỉnh. Và gần như trên tay của những vị ấy, là những chiếc máy điện thoại di động hợp thời trang đang nằm trong tình trạng hồ hởi chuyện trò. Nhóm thứ hai trong cái một phần tư, là đám thương gia gốc Á châu. Họ luôn luôn trầm mặc, kín đáo như những chiếc *samsonite* cận kề bên mình. Nhóm thứ ba, tuyệt đối thiểu số, đó là hai kẻ đang trở về thăm quê hương, sau 18 năm vừa sống vừa nhớ nhà ở phương xa.

Giờ và ngày trở lại Sài Gòn ghi trong vé khứ hồi của chúng tôi: 10 giờ...ngày 25-8-2002. Trước sức khỏe còn quá bi quan của ông già vợ và sự bịn rịn bà con, chúng tôi đành ghé phòng vé máy bay của Đà Nẵng, dời lại ngày đi. Thoạt đầu chúng tôi xin chuyển buổi sáng ngày 28-8. Ngày trở lại Canada của chúng tôi vào chuyến 19giờ 50 ngày 29-8. Ngại thời gian dành thêm cho Sài Gòn, không đủ để thực hiện một vài việc đã dự định. Chúng tôi lại ghé quầy vé xin ghi lại chuyến 8 giờ... ngày 26-8. Từ quầy vé của hàng không Đà Nẵng, chưa về đến

nhà, chúng tôi lại một lần nữa, đến xin điều chỉnh để đi chuyến 3 giờ chiều... cùng ngày. Tinh thần chúng tôi quả không được ổn, đã liên tục lợi dụng sự dễ tính và vui vẻ của mấy cô nhân viên của Vietnam Airline Đà Nẵng. Rất đáng lặt lại một lần xin lỗi và một lần cảm ơn nữa, ở đây.

Kéo thêm dài vài giờ bên những người thân yêu, chúng tôi cảm thấy nhẹ bớt lỗi đối với họ, bởi lẽ đã dành quá ít thời gian cho đại gia đình sau một thời gian chia xa quá lâu. Ngay vào lúc chúng tôi bước chân lên bậc thang của máy bay, trời đổ ụp một trận mưa khá lớn. Chi tiết này có thật, chúng tôi không cường điệu để cho chuyến chia tay vương thêm một chút buồn, vốn đã không còn chỗ chứa.



Già 45 phút sau, chúng tôi tới Sài Gòn. Về tới nhà, trời còn nắng ngon lành. Lý cùng với hai người cháu, Thuấn và Hòa, đông ra các cửa hàng vải, các cửa hàng bán quần áo...Tôi và Bisbis bắt đầu đảo qua các hàng sách. Trước nhất, chúng tôi ghé những quán sách lớn gần nhà. Nhà sách Sài Gòn, số 60-62 Lê Lợi Quận 1, (hậu thân của nhà sách Khai Trí của ông Nguyễn Hùng Trương ), Nhà sách Lê Lợi 2, số 56 Lê Lợi quận 1, Nhà sách Nguyễn Huệ, số 40 đường Nguyễn Huệ, Nhà sách Xuân Thu số 185 đường Đồng Khởi. Tại những nơi đây, tôi mua thêm được một số sách, đại khái :

Ca Dao Việt Nam, 524 trang, do nhà xuất bản Giáo Dục ấn hành; Từ Điển Tiếng Việt ,1.154 trang, do Ngôn Ngữ Học VN biên soạn, ấn hành năm 2000; Tự Điển, Từ Và Ngữ Việt Nam, 2.114 trang của ông Nguyễn Lân biên soạn, nhà xuất bản thành phố HCM ấn hành; Việt Pháp Từ Điển, 1.164 trang của các ông Lê Khả Kế và Nguyễn Lân ... Nhưng tôi chưa tìm ra được tập thơ do ông Khai Trí sưu tập và ấn hành. Tập thơ này, tôi có một bài trong đó và ông Khai Trí đã gởi tặng tôi một bản. Tiếc rằng với trọng lượng khá nặng của nó, người bạn họa sĩ Rừng, cũng là nhà văn Kinh Dương Vương của tôi, đã buồn lòng để nó lại tại phi trường Tân Sơn Nhất trước đây, vì hành lý của anh quá cân,



so với mức ấn định. Về đến Mỹ, anh bạn họa sĩ kiêm nhà văn này, đã nhắc cho tôi biết điều này.

Trong khi đi tìm tuyển tập thơ trên để lưu niệm, tôi gặp một vài khó khăn. Vì không biết rõ tên sách, quên tên thật người sưu tập đứng trên bìa sách, nên đến đâu, tôi cũng nói đại khái : *'muốn tìm một tuyển tập thơ tình của ông Khai Trí chọn lọc'*. để giúp những nhân viên bán sách để hình dung, nhớ ra, tôi nhấn mạnh thêm : *cuốn sách rất dày và nặng*. Dĩ nhiên tôi chỉ nói đại như vậy, chứ chưa hề thấy mặt mũi tác phẩm đó. Cái ầu của tôi được trả giá: không ai biết cả. Nhiều cô hàng sách còn rất thành thực : chưa hề biết hay nghe tên ông Khai Trí bao giờ!

Cuối cùng một người trung niên, trong đám nhân viên của Xuân Thu cho tôi biết cuốn sách đó đã hết từ lâu. Anh nhắc nhở tôi nên ghé qua các hàng sách cũ. Tôi là người không đủ khả năng chơi sách, nhưng lỡ đã có khá khá sách của các tác giả ký tặng, nên lúc nào cũng mong cho tủ sách gia đình khiêm nhường của mình ngày một giàu thêm. Từ lâu, tôi nghe nói các hàng sách cũ tại Sài Gòn có nhiều sách quý, và không biết tự bao giờ, tôi đã giữ trong máy vi tính bảng địa chỉ những nơi lý thú đó. Trước khi về Việt Nam, tôi có in ra một bản, bỏ túi. Cụ thể như sau :

Quận 1:

Đọc đường Trần Hưng Đạo. Đọc đường Nguyễn Thị Minh Mai.  
Đọc đường Đinh Tiên Hoàng. Đường Điện Biên Phủ, đối diện công viên Lê Văn Tám.

Quận 5:

Số 725 đường Nguyễn Trãi. Số 120A-120B Triệu Quang Phục.  
Trong các quán sách báo của người Tàu.

Quận 10:

Số 637 đường Cách Mạng Tháng 8

Quận Gò Vấp:

Ở gần cầu Hang, đến đường Nguyễn Văn Nghi

Quận Tân Bình:

Số 84 Cách Mạng Tháng 8

Quận Phú Nhuận:

Trên đường Lê Văn Sỹ, khúc gần nhà thờ Ba Chuông. Đường Trần Huy Liệu. Đoạn giữa Hoàng Văn Thụ và Nguyễn Văn Trỗi.

....

Dĩ nhiên tôi không đủ thời gian để la cà tìm vui ở những địa chỉ mang theo, nhưng tôi cũng ghé đến một vài nơi. Và thật may mắn, tại chòm quán sách nho nhỏ ở ngay đường Nguyễn Thị Minh Khai, tôi đã gặp một ông bán sách rất tử tế, ông có cả sách tôi đang tìm. Chính danh tác phẩm đó là : 'Thơ Tình Việt Nam Và Thế Giới Chọn Lọc', người sưu tầm và tuyển chọn là Nguyễn Hùng Trương (tên thật của ông Khai Trí). Sách dày 1.116 trang, bìa cứng do nhà xuất bản Thanh Niên ấn hành năm 1998.

Tối hôm đó, tôi ăn cơm thấy ngon miệng. Để Lý bớt buồn lo cho tính mạng ông thân sinh, tôi rủ Lý ra phố. Chuyến đi dạo này còn có mục đích tìm lại một người bạn, nên lộ trình đã định sẵn trong đầu.

Từ nhà, chúng tôi rẽ trái, băng qua vườn hoa trước tòa Đô sảnh, rồi quẹo mặt đến Hai Bà Trưng. Cơ sở Quan Thuế trước kia ở góc này. Hoàng Trọng Bân, Hoàng Kim Uyên, Á hậu đầu tiên Việt Nam một thời đã ở đây. Tôi cũng có nhiều đêm ngủ đậu nơi này. Cổng vào cư xá không thay đổi, nhưng hình dạng các ngôi nhà bên trong đã lạ. Một đám thiếu niên ngồi chơi bài trong một góc sân chung. Chúng tôi hỏi thăm nhà Hoàng Trọng Bân. Chẳng cậu nào biết. Chị chủ xe sinh tố, đứng bán đối diện với đám trẻ cũng ngỡ ngác. Thất vọng chúng tôi quay trở ra. Thong thả nhìn cái lưng trụ sở quốc hội cũ bước tới. Bên tay trái chúng tôi, một vạt điện sáng nồn, tỏa ra từ một tiệm bán thuốc tây vắng khách. Ông bà chủ đang sát đầu vào nhau nhìn ra đường. Ngượng bước, khi phát giác bị ngắm, Lý thúc nhẹ tay tôi : 'vào hỏi thử'. Không hy vọng, nhưng đã lỡ ngập ngừng, chúng tôi cùng bước lên thêm. Và chỉ trong khoảnh khắc, chúng tôi lượm được niềm vui cuối ngày.

Mặt bằng tiệm dược phẩm nhỏ này thuộc sở hữu của Bân cho thuê. Nơi đây chính là căn nhà tôi từng lui tới. Bân đã cho trở cửa xoay ra mặt đường. Bít kín bức vách ngăn với sân chung. Sự thay đổi đã đánh lừa trí nhớ của tôi. Sau khi bày tỏ đại khái một chút lý lịch và sự quan hệ, chúng tôi được cho số điện thoại của Bân. Tôi vấp suýt ngã khi trở xuống bậc thềm, không hiểu vì mừng hay vì mũi giày lạng quạng. Lòng tôi nhẹ tênh.

Đêm êm ả rộng dần. Một số đèn màu từ những cửa hiệu, theo nhau trả không gian lại cho những vì sao. Chúng tôi đang nằm trong tầng thứ ba của căn nhà, sát vách rạp Mini Rex ngày nào. Tiếng đêm tại khu vực này đã trở nên mỏng mảnh. Lý ngã dần vào giấc ngủ sau một ngày mệt mỏi, góp nhặt những kỷ niệm. Tôi khép lại cánh cửa sổ, khi trực nhớ phòng phía trước có ma, vịn theo lời chị tôi và đám cháu từng xác nhận. Thấp thoáng chút cảm giác lạnh lạnh. Tôi nhìn Lý ngủ, muốn táy máy một chút, nhưng lại thôi. Những tờ báo mua ban chiều giúp tôi bình tĩnh. Văn Nghệ, Thanh Niên, Tuổi Trẻ, Sài Gòn Tiếp Thị... Tôi đọc lướt những đề bài. Xem kỹ từng ảnh chụp và một số minh họa. Tôi gặp lại rất nhiều bút danh đã từng được đọc : Hoàng Phủ Ngọc Tường, Thái Ngọc San, Lâm Thị Mỹ Dạ, Thanh Thảo, Đông Trinh, Nguyễn Nhật Ánh, Bùi Chí Vinh, Nguyễn Thị Thu Huệ, Đỗ Trung Quân, Mùng Mán, Đinh Trầm Ca, Lê Thị Kim, Phan Thị Vàng Anh... Trong vai trò người đọc, tôi vui mừng sắp được đọc thêm những sáng tác mới. Trong thú chơi sưu tập chân dung và tiêu sử tác giả, tôi cảm thấy gần gũi với từng người. Sân chơi văn học nghệ thuật hẳn là cõi trầm mặc, an bình. Và những người trong thế giới này, chắc chắn người nào cũng cởi mở, dễ thương. Những cách ngăn từ những định kiến chính trị đã và đang tiếp tục được tháo gỡ. Theo thói quen khi đọc báo, sau khi lướt qua những đề bài, tôi đọc lại phần mục lục, để chọn bài đọc trước tiên. Tôi chột khựng lại ở trang đầu, địa chỉ tòa soạn dán vào mắt những vẫy gọi. Tôi thêm được ngó qua các cánh cửa, mái hiên, bậc thềm... nơi những người trị sự của một tờ báo làm việc. Chẳng còn kịp nữa. Có bốn ngày lêu bêu ở Sài Gòn, đã tiêu hết quá nửa, tôi đành hẹn với mình chuyến sau. Lẫn thẩn suy nghĩ linh tinh, giấc ngủ bỏ đi đâu mất, tôi lục túi xách tìm một viên *Ativan*. Người bạn nhỏ luôn luôn mang theo bên mình này không là ca dao, không là lục bát, nhưng vẫn thường ru tôi qua ba, bốn tiếng mỗi đêm. Trong khi chờ chất thuốc an thần ngấm, tôi gác chân qua người Lý, tự thêm cho mình vài phút vãn vơ. Lòng cảm thấy vui vì sắp gặp lại người bạn thân cũ. Hoàng Trọng Bản.

Bản là con trai thứ của ông Hoàng Trọng Thục, cháu ruột của nhà văn Hoàng Trọng Miên và ông Thanh Nghị, người soạn bộ Tự điển Pháp Việt. Thời học ở Phan Châu Trinh Đà Nẵng, tôi

chơi rất thân với Bân và Châu Văn Tùng. Ba chúng tôi đều thích sách báo và cùng đan dúi chút ít với những sinh hoạt văn nghệ. Tùng và Bân có năng khiếu về hội họa. Bân đã là tác giả của nhiều họa phẩm sơn dầu, từng triển lãm chung, riêng tại một vài thành phố trong nước. Nhưng tên tuổi anh chưa được biết đến rộng rãi. Không hút thuốc, không uống rượu, ít ghiền cà phê, thú vui chính của Bân quanh đi, quẩn lại cũng là vẽ và đánh *tennis*. Vào Thủ Đức sau tôi hai khóa, nhờ có chức nghiệp của người cha, anh không trực tiếp ra mặt trận. Sau khi tốt nghiệp Chính trị Kinh doanh Đà Lạt, ngành tâm lý chiến giữ anh cho đến ngày 30 tháng tư bảy mươi lăm. Thời khắc Việt Nam Cộng Hòa tan hàng, hình như Bân đang ở một tiểu đoàn chiến tranh chính trị nào đó xa Sài Gòn. Cả đại gia đình anh đều di tản qua Mỹ an toàn, từ 1975. Sót lại một mình, sau vài năm vất vả, Bân trở lại vẽ và chơi *tennis*. Vài đứa con của anh đã ra đời không tính giờ trước. Hồ sơ đoàn tụ gia đình vừa được chấp thuận, thì có thêm nhân khẩu. Hai lần lặp lại giống nhau, giúp Sài Gòn giữ được anh cho đến bây giờ. Lược xem thăm một đoạn đời người bạn, đã giúp tôi ngủ một đêm song suốt, quên cả con ma, có thể đang rình rập bên ngoài.



Diễn tiến theo đúng chương trình, sáng ngày 28 tháng 8 năm 2002, vợ chồng tôi cùng Thuấn, Hòa lên taxi đến nghĩa trang thành phố. Chị và anh rê tôi đang nằm sát nhau, hưởng đời đời trắng mặt ở đó. Nghĩa trang thành phố nằm cách xa Sài Gòn khoảng 12 cây số về hướng Thủ Đức. Trên đường đi, tôi có dịp nhìn lại mặt mũi xa lộ Biên Hòa. Một thời, mỗi cuối tuần tôi đã đi về trên con đường này. Đã ba mươi lăm năm nay mới trở lại, vậy mà tôi vẫn cảm thấy gần gũi. Mùi hương của nắng gió, của đất trời Việt Nam, hình như thơm ngọt hơn bất cứ nơi nào trên địa cầu. Có thể tôi chủ quan, làm dáng trong ngôn từ. Nhưng tâm cảm tôi còn thật hơn thế nữa. Từ lâu tôi vẫn nghi ngờ tình yêu nước trong tôi. Có hay không. Đậm đà hay hời hợt. Nổi xao xuyên thăm kín như đang muốn nói với tôi một điều gì. Xe chạy, bụi bay mù cùng những dòng suy tưởng trẻ con vỡ vụn, tản lạc...

Nghĩa trang thành phố nằm trong một rừng cao su trước kia. Nơi đã có một Trường Sơn Quán nổi tiếng một thời. Khi vào bên trong khuôn viên Nghĩa Trang Thành Phố, tôi thoáng có chút giật mình. Hình như đa số hội viên của phần đất cõi âm này, từng là những người đã chống chế độ tôi phục vụ. Bây giờ hẳn chẳng còn thù hận gì. Mọi phân loại tiếp tục dành cho người sống. Nhìn những phần mộ vô cùng khang trang, lộng lẫy, tôi không khỏi ngậm ngùi. Hình ảnh nghĩa trang quân đội với bức tượng Thương Tiếc loáng thoáng trong đầu. Quả thật trong đời có những nỗi buồn không tên. Tôi cầm nén nhang Hòa vừa đưa, nghiêng mình trước nhiều bia mộ, thành tâm và kính trọng. Sự có mặt của chị và anh rể tôi tại vị trí ưu tiên này, đã nói được cái khôn lanh, thành công của các đứa con anh chị tôi.

Rời nghĩa trang, trên đường về, chúng tôi ghé qua Làng Báo Chí thuê nào. Gia đình cháu Hòa đang định cư ở đây. Hòa là con gái thứ của chị tôi, đã một thời hương sắc. Cuộc tình của Hoà và Huỳnh ngày xưa, nằm trong các cuộc tình đẹp nhất của thị xã Hội An. Huỳnh đã chia tay với cuộc đời khá sớm, chỉ kịp để lại cho Hòa một trai, một gái, nay cả hai đều đi song suốt đường học vấn và có đời sống riêng vững vàng. Quỳnh Dao, con gái của Hòa, đã lo giúp số công việc trong chuyến đi của chúng tôi. Con bé thật ngoan và tháo vát.

Sau gia đình Hòa, chúng tôi thăm nhà các cháu Quế-Mười, ở đường Lê Quang Định, quận Bình Thạnh, rồi Định-Thủy ở đường Lý Thường Kiệt, quận Tân Bình. Cơ ngơi của cặp vợ chồng người cháu trai này ngoài sức hình dung của chúng tôi.

Nhìn chung mức sống của mấy cháu đều khá quan. Ngoại trừ Quí, con út của chị tôi, vốn ham chơi, nên chưa được ổn định lắm. Vài dòng về những người ruột thịt đúng là một khoe khoang vô duyên. Nhưng nghĩ rằng các cháu sẽ vui khi được nhắc đến, nên tôi mong được lượng thứ.



Tôi gặp được Hoàng Trọng Bân sáng sớm ngày 29 tháng 8. Sau khi uống cà phê, ăn bún ở một vỉa hè, Bân đưa tôi đến thăm hai ngôi nhà mới của vợ chồng anh. Tại mỗi địa điểm cư

ngụ, Bân đều dành cho mình một phòng rộng rãi để vẽ. Bận tôi vẫn chưa khắc phục được tính bừa bãi, lộn xộn. Sơn cọ vẫn nằm chen trong áo quần, sách báo lẫn bánh kẹo...Tại nhà ở đường Nguyễn Đình Chiểu, quận 4, tôi có chụp một số họa phẩm sơn dầu mới nhất của anh. Những bức họa chưa được vào khung. Tranh của Bân giàu màu xanh và lấp lánh bóng dáng mỹ nữ. Những khuôn mặt đoan trang, buồn, hiền tựa Như Quỳnh, Hà Phương...Đài các mượt mà như Ý Lan, Thanh Trúc, Mỹ Huyền, Loan Châu...Nhưng thôi, tôi không dám ba hoa lạc vào chuyện nhận xét, vốn không có nhiều khả năng.

Mặc dù rất thành thoi nhưng bận tôi cũng bị thời gian mạnh tay. Một số cọng tóc trước trán đã là những lá mùa thu, nên trông Bân mất đi nhiều nét đẹp trai của thời thanh xuân. Ấy vậy, chàng ta cũng còn thừa bay bướm. Khi biết vào cuối ngày này tôi trở lại Canada, Bân tiếc rẻ...Giá có thêm một hôm, hoặc gặp nhau sớm hơn một ngày, chúng tôi đã có cơ hội thăm một số vườn lá hoa. Bân có nhiều địa chỉ thơm, sang trọng và 'an toàn xa lộ'. Để gì có: *"huong vườn quê mẹ quê cha/ thơm từ khe suối thơm qua núi đồi / người trăm năm được mấy thời/ trái lung nằm xuống cõi ngời ánh thơ"* Nhưng đã trễ, để vớt vát, Bân chở tôi lang thang qua một số ngã đường, cho biết mặt mũi những tụ điểm sống vội, chơi nhanh, được hồi sinh sau năm 1975.

Thú ăn chơi của con dân Sài Gòn không rõ được phục hồi từ năm nào. Điều đáng ghi nhận: sự trở lại này, đã có nghìn lần phong phú, đa dạng hơn xưa. Tôi đã đọc qua nhiều bài phóng sự từ trong nước. Không bỏ sót những cuốn video, đại loại như *Ký ức Sài Gòn, Phố Chợ Sài Gòn, Sài Gòn Ngày Nay, Sài Gòn Danh Lam ẩm Thực, Sài Gòn 1001 Cách ăn Chơi, Sài Gòn 1002 Cách ăn Chơi, Sài Gòn 1003 Cách ăn Chơi, Sài Gòn Nghệ Sĩ ăn Chơi, Sài Gòn Mỹ Nhân Ngày Nay, Sài Gòn Những Năm đầu Thế Kỷ Mới, Sài Gòn ăn Chơi Tôi Chi...vv*. Tôi sáng dạ hình dung được những phòng hút tóc thanh nữ, những tụ điểm *massage*, những quán cà phê đèn mờ, những quán bia ôm...Thú thật, đã từng định bụng, có dịp phải nên 'đi thực tế' cho biết với đời. Nhưng giữa thanh thiên bạch nhật, những địa bàn thiên thai có vẻ trần trụi quá. Và tôi đã không tiếc khi bỏ qua mục thưởng thức này, trong chuyến không áo gấm mà về làng của mình

Bàn thả tôi lại 22 Lê Lợi. Lý đi mua sắm với Hòa và Thuần chưa về. Tôi gọi thăm Hà Nguyên Dũng, một bạn thơ gốc Quảng Nam, chỉ quen nhau qua thư tín. Hà Nguyên Dũng là một khuôn mặt thơ được biết đến nhiều tại Việt Nam hiện nay. Anh đã xuất bản được ba thi phẩm. *Quê Tình, Hột Muối Bờ Biển, Cửa Đợi Sông Chờ*. Cả ba tập, tôi đều được anh gửi tặng qua đường bưu điện. Thơ Dũng hay nhưng u uất buồn. Cái hơi thơ của những người Quảng Nam 'hơi na ná nhau' là một nhận xét của ai đó, xem ra cũng có phần đúng. Dũng khá bi quan về cuộc sống kinh tế của anh. Thật ra, hầu hết những người lâm vào con nghiện thơ, đều không mấy khả quan về tài chánh, nếu không muốn thành thật nhìn nhận là khá xác xơ.

Sau Dũng, tôi gọi thăm Uyên Nguyên Lê Hiếu Đăng, dù không mấy thân. Uyên Nguyên vốn là một cây bút thời sinh viên. Anh là em của Lê Viên Côn, bạn học của tôi, một cựu Trung Tá Hải Quân, Việt Nam Cộng Hòa, không biết giờ ở đâu.  
(1)

Từ Đăng tôi xin điện thoại của luật sư Nguyễn Đăng Trùng. Nhà thơ Huy Giang đi vắng. Đúng 37 năm, tôi vẫn nhớ đồng củi cao ngất bên hiên nhà của Trùng ở đường Thống Nhất Đà Nẵng. Nơi tôi ngồi nghe Trùng đọc những bài thơ mới viết như Cung Kiếm, Tiền Hường vv.. Thơ của Huy Giang giàu hình ảnh và âm điệu. Với những rung động chân tình, anh viết nên những giòng thơ giản dị, nhưng vô cùng thiết tha. Vừa đề kỷ niệm tình bạn, vừa thấy thích hợp với chủ đề tập thơ, tôi đã trích hai câu của anh, chưng nơi trang đầu tập Về Trời, thi phẩm đầu tay của tôi :

*'Khi khổ quá tôi muốn làm rom cổ / nắng khô đi xin lửa đốt Về Trời'*

Huy Giang là một thành viên chính của bút nhóm 'Cùng Đi Một Đường' ở Đà Nẵng. Đa số sáng tác của bút nhóm này được đăng trên báo Gió Mới ở Sài Gòn, tạo nên những tên gọi, ít nhiều được biết đến trong giới sinh hoạt văn nghệ trẻ thời bấy giờ : Phan Duy Nhân, Huy Giang, Tô Yên, Lam Hồ, Hồ Cư. Tôi không rõ ngoài những bạn này, còn văn tài nào khác không.

Riêng Huy Giang, sự yêu mến văn thơ của anh khiến tôi không tin anh bỏ viết, dù đã quá lâu không còn đọc được bài thơ nào khác của anh. Thời Chủ tịch hội Sinh viên Luật Sài Gòn đã qua. Thời ra bung, nhảy núi đã hết, Huy Giang khó có thể thờ ơ với thơ, khi bên đời, đầu đó vẫn còn thấp thoáng : *'đôi mắt Hường kia... nhưng quá xa'*. Tôi có khá nhiều kỷ niệm xinh xắn với anh, không nghe lại được cái giọng khàn khàn thuở nào thật đáng tiếc. Biết còn có còn cơ hội mai sau ?

Dù ngậm ngùi tôi cũng không bỏ phí thời gian, quay số tiếp. Người đang bỏ túi bớt giờ cơ quan, để ghé thăm tôi là Châu Văn Tường, em trai của Châu Văn Tùng, cũng kè như em trai của tôi từ lâu. Nhắc lại chuyện cũ, kể lướt một số chuyện mới và rồi chụp ít tấm hình, cuộc hội ngộ sau hơn hai mươi năm dẫu giản dị vẫn đầy thân tình. Trước đây, Tường có giữ hộ tôi một tập bản thảo, có tên *'Còn Xa Hơn Dĩ Vãng'*, tiếc rằng em ấy đã bỏ thất lạc. Tập thơ này chỉ có một số ít bài ,viết về một khuôn mặt xuất hiện cùng lúc với hai hình ảnh khác, qua sự chọn lựa khá bất ngờ của tôi. Tường vẫn còn thích văn thơ. Cuộc sống công chức lâu năm không làm mất vẻ trẻ trung trên khuôn mặt người bạn nhỏ, chắc là luôn yêu đời ấy. Sau Tường, tôi tìm những tên gọi thân thương khác. Khi mở *carnet d'adresses*, thấy tên Trần Hoan Trinh, tôi vụt nhớ về một thời dưới mái trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng . Hình ảnh một số cô thầy thấp thoáng qua trí nhớ. Là một thằng nhóc biết lãng mạn sớm, thú thật, một đôi lần tôi có mơ mơ màng màng về các cô Kim Đính, Bội Hoàn...Còn các ông thầy trẻ, tuy phục nhưng không ngưỡng mộ lắm. Các bạn nam sinh của tôi cũng không hơn tôi bao nhiêu. Với cốt cách tinh nghịch của tuổi trẻ, một số bạn đã có một vài nhận xét vui vui về một vài vị. Và như thế, một ông 'đệ nhất hoan', một ông đã 'hoan' mà vẫn còn 'trinh' thường được nhắc tới. Cả một thời thơ sinh chồn vờn cùng những tràng cười trong sáng vừa chợt gặp lại, tôi vui tay quay số.

Nhà thơ Trần Hoan Trinh, người thầy dạy toán liền trong bốn mươi năm, qua cả hai chế độ chính trị. Và đặc biệt hơn nữa, ông chỉ đứng trên các bục giảng tại các trường thuộc thành phố Đà Nẵng. Trong số này, trường trung học Phan Châu Trinh là chủ yếu. *'Một đời làm thơ, một đời làm thầy'* quả quá đẹp. Đời



làm thơ vẫn tiếp tục. Đồi làm thầy vừa được khép lại, nhờ đó thành phố Sài Gòn, có thêm một gia đình thị dân mới, gia đình của giáo sư Trần Đại Tăng. Tôi có 5 năm học ở Phan châu Trinh, nhưng tôi chưa được làm học trò trực tiếp của thầy giờ nào. Dù vậy, tôi rất kính mến vị giáo sư đã có tác phẩm xuất bản, khi tôi mới mon men vào sân chơi văn thơ. (thời đó tôi học toán từ thầy Bùi Tấn). Thầy Tăng hẳn có nhiều ngạc nhiên khi phải nghe một giọng nói không quen. Để thầy khỏi suy đoán, tôi xưng tên, và thầy nhận ra. Tôi tin chắc thầy Tăng chẳng nhớ tôi là ai. Nhưng Thơ đã đưa chúng tôi lại gần với nhau. Tôi nhắc chuyện anh Xuân, một cựu học sinh khác, không dám mang mấy tập thơ tôi gửi về biếu thầy, làm tôi cũng sợ không dám mang theo. Thầy tỏ ý tiếc, và dặn lần sau. Bất ngờ với tôi nhất, khi thầy báo tin, có gửi tặng tôi một tập thơ mới của thầy. Thầy đã nhờ chị Phan Thu Hà, một cựu nữ sinh Phan Châu Trinh, hiện cư ngụ ở Mississauga, Canada giao lại.

Niềm vui trong cuộc điếm đàm, rủ tôi quay thêm một số nữa. Họa sĩ Nguyễn Hạo, tên thật Nguyễn Phú Hào ghé đến. Chúng tôi ra ngôi Givral.

Trời tung bùng nắng. Góc này của Sài Gòn có vẻ như hơi xa cuộc sống bề bộn chung quanh. Là những người bạn văn nghệ, quanh đi quẩn lại chúng tôi cũng chỉ nhắc chuyện sách báo, vẽ vờ. Tôi hỏi thăm Hạo về những người bạn từng có quen biết. Vớ vẩn như Cung Văn Nguyễn Vạn Hồng, sau chuyển Âu du năm 1995, hiện làm gì. Huy Tường vẫn còn chăm sóc quán cà phê ? Hà Nguyên Thạch với người bạn đời mới, lập nghiệp ở Vũng Tàu hình như đã khá ổn định ? Phạm Thế Mỹ đã nắm bắt động mấy năm ? Không thăm được Thạch, Tường, Mỹ...là một khuyết điểm và niềm ân hận lớn của tôi. Tôi cũng hỏi thăm về những người bạn chưa quen, mà rất ngưỡng mộ, đại khái như : nghe nói nhà thơ Bùi Chí Vinh đào hoa lắm, chợt gặp một bông hồng trên đường, đã có thể thò tay vào túi lấy ra cả chùm thơ thơm lựng làm quà. Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh hẳn rất nổi tiếng. Tôi thấy nhiều nơi trên mạng lưới điện toán đều có *link* vào kho văn của anh ấy, ngay cả những 'Cõi Thiên Thai'. Tôi cũng không quên hỏi về những sinh hoạt của một số bạn văn, thơ, họa từ hải ngoại đã từng về thăm. Một Nghiêu Đề phóng khoáng, từng ngồi

bệt bên sân chung cư Thanh Đa chờ bạn. Một Rừng, đào hoa với nhiều bóng hồng trong tranh lẫn trong phòng triển lãm. Một Khánh Trường được 'làm việc' nhiều lần với giới chức sắc.... Và Khi hỏi đến Đinh Cường, mới biết tôi đã nhớ sai, phòng tranh của anh và bạn Bửu Chi tại 53 Hồ Tùng Mậu, quận 1, đã kết thúc. Cường đã trở qua Hoa Kỳ, trước khi tôi về đây.

Sài Gòn không còn là thủ đô, nhưng tôi cảm biết phần đất phương phi này vẫn là trái tim của Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam.



Rời nhà hàng, Nguyễn Hạo qua quận ba, theo lời tôi yêu cầu. Con đường Điện Biên Phủ tên cũ là gì tôi nghĩ không ra. Chiếc xe của Nguyễn Hạo có phần nhỏ so với chiều cao của anh. Nó chờ chúng tôi khá vất vả. Đường qua đường, kiệt 15 đã hiện ra. Hào bấm chuông. Bà chủ nhà hình như chưa hoàn tất giấc ngủ trưa khi mặt trời đã xế bóng. Một tay che nắng, một tay mở khóa cửa, nhà văn Minh Quân không kịp nhận ra tôi. Tôi vẫn còn đây một mái tóc rất trù phú, một đôi mắt vốn biết cười, và một thân hình chực chờ đổ nhào, vì sự thiếu cân bằng của cặp chân, nhưng dễ gì nhận ra.

Chị Minh Quân già yếu hơn năm chị qua thăm Canada. Hồi đó là lần đầu tôi gặp chị qua giới thiệu của nhạc sĩ Trần Văn Khê, trong dịp ông nói chuyện về âm nhạc ở Làng Cây Phong. Một Làng tu tập Phật học do nhà thơ Đỗ Quý Toàn, bác sĩ Nguyễn Tấn Hồng, giáo sư Hoàng Chiêu Nhân... tạo dựng trên một đồi núi kỳ vĩ, cách xa thành phố Montréal khoảng bảy mươi cây số. Trong thân tình từ Bách Khoa cũ, chị Minh Quân và tôi rất mừng được gặp mặt.

Những ngày tiếp theo, tôi thường làm tài xế cho chị Quân thăm viếng nhiều nơi. Thời điểm này, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cũng có mặt ở Montréal. Chúng tôi có gặp nhau. Năm 1992, không khí bài chống chế độ quốc nội hãy còn cao điểm. Rất ít bạn văn nghệ dám gặp anh Sơn, chị Minh Quân, một phần nào cũng bị ngại ngùng. Có lẽ vì vậy, chị quý chúng tôi, xem Lý như em gái. Vừa biết Lý cũng đang có mặt ở Sài Gòn, chị hỏi tôi đưa

đến thăm, khi tách trà chị rót mời tôi vẫn còn những sợi khói mỏng.

Là một tác giả, còn được cung cấp tác phẩm cho các nhà xuất bản, chị Minh Quân hẳn có một đời sống tinh thần ổn định. Quà của chị cho chúng tôi là một sổ sách của nhà xuất bản Trẻ. Chúng tôi chẳng có gì biểu thị, ngoài những giọt nước mắt chớm ướt của Lý khi chia tay. Chúng tôi không kịp thăm các anh Lê Ngô Châu, Tô Kiều Ngân, Tường Linh như chị Quân nhắc, đành nhờ chị chuyển lời kính thăm cùng lời xin lỗi.



Sài Gòn hình như càng nhộn nhịp, vội vã trong ánh nắng lững thững sang chiều. Năm, bảy người biết chúng tôi về. Mười người nhìn chúng tôi đi. Có ai biết lòng chúng tôi man mác buồn? Mím cười, vẫy tay là những trấn an cho chính mình. Cây lá đường Lê Lợi vẫn đứng với gió. Ngôi nhà số 22, mang bảng tên Mẫu Đơn vẫn nằm yên vị trí cũ. Những ngọn hương chúng

tôi vừa thấp lên bàn thờ anh chị tôi, le lói sáng được bao lâu ?  
Tôi chẳng giữ được gì trong mắt, nhưng lòng tràn đầy hình ảnh.

Ngồi trong lòng chiếc VN 533, tôi nhắm mắt. Chẳng để dễ  
giác ngủ. Mà để nhìn cho rõ hơn, một lần nữa Sài Gòn, nơi tôi đã  
rom róm nước mắt trong một lần đều bước với quân phục, dưới  
một màu cờ lộng lẫy vàng. Cảm ơn Đức Trần Hưng Đạo vẫn  
canh giữ lòng sông. Cảm ơn thiên tướng Phù Đổng Thiên Vương  
chưa bị hóa kiếp. Cảm ơn những góc phố, những con đường.  
Cảm ơn thế hệ trẻ, đang đánh thức những mê muội hàng chục  
năm. Cảm ơn, cảm ơn tất cả. Sài Gòn không đứng lại sau lưng  
đường bay. Sài Gòn đã theo tôi đến Montréal này. Sài Gòn đang  
lấp lánh mở ra trước mặt tôi.

\*

*(1) Sau khi gởi bài viết này cho một người bạn đọc chơi. Người  
bạn này đã giúp tôi liên lạc được cùng Lê Viên Côn bằng điện  
thoại. Anh hiện ở Hoa Kỳ.*



## Đà Nẵng, Một Chuyến Về, Có Thực

Trong khoảng thời gian từ tháng 2 năm 1985 đến tháng 8 năm 2002, gần như tháng nào tôi cũng có một vài lần về Đà Nẵng. Bất chấp mọi rào cản chính trị, không lệ thuộc vào những thủ tục căn bản như *visa*, *passport*, tôi thông dong, tùy hứng đi đi về về. Khoảng cách giữa hai thành phố Montréal và Đà Nẵng cũng không là một vấn đề nan giải. Không âu lo túi tiền, không bận tâm bực hành lý, chỉ cần lặn lưng một chút tĩnh lặng, tôi thực hiện những chuyến hồi hương thật gọn nhẹ, tốt đẹp. Một trong những chuyến về thăm nhà kỳ thú ấy, tôi đã ghi lại cảm xúc của mình, vào năm 1989, qua một bài thơ bảy chữ, dài một trăm lẻ bốn câu. Xin chép lại 24 câu đầu để làm bằng:

*Phi cơ đang giảm dần cao độ  
bay giữa làn hương nắng sớm mai  
lòng tôi phơi phới ngoài khung cửa  
mây trắng nghiêng đầy lên bả vai*

*tôi thấy con đường qua Non Nước  
giữa lòng cát trắng dương liễu xanh  
bụi ngùi thoảng tiếng Tường Linh thờ  
lúc-thúc quanh chân cụm Ngũ Hành*

*tôi thấy con đường ra Hòa Khánh  
lòng Cầu Đỏ chở một vòng tay  
tóc cù sau gáy, đùa lên má  
khúc khích em cười: “khéo gió bay...!”*

*tôi thấy vườn cây chùa Bà Quảng  
chỗ ngồi mòn lãng góc cây cau  
lắng nghe lời nguyện em thầm khẩn  
lần thân đốt nhang suýt lộn đầu*

*phi cơ dừng bánh trong phi cảng*

*run run tôi đứng vẫy tay chào  
bốn mươi tám tuổi còn được khóc  
như đứa trẻ con, thú biết bao !*

*Đà Nẵng của tôi, ơi Đà Nẵng  
đâu ngờ còn có bữa hôm nay  
vẫn hôn thuở trước, bàn chân cũ  
tôi dẫm lấm trong bụi đất này...  
(CƠĐĐT, LTHBVVBH)*

Lần ấy cũng như những bận đã về trước và sau năm 1989, tôi đều thả bước thăm viếng từng góc cạnh của thành phố, những nơi còn ưu ái lưu giữ một chút ít hơi thở, bóng dáng tôi.

Rời phi cơ, chân tôi chạm mặt đất sân bay. Đây là một phi trường bề thế một thời cả dân sự lẫn quân sự. Phi trường đứng thứ nhì của Việt Nam Cộng Hòa này, vào thập niên 80, thừa đất để cho tôi cùng Vĩnh Kha (cựu chủ tịch tổng hội sinh viên Huế) và Nguyễn Thanh Ngân (cựu giáo sư trường Kỹ thuật Đà Nẵng) thực hiện việc trồng thêu đào “ao cá bác Hồ”. Chúng tôi đã tiêu phí hơn cả tháng trong công trình này, nhưng nghe đâu không có con cá nào được nuôi dưỡng ở đây.

Từ sân bay, tôi lội bộ qua cổng Mê Linh để đến Chợ Mới. Khi đến đầu cổng, tôi không quên ngoá lại con đường đất chạy bên những vạt ruộng rau muống-nước. Con đường đất này dẫn vào nhà Lê Văn Phương, bạn tôi. Đồng thời cũng dẫn đến bà sen Thạch Giám, nhà bạn Đặng Văn Hải. Con đường cho riêng tôi thật nhiều kỷ niệm. Ngoài những lần lên chơi với Phương để hít thở không khí đồng quê ngay trong thành phố, con đường còn xui khiến tôi đưa cô ba Lý Phước Ninh vào cuộc phiêu lưu ái tình, nếu thiếu duyên nợ đã có thể vác chiếu ra hầu tòa.

Chợ Mới, có lẽ được gọi là mới từ thập niên 40. Tuy ra đời sau, nhưng Chợ Mới không được phương phi như người chị cả Chợ Hàn. (*chợ Hàn khởi công xây dựng vào năm 1900, khánh thành tháng 1-1901*). Tôi cũng có được một kỷ niệm rất đáng nhớ với Chợ Mới. Vào đầu năm 1954, với bản tính tò mò ham vui, tôi đã theo chân một đoàn biểu tình, đòi chồng, đòi con của

thị dân Đà Nẵng kéo lên hướng phi trường. Khi đoàn biểu tình đến Chợ Mới, quân lê dương Pháp đã nổ súng...chi thiên. Trong cảnh tan hàng khá lộn xộn, tôi đã cùng năm bảy người lớn trốn vào một trại hòm, nằm sát mặt đường, bên cánh phải ngôi chợ. Sau khi tình thế đã an toàn, tôi lò dò ra đường để về nhà thì giật mình phát hiện cái mũ bê rê đen đội trên đầu đã biến mất. Tôi lật đật chui trở vào trại hòm tìm kiếm. Quanh quẩn một hồi bên các chiếc quan tài gỗ mới, tôi chợt có cảm tưởng không gian mình đang đứng có những con ma. Hoảng hốt, tôi chạy ra đường, bỏ lại cái mũ yêu quý.

Từ Chợ Mới về nhà tôi, có thể chọn một trong hai ngã đường. Nếu nhớ những cổng nhà của Trần Châu, Như Thoa, Kim Uyên, Minh Xuân...tôi đi theo đường Trung Nữ Vương. Nếu nhớ những cánh cửa của Nguyễn Thị Ngọc Lan, Phan Thị Hồng Hạnh...tôi chọn đường Hoàng Diệu. Đây là những lộ trình tôi tùy hứng dành cho mình vào những chuyến trở về thăm nhà trước năm 2002.



Chuyến về Đà Nẵng vào ngày 12 tháng 8 năm 2002 của tôi khác rất nhiều so với những lần về thăm trước. Thứ nhất, tôi đã không còn một mình một bóng lặng lẽ đi về. Người đàn bà lâu nay đi bên cạnh người đàn ông thất bại, không những tháp tùng mà còn là đầu tàu của chuyến đi. Thứ hai, với lần về thăm nhà mới này, tôi phải xếp mình vào mọi thứ trật tự đã được qui định. Cụ thể diễn tiến tỉ mỉ, rườm rà như sau.

Nhân nghỉ hè, tôi và Lý cùng gia đình con gái thứ, Bích - Dững, qua thăm thành phố Toronto, Mississauga và thác Niagara. Những nơi này, chúng tôi đã thăm viếng nhiều lần, nhưng chuyến đi được thực hiện cho đứa cháu ngoại Lyna vừa tròn một năm tuổi, có cơ hội đi xa lần đầu tiên. Khi trở lại Montréal, Lý nhận được điện thoại từ Việt Nam, về tai nạn đứt mạch máu não của phụ thân.

Cha vợ tôi xuất thân là một lao động khoẻ mạnh. Năm 1996 ông có qua thăm chúng tôi và vui chơi với thành phố Montréal trên 6 tháng. Ở tuổi 74, ông còn có thể đạp xe đạp 14 cây số mỗi vòng hàng tuần, để về thăm làng Mân Quang, quê ông. Không ngờ sức khỏe con người diễn biến đột ngột.

Sau khi nhận được hung tín, chúng tôi xúc tiến việc xin hồ sơ để về thăm. Hãng bán vé máy bay chúng tôi chọn là Voyages HT Travel của vợ chồng ông Trương Sĩ Thực. Thỏa thuận giá vé qua điện thoại xong, (3100 \$Can cho 2 vé từ Dorval về Tân Sơn Nhất; 310 \$Can cho 2 vé từ Sài Gòn về Đà Nẵng, cộng thêm 138 đồng thuế = 3410 \$) chúng tôi đến văn phòng của ông bà Thực nằm trên đường Victoria, số 5497 *suite* 101. Tại đây, ông Thực đã chụp cho chúng tôi những tấm ảnh 4 x 6. Là một kỹ sư, nên ông Thực được quyền ký chứng nhận sau lưng mỗi tấm ảnh, theo luật định của Canada. Ông Thực đã rất cởi mở, vui vẻ làm công việc này. Mười phút sau, chúng tôi đến *Bureau Des Passeports*, số 3330 đường Côte Vertu. Lệ phí mỗi *passeport* bình thường, gửi đến tận nhà sau một tuần lễ, lúc bây giờ là sáu mươi đồng Canada. Chúng tôi cần gấp, đứng chờ nhận ngay tại chỗ, nên phải trả đến 155 đồng. Một trong những điều kiện khi làm thông hành, phải có hai người chứng nhận có quen biết với mình. Tôi ghi tên hai người bạn: nhà văn Song Thao và nhà văn Hồ Đình Nghiêm tuy chưa hề báo trước cho hai anh ấy. Trong khi đứng chờ đợi, tôi nghe cô nhân viên sở thông hành gọi điện thoại đến nhà anh Song Thao để xác định lời khai của tôi. Ông tác giả Chân Mang Giày Số 6 dĩ nhiên đang ở sở làm. Chị Tạ Trung Sơn lại đi vắng. Bất điện thoại là cô con gái út, dĩ nhiên rất mù mờ về chuyện bạn bè của ông bà già, cũng may cô bé xác nhận có tên Châu là bạn của bố mình, nhưng không rõ họ. Nghe lén được như vậy vì đứng ngay ngoài quầy bàn giấy, tôi lật đật dùng điện thoại di động gọi đến nhà Nghiêm. Tác giả của Vàng Trăng Nội Thành, dĩ nhiên cũng ở sở làm, rất may cô con gái rạp chiếu bóng Châu Tinh ở Huế trước 1975, là vợ của ông nhà văn có nhà, tôi dặn đôi ba điều cần thiết. Cô nhân viên lo *passeport* gọi đến Bích ngay sau đó. Khi đã có thông hành, chúng tôi trở lại phòng vé của ông bà Thực để nhờ họ lo cho lẹ hai cái hộ chiếu, thay vì chúng tôi phải xuống thủ đô Ottawa. Dĩ nhiên cũng phải tốn chút đỉnh. Yên tâm được một việc chúng tôi đến phòng mạch



của trung tâm y tế Minh Châu, số 6655, suite 240 trên đường Côte Des Neiges, để chúng ngừa một số bệnh có thể mắc phải.



Chuyến bay từ Sài Gòn về Đà Nẵng của hãng hàng không Việt Nam khởi hành vào khoảng 4 giờ chiều thay vì 10 giờ sáng như đã ghi trên vé. Chuyện chậm trễ đã làm tôi mất dịp ghi hình chân dung thành phố Đà Nẵng từ trên cao như đã dự định. Qua cửa sổ, trong ánh sáng chạng vạng, tôi thấy lờ mờ con đường bò giữa ngọn đèo Hải Vân, mặt biển đến dòng sông Hàn đều bất động, rồi những ánh đèn khiêm nhường chợt sáng như một chào đón. Dĩ nhiên chẳng thể để đón chúng tôi. Tôi nắm chặt bàn tay Lý như tự trấn an mình, nhưng trong lòng không ngớt hồi hộp. Chỉ một lát nữa, tôi sẽ gặp những khuôn mặt thân yêu, đã bao năm xa cách. Anh Lê Ngọc Hiền, chị Lê Thị Kim Anh (Kiều Liên), các em Lê Hoàng, Lê Quốc Hùng, Lê Phước Hưng và đông đủ những đứa cháu Mỹ Hạnh, Tấn Dũng, Kiều Loan, Hiền, Hòa, Hải, Hương...không nhớ hết. Đó là phần bên tôi. Phía Lý chắc chắn sẽ không thiếu anh Tâm, các em Lan, Định, An và nhiều nữa...Những người bà con của chúng tôi ai cũng giàu lòng thân thiện. Mười tám năm xa cách rồi còn gì. Chắc chắn ai cũng náo nức xem thử chúng tôi mập ốm, già trẻ thế nào. Có thể có những so sánh ngộ nghĩnh, cái thứ Việt kiều Canada có gì khác với các loại Việt kiều Mỹ, Việt kiều Úc, Việt Kiều Đài Loan, Việt kiều Cam bốt...Tôi chợt thấy lo lo. Hẳn chúng tôi sẽ làm cho đa số bà con ruột thịt thất vọng, ngay cả cái vỏ bên ngoài. Thật ra ngoài vỏ, trong ruột chúng tôi đều thể hiện rất trung thực những gì có thật của mình.

Tôi vuốt lại mái tóc đã có năm, mười sợi bạc rất kín đáo. Tôi sờ lại hàng ria mép. Những sợi râu như chưa bao giờ biết trưởng thành. Tôi tháo kính, dụi mắt, luôn tiện thăm dò hai quầng mờ nổi cộm dưới mắt. Hai quầng mờ ác ôn, ít có với những người cùng tuổi khác, thậm chí có người hơn tuổi tôi cũng không làm chủ được chúng. Tôi xoay qua trở lại, chẳng phải khó chịu vì sợi dây nịt an toàn mà vì cái nôn nao kỳ lạ. Hình như tôi có mập ra chút ít, da dẻ có phần hồng hào hơn xưa. Tuy vậy, căn bản, tôi vẫn là tôi với những lè phè, luộm thuộm thân quen.

Thêm vào đó cái bàn chân gỗ, tạo dáng đi cà nhắc đặc biệt, bà con, anh chị em tôi sẽ dễ nhận tôi ra ngay. Từng người sẽ chạy đến ôm chặt tôi, chuyền tay nhau không cho tôi kịp thở.



Nhưng không, dưới ánh đèn vàng yếu của sân bay Đà Nẵng, tôi nghe tên tôi, tên Lý được gọi lên khe khẽ vài tiếng. Rồi anh tôi tiến đến vỗ nhẹ mấy cái lên vai tôi, gọi gọn một chữ: - “Chú”. Chị tôi, vụng về hơn, cứ xoa xoa cánh tay tôi, chẳng nói được tiếng nào. Chị ứa nước mắt. Tôi nhìn quanh, đọc được niềm vui trong mắt những người thân. Tôi vui sướng mỉm cười vói tay chạm vào người này, người kia để san chia hạnh phúc vừa bất gặp. Vài cái va li hành lý, đã theo tay các cháu dành đầy đi. Tôi và Lý được thân mật “áp tải” ra một cái xe *car* thuê sẵn. Thân phụ của Lý và anh tôi, trước 1975 đều là những ông chủ *garare*, kinh doanh xe hơi, nhưng bây giờ đón chúng tôi, anh tôi phải cố gắng lắm mới thuê bao chiếc xe vài giờ. Ngồi bên anh về nhà Lý, tôi ứa nước mắt trước sự già yếu của người anh, giàu lòng thương yêu hai đứa em ở xa, và vẫn thản nhiên trước những sa sút về vật chất bất ngờ của riêng mình.



Ngôi nhà thời trẻ thơ của Lý nằm ở đầu một hẻm dài chừng một trăm thước, rộng rãi, nối giữa hai đường Phan Thanh Giản (bây giờ là Hoàng Văn Thụ, 930m, x 9m) và Lê Đình Dương (510m x 9m). Cả xóm có vẻ bất ngờ sự về thăm của chúng tôi, nhưng có khá nhiều đôi mắt tò mò. Tôi đã điện thoại dặn trước các em Lý đừng đưa tin chúng tôi về và các em đã thực hiện theo.

Vào nhà chưa tới năm phút, tôi và Lý tạm chia tay anh Hiền chị Liên (Kim Anh) để theo các em, các cháu đến bệnh viện Đa khoa, nơi nhạc phụ tôi đang nằm điều trị đã hơn một tuần qua.

Lộ trình từ nhà Lý đến bệnh viện Đa khoa, vẫn như trí nhớ của tôi: chạy ra đường Hoàng Văn Thụ rẽ trái, qua chừng ba chục thước, quẹo phải vào Hoàng Diệu. Độ bốn ba phút sau gặp Ngã Năm. Tại đây có thể chạy thẳng vào Lê Lợi, hoặc rẽ qua hướng đường Trần Bình Trọng. Nếu chạy thẳng Lê Lợi, có thể quẹo trái qua Hùng Vương, hoặc chạy thẳng miết xuống gặp Hải Phòng (Nguyễn Hoàng, trước 1975), là con đường có một cửa vào của bệnh viện Đa Khoa. Trước 1975, cửa này là cửa chính, nhưng hiện nay, cửa chính của bệnh viện nằm trên đường Quang Trung. Lộ trình chạy thẳng này, không được các em chúng tôi dùng. Lối đi quen thuộc của chúng là rẽ qua Trần Bình Trọng, từ Ngã Năm, để chạy qua Ngô Gia Tự (Đông Kinh Nghĩa Thực, nơi có nhà thân phụ tôi) đến Hải Phòng. Hoặc rẽ qua Hùng Vương, nơi có nhà cũ của tôi và Lý. Đêm hôm đó mấy đứa em đưa tôi theo hướng Trần Bình Trọng. Khi xe gắn máy chạy ngang ngôi nhà một thời trẻ tuổi của mình, tôi tạm thời đưa mắt nhìn, chưa ghé vào.

Bệnh viện Đa Khoa là một cơ sở y tế qui mô với 750 giường căn bản, nhưng có thể chứa 1200 bệnh nhân, được xây cất năm 1961, dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, trên nền đất cũ của trường trung học Bán Công. Đảm nhiệm chức Giám đốc đầu tiên là bác sĩ Trương Đình Trí. Một thời gian ngắn sau chức Giám đốc được giao cho bác sĩ Đinh Văn Tùng (đã qua đời tại Hoa Kỳ). Bác sĩ Phùng Văn Hạnh (hiện ở Montréal) giữ chức phó giám đốc. Sau 1975, một người bà con bên họ mẹ lớn tôi, bác sĩ Ông Ích Tường, từ Hà Nội vào làm Giám đốc. Năm 1979, ba tôi

đột ngột qua đời tại bệnh viện này, chính bác sĩ Tường, đã đi bộ ra gọi tôi vào gặp người cha 84 tuổi của mình, tự ý bỏ cuộc chơi. Nằm cạnh bệnh viện Đa Khoa còn có bệnh viện Việt Đức, cũng được thành lập từ thời Việt Nam Cộng Hòa. Sau 1975 đổi tên thành bệnh viện C, dành riêng điều trị cho cán bộ, công nhân viên cao cấp của đảng và nhà nước. Không rõ ngày nay có còn sự phân biệt này không.

Khi chúng tôi đến bệnh viện Đa Khoa, cửa vào trên đường Hải Phòng, không mở, chúng tôi chạy luồn vào một con hẻm để qua cửa chính. Tôi thấy rất nhiều người tụ tập từng nhóm trước cổng vào. Họ đứng cả trong khu vực giữ xe nằm bên ngoài hàng rào bệnh viện, và trong những hàng quán được dựng tạm bợ. Phía trong cổng còn có một khu vực giữ xe nằm bên tay trái. Một nhà bán thuốc nằm đối diện với bãi giữ xe, mặt hướng ra đường Quang Trung. Những hành lang bệnh viện thật rộng rãi, thông thoáng gió mát.

Ba cửa chúng tôi vẫn còn phải nằm phòng đặc biệt, cạnh phòng cấp cứu. Tại phòng này, bệnh nhân chỉ được chấp nhận một thân nhân duy nhất ở bên cạnh. An, em gái út của Lý đang túc trực bên người cha. Phải rất lâu chúng tôi mới nhận được An xin phép ra để cho Lý vào thăm. Không được vào, tôi đứng nói chuyện cùng em Hoàng và chị Ánh, chị dâu của Lý. Bệnh tình của nhạc phụ tôi được kể là trầm trọng. Tuy qua thời kỳ nguy hiểm nhưng việc sống đời thực vật khó tránh khỏi. Nguyên nhân có thể do ông sơ ý khi thức dậy sớm, lo mở dẹp mùng màn và vương ngã, đầu va vào cạnh *divan* gỗ cứng. Cũng có thể ông bị áp huyết cao dẫn đến việc đứt gân máu não. Bệnh trạng của ông không được bệnh viện xác định nguyên nhân. Ngoài chuyện gia đình, tôi còn biết được nguyên nhân tạo đám đông trước cửa Nhà Thương. Hóa ra có một vụ công an giao thông rượt đánh trọng thương một thanh niên vi phạm luật đi xe chở ba. Theo dư luận, người xấu số khó thoát bàn tay tử thần sau khi không qua được bàn tay của một người “bạn nhân dân”.

Sự bất mãn của quần chúng rất ôn hòa, chỉ tụ tập bàn tán, nhưng cũng tạo cho tôi nhiều ngạc nhiên. Nếu chuyện này xảy ra trước 1984, năm tôi chưa ra khỏi Việt Nam, chắc chẳng mấy ai dám ra hóng chuyện thiên hạ. Có lẽ trong thời buổi kinh tế đổi mới, con người được sống trong xã hội chủ nghĩa, sớm nhớ ra

mình vốn có một chút quyền đứng về phía lẽ phải. Mở cửa kinh tế không bao hàm mở những cánh cửa tự do, nhân quyền, nhưng trước sự hiện diện của những thế lực nước ngoài đến làm công việc thương mại, xây dựng, khó lòng duy trì guồng máy công an trị một cách hoàn hảo như thời mới tiếp quản miền Nam. Dám có một tụ tập trầm lặng đã là một dấu hiệu đáng mừng cho quần chúng lẫn độc đảng lãnh đạo.

Khi Lý rời phòng năm của thân phụ, đã gần ba giờ sáng. Chúng tôi đi đến một chỗ ăn khuya ngoài trời. Địa điểm này, một phần nằm trên nền nhà cũ của hiệu ảnh Lê Hậu. Ngồi hờ hững nhai những cọng bún thịt nướng khô cứng, tôi không quên ngó loanh quanh, và chợt nhận ra nơi này, tôi suýt bị thương trong một tai nạn giao thông, khi tham gia trong cuộc tranh đấu chống hiến chương Vũng Tàu năm 1964 (*Hiến chương Vũng Tàu được tướng VNCH Nguyễn Khánh, sinh ngày 08-11-1927 tại Trà Vinh cho ban hành ngày 16-8-1964, sau khi truất phế chính phủ Nguyễn Ngọc Thơ ngày 28-02-1964. Bị chống đối Tướng Khánh tuyên bố xé hiến chương Vũng Tàu, thành lập tam đầu chế với các tướng Dương Văn Minh, Trần Thiện Khiêm, nhưng cuối cùng, ông phải đi làm đại sứ lưu vong, ngày 25-02-1965*). Lúc đó tôi ngồi trước *cabine*, bên cạnh anh tài xế Tư “Queo”, đang điều khiển chiếc xe đồ hiệu Renault của gia đình Lý, thì bị một chiếc GMC đâm nhẹ vào ngay phía tôi ngồi. Cửa xe móp vào chút ít nhưng huề cả làng vì đám đông hỗn loạn chung quanh. Đồng báo Đứng Đầu Gió còn khá nhiều trên xe. Tôi sớm bỏ cuộc trong lần tham gia tranh đấu tùy hứng này.



Dù đã quá khuya, chúng tôi cũng ghé về thăm ngôi nhà nhỏ của ba má tôi tạo dựng. Tôi đứng sững trong cái sân rộng bằng bàn tay. Nhìn cánh cửa dẫn vào căn nhà trên, nơi ba tôi năm nào đã đứng lặng lẽ đón tôi về trong tàn phế. Ông đã dìu tôi bước lên bậc thềm thấp này trong im lặng. Tôi biết, nếu mở lời, ông sẽ bật khóc. Những giọt lệ quý hiếm của một người đàn ông với 74 năm cực nhọc, không phải dễ dàng để nhỏ ra. Ba tôi đã khóc thẳm vào cái bất hạnh của chúng tôi. Trong khi tôi đã khóc thành tiếng trong nhịp bàn tay run rẩy sờ nắn của ba tôi. Ông vừa là cha vừa là mẹ tôi trong một thời gian dài, rất dài.

Tôi đi từ nhà trên, vào phòng của Hoàng, qua phòng của Hưng, xuống nhà dưới, qua nhà hông, nơi gia đình chị Liên đang cư ngụ. Tôi ngồi trên cái giường tôi đã từng ngủ, nhịp nhịp bàn chân phải lên nền nhà. Không thấp một ngọn hương nào lên bàn thờ xây cao quá tầm tay. Tôi sờ vào những chữ Hán mạ vàng trên mấy câu liễn xưa cũ. Mùi thịt da tôi, mùi hơi thở tôi đã đọng ngủ bao lâu trên những vật thân yêu trong nhà đang tìm về, thăm thì hỏi thăm tôi. Tôi nghe hết, tôi nhận ra hết, tất cả còn y nguyên như mới ngày hôm qua. Và rõ ràng tôi chưa hề bỏ đi xa nơi này bao giờ. Một con thằn lằn nằm phơi lưng trên tấm hoành phi một cách bình an. Hình như nó cũng đang nhìn tôi, đang ngóng chuyện. Đêm sâu quá, nên chưa gặp được những con ruồi tinh nghịch, thường quấy rầy tôi vào những buổi trưa thiu thiu.



A, cái bàn cờ tướng bằng miếng ván ép, đang được lót dưới cái màn hình máy vi tính, 14 inch thật thân quen. Thời gian dẫu dài bao lâu, ngó lại chỉ trong tí tắc. Tôi gặp cả ở đây những thằng bạn thời trung học Phan Châu Trinh, những Trần Lục, Châu Văn Tùng, Phan Quảng, Trần Hữu Chí...chúng đến để làm những

chiếc lồng đèn, cho đêm chào mừng quốc khánh. Chúng đến để rửa tà tà xuống phố, ngắm những mái tóc thề, rung chân uống trà Thành Ký, hoặc nhâm nhi ly kem Diệp Hải Dung. Và rồi những Vương Thanh, Đĩnh Hoàng Sa, Hà Nguyên Thạch, Nguyễn Nho Sa Mạc, Phan Trước Viên, Thái Tú Hạp, Lam Hồ...thay nhau ghé đến với những tin viết lách lãng nhãng, tinh lẻ. Dưới mái nhà này, còn có cả bàn tay dịu dàng, thon mượt của Hồ Thị Hồng, sẽ sẹ bịt mắt tôi, khi tôi chăm chú thay nước hồ cá. Có cả tiếng văng vẳng cười nói của Quyên mang hơi biển Thanh Bình ghé chơi. Tôi nhớ cả những bài thơ đã ngồi bệt trên nền nhà để viết. Những nơi em tôi, Lê Hân ngồi chăm chú thiết kế ô chữ cho trang báo Tuổi Xanh ở Sài Gòn, hoặc làm thơ, hoặc đánh cờ tướng cùng Phạm Vũ Thịnh (hiện ở Úc). Thật tuyệt vời trong đêm hội ngộ ngắn ngủi với căn nhà thân yêu. Tôi hí hửng mừng tôi mãi mãi là chàng con trai trẻ tuổi, ham nhớ nhưng.

Sau ba hôm chúng tôi có mặt tại Đà Nẵng, cha chúng tôi được đưa lên phòng nằm điều trị bình thường, dù tình trạng của ông không có gì khả quan. Tôi đã được vào đứng bên cạnh giường. Nhìn sự tiều tụy của một người vốn có sức khoẻ hơn mình tôi cảm thấy chua xót, buồn bã lẫn âu lo vắn vơ. Năm 1996 tôi từng phải đứng, phải thất vọng nắm tay một người bạn thân, nhà văn Nguyễn Đông Ngạc, cũng rơi vào thảm nạn như ba tôi, may mắn, anh ấy sớm dứt khoát cuộc đằng co với tử thần để ra đi nhanh chóng.

Ba chúng tôi nằm giữa sự quây quần của các con. Đứa này khề gọi, đứa kia thăm thì kê chuyện, nhưng ông không nghe thấy gì, không mở mắt nhìn bất cứ ai. Tuy vậy sức sống trong cơ thể ông, cùng sự tận tụy chăm sóc của hai người con gái Lan và An, chắc ông còn phải trải qua một thời gian lâu chịu đựng. Những ngày kế tiếp, chúng tôi dành mỗi ngày hơn một giờ để thăm ông. Thời gian còn lại, chúng tôi cần phải đi thăm đây đó, nhất là mộ mà ông bà, thân quyến.



Đà Nẵng trong chuyến về có thực của tôi, đã có quá nhiều đổi thay. Sự phát triển mau chóng về kiến thiết đô thị đã đem đến cho thành phố thân yêu của tôi một khuôn mặt mới. Không những củng cố vững vàng vị trí số một tại miền Trung mà còn có khả năng đe dọa đến uy tín một vài thành phố lớn khác trong cả nước.

Trước ngày tôi phải rời Đà Nẵng, thành phố chỉ có 3 quận, gọi tên bằng số thứ tự 1, 2 và 3. Ngày nay Đà Nẵng đã vươn mình ra những khu ngoại vi để lập thành 6 quận với các tên gọi: Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu, Cẩm Lệ và thông thêm huyện Hòa Vang, huyện đảo Hoàng Sa.

Tổng diện tích và dân số của Đà Nẵng vào năm 2004 được giới thiệu trên trang vi.wikipedia.org là 1.255, 53 cây số vuông và 764.549 nhân khẩu, chia rõ như sau: Quận Hải Châu rộng 24, 08 km<sup>2</sup> với 211.414 dân. Quận Thanh Khê rộng 9, 3 km<sup>2</sup> với 160.559 dân. Quận Sơn Trà rộng 60,78 km<sup>2</sup> với 112.613 dân. Quận Ngũ Hành Sơn rộng 36,52 km<sup>2</sup> với 50.351 dân. Quận Liên Chiểu rộng 82,37 km<sup>2</sup> với 72.780 dân. Quận Cẩm Lệ và Hòa Vang rộng 737,48 km<sup>2</sup> với 156.652 dân. Huyện đảo Hoàng Sa 305 km<sup>2</sup>.

Sự bành trướng lãnh thổ và dân số đòi hỏi sự phát triển và xây dựng. Những cấp lãnh đạo hành chính của Đà Nẵng đã thực hiện rất khả quan công việc này. Đứng đầu có thể kể sự đóng góp tích cực của ông Nguyễn Bá Thanh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Công việc phát triển trước tiên có lẽ là mở mang đường, cầu, xây dựng cao ốc, chỉnh sửa nhan sắc mặt tiền của thành phố. Tôi đã rất ngỡ ngàng khi đi trên con đường mang tên Lê Duẩn mà hỏi đưa em về cái dốc Cầu Vòng ở đâu. Tuổi trẻ của tôi đã đi qua. Cái duyên dáng của một con đường cũ đã bị xóa bỏ. Ngay cái tên con đường cũng đã được thay đổi, tôi dễ gì nhận ra trong một vài ngày về lại chốn cũ. Đường Lê Duẩn (2050m x 9m) chính là con đường mang tên Thống Nhất của tôi. Tôi đã quen biết con đường này từ hồi nó còn được gọi là Rue Pigneau De Béhaine. Dốc Cầu Vòng ngay dưới chân tôi đây. Nó đã bị san bằng. Thật đáng tiếc, rất đáng tiếc, nhưng nghĩ cho cùng cũng hợp lý trong công việc mở mang, làm rộng lớn thành phố, trong



khả năng còn hạn chế của một nước chưa được giàu có những kỹ thuật tân tiến lẫn kinh phí.



Đà Nẵng ngày hôm nay có trên 260 con đường lớn nhỏ. Theo tài liệu tôi đọc được, chiều dài tổng cộng lên đến 181.672 cây số, không kể những con đường đất, đường hẻm, đường kiệt. Chiều rộng trung bình mỗi con đường được ước đoán là 8m. Dù có mê đường đến đâu, tôi cũng khó lòng lang thang khắp cả thành phố như ngày nào. Tôi chọn đi ngắm lại một số đường quen thuộc, và khoe ngay với bạn những con đường liền

với cuộc sống tôi một thời. Đây là đường Hùng Vương, nơi có quán sách Ngôn Ngữ của tôi, nơi có quán cà phê Từ Thức, tôi mở chung cùng Đặng Văn Ngoạn (hiện ở Hoa Kỳ) Nguyễn Văn Xuân (không phải tác giả Bão Rừng...), Nguyễn Văn Nội, trong thập niên 70. Nơi vợ tôi chạy theo nhu cầu thị trường, thay đổi các mặt hàng từ hàng áo quần, qua quạt máy, đến phụ tùng và xe đạp. Ngày tôi về, đoạn đường trước nhà cũ tôi đang được tu sửa lòng công. Nhưng số lượng người, xe vẫn đông vui. Tôi gặp lại bảng hiệu nhà ảnh Phùng Ký nguyên vẹn như xưa. Chẳng biết hai người đẹp Phương Lan, Thủy Tiên, con chủ nhân, giờ ở đâu. Cái công nhà thân phụ giáo sư Lê Văn Hào (hiện ở Pháp) không còn cái biển tên Lê Văn Tập bắt ngang, nhưng ngôi nhà vẫn như cũ, kín đáo, lặng lẽ với bảng hiệu mới, sát tường: “Khách sạn Dịch vụ Hùng Vương”

Tôi đi suốt chiều dài 3.200 thước của con đường. Đã dừng lại trước căn nhà cụ Song Châu, nơi anh bạn Trần Gia Phụng

(hiện ở Toronto, Canada) chưa bạc tóc vì những tháng năm nghiên cứu sử học. Tôi cũng đứng nghỉ chân trước vị trí cũ của phòng vẽ Nguyễn Viết Hậu, thân phụ họa sĩ Khánh Trường (hiện ở Hoa Kỳ). Tôi gõ những bước chân bên mé chợ Cồn, đang mang bảng tên Trung tâm Thương nghiệp Đà Nẵng. Tiếng người, tiếng còi xe hỗn loạn. Tôi băng ngang 9 thước mặt đường, để tìm lại cái quán sách nhỏ, chuyên cho thuê sách kiếm hiệp ngày nào. Dù những cao ốc đang khoe khoang đứng liền nhau, tôi cũng nhận ra cái nền phòng ngủ Bình Dân, nơi tôi từng theo một cô gái gặp trên chuyến xe An Lợi từ Huế về đây. Hương ẩm như còn trong bàn tay. Những đoạn vỏ xe hơi, những đôi dép râu, tiện nghi thời đại Bác đã không còn phôi đầy bên đoạn đường sắt vắt ngang qua đường nhựa như thời sau 29 tháng 3. Tôi tiếp tục lội bộ. Không ngửi ra nhưng rất nhớ mùi hương cà phê Xương. – “Lên xe thôi anh Châu” , - “Ừ thì lên”. Hoàng chờ tôi chạy tiếp đoạn đường.

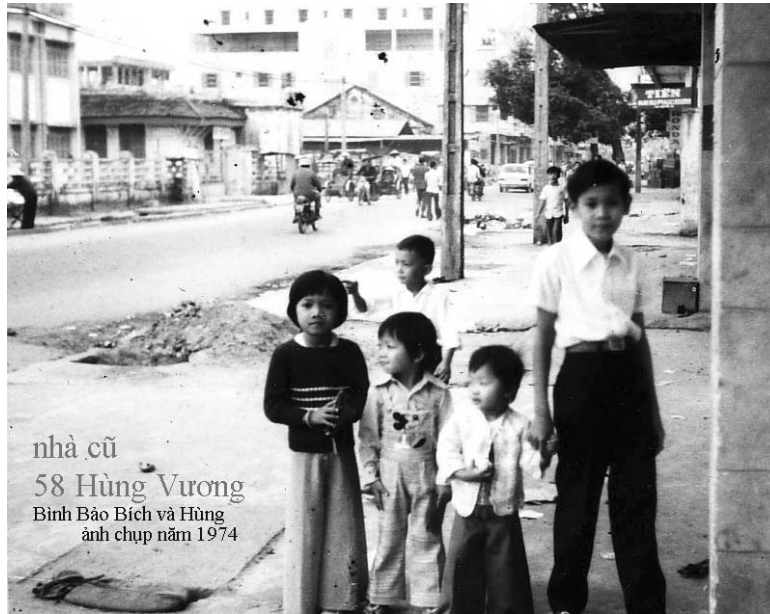
Qua giáp ranh Lý Thái Tổ, tôi ngó lui để tìm phòng mạch của bạn Nguyễn Ngọc Lang (hiện ở Montréal Canada), tìm nơi đặt bàn máy đánh chữ thuê của bạn Đặng Văn Hải (vẫn ở Đà Nẵng). Bè bạn tôi thật nhiều nghề. Đưa sang, đưa bình thường, nhưng hầu hết đều là những ông bà triệu phú tình thương.

Tiến lên chút nữa ngôi nhà đông y sĩ Võ Hoán, sui gia với ông già tôi, thường cư ngụ vẫn còn đó. Cái ngã ba Cai Lang bây giờ đã thoáng mát sạch sẽ. Quảng trường 29 tháng 3 ra đời sau biến cố lịch sử 75 hình như ngày nào cũng rộn rã. Đối diện chênh chéch với quảng trường, cái siêu thị mới toanh ba tầng đang chào đón khách hàng. Tôi mua một bình cắm hoa làm kỷ niệm. Khi rời siêu thị, tôi tần ngần đứng định hướng cái xa lộ Ruồi ngày trước. Mất bãi thực phẩm đàn ruồi phân tán về đâu ? Không chừng nơi tôi đang đứng, chính là cái điểm tôi đã đứng cùng phé binh Nguyễn Văn Xuân, để hoạch định kế hoạch, chặn bắt các xe chở rác có đồ dùng của Mỹ tuồn ra, nhằm tạo áp lực cho một cuộc đấu thầu đổ rác. Ghê thật, hiền lành như tôi mà cũng đã có lúc theo thời làm ăn rất “xã hội đen”.

Không còn giờ đi ngược lại cuối đường, để thăm Ty Thông Tin cũ, nơi ca sĩ Duy Khánh gây ấn tượng đẹp đầu tiên với làn hơi phong phú, làm mất của Đà Nẵng một Kiều Oanh. Thông Tin cũ cũng là điểm lạng quạng của nhiều chàng đa tình

vì những cái tên gọi bốn mùa. Chẳng biết anh bạn Khanh, chủ nhà in Da Vàng của tôi đã đưa con thuyền hạnh phúc của mình cùng một trong bốn người đẹp Xuân Hạ Thu Đông đến đâu ? Hoàng hẹn với tôi ngày mai đi tiếp.

Con đường thứ hai, tôi muốn nhắc đến là đường Đông Kinh Nghĩa Thục. Đây là con đường tuổi 14, 15 của tôi. Ngôi nhà ba má tôi tạo dựng vẫn còn đó, nằm lấp ló nửa bên sau nhà ông Thái Trữ, một thi sĩ viết khá nhiều kịch thơ với bút hiệu Việt



Trữ, một công chức có xe hơi riêng từ thập niên 50, gọi cho tôi nhiều mơ mộng. Ngày nay tôi đã biết lái xe, có xe riêng, chỉ tiếc không được lái chạy một lần trên con đường này để lấy le với cái sân vận động, với cái *chateau d'eau* ngất ngưỡng. Chỉ với chiều dài khiêm nhường 720 thước, rộng 8 thước, đường Đông Kinh Nghĩa Thục đã từng nuôi dưỡng “ngũ long công chúa”: Diệu Minh, Bích Hà, Quỳnh Diên, Quỳnh Cư, Quỳnh Chi. Trong tên gọi mới Ngô Gia Tự, không rõ con đường này có sinh sản được bóng hồng nào ngào ngạt sắc hương ?

Để giới thiệu đường Quang Trung (1250m x 8m), con đường một thời được mệnh danh là “con đường tình nhân” với cây xanh bóng mát, tôi xin trích mấy đoạn thơ:

1.  
*lang thang đi dạo cả ngày  
con đường nhẵn gót, ngọn cây nhẵn mày  
thuộc lòng từng nhúm bụi bay  
đâm ra chán ngấy cái thây vô hồn  
sờ tay chợt thấy như còn  
câu ca dao, chợt bồn chồn không yên*

2.  
*không đi xuống phố thấy buồn  
nhưng đi xuống phố như tưởng buồn hơn  
con đường nhân ảnh chập chờn  
ngôi nhà, ô cửa chờn vờn nhân sinh  
đi đâu cũng gặp chính mình  
với ưu tư đã tượng hình bên trong*

3.  
*vẫn vơ ngớ lá trên đầu  
lá xanh chen với lá sấu lá già  
lá xanh phơi phới muợt mà  
lá sấu khúm núm, lá già co ro  
tôi đi cổ rụt vai so  
sấu nhoi trong bụng, già thò mặt phơi*

4.  
*con đường mang tên Quang Trung  
cái tên cả nước dùng chung, bình thường  
ở đâu cũng có Quang Trung  
nhưng không đâu giống Quang Trung nơi này  
chẳng phải vì có nhiều cây  
đặc biệt ở chỗ: mỗi ngày có tôi*

5.  
*cũng chính trên con đường này  
cái xe đạp vật tôi trầy tay chân*

nhớ lần mới nắm guidon  
ngón tay cứng ngắc cái móng nặng nề  
tội nghiệp cả hai bờ lẽ  
bị tôi đo đến đá ê đất bầm

6.  
hướng này dẫn đến bờ sông  
hướng này đường dẫn đến hông ga và  
ngôi nhà có một con ma  
hớp hồn tôi thuở đó hoa phượng buồn  
hụt người, được thú-dễ-thương:  
thành phu lục lộ đo đường không công

7.  
trăm vạn lần qua đường này  
mỗi lần đều thấy đổi thay diệu kỳ  
lắng nghe thử gió mách gì  
gắng tìm hiểu bụi có chi phật lòng  
đường ơi, có hiểu ta không  
ngươi như một mạch máu hồng trong ta

8.  
con đường có sáu ngã tư  
hai ngã ba với một tôi nối vào  
ngã tôi là ngã chiêm bao  
ngã tôi là ngã dẫn vào tình yêu  
em đừng sợ mất giờ nhiều  
một đời đã đủ mọi điều hiểu nhau

9,  
đường này dẫn tôi đến đâu  
Tam Tòa, Ga Lớn, Thanh Châu, Thuận Thành...  
Thanh Bình, Thanh Hải, Thanh Thanh  
(Thanh Thanh là côi chưa khoanh bán đồ)  
cuối cùng vạt đất Thanh Bô  
mới thừa công lực đá nhào, tôi đau

0.  
nắng xô ngã bóng xuống đường

*chiều rồi, chuẩn bị người tôi thương về  
tôi ngồi vẽ cái chữ P  
lên chân trụ điện, chính tề chờ em  
chờ em không để gọi tên  
chỉ để liếc mắt một bên hông và....  
cái lưng khi em vượt qua  
nếu trời có gió thật là thần tiên  
hai tà áo trắng bay nghiêng  
khoảnh lưng da sấp ong hiện hiện ra  
lần dây lưng ẩn nhạt nhòa  
thế thôi, em đã vụt xa mắt rồi  
đứng lên, tôi lại là tôi  
thành thoi về ngược hướng nơi em về  
giữ nguyên được về chính tề  
(Trôi Sông )*

Nói dài đường Quang Trung là đường Trần Cao Vân, dài 3,970 mét. Chiều rộng đã được nói ra đến 10 mét 50, Tôi có rất nhiều kỷ niệm với con đường này, bởi thời 12, 13 tôi cư ngụ ở xóm Thuận Thành, một xóm nằm sát bãi biển Thanh Bình, đoạn ít người tắm. Năm 1954, đoàn người từ miền Bắc vào Nam mang cho trường trung học Phan Châu Trinh một cô học sinh. Lê Thị Quỳnh Như, với mái tóc dài, kẹp thành một dòng thả nghiêng một bên vai ngay trước ngực, là một hình ảnh thật tuyệt vời. Quỳnh Như ngày nào cũng qua lại con đường này vì chỗ cư ngụ của Như nằm trong xóm đạo Tam Tòa. Nhưng đoạn lục bát dưới đây không dành cho Quỳnh Như, mà dành cho người nào tình cờ đọc được có một chút băng khuâng vu vơ. Người đó dĩ nhiên cũng từng cư ngụ trên con đường này:

*Nguyễn Hoàng rẽ lên Tam Tòa  
tình tôi ở rể nóc nhà cửa xanh  
những con chim sẻ hiện lành  
chợt bay, chợt đậu  
loanh quanh bờ rào  
tôi đi qua, liếc mắt, chào  
cái xe đạp dựng nghiêng vào chậu hoa  
thế là... em có ở nhà*

*tôi với chốt công thật là tự nhiên...  
bây giờ, đã biết: nàng tiên  
sống bên Mỹ quốc vẫn ghiền ngó qua  
ngôi nhà quá thật đã già  
vách tường rêu bụi sẫm da thịt đời  
trước hiên có chiếc ghé ngòi  
ánh mắt tôi gặp hơi người thuở xưa*

*lạ kìa, đã vụng từ xưa  
vẫn còn trở lại đong đưa ngóng tình  
đã lâu mình mới gặp mình  
gặp con đường ngấp bóng hình cố nhân  
tưởng người đang ở rất gần*

Chẳng thể nào mỗi con đường viết năm ba dòng, rồi trích thơ như làm giảng văn thời trung học. Dù con đường nào tôi cũng thừa kỷ niệm để nhắc nhở. Tôi xin kể tên vài con đường mới hình thành trong hơi thở xã hội chủ nghĩa.

Đường Cách Mạng Tháng Tám, rộng rãi với 4 dòng xe chạy, nối từ đường 2 tháng 9 ở Đò Xu, qua đường Núi Thành đến ngã tư Hòa Cầm. Đường dài 3650m rộng 21m. Con đường này đã xóa bỏ hình ảnh một thuở tôi cùng vài ba người bạn đi truy lùng những trái ổi xanh vào những cuối tuần.

Đường Điện Biên Phủ rộng 20m6, dài 3200m đi từ Ngã Ba Cai Lang đến ngã ba Huế, đây là con đường chính dẫn vào thành phố, ở phía tây.

Đường Phạm Văn Đồng từ chân cầu sông Hàn dẫn đến bãi tắm Mỹ Khê, dài 1600m, có chiều rộng lớn nhất tại Đà Nẵng, lên đến 56m, con đường này khá đẹp, hai bên lề đường trồng vắng, chưa xây cất nhiều nhà ở. Bãi tắm Mỹ Khê, khu vực này, trước 1975 dành riêng cho người Hoa Kỳ, nhưng tôi cũng có vào đây vài ba lần.

Đường Liên Chiểu-Thuận Phước chạy từ đường Bạch Đằng dọc bờ biển theo hướng Bắc đến chân đèo Hải Vân.

Đường Điện Ngọc Sơn Trà chạy dọc bờ biển theo hướng Nam dẫn tới Hội An. Con đường này tôi đã đi trong chuyến vào Hội An, ngày 23-8-2002. Trên đường đi, tôi được mục kích đám

tang của người thanh niên bị công an rượt đánh chết hôm chúng tôi mới về đến Đà Nẵng. Đám tang thật lớn. Số người đưa tiễn có

trên vài ngàn, với nhiều xe hơi được trang trí uy nghiêm. Tôi không muốn nói đây là một cuộc xuống đường. Nhưng rõ ràng đoàn người trầm lặng đi theo sau quan tài là một biểu lộ thái độ hơn là tình cảm. Thỉnh thoảng đoàn đưa tang dừng lại nhiều nơi. Nạn nhân chắc chắn không phải là một người hoạt động chính trị. Cái chết của anh cũng có thể vì sự quá tay bất ngờ của một nhân viên công quyền, không nằm trong chủ trương, chính sách. Sự hiện diện đông đảo của quần chúng như một nhắc nhở quý báu. Giới hữu trách của Đà Nẵng, cũng đã rất khôn khéo, giữ thái độ im lặng, giả lơ.

Đường Bạch Đằng (2550m x 9m) nằm ở phía tây sông Hàn. Đường đi từ đường 2 tháng 9 xuống Đống Đa. Một thời trên con đường này có những điểm nổi tiếng: Bến Mía, Bến Xe Vàng, Cầu tiêu Ông Phước, Bến Cá. Những biệt thự trên đồi cây xanh do người Pháp xây dựng, Ty Bru điện chính, Văn phòng công ty xăng dầu Shell, Tòa thị Chính, sân quần vợt, Tòa án, bãi bốc vác...Ngày nay bến Mía, bến xe Vàng, cầu tiêu ông Phước đã cáo chung. Nhắc đến con đường cũ này để giới thiệu con đường mới nằm ở bờ sông bên kia. Vì nằm hướng đông, nên được gọi là Bạch Đằng Đông. Lòng đường rộng trên mười thước. Lề đường sát sông rộng rãi có xây những bồn lớn, khá nghệ thuật, để trồng hoa giữa những lối đi dạo, có cả ghế đá. Ở lề đường bên kia, một số cao ốc đã được xây, không đồng nhất, đứng hàng ngang cùng những căn nhà lụp xụp tồi tàn. Một số cửa hiệu đã có mặt như: nhà hàng Nguyệt Ca, nhà hàng Bạch Đằng Đông, restaurant Alexandre, khách sạn Việt Anh, câu lạc bộ billard B.A cà phê Bolson, Salon Hiệp Thành, cà phê Ánh Ngọc...Nhưng ngay sau dãy nhà này rất nhiều mái tôn thấp bé chen chúc giữa những cây dừa nghiêng nghiêng. Đình làng An Hải lúc này cũng hiện ngay trước lề đường. Tôi có dừng lại đây, ghi mấy tấm hình. Không định trích thơ, nhưng con đường này là hạt giống nở bài lục bát, không nở bỏ quên:

*Rong xe trên Bạch Đằng Đông  
chợt thấy đàn cá dưới sông theo mình*



những con cá nhỏ xinh xinh  
không quen, không biết, nhưng hình như thân  
bao nhiêu thế hệ xoay vần  
tâm dung, thi ảnh, vẫn ngàn ấy thôi  
ngàn năm nước đổi diện trời  
mây tan hợp mấy kiếp đời vân vi  
bóng nằm nhưng dạng vẫn đi  
rớt liên tiếp những xuân thì phía sau

có là một cuộc bể dâu ?  
con đường mới mở, cây cầu mới xây  
thịt xương của sỏi đất này  
vẫn đầy hương vị cỏ cây tình người

chẳng ai gọi cũng ngoài lui  
cảm ơn con gió lên lời hỏi thăm

liếc ngang em có hỏi thăm :  
ai ngậy thơ giống dòng sông quá chùng ?  
hẳn em nghe ám sau lưng  
cảm ra thơ níu đòi chung với lòng ?

\*

ơi con đường Bạch Đằng Đông  
mở trăm vạn ngã phiêu bồng gọi tôi  
rong xe tôi kiếm tình người  
rong xe tôi lượm mắt cười nuôi thơ

mười tám năm, chợt...bất ngờ  
được đi dọc sát đôi bờ sông xưa  
giữa trưa tháng tám giọt mưa  
rớt nhằm mí mắt xốn vừa đủ say

con đường như một sợi giây  
cột tôi treo giữa gió bay lưng trời  
tìm đâu để có chỗ ngồi  
cho thân thể chịu nghe tôi thở dài

Do đa số đường phố được sửa chữa, nở rộng cùng lúc hình thành nhiều con đường mới, nhà cửa của thị dân có được nhiều mặt tiền. Nhu cầu thay đổi cho thích hợp với khuôn mặt mới, đồng thời để tạo điều kiện cải tiến cuộc sống, dân thành phố đã đua nhau sửa sang, tạo dựng lại nhà cửa thành những hàng quán, hiệu buôn. Điều này phù hợp với chính sách cởi mở về thương nghiệp của nhà nước. Sau hơn một thập niên bị cầm chân trong nghề buôn bán, có được ngọn đèn xanh, đa số thị dân của Đà Nẵng hết mình tạo dựng nên thời đại kinh tế thị trường. Hàng quán san sát từ đường này qua đường khác. Đường lớn, đường nhỏ đều là phố thương mại. Những bảng hiệu đủ màu sắc, đủ kiểu chữ với hàng ngàn danh xưng góp phần mang lại sự tươi tỉnh cho phố thị. Chỉ tiếc một điều, do chênh lệch về tài chính, sự khập khiễng của những hàng quán nằm cạnh nhau, cái cao lớn phương phi, đi liền với cái thấp bé đuối sức, đã không giúp cho thành phố có khuôn mặt Khang trang đồng đều.

Nghề kinh doanh đa số là buôn bán lẻ, đặc biệt những quán nhậu mọc lan tràn trên mọi ngã đi. Và một điều rất đáng kinh ngạc: số dân biết ngồi quán lai rai quá đông với đủ mọi lứa tuổi, và tuổi trẻ chiếm đa số. Không lúc nào ra đường, tôi không bắt gặp những quán nhậu đông khách. Sự nhàn nhã, tự tại của đa số tuổi trẻ trên các bàn nhậu mà tôi thấy, đôi khi làm tôi suy nghĩ vợ vẫn. Người ta học được những bài gì trong những giờ thư giãn kéo dài suốt ngày đêm như thế. Tôi đoán chắc không có những trao đổi chính trị, tranh đấu như thời tuổi trẻ chúng tôi. Tôi cũng tin không có những tư duy về giáo dục, đạo đức được góp ý với nhau tại những nơi này. Mặc dù tôi biết tại những tụ điểm đó mới thật giàu không khí thoải mái. Tuổi trẻ trong giai đoạn đất nước thanh bình thật vô cùng hạnh phúc.

Là một người không có năng khiếu ăn uống lại lo sợ vụ vơ về bệnh tật, nên tôi chỉ có hai lần ghé vào những giang sơn này. Một lần cùng những đứa cháu trẻ có họ hàng bà con. Một lần với mấy thằng bạn học già Nguyễn Văn Pháp, Châu Văn Tùng, Hoàng Anh và Nguyễn Hữu Nuôi. Lần đi với đám bạn già, chỗ ngồi từng được coi là một quán bia ôm, nằm trên đường Huỳnh Thúc Kháng (550m x 6m). Nhưng chúng tôi không đến quán với mục đích tìm vui. Theo Tùng, đây là một chỗ có thể ngồi uống và nói chuyện “vô tư”. Bà chủ được giới thiệu là một goá phụ

vừa mới quá tuổi ba mươi nửa năm. Người miền Bắc. Tuy không ốm, không xoa gì, nhưng chủ quán và một cô gái nữa cũng ngồi uống cùng chúng tôi. Men bia làm câu chuyện tán dóc quanh đời thường đi lạc qua chuyện văn thơ, báo chí. Tôi ngạc nhiên về sự hiểu biết của cô chủ quán trong lãnh vực này. Cô nhắc đến nhiều nhà thơ, nhà văn của đất Bắc, có cả tên nhà thơ nữ đang nổi Vi Thùy Linh. Câu chuyện văn chương tâm phào bên bàn nhậu rồi cũng qua nhanh sau cái bắt tay với những lời ân cần mời tái ngộ của cô chủ. Tôi đã không có thì giờ để ghé lại như đã vui miệng hứa.



Mở mang đường sá, tu bổ, xây dựng nhà cửa, công sở chưa phải là những việc cuối cùng của giới điều hành thành phố chủ trương. Dựa vào tiềm năng lao động của người dân cùng lợi thế về vị trí địa lý như: nằm ở trung độ Việt Nam, trên tuyến đường huyết mạch Bắc Nam, bao gồm đường biển, đường hỏa xa, đường bộ, đường hàng không; cửa ngõ của cả miền Trung, Tây Nguyên. Nơi mở đường giao dịch thương mại qua các nước Miến Điện, Thái Lan, Lào; nằm giữa các di sản văn hóa thế giới: Mỹ Sơn, Hội An, Huế, giới hữu chức Đà Nẵng quyết tâm đẩy mạnh thành phố mình lên hàng “đô thị loại một” của “cả

nước”(mục tiêu này đã đạt được). Công việc xây dựng cầu công do đó được tích cực thực hiện. *(Trên toàn lãnh thổ Việt Nam hiện nay có 656 thành phố. 4 thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Sài Gòn, Đà Nẵng, Hải Phòng - 2 thành phố thuộc loại đô thị đặc biệt: Hà Nội, Sài Gòn - 2 thành phố thuộc loại đô thị loại 1: Đà Nẵng, Hải Phòng, - 10 thành phố thuộc loại đô thị loại 2 - 13 thành phố thuộc loại đô thị loại 3 - 59 thành phố thuộc loại đô thị loại 4 - 570 thành phố thuộc loại đô thị loại 5)*

Trước năm 1975, tôi có rất nhiều lần ngồi hóng gió bờ sông Hàn, không chỉ để làm thơ, mà còn để ước mơ: một thành phố sẽ mọc lên ở bờ bên kia, bên quận ba. Chiều chiều tôi sẽ rong xe qua đó bằng một cây cầu vững chắc, đẹp đẽ hơn cả cầu Trảng Tiền ở Huế. Ước mơ của tôi ngày nay một phần nào đã được nhìn thấy. Một cây cầu mới đã được bắc qua sông Hàn, khởi từ cuối đường Lê Duẩn (Thống Nhất cũ). Chiếc cầu không thuộc loại bình thường, mà là cầu quay (độc nhất ở Việt Nam) để tạo được hai dòng lưu thông tàu khi cần. Cầu được khánh thành vào ngày 29 tháng 3 năm 2000, do sự đóng góp tài chánh của toàn thị dân và khả năng thiết kế, thi công của công binh Việt Nam. Ngoài cầu quay này, trên mặt sông Hàn thuộc lãnh thổ Đà Nẵng hiện nay, còn có những cây cầu đang được sử dụng: Cầu Nguyễn Văn Trỗi (các tên cũ: Trịnh Minh Thế, De Lattre de Tassigny), Cầu Trần Thị Lý (vốn là cầu dành cho tàu hỏa được sửa lại, chỉ cách cầu Nguyễn Văn Trỗi 10 thước), Cầu Tuyên Sơn, Cầu Cẩm Lệ. Ngoài ra một cây cầu mang tên Cầu Thuận Phước, bắt đầu từ cuối đường Nguyễn Tất Thành chạy đến bán đảo Sơn Trà đang trong giai đoạn thi công. Cây cầu này sẽ là cây cầu dài nhất của Đà Nẵng. Việc xây cầu không rõ có sinh lợi riêng tư cho cá nhân hay tập thể nào không, nhưng gần đây tôi có nghe tin một cây cầu nữa sẽ được xây gần Cỏ Viện Chàm (Bảo tàng Điêu Khắc Champa, tên gọi hiện nay), đang tạo ra nhiều dư luận không thuận lợi.



Về Đà Nẵng, một địa chỉ tôi nôn nao đến thăm là trường

trung học Phan Châu Trinh. Tôi đã có 3 lần ghé đến ngôi trường cũ, không kể những lần đi ngang ngó vào.

Theo bài viết của ông Vương Ngọc Hà, trên trang điện toán Phanchautrinhdanang.com, trường Phan Châu Trinh được chính thức thành lập vào ngày 06 tháng 5 năm 1954, theo nghị định số 95-GD/ND của Bộ Quốc gia Giáo Dục và Thanh Niên. Đây là trường trung học công lập đầu tiên của Đà Nẵng. Tôi đã đến học trường này từ đầu năm Đệ Ngũ (Ngũ 3) và ra đi cuối năm đệ nhị (nhị C). Với chiều dài bốn niên khóa, có lẽ tôi chưa đủ tư cách để hân hạnh làm một cựu học sinh trọn vẹn. Hơn nữa, không thành đạt gì trong cuộc sống, tôi càng ngại nói đến nơi xuất thân căn bản của mình. Nhưng tôi vô cùng biết ơn những thầy cô đã cho tôi những kiến thức phổ thông. Trí nhớ tôi không tệ lắm, ngày nay tôi vẫn có thể hình dung được khá rõ những khuôn mặt kính yêu, từng dạy dỗ tôi: thầy Nguyễn Đăng Ngọc, thầy Bùi Tấn, thầy Trần Tấn, thầy Lý Châu, thầy Lê Văn Nhân, thầy Hoàng Toại, thầy Hoàng Bích Xuân, thầy Phạm Hữu Khánh, thầy Trần Ngọc Quế, thầy Nguyễn Văn Đáo, cô Trần Ngọc Liêng, cô An Hà Châu, cô Đặng Thị Liễu, cô Phạm Bội Hoàn, Cô Phùng Khánh, cô Trần Kim Đính... Thú thật tôi có thể vẽ chân dung bằng chữ viết những thầy cô vừa kể trên ngay ra đây, nhưng tôi ngại sự vụng về của ngòi bút có thể gây nên nhiều sơ suất nên đành bỏ qua ý định vẽ vời.

Là một người kém xã giao, trong suốt bốn năm học, tôi chỉ có một nhóm bạn học ít ỏi, có thể gọi tên không sót người nào: Châu Văn Tùng (hiện ở ĐN), Phan Quảng (SG), Hoàng Trọng Bản (SG), Hoàng Trọng Biên (đã qua đời +), Trần Ngọc Giao (+), Nguyễn Văn Pháp (ĐN), Trương Văn Phương (+), Lê Văn Phương (SG), Trần Lục(+), Trần Hữu Chí, Trần Vinh Anh (+), Nguyễn Đức Cung (Hoa Kỳ), Nguyễn Hữu Núi (Lam Hồ, ĐN), Nguyễn Phụng (HK), Nguyễn Văn Thơ (SG), Bửu Chánh, Lê Đình Đức (HK), Lê Viên Côn (HK), Hứa Bút.

Bước chân lần đầu tôi ghé lại trường vững vàng và vội vã. Cổng trường mở có lẽ dành cho học sinh đến xem thông cáo vì năm học mới sắp bắt đầu. Một vài em có mặt trong sân trường nhìn tôi vui vẻ. Hy vọng họ không xem tôi là một phụ huynh của bạn nào đó, mà xem tôi như một anh bạn học hơi lớn tuổi. Tôi bước những bước dài trong hành lang, một cảm giác bất an làm tôi lừng khừng. Tôi muốn vào trong lớp, nhưng cửa khóa. Tôi

muốn nhìn lại hội trường, nơi thầy hiệu trưởng Thái Doãn Ngà cho tôi mượn để ra mắt tập thơ nhạc Lục Bát Ca (thơ LH, Lê Vĩnh Thọ, nhạc Vĩnh Điện) năm 1970. Tôi muốn vòng ra mặt sau nhưng lại ngại. Rồi tôi ra về.

Lần thứ hai tôi đến vào quá trưa. Cổng khép nhưng không đóng. Tôi đẩy cổng. Trường không có ai ngoài ngôi tượng đá của cụ Phan Châu Trinh đứng gần cổng vào. Tôi hơi cúi đầu chào cụ. Không dám nhìn lâu mặt Người, không hiểu vì sao. Tôi bấm máy chụp hình, tôi mở nắp đây cái super VHS, *digital zoom*. Vẫn vội vã như lần đến hôm trước, dù muốn đứng thật lâu, muốn tìm một chỗ ngồi. Tôi ngại có người ra gặp với những câu hỏi: Anh làm gì đây ? Chú là ai vậy ? Bác đã học trường này à ? Tôi đã viết một vài câu lục bát ngay trên đường về nhà:

*vào trường chụp ảnh, quay phim  
vội vàng như sợ ai tìm đuổi ra  
giữa trưa, chột nổi da gà  
cả tâm thân đây khúc ca học đường*

*con chim se sẻ thân thương  
bay nghiêng đầu ngó, như tưởng nhận ra*

*nhón chân phui sợi bụi già  
đóng trên khung cửa mở ra hững hờ  
tôi nhìn trong nỗi bơ vơ  
không thấy mà gặp thấy cô bạn bè*

*tim tôi ngó, lòng tôi nghe  
gót guốc, quai nón, sấm se sợi tình  
tôi đi lững thững một mình  
bóng nghiêng chìm giữa ánh hình ngát hương*

*lòng không ngăn nỗi buồn buồn  
vô danh trở lại thăm trường, hồ người  
ngát lòng uơm cụm ngậm ngùi  
ước chi xanh mãi tình người thư sinh*

Tôi không rẽ qua đường Thống Nhất như ngày xưa, để về Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhưng tôi đứng lại ở ngã tư, bên mé rào trường Nam Tiểu Học. Nhìn về hướng Cầu Vòng dù quang cảnh con đường có đổi thay, khác xưa rất nhiều, tôi vẫn nhớ ra trụ sở Nghiệp Đoàn Lao Công Việt Nam với tượng con trâu đen. Vòng đất cao khi chưa có trường Nữ trung học Hồng Đức, nơi tôi đứng chờ xem đoàn đua xe đạp toàn quốc. Và kỳ lạ, tôi nhớ cả anh cựu chiến binh cụt một ống chân đang chống nạng, đứng nhìn tôi như ngày nào. Thời đó, nhiều lần tôi gặp anh trong tháng thốt. Anh hiền lắm. Nhìn tôi anh chỉ mỉm cười. Còn tôi chỉ thoáng nhìn anh rồi vội vã ngó lơ. Không hiểu vì sao tôi sợ, tôi lo. Bây giờ nghĩ lại, tôi vẫn còn giật mình. Phải chăng nỗi bất hạnh của mình từng được báo trước ?

Tôi ngó vào trường Nam Tiểu Học, nay mang tên Phù Đổng, nơi nhà thơ Chu Tân đã ở. Ông bạn này cũng mất một chân ngoài mặt trận, chẳng biết anh ở đâu để ghé thăm. Tôi nhìn qua trường nữ. Tâm biên Đại Học Đà Nẵng chắn bước trí nhớ của tôi. Rồi tôi đi thẳng trên đường Lê Lợi, về hướng rạp Trung Vương.

Lần thứ ba tôi ghé trường chỉ là một tình cờ, có cả Lý đi theo. Tôi gặp một cô giáo đương thời. Một đám học sinh đàn em. Tôi chụp hình với tất cả họ. Cô giáo nói chuyện vui vẻ, không tò mò. Đám bạn trẻ hơi e dè, thiếu cởi mở. Cũng vui thôi. Không có đám họ chắc tôi đã không dừng xe ghé vào. Lúc bấy giờ đã 6 giờ chiều.

Ngày tổng khai giảng các trường trung học, tôi nhờ cháu Khoa, sinh viên, con em Lan, đèo đi loanh quanh ngắm học sinh đi học. Các em nữ sinh vẫn mặc áo dài trắng đồng phục. Có tóc thề. Có tóc ngắn. Có tóc uốn. Có tóc kẹp...như xưa. Nhưng sao tôi có cảm tưởng các em trưởng thành hơn lớp đàn chị năm nào. Các em có giấu thư tình trong cặp không nhỉ ? Những trái ổi, trái cóc, trái me có đến trường cùng các em ? Thời đại “ a còng ” rồi còn gì. Ngôi trường Phan Châu Trinh ngó bề thế, nhưng đã già yếu. Màu vôi tường vàng sậm quá. Màu vàng này ở trên tường rào càng bị đất hơn. Nhiều nơi ô đen. Bàn chân tháng ngày phơi đậm những nét nhem nhuốc. Những chấn rào sắt, phần trên của tường rào, đã sét gỉ. Một số tấm tôn kẹp ngang thêm bên trong, xanh có, xám có, chùng đã lỏng lẻo. Không riêng gì khu vực quanh trường Phan Châu Trinh, cơn mưa đêm hôm trước để lại

nhiều vũng nước trong đa số lề đường của thành phố. Thêm vào đó rất nhiều nhánh cây, lá rụng nằm ngổn ngang, bừa bãi không được thu dọn, làm thành phố không được sạch sẽ. Đây là khuyết điểm khá lớn của Đà Nẵng, dù đường nào cũng thấy nhiều thùng rác nhựa lớn, có nắp hẳn hoi.



Đã hơn một tuần lễ ở Đà Nẵng, bệnh tình ba của chúng tôi vẫn không có dấu hiệu nào khả quan. Ông vẫn nằm với bình nước biển và thở oxy. Mỗi ngày chúng tôi ít nhất một lần ghé thăm, giờ giấc tùy nghi. Bệnh viện Đa Khoa sạch sẽ, nhân viên phục vụ nhỏ nhẹ, tử tế. Nhưng vào nhà thương, dù chỉ vào thăm bệnh, cũng là chuyện bất đắc dĩ của tôi. Chẳng vui về gì nhìn những cảnh đau ốm, cùng những lo buồn của những người chăm nuôi bệnh nhân. Sinh Lão Bệnh Tử, điều tự nhiên này tôi thấy có cái gì chưa ổn. Nếu trong tương lai có việc đầu phiếu để chọn một ông Trời, giữ ngôi thượng đế, tôi sẽ cố gắng làm một ứng cử viên. Với chủ trương thực hiện sẽ là: loại bỏ mọi bệnh tật cho tất cả các sinh vật. Riêng với con người sẽ chỉ có hai giai đoạn sinh và trưởng thành, không có giai đoạn già yếu. Việc tử vong giao cho mỗi cá nhân được toàn quyền quyết định và tự xử lý. Điều kiện bắt buộc, mọi người phải biết yêu thương tất cả mọi sinh vật. Tuyệt đối không được giữ trong lòng một ý nghĩ thù hận nào. Nếu bất tuân đương sự sẽ tự động tan biến tức khắc. Đây là tâm nguyện của tôi, không phải là những lời giễu, lời đùa vô duyên, nhạt nhẽo đâu các bạn đọc thân mến ạ.

Ngày hôm ấy, sau khi ghé bệnh viện, chúng tôi bắt đầu đến thăm bạn bè, người quen thân. Vì nhiều nguyên nhân, một số bằng hữu của tôi không còn hiện diện ở Đà Nẵng, nhưng tôi muốn được nhắc nhở đến họ, như một cuộc họp mặt đầy đủ, tuy không qua một buổi tiệc tùng sang trọng, có chụp ảnh, quay phim như tôi thấy đa số Việt kiều khác, khi về thăm thực hiện. Việc làm này rất đẹp, nhưng tôi không có điều kiện bắt chước.

Trong thập niên 60, số bạn chơi thơ văn ở Đà Nẵng gồm Vương Thanh, Yên Nguyên Thanh, Phương Tấn, Lam Hồ, Mặc Mai Nhân, Phan Duy Nhân, Huy Giang, Hồ Cư, Tô Yên, Hà



Nguyễn Thạch, Đynh Hoàng Sa, Nguyễn Nho Sa Mạc, Nguyễn Nho Nhươn, Đoàn Minh Hải, Chu Tân, Lôi Tam, Lê Đình Phạm Phú, Uyên Hà, Đoàn Huy Giao... Tuy có qua lại với nhau, nhưng tôi không sinh hoạt trong bất cứ thi văn đoàn nào của các bạn ấy thành lập. Nhóm của Phương Tấn, chuyên về thi ca và thơ của họ thường xuất hiện ở các nhật báo, tuần san...ở Sài Gòn. Họ cũng cho phát hành được một vài tuyển tập thơ như “Rừng”, “Sau Lung Các Người”. Nhóm Cùng Đi Một Đường với Phan Duy Nhân (bút hiệu khác Dương Phù Sao), Huy Giang, Hồ Cư, Lam Hồ, Tô Yên, sáng tác cả thơ và truyện ngắn, bài được đăng tải ở các tạp chí Gió Mới, Thời Nay, Bách Khoa, Văn Học...tại Sài Gòn. Nhóm của Đoàn Minh Hải, hình như có Đoàn Huy Giao, Khanh chủ nhà in Da Vàng...họ thực hiện được một tạp chí mang tên “Cùng Khổ” phát hành được vài ba số. Tôi cùng các bạn Vương Thanh, Đynh Hoàng Sa, Hà Nguyễn Thạch, Nguyễn Nho Sa Mạc, Nguyễn Nho Nhươn, Lôi Tam...mỗi người có sinh hoạt riêng, và bài viết chủ yếu gửi đăng các tạp chí văn học ở Sài Gòn.

Ở thập niên 70, Đà Nẵng và tôi có được một số bạn sáng tác: Nguyễn Văn Xuân, Phạm Thế Mỹ, Vĩnh Điện, Thái Tú Hạp, Thành Tôn, Lê Vĩnh Thọ, Hạ Quốc Huy, Hồ Đắc Ngọc. Các nhà văn Duy Lam, Phan Du, nhà thơ Cao Mỹ Nhân, họa sĩ Cao Bá Minh...có mặt ở Đà Nẵng, nhưng những sinh hoạt của họ hình như không hòa đồng trong dòng sinh hoạt nghệ thuật chung của Đà Nẵng, na ná như những cuộc triển lãm tranh của các họa sĩ Đinh Cường, Trịnh Cung... trong thập niên 60..

Trong đám bạn văn của cả hai thập niên trên, tôi ghé thăm nhà văn Nguyễn Văn Xuân trước tiên. Ông là một tác giả đã có tác phẩm và thành danh từ thời tiền chiến. Đám trẻ chúng tôi ngày ấy đều gọi ông bằng thầy, dù chẳng có anh nào là học trò của ông. Gia đình ông cư ngụ trong một con hẻm ngắn trên đường Thái Phiên. Khi tôi tới, không gặp ai. Qua cửa sổ tôi nhận ra bộ phận bằng gỗ dày, lên nước đen bóng. Bộ phận này nhiều lần tôi thấy nhà văn Nguyễn Văn Xuân dùng làm bàn viết. Nhất là giai đoạn ông sinh hoạt tích cực trong hội Khuyến học Đà Nẵng.

*(Hội Khuyến Học, qui tụ được đông đảo các giới cầm bút, luật gia, giáo chức, bác sĩ, nhân sĩ hiện có mặt tại địa phương. Việc*

*điều hành mọi sinh hoạt của hội, được đặt trong tinh thần làm việc hăng say, không vụ lợi của một ban chấp hành gồm: chủ tịch, nhà văn kiêm giáo sư Nguyễn Văn Xuân (hiện ở ĐN). Đệ nhất phó chủ tịch, đặc trách văn hoá nghệ thuật: Trung Tá Nguyễn Kim Tuấn, tức nhà văn Duy Lam (Hoa Kỳ) . Đệ nhị phó chủ tịch, đặc trách xã hội: nhà văn Phan Du (qua đời +). Và các ủy viên trong ban chấp hành: Trung Tá Thâm phán Hồ Minh (+), Bác Sĩ Nguyễn Ngọc Lang (Montréal), Nhà thơ Thái Tú Hạp, (HK) Nhà giáo Trần Đình Thanh Lam (SG), Nhà nghiên cứu Võ Văn Dật (VN), Luật sư Hồ Công Lộ (Úc), Ông Nguyễn Rô, (HK) chánh ty kiểm duyệt vùng I chiến thuật., Nhà Thơ Hoàng Quy (VN), quản đốc đài phát thanh Đà Nẵng.*

*Các hoạt động chủ yếu của Hội Khuyến Học đã thực hiện : Thành lập Thư Viện, Mở Lớp Đêm, Mở Quán Cơm Học Sinh, Tổ chức những buổi sinh hoạt công cộng, bao gồm: diễn thuyết, ra mắt sách, triển lãm. Tổ chức những chuyến đi thăm, để tìm hiểu về việc canh tác vv.).*

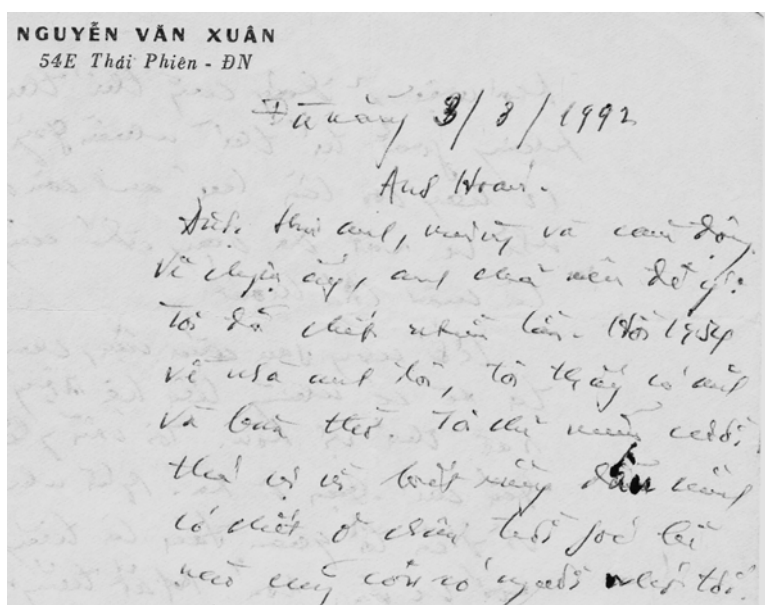
Sau ngày 29 tháng 3 năm 1975, tôi gặp thầy Xuân nhiều hơn. Ông rủ tôi đến thăm nhà văn Phan Du, khi nhà văn này nằm bệnh tại tư gia ngoài bãi biển Thanh Bình. Ông nghiên cứu cùng tôi bản lý lịch mấy mươi trang phải viết sau tháng ba tan đàn. Cũng giai đoạn này, con trai ông mất việc, phải làm nghề chân tay. Tôi có dành cho anh ấy một chỗ ngồi trước hiên nhà để sinh hoạt, nhưng rồi anh bỏ cuộc.

Khi tôi bỏ nước, không dám tin trước với ai, kể cả thầy Xuân. Nơi xứ người, tôi nghe nói người vợ với nét đẹp quý phái của thầy, mắc bệnh mất trí nhớ, đã đem lại cho thầy nhiều buồn phiền. Khoảng năm 1990, tôi còn nhận lầm tin thầy qua đời, và nói với Thái Tú Hạp đi một ô chia buồn trên Saigontimes của Hạp. Thầy biết tin, có viết cho tôi một lá thư với vui buồn lẫn lộn. Xin trích đoạn vài câu với thủ bút của tác giả “Khi Những Lưu Dân Trở Lại”:

Mấy năm gần đây qua báo chí điện tử, tôi mừng biết thầy sinh hoạt văn học trở lại, và thu hoạch được ít nhiều thành công. Thầy có thêm một vài chữ mới đi kèm với danh xưng: “Nhà Quảng Học”, kết quả sau nhiều nghiên cứu về quê hương Quảng Nam của thầy, của tôi.

Không gặp được thầy Xuân và cũng chẳng có ai để hỏi. Con hèm buồn đến nỗi nùng. Tôi lên xe của đứa em ra đường, chưa biết nên đi đâu.

Đường Thái Phiên không dài quá 50 thước, nằm không xa ngân hàng Trung Việt trước 1975. Tôi không là nhân viên của ngân hàng này, nhưng có mặt ở đây đến mấy năm, khi Ngân hàng đổi thành Ngân Hàng Thành Phố. Tình bè bạn đồng nghiệp rất tốt đẹp, nên tiện đường tôi ghé thăm. Được gặp lại cô bé mắt tròn Đỗ Thị Hoa, chị Thu mất một cánh tay, nhưng xuất thân từ



công chức Ngân Khố của Việt Nam Cộng Hòa và một số chị khác. Dĩ nhiên chụp ảnh, quay phim...những cái trò có lẽ rất đáng ghét, nhưng với tôi thì quý lắm. Sau bữa trưa cùng với các chị đồng nghiệp ở một quán gần đó. Tôi một lần nữa theo vào ngân hàng. Nhìn không ra chỗ ngồi cũ của mình. Ngó không thấy những Trương Xếp, Phan Minh Khóa, Hoàng Xuân Dung, Hoàng Xuân Ba, Lê Thị Thu Nguyệt, Lê Thị Hồng Lê, Scotte Jeanne, Trần Thị Hy, Trần Cảnh Ngà...tôi thảm hít một hơi thật sâu. Bất chợt thấy đĩa trái cây, ly nước trong và một bát hương đang tỏa khói. Tôi hỏi trống không trong vui mừng: -“Cũng cúng

à ? Cúng gì vậy ?” Một chị cho tôi biết hôm nay ngày rằm, và việc cúng kiến tùy nghi mỗi người, cơ quan không cấm. Đây có phải là hình thức tự do tôn giáo ? Tôi rời ngân hàng cũ, nơi tôi làm việc từ giai đoạn đổi tiền lần thứ nhất đến năm tôi xin nghỉ để nộp hồ sơ xuất cảnh, năm 1983.

Chúng tôi chạy thẳng trên đường Trần Quốc Toản (470m x 7m) về hướng Ngã Năm, qua luôn Trần Bình Trọng (460m x 7,2m) để ghé về nhà tôi trước sân Chi Lăng. Mặt tiền sân Chi Lăng ngày nay không còn bức tường cao quá đầu và hai cánh cửa chính rộng lớn như xưa. Một dãy nhà cao tầng đã đứng thay vào vị trí bức tường cũ, do đó khó nhận biết cái sân vận động, có đèn quay nằm bên trong. Bên cạnh Cổng số 5 Trung Tâm, tôi đọc thấy những bảng hiệu của dãy nhà, đa số là những cơ sở có liên quan đến ngành thể thao thể dục. Rất mê bóng đá, nhưng tôi về không nhằm mùa tranh tài, nên không có dịp ngắm chân cẳng của các tuyển thủ Đà Nẵng. Thời của những Cầu-đen, những Niên-móc-sắt, những Dũng-đít-vịt, những Tu-chữ-bát, những Sung-lò-rèn... đã quá xa. Thời huy hoàng đá vang tên tuyển Thanh Niên Việt Nam, tập huấn từ Liên Xô về của Vũ, Quang, Chức, Đức, Trung lùn... cũng không còn. Dân Đà Nẵng chắc vẫn giữ được vị trí hàng đầu về cái ghiền bóng đá.

Cạnh sân vận động là những tổ ấm của láng giềng tôi, không có mấy nhà. Tôi ghé thăm nhà ông Thái Trữ, nhà ông Vui, nhà ông Bôn, kể đôi ba câu chuyện, lượm vài mẩu tin đời thường của từng nhà, tuy lầy lệ nhưng rất ấm tình nghĩa.

11 giờ tối, tôi trở về nhà cha vợ. Lý quở: - “Đầu tóc anh ghê quá, đi hớt đi”. Cháu Nguyệt, 17 tuổi, con anh cả Tâm, tình nguyện đưa tôi đến phòng hớt tóc. Cháu chạy rất nhiều nơi, trên nhiều con đường khác nhau, nhưng những quán hớt tóc bình thường đều đóng cửa. Tôi bảo về. Cháu chẳng nghe, nhất quyết đưa tôi tới một quán hớt tóc có *massage*. Tôi cảm thấy ngại ngùng ngay khi rời yên xe, bởi những con mắt đờ đẫn khách hàng của mấy người thợ, có cả nam lẫn nữ. Tôi độ chừng họ đoán ông già đang được bồ nhí đưa đi chinh trang nhan sắc. Đã lỡ, tôi theo Nguyệt vào tiệm, và cố ý lớn tiếng bảo – “Cháu ngồi chờ dưỡng ở đây”. Câu nói của tôi có lẽ chẳng tác dụng gì.

Những nụ cười khéo kín của đám thợ cho tôi nghĩ như vậy. Mặc kệ, tôi bình thần lên lâu.

Phòng hớt tóc chỉ có một khách hàng đang được xoa bóp, bên phòng trong, không có cửa ngăn. Một thanh niên cặm cụi với mái tóc khá dày của tôi, sau khi hỏi han vài điều. Cháu Nguyệt lên đứng bên cạnh từ bao giờ. Phần việc của anh thợ vừa xong, tôi được chuyển qua phòng nằm để sấy tóc. Một cô gái lớn tuổi hơn Nguyệt một chút làm công việc này. Tôi từ chối những dịch vụ thư giãn khác sau khi tóc khô, nhưng không quên tặng cô gái một chút tiền, không nhớ là bao nhiêu. Khi xuống lầu thanh toán tiền công, tôi có tặng anh thợ, số tiền được thối lại. Anh không nhận. Trên đường về tôi khen với Nguyệt về sự tử tế của người thợ. Cháu Nguyệt hỏi – “Ông dượng cho bao nhiêu? ”. Tôi nói: “ 500 đồng ”. Nguyệt cười vang. Hóa ra món quà của tôi chỉ có 5 xu, ma nào nhận. Tôi giật mình, thẹn vô cùng. Nhưng chẳng lẽ quay lại. Cũng may mái tóc của tôi không được như ý nên cũng đỡ ân hận. Anh hớt tóc cố tình cho tôi trễ lại, đã lấy của tôi rất nhiều tóc, cho cao ráo ra, nửa tân binh Việt Nam Cộng Hòa, nửa cán bộ mới từ Bắc vào. Thôi cũng được. Dù sao cũng rất nhẹ đầu.

Tiếp tục thăm viếng bạn cũ. Tôi tìm được đến Đặng Văn Hải. Nhà anh chị Hải vẫn ở chỗ cũ trong một con hẻm rất dài của vùng Thạch Gián. Tôi quen Hải từ những năm tiểu học ở trường Hoàng Diệu. Hải bỏ học sớm, làm nhiều nghề để sinh sống, trong đó có việc đánh máy thuê ở vỉa hè. Vợ Hải , y tá của bệnh viện Đa Khoa, từng có một thời gian dài chích thuốc cho tôi không lấy tiền công. Hải cũng chính là người đưa ý kiến trong việc nên dẫn Lý bỏ nhà, nếu yêu nhau thật. Ngày đó Hải còn ủng hộ chúng tôi tiền tiêu, tiền lộ phí cho cuộc “tị nạn ái tình”. Tuy là bạn, nhưng anh tự xem như là anh tôi. Trong chùm lục bát viết về bằng hữu, tôi đã dành phần anh mấy câu:

*kết bè đảng từ lớp ba  
đánh bi, đá bóng, độ gà, lang thang  
đã nhiều bạn muốn đầu hàng  
lòng anh thông cánh tay vàng đỡ lên*

Anh chị Hải không có nét già. Khuôn mặt cả hai đều như xưa. Có lẽ sự lạc quan, bình thản trong cuộc sống giúp họ nuôi

dưỡng được lâu bền sự trẻ trung. Gặp nhau vẫn nói chuyện trên trời dưới đất, cười vui, xuề xòa. Dĩ nhiên chúng tôi có nhắc đến mái trường Hoàng Diệu trong sân chùa Hải Châu, mà tôi vừa được Châu Văn Tùng đưa đến thăm trong mấy ngày trước. Trường không còn cả cái nền, nhưng vị trí vẫn dễ nhận ra. Cái hồ nhân tạo với hòn non bộ thật lớn vẫn còn đó. Căn nhà của bé Lai không chỉnh trang. Trần Công Viên, Nguyễn Chí Thiệp, Phan Nhật Nam, Nguyễn Văn Qui, Nguyễn Văn Phụng, Trần Văn May...đều từ nơi này tiến xa trong cuộc sống.

Chúng tôi chia tay anh chị Hải cùng Sơn, em của anh, vào buổi trưa. Tôi đi ra con đường mới, trên mặt một hồ sen cũ. Tôi chợt phát hiện thành phố Đà Nẵng lúc này rất ít các loại chim, kể cả se sẻ. Tôi nhớ những tiếng hót. Tôi thèm nhìn những đường bay chuyền cảnh. Màu nắng chói chang trên mặt đường nhựa rộng, chẳng thể nào bằng cái óng ánh vàng trên những cành cây. Đà Nẵng cũng giàu cây lắm, nhưng sao cây nào cũng thấp bé quá. Cái nhếch nhác mà nhà văn Nguyễn Ngọc dành cho Đà Nẵng không biết thuộc giai đoạn nào, nhưng bây giờ tôi thấy thành phố của chúng ta trống trống, lạnh lạnh ngay trong ánh nắng. Có lẽ tôi đang mất một cái gì. Tuổi trẻ chẳng ?

Tôi còn ghé thăm một số khuôn mặt thân quen khác như chị Lưu Ái Liên, anh Nguyễn Ngọc Lễ...họ là những cán bộ thứ thiệt của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, ngành ngân hàng. Tôi được quen biết họ sau 1975. Tình người giúp chúng tôi sớm xóa bỏ những dị biệt trong quan niệm chính trị. Gặp nhau lần này đã có thể là lần cuối. Chúng tôi mừng chúc nhau những câu rất thật lòng. Tôi cảm thấy mình mỗi ngày một hạnh phúc, khi được quen biết thêm nhiều người tử tế.

Vợ chồng tôi cũng đến thăm người bạn cũ nhỏ tuổi như con mình vào ban đêm. Nguyễn Phú Dũng, thằng bé thường xách lồng chim mời theo tôi trong những lần đi bắt chào mào trước 1985, đã là một thanh niên, có vợ hai con. Chững chạc, làm ăn thành công, nhưng vẫn nuôi chim. Những con đội mũ của Dũng khéo chọn, dài đòn, đầu nhỏ, mũ đứng, sẽ hót rất hay rất bền. Dũng cho biết không còn đi đánh bắt chim nữa, không phải vì thiếu ham thích, thiếu thời gian, nhưng vì những con chim đã đi tán đến những vùng quá xa. Hơn nữa, nghề chơi không có bạn

hiền, bạn đồng điệu cũng giảm đi rất nhiều hứng thú. Dũng nói, nuôi chim bây giờ cốt để nghe hót khi uống trà. Ông cụ non ba mươi có một ngôi nhà, một khu vườn ẩm áp lắm. Tôi thật tình cảm động khi mở máy *ordinateur* của Dũng, thấy khuôn mặt mình hiện lên trước tiên trên màn ảnh. Tấm ảnh tôi gởi tặng cháu đã lâu, từ ngày mới đặt chân đến thành phố Montréal. Nét ngo ngác, hoang mang hiện rõ dù cặp môi có vẻ như cười. Tôi quên tấm ảnh này đã lâu, giờ thấy lại, ngỡ ngỡ đến mấy giây.



Bên cạnh những lần thăm viếng bè bạn, bà con, dĩ nhiên, chúng tôi cũng dành thời gian cho một vài nơi cần thăm lại. Cổ Viện Chàm, Ngũ Hành Sơn, một vài nhà sách. Với Cổ Viện Chàm, chúng tôi có những giây phút thật tĩnh lặng, cung kính. Tôi đã vào thăm cái nghĩa địa hình tượng này rất nhiều lần trong đời mình. Chẳng dám bàn đến vấn đề nghệ thuật, lịch sử ở đây. Nhưng phải thật tình cảm ơn người Pháp đã xây dựng, thiết kế một vị trí để trưng bày những cổ vật thật thích hợp, thật trang trọng. Góc cạnh nào trong phòng trưng bày này cũng đầy đủ ánh sáng. Nó vừa có cái ẩm áp của ánh nắng đương thời, vừa toát ra cái lạnh lẽo của cả một dân tộc quá vắng. Cũng như rất nhiều người con dân của Đà Nẵng, tôi sẽ rất chua xót, nếu dự án một cây cầu qua sông Hàn, được bắt đầu từ khu văn hóa này.. Xin trích lại bài thơ viết đã lâu như một lời nguyện cầu bền vững cho ngôi cổ mộ tượng Chàm:

*ai giam Chiêm quốc vào trong đá  
cho đá ngàn năm ngậm máu người  
tủi hận cũng theo đời hóa thạch  
còn không tinh huyết giống dân Hời ?*

*thao thức buồn chi Chiêm nương hời  
thân vàng vóc ngọc thắm về đâu  
tim ngừng giữa điệu Tây-Thiên-Khúc  
nhói buốt không gian nổi hận đời*

*trần trọc sầu chi Chiêm tướng hời  
ngậm ngùi thương ngực nở vai u  
đất nước phân qua, dân tộc diệt*

sử mấy dòng đau một giống người  
cuồng rống gọi ai bầy thạch tượng  
My Ê, Sạ Đâu, Ché Bông Nga...  
phò vương công tướng đời vinh nhục  
đấu lửa binh vương mấy tất ngà

nào đâu Châu Lý Châu Ô cũ  
ai đổi danh thành đất Hóa Châu  
tình nghĩa em đâu Huyền Trân hồi  
hồn Ché Mân ta khắc khoải đau

đứng vịn tay dài lưng ngựa đá  
thả hồn vượt mắt triều đại Chiêm  
bồi hồi ngắm chiến công tiên tổ  
thấm thía lòng vang tiếng khóc cười

ngoài kia màu nắng vàng muôn thuở  
đang vượt ve từng ngọn sứ xanh  
mơ hồ nắng thoảng mùi hương lạ  
có phải hương da thịt Chiêm Thành ?

Chiêm vương ơi, đã còn mừng lễ  
hận đến bao giờ vỡ đắng cay  
ta nghe nước nở hồn ai oán  
sâu sống muôn thu Nghĩa Địa này  
(CỒĐĐT,LTHBVVBH)

Với Ngũ Hành Sơn, lần đến thăm này, chúng tôi chỉ đứng dưới chân núi. Những hang động, những chùa miếu trên kia, nhắm mắt lại chúng tôi vẫn thấy ngay được. Làm sao khỏi có những tu bổ, những chỉnh trang nhưng hy vọng mọi di tích vẫn mang hình dạng như thời chúng tôi từng được chiêm ngưỡng nhiều lần. Với Ngũ Hành Sơn thường ngoạn một lần hay nhiều lần nữa cũng chẳng thừa nhưng điều kiện đôi chân tôi, thật đã đến lúc không dám mạo hiểm. Để bù lại thiếu sót, chúng tôi ghé thăm những gian hàng trưng bày và bán những sản phẩm điêu khắc. Chúng tôi có mang về Montréal được một cặp rồng đá trắng, ban ngũ nhạc đá nâu với 5 vị nhạc công rất nghệ thuật, một tượng Thích Ca chạm khắc rất tinh vi, một tượng thiếu nữ khóa thân nõn nà. Túi tiền ít, chất liệu đá khá nặng nên lòng ham



muốn của chúng tôi bị hạn chế đến tối đa. Là một người ghiền làm thơ, dĩ nhiên Ngũ Hành Sơn khó tránh khỏi bị tôi hành hạ, bạn đọc chịu khó chia sẻ nhé:

*tay ai lột đá thành thang bước  
càng bước lên cao càng bâng khuâng  
chân run ngỡ dẫm đau tay cũ  
ngờ ngỡ như vừa gặp cổ nhân*

*Thủy, Kim, Mộc, Thổ, Hỏa sơn ơi  
hít thở bao nhiêu thế kỷ rồi  
những gì trong đá vôi già ấy  
sinh dưỡng có cây thanh tú vui*

*nghe chùng bát ngát Mâu Ni Phật  
lộng lẫy Thiên Y A Na Nương  
Vích Nu, Thổ Địa, Sơn Thần nhập  
hồn vào đá tỏa ngát trầm hương*

*bay theo chuông mõ Tam Thai Tự  
lạc vào tranh lụa của người xưa  
bồng lai tiên cảnh trong huyền thoại  
hắn cũng cau mày, ám ức, thua*

*này đây vôi vọi Vận Thông Động  
em muốn lên trời một chuyến không ?  
ngựa mặt, mây vờn ngang sóng mũi  
trời xanh nằm gọn ở trong lòng !*

*này đây huyền ảo Thiên Linh Động  
ai nhốt gió vào hang đá vôi ?  
hay gió đi tìm hương sắc lạ  
thở nhâm hơi thở của em tôi ?*

*Ôi những Huyền Không, Nham Linh Động  
mái đời, mưa nhẽ vệt rêu xanh  
đứng bên bờ miệng hang Âm Phủ  
rừng mình tưởng huyệt phận mong manh*

*kìa ai trần trụi hồng da thịt  
ai lụa là choàng, khô khốc xương*

*môn đồ tiếp nối trong thiên hạ  
cười khóc còn mang vũng lập trường ?*

*ta đi ngắm kỹ từng gân đá  
từng lá bồ đề, từng rễ cây  
mỗi hạt bụi đời như có máu  
giai nhân, hào kiệt từng đến đây*

*hỡi ơi du khách, hỡi du khách  
danh khắc, thơ đề, loạn vết dao  
đến đi đi đến luân lưu mãi  
có thấy lòng ta động chỗ nào ?  
(CỐ ĐĐT.LTHBVVBH)*



Trong 18 năm dài lận đận ở quê người, tôi đã không ngớt ao ước được về thăm nhà để có một lần ngồi trước hiên nhà cũ, nhìn dòng người ngược xuôi qua lại như ngày xưa, để được cỡi *honda* chạy một vòng qua suốt mấy đường Hùng Vương, Đồng Khánh, Trần Hưng Đạo... Bây giờ tôi đã thật sự có mặt trên mảnh đất tôi thương yêu nhất, nhưng hai niềm ước mơ trên vẫn không thể nào thực hiện. Nhà cũ của tôi đã do chính tay tôi ký bán với giá tương trưng, dĩ nhiên tôi có đến, có được ngồi trên nền nhà cũ, trong cái co ro, giới hạn của một người khách, ngại cả nhìn loanh quanh. Lấy đầu hứng thú để nhìn người qua lại Ngõ trong căn nhà mình hẳn nhiên tâm trạng khác hẳn khi ngồi trong nhà một người khác, nhất là ngôi nhà đó trước đây là của mình tạo dựng. Những kỷ niệm một thời rõ ràng trước mặt, nhưng không với tới.

Một chiếc *honda*, mấy đoạn đường, dễ thực hiện hơn, nhưng tôi không dám đùa với đường giao thông tử thần hiện tại. Đà Nẵng bây giờ số lượng xe đạp đã giảm đi hơn nửa, thay vào đó nhiều loại xe gắn máy chen lẫn nhau thật khủng khiếp, không khác Sài Gòn bao nhiêu. Dù sao trong mười mấy ngày vừa qua tôi đã thực hiện được nhiều việc, bên cạnh mục đích chính thăm bệnh ông già chúng tôi.

Chúng tôi đã đi được Hòa Cường, Cẩm Lệ, Miêu Bông, Quá Giáng, Liêm Lạc, Hội An, Vĩnh Điện, Thanh Quýt, Phú Thượng. Đã thăm được bia mộ má tôi ở Phú Sơn, bia mộ ba, mẹ

lớn và mộ anh chị tôi ở Liêm Lạc, cả mộ người chị ra đời cùng lúc với mình. Đã thăm được bia mộ của bà mẹ hiền hậu đã cho mình một người vợ tuyệt vời. Cuộc đời của người sống đôi mới, chỗ nằm của người chết một phần nào cũng thay đổi theo, đó là điều đáng mừng. Ngoài ra chúng tôi còn đến với Cổ Viện Chàm, Ngũ Hành Sơn, Khổng Miếu, Chùa Cầu, Chùa Tinh Hội, Chợ Hàn, Chợ Cồn và những cửa hiệu sách rất qui mô, như Nhà sách Đà Nẵng trên đường Bạch Đằng. Rất tiếc, tôi đã bỏ sót không ghé vào thư viện trong khung viên hội Khuyến học cũ. Thư viện nằm trên một ngọn đồi, trong ngôi nhà do người Pháp tạo dựng, rất tĩnh lặng, trang trọng. Khu vực này, ngôi đình thự này đáng làm nơi lưu giữ những tâm huyết, những công trình sáng tạo. Cũng là nơi có không khí rất lý tưởng để tập trung tiếp thu, học hỏi những kiến thức của hàng ngàn người gởi lại hậu thế. Một cái nơi thích hợp, đẹp đẽ như vậy sao có tin đồn sẽ hủy bỏ, di dời. Nhà văn Nguyễn Ngọc với chỉ một câu, đã nhắc nhở giùm cho nhiều người: “*Một thành phố văn minh luôn biết dành chỗ đẹp nhất cho văn hóa*” Đà Nẵng chẳng lẽ thiếu văn minh từ những thành phần có thẩm quyền ?



Cuối cùng ngày trở vào Sài Gòn để chuẩn bị cho chuyến trở qua Canada đã đến. Những gì diễn ra trong cuộc chia tay lâu dài chắc chẳng cần tường thuật. Ông già chúng tôi vẫn nằm bệnh viện cho đến hai tháng sau mới về nhà, trong tình trạng lúc mê lúc tỉnh. Lúc tỉnh cũng chỉ ngơ ngác nhìn, ú ớ không ra lời. Nhưng mãi đến 31 tháng 7 năm 2005, ông mới ra đi. Chúng tôi dâng hương lên ông từ ngôi chùa Quán Âm tại thành phố Canada.

Chuyến hẹn trở về tiếp theo của tôi vào năm 2006 này, nhưng chưa biết có thực hiện được không. Lại một điều, sau chuyến đi năm 2002 về, tôi gần như không có dịp trở về quê xưa bằng tâm tưởng như trước. Có lẽ Đà Nẵng đã thật gần bên tôi. Mà gần thật, với điện thoại, tôi có thể nghe được ngay những giọng nói từ Đà Nẵng. Với máy điện toán, tôi đọc biết nhiều diễn biến đang xảy ra tại Đà Nẵng từ những điều bình thường nhất. Với VTV4, tôi thấy được những hình ảnh sinh hoạt chọn lọc, tuy

không đảm bảo một trăm phần trăm trung thực. Tôi cũng từng theo chân cô Võ Sông Hương viếng những thắng cảnh thu hút rất nhiều du khách của Đà Nẵng vào thời điểm nay. Cảm ơn cuộc sống. Cảm ơn mọi phương tiện. Tôi cũng tin rằng việc bày tỏ đã nghe, đã xem đôi ba chương trình phát hình, phát tin từ trong nước có thể gây xúc đến một số bạn đọc, nhưng tôi vẫn cho đây là một điều cần thiết. Nói đông dài không khéo bị hiểu lầm nguy biệ. Chuyện về Việt Nam vào thời điểm 2002 tuy chưa được xem là chuyện bình thường, nhưng cũng không còn nhiều trở ngại, tai tiếng. Tại hải ngoại những chỉ trích chuyện “Áo Gấm Về Làng” đã có phần lắng dịu. Có lẽ không phải ai cũng có Áo Gấm. Và không phải ai về làng cũng có thái độ không được bình thường. Tại quốc nội những buổi “làm việc” đặc biệt với công an cũng có phần giảm bớt. Đó là những nhận xét có thể rất hời hợt của tôi.

Sẽ lái nhai hoài những điều riêng tư nhạt nhẽo, làm chán bạn đọc, nếu không chịu rời máy, bỏ cây bút chỉ thay ngón tay xuống. Tôi *save* lại bài viết.

Trước khi đóng máy, tôi mở hộp thư gửi lời chúc Tết đến một số bạn hữu xa gần qua email: Hà Nội, Đà Nẵng, Sài Gòn, USA, Canada, Nhật Bản, Úc Đại Lợi ...Câu chúc của tôi đại khái giống nhau:

Luân Hoán đây, Xin mở cửa cho tôi xông đất. Có mang đến cho quý bạn một bao lì xì thật lớn: Sức Khỏe, Niềm Vui Và Mọi Điều Tốt Đẹp, vui vẻ nhận giùm nhé!

Đã đúng giờ giao thừa năm Bính Tuất, 2006, tại Montréal. Trong nhà tôi phảng phất hương trầm. Đêm quá đẹp, không có giọt tuyết nào. Trời ở 1 độ âm. Trận *hockey* kết thúc với chiến thắng 4/3 nghiêng về đội của thành phố tôi *Canadien de Montréal*. Tôi vào giường không cần uống nửa viên *Ativan* như thường lệ.



## Montréal Canada, 21 Năm Và Còn Tiếp

Nguyễn Ngọc Lang và Lê Hân đã cùng nhau hoàn tất hồ sơ xin bảo lãnh đoàn tụ gia đình cho hai người anh còn ở Việt Nam sau 1975. Tôi và Lang cùng nhận được những giấy tờ quan trọng này trong năm 1979. Đà Nẵng thời bấy giờ chưa có mấy người được ra đi theo diện ODP. Ngoài tôi và Lang, ông Nguyễn Văn Thọ, chủ hãng xe đồ Phi Long cũng có một hồ sơ tương tự. Chúng tôi thường gặp nhau để chia sẻ những tin tức, kinh nghiệm lẫn hỗ trợ tinh thần trong một công việc thật giản dị: nộp hồ sơ xin xuất cảnh.

Chiều dài để tạo được một thuận tiện của riêng tôi kéo dài đến 2 năm. Cơ hội đổi đời lần thứ hai của gia đình chúng tôi, bất ngờ nhờ vào năm ba con chim cảnh. Một viên chức công an phụ trách ban Người Việt nước ngoài tại ty Công an Đà Nẵng, đam mê chim hót, đã hướng dẫn và cùng tôi diễn mấy phút kịch nói tại văn phòng ông. Giai đoạn đầu tiên trên đường đi của hồ sơ đã được thông qua, trôi chảy.

Trong năm 1983, chúng tôi được gọi đến cơ quan Công An Quảng Nam Đà Nẵng nhận 3 thông Hành. Một cho tôi có kèm theo con trai út Lê Ngọc Hoàng Bách, hai cho Trần Thị Lý, vợ tôi, có kèm theo hai con Lê Ngọc Quốc Bảo và Lê Ngọc Thạch Bích. Ba cho con gái đầu, Lê Ngọc Hòa Bình, sinh năm 1969. Trên Thông Hành có đủ dấu nổi, dấu chìm, do cơ quan có tên thật dài: “Cục Quản lý Người Nước Ngoài Và Xuất Cảnh, Nhập Cảnh, Bộ Nội Vụ” ký ngày 15 tháng 12 năm 1983 tại Hà Nội.

Thông Hành của chúng tôi tiếp tục được đóng dấu, ký tên thị thực xuất cảnh ngày 01-01-1985 tại cửa khẩu Tân Sơn Nhất, có ghi điều kiện xuất cảnh trước ngày 30-5-1985.

Sau khi có tên trong danh sách niêm yết tại 1 B Duy Tân Sài Gòn, Chúng tôi được khám sức khỏe, chủng ngừa và nhận vé máy bay. Qua tin truyền miệng, tôi được biết lộ trình đường bay

sẽ như sau: Tân Sơn Nhất - Bangkok - Rome - Mirabel. Vì có mua một số nhiều tranh sơn mài để mang theo của bà vợ nhỏ cố thi sĩ Nguyễn Vũ, nên chúng tôi giao luôn phần việc chuyên chở gia đình lên phi trường cho bà lo liệu. Chúng tôi suýt trễ chuyến đi vì sự tin tưởng này. Xe chở chúng tôi không được phép vào tận nơi. Từ hơn một cây số chúng tôi phải tự giải quyết. Tôi vừa lo, vừa giận, cũng may có những chiếc xe thò kịp lúc. Tôi không khỏi không ngạc nhiên và có thắm những nghi vấn, hình như có sự sắp xếp ẩn chia trong việc chuyên chở này. Nhưng cũng mừng vì đã vào đến kịp lúc.



Khi đã cách ly với những thân nhân đưa tiễn. Nỗi lo lắng của tôi có phần gia tăng. Liệu có bị giữ ở lại vì một trục trặc, một phát hiện cố tình nào đó. Tôi vào phòng vệ sinh băng lại cái chân cho chắc bụng, đồng thời kiểm soát lại hai cây vàng độc nhất có còn ở yên vị trí cũ không. Bỏ chúng lại thì cả gia đình trắng tay. Nhưng lặn theo nhỡ lát nữa bị phát hiện có thể...thôi cũng đành liều. Nhưng rồi tôi lên máy bay an toàn. Hồi hộp, phập phồng chỉ

thật sự mất đi khi máy bay chạy ra phi đạo. Cái lo lắng đã qua, bây giờ mới có phút giây để buồn trong sự chia xa với quê nhà, với người thân. Tôi ngồi lặng giữa những giọng nói hân hoan, giữa những tiếng thờ ra nhẹ nhõm của những người chung quanh. Tôi nhắm mắt. Lý nắm chặt tay tôi, lặng lẽ khóc.

Máy bay đáp xuống phi trường Bangkok. Hành khách của chuyến bay hầu như là toàn những người đi “đoàn tụ”. Việt và Hoa lẫn lộn. Chúng tôi được lừa vào một khoảng trống có mái che trong phi trường. Một nhân viên người Thái Lan, không rõ phục vụ cho người Canada hay cho phi trường, gọi tên điểm danh chúng tôi và căn dặn một số việc linh tinh. Ông vô cùng hách dịch và không mấy lịch sự. Chúng tôi được phát phần ăn và ngồi trên sàn nhà gần mười tiếng sau.

Phi trường Bangkok rộng hẹp bao nhiêu tôi không được rõ. Không dám và cũng không được phép rời chân khỏi khu vực, rộng bằng một rạp chiếu bóng. Khi từ từ đi thành hàng một ra cửa để lên máy bay, tôi mới nhìn được một góc nhỏ của phi trường, không đủ gây cho tôi một ý niệm sang, thường hay đáng ghi nhớ nào. Tôi cúi mặt nhìn xuống chân mình khi đi ngang người xịt thuốc sát trùng, và hơi xót xa nhìn một số bạn đồng hành, đã thay đổi áo quần màu mè, sang trọng.

Chúng tôi đến Ý vào buổi sáng, không còn nhớ rõ mấy giờ. Phòng đợi rộng rãi thoáng mát. Tường phòng bằng kính trong suốt có thể nhìn ra bên ngoài sân bay. Ghế ngồi trong phòng đợi bằng kim loại có mặt nệm, sang trọng và lạ mắt với chúng tôi. Đèn chong giữa ban ngày đây đó. Vì khu đợi này rất rộng, nên “đoàn người ra đi có trật tự” chia ra từng nhiều nhóm nhỏ, quây quần với nhau. Gia đình chúng tôi, sáu nhân khẩu, ngồi sát tường kính phía sân bay. Tôi chợt bắt gặp một khuôn mặt quen thuộc từ Đà Nẵng đi cùng chuyến. Tôi nhớ không lầm, ông là một nhà giáo một trường tư thục. Khá vụng về và lười giao thiệp, tôi ngồi im nhìn ông tiến đến chìa tay, mỉm cười. Dĩ nhiên tôi cũng đủ lịch sự đứng dậy, niềm nở. Khi cái bắt tay chấm dứt, ông mở lời hỏi xin thuốc lá. Tôi ngượng vì đã bỏ hút từ lâu, không nắm được cơ hội có thêm một người quen. Hồi đó tôi chưa quen dùng nhiều tiếng “xin lỗi”, nên đã trả lời hơi trống không “dạ không có”. Ông quay đi tức thì. Tôi thông cảm

cho một người đang thềm thuốc, nhìn theo. Ông tiến đến một người khác. Tôi mừng ông đã có được món ông cần. Tôi vẫn còn tò mò quan sát ông. Rất lạ, tôi không thấy ông châm thuốc. Ông cho điều thuốc vừa xin được vào túi áo trên, rồi ghé qua một nhóm khác. Ông lại xin thuốc lá, lại cẩn thận bỏ vào túi và tiếp tục cuộc sưu tầm những điều thuốc. Cuối cùng tôi thở phào nhẹ người khi thấy ông móc cái zippo ra khỏi túi quần và thở khói. Nhờ ông đã trở lại gần chỗ tôi ngồi nên tôi nhìn rất rõ sự khoan khoái trên nét mặt ông. Không hiểu sao, tôi thật sự có chút không vui.

Khi được gọi lên máy bay, chúng tôi đã gặp được những giọt tuyết đầu tiên trong đời. Tôi ngửa cả hai tay ra hứng, nhưng xem lại chẳng có gì ngoài cái cảm giác uơn ướt. Đó là những hạt tuyết bụi, rất mong manh, bay loạn như một đàn bù hong trắng.



16 giờ ngày 31 tháng 01 năm 1985 chúng tôi có mặt tại phòng chờ lấy hành lý tại phi trường quốc tế Mirabel Montréal. Hành lý của chúng tôi gồm hai cái thùng thiếc, đóng đúng theo kích thước và hợp thời trang của những người đi “đoàn tụ” thời bấy giờ. Một vài cái va li, túi xách và những kiện hàng tranh sơn mài. Nhìn chung khá công kênh và tương đối nhiều hơn những người khác. Có lẽ vì vậy nhiều nhân viên kiểm soát, như muốn chờ nhau, bắt chúng tôi đứng chờ một bên, để trở thành gia đình cuối cùng, được qua cửa không kiểm soát. Những thực phẩm cầm mang theo, có trong số hành lý của chúng tôi nhờ đó không bị làm khó dễ.

Hân ra đón chúng tôi cùng với Lãng, một người bạn của chú ấy. Họ mang cho chúng tôi những chiếc áo ấm dày, nặng, những khăn choàng, mũ len và cả những đôi giày cổ cao. Khi ra xe chúng tôi mới biết trời đang có tuyết rơi.

Trên chiều dài 53 cây số từ phi trường quốc tế Mirabel về Montréal, tôi nhìn trời đất mênh mông một màu trắng. Một số nhà cửa rải rác hai bên đường gần như chìm trong tuyết. Tôi bắn khoăn, nhưng ngại hỏi người em trai về chỗ ở mới của mình, cho đến khi xe vào thành phố mới an lòng.



Cuộc đời mới của chúng tôi được Montréal lặng lẽ nhận vào từ 19 giờ ngày 31 tháng 01 năm 1985. Món ăn đầu tiên của chúng tôi là món gà nướng Kentucky Hân mua khi vừa vào thành phố. Tối hôm đó lạ chỗ, đảo ngược giờ giấc nên chúng tôi không ai ngủ ngon.



Chỗ ở của chúng tôi do Hân thuê sẵn. Đó là căn áp mang số 21 trong chung cư mang số 4655 trên đường Bourret. Căn áp này một phần nằm dưới mặt đất, thường được gọi là *sous-sol*, gồm hai phòng ngủ. Lý và tôi chiếm phòng nhỏ. Bốn đứa con cùng ở một phòng lớn hơn. Phòng khách bỏ không. Hân thuê sẵn đường dây điện thoại, số gọi 514 - 735-4064. Em trai tôi cũng đã sắm sẵn một số vật dụng như: một bộ bàn ăn bằng gỗ, một *futon* (vừa làm ghế ngồi ở phòng khách vừa làm giường nằm khi trải ra), hai *matelas* (để ngủ), một số tấm đắp trong đó có một mền điệt, và nhiều vật dụng linh tinh khác.

Dù qua một đêm không ngủ được, sáng hôm sau, thứ sáu, ngày 01 tháng 2, tôi và Lý cũng theo Hân đến cơ quan sở di trú, nằm ở số 1000 trên đường Guy, để xin một số giấy tờ cần thiết. Trong khi chờ thẻ xã hội trắng *Social Insurance* và thẻ Mặt trời của *Régie de L' Assurance Maladie* gửi tới, tôi và Lý được cấp

một thẻ tạm màu hồng, bởi văn phòng CEC-MTL-CPI. Thẻ này chỉ có 6 dòng ngắn dùng để ghi ngày tới đây trình diện. Trên thẻ có ghi rõ: “*Ne peut servir pour l'identification*”. Tại cơ quan này, người chăm sóc hồ sơ của tôi là một ông trung niên rất mập, có vẻ mệt mỏi và thiếu tích cực.

Sau hai ngày nghỉ cuối tuần, tôi và Lý được Hường, vợ của Lãng, bạn Hân, đưa đi tìm việc làm. Ngay buổi sáng ngày 4 tháng 2, Lý được vào làm trong một hãng sản xuất ví da cho phụ nữ. Riêng tôi trong gần hai tuần lễ, ngày nào cũng theo Hường đi rất nhiều hãng xưởng trong thành phố. Nhưng nơi nào, nhìn cái bộ dạng tôi, họ cũng khéo léo chìa ra một mẫu đơn cho tôi ký tên và lịch sự mời về nhà chờ. Lòng tốt và sự cố gắng của Hường đã không giúp được tôi. Tôi trở thành một người ngồi coi nhà (thật ra không cần thiết) cho vợ đi làm, con đi học một thời gian dài.

Những ngày bắt đầu cuộc sống mới của chúng tôi ở Montréal lặng lẽ đi qua. Tôi đã có thời gian quan sát khu vực chúng tôi cư ngụ. Con đường Bourret là một con đường một chiều. Từ ngã tư, giao điểm với đường Van Horne đến chỗ chúng tôi ở, đường cao dần lên như một con dốc. Cây lá hai bên đường đều cao lớn, nhưng đang vào mùa đông, cành nhánh bạc những dòng tuyết đọng. Ngoài chung cư 4655 còn nhiều chung cư khác đứng gần nhau. Hân đã chọn vị trí này vì rất gần với những địa chỉ quan trọng: Hai trạm *métro*, Plamondon và Côte Sainte Catherine. Trạm xe buýt. Jewish General Hospital của người Do Thái, Hôpital Sainte Justine - trung tâm sản phụ và nhi khoa, Plaza Côte des Neiges, trường trung học Van Horne và các siêu thị thực phẩm: Steinberg (hiện nay đã thay bằng IGA), Provigo.

Sau một ngày thử việc ở hãng ví da, Lý được Cộng đồng người Việt tại Montréal giới thiệu một việc làm khác, tại hãng vải vụn Aronoff Brothers Ltd. Tôi vẫn ngày ngày ngồi nhìn những vách tường. Ngó từng chân vách mong gặp được một con kiến hay con ruồi để làm bạn. Tủ tưng, buồn chán mỗi ngày một tăng, tôi gọt dưa bót bằng vụn điếu. Bài Ly Rượu Cuối Tuần Cho Lý là bước khởi hành của tập “Ngơ Ngác Cõi Người”.

Nhưng làm thơ không thể lấp hết những năm tháng trống rỗng. Thình thoảng tôi cũng “lên đồ đi tìm job” nhưng kết quả vẫn là những lời hẹn rất ân cần, lịch sự. Nhân một buổi tối cuối

tuần, Nguyễn Ngọc Lang, bạn cũ thời ở Đà Nẵng, hiện hành nghề bác sĩ, đưa gia đình chúng tôi đi ăn ở Phố Tàu. Hôm sau tôi dắt đứa con trai út đến phòng mạch Lang thăm chơi. Thay vì chọn trạm *métro* Côte Sainte Catherine gần nhà hơn, tôi đưa Bách xuống trạm Plamondon. Sau khi xuống một tầng, mua vé vào cửa, chúng tôi xuống tiếp tầng dưới. Tiếng “u... u..u..” của chuyến *métro* đang chạy tới. Bách buông tay tôi chạy xuống trước. Vừa lúc Bách đến nơi, tàu cũng vừa tới. Những cánh cửa tàu mở rộng. Không chậm trễ, Bách chạy vào, chỉ vài phút như



thường lệ, mọi cửa tàu đồng loạt khép lại. Với vài phút, tôi không kịp vượt xuống những bậc thang. Tôi bất lực nhìn Bách hốt hoảng gào khóc đập cửa, khi con tàu chạy vụt đi. Mất bình tĩnh và lo sợ, tôi vội vã trở lên phòng bán vé, ú ớ trình bày sự việc với người nhân viên. Tôi được mở cửa cho vào quầy, chỉ một phút sau hai nhân viên cảnh sát đến. Họ lưu ý tôi việc trông coi trẻ em lúc đi đường. Và hướng dẫn một vài điều khi biết chúng tôi mới vừa đến Montréal một tuần lễ. Người nhân viên *métro* cho tôi hay, con tôi đã được cho xuống ở trạm Snowdon, đang chờ tôi ở đó. Tôi gặp Bách và hai cha con tiếp tục chuyến đi đã dự định.

Lê Hân, em trai tôi, du học tại Hoa Kỳ vào giữa năm 1966, sau khi tốt nghiệp, Hân lập gia đình cùng Vân rồi sang làm việc tại Canada. Khi bão lãnh chúng tôi qua Hân cùng gia đình cư ngụ tại nhà riêng bên Brossard, số 5975 đường Panama. Nhưng cả hai vợ chồng đều làm việc tại Montréal. Hân làm việc tại EACL Candu trên đường Metcalfé. Ngoài ra còn mở một tiệm cho thuê băng video trong Plaza Côte des Neiges, mang tên Illusion. Công việc của chú ấy khá bận rộn, hơn nữa, cháu út Đạt mới được mấy tháng tuổi, nên chú không đủ giờ thăm viếng tôi nhiều. Nhưng ngày nào cũng gọi điện thoại, thăm viếng, khích lệ. Dĩ nhiên mọi giấy tờ cần thiết của chúng tôi, chú đều lo cho đầy đủ. Chúng tôi cũng có ghé sang thăm gia đình chú một vài lần. Brossard cách Montréal bởi dòng sông Saint Laurent. Sông có chiều ngang rất rộng và là một hải đạo quan trọng đưa tàu thuyền đến tận lục địa Mỹ châu, hàng năm có khoảng 6000 chuyến tàu đi lại trên hải đạo này. Lúc bấy giờ mọi xe hơi qua lại đều có đóng góp một chút ít tiền lệ phí tu sửa. Ngày nay lệ phí “sang ngang” đã được hủy bỏ từ lâu. Thành phố Brossard cũng như nhiều thành phố nhỏ khác chung quanh Montréal, đã được sát nhập vào Montréal để thành một đại đô thị.

Một cơ quan từ thiện, mà đa số gia đình tỵ nạn Việt Nam đều có đến là một tổ chức của nhà thờ Công Giáo. Tại đây những cư dân mới tha hồ tự chọn cho mình, những vật dụng thích hợp mà không cần phải trả tiền. Vật dụng, đa số là quần áo mùa đông, chăn, màn, bàn ghế. Tất cả đều đã được dùng qua, nhưng vẫn còn xài được. Gia đình tôi cũng mang về nhà một số ly chén, nồi chảo và đặc biệt có một tivi đen trắng 21 inch. Có được cái tivi, với ít đài địa phương các con tôi rất thích. Trong khi đó tôi rất nhớ các chương phát thanh của đài VOA, BBC...nên đã bán vài chỉ vàng để mua một cái radio, cassette Sony 4 band, thật cáu cạnh tại tiệm Lâm, trên đường Saint Laurent. Đây được kể là món đồ dùng xa xỉ chúng tôi mua đầu tiên. Tôi thất vọng vì sự thiếu hiểu biết của mình, bởi dù có 4 band, cũng không bắt được các làn sóng muốn nghe. Để bù lại cái nhược điểm của radio, tôi tìm đến quán sách Trung Việt, mua một cuốn cassette nhạc Đoàn Chuẩn với tiếng hát Khánh Ly. Cuốn băng thật tuyệt vời. Tôi mở gần như trong suốt thời gian Lý phải nhọc nhằn tại sở, dù có chú

ý nghe hay không. Có âm thanh bên cạnh, sự cô đơn đôi phần chùng bước.

Sau chuyến đến thăm phòng mạch Lang, những ngày kế tiếp, tôi có ý định đi đây đi đó cho biết nhan sắc thành phố Montréal một cách thực tế.

Theo tài liệu, Montréal được thành lập năm 1642, nhưng sau 358 năm thành phố vẫn chưa khai thác quá 80% diện tích. Tuy vậy, thành phố trẻ trung này được kể là một trong 14 thành phố thương mại và kỹ nghệ phồn thịnh nhất thế giới.

*(Hoa Kỳ với 6 thành phố: Atlanta, Boston, Chicago, Dallas, Los Angeles, New York / Canada với 3 thành phố: Toronto, Montréal, Vancouver / Anh quốc: London / Pháp: Paris / Đức: Dusseldorf / Ý: Milan / Nhật : Tokyo )*

Và là thành phố lớn thứ 2 của Canada, thuộc tỉnh bang Québec, *(một trong các tỉnh bang của Canada :Newfoundland, Nova Scotia, Prince edward Island, New Brunswick, Québec, Ontario, Manitoba, Saskatchewan, Alberta, British Columbia, Yukon, Northwest Territories).*

Montréal rộng 500 cây số vuông( khi chưa trở thành đại đô thị), nằm giữa ngã ba sông Saint-Laurent (dài 1900 km) và sông Ottawa. Với chiều dài đông tây 50 cây số; chiều rộng bắc nam, chỗ rộng nhất, 15 cây số. Đây là một vùng đất trù phú với thương cảng quan trọng bậc nhì Bắc Mỹ, chỉ đứng sau New York của Hoa Kỳ. Dân số gần 3 triệu người, bao gồm trên 500.000 di dân thuộc 80 sắc tộc. Những sắc tộc đông dân thường cư ngụ trong một khu vực, Tiêu biểu: Khu Saint-Léonard: người Ý Đại Lợi / Khu Jean-Talon Ouest: người Hy Lạp / Khu Saint-Luc: người Do Thái / Khu Prince Arthur: người Bồ Đào Nha. Người Việt Nam ở rải rác nhiều nơi, có mặt trong cả những vùng kể trên, nhưng một số đông ở khu Côte des Neiges.

Vì chỉ có một chân rưỡi, và phương tiện duy nhất của tôi lúc bấy giờ phải dựa vào “*Commission des transports de la Communauté urbaine de Montréal*”, nên đường tàu ngầm dưới lòng đất là con đường tôi chọn để lang thang đầu tiên.

Đường tàu ngầm được bắt đầu xây dựng ngày 23 tháng 5 năm 1962, Và bắt đầu phục vụ ngày 14 tháng 10 năm 1966, trong thời điều hành thành phố của thị trưởng Jean Drapeau, (*nhiệm kỳ thứ hai, kéo dài 26 năm, 1960 - 1986 / nhiệm kỳ thứ nhất từ 1954-1957*). Hiện tại, métro Montréal có 4 đường, gồm 4 trung tâm đối hướng tàu và 65 trạm lên xuống. Ngoài đặc điểm tối tân, hiện đại, đường tàu ngầm métro của Montréal còn được công nhận là sạch sẽ, khang trang vào bậc nhất Bắc Mỹ.

Trạm Côte Sainte Catherine nằm trên đường màu cam, với 28 trạm dừng, đón và xuống khách. Tuy không phải là trạm đầu tiên hay cuối cùng, nhưng tôi phải bắt đầu từ đây, vì gần nhà. Mỗi trạm tôi đều xuống dạo loanh quanh một vòng, quan sát cách trang trí, ngắm những hàng quán ở mỗi trạm, nhưng không lên mặt đất, không ra khỏi khu vực bán vé. Vì ra khỏi khu vực này phải mua vé khi trở vào. Lần lượt tôi ra các trạm: Snowdon, Villa Maria, Place Saint Henri, Lionel Groulx, Georges Vanier, Lucien L'Allier, Bonaventure, Square Victoria, Place d'Armes, Champ de Mars, Berri U-Quam, Sherbrooke, Mont Royal, Laurier, Rosemont, Beaubien, Jean Talon, Jarry, Cremazie, Sauvé, Henri Bourassa. Từ Côte Sainte Catherine đi ngược lại là các trạm Plamondon, Namur, De La Savane, Du Collège. Côte Vertu.

Ở đường màu xanh lá cây có các trạm: Angrignon, Monk, Jolicoeur, Verdun, De L'Église- La Salle, Charlevoix, Lionel Groulx, Atwater, Guy Concordia, Peel, McGill, Place Des Arts, Saint Laurent, Berri UQuam, Beaudry, Fontenac, Prefontaine, Joliette, Pie IX, Viau, Assomption, Cadillac, Langelier, Radisson, Honoré Beaugrand.

Ở đường màu xanh dương có các trạm: Snowdon, Côte des Neiges, Université de Montréal, Édouard Montpetit, Outremont, Acadie, Parc, De Castelnau, Jean Talon, Fabre, D'Iberville, Saint Michel.

Đường màu vàng khởi đầu từ Berri -UQuam đi dưới lòng sông Saint Laurent để đến Longueuil-Université de Sherbrooke.

Dĩ nhiên tôi phải mất nhiều tuần lễ mới lang thang hết những trạm này. Tôi cố tình ghi lại đầy đủ từng tên trạm, để giúp trí nhớ mình mai sau để hình dung khi hồi tưởng. Lẽ ra tôi còn

phải mô tả tỉ mỉ về bốn trạm có giao điểm các đường tàu, nhất là trạm Berri- UQuam, nơi có các siêu thị lớn nhất Montréal nằm vừa trên lẫn dưới mặt đất, nhưng như vậy có lẽ làm phiền bạn đọc nhiều quá.

Phương tiện *métro* được đông đảo thị dân sử dụng. Vào những giờ đến và tan sở đông nghẹt người. Không rõ có phải vì tâm trạng riêng, tôi cảm thấy buồn náo ruột khi nghe âm thanh khởi động di chuyển của con tàu. Tiếng u u rít lên rồi kéo dài da diết, và mất hút xa thẳm là những gì tôi không thể quên. Đã hơn 10 năm qua, tôi chưa bước nhờ lại đường tàu này, nhưng những âm thanh buồn bã kia vẫn như còn bên tai.

Ngồi không đi ra đi vào, đọc báo, viết thư, làm thơ...chiêm bao thường trực cả ngày, rồi quét nhà, giặt áo quần cho vợ... tôi mỗi ngày một đi xuống cuộc đời. Lý quyết định mua một máy may công nghiệp với ý định huấn luyện tôi...đạp những đường thẳng. Chiếc máy Juki, số 0287-02, model: DDL 5550 được mang từ cửa hàng Okio Enr. trên đường Saint Laurent về. Tôi nghiêm chỉnh ngồi vào, thử tới dợt lui. Đường may vòng vèo, đứt đoạn. Mũi kim suýt nhiều lần hỏi thăm sức khoẻ ngón tay. Chỉ ba ngày sau, cái máy may to lớn nặng nề, mới toanh, choáng một khoảng phòng khách, được cho xuống nghỉ ngơi ở nhà bếp. Tôi không phải là người vụng tay, nhưng không đủ kiên nhẫn ngồi tập một công việc mình không yêu thích. Cái nghề nho nhỏ của mình ngày trước đã không còn có điều kiện để học lại, để nuôi thân. Tôi bắt buộc phải dùng sức lao động bằng tay chân mình, nhưng vẫn chưa tìm được cơ hội.



Cộng đồng Việt Nam tại thành phố Montréal vào năm 2004 có khoảng 42.000 người. Là một sắc dân đến muộn nhưng sớm vững mạnh nhờ sự đoàn kết vì cùng một hoàn cảnh. Và trong một tâm nguyện chung, họ sớm thành lập Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Vùng Montréal. Bên cạnh tổ chức này còn rất nhiều hội đoàn chính trị và tôn giáo sinh hoạt rất tích cực, cụ thể có: Cộng đồng Công giáo Việt Nam tại Montréal, Thánh thất Cao Đài tại Montréal, Hội Tín hữu Cao Đài Montréal, Hội thánh Tin Lành Việt Nam, Hội Thánh Tin Lành Cơ Đốc Việt Nam,

Trung Tâm Phật học văn hoá và xã hội Huyền Không, Hội Phật Học Làng Cây Phong, Chùa Quan Âm, Chùa Tam Bảo, Chùa Liên Hoa, Chùa Thuyền Tôn, Tổ Đình Từ Quang, Hội Người Vượt Biển, Hội Cựu Quân Nhân, Hội Phụ Nữ Việt Nam, Hội Y Sĩ Việt Nam tại Canada, Hội Dược Sĩ Việt Nam, Hội Tuổi Vàng RỒNG VÀNG, Hội Cao Niên Thân Hữu, Trung Tâm Người Việt Cao Niên Montréal, Liên Hội Sinh Viên Việt Nam, Trung Tâm Văn Bút Việt Nam tại Québec, Liên đoàn Hướng Đạo Việt Nam... Mỗi năm những hội đoàn này thường phối hợp để tổ chức đón xuân bằng một hội chợ Tết rất đông vui tại một địa điểm rộng lớn trong thành phố.



Năm 1985, nhà cầm quyền Việt Nam ra quyết định số 121-CP về việc sửa đổi cách dùng âm lịch. Qua nghị định ngày 8 tháng 8 năm 1967 này, ngày Tết nguyên Đán năm Giáp Tý (1984) được cử hành tại Việt Nam vào ngày tháng 01 năm 1985. Chúng tôi đã có cơ hội đón Tết tại Sài Gòn trước khi đến Canada. Việc sửa đổi của chính phủ Việt Nam không được chấp nhận tại hải ngoại. Ngày Tết vẫn nhằm ngày 20 tháng 02 năm 1985. Cộng đồng người Việt tại Montréal đã khai mạc hội chợ



Tết vào Chủ nhật ngày 17 tháng 2 tại *Complex Desjardins*. Chúng tôi được biết như vậy, nhưng chưa tìm đến. Những buồn phiền lo lắng trước cuộc sống mới vẫn như một bức tường trước mặt.

Mùa đông đã đi qua. Những cành cây trụi đã bắt đầu có những nụ non. Và thật kỳ diệu chẳng bao lâu hầu hết cây cỏ trong thành phố đều hồi sinh xanh tốt, như chưa từng phải yên ngủ một giấc dài dưới tuyết lạnh. Trong niềm vui đối mùa của vạn vật, lòng tôi nhẹ nhàng hơn. Ngoài những lần cuối tuần theo vợ con đi chợ. Chúng tôi còn mon men đến thăm một vài siêu thị. Có lẽ khi đi xem những cơ sở thương mại rực rỡ này, chúng tôi rất đồng dạng với những quân nhân, cán bộ và một số dân chúng sống lâu năm tại miền Bắc Việt Nam, được vào tham quan miền Nam sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Giữa những phần chán khiếm nhường ấy, tôi chợt có một việc làm. Bà Nguyễn Thị Tâm, thân mẫu của Hoàng Thị Hồng, một thương gia buôn bán vàng bạc đá quý, nổi tiếng một thời ở Đà Nẵng, giới thiệu tôi vào làm tại một cửa hiệu làm nữ trang. Tôi bắt đầu bước vào nghề mới đầu tháng 6 năm 1985. Tiệm làm kim hoàn không lớn lắm, chỉ gồm có ba phòng trên tầng 4 của một cao ốc, nằm trên đường Cathcart. Cửa vào chung ngõ ra Rlle Palace với một tượng đá, tiếp giáp với đường Sainte Catherine, một con đường sầm uất của thành phố Montréal.

Tiệm bắt đầu làm việc từ 9 giờ sáng, theo giờ mở cửa của các cơ sở thương mại, và nghỉ việc vào lúc 6 giờ chiều. Những điều kiện chung bắt buộc phải tuân theo: không được mang bất cứ món đồ nào đến nơi làm việc, kể cả các phần ăn, sách báo, bao bị...Giờ nghỉ trưa từ 12 giờ đến 1 giờ. Trong thời gian này, những người làm công đều phải ra khỏi sở, tụt tóc và tùy nghi ăn uống trong các tiệm trên đường Ste. Catherine. Quán ăn tôi thường chọn là McDonald's. Ít tháng sau các con tôi nghỉ hè, thường mang buổi ăn trưa đến. Cũng như nhiều người khác, tôi ngồi ăn trên bãi cỏ chung quanh chân tượng, hoặc bên ngoài khuôn viên một nhà thờ ở đó. Cả cao ốc này hình như đều kinh doanh vàng bạc đá quý, nên việc vào ra nơi làm việc cũng khá phức tạp. Có người đứng chờ mở đóng thang máy cho nhân viên. Ra khỏi thang máy đi trong hành lang có đặt *caméra* quan sát,

nhưng trước khi vào phải gõ cửa, xưng tên, cùng mã số để nhận điện.

Là một người chuyên về những con số, với máy đánh chữ, bàn giấy, tôi bắt đầu học nghề khá khó khăn. Chủ nhân là một người Ý, trên ba mươi tuổi, cởi mở, tử tế. Nhân viên của ông chừng 6 người kể cả tôi. Có một người Việt khác trong số này. Anh ta là thợ chính, rất trẻ, nhưng luôn tay bận rộn. Tan sở là biến ngay đề vào *job* khác, lái *taxi*. Tôi bắt đầu học cách cho thuốc vào các mối hàn, rồi tuần tự thực hành qua các công việc: hàn, dũa, đánh bóng, kéo vàng thành sợi, mài, đúc khuôn sáp, vẽ mẫu nhân đeo tay, chọn màu hạt trai cho hợp đôi. Trong các công việc này, tôi ngại nhất là công việc đánh bóng. Nhân, hoa tai...nói chung vật nào cũng nhỏ bé, manh manh, không thể mang găng tay để làm việc, nên phải chịu đựng sức nóng, bởi sự cọ xát khi đánh bóng. Tôi cũng có một vài lần hết hồn khi làm vệ sinh những vật dụng đắt tiền này. Do chưa kinh nghiệm, tôi mở vòi nước hơi mạnh, các món trang sức trong khay rửa bị văng ra, bị cuốn xuống đường nước thải. Rất may ở phía bên dưới đã được trang bị màn chắn để ngừa trường hợp này. Công việc tôi thích nhất là vẽ mẫu và làm khuôn từng kiểu nhân, kiểu hoa tai, những hình tượng để đeo theo sợi dây chuyền. Tôi không hiểu sao người chủ cho tôi làm công việc này, trong lúc những nhân viên khác, không ai mó tay vào.

Tiệm kim hoàn nằm ở khu phố thương mại chính, nên gần như ngày nào tôi cũng đi bộ vài đoạn phố, trong giờ ăn trưa hoặc khi thông thả ra về. Tôi vẫn chọn *métro* làm phương tiện đi, về. Thỉnh thoảng cũng nhảy lên xe buýt. Hệ thống xe buýt tại Montréal do công ty STCUM khai thác với trên vài ngàn chiếc buýt tân tiến. Bắt đầu phục vụ từ ngày 11.11.1919. Hiện tại có khoảng 3000 trạm dừng, (một số trạm có mái che, kính chắn gió ba mặt) trên khoảng 155 đường phục vụ ban ngày và 20 đường có phục vụ ban đêm. Vào giờ cao điểm (đến và tan sở) trung bình 5 phút có một chuyến ghé lại tại các trạm. Giá thẻ xe buýt dùng cho cả đường métro, mỗi tháng năm 1985 là 28\$, hiện nay đã tăng lên rất cao. Vé lẻ cho mỗi chuyến (dùng một lúc lên xuống nhiều trạm) hiện nay, 2006, là 2 đồng năm mươi xu. Có giá đặc biệt dùng cho học sinh từ 13 tuổi trở lên, nhưng chỉ được

sử dụng trong khoản thời gian: từ 31 tháng 10 đến 30 tháng 6 mỗi năm. Đi xe buýt rất thú vị trong những giờ công xưởng làm việc. Xe thưa khách, ngồi ngắm phố phường thoải mái. Tôi đã từng ngồi suốt những con đường dài mà không xuống trạm nào. Đường phố Montréal mãi đến nay, sau 21 năm, có rất nhiều nơi tôi chưa hề đi qua. Một số đường được mang tên các vị thánh, nhân vật lịch sử, hoặc những địa danh có tiếng trên thế giới. Montréal có khoảng 2207 con đường. Sau khi trở thành Đại Đô Thị Montréal tổng số đường lưu thông là 7148. Ngoài đường phố, xa lộ không lúc nào ngớt xe với tốc độ tối thiểu 60, tối đa 100 km/giờ. Tốc độ tối đa ít khi được tôn trọng, thường ở trên mức qui định này. Xa lộ Décarie, từ đông sang tây Montréal, được ví như là cái xương sống của thành phố. Từ xa lộ này sẽ dẫn đến các xa lộ 10, 13, 15, 20, 25, 40...và các đường liên tỉnh...

Trong thời gian đi làm, chúng tôi đã có một mùa hè thật đẹp. Chúng tôi đã thăm viếng, mua sắm tại các siêu thị bẻ thể, sang trọng, đương nhiên chỉ hạn chế trong những món hàng thích hợp, và vừa với túi tiền nho nhỏ của gia đình. Montréal có khoảng 105 siêu thị (shopping) vào năm 1990, Một số nơi chúng tôi đã đến: Plaza Côte Des Neiges, Rockland Center, Place Côte Vertu, Place Versailles, Alexis-Nihon, Bonaventure Place, Atwater Marché, Angrignon Carrefour, Angrignon Place, Eaton de Montréal Centre, Fleury Promenade, Jean Talon Marché, Mont Royal Plateau...(mỗi siêu thị có từ 200 đến trên 300 cửa hàng, ngoại trừ Eaton de Montréal có số cửa hàng nhiều hơn). Mùa hè năm 1985 chúng tôi còn chạm mặt đầu tiên với những con đường có tổ chức *vente trottoir* vào 4 ngày cuối tuần. Dù rất còn lớ ngớ, chúng tôi cũng không bỏ sót các con phố Saint Hubert, Jean Talon, Saint Laurent...Tại hè phố Saint Hubert, tôi đã mang về một lồng chim, một cặp chim yến phụng màu xanh lá cây. Đồng loại của những người bạn mới này, một thời rất thân thiết với tôi. Tôi đã từng xem chúng ve vãn nhau, làm tình, ấp trứng, nuôi con. Tôi biết khá rành về loại chim này, trong đầu có ý định sẽ nuôi chim để sinh lợi, nhưng rồi không thực hiện.

Tôi vẫn làm thơ khi thấy thích thú và đã liên lạc được với một số bạn văn cũ như Thái Tú Hạp, Chu Vương Miện tại Hoa Kỳ. Những người bạn mới cũng lần lượt ghi tên vào gia tài bè bạn của tôi. Trong số này chân tình nhất là nhà văn Tường Năng

Tiền. Qua tin của Thái Tú Hạp, tôi được nhà văn Mai Thảo chào đón trên báo Văn. Một số báo, tạp chí khác cũng loan tải, trong đó có tờ nhật báo lớn nhất của người Việt Nam tại hải ngoại, tờ Người Việt, số 482 ra ngày 7 tháng 7 năm 1985, cho tôi đứng kế với vài cây bút khác trong một bản tin:...

*“Nếu năm ngoái (1984) có Chu Vương Miện xuất hiện trên nhiều tờ báo tại miền Nam California với những bài thơ và một loạt bài viết về văn chương dân gian sau 75 ở Việt Nam. Thì đầu năm 1985, Nguyễn Xuân Hoàng đã sang Mỹ và định cư ở Đông Bắc gần Washington D.C. Và nhà thơ Luân Hoán đã sang được Montréal Canada..”.*

Các tạp chí và tác phẩm của bạn bè khắp nơi gửi cho ngày một nhiều. Sau vài bài thơ trên tạp chí Văn, tôi bắt đầu gửi thơ đăng trên một số tạp chí Việt ngữ tại nhiều quốc gia có người Việt sinh sống. Cuộc chơi văn nghệ quả thật đã mau chóng đỡ tôi đứng dậy nghiêm chỉnh. Nhờ báo chí, tôi dần dần liên lạc được nhiều người đã quen biết hoặc chưa bao giờ gặp mặt. Vài ba tòa soạn chuyên giúp đến những lá thư rất bất ngờ, trong đó có thư của Phùng Minh, người bạn thời Ngân hàng Việt Nam Thương Tín, của Scotte Jeanne, cô bạn cũ ở Đà Nẵng, của Nguyễn Văn Phúc cùng xóm Thuận Thành xa xưa, của Vân Tường, thời sư đoàn Bộ Binh...còn nữa, rất nhiều. Tôi vẫn còn giữ những lá thư quý giá của riêng tôi này.

Mùa hè đi qua, công việc của tôi cũng bất ngờ bị tạm ngưng. Ông chủ tiệm kim hoàn bảo tôi về chờ đến đợt hợp đồng mới sắp tới của ông. Không riêng tôi, có đến ba người tạm nghỉ trong đó có cả ông bạn người Việt, thợ giỏi. Mất việc nhưng tôi không buồn nhiều một phần nhờ cái hồ cá đã mang về từ Aqua Tropic gần đường Décarie. Chim, cá, cây cảnh cùng tivi màu, video 4-head với những Thần Y Đại Hiệp, Cô Gái Đồ Long...choán bớt một phần giờ trống. Thật ra tôi không ham xem phim Tàu lắm. Nhiều khi mở chỉ để cho có tiếng nói trong nhà. Giai đoạn này Chu Vương Miện rất chịu khó viết thư, dù thư nào cũng không quá mười dòng, chữ lãn quẩn, khó đọc. Cùng với thư, Chu Vương Miện thỉnh thoảng còn kẹp theo vài ba chục đô la, gọi là tiền tem thư hồi âm. Thường (tên thật của Miện), lâu

lâu còn gởi qua các tạp chí người lớn như Playboy, Penthouse...hoặc phim video như La chatte qui parle...

Một hôm tôi đang trả lời thư nhà văn Võ Phiến, về việc tiêu sử một số cây bút miền Trung, thì điện thoại reo. Bắt phone, rất bất ngờ gặp chủ hãng vợ tôi đang làm., và càng bất ngờ hơn được ông hỏi ý kiến có muốn đến làm cùng chỗ với bà xã không. Tôi trình bày khả năng sức khoẻ, chỉ hợp những công việc nhẹ. Ông *d'accord* và không để cho tôi suy nghĩ, ông thúc đến làm việc ngay.

Lý vô cùng ngạc nhiên khi thấy tôi đến sở. Và bật khóc khi tôi cho biết sẽ cùng làm việc tại đây. Vợ tôi không khóc vì mừng mà khóc vì thương một ông chồng, không quen chịu khổ phải làm một công việc vất vả. Những giọt nước mắt của Lý thấm thiết hơn những hơi thơ. Nhưng tôi chỉ biết ngậm ngùi.

Hơn nửa tháng sau Lý chọn một sở làm mới. Tôi xin nghỉ một buổi, đưa Lý đến xin việc. Lý trở thành một nhân viên hãng may Peerless từ đó đến bây giờ. Còn tôi bình thân với nghề lao động mới. “Đi Làm Cu Li Ở Đường Iberville”, “Nghề Nghiệp Mới” và nhiều bài khác được viết ngay trong những giờ làm việc tại đây.

Tôi cũng xin xác nhận rất thành thực: làm công việc chân tay, không chiếm hết thì giờ của việc làm thơ. Vừa làm những việc phải làm cho sở, tôi vừa suy nghĩ, viết nhiều câu trong đầu, rồi vội vã ghi lên trên một mẫu giấy không cần bình thường. Cứ thế thi tập “Ngơ Ngác Cõi Người” từ từ được đầy đủ, ở cái hãng rất tình nghĩa này. Bạn đồng nghiệp của tôi, có trắng có đen, có vàng trên 100 người. Trong số có một phu nhân cựu một trung tá sư đoàn 2 Bộ Binh, chị Hương, mẹ của hai nữ bác sĩ vào những năm sau.

*Vêtement Peerless*, khi Lý mới gia nhập nằm trên đường Saint Laurent, đoạn giao thông hai chiều, về sau hãng dọn về cơ sở riêng mới xây dựng tại số 8888 đại lộ Pie IX, với gần 4000 nhân viên đủ các sắc dân. Người Á châu chiếm hơn một nửa. Gia nhập vào đại gia đình này, Lý có thêm được nhiều bạn đồng nghiệp. Một trong số này là Phượng. Chị Phượng con nhà thơ Hồ Mộng Thiệp, một viên chức hành chánh cao cấp của Việt Nam Cộng Hòa, từng cư ngụ lâu dài tại Đà Nẵng. Chồng của chị là

Nhàn, em một người bạn học của tôi. Do gốc gác này chúng tôi sớm có những giao hảo tốt đẹp. Lúc bấy giờ, vợ chồng Phụng Nhàn đã tạo được một chiếc xe Ford Tempo, 4 cửa. Thịnh thoảng cuối tuần cả hai thường đến chỗ chúng tôi đi chơi đây đó. Qua cặp này chúng tôi còn được biết thêm vợ chồng Thịnh, làm chung sở với Nhàn, cũng có một chiếc xe cùng hiệu, cùng đời như thế, chỉ khác nhau màu xanh, đỏ. Vào một đêm, sau khi rời quán ăn, hai cặp Nhàn, Thịnh rủ chúng tôi ghé vào rạp Cléopatre trên đường Saint Laurent.

Chưa kịp chạm ghé ngồi, tôi đã hết hồn vì cả “cái giang sơn” người nữ đã chân dẫm trước mặt. Màn ảnh quá lớn, hình ảnh quá rõ đậm ra ngõ ngang. Chị Phụng có khả năng pha trò rất vui. Suốt thời gian tài tử diễn xuất, chị làm thắm chuyên âm rất ví von, thông minh. Một ông lão người da trắng chột lựng chững, tìm chỗ ngồi. Phụng nhận xét: “Ông già run run mà còn vào đây run run”... Đúng vậy, ông khách lớn tuổi vừa đi vừa run, không hiểu vì sao. Âm khí nặng nề quá chằng. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tôi có mặt trong một rạp chiếu phim dành cho trẻ em trên 21 tuổi. Những rạp *adult* này có khá nhiều trên các đường Sainte Catherine, St. Laurent...



Ngày 22 tháng 10 năm 1988, tất cả 6 người trong gia đình chúng tôi đều có quốc tịch Canada. Chúng tôi tham dự sát hạch, tuyên thệ, nhận thẻ công dân tại *Cour de la Citoyenneté* trên đại lộ Dorchester (ngày nay đổi thành René Lévesque) Để được nhập quốc tịch, qui định phải có một số điều kiện: thường trú ít nhất 3 năm, trong thời gian 4 năm vừa qua, tính trước ngày nộp đơn. Đủ 18 tuổi và biết Pháp ngữ hoặc Anh ngữ. Đơn xin vào quốc tịch phải đính kèm: thẻ thường trú, giấy thông hành vào Canada, khai sinh, hai tấm ảnh căn cước có một khoảng trắng phía dưới, 1/2".

Được trở thành công dân một nước chăm sóc đời sống mình là một niềm vui lớn. Chẳng thể nào không thấy vinh dự, khi được tham gia vào mọi sinh hoạt của xứ mình đang sống như người bản xứ, với quyền đi bầu, quyền tham gia trong guồng máy hành chánh của chính phủ, và được cấp thông hành của

Canada. Cũng chẳng thể nào xác nhận là mất cội nguồn khi có một quốc tịch mới, phù hợp với sinh hoạt hiện tại. Tôi, chúng tôi vui mừng được trở thành “điên”, (một âm sau của từ Canadien, được nói đùa trong đám người Việt) như nhiều người của các sắc tộc khác.

...  
*lòng mở ra ôm đời trở lại  
từng ngày trống rỗng đã qua mau  
dấu vì tui nhục hay hãnh diện  
giọt nước mắt tôi vẫn một màu...*  
(tuyên thế, LH)

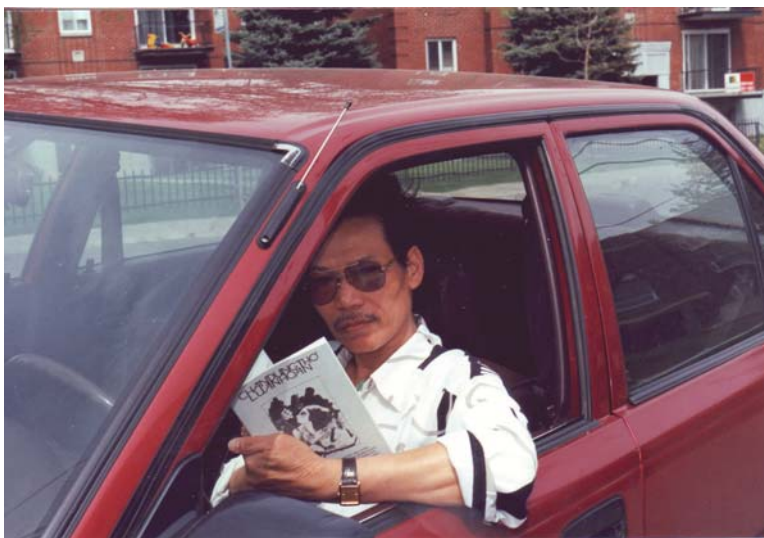
Cuộc đời của chúng tôi nhẹ nhàng ra rất nhiều sau khi đã có quốc tịch. Năm 1986, nhờ sự vận động của người bạn mới Tưởng Năng Tiến, tập “Hơi Thở Việt Nam” của tôi được xuất bản tại Hoa Kỳ. Sách được đứng tên xuất bản bởi Nhân Văn và Sông Thu. Nhân Văn bắt nguồn từ tạp chí cùng tên phát hành tại Hoa Kỳ. Sông Thu là cơ sở của vợ chồng Thái Tú Hạp, Ái Cầm. Bước sang năm 1989 thi phẩm “Ngơ Ngác Cõi Người” của tôi được các anh trong Nhân Văn, nhất là anh Lý Khánh Hồng, một người tôi chưa được quen biết, lo in và phát hành. Cũng năm 1989, Thái Tú Hạp in thêm cho tôi tập “Đưa Nhau Về Đến Đâu”. Tập thơ này, sau khi in xong, con gái đầu tôi, Lê Ngọc Hòa Bình, đang sang thăm một người di tại California, mang về Montréal 500 cuốn. Quan thuế phi trường Dorval tại Montréal đã giữ lại, buộc đóng thuế. Không có tiền nộp, tôi nhờ ty quan thuế tùy nghi giải quyết. Và họ đã giao ngay lại cho tôi, không thu đồng nào. Có thể họ nhìn nhân ảnh cặp vợ chồng in ở bìa sau thâm quá, không nỡ ném vào thùng rác.

Việc sinh hoạt thơ văn của tôi hoàn toàn là một trò chơi, tùy hứng. Tôi không có duyên với việc viết báo kiếm tiền. Chu Vương Miện đã lo cho tôi phần việc chủ biên văn học của tạp chí Sóng của nhà giáo Nguyễn Tăng Chương tại Toronto Canada, tôi đã đồng ý. Tạp chí của anh Chương đã để tên một vài kỳ. Anh đã thanh toán cho tôi một ít tiền. Nhưng sau đó tôi thấy khá bất tiện trong cái xa cách của người chăm việc với tòa soạn, nên tôi đã xin rút tên. Trên báo của anh Chương tôi có góp bài dưới các bút danh Luân Hoán, Cự Hải, Châu Hải Châu, Lý Phước Ninh một thời gian. Có lẽ trong tinh thần yêu mến văn nghệ và lòng tử tế,

anh Chương đã thanh toán cho tôi rất hậu, như là một giúp đỡ trong những năm đầu cho một người vừa được định cư.

Tiền thu vào ít, ăn tiêu và mua sắm không hề tiết kiệm, nhưng cuối cùng, năm 1989, chúng tôi cũng gắng sắm được phương tiện di chuyển. Có lẽ nhờ chịu khó co cụm dưới cái *sous sol*, giá thuê rất hạ, 310 đồng mỗi tháng bao cả sưởi và nước nóng.

Nhân viên hãng bán xe Ford trên đường Jean Talon mang đến tận chỗ tôi ở một chiếc Mustang màu đỏ, sáng choang. Tôi chạy thử một vòng, áy náy từ chối. Thật ra lúc bấy giờ xe nào tôi cũng thích cả. Nhưng Lý, không mấy mặn mà với nhãn hiệu Ford, nên tôi cũng chùi theo. Sờ dĩ có việc nhân viên bán xe mang đến tận chỗ ở người mua, vì em Hân tôi, đã gọi đến văn phòng bán xe với rất nhiều quyết tâm. Không chọn được xe Ford. Chúng tôi đến góc đường Décarie, Jean Talon và chằm một chiếc Chevrolet màu xám.



Trong hai năm trước, thỉnh thoảng chúng tôi cũng thuê xe chạy loanh quanh trong thành phố. Chrysler, Dodge, Nissan...đều có lái qua. Lòng ham muốn sắm xe đã quá mạnh. Chiếc Cavalier được đem về. Cả nhà bắt đầu bắt phở liền trong mấy buổi chiều. Hơn một tháng sau, Lý xin cho Bích vào hãng theo chương trình



học sinh làm thêm mùa hè. Tôi đưa hai mẹ con đến hãng trước khi đến sở của mình. Đi sớm, đường Jean Talon còn rất vắng, chạy thoải mái. Vừa lái vừa xoay lui dạn dò Bích vài điều trong lần đi làm đầu tiên. Khi quay lại, trước mặt tôi, sừng sững một cái mặt trời tròn lớn, vàng óng, tuyệt đẹp. Tôi ngắm mà không nhìn ra màu vàng của đèn giao thông đã hiện ra trước đó, khi xe qua giữa ngã tư Jean Talon, Fabre, âm một tiếng với màu đỏ ối trước mặt. Dù giữ vững tay lái, xe tôi cũng nằm ngang trên lề đường. Rất may chúng tôi không bị gì và không gây thương tích cho một số người đang đứng chờ xe buýt gần đó. Tuy hết hồn nhưng tôi rất bình tĩnh. Chiếc xe bị đánh giá “*perte total*”. Tôi bị trừ 3 điểm trong vòng hai năm, chịu mất 250 đồng, vì bị xem đã vượt đèn đỏ. (Theo luật định, người có bằng lái xe được cấp 12 điểm. Nếu trong vòng 2 năm số điểm bị trừ hết vì những vi phạm, bằng lái sẽ bị rút lại trong vòng ba tháng. Trong ba tháng này bắt buộc phải tham dự một lớp học liên quan đến lái xe. Những vi phạm phải trừ điểm bao gồm: Trừ 1 điểm, khi vượt xe khác bên phải sát lề; trừ 2 điểm, khi vượt xe khác bên trái một cách nguy hiểm hoặc khi không ngừng tại bảng *stop /arrêt*; trừ 3 điểm, khi vượt đèn đỏ; trừ 9 điểm, khi không dừng lại phía sau xe chờ học sinh đang dừng và có mở bảng *arrêt/ stop*, hoặc khi không làm tròn bốn phạt tài xế lúc xảy ra tai nạn. Việc trừ điểm chỉ tính trong vòng 2 năm, sau đó được cho lại đầy đủ 12 điểm)

Khoảng nửa tháng sau, tôi đi tìm mua xe mới. Chiếc Toyota Corolla màu đỏ sậm của hãng bán xe trên đường Fleury Montréal Nord chúng tôi rất ưng ý. Mọi thủ tục giấy tờ xong, hãng bán xe hẹn sau 2 tuần giao xe. Chờ đến quá 3 tuần, không có. Tôi nói cho chú em biết. Hân tức thì gọi điện thoại tìm quanh, và chiếc xe chúng tôi ưng ý có sẵn tại hàng Toyota Chasse. Chiếc xe Corolla mau chóng về với chúng tôi. Hãng bán cũ dọa kiện tôi bỏ hợp đồng. Nhưng chờ hoài không có giấy gọi tranh chấp. Thật ra lỗi về phần họ đã không tôn trọng cam kết giao xe đúng thời hạn. Nhưng tôi vẫn nơm nớp lo một thời gian.

Chiếc Corolla ngày nay vẫn còn ở với chúng tôi. 17 năm sinh hoạt liên tục dưới cái nóng lạnh của đất trời Montréal, người bạn đường của tôi đã già yếu lắm. Nhưng sức làm việc vẫn bèn nhậy, bền bỉ. Nhan sắc đương nhiên xuống cấp, nhưng nhờ sự tu bổ liên tục của chúng tôi, xem vẫn còn được mắt. Không riêng gì

nó, đồng đời của nó cũng còn hiện diện rất đông trong thành phố. Nhiều lần chúng tôi cũng muốn thay đổi, nhưng thấy tiếc, thấy thương chưa nữa. Nó vẫn đi đi về về với mình một cách chân tình, thông suốt. Một vài vết thương bất ngờ cứ chịu khó dán ít đô la vào đó là xong, chưa phải trả góp, chưa phải lo nhiều. Lý do nghe rất nguy hiểm, nhưng rất chân thật .



Ở Montréal chuyện kẻ trộm vào nhà rất ít, nhưng gia đình chúng tôi nằm trong cái thiểu số đó. Vào một buổi chiều thứ sáu. Tan sở từ 3 giờ. Tôi về đưa cả nhà đi *shop* Côte Vertu. Chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, chúng tôi bị khuân đi khá nhiều vật dụng. Hình ảnh những cảnh lục xét, tìm tài liệu, tang vật của xã hội đen trong phim Tàu, đang thực tế hiện ra trước mắt chúng tôi. Monsieur Delorme, *concierge*, được mời qua, Police đồn 31 được mời tới. Hồ sơ khai mất mang các số: No. d'événement: 31891124044, và No. de Police T803012 được lập, gửi đi. Một thời gian ngắn sau *Commis General Insurance Company* bồi hoàn cho chúng tôi gần đầy đủ. Thật hù hồn trước đó tôi đã dự định không mua tiếp bảo hiểm. Chuyện mua bảo hiểm vật dụng trong nhà đối với chúng tôi cũng rất hy hữu. Số tranh sơn mài chúng tôi mang qua được vợ chồng Hân Vân mau chóng bán hết, thêm vào đó ngân khoản tiền sữa của 4 con tôi góp vào. Tôi lại không biết uống cà phê, bia rượu, thuốc lá. (những thứ này tôi thường bị ép hưởng ké bạn bè khi họp mặt), do đó dần dần giúp chúng tôi mua sắm khá nhiều vật dụng tươm tất.

Chuyện mất trộm thúc đẩy ý định thay chỗ ở của chúng tôi. Hợp đồng thuê nhà thường ký giữa tôi và Mr. Davis Orzeck không còn được thực hiện. Căn áp số 7 dạng 5 ½, ở số 1535 trên đường Edouard Laurin (còn được gọi là đường MacDonald) thuộc Ville Saint Laurent (ngày nay đã sát nhập vào Montréal) được chúng tôi chọn. Lý đứng tên ký hợp đồng cùng chủ nhà Frank Bramos. Chúng tôi dọn đến chỗ cư ngụ mới đúng ngày 01 tháng 2 năm 1990. Tiền nhà trong 17 tháng đầu là 8.500 đồng, mỗi tháng trả 500, không bao sưởi, nước nóng. 12 tháng kế tiếp mỗi tháng tăng lên 20 đồng. Với giá này chúng tôi phải trả tiền nhà cao hơn rất nhiều, nhưng bù lại chỗ ở rộng rãi, mát mẻ hơn

hiều. Điện thoại chúng tôi dùng trong giai đoạn này mang số 514-956.7441. Tại chỗ ở mới tôi đã viết và hoàn tất thi phẩm: “Cảm Ôn Đất Đá Trổ Thơ - Lòng Ta Hạt Bụi Vu Vợ Bám Hoài”. Tác phẩm này, Vivi vẽ bìa, được người bạn cũ, Trương Văn Nghĩa, chủ nhà in Kinh Đô ở Houston, in vào năm 1991.

Hôn lễ của trường nữ tôi, Lê Ngọc Hòa Bình, cũng được trình gia tiên tại chỗ ở này. Chia vui bởi đồng đảo bằng hữu. Nhưng duyên tình của cháu không trọn vẹn.

Tôi xin được nói thêm vấn đề thuê nhà. Tại thành phố Montréal, không rõ từ bao giờ đã có nhiều khu xây cất nhà cho thuê. Tùy theo khu vực giá cả chênh lệch nhau khá nhiều. Theo lời khuyên của *Ministère des Communautés Culturelles et de L’Immigration*: Tất cả những phí khoản thuộc về nhà ở, bao gồm tiền thuê, bảo hiểm, điện dùng, điện thoại, sưởi ấm, không nên vượt quá 25 % hay 30% lợi tức (chưa trừ thuế). Sau khi chọn được nhà ưng ý, người thuê có thể điều đình với chủ nhà sửa đổi một vài điều kiện trong hợp đồng hoặc sửa chữa một vài chỗ nơi định thuê. Hợp đồng thuê nhà thường có thời hạn một năm, và đa số được bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 6 năm sau. Mẫu hợp đồng được soạn thảo giống nhau và được bộ *Ministère de la Justice* in sẵn. Chủ nhà và người thuê mỗi bên giữ một bản hợp đồng. Nếu muốn tăng tiền nhà vào năm sau, chủ nhà phải báo trước ít nhất ba tháng. Ngược lại, muốn ra đi, người thuê phải báo cho chủ nhà trước 3 tháng, tính đến ngày hết hợp đồng. Nếu chủ nhà tăng tiền thuê quá đáng, có thể thưa ở *Régie du Logement*, trong thời hạn 1 tháng sau khi nhận giấy báo đòi tăng tiền nhà. Do hợp đồng thuê nhà thường kết thúc vào ngày 31 tháng 6. Nên ngày 1 tháng 7, thành phố Montréal có nhiều khu thật rộn rịp. Sinh hoạt này được gọi là mùa dời nhà. Người cũ đi người mới tới nhưng vẫn trong một căn nhà chưa kịp tu sửa, nhưng đa số người thuê lại thích thay đổi, dù mỗi lần như vậy, rất tốn tiền, hao sức, mất thời gian. Trên một số đường phố vào mùa này ngổn ngang những vật dụng, còn tốt lẫn hư hỏng, nằm đợi xe hốt phế thải đến mấy ngày.

Tôi không có thú dọn nhà, nhưng vì vài điều kiện gia đình, chúng tôi phải chọn một chỗ mới. Ấp số 5 thuộc dạng 4 ½ mới được tân trang, nằm trên đường Barclay là chỗ cư ngụ của chúng

tôi kể từ 01 tháng 7 năm 1992. *Société d'Habitation de Développement de Montréal* ký hợp đồng với Lý. Giá nhà khởi đầu 380 đồng một tháng, không bao sưởi, nước nóng; được tăng lên 399 \$ trong các năm 1993-1994 rồi 407\$ trong năm 1996...cho đến năm 2002, phải trả 435\$. Chỗ ở mới giảm đi một phòng ngủ, nhưng gia đình chúng tôi đã có 3 cháu ra riêng, nên hai phòng ngủ cũng không chật cho hai vợ chồng và cậu út. Chúng tôi đã báo cùng bè bạn, cần liên lạc gọi về số điện thoại 514- 739.9039.

Một tin không vui, trước khi dời về Barclay, tôi đã tự xin nghỉ việc. Chán nản, lười biếng đã đưa tôi đến quyết định không sáng suốt này, dù có sự hỗ trợ ý kiến của Lý và bạn tôi, nhà văn Nguyễn Đông Ngạc. Tôi được hưởng tiền thất nghiệp một năm.

Hưởng qui chế thất nghiệp là quyền lợi đương nhiên của mỗi người sống, làm việc tại Canada. Tuy nhiên phải có lý do chính đáng và được chủ hãng xác nhận mới khỏi bị trừ bớt, hoặc từ chối cho hưởng trợ cấp thất nghiệp. Cá nhân tôi, đúng ra là nghỉ ngang, bất hợp lệ. Nhưng với tình cảm chủ hãng vẫn dành cho, cộng thêm giấy chứng nhận sức khỏe phải nghỉ ngơi vài tháng (mỗi bác sĩ không có quyền hạn đề nghị nghỉ dài hạn) của cả Nguyễn Ngọc Lang và bác sĩ Từ Uyên cấp, nên cuối cùng cũng suông sẻ.

Không hẳn vì “đất lành chim đậu” nhưng đã quá ngán dòi nhà, chúng tôi ăn ngủ tại cuối đường Barclay, bên cạnh những người Do Thái đến 10 năm.

Cuộc chơi văn học nghệ thuật của tôi vẫn trầm trầm. Tôi có thì giờ nhớ lại những người bạn văn đã được tiếp xúc quen biết lâu nay. Các bạn cư ngụ trong cùng thành phố lần lượt được gặp: Nhà thơ Đỗ Quý Toàn (Ngô Nhân Dụng của Người Việt Cali bây giờ), nhà thơ Hoàng Chiều Nhân, nhà văn Trương Bảo Sơn, nhà văn Lê Tấn Lộc, nhà thơ Bắc Phong, nhà thơ Lưu Nguyễn, nhà thơ Phạm Nhuận, nhà văn Song Thao, nhà văn Hồ Đình Nghiêm, nhà văn Nguyễn Đông Ngạc (+), nhà văn Trang Châu, Nhà nghiên cứu sử Nguyễn Khắc Ngữ (+), nhạc sĩ Lê Đình, nhạc sĩ Hoàng Phúc (+), họa sĩ Vivi, họa sĩ Nguyễn Tài, họa sĩ La Toàn Vinh, họa sĩ Diệp Chu Sẻ, họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn, nhà biên khảo Lê Hữu Mục, nhà văn Nguyễn Hữu Chung

(+), nhà văn Võ Kỳ Điền, nhà biên khảo Vũ Thiên Phúc, nhà thơ Hoàng Xuân Sơn, nhạc sĩ Hoàng Xuân Giang (+), nhà biên khảo Nguyễn Thị Sông Hương, bác sĩ Nguyễn Tấn Hồng, bác sĩ Nguyễn Ngọc Lang, nhà báo ,Trương Kỳ, nhà văn nữ QuỳnhMai nhà báo Vũ Ngọc Hiến, nhà báo Trịnh Viết Đức (Tin Nhà), nhà báo Lương Châu Phước, nhà thơ Khải Minh, nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân, nhà văn Nguyễn Minh Đức, nhà biên khảo, gs. Nguyễn Văn Trung, nhà thơ Vạn Giả, nhà biên khảo gs Tôn Thất Thiện...

Bạn ở thành phố láng giềng, cùng quốc gia: nhà thơ Nguyễn Hải Bình, nhà văn Hải Phong, nhà biên khảo Lạp Chúc Nguyễn Huy, nhà thơ Vũ Kiện (+), nhà thơ kiêm nhạc sĩ Phan Ni Tân, nhà thơ, nhà báo Nguyễn Nghĩa, nhà thơ Cung Vũ, nhà báo Nguyễn Hương, nhà văn Nam Dao, nhà văn Trà Lũ, họa sĩ điêu khắc gia Phạm Thế Trung, nhà thơ Phạm Đình Cường, nhà văn nữ Hoàng Du Thụy, nhà thơ Nguyễn Đức Bạt Ngân, nhà thơ Đỗ Quyên, nhà văn Hoàng Chính, nhà văn Nguyễn Quốc Trụ, nhà văn Nguyễn Văn Ba (+), nhà văn Nguyễn Ngọc Ngân...

Bạn hữu từ Hoa Kỳ đến Montréal: nhà văn Nguyễn Mộng Giác, nhà văn họa sĩ Khánh Trường, nhà thơ Chân Phương, nhà thơ Du Tử Lê, họa sĩ Đình Cường, nhà văn Phan Tấn Hải, nhà văn Mai Thảo (+), nhà thơ Trần Dạ Từ, nhà văn Trần Thy Nhã Ca, nhà văn Phạm Phú Minh, nhà báo Ái Cầm, nhạc sĩ Phạm Duy, nhạc sĩ Từ Công Phụng, nhà thơ Phan Xuân Sinh, nhà thơ Trần Trung Đạo, nhà văn Trần Doãn Nho, nhà thơ Phạm Nhã Dự, nhà thơ Hoa Vãn, nhà văn Lương Thư Trung, nhà văn nữ Thu Thủy, họa sĩ Nghiêu Đề (+), nhà thơ Giang, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, họa sĩ Võ Đình, họa sĩ Vũ Hối, nhà văn Trần Hoài Thư, nhà văn Lâm Chương, nhà thơ Đức Phổ, nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc, nhà văn Trần Long Hồ, nhà thơ Ngu Yên, nhà văn Mai Kim Ngọc, nhà thơ Tô Thùy Yên, nhà thơ Trần Mộng Tú, nhà thơ nữ Vi Khuê, họa sĩ Hồ Thành Đức, họa sĩ Bé Ký.

Bạn văn từ các quốc gia Âu châu ghé đến Montréal: nhà văn Phan Thị Trọng Tuyến, họa sĩ Thái Tuấn, nhà văn Kiệt Tấn, nhà thơ Thụy Khanh, nhà thơ Bích Xuân, nhà thơ Nguyễn Thùy,

nhà văn Ngô Nguyên Dũng, nhà thơ Dương Kiên, nhà văn Nguyễn Thị Vinh.

Những người từ Việt Nam sang: nhà văn Minh Quân, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, họa sĩ Trịnh Cung, nhà thơ Nguyễn Duy, nhà thơ Uyên Hà, nhạc sĩ Đoàn Chuẩn (+).

Dựa theo trí nhớ tôi liệt kê không phân biệt thứ tự nào chừng nấy quý nhân mà tôi đã hân hạnh được nhìn tận dung nhan, có thể được phép bắt tay nữa. Sự nêu danh như một khoe khoang, tôi thực hiện đúng câu : “Thấy sang bắt quàng làm họ”. Dù sao, ngồi nhớ viết ra là tôi đã có cái lợi tối thiểu: tiêu được một ít thời gian rảnh rỗi rồi. Lối tập thể dục trí nhớ này rất tốt, tôi nghiệm thấy vậy.

Cùng với việc nhớ quý danh, tôi còn hình dung ra những sinh hoạt văn học nghệ thuật đã qua tại Montréal, có tôi đứng kế một bên lề. Xin gọi nhớ cùng quý bạn:

Năm 1985: ra mắt Cát Vàng của Vi Khuê vào tháng 6.

Năm 1987 ra mắt Nước Đục của Nguyễn Ngọc Ngạn và Cỏ Biếc, thơ Cung Vũ, (ngày 18 tháng 4).

Năm 1990: ra mắt Thơ Bùi Giáng (ngày 31-8), Tri Âm thơ Lưu Nguyễn (ngày 17-10)

Năm 1991: ra mắt các tác phẩm: Thuyền Nhân của Mai Kim Ngọc,(ngày 8 tháng 2), toàn bộ biên khảo của Nguyễn Khắc Ngữ, Mùa Gặt Giữ Hư Vô thơ Dương Kiên (ngày 11-8), Người Đàn Bà Đi Bên Tôi của Nguyễn Ngọc Ngạn (ngày 16-11)

Năm 1992: ra mắt Chân Dung Thơ Luân Hoán (ngày 9-6), Thành Đô Gió Bụi truyện Nguyễn Văn Ba (ngày 11-7), Một Nỗi Buồn Riêng truyện Nguyễn Tấn Hưng (ngày 17-10), Buồn Xưa Bây Giờ thơ Thụy Khanh (ngày 01-8), thơ Hoa Sen Nguyễn Hữu Nhật (ngày 8-2),

Năm 1993: ra mắt Bỏ Chôn Mù Sương, truyện của Song Thao, và Ngày Qua Rất Vội thơ Lưu Nguyễn (ngày 22-5), Huế Buồn Chi thơ Hoàng Xuân Sơn (ngày 4-12),

Năm 1994: ra mắt Nhìn Nhau Chợt Thấy Ra Sông Núi thơ Du Tử Lê (ngày 14-5)

Năm 1995: ra mắt tuyển tập 20 Người Việt Tại Canada (ngày 20-5)

Năm 1996: ra mắt Ra Biển Gọi Thăm truyện của Trần Hoài Thư (ngày 29-6), Tuyển tập nhạc Lê Dinh (ngày 23-6).

Năm 1997: ra mắt Còn Đó Bóng Hình truyện Song Thao và Thơ Tình của Du Tử Lê (ngày 13-9).

Năm 1998: ra mắt Xóm Đạo truyện dài Nguyễn Ngọc Ngạn (ngày 15-11).

Năm 2000 ra mắt: Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại (nhóm Việt Thường, ngày 28-5), Di Thu truyện Trang Châu (ngày 12-11).

Đa số những cuộc ra mắt sách được tổ chức tại thánh đường của các trường đại học Montréal hoặc tại trung tâm sinh hoạt Á châu, thu hút rất đông bạn đọc. Tiếc thay, vào thời điểm tôi kể lể này chuyện ra mắt sách đã sa sút đi nhiều. Một số tác giả, cư dân của thành phố đã bỏ đi không về như: Nguyễn Khắc Ngữ, Nguyễn Đông Ngạc, Hoàng Phúc, Hoàng Xuân Giang. Một số khác chọn địa bàn sinh hoạt mới. Tôi, Trang Châu, Song Thao, Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Xuân Sơn.. còn lại rai. Trong sáu lão tướng này, Song Thao xuất chiêu độc đáo nhất. Ông họ Tạ vốn có nội công thâm hậu về chuyện đời, chuyện sách vở, cộng thêm cái dí dỏm, duyên dáng để xoay những trang truyện của mình thành những trang chuyện phiếm rất tế nhị, thông minh và linh hoạt. Tôi và một số bạn thơ văn khác được anh cho ăn ở ké trên suy nghĩ, dàn dựng từng mẩu chuyện rất nhân bản, rất khoa học. Phiếm của Song Thao đang là một món ăn rất mới, rất ngon cho nhiều người Việt ở khắp nơi. Chỉ trong năm 2005 anh gọi đến bạn đọc hai cuốn Phiếm gồm gần 800 trang chữ đầy những nụ cười tươi vui, thâm thúy. Không chỉ trích, không xuyên tạc, mỗi góc cạnh của đời sống được con mắt lạc quan ngắm nghĩa kỹ lưỡng rồi thở ra... những tiếng cười đơn giản. Anh đang giỡn, nhưng một trò đùa giỡn rất lý thú, thu hút mọi người, trong đó có tôi. Các bạn đừng lầm rằng vì có quen biết với anh mà tôi ba hoa. Mới đây thôi, nhà thơ Thành Tôn, một người chơi sách quý, đã tạm ngưng mua sách mấy năm, nay đã tìm mua Phiếm của Song Thao. Anh gọi tôi không ngớt lời khen. Dĩ nhiên còn khá nhiều lời thương thức khác được đăng trên một số tạp chí. Ông bạn Bắc Kỳ ngoan đạo của tôi quả là một cao thủ võ...phiếm. Thế nhưng chuyện trình diện hai đứa con Phiếm của anh lại được tổ chức tại một thành phố cách xa Montréal đến sáu giờ lái xe: Toronto !

Bên cạnh sinh hoạt ra mắt sách, triển lãm họa phẩm cũng rất được giới thưởng ngoạn đón nhận. Ngoài những cuộc triển lãm của các họa sĩ tốt nghiệp mỹ thuật tại Canada và cư trú ở Montréal như Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Tài, La Toàn Vinh, Diệp Chu Sẻ, còn có các phòng tranh tại *Les Jardins du Boisé Montréal* của Đinh Cường trong các ngày 28, 29 và 30 tháng 9 năm 1991, và của họa sĩ Võ Đình ngày 27-6 năm 1992. Cuộc bày tranh của Đinh Cường rất thành công cả nghệ thuật lẫn tài chánh, cuộc triển lãm của Võ Đình, bắt nguồn cho một “con bão trong tách trà” vì những tị hiềm, nguy tạo sự khác biệt quan điểm chính trị để gây rối.

Sinh hoạt báo chí tại Montréal không hẳn yếu kém như nhiều người nhận định. Khuyết điểm, theo tôi nằm ở vấn đề phát hành. Trước thời điểm chúng tôi có mặt tại Montréal, thành phố này đã có nhiều tờ Việt ngữ gây được tiếng vang trong cộng đồng, cụ thể như:

Tạp chí Dân Quyền, một tờ báo mang tiếng nói của một nhóm người còn nồng nàn tâm huyết trong trách nhiệm tự nguyện: tranh đấu cho quyền làm người. Tờ báo được đặt trong tay điều hành của ông Trần Hà Việt, và dưới sự chăm sóc nội dung của ông Trương Trí Vũ. Bên cạnh hai nồng cốt ấy, là những kẻ đồng lòng tích cực, như quý ông Trương Trọng Quý, Đinh Vũ, Nguyễn Hải Bằng, Huỳnh Kim Anh...Sô ra mắt của Dân Quyền rơi vào tháng 3 năm 1978, mang tầm vóc 22x28 cm, giấy vàng, bìa trắng tốt in một màu. Tranh bìa đa số là hình ảnh quê hương. Nhờ vào cơ chữ nhỏ, trong 42 trang thường chứa được: lá thư tòa soạn, thời sự trong tháng, tin khắp nơi, kiến thức và kinh nghiệm, điểm sách, sinh hoạt hải ngoại, phần văn học với thơ, truyện, tùy bút, thư tín bạn đọc, ... Lòng cùng với chữ nghĩa là những hí họa hoặc những hình ảnh liên quan đến nội dung. Nhờ vào tầm vóc kiến thức của các bài viết, tờ báo đã rủ rê được nhiều tay bút thành danh từ trước năm 1975, góp bài như Trùng Dương, Nguyễn Văn Sâm, Vi Khuê... Công sức đáng ghi nhận nhất của Dân Quyền, là trong hơn một trăm số báo, kéo dài gần mười hai năm, Dân Quyền đã đem đến cho gia tài văn chương Việt nam thêm nhiều cây bút có thực tài, trong số đó có thể kể: nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, nhà văn Võ Kỳ Điền, nhà



thơ Bắc Phong, nhà thơ Vũ Kiện, ... Và nhiều người khác, tuy khởi nghiệp văn thơ trước năm 1975, nhưng qua Dân Quyền, mới thật sự tiến vững mạnh, và được tin tưởng đón nhận: Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đức Bạt Ngàn...Hộp thư liên lạc với nguyệt san Dân Quyền lúc bấy giờ: Boite Postale 415 Station Snowdon, Montréal P.Q H3X 3T6 Canada. Giá bán mỗi số *Can* \$2.25. Có sẵn trong tay hơn 500 độc giả dài hạn, nhưng Dân Quyền, bất thần đình bản, thật là một tổn thất cho làng báo Việt ngữ hải ngoại. Sau khi đến Montréal, tôi có tìm thăm tòa soạn, rất tiếc, tìm không ra.

Đổi lập chính trị với Dân Quyền là Đất Mới. Tạp chí này là hậu thân của tờ Avant-Garde, do một nhóm sinh viên du học trước 1975 thiên tả thành lập. Tạp chí Đất Mới được điều hành bởi tổng biên tập Lương Châu Phước. Ngoài một số cộng tác viên ở hải ngoại, còn có những cây bút tại quốc nội đóng góp bài vở như Nguyễn Khắc Viện, Trần Quốc Vượng, Thanh Thảo, Nguyễn Quang Sáng, ... Báo phát hành số đầu tiên vào năm 1980 và kết thúc vào năm 1988 vì tranh chấp nội bộ. Sự tranh chấp gần như đã đẻ ra hai hội “Việt Kiều Yêu Nước”, với hai tờ báo khác nhau:

Ông Lương Châu Phước điều hành một cơ sở ngôn luận tên "Người Việt". Tên báo còn được đổi lại là: "Diễn Đàn Người Việt" . Ấn bản cuối cùng vào năm 1992.

Ông Vĩnh Anh, cựu thư ký tòa soạn Đất Việt dựng lên tờ Đất Mới, đặt địa chỉ tại đường Berri. Ngoài những cây bút khuynh tả tại hải ngoại, còn có một số cộng tác viên từ trong nước, quen tên như Sơn Nam, Hà Huy Hà, Vũ Hạnh, Phạm Thiên Thư, Nguyễn Xuân Oánh...Hoạt động từ 1980 đến 1991.

Tạp chí Năng Mới: Khởi đầu là những bản tin, gồm 18 trang in ronéo, biếu không từ năm 1980. Năm 1981 tăng lên 44 trang thành đặc san Vượt Biển. Những cây bút cộng tác có Lưu Nguyễn, Lê Nghĩa, Hồng Nguyên, Trầm Nguyên...Năm 1982, tăng trang và in bằng typo. Báo đã công bố một số người đại diện: Vũ Ngọc Hiến (Montréal), Nguyễn Thành Danh (Ottawa), Nguyễn Huy Tâm (Toronto). Những người viết mới : Nguyễn Minh, Bình Ca, Mạc Vũ, Nguyễn Kỳ Tú, Gác Ga, Võ Văn Quân...Mùa xuân năm Mậu Thìn, 1988 Vượt Biển đổi tên thành

Năng Mới, một tên gọi nhẹ nhàng và giàu tính chất văn nghệ hơn. Số 1 của Năng Mới gồm hai tháng 2 và 3- 1988. Số lượng người viết có thêm: Trình Chung, Bình Minh, Trung Hiếu, Trần Tiêu, Nam Hà, Nguyễn Việt Phục, Trần Văn Hội, Đại Ngu, Hồ Mộng Thiệp, Phương Việt, Hoài Nam, Thiên Phúc, Song Hát, Lê thị Bạch Nga, Nguyễn Bá Tứ, Nguyễn Thanh, Sông Trà...

Tuy nhiều cải tiến, tăng cường, nhưng Năng Mới chưa phải là một tạp chí vượt khỏi địa phương, trong tinh thần văn học nghệ thuật. Rất may, với quyết tâm của một số người chủ trương trẻ, Năng Mới được bước thêm một giai đoạn nữa. Lần này, báo có chủ nhiệm Nguyễn Đăng, chủ bút Vũ Ngọc Hiến và một ban chủ trương gồm: Lưu Nguyễn, Lê Quang Xuân, Biên Cương, Đỗ An. Các nhà văn Song Thao, Hồ Đình Nghiêm, Trang Châu, và tôi đóng góp ý kiến, bài vở cho Năng Mới rất tích cực. Những cây bút thành danh khắp nơi cũng gửi bài rất đông. Trên trang báo đã có những tên tuổi: Hồ Trường An, Phan Ni Tấn, Vũ Kiện, Võ Kỳ Điền, Hoàng Xuân Sơn, Thái Tú Hạp, Nguyễn Tấn Hưng, Hoàng Lộc, Hoàng Chính, Nguyễn Văn Ba, Phan Tấn Hải, Kiệt Tấn, Hứa Hoàn, Trần Hoài Thư, Lê Tấn Lộc, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Song Hồ, Xuân Vũ, Nguyễn Đức Lập, Phạm Nhuận, Phạm Thăng, Nguyễn Hữu Nhật, Thụy Khanh.

Năng Mới đã là một tạp chí được đón nhận tại nhiều quốc gia có người Việt sinh sống. Tiếc thay tuổi thọ của tạp chí đang lên này, vội kết thúc vào năm 1994, sau khi gắng trở mình một lần nữa: ra khổ lớn và thất bại. Có lẽ điều kiện tài chánh đã buộc những người có lòng phải xuôi tay.

Nói về báo chí tại Montréal, không thể bỏ sót những, các nguyệt san có sức sống lâu bền, kéo dài đến hiện nay:

Nguyệt san Nghệ Thuật, do nhạc sĩ Lê Dinh chủ trương, đã qui tụ được một ban biên tập gồm nhiều nhạc sĩ góp bài như Lê Mộng Bảo, Lê Mộng Nguyên, Trịnh Hưng, Lê Minh Bằng, Linh Phương...cộng với một số cây bút thuộc nhiều bộ môn khác: Hà Kỳ Lam, Nguyễn Bá Đình, Hồ Đắc Vũ, Lê Thái, Bích Xuân, Ngọc Thủy, Thủy Trang, Trọng Minh, La Toàn Vinh ... Phần mỹ thuật và minh họa do ViVi phụ trách. Phần kỹ thuật được đặt dưới sự chăm sóc của Lê Duy, con trai nhạc sĩ Lê Dinh.

Nghệ Thuật bắt đầu phát hành tại Montréal từ tháng 6 năm 1994, là một bán nguyệt san, bìa 2 màu, giấy trắng. Sau 3 tháng, báo được chuyển thành nguyệt san với khuôn mặt mới: bìa offset láng; giấy trang ruột, đúng tiêu chuẩn in báo. Tính đến nay (11-2000), Nghệ Thuật đã ấn hành được 80 số, khổ 22x28, từ 88 đến 100 trang. Mặc dù không thấy nêu rõ chủ trương, đường lối, nhưng qua nội dung những số báo đã phát hành, điều dễ nhận ra nhất, đây là tờ báo nghiêng nhiều về phía những nghệ sĩ trình diễn, cùng giới nhạc sĩ. Hướng đi của người chủ trương, dồn vào những tiêu điểm: 1/ phổ biến tác phẩm của các tác giả đã thành danh. 2/ giúp bạn đọc tìm hiểu thêm về sự sinh hoạt cùng đời sống riêng của những tài danh âm nhạc Việt nam. 3/ khám phá và giới thiệu, những năng khiếu trẻ trong nhiều lãnh vực nghệ thuật.



Tuy là một tờ báo thương mại nhưng không đặt nặng vấn đề kinh doanh, nên dù giá sinh hoạt gia tăng, sau 7 năm, độc giả vẫn chỉ phải mất 2 Gia Kim để có một số báo. Nguyên vọng của người chủ trương đơn giản một cách nghệ sĩ: phục vụ hết mình cho nghệ thuật, cho bạn đọc. Hy vọng với tinh thần này, Nguyệt san Nghệ Thuật không những ăn ở dài dài với nhiều gia đình Việt Nam tại Montréal, mà còn lang thang đến nhiều quốc gia có lời ca tiếng hát Việt Nam vang vọng.

Nguyệt san Thăm Mỹ là một tờ báo dành riêng cho giới sinh hoạt điện ảnh, thời trang và ca nhạc. Trong khoảng 80 trang báo với khổ giấy 21,5 x 28, chứa đựng tất cả những gì liên quan đến giới nghệ sĩ trình diễn, từ cuộc đời, tâm sự, hình ảnh đến mọi chuyện bên lề. Báo Thăm Mỹ không chỉ là phần đất dành giới thiệu những danh tài ca nhạc, cải lương, thoại kịch của Việt Nam, trong và ngoài nước; báo còn dành nhiều trang viết về những tài danh thế giới, nhất là Hồng Kông, Đài Loan.

Đây là báo duy nhất tại Montréal, không có bóng dáng chính trị trong mọi câu chữ, hình ảnh. Cũng không có mọi loại tin thời sự của đời thường. Phát hành số đầu tiên vào tháng 12 năm 1994; được sáng lập và quản lý bởi nhạc sĩ Phạm Mạnh Cương, một tác giả thành danh từ trước năm 1975, và là cựu giáo sư Triết tại Sài Gòn.

Báo Thăm Mỹ, có lẽ không có ban biên tập. Ngoài nhạc sĩ Phạm Mạnh Cương, chỉ thấy công bố hai người cộng tác đặc biệt là: Trường Kỳ (tác giả nhiều tuyển tập nghệ sĩ), và tử vi gia Thiên Phúc. Báo phát hàng ngày đầu mỗi tháng, hiện vẫn còn bày bán tại quán sách việt ngữ Trung Việt.

Tạp chí Đi Tới, sau buổi gặp mặt của một số cây bút, gồm có Đỗ Quý Toàn, Hồ Đình Nghiêm, Luân Hoán, Trang Châu, Song Thao, Lưu Nguyễn, Nguyễn Minh Đức...tại tư gia ông Đoàn Minh Hóa (Montréal Nord), số ra mắt tạp chí Đi Tới được phát hành vào tháng 4 năm 1994, dưới sự điều hành toàn diện của ông chủ báo Đoàn Minh Hóa. Đến số 16, tháng 8 năm 1995, ban điều hành được công bố: Chủ nhiệm, Chủ bút: Đoàn Minh Hoá. Tổng thư ký: Lê Quốc Uy. Chủ biên văn nghệ: Nguyễn Minh Đức. Chủ biên kỹ thuật: Nguyễn Tài. Trong số 24 bộ mới tháng 8 năm 1999, ban điều hành được thay đổi: Chủ nhiệm:

Đoàn Minh Quân. Chủ bút: Đoàn Minh Hóa. Tổng thư ký: Lê Quốc Uy. Và trên mặt bìa báo ghi rõ chủ trương: Dân tộc - Nhân Bản - Khai phóng. Bìa báo cũng đã loại bỏ phần quảng cáo, để in những tác phẩm hội họa hoặc nhiếp ảnh của một số tác giả quen thuộc.

Sau bữa tiệc được ông Đoàn Minh Hóa mời tại nhà hàng Hương Quê, trên đường Saint Laurent để kỷ niệm một năm hoạt động, tôi và hầu hết các bạn đã có mặt trong những ngày đầu của tờ báo xem như đã hoàn tất việc hỗ trợ tinh thần và lời dẫn việc góp bài. Đi Tới vẫn còn tiếp tục đi tới.

Một cơ sở thông tin lẽ ra vững mạnh nhất nhưng lại rất mệt mỏi, đó là tờ Quốc Gia do chính Cộng đồng Người Việt vùng Montréal chủ trương. Hiện nay có lẽ vẫn còn sinh hoạt cầm chừng.

Những nhắc nhở trên gần như rất đầy đủ những sinh hoạt mà tôi được tham dự. Nhưng cũng chỉ có tính cách kỷ niệm, không là một bản thống kết chung.

Bằng hữu là một phần đời của tôi. Có bạn, tôi cảm thấy những sinh hoạt của mình có vẻ vững mạnh, chắc chắn hơn, dù chẳng mấy ai được đọc trước bài viết của tôi khi chưa phổ biến trên tạp chí. Sau những cuộc họp mặt văn nghệ, tinh thần thường trở nên nhẹ nhàng, vui vẻ hơn. Thời đầu tiên mới đến Montréal, tôi thường tích cực có mặt trong những cuộc gặp gỡ như thế. Tư gia nhà thơ Đỗ Quý Toàn, có lẽ là nơi tôi được đến đầu tiên. Anh chị Đỗ Quyên (lấy theo họ chồng, sau khi đến Canada), Đỗ Quý Toàn là những Phật tử ngoan đạo, học trò của thầy Thích Nhật Hạnh. Nhà của họ có một phòng rộng rãi thường dành cho việc ngồi thiền. Tuy tiện nghi đơn giản, nhưng rất thích hợp cho những cuộc họp mặt. Lần đầu tôi đến, trên thân thể, còn mang theo đầy đủ hương vị của quê nhà. Tôi được chiêm ngưỡng dung nhan những vị khách của anh chị Toàn gồm những chức sắc, một thời vang danh như bác sĩ Nguyễn Tấn Hồng, cựu Tổng trưởng bộ Thanh niên VNCH, giáo sư Tôn Thất Thiện, cựu dân biểu VNCH Nguyễn Hữu Chung, Tiến sĩ Nguyễn Hải Bình, Tổng Giám Đốc Quan Thuế VNCH, cha đẻ của “kinh tế kiệt ược”, nhà giáo Hoàng Chiêu Nhân, bác sĩ Nguyễn Ngọc Lang,...và những cây bút thứ thiệt: nhà văn Nguyễn Đông Ngạc cùng cô vợ

trẻ ca sĩ Nguyễn Ngọc, nhà văn Võ Kỳ Điền, nhà thơ Hoàng Xuân Sơn, nhà thơ Bắc Phong, nhà thơ Lưu Nguyễn, nhạc sĩ Hoàng Phúc cùng cô vợ ca sĩ Kim Tuấn... Trong lần gặp mặt này, món quà tôi ra mắt là tập Hơi Thở Việt Nam, vừa mới được hoàn tất từ Hoa Kỳ, 1986, gói qua. Cũng trong lần họp mặt này, anh Đỗ Quý Toàn đưa ra chuyện thành lập Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại chi nhánh Canada, lần đầu tiên tại xứ sở Lá Phong. Lúc bấy giờ nhà thơ Trang Châu chưa có sự quen biết với anh Toàn, và cũng chưa tham gia một hội đoàn nào, ngoài trường đua ngựa. Những ngày hôm sau, tôi đã điện thoại đến anh Châu (dù chưa gặp bao giờ) rủ anh vào Văn Bút. Anh Trang Châu không hào hứng lắm, nhưng rồi anh và tôi cùng tham gia vào Văn Bút. Anh Trang Châu sinh hoạt rất tích cực cho Văn Bút Việt Nam, anh từng giữ chức Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Canada một nhiệm kỳ (không phải danh xưng hiện nay tại Toronto, chỉ dành cho một trung tâm Ontario). Và hiện nay anh vẫn là chủ tịch Văn Bút VN Trung tâm Québec liên tiếp nhiều nhiệm kỳ và có lẽ còn dài dài. Khác với anh Châu, tôi đã lặng lẽ bỏ cuộc chơi sau nhiệm kỳ của nhà thơ Viên Linh. Nhà thơ Đỗ Quý Toàn hình như còn nhanh chân hơn tôi.

Tại nhà anh chị Toàn, tôi còn được có mặt trong các lần: đón nhạc sĩ Phạm Duy, đón giáo sư nhạc sĩ Trần Văn Khê; đón họa sĩ Thái Tuấn, thưởng thức những tác phẩm sơn dầu tuyệt hảo được triển lãm đơn giản trong phòng khách lớn của anh chị Toàn; đón nhà văn Ngô Nguyên Dũng, để cùng ngồi khuya lác khuya lơ trong vườn sau nhà anh Toàn với đàn muỗi chung đụng thân mật, lần này anh em văn nghệ sĩ đông vui lắm, có cả Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Song Thao, Lê Quang Xuân...

Một tư thất khác, ở ngay lề đường có những quán cà phê “rất Sài Gòn” Saint Denis, là tư gia nhà thơ Phạm Nhuận. Căn dưới sát mặt đường, Phạm Nhuận cho người Ý thuê, mở quán ăn. Lâu một, tổ ấm của Nhuận cùng Thơ, một giai nhân, cự tiếp viên hàng không Canada, có giọng nói Pháp ngữ tuyệt vời. Lâu hai, dành họp mặt bè bạn, biết yêu thích thơ văn, biết nốc mọi loại Rémy Martin (XO Grand Cognac, Précieuse, Barcelet Tennis, Spectaculaire, Fleure de Diamond, Accord Royal 1738 Cognac...). Tôi là người chỉ biết cho mọi chất men ngấm đầu lưỡi, nhưng cũng thường được gọi đến để ra mắt các văn nhân,

hào kiệt gốc Mít ở khắp thế giới ghé đến Montréal. Đông lắm, không dám nhắc ai, vì ngại vô tình bỏ sót.

Ngoài Đỗ Quý Toàn, Phạm Nhuận, bạn tôi đều là những người hiếu khách, quý bạn nên rất nhiều lần tôi được dùng những bữa cơm thịnh soạn tại nhà các anh chị Song Thao, Lưu Nguyễn, Nguyễn Đông Ngạc, Nguyễn Minh Đức, Lê Quang Xuân, Trang Châu, Hoàng Xuân Sơn, Hoàng Chiêu Nhân, Đường Minh Hoàng, Hoàng Phúc, Trịnh Việt Đức, Đoàn Minh Hóa, Nguyễn Ngọc Lang, Dương Quốc Chính, Lê Tấn Lộc, Khải Minh... Tôi còn sang tuốt Hoa Kỳ để được nuôi ăn từ các anh chị Trần Hoài Thư, Vĩnh Điện, Phan Xuân Sinh, Dư Mỹ, Đinh Cường. Ở Toronto tôi có vợ chồng nhà thơ Phan Ni Tấn, ở Ottawa tôi có vợ chồng Lưu Trọng Hồ (trong thân tộc của nhà thơ Lưu Trọng Lư) là những anh chị dành cho cả gia đình chúng tôi những tiếp đón ân cần trong rất nhiều lần tôi có dịp ghé thăm.

Bạn bè đôi khi xử với mình hết lòng như thế, nên một đôi khi gia đình tôi cũng hân tiếp đón bạn, không phải để trả lễ, mà để chỗ ở khiêm nhường của mình có dịp chứng minh “rông cũng đến nhà tôm”. Quan hệ bạn bè tuyệt vời như vậy nhưng một đôi khi tôi cũng không thật lòng. Đó là những lần từ chối được gọi họp mặt, uống cà phê, ăn sáng. Trong những lần như thế, nếu không thấy hứng, thì thường viện lý do “đau đầu, nhức chân, sổ mũi, ho hen” để từ chối. Lại một điều, nhiều lần giả bệnh như vậy, chỉ sau một ngày, tôi ngã ra bệnh thật. Tôi có thói xấu là ưa than thở. Mấy từ “mệt quá” bèn rẽ xanh cây trên cặp môi tôi từ bao giờ. Những quán cóc chúng tôi thường ngồi đa số là quán cà phê: MMM, trên đường Darlington. Al VanHoutte trên đường Côte des Neiges hoặc tại các quán Harvey’s, McDonald’s. Phở Hòa, Phở Bằng, Phở Liên, Phở Bắc... cũng có nhưng thường là để...no bụng. Tôi học được ở các bạn tôi nhiều điều khôn và nhờ họ tôi tham dự vào những thưởng ngoạn nghệ thuật sống thật, viết những câu thơ có thêm mùi vị lạ:

*“Đôi cao cổ tía gọng gàng, con chim mở mắt làng quàng  
muốn bay, đầu trần trụi-đứng-loay hoay, mùi hương phấn cỏ ứa  
đầy môi hoa, nguyệt đong đưa ánh nhạt nhòa, rìng trâm bông  
nói điệu ca huê tình, ta ngồi giữa cõi u minh, rượu thay thơ tự  
đãi mình cảm chân, thềm đi khắp cõi phong trần, thánh thi chạm*

*mặt quá gần mà xa, ta-hình tượng Phật-tâm ma, nghĩa là ta vẫn là ta muôn đời, lặng yên ngắm núi, ngắm đồi, mừng da thịt mãi sống đời thanh xuân”.*

Những lần ngồi với Nguyễn Minh Đức, Song Thao, Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn... tại những sàn nhảy tươi mát trên đường St. Catherine cũng phải được kể là những lần thư giãn có hiệu quả tốt. Một vài ngum bia, một ít đường nét gợi mở, không làm chúng tôi manh nha một tà ý nào. Trái lại những nét nghệ thuật được chiêm nghiệm một cách thiết thực và trang trọng hơn. Năm họa sĩ Trịnh Cung sang Hoa Kỳ có ghé thăm Montréal, anh em chúng tôi có chiêu đãi anh một đêm ngồi ở *Solid Gold* trên đường Saint Laurent. Với con mắt giàu thẩm mỹ, ông họa sĩ đã mô tả rất thú vị “cái cõi đặt tay vào” của nhà văn Mai Thảo. Tôi tin tôi không thua kém anh bạn Thương Nguyệt này bao nhiêu, về cái khoản thưởng ngoạn và mô tả. Mong đừng xem những thành thật này là dỡ hơi. “Cuối ngựa xem hoa” có lẽ vẫn hơn những mượng tượng.

Những sân khấu vũ khỏa thân tại Montréal rất nhiều, được mở công khai tại nhiều khu dân cư. Qui mô nhất là chung quanh Ngã Tư Quốc Tế (giao điểm của hai đường Sainte Catherine và Saint Laurent). Những sàn nhảy lộng lẫy nhất ở khu này có thể kể: 888 (St.Catherine), Chez Parée (Stanley), Club Super Sex (Ste. Catherine)... Bạn cũng có thể có cơ hội “trả thù dân tộc” nếu chịu khó lạng quạng ở Ngã Tư Quốc Tế. Có một số người Mỹ cho rằng Montréal là thành phố du lịch và sinh lý. Một số người khác xem Montréal là một Bangkok của Thái Lan, có lẽ họ dựa vào những hình thức quảng cáo thân thể khỏa thân bằng ánh đèn đủ màu, lấp lánh thường trực ngày đêm trên một số đường phố sầm uất. Cùng những cửa hiệu rộng lớn chuyên bán dụng cụ về sinh lý, và phim cấp ba một cách công khai.

Cuộc chơi chữ nghĩa đã có phần hơi buồn, tôi đâm ra sưu tầm những ca khúc, những giọng ca. Ngày ngày tôi nghe nhạc, phân loại, chọn thu vào video. Ý Lan, Khánh Hà, Vũ Khanh, Lê Thu, Khánh Ly, Sĩ Phú, Elvis Phương, Ngọc Lan, Ánh Tuyết...ngoài những giọng ca tuyệt vời của âm nhạc Việt Nam đó, tôi không bỏ sót những Duy Khánh, Duy Quang, Thanh Lan, Như Quỳnh, Hương Lan, Thùy Dương, Trần Thái Hòa, Diễm



Liên, Mỹ Tâm... Gộp riêng từng giọng hát. Dồn chung từng chủ đề. Chọn những ca khúc ưa thích...Ngoài âm nhạc tôi còn sưu tập những phóng sự du lịch, tỉ mỉ phân chia từng vùng địa lý, từng quốc gia. Phim người chưa đủ, tôi “tự biên tự diễn”, lang thang đây đó quay phim cảnh sắc của Montréal. Không công viên nào tôi không tới. Không con thác nào tôi không nhìn. Dĩ nhiên tôi còn quá chân đến các thành phố lân cận: Québec, Granby, Lachine, Laval, Longueuil, Sherbrooke, Trois Rivieres, Sept-Iles, Belleville, Ottawa, Toronto, Niagara, Mississauga...Tôi còn cù rử đám con đê bện gót qua phần đất Cờ Hoa: New York, Washington DC, Virginia, Atlantic, Vermont, Boston, New Jersey, Baltimore...

Thời tiết ở Montréal một đôi khi làm khó dễ sức khoẻ của tôi. Nhưng không vì vậy, mà tôi không thích hợp với vùng đất có thể nhận diện một cách rõ ràng bốn mùa: Xuân (từ 21 tháng 3 đến 21 tháng 6), Hạ (từ 21-6 đến 21-9), Thu (từ 21-9 đến 21-12), Đông (từ 21-12 đến 21-3). Đầu xuân trời vẫn còn khá lạnh. Nhưng một cái lạnh đủ để cây cỏ vươn mình xanh tốt. Vào thu, Montréal và các vùng phụ cận trở thành một bức tranh tuyệt vời, hàng trăm sắc lá chen nhau, rực rỡ đẹp để chuẩn bị một cuộc chia tay. Mùa đông, đại diện chính là tuyết cũng sẽ đem lại cho con người nhiều thú vị trong sự lạnh lẽo. Tôi không thể ghi hết những vui thú do từng mùa mang lại, bởi nhiều cuộc chơi tôi không có khả năng trực tiếp tham dự. Mùa hè là mùa tôi yêu thích nhất, dù cái nóng nhiều lúc cũng rất kinh khủng. Hàng ngàn loại hoa đua nhau nói lên tiếng nói riêng của mình bằng màu sắc, bằng hương thơm. Hoa ở khắp mọi nơi. Trong nhà, chung quanh vườn rào, ngoài cổng ngõ, ngoài đường phố, trong quây hàng, trong siêu thị...Những chương trình âm nhạc quốc tế với nhiều quốc gia tham dự trình diễn suốt mùa hè tại nhiều nơi trên các đường phố sầm uất. Cửa trung tâm vui chơi La Ronde đã mở với hàng trăm trò chơi thu hút du khách thế giới cùng thị dân địa phương. Cuộc thi bắn pháo hoa với nhiều nước tham dự diễn ra trong vòng nửa tháng vào các đêm thứ tư và thứ bảy. Mỗi lần thi tài kéo dài trên dưới ba giờ. Nhưng những sinh hoạt tuyệt vời trên, không phải là điểm chính, tiêu phí nhiều thời gian tốt đẹp nhất trong năm của tôi. Mùa hè đã giúp tôi sang thăm nhiều thành phố, bãi tắm, sông bạc ở nước người láng giềng Hoa Kỳ.

Dù có kéo máy vài lần ở casino Atlantic (USA), cũng chỉ để nghe thử tiếng bạc cắc rơi có giống những tiếng rơi tại sông bạc Montréal trên đảo Sainte Hélène. Dù có thòng tay vốc một ngum nước biển ở bãi tắm Wildwood Beach, hay Virginia Beach, tôi cũng không bỏ được mắc cỡ...cởi chân ra để vọc nước. Mùa hè cũng là mùa mang tôi đến thăm những con thú được nuôi dưỡng ở các sở thú lớn nhỏ của Montréal: Zoo de Safari, Granby Zoo, Biôdome de Montréal...Và thật khó quên những góc bờ sông Papineau. Chẳng phải vì vụng trộm hôn ai ở những điểm gió mát, vắng xe này đâu nhé. Thẻ câu cá đã mua, mọi dụng cụ đã sẵn, tôi vẫn thường làm một ngư ông tài tử. Gia đình chúng tôi đã từng đi đến những vùng rất xa để hưởng thú vui này, Rawdan, Long Saut và nhất là Carillon. Tại Carillon, chúng tôi thuê thuyền nhỏ ra giữa dòng, hoặc lên một bờ đập thủy điện. Cá ở đây quá nhiều. Những con cá bạc trắng dài bằng nửa cánh tay, mập đầy hơn một bàn tay, được kéo lên khỏi mặt nước trong từng phút. Chẳng bao lâu những bao đựng rác nhựa đen lớn không còn chỗ chứa. Một buổi câu tài tử một lần có thể đem về trên ba trăm con là thường. Gia đình chúng tôi ít khi ăn cá, phải tìm người mang đến cho. Nạn nhân của sự lãnh quạ bắt buộc này là một vài bạn hữu quen thân. Có một lần Bách tham dự . Sau một lúc nhìn những con cá vừa được đưa lên bờ nằm ngáp. Bách nói con cá đang khóc và thả nó xuống dòng sông. Sau hôm đó chúng tôi không trở lại Carillon. Có một số người Việt Nam đến câu cá ở đây để làm thực phẩm. Đi câu cá để vui chơi nhưng tôi cũng suýt mất mạng một lần. Hôm đó, buổi chiều, tôi đang thay mỗi câu, Lý lạng quang đi ngang, vướng cần, ngã kéo theo dây cước. Lưỡi câu cắm sâu vào ngón tay tôi. Không biết cách nào lấy ra vì mắc cái ngạnh, tôi nhắm mắt giật mạnh. Lưỡi câu văng ra cùng máu. Trong cái đau xé da, tôi bất tỉnh. Nhờ cù là Tiger Balm, dầu gió xanh, Lý và các con giúp tôi hóc hác tỉnh dậy như vừa qua một trận ốm.

Chuyện đi đây đi đó vui chơi, nhất là đi du lịch của tôi thật ra chỉ bằng một phần mười của anh bạn Song Thao. Tôi thấy vợ chồng anh ngao du mà thèm. Du lịch như anh mới ra du lịch, còn tôi giống như đánh du kích, thò thụt, tiến thối mau lẹ. Cái thú tôi tìm thấy thường nằm trên đường đi hơn là điểm đến. Chính vì thế không ít lần tôi cao hứng lái xe chạy vòng Montréal từ Bắc sang

Tây, Hoặc vô cớ lên phi trường rồi chạy trở về. Không phải tôi đi tìm thơ, không phải tôi đi tìm một người đẹp. Tôi chỉ đi khan vậy thôi. Ngắm đường, ngắm phố, ngắm người, ngắm xe, ngắm cây cỏ...mọi thứ đang diễn ra, và từng khắc khác biệt nhau. Dĩ nhiên sách vẫn đọc, thư viện vẫn thỉnh thoảng ghé và thơ thì vẫn có sẵn trong da thịt.

Trong thời ở Barclay, tôi cho tái bản được: Rượu Hồng Đã Rót, Viên Đạn Cho Người Yêu Dầu, in thêm được Cỏ Hoa Gối Đầu, Sông Núi Cùng Người Thơm Ngát Thơ. Tôi vẫn sống thư thả, thong dong dù chỉ dựa vào một đầu lương của vợ. Không ít người nghĩ rằng tôi được hưởng một trợ cấp nào đó của chính phủ với “cái thương tật trời cho” của mình. Nhiều người phao tin vịt, nhiều người bày khôn, Lý không thể không xúi dục tôi làm đơn xin trợ cấp. Để vui lòng bà Tú Xương mới, như các bạn tôi gọi đùa, tôi nộp đơn. Kết quả vui vẻ như thế này, từ Centre de Côte des Neiges, đưa lại ngày 22 tháng 12 năm 1992:

*“Nous vous informons que votre demande d'aide financière est refusée à compter du 92-12-16, parce que vos revenus ou ceux de votre famille sont supérieurs au barèmes prévus par la loi sur sécurité de revenu.  
Ce revenu gagné par votre épouse est suffisant ”*



Ngày 21 tháng 9 năm 1996, là một ngày vui của gia đình chúng tôi. Đây là ngày cử hành hôn lễ của con gái thứ Lê Ngọc Thạch Bích và Nguyễn Minh Dũng, con trai thứ của ông bà Nguyễn Gỏi. Chỗ ở Barclay không được đủ rộng, chúng tôi mượn đỡ chỗ ở của Hân và Hải Đường làm địa điểm cho hai cháu trình diện ông bà. Dĩ nhiên có đầy đủ lư hương, chân đèn, tượng Phật và chân dung cha mẹ chúng tôi, cùng hoa trái... Có thể nói không ngoa, vợ chồng chúng tôi thuộc loại ngờ nghếch nhất trong mọi nghi lễ thiêng liêng. Những người bạn thân thiết của tôi lại phải đến, đứng kèm bên cạnh, góp tay góp lời. Chúng tôi một lần nữa xin gởi lời cảm tạ đến: anh chị Hoàng Xuân Sơn Quách Kim Lân, anh chị Tạ Trung Sơn (Song Thao) Lê Thị Diệu Hương, anh chị Nguyễn Thế Nghiệp (Luu Nguyễn), hai em Dương Quốc Chính-Liên . Cũng như mọi cuộc thành hôn khác

của người Việt tại Montréal, ngày trọng đại của một đôi uyên ương thường được diễn ra trong dịp cuối tuần, thứ bảy hoặc chủ



nhật. Trong ngày, ngoài cử hành hôn lễ, gia đình hai bên có thể đi thăm vườn hoa *Jardin Botanique*, hoặc một danh lam thắng cảnh nào đó trong thành phố để chụp ảnh, quay phim lưu niệm. Buổi tối là dạ tiệc, thường khoản đãi tại các nhà hàng ăn lớn của người Trung Hoa. Không mấy có nhà hàng Việt Nam tại Montréal khai thác dịch vụ này.

Đêm dạ tiệc của Bích - Dũng tổ chức tại nhà hàng Bill Wong trên đường Décarie. Dù bạn bè chúng tôi không nhiều, nhưng khách được mời của hai họ khá đông. Ngoài một số bạn văn tại Montréal đến chúc mừng chúng tôi có rề mới, chúng tôi thật vui mừng trước sự hiện diện quý báu của các bạn từ phương xa đến. Ở Hoa Kỳ : nhà thơ Tô Thùy Yên, nhà văn Trần Hoài Thư và phu nhân; từ Toronto nhà thơ Phạm Đình Cường, nhạc sĩ, nhà thơ Phan Ni Tấn cùng phu nhân và cháu Phan Kim Lân ; từ Việt Nam: anh chị bác sĩ thẩm mỹ Dương Đình Hùng. (Anh Hùng sau khi trở về Việt Nam, có cho in trên báo Thanh Niên số 22(1436) ra ngày Chủ nhật 07-2-1999, một bút ký, có nhắc:... “Đám cưới được tổ chức trên lầu một của một nhà hàng Tàu.

*Anh L.H là thi sĩ nên thực khách hôm đó khá nhiều những người trong giới viết văn, làm thơ, làm báo...nơi đây. Từ nhà thơ T.T.Y bên Mỹ bay qua, bác sĩ Trang Châu có một thời làm chủ tịch hội Văn Bút hải ngoại, thi sĩ P.N.T cũng từ Toronto lên dự...Vài người tôi biết mặt, quen tên trong các tạp chí, giờ mới có dịp gặp..”-trang 14).*

Dĩ nhiên tôi cũng không quên bạn bè khắp nơi chia vui qua báo chí, hoặc những tấm thiệp mừng xinh xắn của Thái Tú Hạp, Thành Tôn, Đình Cường, Lưu Trọng Hồ...Kinh ngạc nhất



lời chúc của Nguyễn Dũng Tiến, tác giả Lính Đánh Thuê, Vàng Đen và cũng là ông chủ cơ sở chim cây hoa cá Mimosa Nursery từ East Los Angeles CA gửi qua. Trong phong thư có những mảnh vàng đen hiện thành chữ số khá nặng. Minh Dũng và Thạch Bích đã cho chúng tôi hai cháu ngoại: Nina, và William. Nina đã được 5 tuổi, xinh xinh, có trí nhớ tốt. Tuy hơn thiếu bạo dạn nhưng luôn luôn nhanh nhẹn đưa tay xin nói trong lớp mẫu giáo. William, được ba má gọi là “thằng bọm”, lười ngủ hơi gầy, nhưng cứng cáp đã có thể đi được một đoạn xa, và rất thích trèo cầu thang. Ngay lúc tôi đang gõ những dòng này, Bích Dũng đang làm lễ cúng tròn một năm tuổi cho cháu, hôm nay là 06 tháng 02, ngày cháu ra đời, cùng tại bệnh viện với chị Nina, *Hôpital Saint Justine*.

Nỗi ưu tư lớn nhất của bà xã tôi là ông thân sinh còn ở Việt Nam. Biết không đủ khả năng để tạo điều kiện bảo lãnh đoàn tụ, chúng tôi xoay qua xin cho ông cụ qua thăm con cháu một chuyến. Ba chúng tôi xuống phi trường Dorval đêm 28 tháng 12 năm 1996. Sự vui vẻ khỏe mạnh của ông là một món quà lớn ông đã mang qua cho chúng tôi. Suốt trong 6 tháng ông vui chơi cùng con cháu, chúng tôi đưa ông thăm viếng nhiều nơi trong thành phố, Thủ đô Ottawa, các thành phố Toronto, Mississauga, Québec...Thác, đồi, công viên, sở thú...Nói chung những nơi nào chúng tôi từng vui chơi đều đưa ông đến. Ba của chúng tôi cũng có cơ hội tham dự hội chợ Tết người Việt tổ chức tại *Complex Desjardin*. Ông hết sức hân hoan ngồi vào những hàng ghế gần sân khấu. Ông theo dõi tỉ mỉ lễ dâng hương và cũng không bỏ sót những màn trình diễn văn nghệ nào kể cả những tiết mục của các cộng đồng bạn đóng góp. Ông vui mừng được gặp bè bạn của tôi, cười nói cười mở. Ông cũng được xem lễ quốc khánh của Québec, lễ quốc khánh của Canada. Ngồi bên đường Sherbrooke, xem những chiếc xe hoa trang trí lộng lẫy, cùng những hàng người cờ hoa rước lễ, mặt ông rạng rỡ như vui mừng cho chính tổ quốc ông. Có lẽ ông sung sướng hân hoan trước sự tự do thanh bình của một dân tộc. Tình bạn ở thế hệ nào cũng rất đẹp. Ba chúng tôi đã hết sức vui mừng khi gặp lại ông Hoàng Đình Giáo, một công chức ngân khố Đà Nẵng, hiện sống tại Ottawa. Hai ông cùng một tuổi, từng sống chung một xóm, cùng có chung nhiều vui buồn. Ngày nay mỗi người một cảnh đời, như tôi tin họ vẫn rất hiểu và gần nhau. Hai ông cụ bây giờ cũng đã rù nhau rong chơi một cõi khác. Sự xa cách của hai vùng trời đất chắc không còn cản trở những tâm hồn tri kỷ.

Chúng tôi có thêm một lần vui đưa con vu qui. Hôn lễ của Lê Ngọc Hòa Bình và Hồ Đắc Chính diễn ra âm áp trong căn nhà đường Barclay. Mọi tình *internet* đã có kết quả tốt đẹp. Gia đình chú rể ở tận Idaho Hoa Kỳ, chỉ có cha mẹ theo qua rước dâu, nên chúng tôi tiến hành lễ trong đơn giản. Một tiệc mừng không quá đông, được gặp gỡ tại nhà hàng Furama, phố Tàu. Những khuôn mặt chia vui, không ai xa lạ hơn những cặp Nguyễn Ngọc Lang, Song Thao, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Quốc Tường, Lưu Nguyễn, Lê Hân, Phan Ni Tấn...Hòa Bình là đứa con có số sống xa gia đình. Thời ở Việt Nam, chúng tôi sống tại Đà Nẵng, thì

cháu sống cùng chị tôi ở 22 Lê Lợi Sài Gòn, theo học Lê Quý Đôn, bây giờ khăn gói theo chồng sang Mỹ quốc. Chính người gốc Nha Trang, như Minh Dũng, thành đạt khả quan trong học vấn, hai cháu đã mua đất xây nhà ở một vùng mà chúng tôi không thích lắm, vì không ít tuyệt hơn Montréal bao nhiêu. Bình và Chính cũng cho chúng tôi một cậu cháu ngoại hết sức kháu khỉnh. Mấy ngày nữa Vincent HoLe cũng mừng sinh nhật năm lên 4 (11 tháng 2). Thằng bé có trí nhớ rất tuyệt, và bạo dạn vô cùng. Thích vẽ vôi dù mới đi vườn trẻ, cu cậu cũng đã dám chê bà ngoại qua điện thoại “ bà ngoại nói tiếng Việt, con nói tiếng Mỹ bà có hiểu đâu”. Trong ba mùa hè vừa qua cháu đều theo ba má về Montréal, một quê ngoại hờ của cháu (Hoà Bình vẫn giữa quốc tịch Canada)



Giữa tháng 10 năm 2002, vợ chồng con gái thứ của tôi dự định mua nhà. Tôi và Lý có tháp tùng đi thăm các khu nhà mới xây. Tôi nổi chứng tùy hứng...một hai xúi vợ mua nhà khi gặp một cái “*maison de ville en rangé*” (Cottage) vừa ý. Căn nhà mang số 11351 ở đường Armand Lavergne, vùng Montréal Nord. Đôi vợ chồng đã không tiếc gì tình nghĩa của nhau, còn tha thiết gì ngôi nhà một tuổi đời nên treo bán bán với giá phải chăng. Lý luôn luôn bị động trước những ý kiến của tôi. Hơn nữa

cô nghĩ đến hai cậu con trai chưa nên thân, muốn có sẵn một cái gì đó cho con, nên dễ dàng thực hiện cái thích bốc đồng của tôi. Chúng tôi trở thành những người mắc nợ vào cuối năm 2002.

Nhà mới chỗ ngồi mới, không in được tập thơ nào, dù không thiếu những bài mới viết. Cái trò sưu tập tiểu sử tác giả Việt Nam đã phung phí thời gian của tôi quá nhiều. Anh bạn nhà văn Nguyễn Sao Mai, từng in Cỏ Hoa Gối Đầu, không ngại in tiếp Tác Giả Việt Nam. Cùng lúc đó Lê Hân cũng cho in cuốn thứ hai của nhiều tác giả viết về tôi: Luân Hoán - Một Đời Thơ, sau Chân Dung Thơ Luân Hoán in từ thời ở Ville St. Laurent.

Đã nhắc về chuyện này chuyện kia, nhưng chưa nhắc đến cái chủ yếu làm nên mọi sự là sức khỏe. Tôi xin ngắn gọn: sau hai năm định cư tại Canada, tôi bị chứng khó thở về mùa đông. Tôi tự khai với bác sĩ là bị bệnh suyễn và được xác nhận như vậy. Tôi được cho toa mua những thứ thuốc cần thiết. *Ventolin, Flovent, SereVent...* Thật ra tôi không dùng thuốc thường xuyên, và không dùng nhiều. Tôi không hề bị khô khè như những người mắc chứng bệnh này. Tôi thường có sự khó thở khi bị nhiễm bệnh cúm. Cái bệnh dễ ghét này năm nào cũng điễm danh tôi một vài lần nhất là tháng 2 dương lịch. Tôi đã hai lần vào bệnh viện Hôpital Jewish General (3755 Côte St. Catherine), Một ngày ở Hôpital Général de Montreal (1650 Cédar), 5 ngày ở Hôpital Santa Cabrini (5655 St.Zotique Est) 1 lần.

Lần vào Hôpital Santa Cabrini trong tháng 2 năm 2005 làm tôi đâm tức giận chính mình. Nguyên nhân: quá lo sợ trong phòng vệ: uống *Advid-Liqui-Gels* ngừa nhức chân (trời động) uống *Tylenol-extra-fort* ngừa bệnh cúm, dù đã chích trước đó, uống *Ativan-Img* để ngủ, khỏi nghĩ đến chuyện có thể cúm, bơm cả *Ventolin* để nở cuống cổ. Kết quả: chân tay run, đầu choáng váng. Xe cấp cứu chở đến bệnh viện, những triệu chứng trên biến hết, chùng như những con vi trùng trong cơ thể tôi, sợ chích kim, sợ lấy máu đào tẩu cả. Tôi đã có thể làm thơ, hoặc làm gì cũng được, nhưng lại phải nằm lại nhà thương lâu nhất, đến 5 ngày.

Trong suốt năm đêm, tôi chỉ chấp chờn vì sợ...ma. Ma qui hư thực tôi không dám bàn, nhưng điều này khá lạ. Đêm đầu



tiên, trong lúc lim dim tôi gặp được anh Nguyễn Hữu Chung, nhà văn, cựu dân biểu quốc hội VNCH. Anh Chung đã qua đời trước đó không lâu. Tôi có đến vĩnh biệt anh khi anh nằm trong quan tài. Đêm đó giữa một đám bạn ngoài công viên, tôi chợt thấy anh Chung đang mừng rỡ và vồn vã, dang rộng hai tay, tiến đến ôm tôi, và nói: ‘mừng quá gặp “tôi” ở đây’. Cũng ngay lúc anh khẹp vòng tay, tôi đánh rơi cái điện thoại di động, vội vã cúi xuống nhặt, làm cho anh Chung ôm hụt, mất đà té xuống đất. Tôi giật mình thức dậy. Mãi mấy phút sau tôi mới nhớ ra anh Chung đã chết. Tự nhiên toàn thân nổi da gà. Rõ ràng anh Chung muốn đón tôi đến cõi mới.

Những đêm kế tiếp, đêm nào tôi cũng cảm thấy có người đang quan sát mình. Có đến ba lần tôi mở mắt và thấy một người đàn bà, không mặc đồ y tá, đứng im nhìn mình. Thân thể tôi cứng đờ, cặp mắt chết sững, nhưng chỉ vài phút, tôi thấy người đàn bà lặng lẽ ra cửa. Chẳng thể là người lạ định tìm lấy một món gì. Tôi không có gì đáng lấy. Dù chong đèn suốt đêm vẫn không bớt sợ. Không biết một câu kinh nào rành rẽ, ngoài mấy câu: “Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam mô A Di Đà Phật, Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát”, tôi lẩm nhẩm trong miệng, trong khi mắt vẫn ngược lên nhìn tượng Chúa được treo cao trên tường, đối diện chỗ tôi nằm.

Phòng bệnh rất rộng nhưng chỉ để một giường quay, bàn ăn có bánh xe, tủ đầu giường và một số dụng cụ y học được để sẵn. Cửa sổ phòng chiếm trọn một bức tường, toàn bằng kính trong suốt, có màn kéo rất mỹ thuật. Hai chiếc ghế bành loại một chỗ ngồi đặt ở hai đầu chiều rộng cửa sổ. Ban ngày tôi kéo rộng màn cửa nhìn xuống sân bệnh viện, nhìn đường xe chạy và những ngôi nhà bên kia. Sự sống vẫn bình thản diễn ra trước mắt tôi. Chẳng ai cần biết rất nhiều người đang phiền não, đau đớn, chờ chết trong bệnh viện này. Tôi chợt tìm thấy xác một con ruồi. Vịn vào tử thi một sinh vật quen thuộc, tôi nghĩ ngay trong đầu những câu thơ. Không có tờ giấy nào mang theo. Tôi vào phòng vệ sinh, lấy vài tờ giấy chùi tay, ghi tạm. Sợ thất lạc, tôi gọi nhà văn Song Thao, đọc cho anh ấy chép và nhờ chuyển đến tạp chí Thế Kỷ 21. Đây cũng là một tùy hứng bốc đồng của tôi. Trong bài viết này, chưa có nhiều trích đoạn thơ, xin chép bài “Gặp Con Ruồi Chết Trong Bệnh Viện Santa Cabrini”

*lại được vào nằm chơi trong bệnh viện  
qua ngày thứ hai chùng sắp tà tà  
nằm bịch nước truyền vào, rút ra mười ống máu  
hai cánh tay gân ngán ngảm thờ ra*

*nằm không, mỏi, lưng mòn, vai lực bực  
đay đi quanh cho thư giãn thân kinh  
bệnh viện Ý đậm đà màu sắc Ý  
giữa phòng treo thánh giá, Chúa lim dim*

*đến cửa sổ áp má vào mặt kính  
nắng tươi non nhờ tuyết rửa hôm qua  
từ lâu năm nhìn xuống đường xe chạy  
thèm ỏi thèm sức khoẻ sắp chia xa*

*chợt ước có một ống dòm loại xịn  
nhìn dãy nhà nhiều cửa kính bên kia  
chắc sẽ gặp vài Thúy Kiều chải tóc  
khoe gáy thơm, hay còn hơn nữa kia*

*bỗng khựng lại ngay dưới tầm tay vịn  
một con ruồi, tuyệt quá, rất Việt Nam  
đen, nhỏ thó, chết vẫn còn nghịch ngợm  
nằm giữa dương chân, râu vểnh hiên ngang*

*con ruồi nhỏ vào đây trước ta, đã hẳn  
thèm nắng trong hay thích sống tự do  
tại sao chết âm thầm bên cửa sổ  
thân nhân đâu, quê quán tận nơi nào ?*

*ngậm ngùi ngó con ruồi, buồn một chặp  
quay lại giường nằm ngắm Chúa bao dung  
quyết chẳng nghĩ, chẳng suy tư gì nữa cả  
sống chết hồn nhiên đến phút cuối cùng*

(11-02-2005 - Thế Kỷ 21 # 191 March 2005)

Chuyện ruồi đem đến cho tôi một nghi vấn nữa. Ngay chiều hôm đó, tan sở, Lý ghé vào. Năm nói chuyện nhưng mắt nhìn trần nhà, tôi bắt gặp it ra là ba anh ruồi nữa. Một con đậu

hai con bay quanh bóng đèn. Tôi chỉ Lý nhìn, nhưng chỉ vài phút sau cả ba con ruồi đều biến mất. Không rõ chúng ẩn vào đâu. Trần nhà bằng phẳng, đèn chôn sâu trong nèn trần, kính che ngoài, tiếp sát, không một kẽ hở. Ruồi thật hay cũng chỉ là những bóng ma ? Con người có linh hồn. Loài vật khác chẳng lẽ không ? Tôi rờ rợn nghi ngại, bần khoản.

Tôi đã phải nằm viện hơi lâu, có thể vì lý do: bảo hiểm trả tiền phòng cho tôi, thay vì tôi khỏi thanh toán gì cả, và nằm trong một phòng nhỏ hơn, chung đụng hơn. Nhưng lý do cụ thể cầm chân tôi: bác sĩ điều trị, sau khi chẩn bệnh lần đầu đã không hề ghé lại. Những bác sĩ khác một mực bảo tôi chờ vị bác sĩ đã chẩn bệnh. Chiều thứ bảy hôm đó, nếu không có Lý vào và tìm ra người thầy thuốc “đăng trí”, chắc tôi còn phải thêm mấy đêm mất ngủ nữa .



Mùa hè năm 2005, con trai tôi, Lê Ngọc Quốc Bảo về Việt Nam cưới vợ. Con dâu chúng tôi, Nguyệt Lan, ở tận Kiên Giang. Chị Hòa, con bà cô và dì Lan của cháu lo việc hôn lễ tốt đẹp. Chúng tôi đã lo xong mọi thủ tục hồ sơ, Lan chỉ còn đợi nhận *visa* nhập cảnh, gọi từ Singapore là lên đường. Hôm về Sài Gòn, Bảo có mang về được vài ba cuốn Luân Hoán-Một Đời Thơ cho

bà con. Hy vọng cuốn sách có dịp lang thang qua tay một vài người khác.



21 năm ở và còn tiếp tục ở Montréal, nhưng ghi lại chỉ bấy nhiêu, lại rất lộn xộn chẳng ra làm sao. Tôi đã hồi tưởng chặng đời này trong một tâm trạng nôn nao, không bình thường. Việc này gợi đầu lên việc kia, chẳng đâu vào đâu. Cuốn Tác Gia Việt Nam sửa sai chưa ổn. Cũng không rõ Đinh Cường đã bắt đầu làm bìa như đã hứa chưa. Hân đã sẵn sàng in. Còn phải trả lời vài câu phỏng vấn bằng điện thoại của anh Hoàng Khởi Phong trong vài giờ nữa. Mẫu bìa cho Quá Khứ Trước Mặt đã tạm ổn, nhưng



kích thước chưa chắc chính xác . Tôi nhảy từ việc này sang việc khác. Thỉnh thoảng dòm qua hộp thư điện toán, xem có tin ai gởi cần giải quyết ngay không. Thật mất tập trung. Không dàn bài, không bố cục, nhớ đâu gõ đó. Hồi ký lộn lộn cùng phóng sự, thống kê. Vài hình ảnh thi vị nằm bên những con số chính xác, có thể là những vụng về. Nhưng thể hiện đúng cái cố ý của tôi.

Mười một năm trước, tôi đã có cơ hội kiểm điểm, chặng đời 10 năm ở Canada bằng thơ. Chẳng nhớ đã viết gì trong bài ấy, tìm đọc lại, đại khái...*ta nhét mặt mày vào dưới gối/ nhắm nghiền hai mắt cố vì sao/ vẫn nghe thấy cả cơn địa chấn/ từ cõi lòng không một tiếng nào/...mặt môi đang luôn quanh xương thịt/ nằm im nghe ngóng bước thời gian/ vô phương chống đỡ tàn phai phủ/ từng tế bào treo trắng cờ hàng/ mười năm đủ để thay toàn bộ/ một giấc mơ thom, một cái nhìn/ ra đi đâu nghĩ câu câu thực/ sao rụng rơi dần những niềm tin/...cũng may chưa thể mòn hao nổi/ trái tim rục rờ quý yêu em....*(Cỏ Hoa Gối Đầu). Thì ra niềm bi quan của tôi đã có từ lâu. Và cũng từ lâu tôi vẫn giữ một tấm lòng với cuộc đời. Tôi soi gương mỗi ngày. Tôi nhìn thấy tôi mỗi ngày, Tôi còn là tôi mỗi ngày.

Montréal và ngày tháng bồng bềnh của tôi, nhìn lại quả rất nghèo nàn. Dù tôi có kể thêm những lần đi thăm những cảnh đẹp của thành phố, những lần tham dự bầu cử, trung cầu ý kiến *Oui, Non*...hay bê hết tên và không khí hàng chục thư viện, hí viện, công viên vào đây, cái lòng lèo của một đoạn đời vẫn như có thật.

21 năm, đúng là “lớ ngớ không qua khỏi cái giường”. Tôi thấy rõ mình thất bại hoàn toàn. Không hướng dẫn nổi những đứa con thành đạt. Rất may không đứa nào trở nên người xấu. Có nhà ở, có tiền tiêu, có xe chạy, bình thường như cha mẹ chúng thật đáng nản. Riêng cá nhân tôi chẳng hơn gì. Xoay qua trở lại vẫn chỉ là những bài thơ, phải thật tình nói là vớ vẩn.

Ngày của một đời sắp hết. Không ham gia hạn nhưng lại ngại cái nóng của lò thiêu, cái lạnh của lòng đất. Quen ngủ với vợ cả đời, có ngày phải nằm một mình làm sao khỏi lo, khỏi sợ, khỏi buồn.



Montréal, 21 năm và còn bao lâu ? Một trăm năm chẳng? Dầu được vậy, tôi vẫn là một người Canada trên giấy tờ. Nhưng là một nhà thơ viết về Canada, Montréal rất chân tình. Lá phong, con hải âu, con sóc, giọt tuyết...chẳng để gì dành phần của tôi đâu. Chắc chắn tôi không hụt cảm những đô la trợ cấp tuổi vàng. Nhưng cũng chắc chắn tôi không là một “ông già run run”. Chẳng cần trúng cử làm ông thượng đế. Tôi tin mình mãi mãi trẻ măng. Và cơ hội tường trình tiếp vào năm 2016 rất lớn. Chờ đọc bạn nhé. Cảm ơn. Chào cờ hạ màn thôi:

*O Canada ! Our home and native land !  
True patriot love in all thy sons command  
With glowing hearts we see thee rise,  
The true North strong and free !  
from far and wide, O Canada,  
We stand on guard for thee,  
God keep our land glorious and free !  
O Canada, We stand on guard for thee.  
O Canada, We stand on guard for thee.*

*O Canada ! Terre de nos aïeux  
Ton front est ceint de fleurons glorieux !  
Car ton bras saint porter l'épée,  
Il sait porter la croix !  
Ton histoire est une épopée  
Des plus brillants exploits  
Et ta valeur, de foi trempée,  
Protégera nos foyers et nos droits,  
Protégera nos foyers et nos droits.*

(Quốc ca Canada)

## Mục Lục

Trình làng cái tôi .....	9
Hội An, nơi chôn cuống rún thơ.....	11
Tiên Phước, một nhánh ấu thơ tôi.....	29
Liêm Lạc, làng quê nội.....	67
Một thời qua chợ Miêu Bông.....	93
Chạm chân vào đất Tourane.....	105
Chợt nhớ về La Qua, quê ngoại.....	125
Những ngày đầu quân và thời ở KBC 4100.....	135
Thị xã Quảng Ngãi và tôi 67-69.....	163
Xuân Phổ, cuộc hành quân đầu đời binh nghiệp.....	179
Những cuộc chạm súng tiêu biểu cùng những giọt máu tôi.....	197
Bè bạn, bà con, Sài Gòn và tôi.....	227
Đà Nẵng, một chuyến về có thực.....	261
Montréal Canada, 21 năm và còn tiếp.....	301
mục lục.....	352



*liên lạc mua sách qua:*

**Trần Thị Lý**  
11351 Armand Lavergne  
Montreal Nord PQ  
H1H 5W3  
Canada  
**lebao\_hoang@yahoo.com**

*hoặc:*

**nhà xuất bản NHÂN ẢNH**



**Lê Hân**  
3359 Scotch Pine Gate  
Mississauga Ont. L5M9  
Canada  
**han.le3359@gmail.com**  
**luanhoan@videotron.ca    luanhoan@hotmail.com**

**Đã xuất bản :**

Tác Giả Việt Nam (tái bản lần thứ 1): .....30 Mỹ kim  
Quá Khứ Trước Mặt..... 15 Mỹ kim

**Sẽ in :**

Dựa Hơi Bè Bạn ..... hồi ký rời  
Phiếm 1 của Song Thao.....(tái bản)